VIÊN GIÁC

SỐ NR 192

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỴ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

PL. 2.556 NĂM THỨ 34 - THÁNG 12 NĂM 2012 JAHRGANG 34. DEZEMBER 2012 - AUSGABE IN VIETNAMESISCH

Xuân Quý Tỵ

Chúc Mừng Năm Mới
Thành Tâm Kính Chúc
Chư Tôn Hòa Thượng,
Chư Thượng Tọa,
Đại Đức Tăng Ni,
Quý Đạo Hữu Phật Tử
Và Độc Giả Báo Viên Giác
Khắp Nơi trên Thế Giới
Một Năm Quý Tỵ
Được Kiết Tường Như Ý
- Chùa Viên Giác
- Báo Viên Giác

Chiến tranh, hận thù, sự tàn phá... Đây là chủ đề của mọi thời đại, mọi chủ nghĩa và mọi thứ tranh chấp về quyền hành. Kể từ trong quá khứ, khi có con người trên mặt đất nầy là đã có chiến tranh với nhau rồi; ngay cả những con vật, vì sự sống còn, chúng cũng tự thôn tính với nhau, để bảo tồn sự sống của chúng. Còn con người chiến tranh để làm gì? Dĩ nhiên là vì sự chấp thủ của chủ nghĩa, của vương quyền, của sự dã tâm... người lãnh đạo của một đất nước, một thế giới đã say men chủ nghĩa nên đã chủ trương chiến tranh, để mong phần thắng về phe mình.

Khi có chiến tranh không thể không tránh việc hận thù, chết chóc, chém giết với nhau. Những điều này khiến cho gia đình ly tán, huynh đệ nghi ngờ nhau, vợ chồng xa cách nhau v.v... tất cả cũng chỉ vì lòng tham muốn của con người, chỉ mong thành công như mình chủ trương. Thế nhưng kết quả dù thắng hay bại, chiến tranh cũng chỉ mang đến cho con người toàn sự đổ vỡ, khó đem binh khí mà hàn gắn lại những đổ vỡ tinh thần của con người được.

Kết quả của chiến tranh, sau khi quả bom nguyên tử của Hoa Kỳ thả tại Hiroshima và Nagasaki, Nhật Bản vào ngày 6 và 8 tháng 9 năm 1945; để ngày 15 tháng 9 năm 1945 Nhật Hoàng Hirohito phải đầu hàng và kết quả chỉ là sự tàn phá cả lương tâm con người và cho đến cỏ cây, nhà cửa. Mặc dầu sau hơn 60 năm người Nhật đã xây dựng lại quê hương của họ quá tuyệt vời; nhưng mỗi năm vào ngày 8 tháng 9 vết thương lòng của người dân Nhật, nhất là những người đang sinh sống tại Hiroshima, làm sao quên được kết quả đau thương kia, dầu cho thời gian, năm tháng có trôi đi trong vô tình và dần vào quên lãng.

Chiến tranh Nam Bắc Việt Nam từ năm 1954 đến 1975 cũng vậy. Bây giờ khi nhắc đến hậu quả của chiến tranh nầy, ai trong chúng ta cũng ngán ngẩm. Hậu quả của chiến tranh là sự tàn phá và đổ nát, nghi kỵ lẫn nhau; ngày nay gần 3 triệu người Việt Nam sống ở ngoại quốc nầy hơn phân nửa, có liên hệ đến quá khứ. Suốt gần 40 năm qua xây dựng cũng có; nhưng đạp đổ lại quá nhiều. Chửi bới, xuyên tạc, đổ lỗi cho nhau trong khi đó quê hương Việt Nam để cho người vô học đang giày xéo và bán mất giang sơn nầy, chỉ vì quyền lợi và chủ nghĩa mà thôi. Hy vọng với trào lưu mới đối với những thế hệ sinh sau chiến tranh tại ngoại quốc, họ là những người có học và là những người có trách nhiệm với lời nói lẫn hành động của mình, họ sẽ xây dựng quê hương Việt Nam với một cái nhìn mới mẻ khác.

Trong khi đó Phật Giáo luôn chủ trương từ bi, lợi tha và tha thứ. Do vậy Phật Giáo đã không có kẻ thù. Nếu có, chỉ là những đối tượng của tham, sân, si mà thôi. Lòng từ bi không phải là sự chịu đựng, mà là một ý thức trách nhiệm của tình thương thật cao cả, không phân biệt kẻ thân người sơ ngay cả như kẻ thù địch với mình, mình có thể phát ra lòng từ bi để giúp đỡ họ trong mọi hoàn cảnh; không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, chánh kiến v.v...

Đã lấy lòng từ bi để giúp đỡ chúng sanh thì sự thù hận không có cơ hội để được tồn tại. Vì thế cho nên Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 hay nói rằng: ”Nếu trong tâm anh lòng từ bi hoàn toàn ngự trị, thì sự thù hận không có cơ hội để tồn tại’’. Quả đúng như vậy! Khi ánh sáng đến, và ánh sáng ngự trị thì bóng tối không có quyền hiện hữu nữa.

Sự tha thứ là một hành động đáng ca ngợi . Vì không ai trong chúng ta là Thánh; nên sự sai trái, phạm lỗi cũng là chuyện bình thường. Do vậy chúng ta phải có tâm Bi để thương xót và tha

thứ cho tất cả mọi loài và mọi người. Đấy chính là sự vị tha của những vị Bồ Tát đi vào đời để cứu khổ độ mê. Nếu không có tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả trong Tứ Vô Lượng Tâm thì sự thực hành niềm tin của Tôn Giáo ấy suy ra không còn giá trị thực tiễn nữa.

Mọi vật trên thế gian nầy luôn biến đổi; ngay cả như hạnh phúc hay khổ đau; giàu nghèo, sang hèn; giận hờn, vui sướng, ghét gỏng, thân thiện v.v... tất cả đều chỉ là hiện tượng trong cuộc đời. Vì sao vậy? Vì chúng không có thực tướng. Thực tướng của mọi hiện tượng trên, chỉ là cái không to tướng. Thế mà ta mãi cố len lỏi, chen chúc vào để giành cho được phần thắng vào mình. Khi được hỏi để làm gì? Thì chẳng ai trả lời thông suốt cả.

Ngay cả tình yêu nó cũng không thật. Theo đó sự thương, ghét, thù hận... cũng chẳng có cái nào có cái tướng nhất định của nó cả. Thế mà ta bám víu và trụ vào đó để làm gì? Cái gì nó đến, hãy để cho nó đến; cái nào nó đi, hãy để cho nó đi. Không tham tiếc, không hối hận, không yêu thương quá mức. Vì tất cả chỉ là không. Vạn vật vốn đã không, thì chẳng nên bám víu vào đó làm gì. Có như thế tâm ta mới bớt khổ, thêm vui. Cuộc đời nầy chúng ta thấy mới đáng nên sống là vậy.

Chẳng biết rồi năm nầy, năm tới và những năm tới nữa đây tai trời ách nước sẽ xảy ra như thế nào với chúng ta những người đang sống trên hành tinh nầy và các hành tinh khác đang hiện hữu trong thái dương hệ nầy và những thái dương hệ khác. Vì lẽ tất cả đều đổi thay. Khoa học đang tiến bộ vượt bực về kỹ thuật số; nhưng những kỹ thuật nầy cũng đã giết chết dần mòn từng cơ phận của con người để biến hóa con người thành bệnh nhân vô cảm với thời đại. Ai bệnh chúng ta không cần biết; chỉ biết đến có mình; nhưng cái ta ấy cũng chỉ là một cái ta yếu kém, chấp thủ mà thôi. Hãy buông bỏ hết những sự trói buộc thì may ra chúng ta mới có thể tồn tại ở một thế giới vô cầu. Nếu không là như vậy thì chúng ta vẫn luôn khổ đau, tục lụy trong khắp cả trần gian nầy.

Ông Barrack Obama đã chiến thắng thêm một nhiệm kỳ làm Tổng Thống 4 năm ở xứ Mỹ nữa. Vì có nhiều người nghèo và giai cấp trung lưu ủng hộ; nhưng người giàu thì họ đứng qua một bên. Vì quyền lợi của họ bị mất mát và xâm phạm. Nước Đức cũng sắp đến kỳ bầu cử Thủ Tướng và Quốc hội. Sẽ có kẻ thắng cuộc và người bại trận; nhưng tất cả cũng chỉ là những gì tương đối của thế gian nầy. Không có gì tuyệt đối, ngoại trừ chân lý giải thoát sanh tử.

Trung Quốc một đất nước với nhiều toan tính làm đảo lộn hoàn cầu qua vấn đề lợi nhuận, mà quên đi bản tính vốn thiện lương của con người khi mới sinh ra như Khổng Tử đã có lần dạy. Thế nhưng, thế giới đã chẳng phải chỉ có 2 con mắt, hai lỗ tai, mà có đến hơn 10 tỷ con mắt, 10 tỷ lỗ tai; nên con người đã nghe, đã thấy đã biết chủ tâm của người Trung Quốc muốn gì. Nên hàng hóa và tư tưởng của Trung Quốc đã bị thế giới tẩy chay không dùng đến.

Suốt hơn 30 năm qua độc giả báo Viên Giác tăng rồi giảm, giảm rồi tăng. Vì lẽ Internet ngày nay đã chiếm lĩnh thị trường; nên nhiều người trẻ không muốn tiếp tục nhận báo qua đường bưu điện nữa. Tuy nhiên đọc một tờ báo với đầy đủ hình hài của nó, vốn là điều mà nhiều độc giả vẫn thích đọc hơn. Do vậy Viên Giác vẫn còn tiếp tục, hiện diện với quý độc giả xa gần; nhằm mang lại một hơi ấm quê hương để sưởi ấm lòng người khi còn xa xứ. Ban Biên Tập xin cảm ơn sự đóng góp nhiệt tình về bài vở cũng như tài chánh của quý độc giả xa gần và kính mong quý vị vẫn luôn hỗ trợ như vậy. Xin vô vàn đa tạ.

• ***Ban Biên Tập Báo Viên Giác***

Thế giới quan của Phật Pháp

• **Tỳ kheo Thích Minh Chánh**

Như chúng ta đã biết, thế giới quan là một khái niệm triết học, tức là cá nhân đối với thế giới, cho đến cách nhìn rất căn bản về vũ trụ, từ năng lực tư duy của nhân loại hiện khởi, chứ không phải dừng lại ở sự nghiên cứu hay suy xét đối với một vấn đề nào đó. Như vậy, Phật giáo có cách nhìn ra sao về vấn đề trên?

Lúc còn tại thế, suốt bốn mươi chín năm thuyết giảng, khai mở hơn ba trăm pháp hội, đức Phật luôn luôn lấy hai phạm trù: phá ngã chấp[1] và phá pháp chấp[2] làm ý nghĩa trọn vẹn cho giáo pháp của mình. Ngã chấp chính là cái "ta" mang tính chủ quan, và pháp chấp chính là vũ trụ vạn hữu mang tính khách quan. Nói chung, nội dung của Phật pháp không ngoài việc giải thích rõ thực tướng của nhân sinh tức "ngã" (cái ta) và vũ trụ tức là hoàn cảnh nơi mà chúng ta nương tựa để sinh tồn. Phật pháp cho rằng nếu nhận thức được chân tướng của "ngã" và "pháp", thì chúng ta không bị tự ngã và hoàn cảnh khách quan gây bức bách. Nghĩa là chúng ta hân hoan chuyển mê khai ngộ, từ đó lìa khổ được vui và đạt đến giải thoát vĩnh cửu.

Do vậy, thực chất "pháp" được đức Phật thuyết giảng chính là nguyên tắc tự nhiên của vũ trụ, là bản hữu của vũ trụ, chứ không phải mơ hồ như một số tôn giáo khác nói "pháp là do thần linh sáng tạo ra". Đức Phật luôn huấn thị: "pháp vốn như vậy", nghĩa là vạn hữu vũ trụ xưa nay đều hiện tồn theo nguyên tắc tự nhiên và được đức Thích Ca Mâu Ni khám phá nhờ vào trí tuệ vô thượng của Ngài. Đức Phật phát hiện sự bí áo của nhân sinh và vũ trụ để rồi tự tại an nhiên giải thoát trở thành bậc Giác Ngộ. Tuy nhiên, đức Phật không hề lấy đó làm niềm hạnh phúc tuyệt đối cho chỉ riêng bản thân mình, ngược lại, Ngài vô cùng hoan hỷ đem sự bí áo ấy thuyết giảng cho chúng sanh khiến họ nương vào giáo pháp thâm diệu để học tập tu hành, đồng thời thấu triệt huyền cơ bí yếu và trở thành người giác ngộ như Ngài. Trong lịch sử nhân loại, chúng ta có thể nói rằng chưa có vị giáo chủ nào vĩ đại như thế, và điều ấy đã trở thành bản ý trong sự nghiệp thuyết pháp độ sanh của đức Phật.

Nói đến nhân sinh và vũ trụ, thực sự đây là một vấn đề hết sức nan giải khiến chúng ta khó mà nắm bắt hết được. Ví dụ vấn đề được đặt ra: Vũ trụ do đâu sanh khởi? Nó nương vào đâu để hình thành? Thời gian tồn tại của nó là bao lâu? Phạm vi hay không gian chiếm hữu của nó rộng bao nhiêu? Với muôn hình vạn trạng hết sức phức tạp của nó rốt cuộc liệu có hay không có quy luật? Hoặc nó có một chủ tể? Hơn nữa, vũ trụ nhân sinh do đâu mà có? Đến đi về đâu? Giá trị của sinh mạng nằm ở chỗ nào? Ý nghĩa của nó tồn tại ở đâu? Những vấn đề này, từ xưa đến nay, rất nhiều các nhà tư tưởng, các triết gia, các nhà khoa học đã hơn một lần tìm tòi nghiên cứu, nhưng thực chất không ai đưa ra lời giải đáp hoàn toàn thích đáng.

Vũ trụ này, theo Phật giáo, đó chính là thế giới. Duy Nam Tử nói: "bốn phương trên dưới là Vũ; xưa, nay và mai sau là Trụ". Kinh Phật nói: "quá khứ, hiện tại và tương lai là Thế; Đông, Tây, Nam, Bắc, trên, dưới là Giới". Như vậy, cả hai quan điểm này đều nói đến sự hợp xướng của thời gian và không gian vô lượng. Do đó, thế giới quan của Phật giáo cũng chính là vũ trụ quan mà chúng ta thường gọi.

Nói đến vũ trụ quan là nói đến cách nhìn của chúng ta về sự cấu thành và hủy hoại của vũ trụ, cũng tức là nói đến sự hiểu biết của nhân loại về hiện tượng giới. Từ xưa đến nay, các học giả phương Đông cũng như phương Tây đã đưa ra nhiều quan điểm lý luận cho vấn đề này dưới nhiều phạm thức như duy tâm, duy vật…, và hiện tại chỉ lược nêu ra một số luận điểm của các trường phái như sau.

1. Duy Vật Luận

Vũ trụ quan của duy vật luận khẳng định vũ trụ chỉ là hình thái tồn tại của vật chất. Nếu loại trừ vật chất, thì không có thế giới. Do vậy, trường phái này đi đến quyết định rằng con người cũng do vật chất tạo ra. Các học giả của duy vật luận nói nếu con người không có buồng tim hay võ não, thì không thể suy nghĩ. Do đó, họ cho rằng tư tưởng đều nương vào vật chất để tồn tại; con người sau khi chết, nhục thân sẽ biến mất và tinh thần theo đó cũng tiêu vong. Họ không thừa nhận có một tinh thần tồn tại trong vũ trụ. Trường phái này khẳng định bất cứ một hoạt động nào của vũ trụ, đều là hoạt động của vật chất. Các phạm trù như không gian, thời gian, trật tự v.v… cũng đều trực thuộc đặc tính của vật lý, chứ con người không thể căn cứ vào hư không để sáng tạo ra quy luật vật lý. Do đó, nguyên lý của thế giới tự nhiên không lệ thuộc vào con người để tồn tại mà nó tồn tại độc lập. Họ vẫn công nhận rằng con người có tâm linh, nhưng tâm linh đều do vật chất tạo ra. Nói chung, Duy vật luận đã chứng minh rõ mối quan hệ giữa vật chất và tinh thần qua ba luận cứ: tinh thần là thuộc tính của vật chất, tinh thần là sản phẩm của vật chất, tinh thần là một phần của vật chất. Thuyết duy vật luôn chú trọng vào yếu tố vật chất để hình thành nên thế giới hiện tượng cũng như nội tại nhằm lý giải sự xuất hiện của vũ trụ trong phạm trù duy vật biện chứng. Họ cho rằng xã hội là do con người quyết định và con người đều bắt nguồn từ vật chất, sau đó mới nảy sinh tinh thần để suy nghĩ hay định liệu. Trên cơ sở này, họ chối bỏ khởi nguyên của tinh thần và đặt tinh thần vào bậc thứ yếu. Trong khi đó, mọi hiện tượng cũng được đúc khuôn theo một hệ thức không thay đổi "vật chất có trước, tinh thần có sau". Do vậy, họ khẳng định tinh thần là sản phẩm của vật chất và đả phá những luận điểm của các tôn giáo có mặt trong thế giới này. Thế giới, theo họ, là sự đúc kết của một khối vật chất tạo nên.

---

[1] Ngã chấp: Chấp chặt vào nhận thức có thân mình tồn tại, nghĩa là chấp trước vào cái ta. Ngã chấp này cũng được gọi là 'nhân chấp". Nhân chấp nghĩa là chấp trước vào con người gây nên khổ đau trong đường sanh tử. Trong Duy Thức Thuật Ký nói: "phiền não khổ chướng có rất nhiều thứ, nguồn gốc của nó xuất phát từ sự chấp trước vào cái ta". Trong Thành Duy Thức Luận nói: "Chấp ngã có hai thứ: một là câu sanh ngã chấp. Loại này phải được đoạn trừ ở ngôi tu đạo. Hai là phân biệt ngã chấp. Loại này phải được đoạn trừ ở bậc kiến đạo. Hai loại ngã chấp này gây nên hạt giống khiến cho các loại hữu tình phân biệt mình và người khác nhau".

[2] Pháp chấp: Cố chấp với ý niệm hư vọng cho rằng ở ngoài tâm có thực pháp hữu vi và vô vi tồn tại. Người tu theo Tiểu thừa, tuy đã dứt bỏ được sự mê chấp về ngã, nhưng chưa lìa bỏ được sự mê chấp về pháp. Đến địa vị Bồ Tát, ý niệm chấp pháp từ từ được lìa bỏ. Luận Bồ Đề Tâm nói: "người theo đạo Nhị thừa, tuy đã phá vỡ được sự mê chấp về con người, nhưng còn mê chấp về pháp". Sự mê chấp này khiến chúng sanh không nhận rõ thực tướng không của các pháp nên thường bám víu một cách cố hữu khiến sanh tử luân hồi trong biển khổ sanh tử.

2. Duy Tâm Luận

Duy tâm luận còn được gọi là Quan niệm luận. Trường phái này lấy tinh thần làm nền tảng căn bản của vũ trụ, đối lập với thuyết duy vật. Do vậy họ đưa ra quan điểm rằng bất cứ một sự vật nào tồn tại trong vũ trụ đều xuất phát từ tinh thần. Tác dụng của loại tinh thần này được biểu hiện qua quan niệm của con người và ngay nơi năng lực của sự vật. Như vậy, vật chất là sản phẩm của tinh thần và chính tinh thần quyết định vật chất. Con người có quan niệm cũng như sự vật có năng lực. Con người hiểu rõ vũ trụ là nhờ vào quan niệm nắm bắt sự vật một cách thực sự. Nếu không có tinh thần, thì vũ rụ vạn hữu không thể hình thành và diệt vong ngay từ buổi đầu sơ khởi. Do tinh thần vốn mang ý nghĩa như vậy nên nguồn gốc của vũ trụ có sự phát triển hợp lý để tạo thành. Có tinh thần thì có sự vật. Chính tinh thần là nền tảng làm phát sinh mọi thứ trong vũ trụ. Một sự vật tồn tại, nếu vắng bóng tinh thần, thì sự vật ấy chết cứng ngay khi chưa thể mường tượng. Tinh thần là nguyên nhân tạo ra vật thể, đồng thời tự thân của nó có đủ lý tánh để điều phối sự vật. Tất cả vạn vật trong vũ trụ đều bắt nguồn từ tinh thần, chịu sự chi phối của tinh thần, cho nên chúng mới hình thành có trật tự và không bị hổn loạn.

3. Nhị Nguyên Luận

Quan điểm của trường phái này chủ trương vũ trụ được tạo thành từ tính chất dung hợp của hai phạm trù vật chất và tinh thần. Tâm và vật hiện hữu trong vũ trụ là hai chủng tánh tương quan tương liên không thể tách rời. Nguồn gốc của tâm và vật là thuộc tính hòa hợp, bản thân của chúng là thực thể bất biến. Trường phái này đem mối quan hệ tinh thần và vật chất chuyển biến thành mối quan hệ của thân và tâm, lấy quá trình bất đồng giữa tư tưởng và vật chất tổ chức thành nhất thể, đem thân tâm và vật chất tổng hợp làm một không thể tách rời. Thuyết nhị nguyên đem vật chất và tinh thần dung hợp ở đỉnh cao của vạn hữu. Sự chia chẻ hay phân biệt giữa tinh thần và vật chất, theo thuyết này, là một cách nhìn sai lầm không có tính thống nhất. Vạn hữu vũ trụ là sự dung hòa chặt chẽ của tinh thần và vật chất. Nếu tách rời tinh thần để tìm vật chất, thì hoàn toàn không thấy sự tồn tại của vật chất. Ngược lại, nếu tách rời vật chất để nắm bắt tinh thần, thì tuyệt đối không có tinh thần tồn tại độc lập. Thế giới này là quá trình dung hợp của cả tinh thần lẫn vật chất. Nếu vắng bóng sự hòa hợp của hai yếu tố này thì thế giới nhất định không thể hình thành và tồn tại. Như vậy, theo Nhất nguyên luận, vũ trụ vạn hữu được tạo nên nhờ vào sự kết hợp nhuần nhuyễn và có thứ tự của hai lãnh vực vật chất và tinh thần.

4. Đa Nguyên Luận

Tương phản với Nhất nguyên luận, Đa nguyên luận cho rằng yếu tố tạo nên vũ trụ không phải là một cá thể mà tổ hợp nhiều cá thể. Vì bản thể của vũ trụ vạn hữu mang nhiều yếu tố, cho nên vũ trụ mới có nhiều hiện tượng. Do đó, trong hiện tượng bất đồng này vốn đã chứa đựng nguồn gốc bất đồng, chứ không phải chỉ có một căn nguyên nào đó biến dịch ra hiện tượng.

Căn cứ vào tính chất của bản thể vũ trụ mà nói, thì vốn có sự hiện hữu của duy vật, duy tâm, nhị nguyên, đa nguyên bất đồng. Nhưng nếu dựa vào sự hình thành của bản thể vũ trụ để trình bày, thì vốn có nhiều phương pháp diễn thuyết như cơ giới luận, mục địa luận, điều hòa phái, siêu việt phái v.v… Tuy nhiên, các học thuyết trên, mỗi học thuyết đều có khuyết điểm của nó. Thực chất của bản thể vũ trụ, nếu nói theo duy vật, thì sự sáng tạo của sinh mạng, tác dụng của tinh thần, chuyển biến của năng lực đơn thuần không thể chấp nhận được. Nếu căn cứ vào duy tâm mà nói, thì sự tồn tại của vật chất cũng là sự thực, và tinh thần không thể sáng tạo ra vật chất. Theo thuyết nhị nguyên, tâm và vật đều có đặc tính không tương quan của nó, nhưng tinh thần không thể tách rời nhục thể để tồn tại và hoạt động độc lập. Đa nguyên luận cho rằng có nhiều yếu tố tạo thành vũ trụ chứ không phải chỉ một yếu tố, và các yếu tố này có tính mâu thuẫn thống nhất với căn nguyên của vũ trụ. Ngay cả sự lý giải về diễn biến hình thành vũ trụ của cơ giới luận, mục địa luận, điều hòa phái, siêu việt phái, mỗi thuyết cũng có sở trường và sở đoản của nó, nhưng không thể giải đáp được tính viên mãn của vũ trụ mà chúng ta đề cập đến.

Có một số tôn giáo cho rằng chính thần linh sáng tạo ra thế giới, sáng tạo ra nam nữ, sáng tạo ra vạn vật v.v… Tuy nhiên, cách lý giải này mang tính thần thoại chứ thực tế không thể biểu hiện được chân lý của nhơn sanh vũ trụ.

Vậy, Phật giáo có cách gì giải thích triệt để về chân lý của nhơn sanh vũ trụ? Trước hết, chúng ta nên căn cứ vào quan điểm "ngũ ấm thế gian' mà trong kinh Phật thường nói đến để giải thích.

1. Ngũ ấm[3] thế gian

Nói đến vũ trụ hay thế giới là nói đến sự tổng hợp của tất cả hiện tượng sanh diệt biến dị qua không gian và thời gian. Theo Phật giáo, các hiện tượng sanh diệt biến dị này đều chịu sự chi phối của nhân duyên, nghĩa là các pháp đều do nhân duyên sanh ra và cũng theo nhân duyên mà hoại diệt. Nhưng nguồn gốc nhân duyên sanh diệt của vũ trụ vạn hữu được bắt nguồn từ "thức" và "danh sắc". Nói chung do chủ thể nhận thức (thức) và đối tượng nhận thức (vạn pháp) tương quan tương duyên với nhau trong phạm vi đối đãi để hình thành nên thế giới. Bởi vậy, trong kinh phật thường nói: "thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức". Vậy, danh sắc

---

[3] Ngũ ấm: Tiếng phạn là Skadas, Trung Hoa dịch là ngũ ấm hay ngã uẩn. Ngũ ấm có hai nghĩa: ấm phú tức là che lấp, và ấm tích tức là tích tụ. Ngũ ấm này chính là năm yếu tố cần thiết tạo nên thế giới vũ trụ. Năm yếu tố ấy là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc: chỉ chung cho mọi thứ vật chất hữu hình tồn tại trong thế giới này. Thọ: chỉ cho tác dụng cảm thọ sự vật của tâm đối với trần cảnh. Tưởng: chỉ cho tác dụng tưởng tượng sự vật của tâm đối với trần cảnh. Hành: chỉ cho tác dụng về mọi hành động thiện, ác như tham sân v.v… đối với trần cảnh hay hoàn cảnh khách quan. Thức: bản thể hiểu biết phân biệt sự vật của tâm đối với trần cảnh. Nếu căn cứ vào một hữu tình mà suy xét, thì "sắc" tức là thân, còn bốn uẩn khác tức là tâm. Trong tâm, ba uẩn: thọ, tưởng, hành có một tác dụng đặc biệt được gọi là "tâm sở hữu pháp", tức pháp sở hữu của tâm vương. Còn thức là tự tánh của tâm nên được gọi là tâm vương. Như vậy, năm uẩn tức là hai pháp: thân và tâm, như các loài hữu tình có thân ở cõi Sắc và cõi Dục đều do năm uẩn tạo thành; các loài hữu tình không có thân ở cảnh giới Vô Sắc đều do bốn uẩn kia (thọ, tưởng, hành, thức) tạo thành. Trong kinh Tăng Nhất A Hàm, quyển 27, nói: "sắc như bọt nước tụ lại, thọ như bong bóng nổi phập phồng, tưởng như hơi nước bốc lên, hành như cây chuối, thức như huyễn pháp". Trong kinh Ngũ Uẩn Thí Dụ, do An Thế Cao dịch vào đời Hậu Hán, nói: "Sắc như đóng bọt do gió thổi nước mà thành, nên thể tướng của nó không có thật. Thọ như bọt nước có rồi mất ngay, thông thường niềm vui và nỗi khổ của chúng sanh cũng như vậy. Tưởng như ánh nắng nơi cánh đồng xa do phản chiếu ánh mặt trời mà trông như là mặt nước làm cho người khát thèm uống hoặc những hình ảnh mà chúng sanh nhớ lại. Tất cả những cái đó chỉ là hư ảo. Hành như cây chuối trong ốp không thật, mọi hành vi tạo tác của chúng sanh cũng như vậy. Thức như trò huyễn thuật giả tạo tạo ra người và vật không có thực thể. Tùy theo cảnh mà thức tâm chúng sanh nảy sinh mọi sự phân biệt các pháp, đó là trò dối không thật".

này là gì? Xin trả lời rằng "danh sắc" chính là năm uẩn. Đức Phật dạy vũ trụ vạn hữa đều do năm uẩn với nhân duyên hòa hợp tạo thành. Năm uẩn này chính là: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Trong năm uẩn này, sắc uẩn được gọi là "sắc"; còn thọ, tưởng, hành, thức được gọi là "danh", cho nên mới có tên gọi chung là "danh sắc".

Trong Đại Thừa Ngũ Luận nói: "sao gọi là uẩn, nghĩa là bốn đại và sự tạo tác của bốn đại". Trong Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma Tạp Tập Luận nói: "hỏi: sắc uẩn là tướng? đáp: biến ra hiện tượng là tướng. Có hai dạng: (1) xúc đối với biến hoại; (2) tướng hiện thấy…". Như vậy, theo cách lý giải này, nếu nói theo ngôn ngữ hiện đại, thì "sắc" tương đương với thể tích, nghĩa là một vật nào đó chiếm hữu không gian rồi biến hoại mà trong khoa học gọi đó là "vật chất". Tuy nhên, hai chữ "vật chất" đôi lúc hoàn toàn không tương đồng với "sắc" vì nó không bao hàm toàn bộ ý nghĩa của sắc uẩn.

Sắc uẩn trong bốn đại là chỉ cho đất, nước, gió, lửa thuộc tính của vật chất. Bốn đại này cũng chỉ cho bốn tính chất cứng, ướt, nóng và động. Sắc uẩn do bốn tính chất này tạo nên với sự vật muôn hình vạn trạng. Và trong đó được phân ra hai lãnh vực cơ bản: (1) sự vật có hình tướng tức chỉ cho "xúc đối với biến hoại", nghĩa là thế giới tự nhiên như sông núi, cỏ cây, mắt tai mũi lưỡi của con người, hay các vật dụng mà con người tạo nên. Tất cả những vật này, tay của chúng ta có thể sờ mó và biết chúng tồn tại, mắt thấy được hình thể của chúng, nhưng vì sức con người hoặc các nhân tố khác tác động đến khiến chúng biến hình hoặc hoại diệt. Như vậy, quá trình này được đúc kết trong một thành ngữ "xúc đối với biến hoại". (2) Nếu có dấu vết, chúng ta có thể tìm thấy, được gọi là "tướng hiện thấy" như trên đã đề cập đến. Ví dụ mọi khía cạnh như vuông, tròn, dài, ngắn; hoặc các màu sắc như trắng, đen, hồng, tím v.v… và nhiều khái niệm trừu tượng khác. Các lãnh vực này khi tiếp xúc, chúng ta sẽ có ấn tượng về tên gọi của chúng.

Thọ uẩn là sự lãnh thọ hay nhận lấy, nghĩa là đem tâm thọ nhận mọi hiện tượng xảy ra xung quanh mình. Điều này chỉ cho hữu tình chúng sanh với tác dụng của tình thức cảm nhận lấy mọi thứ trong vũ trụ vạn hữu. Ví dụ khi tâm mình cảm nhận những gì thích hợp thì sanh khởi trạng thái vui thích (lạc thọ), ngược lại thì sanh khởi trạng thái buồn khổ (khổ thọ). Theo tâm lý học, tình huống này được gọi là cảm tình.

Tưởng uẩn là sự nắm bắt tướng trạng, nghĩa là khi nhận thức về cảnh giới, chúng ta đem tâm nhiếp thủ mọi thứ để tạo thành khái niệm. Theo tâm lý học, tình huống này được gọi là ý thức.

Hành uẩn là sự tạo tác, nghĩa là đối cảnh sanh tâm hoặc suy xét và quyết đoán khi tiếp xúc hiện tượng giới. Sau đó, chúng ta phát khởi các hoạt động qua ngôn ngữ và hành vi. Theo tâm lý học, tình huống này được gọi là ý chí.

Thức uẩn là sự phân biệt, nghĩa là khi mắt nhìn thấy sắc lại phân biệt trắng, đen, hồng, tím; tai nghe thấy tiếng lại phân biệt tốt, xấu; mũi người thấy mùi lại phân biệt thối, thơm; lưỡi nếm mùi vị lại phân biệt dở, ngon; thân tiếp xúc hiện tượng lại khởi phân biệt lạnh, nóng. Theo tâm lý học, tình huống này được gọi là nhận thức.

Như vậy, chính năm uẩn trên đã tạo thành vũ trụ vạn hữu theo quan điểm của Phật giáo. Nghĩa là con người và tất cả các chúng sanh có tình thức nương gá vào sơn hà đại địa để sinh tồn. Cũng theo Phật giáo, vũ trụ và con người đều thống nhất được gọi là thế gian; còn con

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

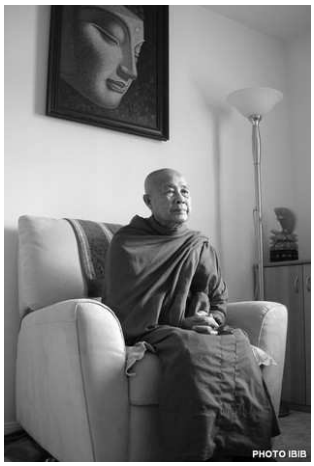

Chúng con vừa hay tin:

Trưởng Lão Hòa Thượng

Thích Hộ Giác

Tăng Thống Giáo Hội
Phật Giáo Nguyên Thủy Việt Nam
Phó Tăng Thống Giáo Hội
Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

vừa thâu thần thị tịch vào lúc 6 giờ 19 phút ngày 5 tháng 12 năm 2012, nhằm ngày 22 tháng 10 năm Nhâm Thìn tại chùa Pháp Luân Houston, Texas - Hoa Kỳ.
Thế thọ 85 tuổi và 65 Pháp lạp.

Chúng con toàn thể Tăng Ni, Tín Đồ Phật Giáo Việt Nam tại Đức Quốc thành kính ngưỡng vọng về Giác Linh của Ngài và xin cầu nguyện cho Ngài được:

Hồi Nhập Ta Bà, Tùy Duyên Hóa Độ

Và đồng thời chúng tôi cũng xin chia xẻ sự mất mát to lớn nầy đến với Thượng Tọa Thích Giác Đẳng, Trụ Trì chùa Pháp Luân và Môn Đồ Pháp Quyến của Ngài.

Nam Mô tiếp dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

- Hòa Thượng Thích Như Điển cùng chư Tăng Ni thuộc các Tự Viên trong nước Đức
- Hội Phật Tử Việt Nam tỵ nạn tại CHLB Đức cùng 20 Chi Hội và 7 Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức
- Toàn Ban Biên Tập, Kỹ Thuật và Cộng sự viên Báo Viên Giác.

Đồng thành kính phân ưu và đảnh lễ

người và tất cả chúng sanh có tình thức thì gọi là hữu tình thế gian; chúng sanh nương vào sơn hà đại địa để sanh tồn thì gọi là khí thế gian.

Năm uẩn này cũng được gọi là "danh sắc", là nguồn gốc để tạo nên vũ trụ vạn hữu. Do đó, "thể thức nhận biết mang tính chủ quan" và "sự vật được nhận biết mang tính khách quan" đều tồn tại trong năm uẩn này. Thức uẩn chính là thể thức nhận biết mang tính chủ quan; bốn uẩn còn lại chính là sự vật được nhận biết mang tính khách quan.

Theo như đã trình bày ở trên, thì thọ, tưởng và hành vốn là hoạt động của tinh thần. Như vậy lại nảy sinh một vấn đề mà chúng ta cần giải quyết là tại sao sự vật được nhận biết mang tính khách quan hiện hữu trong đó, và hiện hữu như thế nào. Để giải đáp vấn đề này, chúng ta nên khảo cứu một đoạn đối thoại trong Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma Tạp Luận, như sau:

"Hỏi: Sao uẩn chỉ có năm loại? Đáp: Vì chỉ hiển bày năm việc của ngã. Nghĩa là hiển bày thân tướng (sắc) của ngã, sự thọ dụng (thọ) của ngã, ngôn thuyết (tưởng) của ngã, sự tác tất cả pháp và phi pháp (hành) của ngã, nương gá vào tự thể (thức) của ngã. Trong năm loại này, bốn loại trước là sự việc của ngã sở, loại thứ năm là sự việc của ngã tướng… Sao vậy? Vì hữu tình thế gian đa phần đều lệ thuộc vào thức uẩn, rồi chấp đó làm ngã; các uẩn khác chấp làm ngã sở".

Đoạn hội thoại trên muốn nói con người thường lấy mắt, tai, mũi, lưỡi làm ngã; lấy sắc, thanh, hương, vị làm sự tiếp xúc của ngã, cảm giác của ngã (thọ) làm sở hữu của ngã, ký ức của ngã (tưởng) làm sở hữu của ngã, hành động của ngã (hành) làm sở hữu của ngã. Bốn hiện tượng tâm lý và vật lý này do ngã quán sát và nhận thức cho nên đều thuộc về "ngã sở". Tuy nhiên cái ta hay ngã có khả năng quán sát mang tính chủ quan chỉ là thức thuộc trạng thái hoạt động thống nhất của tâm lý. Thức chính là cái tôi hay ngã mang tính chủ quan, còn sắc, thọ, tưởng, hành là sự vật mang tính khách quan. Do ngã của chủ quan và sự vật khách quan hỗ tương đối đãi để tạo thành thế giới vạn hữu, cho nên trong kinh, đức Phật nói: "thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức". Hơn nữa, có một điểm quan trọng cần phải chú ý ở đây là thức và danh sắc tức chủ quan và điều kiện khách quan hoàn toàn không có sự tách biệt, ngược lại, thức là thức có mặt trong danh sắc và danh sắc là danh sắc có mặt trong thức. Do đó, chủ quan là điều kiện tạo nên thế giới khách quan và khách quan cũng là điều kiện tạo nên thế giới chủ quan. Nếu loại bỏ chủ quan thì không có khách quan và ngoài thế giới khách quan, không có thế giới chủ quan tồn tại riêng biệt. Bởi vậy, trong kinh Phật nói, như trên đã trình bày: "thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức; cái này sanh thì cái kia sanh, cái này diệt thì cái kia diệt". Mối quan hệ của thức và danh sắc hay chủ quan và khách quan là mối quan hệ bền vững không thể tách rời. Nếu chúng ta đem khái niệm phân biệt để chia chẻ hai phạm trù này, thì vô hình dung chúng ta giết chết sự tồn tại của chính mình và thế giới hiện tượng.

Các pháp do nhân duyên [4] ***sanh.***

Khi còn tại thế, đức Phật thường ở tịnh xá Trúc Lâm, tọa lạc trong thành Vương Xá để thuyết pháp giảng kinh. Lúc ấy, có hai vị Sa môn tu theo ngoại đạo là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên. Hai vị này đều có trí tuệ siêu quần, có đức độ cao cả nên được nhiều người kính trọng trong xã hội Ấn Độ đương thời. Một ngày nọ, Xá Lợi Phất [5] đã gặp được tỳ kheo Mã Thắng [6], một trong các đệ tử của đức Phật. Khi nhìn thấy Tỳ kheo Mã Thắng với oai nghi thù thắng, cử chỉ đĩnh đạc, trong tâm Xá Lợi Phất rất mến mộ nên liền hỏi Tỳ kheo Mã Thắng rằng: "xin hỏi sư phụ của ngài là ai, tôi có thể nói chuyện về giáo pháp với ông ấy có được không?". Mã Thắng liền đáp: "Thầy tôi là Thích Ca Thế Tôn, người có trí tuệ và thần thông không ai sánh kịp. Tuổi tôi còn nhỏ với lại tư chất thấp kém nên tuy học tập theo thầy tôi mỗi ngày, nhưng không sao hiểu hết pháp vi diệu của ngài". Xá Lợi Phất lại hỏi tiếp: "xin ngài từ bi lược nói điểm chính yếu về diệu pháp mà sư phụ ngài đã ban dạy". Tỳ kheo Mã Thắng liền nói kệ:

"Các pháp do duyên sanh
Các pháp do duyên diệt
Thầy tôi: Đại Sa Môn
Thường nói như thế đó".

(còn tiếp)

---

[4] Nhân Duyên: Một vật sinh ra, cái gì đích thân tăng cường lực sống cho nó thì gọi là nhân; cái gì thúc đẩy nó phát triển thì gọi là duyên. Ví dụ hạt giống là nhân, còn mưa móc, người nông dân v.v… là duyên. Nhân duyên đó hòa hợp thì sinh ra lúa gạo. Trong Lăng Nghiêm Kinh Sớ (Trường Thủy biên soạn) nói: "Phật giáo lấy nhân duyên làm tông, vì thánh giáo của đức Phật từ cạn đến sâu đều nói các pháp không ngoài hai chữ nhân duyên". Kinh Duy Ma nói: "La Thập nói: lực mạnh là nhân, lực yếu là duyên". Tăng Triệu nói: "trước sau tương sinh đó là nhân; hiện tương trợ thành đó là duyên. Các pháp cần phải có nhân duyên kết hợp lẫn nhau mới thành lập được". Nhân duyên còn là một trong mười hai bộ kinh, được dịch nghĩa từ thuật ngữ Nidana của tiếng Phạn như trong Đại Trí Độ Luận nói "Nidana là nhân duyên bản khởi của các pháp. Đức Phật vì nhân duyên gì mà thuyết sự việc đó? Có người hỏi nên thuyết sự việc đó. Trong Tỳ-ni, có người phạm giới đó nên kết giới đó. Mọi sự duyên khởi lên lời Phật dạy đều gọi là Nidana".

[5] Xá Lợi Phất: Tiếng Phạn là Sariputra, Trung Hoa dịch là Xá Lợi Phất. Xá Lợi Phất còn được gọi là Xá-lị-phất-đa, hay Xá-lị-tử. Còn có một cách dịch khác là Xá-lị-phất-đa-la, hoặc Xá-lị-phú-đa-la, hay Xá-lị-bồ-đát-la. Xá-lị là tên mẹ. Phất hay Phất-đa hoặc Phất-đa-la là tên gọi tắt, nghĩa là con của bà Xá-lị. Do vậy, nên gọi là Xá-lị tử. Hơn nữa cha của ngài tên là Ưu-bà-đề-xá, nên đôi lúc người ta cũng gọi tên ngài là Ưu-bà-đề-xá. Trong Kinh Pháp Hoa Huyền Tán (quyển 1) nói: "Xá-lị là chim thu, tức chim Bách thiệt, cũng gọi là Xuân cù. Phất-đát-la có nghĩa là con. Đem tài biện luận giỏi của người mẹ ví như chim thu. Xá-lị-phất là con của bà ấy, đem mẹ để làm rõ con cho nên gọi là Thu tử. Còn gọi là Ưu-bà-đề-xá, vì có tài biện luận cho nên gọi như thế". Ngài Xá Lợi Phất sinh ra ở nước Nalada. Theo sử liệu ghi chép, khi mang thai ngài, mẹ ngài trở nên thông minh tuyệt vời, biện luận đạo lý và giảng kinh hay hơn cả cha ngài và cậu ngài là những học giả nổi tiếng đương thời. Sau khi ra đời, ngài trở nên thông minh xuất chúng, biện luận đạo lý và giảng kinh Bà-la-môn hay hơn cả cha của mình. Ngài kết bạn với Mục Kiền Liên và hai người đã cùng nhau đi tìm thầy học đạo. Khi đến thành Vương Xá hỏi đạo lý với sáu vị danh sư, nhưng không lấy làm thỏa mãn, nên hai ngài bèn đến thọ giáo với San-xà-đa, một trong những đạo sĩ nổi tiếng đương thời. Tuy nhiên, trước khi qua đời, San-xà-đa đã bảo hai ngài đến gặp Thích Ca Mâu Ni để học đạo. Nhân duyên hội tụ, dọc đường đi, hai ngài gặp được Tỳ-kheo Mã Thắng. Sau một lúc trò chuyện qua lại, Mã Thắng đã đọc kệ "các pháp do duyên sanh, các pháp do duyên diệt, thầy tôi Đại Sa-môn, thường nói như thế đó". Nghe xong bài kệ này, hai ngài thoát nhiên liễu ngộ và cùng nhau quyết định đến gặp đức Phật. Sau khi xuất gia theo Phật, cả hai tinh tấn tu tập và chẳng bao lâu đã chứng đắc quả vị A-la-hán, trở thành một trong đệ tử bậc nhất của đức Phật. Kinh Tăng Nhất A Hàm (quyển 1) nói: "trí tuệ vô cùng, giải quyết mọi nghi ngờ, đó là Tỳ-kheo Xá Lợi Phất". Trong phẩm Thọ Ký của kinh Pháp Hoa, đức Phật đã thọ ký cho Xá Lợi Phất sẽ thành Phật với danh hiệu Hoa Quang an trú ở cõi nước Ly Cấu.

[6] Mã Thắng: Còn được gọi là Mã Sư, là một trong năm vị tỳ kheo theo hầu đức Phật khi ngài mới xuất gia. Ngài có phong thái đoan chánh uy nghi, như người thầy hướng dẫn đạo lý cho mọi người. Theo sử liệu, có một lần Mã Thắng cùng các vị tỳ kheo vào thành Vương Xá để khất thực, một vị trưởng giả nhìn thấy tướng mạo đoan nghiêm của Mã Thắng, ông ta liền phát tâm xây dựng ngôi tăng xá bao gồm 60 phòng để dâng cúng cho tăng đoàn. •

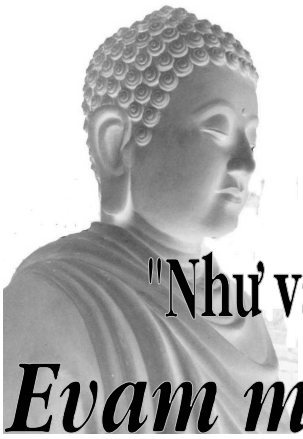

"Như vầy, tôi nghe : *Evam me sutam*"

• NguyễnPhúc Bửu Tập

Trong phần thứ nhất của bài *Kinh Đại Tạng* (NguyễnPhúc Bửu Tập: *Pháp Âm* số 98, 99, Montréal, Canada) người đọc và người viết đã tìm học và tìm hiểu kinh Phật. Bây giờ ta đi sâu vào một chi tiết nữa, tìm học hiểu câu chỉ dẫn vào kinh Phật, được ghi vào dòng đầu trong hầu hết các bổn *kinh tạng Suta Pitata*: „Như vầy tôi nghe" tiếng Việt của cụ Đoàn Trung Còn dịch từ chữ Hán „*Như thị ngã văn*"; cũng dịch từ văn hệ Pali „*Evam me sutam*", và từ văn hệ Sanskrit „*Evam maya srutam*"; Anh ngữ dịch là „*Thus I have heard*", Pháp ngữ dịch là „*Ainsi ai-je entendu*"... Ngày đem kinh Phật được dịch ra quốc ngữ của hầu hết các nước tiên tiến, đặc biệt là các quốc gia Á Đông và nhất là Đông Nam Á, sau Thế chiến II, vừa thoát ra được ách thực dân của người da trắng, đi song hành với sự kìm hãm và hiếp đáp của giáo sĩ va giáo dân Gia Tô, đang tiến hành việc tái lập chủ quyền của tổ giáo họ là đạo Phật, và đã thực hiện các bổn kinh Đại Tạng bằng quốc ngữ địa phương.

Để thực hiện mạch lạc trong phần trình bày tìm học này, trước tiên ta sẽ nhắc lại định nghĩa kinh và kinh Phật, kế tiếp ta tìm hiểu chữ „tôi" (trong *Như vầy, tôi nghe),* tức là ông *A-nan-đà*, là người đã đóng góp công đức vô lượng, đem kinh Phật đến cho người đời sau. Ta cũng sẽ tìm hiểu duyên cớ hai nghìn sáu trăm năm trước, đa số các vị A-la-hán trong *Đại Hội Kiết Tập Sangiti lần Một* đã làm đủ điều khó dễ cho ông A-nan-đà, là người gần đức Phật nhất và đã thuộc lòng từng câu kinh Phật, không cho ông vào đọc kinh. Và sau khi bắt buộc phải mời ông vào đọc kinh cho mọi người ghi nhớ, lại còn trách móc ông đủ điều về cách hành xử khiếm khuyết của ông đối với đức Phật.

Chưa đủ: hai mươi lăm thế kỷ sau niết bàn, vào thời hiện đại, vì sao một số khoa học gia đáng tin cậy, nghiên cứu lịch sử Thích Ca, cũng đã nêu lên nghi vấn là câu „Như vầy, tôi nghe" không phải chính ông A-nan-đà nói ra.

Kinh và kinh Phật – kinh là danh từ chung, trong mọi ngôn ngữ, chỉ định lời và sách của bậc thánh hiền đời trước, nói lên và ghi chép những chân lý có giá trị được tin chắc trong trường tồn. Ta vẫn ví dụ kinh Thi, kinh Thư, kinh Dịch của Trung Hoa (do Khổng Tử san định, kinh Đạo Đức của Lão Tử; kinh Cựu Ước của đạo Do Thái và đại Ki Tô, kinh Tân Ước của riêng đạo Cơ Đốc; kinh Coran của đạo Islam... Trong đạo Phật, kinh chỉ những bài thuyết pháp của Phật Thích Ca, cũng chỉ một số bài giảng của các Đại đệ tử của đức Phật đã được đức Phật ấn chứng là đúng. Ngày nay có chiều hướng thống nhất ý kiến gọi kinh Phật ghép lại chung là kinh Đại Tạng, gồm hai phần:

Phần một, kinh Nam Tông được giữ trong văn hệ Pali, còn gọi là kinh Tiểu Thừa của Phật giáo Nguyên Thủy;

Phần hai, kinh Bắc Tông, đa số viết trong văn hệ Sanskrit Phạn, được truyền tụng trong Phật giáo Đại Thừa Bắc Tông.

Hệ thống danh mục liệt kê (catalogue) kinh Bắc Tông rất cởi mở, bao gồm luôn các bài kinh viết bằng tiếng Pali, tiếng Hán, tiếng Tây Tạng được gom góp sau niết bàn.

Để giúp trí nhớ người học Phật, ta hiểu kinh Nam Tông gồm năm sưu tập lớn:

1. Bộ Trường Kinh, các bài thuyết pháp dài;
2. Bộ Trung Kinh, những bài thuyết pháp dài trung bình;
3. Bộ Tương Ứng Kinh, bài pháp sắp xếp theo đề tài;
4. Bộ Tăng Chi Kinh, bài pháp sắp xếp theo pháp số;
5. Bộ Tiểu Kinh, gồm 13 bộ Phật thuyết xưa nhất, đặc biệt có bổn Kinh Pháp Cú (Dhaminapada), thường được người thờ Phật xem như là bổn Thánh kinh.

Kinh Bắc Tông hệ thống cởi mở, gồm những bộ kinh quan trọng cho người học Phật như Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Kim Cương, kinh Đại Bát Nhã, kinh A Di Đà, kinh Duy Ma Cật...

Ông A-nan-đà và đức Phật

Nguyễn Tường Bách, Từ Điển Phật Học viết A-nan-đà, chữ Hán 阿 難 陀, có nghĩa là hoan hỉ, văn hệ Sanskrit và Pali cùng viết Ānanda, Ānanda (A-nan-đà) là anh em chú bác của đức Phật, cha của ông là em ruột của vua Tịnh Phạn Suddhodana, thân sinh đức Phật. A-nan-đà là *thị giả chính thức*, người hầu hạ, phục vụ, bảo vệ đức Phật.

Đức Phật sanh năm 563 trước Tây lịch, lập gia đình năm 16 tuổi, bỏ nhà đi tu năm 29 tuổi và thành đạo năm 35 tuổi, sau đó thành lập Tăng đoàn. Hai năm sau Ngài chứng độ cho ông A-nan-đà vào tu đoàn, lúc A-nan-đà 20 tuổi. Từ khi đức Phật thành đạo đến 20 năm sau, Ngài sống bình dị trong Tăng đoàn, không người giúp đỡ hầu hạ. Một vài tỳ kheo như Nagasamala, Upavana... thay phiên nhau giúp đỡ đức Phật, nhưng Ngài không gần gũi đặc biệt với một vị nào. Năm 55 tuổi, có lẽ khi sức khỏe bắt đầu yếu kém, Ngài tỏ ý với Tăng đoàn xin một người thị giả. Dĩ nhiên tất cả mười vị đệ tử sống quanh đức Phật, ai cũng muốn được vinh dự đó. A-nan-đà là người độc nhất không cầu xin chức vụ trên. Ông ngỏ ý là để đức Phật tự ý lựa chọn thì hay hơn, mặc dù hai ông Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên thúc hối A-nan-đà nhận việc. Cuối cùng đức Phật lựa chọn A-nan-đà. A-nan-đà chấp nhận hầu Phật với tám điều kiện. Các điều kiện trước, ông xin không hưởng thực phẩm và quần áo của tín đồ cúng dường đức Phật. Ông cũng xin không ở cùng chỗ ấm cúng và tươi mát của đức Phật. Ông xin khi đức Phật được tín đồ mời dự lễ lạc, tên ông không được ghi vào danh sách. Ông xin được quyền tiến cử khách thập phương đến xin gặp đức Phật. Và điều thứ tám quan trọng nhất, ông xin đức Phật, lúc vì công vụ ông

không được dự buổi thuyết giảng, nên ông xin đức Phật nhắc lại hoàn toàn bài kinh cho ông được thụ hưởng.

Từ ngày trở thành thị giả của đức Phật cho đến lúc Ngài nhập diệt, A-nan-đà theo đức Phật như hình với bóng, không rời đức Phật nửa bước, hầu cơm, nước uống, lấy tăm, tắm gội, rửa chân... ông đồng cảm, đồng tình, vui cái vui của đức Phật, đau cái đau của Ngài. Ông sẵn sàng hy sinh tính mệnh cho đức Phật. Khi thớt voi Naragini nổi điên xông vào đức Phật, ông bình tĩnh xông ra đứng chận, hét „ngươi giết ta đi, trước khi xâm phạm đức Phật".

A-nan-đà bẩm sinh có trí nhớ phi thường, lại có trí thông minh vượt bực. Ông thông hiểu mọi lý lẽ trong lời giảng dạy của Thích Ca và chính ông cũng đóng góp nhiều vào việc hình thành một số bài giảng của đức Phật. Nhờ vậy không những ông đã giúp đỡ được nhiều cho đức Phật trong đời sống hằng ngày mà còn đã đóng góp vô lượng vào Phật Pháp mà ta được hưởng ngày hôm nay.

Ông A-nan-đà và kinh Phật

Vào lúc sinh thời của đức Phật, văn tự chưa được thông dụng tại Ấn Độ. Có thuyết cho rằng chữ viết ngày đó đã thành hình, nhưng chắc chắn dưới hình thức rất phôi thai. Vì lẽ đó những bài thuyết giảng của đức Phật chỉ được truyền tụng qua lời nói. Thích Ca giảng ý tưởng của Ngài qua lời nói cho một số người nghe và những người này đem lặp lại cho số tín đồ không hiện diện.

Khi đức Phật vừa nhập diệt, số tín đồ nhận thấy phải gấp rút gom góp tất cả những bài thuyết giảng – trong đạo Phật, chữ kinh xuất hiện từ lúc này - để ghi nhận những lời truyền dạy và để tránh khỏi mai một. Ông *Ca Diếp Mayakasyana*, người đệ tử lớn nhất và uy tín nhất được phó thác triệu tập đại hội lần thứ nhất, về sau gọi là *Đại Hội Kiết Tập Sangiti Một* để sưu tập kinh điển. Đại hội lại quyết chỉ định những người tu hành đến cấp bậc A-la-hán (văn hệ Pali viết là arahant, Sanskrit viết arhat, dịch nghĩa qua tiếng Hán là sát tặc, người đã diệt hết được phiền não, ô nhiễm trong lòng) mới được tham dự đại hội. A-nan-đà dùng tất cả thời gian sống, phục vụ đức Phật, nên không kịp tu học để trở thành A-la-hán. Ca Diếp là bạn rất thân của A-nan-đà, tránh tiếng thiên vị, không mời A-nan-đà vào Đại Hội, chỉ sắp xếp cho ông giữ nhiệm vụ lo trà nước cho đoàn viên.

Đại Hội lập tức gặp nhiều khó khăn là không một vị A-la-hán nào nắm vững toàn bộ kinh Phật. Đại Hội phải khẩn cầu ông Ca Diếp thúc hối A-nan-đà gấp rút thông qua các giai đoạn tu học để được truyền thụ cấp bậc A-la-hán, hầu mời ông vào đọc toàn bộ kinh Phật cho Đại Hội. A-nan-đà không chấp nhất, cũng không oan hận, trái lại còn vui mừng được có dịp phục vụ đức Phật và Phật Pháp, vận dụng trí tuệ vào đọc kinh cho mọi người cùng nghe, cùng ghi nhớ. Nhờ vậy mà Đại Hội Kiết Tập Sangiti Một tại thành Xá Vệ Rajagrha thành công, công bố được Luận Kinh và Tạng Kinh, làm nền móng cho năm Đại Hội Sangiti đến sau bồi đắp.

Ngày xưa việc tu hành phải trải qua nhiều nguyên tắc truyền thống khá cứng nhắc. A-nan-đà góp công sức đọc kinh xong lại bị quí vị A-la-hán trong Kết Tập Sangiti chất vấn. Theo tài liệu truyền thống Pali, A-nan-đà bị khiển trách năm điểm:

1. Lúc đọc Luật Kinh cùng với Upali (Ưu-bà-li), A-nan-đà bỏ sót vài điểm nhỏ được Phật răn dạy tỳ kheo.

2. Lúc sống với đức Phật, A-nan-đà đã vô ý giẫm chân lên áo.

3. A-nan-đà cho phép nữ tu khóc lóc nhỏ lệ trên nhục thân đức Phật.

4. A-na-đà không biết xin đức Phật sống thêm vài năm nữa để dẫn dắt Tăng đoàn.

5. Chính vì A-nan-đà mà đức Phật cho thành lập Ni đoàn.

Trong Luật Kinh Vinaga Tây Tạng, thấy ghi thêm hai điều chất vấn A-nan-đà:

6. Trước lúc nhập diệt, đức Phật xin A-nan-đà chén nước uống, nhưng A-nan-đà từ chối.

7. Sau khi đức Phật nhập diệt, không những A-nan-đà cho các nữ tỳ kheo vào chiêm bái, mà còn để lộ nhục thân của Ngài.

Học giả phương Tây và vấn nạn „mới" của A-nan-đà

Qua thời gian, „Evam me sutam" đã trở thành một cách diễn đạt, xưng tụng (stereotype), trở nên cố định, và được tiêu chuẩn hóa dưới một dạng quy ước được chấp nhận trong văn hóa nói chung và đặc biệt trong kinh nhà Phật. Người đọc kinh Phật, qua câu mở đầu, lời của A-nan-đà, sẽ được nghe ông nhắc tới địa điểm nơi Phật thuyết kinh, và tiếp theo là một tràng quá dài các nhân vật hiện diện tại địa điểm đang lắng tai nghe Phật giảng. Đoạn này làm cho bài kinh quá dài, thiếu cá tính, làm thành một mẫu sẵn, rập khuôn, lắm khi buộc người đọc kinh phải lướt qua tìm giai đoạn sau là mấu chốt của bài giảng.

Hai nghìn năm sau Đại Hội Kiết Tập lần Một, học giả người phương Tây tìm học kinh Phật lại gây ra một vấn nạn mới –nói theo ngôn ngữ nhà Phật- cho ông A-nan-đà. Một học giả đầy tin cậy nêu lên một điều nghi ngờ không thiếu căn bản, cho câu nói „Evam me sutam" của ông đại đệ tử Phật. Đó là quan điểm của học giả người Pháp *Jean Filliozat*. Ông xác quyết là A-nan-đà không nói câu „như vầy tôi nghe".

J. Filliozat là một y sĩ học giả, được thế giới văn học xem là chuyên viên lỗi lạc, cao siêu trong lãnh vực khảo cứu Đông phương, đặc biệt chuyên tâm về Ấn Độ và đạo Phật. Ông sinh năm 1906 –đa số người Việt Nam sống dưới thời nô lệ Pháp trước Thế chiến II được vinh hạnh xem ông là đương thời. Ông mất năm 1982, để lại 20 tác phẩm khảo cứu và 300 bài tiểu luận về Đông phương và đạo Thích Ca.

Từ năm 1947 đến 1953 ông cộng tác với nhà Ấn Độ học Louis Renou (1896-1966) ấn hành hai tập sách quan trọng „*L'Inde Classique: Manuel pour les Etudes Indiennes*" (Nước Ấn Độ cổ điển: Phương pháp nghiên cứu Ấn Độ học). Năm 1961 ông xuất bản sách „*L'Inde: Nation et Traditions*" (Nước Ấn Độ: Quốc gia và Truyền thống), trong đó ông kêu gọi người phương Tây phải điều chỉnh lại cách nhìn người phương Đông, cho đến bây giờ vẫn nhận định hàm hồ triết lý và tôn giáo của Ấn Độ và Trung Hoa. Năm 1974 ông khảo sát lại các bài viết từ trước, xuất bản cuốn „*Choix d'Articles d'Indologie*" (Sưu tập chọn lọc các bài khảo cứu về Ấn Độ học, Leyde, Hollande, 1974), trong đó có bài nhận định về A-nan-đà.

(Xem tiếp trang 148)

Các khái niệm chủ yếu trong Phật Giáo

• Fabrice Midal
(**Hoang Phong** chuyển ngữ)

Lời giới thiệu của người dịch:

Trong một quyển sách nhỏ **«Phật Giáo Nhập Môn»** *(ABC du Bouddhisme, nhà xuất bản Grancher, 2008), tác giả Fabrice Midal đã dành riêng một chương (chương 7, tr.123-137) để tóm lược thật ngắn gọn một số các khái niệm căn bản giúp chúng ta ôn lại những gì thật thiết yếu trong giáo lý nhà Phật.*

Ngoài ra người đọc cũng có thể xem:

- Chương 1: **Người Phật tử ngày nay trong thế giới Tây Phương** *đã đăng trong báo VG 191 tháng 10.2012, và*

- Chương 4: **Tìm hiểu hình ảnh Đức Phật** *cũng đã được chuyển ngữ và đưa lên các trang nhà Thư Viện Hoa Sen, Quảng Đức v.v...*

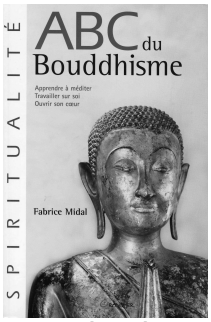

Hình bìa quyển sách «Phật Giáo nhập môn»
và tác giả Fabrice Midal

Các khái niệm trong giáo lý Phật Giáo không phải là những gì được soạn thảo một cách trí thức nhằm vào mục đích nghiên cứu, mà đúng hơn là một số phương tiện giúp chúng ta nhìn thấy chính xác hơn sự hiện hữu của chính mình. Do đó thiết nghĩ cũng nên dành ra chút thì giờ để suy nghĩ về từng khái niệm một hầu lắng nghe tiếng vang của chúng trong tim ta và để cảm thấy sự thôi thúc của chúng luôn nhắc nhở chúng ta nên cố gắng bằng cách nào để thay đổi cách nhìn của mình về những kinh nghiệm cảm nhận của chính mình.

Cõi Luân Hồi - Samsara

Chữ *samsara* của Phật Giáo đã đạt được nhiều thành quả thật bất ngờ trong thế giới Tây Phương. Nhiều xí nghiệp đã mượn chữ này để làm thương hiệu và chữ này cũng đã được dùng để đặt tên cho một loại nước hoa đắt tiền. Tóm lại là chữ *samsara (cũng xin lưu ý là người Tây Phương không dịch chữ samsara mà giữ nguyên gốc tiếng Phạn)* được hiểu như là những gì thật tích cực. Thế nhưng đúng ra thì chữ ấy lại có nghĩa là một cái vòng xoay vần bất tận của khổ đau nhằm trói buộc tất cả chúng ta. Cái bánh xe của sự hiện hữu ấy buộc chặt chúng ta vào các xu hướng của chính mình khiến chúng ta luôn phải gánh chịu những gì xảy ra ngoài sự mong muốn của mình. Chẳng hạn như chúng ta luôn bị xô đẩy vào hết cảnh huống này sang cảnh huống khác trước sự bất lực của chính mình. Theo các kinh sách xưa thì cái bánh xe của sự hiện hữu ấy được phân chia thành sáu cảnh giới, biểu trưng cho sáu loại ngục tù như sau:

*** Địa ngục:** trong cõi này thực phẩm vun bồi cho chúng sinh là sự giận dữ và hận thù. Nếu rơi vào cõi đó thì chẳng những chúng ta luôn bị chi phối bởi sự giận dữ mà bối cảnh chung quanh cũng luôn tạo ra những mối đe dọa khiến chúng ta không còn nhận biết được là mình đang giận dữ hay là đang lo sợ.

*** Thế giới của ma quỷ đói khát (*preta*):** Trong cõi này lan tràn một tình trạng đói khát vô cùng nghiệt ngã. Tất cả đều chỉ là thèm khát và bất lực: thực phẩm, của cải, tiền bạc, giao du..., tất cả những thứ ấy không thể mang lại được một sự thỏa mãn nào. Các loại ma quỷ đói khát đó *(preta)* là các chúng sinh có một cuống họng teo nhỏ như một cái kim, thế nhưng cái bụng thì lại to tướng, to đến độ không có bất cứ gì có thể làm giảm bớt đi sự thèm khát bất tận. Cũng không khác gì cách nói «con mắt to hơn cái bụng», trong cái thế giới đó chúng sinh luôn bị đày đọa bởi sự bất toại nguyện.

*** Thế giới của súc vật:** đấy là thế giới của sự u mê xô đẩy chúng ta rơi vào một cái hang thật sâu khiến chúng ta không còn trông thấy gì cả. Chúng ta cứ bước đi thế nhưng lại không biết là mình đang đi về đâu. Sự hiện hữu ấy thật căng thẳng, một mặt thì lo sợ sẽ bị nuốt sống, một mặt thì lại thèm khát muốn được ăn. Thế giới ấy ngập tràn lo âu, thiếu mọi sự nhận định sáng suốt, nói chung là một thế giới đầy đe dọa.

*** Thế giới của con người:** đấy là thế giới của sự bất toại nguyện triền miên thúc đẩy con người thèm muốn đủ mọi thứ, thế nhưng lại chẳng bao giờ tìm thấy sự hài lòng. Chúng ta lúc nào cũng khao khát muốn đạt được một cái gì khác hơn, luôn tìm cách cân nhắc và lựa chọn những gì hiển hiện ra với chúng ta, khiến chúng ta luôn vướng mắc vào các cảnh huống bất định gây ra bởi tình trạng xao lãng của mình.

*** Thế giới của các chúng sinh đại ganh ghét (*asura*):** thế giới này cũng chẳng khác gì với khu Wall Street *(khu vực sinh hoạt chứng khoán của thành phố Nữu Ước)* ! Chúng sinh trong cái thế giới đó lâm vào một cuộc chiến bất tận. Đấy là cái thế giới bị chi phối bởi sự ganh ghét, tranh giành và mọi thứ xu hướng, tất cả luôn thúc đẩy họ phải ganh đua với nhau để chứng tỏ mình là người giỏi nhất. Đấy là thế giới của sự ganh ghét triền miên, và trong cái thế giới ấy chỉ có hiệu quả là đáng kể mà thôi.

*** Thế giới của các vị trời (*deva – thiên nhân*):** thường được hiểu lầm là một thế giới ưu đãi và cao sang. Đặc tính tiêu biểu nhất của thế giới này là một thể dạng cực lạc triền miên. Thế nhưng thật ra thì cái thể dạng ấy thiếu hẳn chiều sâu. Chúng sinh trong thế giới này thật giàu có, họ luôn chuyển từ sinh hoạt này sang sinh hoạt khác, hết cách giải trí này sang cách thụ hưởng khác, chẳng khác nào như đang bị giam hãm trong một khung cảnh đầy tiện nghi thế nhưng những tiện nghi ấy lại không mang một ý nghĩa nào cả *(tác giả so sánh thật khéo léo cảnh huống của những người giàu có và sang trọng trong xã hội chúng ta, hay biết đâu tác giả cũng ám chỉ một cách thật tinh tế bản chất của thiên đường hay cõi cực lạc ?)*.

Đấy cũng là cái vòng lẩn quẩn mà nơi đó liên tục xảy ra một sự chuyển đổi từ hết thể dạng này sang thể dạng khác. Sự chuyển đổi đó có thể xảy ra giữa hai kiếp sống khác nhau, hoặc cũng có thể xảy ra qua từng khoảnh khắc một trong một kiếp sống. Sự xoay vần đó không bao giờ ngưng nghỉ. Một số thể dạng có vẻ như dễ chịu, một số khác thì lại mang tính cách khổ đau. Dù sao thì trên phương diện Đạo Pháp (*Dharma*) cũng chẳng có gì khác biệt giữa các thể dạng ấy *(tất cả đều là khổ đau, sâu xa và kín đáo hay lộ liễu thế thôi)*. Dù có sơn các song cửa sắt của một nhà tù bằng màu nào thì cũng không làm thay đổi được gì cả. Điều quan trọng hơn hết là phải thoát ra khỏi cái cảnh ngục tù ấy.

Niết bàn - Nirvana

Niết bàn là một thể dạng mà tất cả mọi khổ đau đều được loại bỏ. Thế nhưng thông thường thì kinh sách lại không đề cập nhiều đến cái thể dạng ấy – lý do là vì đấy là một thể dạng không thể diễn tả được bằng các thuật ngữ và các kinh nghiệm cảm nhận thông thường. Điều thiết yếu là phải bước theo Con Đường trước đã. Ước mơ đạt được niết bàn thật ra chỉ là cách thúc đẩy chúng ta nuôi dưỡng sự lầm lẫn bất tận của mình mà thôi. Tóm lại là không nên nhắm vào bất cứ một mục đích nào mà chỉ nên cố gắng luyện tập thiền định và học hỏi Đạo Pháp, có nghĩa là những gì đang thúc bách chúng ta tại nơi này và trong từng giây phút này. Niết bàn là một thể dạng của tâm thức khi mà nó không còn có gì để phải làm nữa. Đấy là thể dạng không sinh, không tạo tác, không còn bị trói buộc bởi bất cứ một điều kiện nào. Không hư vô. Không hiện hữu. Vượt lên trên cả sự an bình cũng như mọi hình thức xung đột.

Vô Ngã

Khái niệm về vô ngã thường gây ra thật nhiều ngộ nhận. Chúng ta thường thấy những người đã bước vào con đường *(tức các Phật Tử và các người tu hành)* trong khi hàn huyên với nhau thì hay nêu lên các câu như «cái ngã của tôi», «cái ngã của anh», «phải buông bỏ cái ngã» v.v…, thật ra thì đấy là những sự lầm lẫn rất lớn, là một cách hiểu hoàn toàn méo mó về những lời giáo huấn của Đức Phật.

Đấy chỉ là một cách củng cố thêm một cái gì đó *(cái ngã)* mà giáo lý Phật Giáo không hề chủ trương, và đồng thời cũng gián tiếp gợi lên ý niệm về một sức mạnh tội lỗi không hề có trong Phật Giáo *(nói lên cái ngã của tôi, của anh... là gián tiếp che giấu phía sau hậu ý của một sự sai lầm và tội lỗi và đó là những gì không phải là Phật Giáo. Nhận xét này của tác giả thật hết sức tinh tế)*.

«Cái ngã» của chúng ta được hình dung xuyên qua ba đặc tính khác nhau nhằm để xác định nó một cách dứt khoát. Cái ngã là vô thường, phải gánh chịu mọi thứ khổ đau và không hàm chứa bất cứ một hình thức hiện hữu nào có thể xác nhận được. Khi hiểu được cái ngã chính là như thế thì dần dần chúng ta cũng sẽ quán nhận được đấy cũng là nền móng toàn bộ giáo huấn của Đức Phật. Đấy cũng là những gì thật quan trọng mà chúng ta luôn phải giữ lấy trong tâm.

Chúng ta rất thích người khác quan tâm đến mình hoặc giúp mình tìm hiểu chính mình, lý do là chúng ta luôn bị tác động bởi một thứ gì đó tương tự như một khoảng trống không, khiến cho chúng ta luôn bị lo sợ: chúng ta không bao giờ có thể hiểu rõ được thật sự mình là gì. Chúng ta luôn cảm thấy bị lệ thuộc vào những cảnh huống đang xảy ra và những mối giao tiếp mà chúng ta đang duy trì. Đấy cũng là cách gián tiếp cho thấy sự vắng mặt của cái ngã *(sở dĩ chúng ta hiện hữu là nhờ vào các điều kiện và các cơ duyên đang xảy ra cũng như các mối giao du với người khác mang lại cho chúng ta cái cảm tính là chúng ta biệt lập với họ cũng như với cả bối cảnh chung quanh, cái cảm tính ấy tạo ra ảo giác của một cái tôi hay là «cái ngã»)*. Nếu thật sự mà chúng ta có một cái ngã thì sớm muộn chúng ta cũng bắt buộc phải nhận thấy nó. Thế nhưng vì là nó không có cho nên các nhà tâm lý học tất sẽ còn nhiều việc phải làm (*mất thì giờ trong việc nghiên cứu và tìm hiểu một «cái gì» đó không hề có)*.

Nghề nghiệp, tuổi tác, vóc dáng, chiếc xe hơi của mình, gian nhà của mình, bằng cấp, lương bổng của mình, các phẩm tính cũng như các thứ khiếm khuyết của mình..., tất cả đều không đủ để xác định mình là gì. Có một cái gì đó thật huyền bí từ nơi sâu kín của mỗi con người: đấy chính là cái vô ngã. Chẳng có bất cứ gì thuộc vào chúng ta lại có thể mang tính cách dứt khoát và bất biến.

Khi nào nhận biết được là cái ngã chỉ là một sản phẩm tưởng tượng đã từng đánh lừa được chúng ta thì khi đó chúng ta mới nhận ra một điều là tất cả chúng ta đều liên kết với người khác. Khi nào nhận thức được là các bức tường mà chúng ta luôn tìm cách xây lên cho thật cao thật ra chỉ là những chiếc bóng không mang tính cách vững chắc nào cả thì khi ấy chúng ta mới không còn tự tách rời mình với thế giới chung quanh. Đồng thời chúng ta cũng sẽ cảm nhận được cái thể dạng vô ngã ấy như là một sự hiện hữu thật tự nhiên, không cần phải xác nhận thêm gì cả. Đấy mới chính là cái bản ngã đích thật – tức là con người của chính mình khi đã lột bỏ được cái ngã.

Các câu chuyện võ thuật trong thiền phái Zen giúp tìm hiểu thật rõ ràng thế nào là vô ngã. Thí dụ như trường hợp một người chiến sĩ luôn bị bủa vây bởi cái ngã của mình thì khó lòng tìm thấy được chiến thắng, lý do là hắn quá quan tâm tìm đủ mọi cách để đạt được chiến thắng và để bảo vệ lấy chính mình. Cái ngã thật ra cũng chỉ là một sự giằng co giữa hy vọng và sự sợ hãi, đấy là hai tên cướp đã tước đoạt mất sự cảm nhận của người chiến sĩ trước bối cảnh hiện tại trong từng cảnh huống xảy ra *(một cá thể luôn bị chi phối bởi lo sợ và hy vọng khiến không còn nhìn thấy được thực tại trong từng giây phút một)*. Nếu luôn bị ám ảnh bởi niềm hy vọng là mọi sự sẽ mang lại tốt đẹp, và e sợ những gì bất lợi có thể sẽ xảy ra thì hắn sẽ không thể nào nhìn thấy được thực tại đúng với nó, và như thế hắn sẽ không sao tránh khỏi thất bại.

Các câu chuyện đại loại như trên đây cho chúng ta thấy rằng vô ngã chính thật là không gian của sự sống biểu trưng cho một thể dạng tự do, và tuyệt nhiên không phải là một sự chiếm đoạt nào cả. Đấy là cả một không gian mở rộng giúp cho con người trong mỗi chúng ta có thể phát triển một cách trọn vẹn hơn, thoát khỏi mọi thứ gông cùm do cái tôi tạo ra nhằm trói buộc chúng ta và khiến cho chúng ta luôn phải sống trong lo sợ.

Chính vì thế mà Đạo Pháp là những gì thật triệt để và hoàn toàn khác biệt với các phương pháp tiếp cận tâm linh khác. Ngoài Đạo Pháp ra thì bất cứ một phương tiện tiếp cận nào dù có giúp cho chúng ta trở nên khá hơn đi

nữa cũng không thể nào mang lại cho chúng ta một niềm hạnh phúc đích thật được. Các phương tiện đó từ căn bản không thể giải quyết được các khó khăn. Bởi vì bất cứ nơi nào vẫn còn có cái ngã thống trị thì nơi đó chúng ta cũng chỉ có thể cảm nhận được sự bất hạnh mà thôi.

Vô Thường (hay là sự chuyển động tự nhiên của các hiện tượng)

Thoạt nhìn thì khái niệm này không có gì là khó hiểu lắm, tuy thế chữ này vẫn chưa được các quyển tự điển của chúng ta *(tức của người Tây Phương)* nhắc đến. Vô thường có nghĩa là chẳng có gì trường tồn, bởi vì tất cả mọi sự vật đều phải gánh chịu sự đổi thay. Thời gian trôi qua và chẳng có gì tồn tại. Bất cứ ai cũng đều có thể biết được điều ấy và cảm nhận được sự kiện ấy. Một số học giả thường hay so sánh khái niệm này với khái niệm của triết gia Hy Lạp Heraclite, và họ đã tóm lược quan điểm của triết gia này bằng một câu như sau: «Người ta không bao giờ có thể tắm hai lần trong cùng một dòng sông». Nếu hiểu theo cung cách đó thì ý nghĩa đích thật trong tư tưởng của Heraclite cũng như của Đức Phật đều bị xuyên tạc. Tuy rằng giáo huấn của Đức Phật và của Heraclite không hề gặp nhau ở bất cứ một điểm nào cả, thế nhưng cả hai vị ấy nào có phát biểu một cách vô vị và nông cạn đến thế *(hình ảnh trên đây thật quá thô sơ và không giải thích được thế nào là vô thường theo ý nghĩa của Héraclite và theo giáo lý của Đức Phật)*.

Thuật ngữ vô thường có vẻ phản ảnh khá trung thực ý nghĩa của chữ *anitya* trong tiếng Phạn – chữ *-nitya* có nghĩa là «thường hằng» và đầu ngữ *a-* thì có nghĩa là «không» tức phủ định cái thể dạng thường hằng ấy.

Thế nhưng nếu nhìn một hiện tượng dưới khía cạnh của một sự tiếp nối liên tục giữa nguyên nhân và hậu quả *(causal concatenation)* và xem nó như là một hiện tượng vật lý thì đấy cũng sẽ là một điều sai lầm lớn: tương tự như khi nhìn tất cả các hiện tượng đều phát sinh từ nguyên nhân và điều kiện, và chúng nhất thiết sẽ phải biến mất khi các nguyên nhân và điều kiện tạo ra chúng không còn hội đủ.

Những gì mà giáo huấn của Đức Phật muốn chỉ đích danh thì thật ra không liên hệ gì đến các quy luật vật lý chi phối sự hình thành của các hiện tượng, mà đúng hơn thì đấy là niềm hy vọng điên rồ của chúng ta cứ muốn cho mọi sự vật mà chúng ta hằng bám víu sẽ trường tồn bất tận. Vô thường chính là khía cạnh tự do của thực tại *(nói một cách khác là sự vận hành tự nhiên của hiện thực)* thách thức sức mạnh bám víu của chúng ta. Giáo lý Phật Giáo liên quan đến sự kiện *không-thường-hằng* cũng là một cách chứng minh cho thấy là thế giới này không hề hàm chứa một cái ngã nào cả *(đã là vô-thường thì không hàm chứa một thứ gì bất biến để mà có thể gọi đấy là một cái ngã)*.

Sự tương liên (hay phản ảnh của hiện thực)

Chúng ta không hề là các chúng sinh biệt lập. Tất cả mọi sự vật đều gây ra tác động có ảnh hưởng đến chúng ta và ngược lại thì chúng ta cũng tác động và ảnh hưởng đến tất cả mọi thứ. Những gì mà chúng ta thực thi đều gây ra tác động ảnh hưởng đến quá trình diễn tiến của mọi sự vật.

Các lời giáo huấn trên đây của Phật Giáo chính là nhằm vào mục đích thôi thúc chúng ta nên sớm thay đổi cách nhìn của mình về thế giới này, nghĩa là phải quan tâm đến sự kiện tất cả chúng sinh đều hiện hữu bằng cách tương liên với nhau và cả với toàn thể vũ trụ, đồng thời các hiện tượng tương tác thuộc vào cả hai lãnh vực vật lý và tâm lý đó cũng liên tục tác động đến toàn thể mọi lãnh vực từ cá nhân, gia đình, xã hội cho đến địa lý.

Chúng ta cứ luôn muốn là mình hiện hữu một cách độc lập. Cái ảo giác đó tất nhiên sẽ trấn an chúng ta bởi vì nó tạo ra một thứ cảm tính nào đó về sức mạnh của chính mình, thế nhưng thật ra thì đấy lại là cái mang đến cho chúng ta mọi thứ đọa đày. Thuật ngữ «tương liên» *(interdependence - tức có nghĩa là phụ thuộc lẫn nhau)* dù có phản ảnh trung thực cách mấy đi nữa ý nghĩa của từ tiếng Phạn *pratityasamudpada* thì cũng vẫn cho thấy một cái gì đó không được suôn sẻ cho lắm. Khái niệm về sự tương liên thật ra mang tính cách khá giới hạn. Thay vì chỉ biết nhìn thấy bất cứ một vật thể nào cũng phải lệ thuộc vào các vật thể khác thì chúng ta có nên suy nghĩ sâu xa hơn như thế để quán thấy rằng tất cả mọi vật thể đều phụ thuộc lẫn nhau qua một sự tương liên xuyên-cá-thể và xuyên-hiện-hữu hay không? *(có nghĩa là quy luật tương liên chẳng những vượt xa hơn lãnh vực vận hành của sự hiện hữu mang tính cách cá thể mà còn tương tác và liên hệ đến các kiếp sống trong quá khứ cũng như tương lai, và đấy cũng là một cách giải thích về sự vận hành của nghiệp và hiện tượng tái sinh)*.

Tánh không

Tánh không là một trong các khái niệm then chốt nhất trong giáo lý Phật Giáo. Long Thụ, một nhà sư người Ấn sinh ra sau Đức Phật khoảng bảy hay tám thế kỷ, là người đầu tiên đã triển khai khái niệm này một cách toàn vẹn và mạch lạc nhất. Dựa vào các phép lý luận lôgic *(nguyên tắc hợp lý)* Long Thụ đã chứng minh cho thấy rằng những gì mà chúng ta cảm nhận được về thực tại đều sai lầm.

Phật Giáo không hề xác định là không có gì cả, mà chỉ nêu lên cho chúng ta thấy là những gì do chúng ta tạo dựng ra nhằm áp đặt cho thực tại mới là những gì không hề hiện hữu. Mọi vật thể hoàn toàn trống không về các khái niệm mà chúng ta áp đặt cho chúng. Sự trống không đó không hàm chứa một thứ gì cả, không được xác định bởi bất cứ một thứ gì cả, và nhất là không hề biểu trưng cho một sự vắng mặt nào hay một sự hiện diện nào cả.

Long Thụ từng nói như sau: «Khi đề cập đến một sự hiện hữu thì đấy là quan điểm chủ trương sự trường tồn, nếu đề cập đến một sự phi-hiện hữu thì đấy là quan điểm chủ trương sự hủy diệt *(hư vô)*. Vì thế nên các vị hiền nhân không thường trú trong sự hiện hữu cũng không thường trú trong sự phi-hiện hữu». Tánh không có nghĩa là như thế: đấy tức là cách phủ định tất cả các quan điểm, phá bỏ tất cả mọi luận đề, không chấp nhận bất cứ gì ngoài sự mở rộng đối với các hiện tượng được nhận biết một cách tự nhiên.

Lòng từ bi

Từ bi cũng là một khái niệm chủ yếu trong Phật Giáo. Đấy là một thể dạng thật thanh cao của con tim, là mối âu lo thiết tha mong cầu sao cho tất cả chúng sinh đều tránh khỏi khổ đau.

Nếu muốn nắm vững khái niệm này thì nhất thiết phải hiểu rằng đấy không phải là một thứ bổn phận cũng

không phải là một sự tự nguyện. Chúng ta không trở thành một người có lòng từ bi. Bởi vì từ bi là một động lực bộc phát từ con tim của mình trong thể dạng nguyên sinh của nó. Quả thật không có gì khổ sở hơn cho những ai mong muốn được trở thành người từ bi. Họ chỉ có thể trở thành những con người từ bi giả mạo vì mục tiêu của họ là muốn che đậy một sự hung hăng nào đó. Lòng từ bi đích thật phải là một động lực bùng lên và không thể đè nén được, tương tự như lòng thương xót của một người mẹ khi nhìn thấy con mình đang ốm đau.

Bất cứ nơi nào có sự hiện diện của lòng từ bi thì nơi ấy chúng ta sẽ không hề cảm thấy sợ hãi và hoang mang, đấy là một thể dạng vượt lên trên mọi sự tính toán nhỏ mọn của cái ngã. Thật vậy, cái ngã luôn tìm đủ mọi cách để bảo vệ vòng ảnh hưởng của nó, trong khi ấy thì lòng từ bi lại là một thể dạng hoàn toàn mở rộng và thân thiện. Lòng từ bi giúp chúng ta hiểu rằng không có một biên giới thật sự nào ngăn cách giữa chúng ta với tất cả các chúng sinh khác.

Phật Giáo triển khai nhiều phép luyện tập giúp phát huy lòng yêu thương sâu xa đối với tất cả mọi sinh linh.

Tại sao tánh không và lòng từ bi lại được xem như không thể tách rời khỏi nhau ?

Phần lớn các học phái Phật Giáo đều quan niệm rằng lòng từ bi đối với chúng sinh không thể tách rời khỏi sự hiểu biết *prajna (bát nhã)*, và đồng thời thì đấy cũng là khả năng tiên quyết nhất giúp nhìn thấy được tánh không. Do đó có thể so sánh lòng từ bi như một con cá lội trong nước và nước thì tượng trưng cho sự hiểu biết.

Người ta không thể tách rời hai thứ ấy ra khỏi nhau. Lòng từ bi phải luôn kết hợp với sự hiểu biết. Thật vậy không thể nào tách nó ra khỏi sự sáng suốt nhằm giúp chúng ta nhìn thẳng vào những gì đúng như thế. Nếu không thực hiện được điều ấy thì lòng từ bi cũng sẽ chỉ đơn thuần là một sự dại dột. Thí dụ như hành động thật vô ý thức đem cho trẻ con kẹo bánh mỗi khi chúng vòi vĩnh. Chúng ta đều hiểu rằng đấy không phải là một hành động giúp đỡ trẻ con mà chỉ là cách làm hại chúng. Lòng từ bi thiếu trí thông minh thì quả thật là thảm hại.

Tịch Thiên (Shantideva) một nhà sư sống vào thế kỷ thứ VIII, đã trước tác một tập thơ rất nổi tiếng mang tựa đề là «*Con đường của những vị Anh Hùng hướng đến Giác Ngộ» (Bồ Tát Đạo)* mà các nhà sư Tây Tạng đều phải học thuộc lòng. Tập thơ nói lên sự tương quan giữa tánh không và sự bùng dậy của một con tim biết mở rộng (*bodhicitta* - *bồ đề tâm*). Khi nào hiểu được là cái tôi không hề hàm chứa một sự hiện hữu cố định nào và cũng không thể nào xác định được nó một cách minh bạch, vì thật ra thì đấy chỉ là những gì lệ thuộc vào các điều kiện đang xảy ra với chúng ta, thì khi đó bản chất hẹp hòi của các thứ cảm tính ích kỷ xem mình là trung tâm sẽ hiển hiện ra thật rõ ràng như là một quan niệm sai lầm về thực tại.

Tịch Thiên đã viết như sau:

«Nếu nhìn thấy hai chân hai tay,
Thì ta cũng có thể hình dung ra được đấy là tứ chi của một thân xác nào đó.

Vậy khi nhìn thấy chúng sinh,

Thì tại sao ta lại không thể hình dung ra được đấy chính là những thành phần của sự sống?»

Cũng thế, nếu ta biết đưa tay để xoa chỗ đau trên bàn chân của mình khi bị vấp ngã, thì tại sao ta lại không đủ sức hành động tương tự như thế trước những khổ đau của người khác?

Tịch Thiên nhận thấy sự hẹp hòi đó là đã phát sinh từ sự bám víu mang tính cách bản năng và sai lầm của chúng ta vào ý nghĩ cho rằng chúng ta là những con người biệt lập. Vì thế chỉ khi nào quán nhận được bản chất đích thật *(của hiện thực)* là như thế, thì khi đó chúng ta mới có thể khơi động được lòng từ bi trong lòng mình *(khi nào hiểu rằng chúng ta không phải là những chúng sinh biệt lập mà hoàn toàn tương liên với các chúng sinh khác thì khi đó chúng ta mới có thể mở rộng lòng từ bi của mình một cách đích thật được)*.

Dù cho cách lý luận ấy có tỏ ra sắc bén đến mấy đi nữa thì quả cũng chưa đủ. Không cần phải giải thích dông dài, chúng ta cũng đều hiểu rằng lòng từ bi là một thứ gì thật tốt. Thế nhưng vấn đề then chốt hơn là *phải làm thế nào* để giúp cho nó được bộc lộ. Có khi nào chúng ta cảm thấy con tim mình khép lại quá kín hay chăng ?

Người Phật Tử trong thế giới Tây Phương *(thật ra thì nếu đã là một người Phật Tử thì dù ở phương nào cũng thế)* phải biết tìm hiểu xem lòng từ bi đang nấp ở cái xó nào để lấy ngón tay mà trỏ thẳng vào cái chỗ nhạy cảm ấy, tức là vào cái chỗ thật xót xa và bức xúc trong lòng mình, hầu giúp cho mình có thể phát huy được nó. Lòng từ bi chính là cái vết thương ấy, nó đang rướm máu và đang thôi thúc chúng ta trước những khổ đau của thế gian này. Nếu muốn làm giảm đi sự thôi thúc ấy thì phải hòa nhập vào tâm điểm của sự đau xót đó, và đấy cũng là cái điểm mong manh nhất của trái tim nhân loại, để mà đặt hết niềm tin của mình vào đấy.

Nghiệp – Karma

Thuật ngữ *karma* phát sinh từ chữ *kr* và chữ này thì có nghĩa là «*làm*», và chữ này cũng làm phát sinh ra chữ «*créer*» *(«create» trong tiếng Anh, tức có nghĩa là «tạo ra»)* trong ngôn ngữ của chúng ta *(tức là tiếng Pháp)*. Do đó thiết nghĩ chúng ta cũng nên quan tâm đến âm hưởng vọng lại từ các hành động của chính mình.

Quả thật khó có một khái niệm nào lại có thể đối nghịch một cách dứt khoát hơn với chủ nghĩa định mệnh *(determinism)* bằng khái niệm về nghiệp trong Phật Giáo, thế nhưng thật oái oăm là người ta lại thường hiểu sai khái niệm này và cho rằng nghiệp là một thứ định mệnh. Thí dụ như khi ốm đau thì ta cho đấy là vì nghiệp của mình mà ra, và quả thật nếu hiểu theo cách đó thì không có gì khôi hài hơn. Quả đúng là điều đó có thể giúp chúng ta liên kết nghiệp với cơn bệnh của mình và không tự xem mình như là một nạn nhân *(phải gánh chịu bệnh tật phát sinh từ các nguyên nhân bên ngoài)*, thế nhưng Đức Phật đã từng giảng rằng không phải bất cứ ai cũng có thể nhìn thấy được nghiệp (*karma*) bởi vì tiềm năng tác động của nó thật hết sức phức tạp, vượt khỏi tầm hiểu biết của con người *(sự vận hành của nghiệp rất phức tạp vì bị chi phối bởi trùng trùng điệp điệp các nguyên nhân và điều kiện, trong khi đó thì trí thông minh của con người lại quá đơn giản và thô thiển)*.

Tuy nhiên điều quan trọng không phải là ở đấy. Những gì mà chúng ta cần phải quan tâm hơn chính là cách phải hành động như thế nào để có thể tạo ra các bối cảnh thuận lợi nhằm mang lại sự an vui cho chúng sinh. Dầu sao thì cũng phải vượt xa hơn thế để tìm hiểu xem nghiệp có nghĩa là gì. Nghiệp là một tổng hợp các

hành động thực thi trong tình trạng tâm thần lầm lẫn. Có thể so sánh nghiệp như là một mạng nhện được dệt và giăng ra trong cái khoảng không gian tạo ra bởi dục vọng và sự thèm muốn, và cái mạng lưới đó sẽ lôi kéo theo với nó một sự chuyển động bất tận, một thứ phản ứng dây chuyền.

Bước theo vết chân của Đức Phật là cách làm cho sự chuyển động bất tận ấy phải chấm dứt. Đấy là cách dừng lại, không để cho các tín điều sai lầm và các thứ xúc cảm xung khắc đưa đẩy chúng ta từ cảnh huống này sang cảnh huống khác. Hãy để cho không gian *(từ bi)* và sự trong sáng *(trí tuệ)* tìm thấy nhau trong con tim của mình, sự kết hợp đó sẽ mở rộng và làm tan biến đi cái ảo giác của sự trường tồn mà chúng ta luôn tìm cách để bảo vệ nó trong từng giây phút một. Đấy là cách giúp cho các hành động đúng đắn và phù hợp với cái không gian rộng mở đó giúp cho các hành động ấy có thể tự bộc phát một cách tự nhiên. Mỗi một khoảnh khắc phải được chấm dứt một cách trọn vẹn hầu giúp cho khoảnh khắc tiếp theo sau có chỗ để hiển hiện ra. Đấy là cách hành động không tạo nghiệp vì đấy chỉ là những gì đột phát một cách tự nhiên.

Sự tái sinh (không phải là đầu thai)

Khái niệm về sự tái sinh không phải là một khái niệm đặc thù của Phật Giáo mà đấy chỉ là một học thuyết chủ trương sự «đầu thai» *(métempsychose / metempsychosis, rebirth)*. Học thuyết này phát sinh từ một chủ thuyết bí truyền *(esotericism)* thiếu hẳn sự minh bạch và chủ xướng một linh hồn có thể trú ngụ trong nhiều thân xác khác nhau. Đấy cũng chẳng khác gì với các trò chơi điện tử mà người chơi phải trải qua nhiều «kiếp sống» thì sau đó mới thắng được *(tức đội lốt một nhân vật nào đó trong cuộc chơi và phải chơi đi chơi lại nhiều lần cho «quen tay» thì mới thắng được)*. Quan điểm ấy mang tính cách tự xem mình là trung tâm và vì thế là những gì hoàn toàn trái ngược lại với giáo huấn của Đức Phật.

Hơn nữa như chúng ta đã biết, Phật giáo phủ nhận sự vĩnh cửu và đặc tính bất biến của linh hồn. Chẳng những linh hồn sẽ phải chết mà thật ra thì nó cũng đã chết khi phải chuyển đổi từ khoảnh khắc này sang khoảnh khắc khác. Chúng ta không còn giống với những lúc còn ấu thơ nữa, và sự sống thật ra sẽ còn tiếp tục biến chúng ta trở thành khác hơn với những gì mà chúng ta hiện đang có trong ngày hôm nay.

Thuật ngữ «tái sinh» có vẻ phù hợp nhất với giáo huấn của Đức Phật. Thuật ngữ này phản ảnh thật trung thực với từ *punarbhava* trong tiếng Phạn mà nghĩa từ chương là «sinh ra trở lại». Khi cái chết xảy đến thì tất nhiên sẽ phải có một cái gì đó mất đi, thế nhưng cũng không phải vì thế mà bắt buộc phải có một cái gì khác còn giữ nguyên như cũ. Cũng thế, nếu đem ngọn lửa của một ngọn đèn này để thắp cho một ngọn đèn khác thì nó có còn giữ được đúng với ngọn lửa trước kia, tức là sau khi đã được chuyển từ ngọn đèn này sang ngọn đèn khác hay không?

Một người nào đó sau khi tái sinh thì sẽ không còn giống như trước nữa thế nhưng cũng không phải là hoàn toàn khác hẳn.

Một mẩu đàm thoại rất nổi tiếng giữa nhà Vua Di-lan-đà (Milinda) và một đệ tử của Đức Phật là Na-tiên (Nâgasena) sẽ được trích dẫn dưới đây nhằm nêu lên tất cả sự khó khăn trong việc tìm hiểu về chủ thuyết này.

«Nhà vua Di-lan-đà hỏi nhà sư Na-tiên như sau:

- Thế linh hồn có hiện hữu hay không?

- Trong lãnh vực của sự thật tuyệt đối thì không! *(linh hồn chỉ là một khái niệm quy ước)*

- Này tỳ kheo Na-tiên, phải chăng là có một con người hoán chuyển từ thân xác này sang một thân xác khác hay không?

- Không.

- Thế nhưng tại sao người thứ hai lại phải gánh chịu các lỗi lầm đã có từ trước *(người tái sinh gánh chịu nghiệp do người quá cố gây ra)*.

- Nếu giả sử không có sự tái sinh thì nhất định là người ấy phải tiếp tục gánh chịu lỗi lầm từ trước. Thế nhưng vì có sự tái sinh cho nên người ấy không còn gánh chịu lỗi lầm nữa *(có nghĩa là người tái sinh – hay là người «thứ hai» – sẽ phải gánh chịu các lỗi lầm từ trước. Khái niệm này tương đối khó nắm bắt bởi vì một mặt thì sự lý luận của chúng ta luôn bị chi phối bởi sự trường tồn, tức bởi «cái tôi» hay «cái ngã», và mặt khác thì chúng ta lại xem cái chết và sự tái sinh tượng trưng cho những sự «gián đoạn», và mỗi kiếp sống thì mang tính cách «độc lập». Nếu muốn nắm vững khái niệm này thì có thể xem thêm «Na-tiên Tỳ kheo Kinh», vì trong kinh này có nhiều đoạn giải thích khá rõ ràng về sự tiếp nối và biến đổi giữa các kiếp sống của một cá thể dưới sự chi phối của nghiệp, hoặc cũng có thể xem thêm một bài viết ngắn mang tựa đề «Khái niệm về nghiệp trong Phật Giáo» của người dịch đã đăng trên các trang thuvienhoasen.org, hoặc quangduc.com..., hoặc cũng có thể sử dụng phép thiền định để quán thấy sự biến đổi của thân xác và tâm thức mình trong từng khoảnh khắc một và tiếp tục suy ra sự biến đổi ấy qua những kích thước sâu rộng hơn – ghi chú thêm của người dịch)*.

Đối với một số người thì khái niệm tái sinh như vừa được trình bày trên đây thật minh bạch và dễ hiểu. Âm hưởng của nó vang lên thật phù hợp với kinh nghiệm mà bất cứ ai cũng có thể cảm nhận được trong khi thiền định. Trong những lúc thiền định đó thì người ta sẽ nghiệm thấy được các sự gián đoạn làm phát sinh ra sự tiếp nối liên tục như thế nào. Thế nhưng sẽ là một điều sai lầm lớn nếu cho rằng khái niệm này giữ một vai trò chủ yếu trong việc xây dựng đạo đức Phật Giáo: có nghĩa là các hành động hiện tại sẽ đưa đến các cảnh huống trong kiếp sống tương lai, và vì thế mà chúng ta phải làm điều lành và tránh điều dữ. Ngày nay sau những chỉ trích thật gay gắt đối với tôn giáo của Marx, Freud và Nietzsche thì đối với tôi thật hết sức khó để mà chống đỡ cho quan điểm trên đây *(tức xem sự tái sinh như một hình thức hăm dọa để xây dựng đạo đức)*. Nếu luân lý phải cần đến một người cảnh sát để đe dọa khiến cho chúng ta phải khiếp sợ để mà áp đặt nó cho chúng ta, thì cái nền luân lý ấy tất không được chính đáng lắm.

Mặc dù có nhiều người Phật Giáo đưa ra những ý kiến khác hơn, thế nhưng riêng tôi thì vẫn tin rằng sự tái sinh quả thật không giúp ích gì cả cho việc thiết đặt đạo đức Phật Giáo. Không gian mở rộng do thiền định mang lại, biết lắng nghe con tim mở rộng và mong manh của mình cũng thừa đủ để giúp một người tu tập biết chọn cho mình một thái độ thích nghi nhất trong từng hành động của chính mình *(đối với tác giả thì đạo đức Phật Giáo có thể phát động một cách tự nhiên và dễ dàng*

trong lòng mình, thế nhưng đối với một số người tu tập thuộc vào một cấp bậc còn yếu thì sự răn đe biết đâu đôi khi cũng cần thiết. Dầu sao thì «quả báo» cũng chỉ là một cách hiểu đã được đơn giản hóa về quy luật nguyên-nhân hậu-quả khiến người tu tập e sợ phải «đầu thai» trong những hoàn cảnh tệ hại mà không dám làm điều ác trong kiếp sống này).

Vào thời kỳ Đức Phật còn tại thế thì tất cả người dân Ấn đều xem sự tái sinh như là một sự kiện hiển nhiên *(sự tái sinh không phải là một khái niệm đặc thù của Phật Giáo, hầu hết các tín ngưỡng khác vào thời bấy giờ đều chủ trương có sự tái sinh)*. Thế nhưng ngày nay thì đã khác hơn nhiều. Tuy nhiên đấy không phải là những gì hệ trọng để chúng ta phải quan tâm. Trong từng khoảnh khắc một, chúng ta có một chút gì đó để chết đi và đồng thời cũng có một chút gì khác để tái sinh trong một hoàn cảnh mới. Vậy thì có cách nào giúp chúng ta tập buông xả những gì mà chúng ta luôn tìm cách để bám víu hay không? Và làm thế nào để vượt thoát khỏi các chuẩn mực giới hạn hành động của chúng ta, hầu giúp chúng ta trở nên cởi mở hơn?

Tôi tin rằng đấy mới đích thật là những gì thiết yếu trong những lời giáo huấn của Đức Phật. Trong từng giây phút một chúng ta phải biết tự giải thoát cho mình khỏi những gì đang bóp ngạt và giam hãm mình.

Phật Giáo và cái chết

Đối với Phật Giáo thì cái chết hiện hữu thường xuyên trong mỗi chúng ta. Thế nhưng vì vô minh nên chúng ta lại cứ xem nó như là điểm kết thúc cuối cùng của đời mình và không hề ý thức được là mình đang chết trong từng giây phút một. Thể dạng mà chúng ta từng có trước đây *(trong quá khứ)* dù vẫn còn lưu lại một chút nào đó trong chúng ta hôm nay *(hiện tại)*, thì chúng ta cũng sẽ phải tiếp tục buông bỏ nó để có thể trưởng thành *(trong tương lai)*.

Tập luyện thiền định là một cách tuyệt vời nhất để chuẩn bị cho cái chết, bởi vì đấy là cách giúp chúng ta hòa nhập với thực tại trong từng giây phút một. Thiền định sẽ giúp chúng ta hiểu được rằng phải buông xả tất cả mọi thứ bám víu. Chọn con đường thiền định là cách hòa nhập với cái thể dạng vô thường của cái chết, để luôn nghĩ đến nó và để chuẩn bị cho nó.

Theo quan điểm của Phật Giáo thì mỗi khi có một người đau ốm sắp phải ra đi thì nên khuyên nhủ người ấy hãy chuẩn bị cho cái chết của chính mình.

Khi người hấp hối sắp ra đi thì tốt hơn là người thân không nên khóc lóc, bởi vì nước mắt sẽ tạo ra một bầu không khí bất thuận lợi, khiến có thể làm bùng lên những gì mà người hấp hối từng quyến luyến, thí dụ như chúng ta chẳng hạn. Thế nhưng sự vô cảm cũng có thể tạo ra cho người hấp hối một bầu không khí đầy lo âu và bất hạnh. Người sắp chết cần được cảm thấy là mình không bị bỏ rơi. Vì thế tốt hơn hết là nên nghĩ đến người sắp ra đi với tất cả lòng thương cảm của mình.

(Bures-Sur-Yvette, 10.03.12)
Hoang Phong chuyển ngữ

(Xem tiếp trang 17)

Vài ghi chú về Pho tượng Phật Giáo tạc từ một khối thiên thạch

• Hoang Phong

Gần đây một mẩu tin về một pho tượng Phật do người Đức đánh cắp của Tây Tạng từ năm 1938 vừa được các khoa học gia phát hiện đã được báo chí khắp thế giới đăng tải. Pho tượng được người Tây Tạng tạc vào thế kỷ XI từ một khối thiên thạch vô cùng hiếm hoi đã rơi xuống địa cầu cách nay khoảng 10.000 năm đến 20.000 năm.

Mẩu tin nhỏ này được đưa lên một số trang web nhằm mục đích giúp những người quan tâm về những thông tin Phật Giáo trên thế giới, thế nhưng thật hết sức bất ngờ là lại có nhiều người đặc biệt chú ý đến sự kiện khá "kỳ thú" này.

Hầu hết đều thắc mắc về các chữ *Vaisravana* và *Sambhala* tức là tên gọi của pho tượng, tại sao hai chân của pho tượng lại buông thõng mà không bắt tréo vào nhau trong tư thế ngồi thiền như thường thấy, và đồng thời ý nghĩa của chữ Vạn là gì v.v.... Do đó người viết xin mạn phép nêu thêm vài ghi chú nhỏ với hy vọng có thể giải thích những thắc mắc này. Trước hết là một vài chi tiết về chữ Vạn.

Dấu hiệu chữ Vạn

Chữ Vạn tiếng Phạn là *Swastika*, là một ký hiệu mang tính cách thần bí và tôn giáo, được tìm thấy từ 2.500 năm đến 3.000 năm trước Tây Lịch ở khắp nơi trên địa cầu, từ Đông sang Tây, từ Bắc Phi (Ai Cập) đến nam Thái Bình Dương (Úc Châu) và cả Mỹ Châu. Tóm lại đây là một trong số các dấu hiệu "tôn giáo" phổ biến và lâu đời nhất của nhân loại. Ở Á Châu thì ký hiệu này đã từng được nhiều tôn giáo sử dụng, chẳng hạn như đạo Ja-in, Ấn Giáo và Phật Giáo. Ngày nay dấu hiệu này vẫn còn thấy nhan nhản khắp nơi, nhất là ở Ấn Độ, Trung Quốc, Hàn Quốc, v.v... Các "tôn giáo mới" chẳng hạn như đạo Cao Đài, Phá Luân Công... cũng sử dụng ký hiệu này.

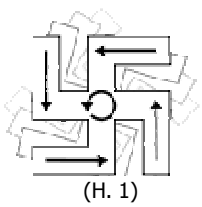

(H. 1)

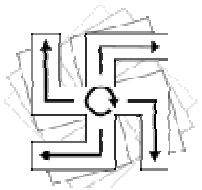

(H. 2)

Theo Ấn Giáo thì chữ Vạn có hai ý nghĩa khác nhau tùy vào hướng quay của chữ này: quay sang phải thì mang ý nghĩa một sự thăng tiến (*Pravitti*), quay sang bên trái thì sẽ biểu trưng cho một sự hủy diệt (*Nivriti*). Thế nhưng việc xác định hướng quay cũng rất dễ bị lầm lẫn, thí dụ cùng một chữ Vạn thế nhưng nếu căn cứ vào góc nhọn hay vào đầu của mỗi nhánh của chữ Vạn để định hướng thì tất sẽ có hai hướng quay trái ngược nhau (xem H. 1 và 2).

Tóm lại chữ Vạn xuất hiện khắp nơi và thuộc vào nhiều nền văn hóa và sắc tộc khác nhau, do đó ý nghĩa, cách hiểu và mục đích sử dụng của chữ này cũng rất phức tạp và đa dạng. Theo truyền thống thì chữ Vạn của Phật Giáo, nếu căn cứ vào đầu mỗi nhánh để định hướng thì sẽ quay theo hướng trái (xem hình trên ngực của pho tượng). Thiết nghĩ chỉ cần ghi nhớ quy ước này cũng đủ, ít ra là có thể nhờ đó để phân biệt chữ Vạn của Phật Giáo với chữ Vạn của Đức Quốc Xã, vì chữ Vạn của Đức Quốc Xã quay theo hướng phải.

H.1 và 2: Cùng một chữ Vạn thế nhưng có hai cách giải thích khác nhau về chiều quay tùy theo cách định hướng căn cứ vào đầu hay vào góc nhọn của mỗi nhánh. Cách giải thích theo hình số 2 là cách thường thấy nhất và hướng quay là chiều bên phải, chữ vạn trên ngực pho tượng có hướng quay bên trái.

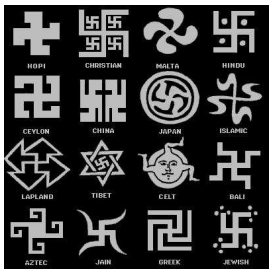

(H. 3)

H.3: Một số các kiểu chữ Vạn thuộc các truyền thống văn hóa, tín ngưỡng và địa phương khác nhau.

Các vị thần linh Vaisravana và Sambhala có đúng là các nhân vật biểu trưng bởi pho tượng hay không ?

Trước nhất có lẽ cũng nên xác định xem pho tượng có đúng là một pho tượng Phật Giáo hay không.

Có ba chi tiết chính mà trước nhất là về vầng hào quang trên đầu pho tượng. Phổ Diệu Kinh cho biết là sau khi đạt được Giác Ngộ thì trên đầu của Thái tử Tất Đạt Đa hiện ra một vầng hào quang rạng rỡ. Kinh Trung A Hàm (Majjhima Nikaya, 26) kể rằng sau khi thành Phật thì Đức Phật đi đến thành Ka-thi (Kashi, ngày nay là Vanarasi hay Ba-la-nại) để tìm lại năm vị đồng tu trước đây. Trên đường có một vị sa-môn trẻ tuổi theo đạo Ja-in đi ngược chiều với Đức Phật và bỗng để ý thấy trên đầu Ngài tỏa ra một vầng hào quang thật sáng, bèn lấy làm lạ và hỏi Ngài là môn đệ của ai và tu tập theo Giáo Lý nào... Tóm lại vầng hào quang là một biểu hiệu đặc thù của Phật Giáo và cũng đã được tạc nơi đầu của các pho tượng Phật đầu tiên phát hiện vào thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch. Sau này các tượng ảnh biểu trưng cho các nhân vật của một vài tôn giáo khác cũng thấy có các vầng hào quang như thế và đấy cũng chỉ là một sự vay mượn của Phật Giáo.

Chi tiết thứ hai là chữ Vạn khắc trên ngực của pho tượng cũng cho biết đấy là một pho tượng Phật Giáo.

Chi tiết thứ ba là pho tượng đội một cái mũ tiêu biểu cho các vị đại sư và thánh nhân Tây Tạng, chi tiết này tất nhiên cho thấy đây là một pho tượng Tây Tạng. Thế nhưng pho tượng biểu trưng cho nhân vật nào trong Phật Giáo? Có đúng đấy là vị *Vaisravana* hay *Jambhala* như trong bản tin do báo chí nêu lên hay không?

Vaisravana là tiếng Phạn, được dịch sang tiếng Hán là Đa Văn Thiên Vương, còn gọi là Bắc Phương Thiên Vương, tức là vị Hộ Pháp thứ nhất trong số Tứ Đại Thiên Vương, giữ vai trò trấn giữ phương Bắc.

(H.1)

H.1- Vaisravana Tây Tạng (Namthöse): ngồi trên lưng của một con sư tử tuyết (thế kỷ XV, bảo tàng viện Guimet, Paris)

(H.2)

H.2 - Vaisravana Trung Quốc (Đa Văn Thiên Vương / Duo Wen Tian Wang): tay phải cầm thương, tay trái cầm một bảo tháp. Các pho tượng thuộc vào loại này rất thường thấy ở các ngôi chùa Trung Quốc.

(H.3)

H.3 - Vaisrarana Nhật Bản (Damon-ten): (chùa Todai-ji, thế kỷ thứ VIII)

(H.4)

H.4 - Vaisravana Hàn Quốc (Damun Cheonwang): (chùa Pyochungsa, gần thị trấn Miryang)

Vị *Vaisravana* còn được gọi là *Jambhala* hay *Kubera* (hai chữ này đều là tiếng Phạn), tiếng Tây Tạng là *Namthöse*, tiếng Nhật là *Damon-ten*, tiếng Hàn Quốc là *Damun Choenwang*, tiếng Thái là, *Thao Kuwen*). Khái niệm về Tứ Đại Thiên Vương khá phổ biến tại các quốc gia trên đây. Người Trung Quốc tạc tượng vị *Vaisravana* dưới hình tướng của một thần linh thật oai phong, mặc áo giáp, tay phải cầm một cây thương hay đinh ba, tay trái cầm một bảo tháp nhỏ tượng trưng cho trọng trách bảo vệ Đạo Pháp của mình. Tại các nước khác vị này được biểu trưng với một vài nét thay đổi nhỏ, thế nhưng tuyệt nhiên không có một vị nào giống với pho tượng tạc bằng thiên thạch vừa được khám phá ở Đức, nói một cách khác là pho tượng này không hội đủ các tiêu chuẩn cần thiết để xác định đấy là vị *Vaisravana*.

Như vậy thì pho tượng mà người Đức đã đánh cắp của Tây Tạng vào năm 1938 biểu trưng cho nhân vật nào trong Phật Giáo? Chi tiết nổi bật nhất của pho tượng là đôi chân không tréo vào nhau trong tư thế ngồi thiền mà lại có vẻ như buông lơi: một chân gập lại và một chân buông thõng. Tiếng Phạn gọi tư thế này là *bhadrasana*, một tư thế sẵn sàng để đứng lên. Đấy là cách biểu trưng rất độc đáo cho Phật Di Lặc. Đôi khi các pho tượng Di Lặc cũng được trình bày ngồi trên ghế hay trên bục với hai chân buông thẳng, và các học giả Tây Phương thì thường gọi đấy là "cách ngồi của người Tây Phương" trên một chiếc ghế. Thật vậy, Phật Di Lặc là vị Phật tương lai luôn được tạc trong tư thế ngồi chờ với hai chân sẵn sàng đứng lên để cứu độ chúng sinh. Có rất ít các pho tượng Di Lặc được tạc trong tư thế đứng thẳng, chỉ có một vài pho tượng được tìm thấy trong vùng Gandhara (thế kỷ thứ II và III) thuộc Pakistan ngày nay, hoặc một số nhỏ các pho tượng Di Lặc Thái Lan là được tạc trong tư thế đứng thẳng. Cách tạc tượng biểu trưng cho một sự "chờ đợi" và đồng thời cũng "sẵn sàng" đứng lên này cũng là một sự sáng tạo độc đáo của nghệ thuật tạo hình Phật Giáo.

Vài hình ảnh Phật Di Lặc

(Các hình tượng Phật Di Lặc đều được tạc ngồi trên ghế hay trên bục với đôi chân buông thõng, hoặc một chân co một chân duỗi trong tư thế sẵn sàng đứng lên.

Xin lưu ý là Phật Di Lặc Trung Quốc trong các thời cận đại đã bị biến dạng và trở thành khá giống với một ông Thần Tài, xin xem hình 6 và 7. H.1- Phật Di Lặc Sarnath - Ấn Độ, thế kỷ thứ V; H.3- Phật Di Lặc Hàn Quốc; H.6- Phật Di Lặc Trung Quốc, hang Vân Cương, thế kỷ thứ V-VI; H.7- Phật Di Lặc tạc trong vách núi ở Feilai Feng, Hàng Châu)

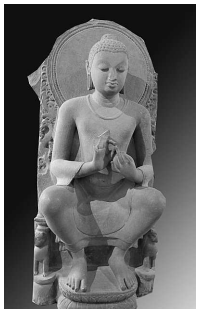
(H.1)

(H. 2)

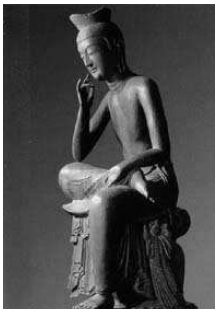
(H.3)

(H.4)

(H.5)

(H.6)

(H.7)

Tóm lại có thể kết luận rằng pho tượng bằng thiên thạch của Tây Tạng tạc vào thế kỷ XI là một pho tượng Di Lặc. Một số các chi tiết khác cũng củng cố thêm cho sự xác định này, chẳng hạn như vầng hào quang trên đầu và chữ Vạn trên ngực chỉ được sử dụng để biểu trưng cho các vị Phật và các vị Bồ Tát đắc đạo và không bao giờ được dùng để chỉ định các vị thần linh. Bàn tay phải của pho tượng được tạc để ngữa, đấy là cách biểu trưng cho sự bố thí và lòng từ bi, bàn tay trái thì cầm một cái bình đựng nước "cam lồ" dùng để cứu độ chúng sinh. Hai trọng trách này không thuộc vào bổn phận của các vị thần linh như Tứ Đại Thiên Vương chẳng hạn.

Một vài cảm nghĩ thay cho lời kết

Theo truyền thuyết thì Đức Di Lặc chỉ là một vị Bồ Tát sắp thành Phật đang ngụ ở cung trời Đâu Suất (Tusita) chờ đúng lúc để nhập thế hầu cứu độ chúng sinh. Thế nhưng đến khi nào thì Phật Di Lặc sẽ hiện xuống thế gian này? Kinh sách không thống nhất về thời điểm ấy. Một số người cho rằng Phật Di Lặc sẽ hiện xuống địa cầu khoảng 30.000 năm sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tịch diệt, một số khác thì lại nghĩ rằng phải chờ đến 3 tỷ 920 triệu năm. Con số này có thể là hơi phóng đại, bởi vì tuổi của địa cầu theo các nhà khoa học cho biết là 4,55 tỷ năm và con người ngày nay chỉ mới được hình thành khoảng hai triệu năm trở lại đây mà thôi. Vậy nhân loại có hội đủ "kiên nhẫn" để chờ đợi thêm… gần 4 tỷ năm nữa để có thể trông thấy Đức Phật Di Lặc hay không?

Tất cả đều vô thường, mọi hiện tượng luôn chuyển động, trong một tương lai gần hay xa nhân loại rồi cũng sẽ không còn nữa, địa cầu này cũng sẽ bị tàn phá, tài nguyên sẽ kiệt quệ hay biết đâu cũng có thể sẽ nổ tung trước thời hạn quá dài trên đây? Cách suy nghĩ như thế thiết nghĩ cũng không đến đỗi nào quá yếm thế mà chỉ là một cảm nghĩ đối với hiện thực của một người hiểu được lời Phật dạy là gì.

Các nhà khoa học cho rằng một khối thiên thạch vô cùng hiếm hoi đã rơi xuống địa cầu cách nay khoảng 10.000 đến 20.000 năm. Trên phương diện địa chất học thì quả thật hết sức khó để định tuổi chính xác một khối thiên thạch đã rơi xuống địa cầu vào lúc nào. Thế nhưng người ta có thể biết đích xác là khối thiên thạch ấy đã được tạc thành một pho tượng của Phật Di Lặc vào thế kỷ XI.

Đức Đạt Lai Lạt Ma rời Tây Tạng vào năm 1959 và đã nêu cao Đạo Pháp trên toàn thế giới. Pho tượng Di Lặc được tạc bằng thiên thạch, chân cao chân thấp đã từng ngồi chờ từ 1.000 năm nay ở một nơi nào đó trên đất Tây Tạng và đã không còn ngồi chờ thêm nữa mà lại vừa mới xuất hiện giữa xã hội loài người trong thế giới Tây Phương. Có phải đây là một biến cố mới đánh dấu một giai đoạn mới cho xứ Tây Tạng và mang lại một niềm hy vọng nào đó cho những người Phật Giáo nói chung hay không?

(Bures-Sur-Yvett

Các khái niệm chủ yếu trong Phật Giáo

(Tiếp theo trang 15)

Sự gia hộ của chư Phật

Nếu thu hẹp Phật Giáo để biến nó thành một con đường chỉ dựa vào sức cố gắng đơn thuần của con người thì quả thật là không có gì sai lầm hơn. Thật thế, dù cho rất nhiều học phái xem việc tu tập thiền định là quan trọng hơn hết *(tức chủ trương dựa vào sức cố gắng cá nhân của con người)*. Thế nhưng trọng tâm của việc tu tập lại là một thể dạng buông xả *(tức có nghĩa là ngược lại với sự cố gắng)*.

Sự Giác Ngộ không thể nào đạt được bằng cách chỉ nhờ vào các hành động đạo đức có tính cách cá nhân và một ý chí đơn thuần. Phải cần đến một cái gì khác nữa để bổ khuyết thêm. Chẳng hạn như một số phép tu chủ trương người tu hành cần phải mong cầu xin tiếp nhận được một sự thương xót hay một sự thông hiểu nào đó. Thế nhưng theo một cách nhìn khác thì sự bổ khuyết ấy cũng không phát xuất từ một nơi nào khác hơn là chính mình. Đồng thời thì cái trí tuệ giúp nhận biết được vô ngã lại hiển hiện ra trong lòng mình như là một sự gia ân nào đó, một khả năng thiên phú thật hết sức bất ngờ và vô cùng quý báu. - /.

Vấn đề trợ tử và di chúc sinh thời

• **Cư sĩ Liễu Pháp**

Trước khi bàn luận về vấn đề trợ tử và di chúc sinh thời, có lẽ cần phải định nghĩa vài từ ngữ như điều trị trợ sinh, trợ tử, di chúc sinh thời, di chúc cuối cùng, mẫu chỉ dẫn trước v.v…

Điều trị trợ sinh (life-support treatment, ĐTTS) là sự điều trị bệnh nhân bằng các thủ thuật y khoa, dùng máy móc hay dụng cụ y tế gắn vào người, chẳng hạn như dụng cụ giúp bệnh nhân thở, giúp truyền thức ăn, nước uống qua ống dẫn, truyền máu, hồi sức tim phổi (CPR), thẩm tích (dialysis), v.v… để duy trì sự sống.

Trợ tử (euthanasia) có nghĩa là giúp chấm dứt sự sống, tạo nên cái chết của một người bệnh ở giai đoạn đau đớn hoặc không có hy vọng chữa lành hoặc do bệnh nhân yêu cầu vì một lý do riêng. Y sĩ hay y tá có thể dùng thuốc hoặc tháo gỡ các thủ thuật y khoa trong sự điều trị trợ sinh để bệnh nhân chết và chấm dứt sự đau đớn hoặc theo nguyện vọng của bệnh nhân.

Di chúc sinh thời (living will) là di chúc được soạn thảo khi đương sự còn sống, chưa lâm bệnh nặng, tâm trí còn sáng suốt. Thông thường đây là một bản văn ngắn gọn nói lên nguyện vọng được chết "có phẩm cách", không muốn kéo dài hay duy trì sự sống trong đau đớn mà không có hy vọng lành bệnh. Di chúc này chỉ được áp dụng nếu đương sự bị bệnh nặng và mất khả năng phán đoán, không còn có thể quyết định về sự chữa trị cho mình (incapacitated). Một di chúc sinh thời không bắt buộc là phải chỉ có một sự chọn lựa là muốn chết để tránh đau đớn và yêu cầu sự trợ tử. Tuy nhiên, đa số mẫu living will nhận được từ các văn phòng luật sư đều là như thế, chỉ có mục đích hợp thức hóa việc trợ tử. Gần đây có mẫu di chúc sinh thời khác trong đó có nhiều nguyện vọng và có sự chọn lựa giữa những quyết định khác nhau, như sẽ được trình bày ở phần cuối bài này.

Ngoài ra cũng có một mẫu ngắn gọn khác là mẫu "Chỉ dẫn trước" (Advance Directive hoặc Do not Resuscitate Form) ghi ý muốn của đương sự trước khi lâm bệnh nặng, chẳng hạn như không muốn điều trị trợ sinh, không muốn duy trì sự sống bằng ống dẫn thức ăn, máy thở nhân tạo…

Chúc thư và di chúc cuối cùng (last will and testament) là di chúc chú trọng về sự phân chia tài sản sau khi chết, là một văn bản pháp lý nói về xử dụng tài sản và tiền của như thế nào sau khi đương sự chết. Thông thường văn bản này do một văn phòng luật sư soạn thảo theo ý kiến của đương sự. Để tránh phiền hà và tổn phí kiện tụng về sau, nên nhớ sự phân chia tài sản phải rõ ràng và phù hợp với các chi tiết về mỗi người thừa hưởng như đã định rõ trong các chương mục ngân hàng, các ngân khoản hưu bổng, tín chỉ…

1. Vấn Đề Trợ Tử và Di Chúc Sinh Thời:

Vấn đề trợ tử (euthanasia) là một vấn đề đã làm dư luận xôn xao một thời và hiện nay quan điểm còn rất là phân tán vì quan niệm về trợ tử tùy thuộc vào nhân sinh quan, truyền thống và tín ngưỡng của mỗi cá nhân. Vấn đề trợ tử liên hệ trực tiếp đến di chúc sinh thời (living will) mà nhiều người dùng để cho gia đình và người thân cũng như bác sĩ biết về nguyện vọng của mình khi lâm bịnh nặng, mất khả năng phán đoán và quyết định, yêu cầu được chăm sóc như thế nào, nhất là quyết định có nên áp dụng, tiếp tục hay ngưng hẳn việc điều trị trợ sinh (life-support treatment).

Thông thường, nhiều người không muốn nghĩ tới và tránh nói tới chuyện lâm bệnh nặng hay chuyện chết chóc; ví dụ một người con ít ai muốn hỏi mẹ mình khi lâm bệnh nặng thì mẹ có muốn được điều trị trợ sinh hay không và nếu bệnh kéo dài quá lâu và nhiều đau đớn mà không có hy vọng chữa khỏi thì có nên tháo gỡ các thủ thuật y khoa để không kéo dài sự sống hoặc tiếp tục dùng các thuốc giảm đau? Vì thế để lại di chúc lúc còn sinh thời để bày tỏ ý muốn của mình là một việc nên làm để giúp cho gia đình và người thân của mình tránh được tình trạng bối rối và khó xử vì không biết mình muốn gì, khi mình lâm bệnh nặng và mất sự phán đoán hay khả năng truyền đạt, ví dụ như bị hôn mê, không nói năng gì được.

Tâm lý con người là rất e ngại mình bị bệnh nặng, bị sự đau đớn hành hạ và không muốn kéo dài sự sống với sự đau đớn mà không có hy vọng được chữa lành bệnh. Vì thế, đa số người ta nghĩ đến di chúc sinh thời là để chấm dứt sự đau đớn, là chấm dứt sự điều trị trợ sinh; họ đến văn phòng luật sư, nhận một mẫu living will, điền tên và ký tên trước hai nhân chứng để hợp thức hóa ý định của mình trên phương diện pháp luật. Mẫu living will này, như đã nói trên, có mục đích là trong trường hợp đương sự bị bệnh nặng và mất khả năng phán đoán thì đương sự yêu cầu gia đình, bác sĩ và những người chăm sóc sức khỏe đừng kéo dài sự sống trong đau đớn hoặc hôn mê bằng sự điều trị trợ sinh và ngưng điều trị trợ sinh nếu đã bắt đầu. Di chúc trợ sinh này giúp đương sự được toại nguyện và cũng giúp hợp thức hóa việc trợ tử, tuy rằng trong nước Mỹ có những tiểu bang chấp nhận mẫu di chúc sinh thời này và cũng có nhiều tiểu bang khác không chấp nhận. Đây là một quyết định cá nhân tùy thuộc vào nhân sinh quan, truyền thống và tín ngưỡng của mỗi người, vì thế không có sự phê phán đúng hay sai, nên hay không nên; sự quyết định như thế nào cũng nên được tôn trọng. Tuy nhiên sự trợ tử đã gặp nhiều trở ngại về phương diện pháp lý, nhất là khi không có di chúc sinh thời hoặc có mà không đúng theo luật của tiểu bang, hoặc là khi có ý kiến tương phản giữa những người thân trong gia đình, có thể sinh ra kiện tụng. Bác sĩ thực hiện sự trợ tử, cho dù có sự yêu cầu của bệnh nhân, cũng có thể bị rắc rối trước pháp luật; tuy vậy vẫn có người đã thực hiện sự trợ tử, nhân danh lòng nhân đạo. Không những có thể có trở ngại về phương diện pháp lý mà còn có sự trở ngại về phương diện tinh thần hay đạo đức, tùy theo quan điểm, truyền thống, tôn giáo… như được bàn tới dưới đây.

2. Quan Điểm của Phật Giáo về Trợ Tử:

Là Phật Tử, chúng ta nên tìm hiểu xem quan điểm của Phật Giáo liên hệ tới việc trợ tử như thế nào. Ông Nguyễn Phúc Bửu Tập có viết bài "Quan niệm về trợ tử" trong đó có nêu ra ba trường hợp trợ tử và sự phán xét của chính Đức Phật:

- Thời Đức Phật, có năm vị tỳ kheo trong tăng đoàn, vì hiểu sai giáo pháp, cho rằng thể xác của mình không tinh khiết, muốn thoát ly đời sống; họ tìm một người, cũng ở trong tăng đoàn mà vẫn tin theo tà đạo, giúp họ tìm cách tự vẫn. Sự việc này bị bại lộ, đến trước Đức Phật, Ngài dạy: "Người tỳ kheo nào đã chủ tâm kết liễu đời sống, người đó là kẻ thất bại, không có thiện căn và phải bị loại ra khỏi tăng đoàn" (theo Encyclopedia of Buddhism, Vol. IV)

- Trường hợp thứ hai: sáu vị tỳ kheo xúi giục vợ của một người bị bệnh nặng gần chết, kết liễu đời sống của người chồng. Sự việc đến tai Đức Phật, Ngài dạy: "Kẻ nào đã chủ tâm kết liễu đời sống của tha nhân, lại bày vẽ rằng nên chết khỏe hơn sống bệnh cực hình, kẻ đó không có thiện căn và phải bị loại ra khỏi tăng đoàn".

- Trường hợp thứ ba: Kinh Vinaya thuật lại một hành động trợ tử điển hình. Một vị tỳ kheo quá già yếu, mắc bệnh nan y, đau đớn triền miên. Ông nhờ bạn đồng môn và họ vì lòng nhân đạo đồng ý giúp đỡ cho ông chết sớm. Sự việc đến tai Đức Phật, Ngài dạy rằng những kẻ giúp giết người đã thiếu căn tu. Tuy trường hợp có giảm khinh vì tấm lòng nhân ái, nhưng tội lỗi vẫn rõ ràng. Đức Phật nhấn mạnh là tác ý đạo đức muốn giúp tha nhân chấm dứt sự đau đớn không đủ, cần xét kết quả của hành động, ở đây thực sự là sát nhân, vì hành động này đưa đến cái chết.

Kinh Vinaya được Đức Phật giảng dạy trong đời sống tăng đoàn, nhưng đối với cư sĩ và tín đồ nói chung, những lời giảng dạy trên cũng phải được áp dụng vì giới sát sanh là giới căn bản và quan trọng trong Ngũ Giới của tất cả Phật Tử.

Ngoài ra, người Phật Tử nên học Phật Pháp để tìm hiểu luật nghiệp quả (karma), để hiểu đời sống này chỉ là một kiếp trong vô số kiếp của vòng luân hồi sinh tử. Sự ra đi qua kiếp khác nhẹ nhàng không đau đớn hay với bệnh tật đau đớn đều là do nghiệp của mình tạo nên từ kiếp này và những kiếp trước. Chu kỳ sinh, lão, bệnh và tử là một luật thiên nhiên, không ai tránh được. Ngài Dalai Lama 14 dạy rằng chết là thay đổi thân xác, như thay quần áo cũ…, mỗi người nên chuẩn bị cho cái chết của mình từ khi sinh ra đời… Người Phật Tử phải hiểu rằng khi đi qua kiếp khác chỉ có mang theo nghiệp của mình mà chẳng mang theo bất cứ thứ gì khác. Nhưng đó chỉ là cách nói theo tục đế, nói một cách qui ước thôi, thực ra không có một người, một thực thể nào, đi đâu và mang theo gì cả. Con người gồm có thân và tâm và chập tâm cuối cùng trước khi chết là Tâm Tử (hay Tử Thức), chỉ là điều kiện cho Thức Tái Sinh sanh khởi, còn Hành Nghiệp mới là nhân của Thức Tái Sinh. Nói một cách khác, những gì quyết định cho sự tái sanh không phải là cái chết nhưng là do nghiệp đã tạo ra. Là kết quả của nghiệp, môt danh-sắc (hay thân-tâm) mới được sanh khởi chứ không phải là một cái gì liên tục từ kiếp trước đó. Tuy nhiên danh-sắc sinh khởi mới mẻ này không phải là không liên hệ với nghiệp quá khứ vì đó là quả của nghiệp quá khứ; người Phật tử nên học hỏi kinh Thập Nhị Nhân Duyên tức Pháp Duyên Sinh (*Paticca - samuppàda,* Dependent Origination*)*, nghiên cứu Vi Diệu Pháp để hiểu thân, tâm là gì và tiến trình của tâm trong đời sống hằng ngày cũng như lúc sắp chết…

Hơn nữa, các hành động trợ tử, giúp đỡ hay xúi giục việc giết người, đều bị Đức Phật khiển trách. Trợ tử là giúp làm cho người chết đi, là sát sanh. Không sát sanh là một trong năm giới căn bản của người cư sĩ tại gia phải giữ; chúng ta hiểu rằng phải giữ giới trong sạch thì mới có định, rồi mới có thể phát triển huệ, theo tam học Giới Định Huệ mà Đức Phật đã vạch ra trong Bát Chánh Đạo, con đường để giải thoát khổ đau. Những ai còn thắc mắc về lòng nhân đạo, khi thấy người bệnh hoạn đau đớn mà không lẽ làm ngơ, xin suy nghĩ lại lời dạy của Đức Phật trong trường hợp trợ tử thứ ba nói trên. Ngài dạy rằng tác ý về sự giúp đỡ với lòng nhân đạo chưa đủ, phải xét đến kết quả của hành động. Trợ tử cho dù có thực hiện với một ý định giúp tha nhân chấm dứt sự đau đớn cũng vẫn là một hành động có kết quả là chấm dứt sự sống, là sát sanh.

Như thế, quan điểm của Phật Giáo về trợ tử quả là rõ rệt. Tuy vậy, vẫn có nhiều người, nói là theo Phật Giáo, vẫn còn lẫn lộn trong vấn đề trợ tử và ký vào các "di chúc sinh thời" (living will) đi ngược lại với quan điểm của Phật Giáo. Một "living will" thông thường đơn giản chỉ có lời yêu cầu của đương sự rằng nếu không hy vọng chữa trị lành bệnh, bị đau đớn hay hôn mê thì đương sự yêu cầu không kéo dài sự sống bằng các thủ thuật y-khoa trong sự điều trị trợ sinh (life-support treatment) và nếu đã bắt đầu các thủ thuật này thì đương sự yêu cầu tháo gỡ dụng cụ trợ sinh, ngưng sự điều trị trợ sinh, để tránh sự đau đớn, cho dù việc này có làm đem sự chết. Người theo đạo Phật thì hãy tìm hiểu Phật Pháp, đọc và suy nghĩ cho kỹ về mẫu living will thông thường này vì có thể có sự lựa chọn khác thích hợp với mình hơn.

3. Di chúc sinh thời "Năm Nguyện Vọng":

Gần đây, thay vì một "living will" thông thường như vậy, có một mẫu tương tự gọi là "Five Wishes" (Năm Nguyện Vọng). Tuy nhiên di chúc sinh thời "Năm Nguyện Vọng" này khác với mẫu living will thông thường nói trên ở điểm quan trọng là cho chúng ta có sự chọn lựa loại chữa trị y-tế mình muốn và tránh đi loại chữa trị mình không muốn, có thể chọn muốn hay không muốn áp dụng sự điều trị trợ sinh. Ngoài ra, với mẫu "Năm Nguyện Vọng" này, ta có thể gạch bỏ những điều gì mình không muốn áp dụng cho mình và viết thêm vào những gì mình muốn. Mẫu "di chúc sinh thời" này, theo như tên gọi, ghi rõ năm nguyện vọng, xin được tóm tắt như sau:

- Nguyện Vọng 1: Chọn người mà đương sự muốn thay cho đương sự, người Đại Diện, để quyết định các vấn đề về chăm sóc sức khỏe khi đương sự không còn có thể tự mình quyết định. Mẫu này ghi rõ những điều mà người Đại Diện có thể thay thế đương sự để quyết định về việc chăm sóc sức khỏe trong đó có một điều rất quan trọng liên hệ đến việc trợ tử. Đó là:

"Quyết định yêu cầu chấm dứt hoặc không cung cấp các biện pháp chữa trị y tế, bao gồm cả việc truyền thức ăn, dưỡng khí và nước uống bằng phương pháp nhân tạo, và bất cứ biện pháp điều trị nào khác để duy trì sự sống".

Theo sự hướng dẫn trong mẫu này thì đương sự có thể gạch bỏ bất cứ điều gì trong danh sách mà mình không muốn người Đại Diện thực hiện. Nếu quí vị không muốn người Đại Diện phải quyết định về việc yêu cầu thực hiện việc trợ tử thì chỉ cần gạch bỏ điều trên đây trong danh sách. Chúng ta nên nhớ rằng không gạch bỏ điều này là có thể đồng ý với việc trợ tử và đặt một gánh

nặng trên vai người Đại Diện cho quyết định này. Quan trọng không kém là, nếu người Đại Diện chọn quyết định này thì người này sẽ phạm giới sát sanh cho dầu có làm với ý định chấm dứt sự đau đớn cho đương sự. Quyết định yêu cầu thực hiện việc trợ tử là tạo một bất thiện nghiệp mà người Đại Diện phải chịu trả quả của nghiệp này. Đương nhiên người hiểu và tin theo Phật Pháp không muốn người Đại Diện của mình (thường là người thân, như con hay cháu của mình) phải chịu như vậy.

Ngoài sự gạch bỏ này, trong Nguyện Vọng 1, đương sự có thể viết thêm cho rõ về nguyện vọng của mình liên hệ đến việc "điều trị trợ sinh" hay việc "trợ tử". Chẳng hạn có thể chọn lựa một trong những cách như sau để viết trong khoảng trống có sẵn trong mẫu:

1a) Xin yêu cầu không điều trị trợ sinh, không áp dụng các thủ thuật nhân tạo để duy trì sự sống; hoặc

1b) Trong trường hợp tôi cần "điều trị trợ sinh" (life-support treatment) thì nên thực hiện sự điều trị này cho tôi. Tôi không muốn bất cứ người nào không thực hiện hoặc ngưng sự điều trị này, bao gồm cả dụng cụ, máy móc y tế để giúp tôi thở, truyền thức ăn và nước vào trong người qua ống dẫn, hồi sức tim phổi, truyền máu, thẩm tích, v.v… và bất cứ thứ gì khác để duy trì sự sống của tôi; tôi không có giới hạn gì trong việc điều trị trợ sinh.

* Nếu chọn (1a) thì tránh được sự trợ tử và hậu quả của nó, tuy nhiên có thể sẽ mất cơ hội hy vọng được chữa lành bệnh nếu Điều Trị Trợ Sinh được áp dụng để sự sống được kéo dài, không tiếp tục được chữa trị. Sự chọn lựa (1a) này cũng tương tự như là ký vào mẫu "Advance Directive" hoặc mẫu "Do Not Resuscitate" bày tỏ nguyện vọng là không muốn điều trị trợ sinh. Người Phật Tử tin vào nghiệp thì kéo dài sự sống ở cuối đời (có thể với sự đau đớn) không quan trọng bằng tránh cho người Đại Diện của mình khỏi phải quyết định việc trợ tử và do đó tạo nghiệp sát sinh. Trong các trường hợp trầm trọng như khi hấp hối, bị hôn mê hoặc bị tổn thương não bộ nặng thì chọn lựa (1a) cũng không khó khăn lắm.

* Nếu chọn (1b) thì có thể kéo dài sự sống một thời gian, không chắc là bao lâu, tuy nhiên khi đã có sự điều trị trợ sinh thì, trong đa số trường hợp, trước sau gì cũng phải quyết định ngừng sự điều trị trợ sinh, tức là vướng vào sự trợ tử là vấn đề khó xử, nhất là đối với người Phật tử tin và sống chết theo Phật pháp.

- Nguyện Vọng 2: Nói đến những điều cần lưu ý với tư cách là người chăm sóc, ý nghĩa của sự "Điều Trị Trợ Sinh" (ĐTTS) và sự chọn lựa muốn áp dụng hoặc không muốn áp dụng "Điều Trị Trợ Sinh" trong các trường hợp A) hấp hối; B) bị hôn mê và không hy vọng phục hồi; C) tổn tương não nặng và không hy vọng phục hồi; D) trong trường hợp khác mà đương sự không muốn duy trì sự sống.

* Những điều cần lưu ý như cung cấp thuốc giảm đau để bớt đau, săn sóc để bảo toàn sự sống cũng như ý nghĩa của sự điều trị trợ sinh có lẽ mọi người đều chấp nhận được; tuy nhiên có thể gạch bỏ điều gì mình không muốn.

* Về ý nghĩa của ĐTTS, nên nói là mình đồng ý hoặc không đồng ý với định nghĩa trong mẫu. Nên phân biệt đồng ý với định nghĩa là một chuyện, còn sự đồng ý về sự áp dụng ĐTTS hay không là một chuyện khác.

* Trong các trường hợp A, B, C nói trên, mỗi trường hợp đều có 3 ô rõ rệt để lựa chọn quyết định: a) muốn áp dụng ĐTTS; b) không muốn áp dụng ĐTTS và chấm dứt ngay nếu đã khởi sự; c) muốn áp dụng ĐTTS nếu bác sĩ tin là có hữu ích và ngưng ĐTTS nếu bệnh không thuyên giảm.

* Trường hợp D: Nếu muốn duy trì sự sống thì không cần nói gì cả

- Gạch bỏ những gì không muốn.
- Viết thêm những gì mình muốn hoặc mô tả cho rõ những gì mình muốn hoặc không muốn.

- Nguyện Vọng 3: Nguyện vọng về mức độ thoải mái.

Những điều ghi trong mẫu là những điều thông thường và tùy theo sở thích cá nhân; đương sự có thể gạch bỏ đi bất cứ điều gì mình không muốn và thêm vào điều gì mình muốn.

- Nguyện Vọng 4: Nguyện vọng về cách thức mà đương sự muốn được đối xử.

Có thể gạch bỏ những gì mình không đồng ý và thêm điều mình muốn.

- Nguyện Vọng 5: Nguyện vọng về những gì đương sự muốn người thân biết.

Có thể gạch bỏ những gì mình không đồng ý và ghi vào khoảng trống những gì mình mong muốn.

● Thông thường người lớn tuổi mới nghĩ đến di chúc sinh thời, chúc thư và di chúc cuối cùng, còn người trẻ tuổi có nghĩ đến cũng chỉ để lo cho cha mẹ. Điều này không hẳn là đúng vì người trẻ cũng có thể vì tai nạn và lâm vào tình trạng hôn mê và khi đó nếu không có di chúc thì người thân cũng lâm vào tình trạng bối rối không biết nguyện vọng của đương sự. Vì thế, theo lẽ vô thường, người trên 18 tuổi nên nghĩ đến việc này, không chỉ để lo cho cha mẹ mà cũng cho chính mình nữa.

Mẫu "Năm Nguyện Vọng" đã được District of Columbia và 42 tiểu bang trong nước Mỹ chấp nhận... Nhiều tiểu bang (California, Connecticut, Delaware, Georgia, New York, North Dakota, South Carolina, Vermont) cần có hai người làm chứng theo điều kiện ghi trong mẫu và đương sự phải ký tên trước sự chứng kiến của hai nhân chứng. Có tiểu bang đòi hỏi công chứng (notarization), như Missouri; vài tiểu bang khác thì đòi hỏi công chứng cho chữ ký của đương sự và của cả hai nhân chứng, như North Carolina, South Carolina, West Virginia. Mẫu này đã có bản dịch ra 25 ngôn ngữ trong đó có Việt ngữ chung với Anh ngữ. Có thể đặt mua bằng cách gọi (888) 5-WISHES hay (888) 594-7437, hoặc viết thư cho Aging with Dignity, P.O. Box 1661, Tallahassee, FL 32302-1661, hoặc đặt mua qua mạng Internet (web site: www.agingwithdignity.org). Mỗi mẫu bằng tiếng Anh (11 trang) hay tiếng Việt chung với tiếng Anh (17 trang) giá US$ 5.00 không kể cước phí. Mẫu "Five Wishes" do ông Jim Towey soạn thảo với sự cố vấn của bác sĩ, y tá, luật sư; ông Towey đã làm việc cho cơ quan của Mother Theresa ở Calcutta trong 12 năm và tình nguyện một năm tại cơ quan của Mẹ Theresa dành cho bệnh nhân bệnh AIDS tại Washington, DC. Ông đã sáng lập nên "Aging with Dignity" để giúp giải quyết những vấn đề của người cao niên.

(8/2012)

Bước vào Thiền Minh Sát Niệm Xứ

(Phần Bốn)

● Thiền Sư **Sayadaw U Silananda**
Liễu Pháp chuyển ngữ

Đây là Phần Bốn của loạt bài pháp thoại "Stepping into Satipatthana Vipassana" do Thiền Sư Sayadaw U Silananda giảng trong khóa thiền tập 9 ngày, vào tháng 11 năm 1995 tại Như Lai Thiền Viện, San Jose, California. Bài này do Theikdi và Maureen O' Brien ghi lại bằng Anh ngữ và đăng trong Dhamma Bell Newsletter số 7, Mùa Hạ 2010. Phần Giới Thiệu và Tiểu Sử ngài U Silananda đã có viết trong Phần Một.

Hôm nay, Sư sẽ nói về những điều quan trọng trong sự thực tập thiền Minh Sát. Thực ra, quí vị đã quen thuộc với tất cả các điều quan trọng này vì Sư thường nói những điều này trong sự hướng dẫn hằng ngày. Tuy nhiên Sư muốn nhắc lại những điều này cùng một lần và đồng thời cũng muốn giảng rõ hơn.

Chánh niệm trên đối tượng trong hiện tại:

Điều quan trọng thứ nhất là phải chánh niệm trên đối tượng trong thời khắc hiện tại. Mục đích của thiền Minh Sát là để tránh bám víu vào những đối tượng. Để khỏi bám víu vào đối tượng, chúng ta cần phải quan sát nó, chánh niệm trên nó hay chú ý đến nó khi nó đang có mặt. Cũng thế, thiền Minh Sát giúp ta thấy đối tượng như chính thực là nó hay thấy bản chất thực sự của đối tượng. Nếu chúng ta muốn thấy bản chất thực sự của một đối tượng, chúng ta phải quan sát nó khi nó đang có mặt, bởi vì khi nó đã qua đi, chúng ta không thể quan sát nó và không thể thấy bản chất thực sự của nó, và khi mà nó chưa có mặt với chúng ta thì chúng ta không thể thấy nó và chúng ta không thể hiểu bản chất thực sự của nó. Vì vậy, đối với những người hành thiền Minh Sát, đối tượng trong hiện tại là quan trọng nhất. Đối tượng đó có thể là bất cứ cái gì: chuyển động của bụng, hơi thở vào và hơi thở ra, hay sự suy nghĩ hay cảm thọ, hoặc là sự đau nhức và những cảm xúc khác trong thân, hoặc là tiếng động. Tất cả mọi thứ này có thể tóm lại chỉ trong hai chữ "**tâm** và **vật chất**": đối tượng ở thời khắc hiện tại có thể là tâm ở một lúc nào đó và có thể là vật chất ở một lúc khác. Dù đối tượng là tâm hay vật chất, chúng ta phải quan sát đối tượng khi nó đang có mặt thì ta mới hiểu được bản chất thực sự của nó và chúng ta không bám víu vào đối tượng đó.

Chú ý đơn thuần:

Điều quan trọng kế đến là phải chú ý đến đối tượng một cách đơn thuần. Khi ta chú ý đến đối tượng trong hiện tại hay là cố gắng chánh niệm trên đối tượng đó thì sự chú ý phải là đơn thuần. Điều này có nghĩa là chỉ có một sự nhận biết đơn giản cho dù sự nhận biết phải là mạnh và thấu đáo: chỉ là một sự nhận biết đối tượng mà không kèm theo sự thêm thắt chủ quan của riêng mình. Như thế, khi quan sát một đối tượng, chúng ta phải quan sát nó như chỉ là một đối tượng và không được cộng thêm điều gì như là "Điều này đẹp đẽ; điều này xấu xí" hay là "Điều này tôi thích" hay "Điều này tôi không thích" và tương tự như thế - bởi vì nếu chúng ta thêm những điều này vào đối tượng, rồi từ những điều thêm thắt này, chúng ta sẽ bám víu vào đối tượng. Như thế, điều quan trọng là khi chú ý đến những đối tượng, chúng ta chỉ đơn thuần chú ý mà không có bất cứ sự phán đoán nào. Sự quan trọng và giá trị của sự chú ý đơn thuần được Hòa Thượng Nyanaponika giảng nghĩa đầy đủ trong cuốn sách của ngài, "*The Heart of Buddhist Meditation*". Vì vậy Sư xin giới thiệu sách này để quí vị hiểu rõ về sự chú ý đơn thuần. Ngài mô tả sự chú ý đơn thuần như sau: "Sự chú ý đơn thuần là sự nhận biết rõ rệt và chuyên nhất cái gì thực sự xảy ra cho ta và trong ta, ở những thời khắc liên tiếp của sự nhận thức". Đối tượng được trình diện với chúng ta qua các cửa giác quan, và như thế đối tượng là những gì xảy đến cho ta, và rồi chúng ta có ý tưởng, cảm thọ và các thứ khác nữa trong ta, và như thế những thứ này là cái đang xảy ra trong ta. Thực là quan trọng phải hiểu rằng sự chú ý đơn thuần là một sự nhận biết rõ rệt và chuyên nhất của những gì đang xảy ra cho ta và trong ta. Ngài Nyanaponika nói rằng sở dĩ phải gọi là sự chú ý "đơn thuần" tại vì đây quả thật chỉ liên quan tới sự nhận thức đơn thuần qua các cửa giác quan. Khi chú ý tới ấn tượng của lục căn đó, sự chú ý chánh niệm chỉ thuần là ghi nhận những dữ kiện được quan sát mà không có phản ứng nào bằng thân, khẩu, ý; chẳng hạn như một ý tưởng tự nhủ, giống như "thích", "không thích", hoặc những thứ khác như sự phán đoán hay suy tư. Ngài mô tả điều này như "sự ghi nhận đơn thuần những dữ kiện được quan sát". Như vậy, khi quí vị thấy vật gì, tâm của quí vị chỉ ghi nhận sự thấy của đối tượng thấy được. Tâm của quí vị không ghi nhận đó là một người đàn ông hoặc đó là một người đàn bà, hay vật đó đẹp hoặc vật đó xấu… Và "ghi nhận đơn thuần dữ kiện" có nghĩa là không phản ứng bằng thân, khẩu, ý. Khi phản ứng bằng ý, đôi khi chúng ta dán nhãn hiệu như là "Tôi thích" hoặc "Tôi không thích"; khi khác thì xếp loại như là "Nó đẹp" hoặc "Nó xấu", "Nó tốt" hoặc "Nó tệ"; những lúc khác thì chúng ta suy nghĩ về đối tượng, suy tư về nó. Khi có một trong những phản ứng như vậy thì theo sau đó là *lobha* – sự dính mắc, hay thất vọng hay thù nghịch. Khi có các tâm bất thiện đó thì thế nào chúng cũng tạo đau khổ trong tương lai. Như thế, để tránh đau khổ, chúng ta phải tránh bám víu vào đối tượng, và để tránh bám víu vào đối tượng, ta phải đơn thuần chú ý vào đối tượng mà không thêm phần bình luận hoặc không đi vào chi tiết gì cả. Trong trường hợp chúng ta có những phản ứng như trên thì theo ngài Nyanaponika, "Nếu những ý tưởng bình luận như trên khởi sinh trong tâm ta thì chúng ta xem chúng như là đối tượng của sự chú ý đơn thuần, và không khước từ và cũng không đi theo chúng mà sau một niệm ngắn về chúng, chúng ta để cho chúng ra đi". Như vậy, chúng ta phải cố gắng tránh bình luận hay phản ứng bằng hành động hoặc lời nói, nhưng nếu chúng ta đã có lỡ làm như thế thì rồi chúng ta phải chánh niệm trên những việc làm như thế, hay là phải có một sự chú ý đơn thuần khác trên những phản ứng đó,

và tiếp tục tương tự. Như thế, chúng ta phải niệm, như là nói thầm "phán đoán, phán đoán" hoặc "suy đoán, suy đoán" hoặc "suy tư, suy tư", và tương tự như vậy. Ngài Nyanaponika nói "Chúng ta không khước từ mà cũng không đi theo những phản ứng"; điều này có nghĩa khi những bình luận và phản ứng như thế khởi sinh, chúng ta không xua đuổi chúng mạnh mẽ, cũng không thích thú chúng mà chúng ta để chúng ra đi sau một niệm ngắn, như là "phán đoán, phán đoán" hoặc "suy tư, suy tư", và tương tự như thế.

Nếu chúng ta xem xét kỹ sự chú ý đơn thuần, chúng ta sẽ thấy được rằng sự chú ý đơn thuần thực sự là chìa khóa để giải thoát khổ đau. Qua sự chú ý đơn thuần, chúng ta sẽ thấy sự vật như thực tướng của nó mà không thêm thắt cái gì của ta vào đó. Chỉ khi nào chúng ta thấy sự vật như chính nó, chỉ khi nào chúng ta thấy bản chất thực sự của sự vật, thì chúng ta mới có thể tránh khỏi sự bám víu vào chúng, và chỉ khi nào chúng ta có thể tránh được bám víu vào sự vật thì chúng ta mới có thể chấm dứt khổ đau. Như vậy, sự chú ý đơn thuần là một yếu tố thật quan trọng trong việc hành thiền với ý định dứt bỏ khổ đau. Khi một tu sĩ khổ hạnh đến gần Đức Phật để hỏi về cách thức hành thiền, Đức Phật khuyên bảo "Hãy để cho sự thấy liên quan tới cái được thấy; hãy để cho sự nghe liên quan tới cái được nghe", và tương tự như thế; Đức Phật chỉ nói về sự chú ý đơn thuần trong lời khuyên này. Ngài dạy chỉ đơn thuần chú ý những sự vật mà ta kinh nghiệm. Hãy ngừng lại ở sự thấy liên quan tới vật được thấy và đừng đi quá với những sự phán đoán, hay là đừng đi quá sự chú ý đơn thuần mà đi vào chuyện thích và không thích đối tượng. Một lần nữa, sự chú ý đơn thuần rất là quan trọng trong sự thực tập thiền Minh Sát. Sự chú ý đơn thuần có nghĩa là chỉ coi đối tượng như chính thực tướng của chúng và không thêm thắt bất cứ phán đoán nào của riêng mình.

Sự mong cầu

Điều quan trọng kế nữa là đừng có sự mong cầu. Thực sự, chúng ta có cầu mong cái gì đó từ sự thiền tập. Nếu chúng ta không mong cầu gì cả từ việc hành thiền thì có lẽ chúng ta không thực tập gì cả. Như thế, sự mong cầu thực ra là điều tốt vì nó là động cơ thúc đẩy chúng ta thực tập, một điều tốt nên có. Tuy nhiên khi chúng ta đến để hành thiền - ngay trong lúc thực tập – thì sự mong cầu trở nên chướng ngại cho thiền tập và chướng ngại cho *Samadhi* (sự định tâm). Chúng ta không thể có định tâm đồng thời với khi mà tâm đầy sự mong cầu. Nhiều thiền sinh đã có kinh nghiệm về điều này: họ muốn hoàn tất một chuyện gì đó và sự ham muốn đó làm họ kích động, bồn chồn, và rồi họ hiểu ra rằng họ không thể định tâm. Đôi khi một thiền sinh có kinh nghiệm được cảm thấy an bình, an hưởng sung sướng tĩnh lặng đó, và lần sau cũng muốn đạt được trạng thái đó nữa. Nhưng rồi trạng thái đó không đạt được nữa, thiền sinh trở nên nản lòng hoặc không còn hăng hái. Như vậy lòng mong cầu là một trở ngại làm hại cho việc hành thiền. Nhiều thiền sinh đã phí mất nhiều thì giờ chỉ vì họ không tránh được những sự mong cầu và không biết hành xử làm sao với những sự mong cầu sinh khởi lên trong khi thực tập. Như thế, điều quan trọng là chúng ta không nên có lòng mong cầu, và trong trường hợp có những sự mong cầu thì chúng ta phải để cho chúng ra đi chỉ bằng cách niệm về chúng. Khi biết ta đang có sự mong cầu, chỉ chánh niệm về nó và niệm "mong cầu, mong cầu" cho đến khi nó đi mất. Ở đây cũng vậy, khi sự mong cầu khởi sinh, quí vị không xua đuổi mạnh mẽ quá mà chỉ chú ý qua một chút rồi để tự nó ra đi. Không phải lúc nào sự mong cầu cũng đều không tốt. Trước khi ta hành thiền, sự mong cầu là tốt. Sự mong cầu chỉ trở thành trở ngại khi chúng ta đang hành thiền. Sự mong cầu hay ham muốn trở thành *arahant*, sự ham muốn được giác ngộ được mô tả trong Chú Giải như là những gì nên được theo đuổi. Sự mong cầu là một hình thức nhẹ của tham ái hoặc dính mắc, vì thế khi ta mong cầu sự vật gì, ta muốn chiếm giữ nó, ta ham muốn nó. Vì thế, khi câu hỏi được đặt ra là sự mong cầu hay tham muốn phải chăng là thiện hay bất thiện, theo kinh *Abhidhamma* (Vi Diệu Pháp, A-tỳ đàm) thì sự mong cầu là bất thiện. Tuy rằng đây là sự ham muốn một điều tốt, sự ham muốn được giác ngộ, được trở thành vị A-la-hán, cũng vẫn là một trạng thái tâm bất thiện. Tuy nhiên sự mong cầu này không tệ hại như những trạng thái tâm bất thiện khác. Trong Chú Giải có câu hỏi: "Có nên theo đuổi sự mong cầu như thế không?" Câu trả lời là "nên", chúng ta cần có loại mong cầu, ham muốn như vậy. Rồi "Loại mong cầu này có làm ta tái sinh hay không?" - Câu hỏi này thực ra hỏi rằng sự mong cầu này có làm ta sẽ tái sinh vào một trong bốn cõi đau khổ hay không (A-tu-la, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, Địa Ngục)? - Chú Giải trả lời: "Nó không dẫn ta vào sự tái sinh". Như vậy sự ham muốn đạt được quả A-la-hán, được giác ngộ, được sinh vào cõi thiện, mặc dầu rằng tự nó là bất thiện, nhưng nó không dẫn ta đến một trong bốn cõi đau khổ. Nhờ vào sự ham muốn này, ta hành thiền và đạt được kết quả, đó là một trạng thái tâm đáng được theo đuổi hay là loại ham muốn hoặc tham ái này có thể chấp nhận được. Chỉ khi nào chúng ta có loại ham muốn này thì chúng ta mới thiền tập và đạt được kết quả hành thiền. Nhờ sự ham muốn trở thành A-la-hán mà một người thực tập thiền quán và hoàn tất được việc dứt bỏ tham ái: bằng một loại tham ái, người đó bỏ được một tham ái khác. Như thế, có loại mong cầu này là tốt trước thiền tập, nhưng ngay đang khi thiền tập thì khác, bởi vì đó là một trạng thái tâm bất thiện nên nó không thể hiện hữu cùng lúc với chánh niệm và định tâm là những trạng thái tâm thiện. Khi có một trạng thái tâm bất thiện thì không có một trạng thái tâm thiện cùng lúc được; như thế, trạng thái tâm bất thiện là một trở ngại cho sự định tâm hay cho sự hành thiền. Như vậy, chúng ta cố gắng không cho những sự mong cầu khởi sinh trong khi hành thiền, và khi mà chúng khởi sinh thì chúng ta phải chánh niệm, chú ý vào chúng, niệm chúng và để chúng tự mình ra đi.

Mỗi lúc chỉ quan sát một đối tượng

Điều quan trọng kế nữa là mỗi lúc chỉ quan sát một đối tượng. Ở một thời khắc có thể có nhiều đối tượng: quí vị đang chú ý tới chuyển động của bụng và đồng thời cũng có thể có một cảm thọ trong thân hoặc một tiếng động ở bên ngoài hoặc một ý tưởng chia trí, v.v… Như thế, thực sự ở cùng một thời khắc có nhiều đối tượng và tất cả đều là những đối tượng trong hiện tại. Mặc dù chúng ta đã được hướng dẫn rằng phải quan sát đối tượng trong hiện tại, nhưng chúng ta không quan sát hết tất cả các đối tượng đó và cũng không quan sát mỗi lần quá hơn một đối tượng. Đó là tại vì tâm không thể quan sát quá hơn một đối tượng mỗi lúc. Chúng ta tưởng rằng chúng ta thấy và nghe cùng một lúc: chúng ta thấy nhau

bây giờ và quí vị nghe tiếng của tôi, như thế quí vị tưởng là đang thấy và đang nghe cùng một lúc. Quí vị suy nghĩ như vậy vì quí vị đã không thực sự chú ý tới đối tượng trong hiện tại, chúng ta thực sự thấy với một loại thức và nghe với một loại thức khác và thức thấy khác với thức nghe. Hai loại thức này không thể sinh khởi cùng một lúc; thức này phải sinh khởi sau khi thức kia sinh khởi. Tuy nhiên tâm làm việc rất nhanh. Trong kinh điển của chúng ta, có nói rằng hằng tỷ chập tư tưởng có thể sinh khởi và diệt đi trong một cái búng tay hay trong một nháy mắt. Như thế, sự thấy và sự nghe, hay nhãn thức và nhĩ thức sinh khởi liên tiếp nhau rất nhanh – "nghe, thấy, nghe, thấy, nghe thấy". Chúng khởi sinh nhanh đến nỗi chúng ta nghĩ rằng mình nghe và mình thấy cùng một lúc. Nhưng, quả thực chúng ta thấy ở một lúc - một lúc rất ngắn – và rồi ở lúc kế tiếp chúng ta nghe. Như thế chuyện quan sát hai đối tượng cùng một lúc không thể có được, điều này trở nên hiển nhiên khi chánh niệm của quí vị thật sắc sảo và quí vị cố quan sát hai đối tượng cùng một lúc: quí vị sẽ tìm thấy là không thể quan sát hai đối tượng cùng lúc. Quí vị quan sát một đối tượng và đối tượng kia biến mất, và quí vị cố gắng quan sát một đối tượng khác thì đối tượng trước đó biến mất. Như vậy không thể quan sát hai đối tượng cùng một lần. Nếu chúng ta cố quan sát hai, ba hoặc bốn đối tượng cùng một lần, chúng ta sẽ bị kích động vì chúng ta cố làm một việc không thể làm được. Khi ta bị kích động thì sẽ dẫn đến sự bồn chồn và khi bồn chồn thì ta mất đối tượng. Chúng ta không còn nhận biết, nhận biết toàn diện đối tượng. Tâm của chúng ta như là giao động trên đối tượng; đó là, đôi khi bất chợt đối tượng lu mờ đi trong khi thiền tập. Như vậy, điều quan trọng là ta chỉ quan sát mỗi lúc một đối tượng. Vì thiền Minh Sát là quan sát cái gì nổi bật nhất trong hiện tại, chúng ta chọn đối tượng nổi bật nhất lúc đó và cố gắng chánh niệm trên đối tượng này. Chúng ta không để ý tới các đối tượng khác. Đôi khi chúng ta không biết cái nào nổi bật nhất hoặc không thể quyết định đối tượng nào là nổi bật nhất. Trong trường hợp này, hãy lấy bất cứ đối tượng nào rồi chánh niệm trên nó, bởi vì điều quan trọng là chỉ quan sát mỗi lúc một đối tượng.

Chánh niệm phải chính xác

Điều quan trọng kế tiếp là chánh niệm phải chính xác. Điều này có nghĩa là chánh niệm phải đồng thời với đối tượng. Nói với quí vị điều này dường như không cần thiết, tuy nhiên khi quí vị đã đạt kinh nghiệm trong việc niệm "phồng, xẹp, phồng, xẹp, phồng, xẹp" và đôi khi nó trở nên máy móc. Quí vị có thể niệm "phồng, xẹp, phồng, xẹp" mà không có thực sự chánh niệm trên những chuyển động phồng và xẹp. Như thế, đôi khi xảy ra trường hợp quí vị tự nhủ "phồng" khi mà bụng đang xẹp, và khi nói xẹp mà bụng đang phồng. Điều này xảy ra cho nhiều thiền sinh. Chánh niệm mà không chính xác thì chẳng là chánh niệm gì cả. Chánh niệm không ở trên đối tượng thực sự có đó mà là trên một đối tượng tưởng tượng. Thật là quan trọng phải chánh niệm thực sự trên đối tượng trong hiện tại. Vì thế, quí vị phải chú ý - chú ý thật kỹ - để mà không chánh niệm trên một đối tượng không ở trong hiện tại. Chánh niệm thiết yếu là phải chính xác, nghĩa là phải đi cùng lúc với đối tượng. Cũng như vậy, thật quan trọng khi quí vị chú ý hay cố chánh niệm trên phồng xẹp của bụng hoặc trên hơi thở vào và hơi thở ra, quí vị đừng đào sâu trên những ý niệm. Điều này có nghĩa là quí vị đừng có chú ý vào hình dáng của bụng, hay của hơi thở, bởi vì đối tượng mà thiền Minh Sát quan sát là cái được gọi là thực tại tối hậu. Ý niệm không phải là đối tượng của thiền Minh Sát bởi vì ý niệm không có một thực tại riêng, không thể nói chúng thuộc vào hiện tại hay quá khứ, cũng không thể nói ý niệm sinh khởi ở thời điểm này và diệt đi ở một thời điểm khác. Ý niệm là phi thời gian. Do đó, chúng ta không thể thấy vô thường, khổ và vô ngã trong những ý niệm. Điều này cắt nghĩa tại sao ý niệm không phải là đối tượng của thiền Minh Sát. Khi hành thiền Minh Sát, chúng ta cố gắng định tâm trên thực tại tối hậu, như thế khi định tâm trên bụng, ta thực sự định tâm trên chuyển động của bụng, không phải hình dáng của bụng. Chuyển động của bụng là do yếu tố gió và chuyển động là biểu hiện của yếu tố gió, và chúng ta muốn chánh niệm trên chuyển động thay vì thấy hình dáng của bụng đang phồng, xẹp. Với hơi thở, cũng tương tự như thế: hơi thở là yếu tố gió – chính là gió – và chúng ta muốn chánh niệm trên yếu tố gió đó đang đi vào và đi ra ở cửa lỗ mũi. Chúng ta không muốn chánh niệm trên hơi thở như là một cột không khí hay cái gì đó đi vào và đi ra. Tuy nhiên, khi mới thiền tập, khi tâm định còn chưa mạnh, chúng ta không tránh khỏi thấy trong tâm ta hình dáng của bụng và của hơi thở. Mặc dầu không thể tránh khỏi thấy như vậy, phải nhấn mạnh rằng nên cố thấy bản chất thực sự của chuyển động bụng hay yếu tố gió ở cửa lỗ mũi. Khi tâm định mạnh hơn, những ý niệm sẽ phai lạt dần đi và quí vị chỉ sẽ thấy thực tại tối hậu. Như vậy, chánh niệm cần được chính xác và chúng ta cũng cần phải chú ý đến thực tại tối hậu, không phải ý niệm. Trong khi khởi đầu, chúng ta sẽ nhận ý niệm là đối tượng vì chúng ta không tránh làm việc đó được, nhưng với sự tiến triển của tâm định, chúng ta sẽ có thể tách rời hai thứ này và chỉ còn ở với thực tại tối hậu.

Tinh tấn

Kế đến là sự tinh tấn. Các vị thầy thường nói: "Cố gắng, cố gắng, cố gắng". Điều đó có nghĩa là "Hãy tinh tấn, hãy tinh tấn". Đó là tại vì họ không muốn thiền sinh thiếu hay có ít năng lực trong việc hành thiền. Mặc dù tinh tấn mạnh mẽ và bền bĩ là tốt - vì không có tinh tấn thì sẽ không có chánh niệm và tâm định – tuy nhiên đồng thời chúng ta phải thận trọng để không tinh tấn quá nhiều vì tinh tấn quá nhiều cũng tệ hại như là tinh tấn quá ít. Nếu quí vị tinh tấn quá ít, quí vị sẽ trở nên buồn ngủ hay lười nhác và quí vị không hành thiền được. Trong kinh điển có nói tinh tấn phải được cân bằng với định tâm. Nếu một trong hai thứ đi quá mức thì sự thiền tập mất cân bằng, và như thế thiền tập bị tan rã, ta không hành thiền được. Như vậy chúng ta phải cẩn thận không tinh tấn quá nhiều hay quá ít; chúng ta phải cân bằng sự tinh tấn với sự định tâm. Đôi khi chúng ta đang niệm và có định tâm, rồi bỗng nhiên ta mất đối tượng. Đó là tại vì chúng ta tham lam, muốn sự hành thiền tăng tiến hơn và ta cố gắng hơn. Khi tăng thêm sự tinh tấn, ta trở nên kích động và bồn chồn và vì vậy mất đi đối tượng. Trong trường hợp như thế, ta phải chậm lại và thong thả. Đôi khi sự định tâm rất mạnh - mạnh hơn mức thường – và ta cảm thấy như buồn ngủ hoặc như là bị thoáng ngất đi. Mặc dù chúng ta không cảm thấy buồn ngủ, chúng ta có thể bị gà gật và chuyện khác nữa. Trong trường hợp như thế, chúng ta phải hiểu rằng đã có nhiều định tâm quá và ít tinh tấn. Chúng ta cần

phải tinh tấn hơn. Làm thế nào để tinh tấn hơn? Phải chú ý hơn nữa – hay cùng lúc phải tăng thêm vài điểm để niệm. Điều đó có nghĩa là nếu quí vị đang niệm phồng, xẹp, quí vị có thể thêm vào đối tượng những điểm "đụng, đụng, đụng, ngồi". Khi quí vị tăng thêm đối tượng để niệm, quí vị bắt tâm làm việc nhiều hơn, và như thế sự tinh tấn hay mức năng lực sẽ tăng lên để được cân bằng với sự định tâm. Như vậy, quí vị phải có sự tinh tấn mạnh mẽ vì thiền không thể thực tập được nếu không có sự tinh tấn mạnh mẽ; tuy nhiên sự tinh tấn phải không được nhiều quá hoặc quá ít vì quá nhiều hoặc quá ít tinh tấn không đem lại tâm định.

Đã có lần Đức Phật dùng cây đàn luýt để dạy bảo một vị sư về sự tinh tấn quá mức. Vị sư này là con của một phú gia và có một thân thể mềm mại khác thường – người đó có lông ở lòng bàn chân. Sau khi gia nhập tăng đoàn, vị này tự nhủ "Vì nay ta đã là đệ tử của Đức Phật, ta không thể tiêu cực, không thể lười biếng, ta phải tinh tấn". Vị đó thiền tập, đi lên, đi xuống và vì thân thể mềm yếu và nghe nói rằng chân của vị này bị sưng phồng lên và máu rỉ ra dưới bước chân đi. Khi không có tiến bộ gì vì quá nóng lòng muốn thành đạt, vị sư thấy nãn lòng và có ý muốn hoàn tục, vị đó nghĩ rằng "Ta là con một phú gia, có thể trở lại đời sống cư sĩ và làm việc phước đức và sẽ có nghiệp quả tốt". Đức Phật biết được ý nghĩ của vị sư, đến gặp và khuyên bảo ông ta dùng sự ví von với cây đàn luýt. Đức Phật hỏi ông: "Nói cho ta biết, những ngày trước đây khi còn sống ở nhà phải chăng sư là người chơi đàn luýt rất giỏi?". Vị sư trả lời: "Thưa vâng". Rồi Đức Phật nói: "Khi dây đàn trên cây đàn luýt của sư quá căng, phải chăng khi đó cây đàn của sư hòa điệu tốt và dễ chơi?". Vị sư trả lời: "Thưa Thế Tôn, chắc chắn là không". Rồi Đức Phật lại hỏi: "Khi dây đàn trên cây đàn luýt quá chùng, phải chăng cây đàn hòa điệu tốt và dễ chơi?". Vị sư trả lời: "Bạch Ngài, chắc chắn là không." Rồi Đức Phật hỏi: "Khi dây đàn không căng quá mà cũng không chùng quá, được điều chỉnh ở một độ cân bằng, phải chăng cây đàn hòa điệu tốt và dễ chơi?". Vị sư đáp: "Dạ thưa vâng". Rồi thì Đức Phật dạy: "Cũng tương tự như thế, nếu năng lực áp dụng quá mạnh, nó sẽ đưa đến sự bồn chồn; nếu năng lực quá lỏng lẻo thì đem lại sự chán chường. Vì thế cho nên hãy giữ năng lực cho cân bằng. Hãy xuyên thấu cho đến độ cân bằng của các khả năng tâm linh và trong đó bắt giữ đối tượng" – có nghĩa là bắt giữ đối tượng của thiền. Ở đây Đức Phật nói rằng tinh tấn quá nhiều sẽ dẫn đến sự bồn chồn và tinh tấn quá ít sẽ đưa đến sự chán chường hay lười biếng; như vậy chúng ta nên tránh cả hai thứ tinh tấn quá nhiều và tinh tấn quá ít và giữ tinh tấn cân bằng với tâm định.

Tập chánh niệm liên tục

Điều quan trọng kế nữa là sự thực tập liên tục. Khi quí vị thiền tập tại một khóa thiền như thế này, quí vị được hướng dẫn phải giữ sự thực tập liên tục. Sự liên tục thực tập này được căn cứ trên câu nói rằng thiền tập cũng giống như cọ xát hai cây củi để tạo nên lửa. Khi quí vị cọ xát hai cây củi để tạo nên lửa, quí vị cọ xát cho đến khi có lửa. Quí vị không thể ngừng lại trước khi có lửa bởi vì, nếu ngừng lại trước khi có lửa rồi cọ xát lại thí quí vị sẽ không có đủ sức nóng và sẽ không có lửa. Như vậy, quí vị phải tiếp tục cọ xát cho đến khi có lửa. Cũng giống cách như thế, quí vị phải luôn luôn thiền tập liên tục để có được đà tiến triển. Nếu không quí vị sẽ buông lung - nếu có những khoảng hở giữa những thời khắc chánh niệm – thì chánh niệm sẽ không đủ mạnh để giúp định và huệ. Như vậy, sự thực tập liên tục trong khóa thiền như thế này được cho là quan trọng và được nhấn mạnh trong mọi khóa thiền ở các thiền viện theo truyền thống của ngài Mahasi Sayadaw. Vì chúng ta phải thực tập liên tục, chúng ta phải tránh làm những gì có thể làm phá rối hay chia trí sự thiền tập. Điều quan trọng là ta phải giữ sự thực tập liên tục một cách nghiêm chỉnh và không làm bất cứ việc gì có thể làm xao lãng sự thực tập. Sư vui mừng thấy quí vị giữ được kỷ luật ở mức cao tại thiền viện này. Sư vui mừng thấy thiền sinh tuân theo chặt chẽ những sự hướng dẫn tại thiền viện và giữ được sự thực tập như đã được chỉ dẫn. Sự thực tập liên tục là điều quan trọng phải ghi nhớ trong khóa thiền như thế này.

Sự thư giãn

Điều quan trọng sau cùng là quí vị nên thư giãn. Có quá nhiều sự hướng dẫn – "làm cái này, làm cái kia", v.v…- trở nên như một gánh nặng. Và nếu chẳng may quí vị làm sai một sự hướng dẫn nào đó, quí vị có thể cảm thấy như là phạm tội, như là mình đã làm cái gì sai lầm lắm. Khi tâm quí vị như thế, quí vị bị căng thẳng và không thực tập gì được cả. Quí vị không định tâm được, không chánh niệm được. Vì thế, điều quan trọng là tâm phải được thư giãn – đặc biệt là tâm của quí vị. Thông thường rất có thể là quí vị sẽ không làm theo đúng sự hướng dẫn chỗ này hay chỗ kia. Nếu có xảy ra như vậy thì chẳng sao cả, hãy thong thả thoải mái. Đừng cho đó là một lỗi lầm lớn bởi vì bản chất con người là một lúc nào đó sẽ quên cái này, thiếu sót cái kia. Vì thế, xin quí vị hãy thư giãn và thong thả thoải mái. Thêm nữa, liên quan tới sự mong cầu, hãy nên có một thái độ "bất cần" khi thiền tập. Đừng có muốn hoàn tất nhiều quá. Đừng có muốn đạt được giác ngộ. Đừng có mong muốn thấy được bản chất của sự vật, v.v… Hãy thư giãn và tự nhủ: "Ta chẳng cần biết là mình sẽ không đạt được kết quả, ta bất cần là mình sẽ không được định tâm. Ta chỉ phải chánh niệm trên đối tượng trong hiện tại, nếu ta chánh niệm trên đối tượng trong hiện tại, ta đã làm điều cần phải làm và tất cả chỉ có thế mà thôi". Hãy có thái độ này khi thiền tập, bởi vì nếu ta muốn đạt được điều gì và nghĩ "Ta phải đạt được; nếu ta không đạt được điều này, ta sẽ thất vọng" hoặc nghĩ tương tự như thế thì tâm ta sẽ căng thẳng. Với một tâm căng thẳng, quí vị sẽ không có định tâm; tâm quí vị sẽ rất thư giãn khi có định tâm. Vì thế, xin hãy thư giãn khi thực tập. Sư không bảo quí vị lơ là sự tinh tấn, nhưng đồng thời đừng có căng thẳng trong tâm. Quí vị hãy thư giãn và tự nhủ: "Ta bất cần, ta sẽ chỉ chánh niệm. Ta sẽ chỉ ở trong thời khắc hiện tại. Ta sẽ chỉ ở với đối tượng trong hiện tại, và nếu mà ta chánh niệm với đối tượng trong hiện tại thì ta đã làm tròn nhiệm vụ". Với cách này, quí vị có thể thực tập với một tâm thư giãn và quí vị sẽ đạt được định tâm dễ dàng.

Nếu quí vị nhớ các điểm quan trọng trên khi thiền tập, Sư tin tưởng rằng quí vị sẽ tiến bộ. Xin quí vị hãy ghi nhớ các điều này khi thực tập.

(MN, 10/2012)

NĂM RẮN muốn biết tuổi thuận hạp - khắc kỵ ra sao?

(Quý Tỵ từ 10.02.2013 đến 30.01.2014)

(Trích dẫn tác phẩm Tử Vi & Địa Lý Thực Hành của Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ)

*** Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ**

Sau năm Nhâm Thìn chấm đứt, thì đến năm Quý Tỵ được bàn giao từ giờ giao thừa bắt đầu giữa đêm thứ bảy, 09.02.2013 để cầm tinh đến 24 giờ đêm 30.01.2014. Năm Quý Tỵ này thuộc hành Thủy và mạng Trường Lưu Thủy, năm này thuộc Âm, có can Quý thuộc mạng Thủy và có chi Tỵ thuộc mạng Hỏa. Căn cứ theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của Ngũ Hành, thì năm này "Can khắc Chi" tức Trời khắc Đất. Bởi vì: "Mạng Thủy khắc mạng Hỏa" (mạng Thủy được khắc xuất, mạng Hỏa bị khắc nhập). Do vậy, năm này xem như tổng quát rất xấu, bởi vì được Trời khắc Đất giống như năm: Nhâm Ngọ (2002), Mậu Tý 2008 đã qua, xem như tuổi xấu nhứt của hàng tuổi Tỵ. Được biết năm Tỵ vừa qua là năm Tân Tỵ thuộc hành Kim, nhằm ngày thứ tư, 24.01.2003 đến 11.02.2004.

Căn cứ theo Niên Lịch Cổ Truyền Á Đông xuất hiện được minh định quảng bá từ năm 61 của đời Hoàng Đế bên Tàu, bắt đầu năm 2637 trước Công Nguyên, cho nên chúng ta lấy 2637 + 2013 = 4650, rồi đem chia cho 60 năm, thì có kết quả Vận Niên Lục Giáp thứ 77 và số dư 30 năm bắt buộc rơi vào Vận Niên Lục Giáp thứ 78 bắt đầu từ năm 1984 đến năm 2043. Do vậy, năm Quý Tỵ 2013 này là năm thứ 30 của Vận Niên Lục Giáp 78 và năm Tỵ kế tiếp sẽ là năm Ất Tỵ thuộc hành Hỏa, nhằm ngày thứ tư tính từ 29.01.2025 đến 16.02.2026.

Năm Quý Tỵ có người thắc mắc, muốn biết năm này tuổi ảnh hưởng vận mạng như thế nào? Vậy chúng ta thử phân tách năm Quý Tỵ, thì thấy 3 việc phải làm như sau:

1.- Đối với mạng ảnh hưởng như thế nào?

Bởi vì, năm Quý Tỵ thuộc mạng Thủy, cho nên năm này, sẽ đưa đến thuận hạp hay khắc kỵ với mọi người như thế nào?

Xin trích dẫn như dưới đây:

- Những người có tuổi cùng mạng Thủy như: Bính Tý (1936 - 1996...), Đinh Sửu (1937 - 1997...), Giáp Thân (1944 - 2004...), Ất Dậu (1945 - 2005...), Nhâm Thìn (1952 - 2012...), Quý Tỵ (1953 - 2013...), Bính Ngọ (1906 - 1966 ...), Đinh Mùi (1907 - 1967 ...), Giáp Dần (1914 - 1974...), Ất Mão (1915 - 1975..-.), Nhâm Tuất (1922 - 1982...) và Quý Hợi (1923 - 1983...).

Xem như tương hòa với năm Quý Tỵ bởi vì có cùng mạng Thủy cho nên năm này có đời sống an cư & lạc nghiệp sẽ gia tăng, phát triển về mọi mặt một cách bình thường, vì không bị khắc kỵ. Phàm ở trên đời, nếu có đời sống ổn định bình thường, thì xem như tương sanh tốt đẹp.

Tuy nhiên, những người có mạng Dương Thủy như tuổi: Bính Tý, Giáp Thân, Nhâm Thìn, Bính Ngọ, Giáp Dần và Nhâm Tuất thì tốt hơn những người có mạng Âm Thủy như tuổi: Đinh Sửu, Ất Dậu, Quý Tỵ, Đinh Mùi, Ất Mão và Quý Hợi. Bởi vì, theo luật Dương Âm lần lượt trưởng tiêu, không khác ngọn thủy triều lên xuống hoặc có không rồi không có hay nói khác đi là Sắc Không rồi Không Sắc. Vì thế: "Dương Âm tương ngộ tất ứng" còn "Dương ngộ Dương và Âm ngộ Âm bất ứng". Phương pháp này áp dụng cho tất cả các tuổi, để chúng ta thực hành sau này.

- Những người có tuổi có mạng Hỏa như: Bính Dần (1926 - 1986...), Đinh Mão (1927 - 1987...), Giáp Tuất (1934 - 1994...), Ất Hợi (1935 - 1995...), Mậu Tý (1948 - 2008...), Kỷ Sửu (1949 - 2009...), Bính Thân (1956 - 2016...), Đinh Dậu (1957 - 2017...), Giáp Thìn (1904 - 1964...), Ất Tỵ (1905 - 1965...), Mậu Ngọ (1918 - 2078 ...) và Kỷ Mùi (1919 - 1979...).

Những người có tuổi mạng Hỏa gặp năm Quý Tỵ thuộc mạng Thủy, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Thủy khắc mạng Hỏa". Bởi vì, mạng Thủy được khắc xuất và mạng Hỏa bị khắc nhập, cho nên những người có mạng Hỏa năm này xấu tổng quát, không thể thực hiện gì kết quả tốt đẹp. Trường hợp này, giống như những người có mạng Thủy gặp năm mạng Thổ - mạng Thổ gặp năm mạng Mộc - mạng Mộc gặp năm mạng Kim và mạng Kim gặp năm mạng Hỏa

- Những người có tuổi mạng Thổ như: Canh Tý (1900 - 1960...), Tân Sửu (1901 - 1961...), Mậu Thân (1908 - 1968...), Kỷ Dậu (1909 – 1969...), Bính Thìn (1916 - 1976...) Đinh Tỵ (1917 - 1977...), Canh Ngọ (1930 -1990...), Tân Mùi (1931 - 1991...), Mậu Dần (1938 - 199...), Kỷ Mão (1939 - 1999...), Bính Tuất (1946 - 2006...) và Đinh Hợi (1947 - 2007...).

Những người có tuổi mạng Thổ gặp năm Quý Tỵ thuộc mạng Thủy, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Thổ khắc mạng Thủy". Bởi vì, mạng Thổ được khắc xuất và mạng Thủy bị khắc nhập, cho nên những người có mạng Thổ, năm này mặc dù bị khắc kỵ, nhưng tổng quát nó không bị ảnh hưởng xấu nhiều, vì những người đó có mạng khắc kỵ với năm và cũng không có lợi bằng những người có mạng Thủy cùng năm mạng Thủy đã dẫn. Trường hợp này, giống như người có mạng Thủy gặp năm mạng Hỏa - mạng Hỏa gặp năm mạng Kim - mạng Kim gặp năm mạng Mộc và mạng Mộc gặp năm mạng Thổ.

- Những người có tuổi mạng Kim như: Giáp Tý (1924 - 1984...), Ất Sửu (1925 - 1985...), Nhâm Thân (1932 - 1992...), Quý Dậu (1933 - 1993...), Canh Thìn (1940 - 2000...), Tân Tỵ (1941 - 2001...), Giáp Ngọ (1954 - 2014...), Ất Mùi (1955 - 2015...), Nhâm Dần (1962 - 2022...), Quý Mão (1963 - 2023...), Canh Tuất (1910 - 1970...) và Tân Hợi (1911 - 1971...).

Những người có tuổi mạng Kim gặp năm Quý Tỵ thuộc mạng Thủy, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Kim sanh mạng Thủy". Bởi vì, mạng Kim bị sanh xuất và mạng Thủy được sanh nhập, cho

nên những người có mạng Kim, mặc dù được tương sanh, nhưng năm nay bị sanh xuất xem như bị tiêu hao tổng quát, vì chỉ cho ra mà chẳng thâu được nguồn lợi nào đáng kể và không bằng những người có mạng Thủy gặp năm mạng Mộc - mạng Mộc gặp năm mạng Hỏa - mạng Hỏa gặp năm mạng Thổ và mạng Thổ gặp năm mạng Kim.

- Những người có tuổi mạng Mộc như: Mậu Thìn (1928 - 1988...), Kỷ Tỵ (1929 - 1989...), Nhâm Ngọ (1942 - 2002...), Quý Mùi (1943 - 2003...), Canh Dần (1950 - 2010...),Tân Mão (1951 - 2011...), Mậu Tuất (1958 - 2018...), Kỷ Hợi (1959 - 2019...), Nhâm Tý (1912 - 1972...), Quý Sửu (1913 - 1973...), Canh Thân (1920 - 1980...) và Tân Dậu (1921 - 1981...).

Những người có tuổi mạng Mộc gặp năm Quý Tỵ thuộc mạng Thủy, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Thủy sanh mạng Mộc". Bởi vì, mạng Thủy bị sanh xuất và mạng Mộc được sanh nhập, cho nên những người có mạng Mộc năm này tổng quát rất tốt, thuận lợi, tiến triển về mọi mặt để đưa đến thành công như ý. Trường hợp này, giống như người có mạng Thủy gặp năm mạng Kim - mạng Kim gặp năm mạng Thổ - mạng Thổ gặp năm mạng Hỏa và mạng Hỏa gặp năm mạng Mộc.

Có người hỏi tại sao, năm Nhâm Thìn 2012 và năm Quý Tỵ 2013 đều thuộc mạng Trường Lưu Thủy tức hành Thủy, nhưng nó khác nhau như thế nào? Chúng ta đã biết có Dương rồi, thì phải có Âm đến, chúng nó luôn luôn đi đôi với nhau, không khác đôi chồng vợ hay vợ chồng, bởi vì Dương Âm lần lượt "tiêu trưởng rồi trưởng tiêu" như đã dẫn. Do vậy, năm Nhâm Thìn 2012 thuộc Dương và năm Quý Tỵ 2013 thuộc Âm là thế, mới đúng luật Dương Âm đề huề thật công bằng và tương đắc. Nhưng, chúng ta để ý sẽ thấy Chi của hai năm này khác nhau là Thìn và Tỵ, cho nên mạng cũng khác nhau. Chúng ta nên lưu ý sự kiện này sẽ thấy ở phần Địa Chi ảnh hưởng khác nhau như thế nào?

2.- Đối với Thiên Can ảnh hưởng như thế nào? :

* Năm Quý gặp can Giáp Ất :

Năm này là năm có Can là Quý, thuộc mạng Thủy và những người có tuổi Can là Giáp Ất thuộc mạng Mộc, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Thủy sanh mạng Mộc". Bởi vì, mạng Thủy bị sanh xuất và mạng Mộc được sanh nhập, cho nên năm này những người có mạng Mộc xem như tổng quát rất tốt, thuận lợi, tiến triển về mọi mặt để đưa đến thành công như ý. Trường hợp này, giống như những người có mạng Thủy gặp năm mạng Kim - mạng Kim gặp năm mạng Thổ - mạng Thổ gặp năm mạng Hỏa và mạng Hỏa gặp năm mạng Mộc.

* Năm Quý gặp can Bính Đinh: Năm này là năm có Can là Quý, thuộc mạng Thủy và những người có tuổi Can là Bính Đinh, thuộc mạng Hỏa, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Thủy khắc mạng Hỏa". Bởi vì, mạng Thủy được khắc xuất và mạng Hỏa bị khắc nhập, cho nên năm này những người có mạng Hỏa, xem như là năm xấu tổng quát, không thể thực hiện gì kết quả như ý. Trường hợp này, giống như những người có mạng Thủy gặp năm mạng Thổ - mạng Thổ gặp năm mạng Mộc - mạng Mộc gặp năm mạng Kim và mạng Kim gặp năm mạng Hỏa.

* Năm Quý gặp can Mậu Kỷ: Năm này là năm có Can là Quý, thuộc mạng Thủy và những người có tuổi Can là Mậu Kỷ, thuộc mạng Thổ, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Thổ khắc mạng Thủy". Bởi vì, mạng Thổ được khắc xuất và mạng Thủy bị khắc nhập, cho nên năm này những người có mạng Thổ, dù bị tương khắc, nhưng được khắc xuất xem như bị tiêu hao tổng quát, vì chỉ cho ra mà chẳng thâu được nguồn lợi nào đáng kể và không bằng những người có mạng Thủy gặp năm mạng Thủy. Trường hợp này, giống như người có mạng Thủy gặp năm mạng Hỏa - mạng Hỏa gặp năm mạng Kim - mạng Kim gặp năm mạng Mộc và mạng Mộc gặp năm mạng Thổ.

* Năm Quý gặp can Canh Tân: Năm này là năm có Can là Quý, thuộc mạng Thủy và những người có tuổi Can là Canh Tân thuộc mạng Kim, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Kim sanh mạng Thủy". Bởi vì, mạng Kim bị sanh xuất và mạng Thủy được sanh nhập, cho nên năm này những người có mạng Kim dù được tương sanh, nhưng bị sanh xuất xem như bị tiêu hao tổng quát, vì chỉ cho ra mà chẳng thâu được nguồn lợi nào đáng kể và không bằng những người có mạng Hỏa gặp năm mạng Mộc cũng được tương sanh, vì "mạng Mộc sanh mạng Hỏa như đã dẫn. Trường hợp này, giống như người có: mạng Thủy gặp năm mạng Mộc - mạng Mộc gặp năm mạng Hỏa - mạng Hỏa gặp năm mạng Thổ và mạng Thổ gặp năm mạng Kim.

* Năm Quý gặp can Nhâm Quý: Năm này là năm có Can là Quý, thuộc mạng Thủy và những người có tuổi Can là Nhâm Quý thuộc mạng Thủy, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì thì có cùng mạng Thủy, thì xem như tương hòa, cho nên năm này có đời sống an cư & lạc nghiệp sẽ gia tăng, phát triển về mọi mặt một cách bình thường, vì không bị khắc kỵ. Phàm ở trên đời, nếu có đời sống ổn định bình thường, thì xem như tương sanh tốt đẹp.

3.- Đối với Địa Chi ảnh hưởng như thế nào?

* Năm Tỵ gặp Chi Hợi Tý: Năm này có Chi là Tỵ thuộc mạng Hỏa, những người có địa chi Hợi và Tý thuộc mạng Thủy, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Thủy khắc mạng Hỏa". Bởi vì, mạng Thủy được khắc xuất, mạng Hỏa bị khắc nhập, cho nên năm này những người có mạng Thủy không bị xấu tổng quát, nhưng cũng không lợi bằng những người Hỏa cùng năm mạng Hỏa. Trường hợp này, giống như những người có mạng Mộc gặp năm Bính Tuất 2006 hay Đinh Hợi 2007 có mạng Thổ vậy.

* Năm Tỵ gặp Chi Thìn Tuất Sửu Mùi: Năm này có Chi là Tỵ thuộc mạng Hỏa, những người có địa chi Thìn Tuất Sửu và Mùi tức Tứ Mộ thuộc mạng Thổ, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Hỏa sanh mạng Thổ". Bởi vì, mạng Hỏa bị sanh xuất và mạng Thổ được sanh nhập, cho nên năm này những người có mạng Thổ, xem như tổng quát rất tốt, thuận lợi, tiến triển về mọi mặt để đưa đến thành công như ý. Trường hợp này, giống như những người có mạng Kim gặp năm Bính Tuất 2006 hay Đinh Hợi 2007 có mạng Thổ vậy.

* Năm Tỵ gặp Chi Dần Mão: Năm này có Chi là Tỵ thuộc mạng Hỏa, những người có địa chi Dần và Mão thuộc mạng Mộc, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Mộc sanh mạng Hỏa". Bởi vì, mạng Mộc bị sanh xuất và mạng Hỏa được sanh nhập, cho nên năm này những người có mạng Mộc, xem như năm bị tiêu hao tổng quát, vì chỉ cho ra mà chẳng thâu được nguồn lợi nào đáng kể, mặc dù không bị khắc kỵ nguy hiểm. Trường hợp này, giống như những người có mạng Hỏa gặp năm Bính Tuất 2006 hay Đinh Hợi 2007 có mạng Thổ vậy.

* Năm Tỵ gặp Chi Tỵ Ngọ: Năm này có Chi là Tỵ thuộc mạng Hỏa, những người có địa chi Tỵ và Ngọ thuộc mạng Hỏa, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì có cùng mạng Hỏa, xem như tương hòa, cho nên năm này có đời sống an cư & lạc nghiệp sẽ gia tăng, phát triển về mọi mặt một cách bình thường, vì không bị khắc kỵ. Phàm ở trên đời, nếu có đời sống ổn định, thì xem như tương sanh tốt đẹp. Trường hợp này, giống như những người có mạng Thổ gặp năm Bính Tuất 2006 hay Đinh Hợi 2007 có cùng mạngThổ vậy.

* Năm Tỵ gặp Chi Thân Dậu: Năm này có Chi là Tỵ thuộc mạng Hỏa, những người có địa chi Thân và Dậu thuộc mạng Kim, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Hỏa khắc mạng Kim". Bởi vì, mạng Hỏa được khắc xuất, mạng Kim bị khắc nhập, cho nên năm này những người có mạng Kim, xem như là năm xấu tổng quát và tai hại vô cùng. Trường hợp này, giống như những người có mạng Thủy gặp năm Bính Tuất 2006 hay Đinh Hợi 2007 có mạng Thổ vậy.

Để tạm kết thúc bài này, tôi xin trích dẫn thời gian những năm con Rắn vừa qua và mạng như thế nào? để quý bà con đồng hương xem mình có phải sanh đúng năm con Rắn hay không như dưới đây:

Ất Tỵ	: sanh từ 04-02-1905 đến 24-01-1906
Đinh Tỵ	: sanh từ 23-01-1917 đến 10-02-1918
Kỷ Tỵ	: sanh từ 10-02-1929 đến 29-01-1930
Tân Tỵ	: sanh từ 27-01-1941 đến 14-02-1942
Quý Tỵ	: sanh từ 14-02-1953 đến 02-02-1954
Ất Tỵ	: sanh từ 02-02-1965 đến 20-01-1966
Đinh Tỵ	: sanh từ 18-02-1977 đến 06-02-1978
Kỷ Tỵ	: sanh từ 06-02-1989 đến 26-01-1990
Tân Tỵ	: sanh từ 24-01-2001 đến 11-01-2002

Căn cứ theo thời gian các năm Rắn kể trên, chúng ta thấy cứ 60 năm, thì can của năm Rắn trở lại, bởi vì thời gian Vận Niên Lục Giáp là 60 năm.

Về mạng các năm Rắn, xin trích dẫn như sau:

- Mạng Kim thuộc các năm Tân Tỵ: 1941, 2001, 2061
- Mạng Mộc thuộc các năm Kỷ Tỵ: 1929, 1989, 2049
- Mạng Thủy thuộc các năm Quý Tỵ:1953, 2013, 2073
- Mạng Hỏa thuộc các năm Ất Tỵ: 1905, 1965, 2025
- Mạng Thổ thuộc các năm Đinh Tỵ: 1917,1977, 2037.

Kính chúc tất cả quý bà con đồng hương bước sang năm mới Quý Tỵ 2013 được An Khang, Thịnh Đạt mọi nhà ./.

Lễ hội HALLOWEEN ma quỷ quanh ta

• Nguyễn Thượng Chánh, DVM

Bàn chuyện ma quỷ là một việc vô cùng nguy hiểm vì đây là một vấn đề rất nhạy cảm được thiên hạ liệt vào loại mê tín dị đoan.

Tin ma hay không tin ma là quyền tự do của mỗi người. Xin đừng phán xét.

Tại sao con người thường hay tin là có ma?

Trong bài phóng sự "*Người Mỹ có tin ma quỷ không*" (VOA) thì hết 2/3 dân Mỹ trả lời là họ tin có ma, có người đến từ hành tinh xa (*aliens*) và các hiện tượng huyền bí khác.

Trong khi nhiều người cho rằng tin tưởng vào những chuyện ma quỷ là điên rồ, nhưng ngược lại các nhà khoa học xã hội thì lại có một cái nhìn khác hơn về vấn đề nầy.

Theo các nhà tâm lý học, không phải tại vì con người ngớ ngẩn đâu. Người ta có khuynh hướng tìm kiếm những gì sâu xa. Họ là những người hoàn toàn tỉnh táo.

Đàn ông Mỹ tin rằng người ngoài hành tinh là có thật trong khi đàn bà thì thiên về bói toán và thần linh.

Các tôn giáo đều có bàn luận và giải thích vấn đề ma quỷ - Theo Phúc Âm ma quỷ là dị giáo.

Nhiều nhà khoa học và sách báo ngoại quốc đã đề cập đến những hiện tượng huyền bí không thể giải thích được chẳng hạn như kinh nghiệm cận tử (*Near death experience*), xuất hồn, thần giao cách cảm v.v… Thậm chí hình ảnh bóng ma còn được ghi lại bằng tia hồng ngoại tuyến (*infra red*) và sự hiện diện của hồn ma cũng được dụng cụ điện tử phát hiện. Lẽ dĩ nhiên phe hoài nghi và chống đối cũng rất nhiều.

Trở về từ cõi chết hay hiện tượng kinh nghiệm cận tử

Kinh nghiệm cận tử, ánh sáng cuối đường hầm (hình internet)

Kinh nghiệm cận tử (*Near death experience*) là một hiện tượng mình cảm thấy mình thoát ra ngoài cơ thể lúc gần chết (*near death*) hay khi đã có dấu hiệu chết lâm

sàng rồi (*mort clinique, mort cérébrale*), chẳng hạn như điện não đồ hoặc điện tâm đồ đều bằng phẳng. Mình thấy mình chết từ bên ngoài cơ thể.

Hồn bay phất phơ trên trần nhà và nhìn xuống cái xác mình nằm trên bàn giải phẫu. Thấy bác sĩ và y tá lăng xăng làm hồi sinh, thậm chí mình còn bay đi chơi qua các phòng lân cận… và chứng kiến sinh hoạt bên đó (?).

Hiện tượng cận tử được Bs Raymond Moody nêu ra lần đầu tiên vào năm 1975. Các thăm dò cho biết có rất nhiều bằng chứng cho biết đây là một hiện tượng thường hay thấy xảy ra, nhưng ít người dám đề cập đến vì sợ thiên hạ không tin và còn bị người ta cười.

Sau đây là các điểm chính của hiện tượng cận tử theo Moody:

-Cảm thấy bình an và yên tịnh

-Cảm thấy sắp chết đến nơi hoặc đã chết rồi

-Nghe thấy tiếng động và tiếng nhạc thật êm dịu

-Đi vô đường hầm hoặc vào một cõi âm u tâm tối

-Cảm thấy mình thoát ra ngoài cơ thể (out of body experience)

-Gặp lại những mặt quen thuộc hay bà con đã chết từ trước

-Đi vào vùng ánh sáng

-Nhớ lại những biến cố quan trọng trong cuộc đời

-Cảm thấy đến biên giới cuối cùng, một giới hạn mà vượt qua đó có nghĩa là phải chết luôn

-Ý thức quyết định trở về và nhập trở lại vào thân xác

Đa số các người nầy sau đó đều thay đổi cách nhìn cuộc đời và cho biết họ không còn sợ chết nữa.

Hiện tượng cận tử có nhiều điểm rất tương tợ với cách giải thích thân trung ấm (*bardo*) trong tác phẩm Tạng Thư Sống Chết.

Tạng Thư Sống Chết của Đại sư Sogyal Rinpoché đã mô tả rất rõ tiến trình của giây phút lâm chung.

Kinh nghiệm cận tử- Hồn thoát ra khỏi xác -Out of body experience (hình internet)

Những kinh nghiệm của cõi trung ấm

http://www.quangduc.com/Taisanh/15tangthu3-18.html

"…Nếu hết sức quyến luyến cái xác của mình, thậm chí ta lại còn cố nhập vào nó hay lảng vảng bên nó. Có những trường hợp quá khích, là thân ý sanh có thể lai vãng gần tài sản hay xác của họ hàng tuần, hàng năm mà vẫn chưa có thể nghĩ rằng mình đã chết. Chỉ khi họ thấy mình không có bóng in trên mặt đất, không in dấu chân bước, cũng không phản chiếu trong gương, họ mới vỡ lẽ. Và nội một nỗi kinh hoàng khi nhận ra mình đã chết, cũng đủ làm cho họ ngất xỉu.

Trong cõi Trung Ấm tái sanh, ta sống lại tất cả những kinh nghiệm của đời vừa qua, ôn lại những kỷ niệm đã từ lâu phai mờ trong ký ức, và thăm lại những nơi chốn cũ, "dù chỉ là nơi ta chỉ có khạc nhổ lên đấy". Cứ bảy ngày một lần, ta lại bắt buộc phải sống trở lại cái kinh nghiệm chết, với tất cả nỗi đau khổ của nó. Nếu ta đã chết một cách an bình, thì trạng thái tâm an bình đó được tái diễn; nhưng nếu đó là một cái chết vật vã, sự vật vã ấy cũng được tái diễn. Và nên nhớ rằng, mọi sự được tái diễn với một ý thức mãnh liệt gấp bảy lần lúc sống. Và trong giai đoạn thoáng qua của Trung Ấm tái sanh, mọi nghiệp ác của các đời trước trở lại, một cách cô đọng cường liệt, làm cho tâm ta rối bời.

Cứ thế, ta một mình lang thang không ngừng qua thế giới Trung Ấm, kinh hoàng như trong một cơn ác mộng. Và cũng hệt như trong mộng, ta tin rằng mình thực có một cái thân vật lý, và mình thực sự hiện hữu. Tuy thế, tất cả những kinh nghiệm của Bardo này chỉ do tâm ta biến ra, do nghiệp và những tập quán cũ của ta tái diễn…" (Ngưng trích Tạng Thư sống Chết, Người dịch Thích Nữ Trí Hải)

Kinh nghiệm cận tử giải thích theo khoa học*.*
Scientific Theories of the NDE

http://near-death.com/experiences/experts01.html

Sau đây là một số giả thuyết về kinh nghiệm cận tử:

- Não người sắp chết hay vừa mới chết tiết ra **endorphin** (là một loại morphin) gây sảng khoái

- Chất gây mê cực mạnh **Ketamine** được não tiết ra và tạo nên ảo giác tách ra khỏi thân xác (*décorporation, out of body experience*)

- Các nhà khoa học có thể tạo ra kinh nghiệm cận tử giả tạo bằng cách cấp chất **LSD** (*psychotrope hallucinogène*) cho các người tình nguyện để gây ảo giác.

- Não bị **thiếu oxy** hoặc chứa **quá nhiều thán khí *carbon dioxide***

Bóng ma bên đường rầy xe lửa giữa đêm, dỏm hay thật? (hình internet)

Có phải ma là những sóng rung động tồn tại sau khi chết?

"Có giả thuyết cho rằng, khi chết thân xác ta mất đi nhưng ý thức thì vẫn còn tồn tại dưới dạng "sóng sinh học". Người sống không thể nào thấy và cảm nhận được sự rung động vibrations của các làn sóng nầy. Tuy vậy

vẫn có một số người cảm thấy được ma vì họ có những rung động phù hợp với các làn sống của ma.

*Họ có thể tiếp xúc và nói chuyện với thế giới bên kia. Đó là trường hợp của những nhà ngoại cảm, đồng bóng..” (*Trích từ Internet*)*

Phật giáo và ma

Trong kinh Phật có nói: Chúng sanh trôi nổi trong sáu cõi luân hồi:

*- **Cõi người:** như chúng ta đang sống hiện tại đây. Tất cả sự khác nhau trong cùng cõi người đều do phước/tội báo có sai biệt. Nhưng đã sinh ra làm người thì đều có cùng những nghiệp cảm nhất định. Các cõi khác cũng vậy.*

Để sinh vào cõi người cần giữ 5 giới.

*- **Cõi trời:** Phước báo hơn cõi người. Nhưng cũng có sự sai biệt về phước/tội trong cõi trời. Do vậy có sự phân chia ra 33 tầng trời (phân chia theo mức độ phước báo).*

Để sinh lên cõi trời cần giữ ít nhất 10 giới.

*- **Cõi súc sinh:** Bạn có thể thấy được bằng nhục nhãn (mắt người), đó là những con vật hiện đang sống quanh chúng ta, như chó, mèo, gà, cá, giun, dế, muỗi…*

Súc sinh nhìn chung phước báo kém hơn loài người.

*- **Cõi A Tu La:** phước báo lớn hơn cõi người, gần bằng hoặc bằng cõi trời. Nhưng tâm vẫn còn sân hận, chứ không được như cõi trời.*

*- **Cõi ngạ quỷ:** Phước báo ít, chịu khổ nhiều. Cũng có nhều loại ngạ quỷ, nhưng ngạ quỷ có một đặc điểm chung là phải chịu đói khát.*

*- **Cõi địa ngục:** Là cõi hầu như không có phước báo, do tạo nhiều nghiệp ác (sát sinh, trộm cắp, lừa gạt...) nên phải chịu quả báo là thọ thân trong cõi địa ngục...*

Sáu cõi, từ cõi phước báo lớn nhất là cõi trời, đến cõi phước báo ít nhất là cõi địa ngục, đều ở trong vòng sinh tử luân hồi.. ..

*Cho nên, những ai đang hưởng phước nếu ý thức được điều này cần lo tạo thêm phước mới. Ai đang chịu khổ thì không nên trách cứ bất kỳ ai, mà hãy lo gieo những nhân tốt mới để sớm gặt được quả tốt…” (*Ngưng trích- Sáu nẻo sinh tử luân hồi là gì? Tác giả Minh Đức, Hội Bông Sen*).*

http://hoibongsen.com/diendan/showthread.php?t=7441

Theo Cư sĩ Hoang Phong trong bài*: Có ma hay không?*

http://www.quangduc.com/file_chinh/view-detail-3191-3-128-tai_sinh.html

“Phật có đưa ra một ví dụ dễ hiểu. Khi bước ngang ngưỡng cửa lúc nhá nhem tối, ta thấy một con rắn. Ta hoảng hốt và giật lùi lại. Nhưng nhìn kỹ thì đấy chỉ là một cuộn dây thừng. Con rắn ở trong đầu ta. Con Ma cũng ở trong đầu ta là như vậy.

Khi ta ngủ mê, ta thường chiêm bao «thấy ma». Ta hét lên hay la ú ớ. Giật mình thức dậy, ta không thấy ma. Khi ngủ, ta nhắm mắt, nằm trên giường và trong gian phòng tối om, làm gì ta có thể dùng mắt mà thấy được. Cái thấy ấy là do tâm thức của ta thấy, hình ảnh con ma hiện lên từ tiềm thức ta, từ nơi a-lại-da-thức (âlayavijnâna) của ta, sinh khởi từ những xúc cảm bất loạn và tiềm ẩn trong ta, từ những nghiệp sâu kín của ta.

Tóm lại, và cũng xin lặp lại, con Ma nằm trong tâm thức ta, trong tâm trí ta và trong tâm linh ta. Tại sao? Vì Ma được sinh ra từ những tư tưởng của ta. Nó chính là Chủ nhân ông của mọi tư tưởng. Chính nó, xuyên qua quá trình vận hành của ngũ uẩn (skanha), đã làm phát sinh ra tư tưởng của chính ta. Những tư tưởng đó gồm có dục vọng và thèm khát, lôi theo những hành vi nhằm vào mục đích làm thỏa mãn những thèm khát và dục vọng đó. Hậu quả đưa đến là khổ đau. Trong đầu ta, Ma luôn luôn nhắc nhở ta phải bảo vệ cái tôi, cái ngã của ta, và tùy theo từng người, nó dùng cách quát nạt, ra lệnh hay vỗ về bằng những tiếng êm ái hay hét lên the thé…, mục đích để in đậm trong tâm trí ta sự hiện diện của cái ngã.

Ma là cái ngã đang thống trị ta, làm cho ta tham lam, ích kỷ, xúi giục ta, nịnh hót ta, biến ta thành đốn mạt, nói dối và quỷ quyệt. Ma không phải chỉ biết dọa nạt suông mà thôi. Những hành vi của Ma làm phát sinh ra Thế giới luân hồi (Samsara). Thế giới luân hồi nằm trong sự kiềm tỏa của Ma, và Ma lại nằm trong tâm thức của ta. Vì thế có thể nói Ma chính là một hình thức của Vô minh hay một cách nói để so sánh với Vô minh. Chính Ma đã tung hoành trong tâm thức ta, tạo ra u mê, lầm lẫn và khổ đau. Chính Ma kích động để ta tạo nghiệp”. (Ngưng trích).

Công giáo và ma quỷ

Sự hiện hữu của ma quỷ. Theo Thánh Kinh “… *Ngay trong từ thời khởi nguyên, ma quỷ đã hiện hữu dưới hình ảnh con rắn để cám dỗ ông bà nguyên tổ bất tuân lệnh Chúa (x. St 2, 16-17). "Ma quỷ phạm tội ngay từ lúc khởi đầu" (1Ga 3,8); "nó là kẻ nói dối và là cha sự gian dối" (Ga 8,44).*

Satan (Tiếng Hebrew: sătan, địch thủ) hoặc quỷ (Tiếng Hy Lạp: dabolos, kẻ vu khống): Kinh Thánh dùng cả hai tên đó để chỉ một nhân vật tự bản chất là vô hình nhưng hành động hay ảnh hưởng được biểu lộ trong hoạt động của kẻ khác (quỷ hay thần ô uế) hoặc trong cơn cám dỗ. Kinh Thánh rất dè dặt, chỉ nhằm cho chúng ta biết có nhân vật đó và các mưu mô của hắn cũng như các phương thế để chống lại các mưu mô đó (x. Điển Ngữ Thần Học Thánh Kinh)…”. (Ngưng trích. Quan điểm của Giáo hội Công giáo về vấn đề quỷ nhập trừ tà- viết bởi Ban Giáo lý Đà lạt)

Nhìn nhận có hồn ma (*âme errante*). Mời xem video do một nhà thần học công giáo diễn giải rất rõ ràng. Phim nói tiếng Pháp, (dài 48 phút). *Les fantômes, revenants, âmes errantes (Théologie catholique)*

http://video.google.fr/videoplay?docid=7613224569918073194

Chuyện khó giải thích:

Xuất hiện nhiều khuôn mặt người trên sàn nhà bếp tại làng Bélmez Tây Ban Nha tháng 8,1971.

http://www.youtube.com/watch?v=TuYO6QXqSWA

Phá bỏ sàn nhà, đổ ciment đúc lại, các mặt lạ vẫn còn xuất hiện ra, có khi thay đổi thành hình khác nhau trong một ngày. Hình từ trong ciment xuất hiện ra ngoài. Có khi thay đổi nét mặt tùy theo tâm trạng vui buồn của bà chủ nhà Maria Gomez. Có lúc bà Maria phải đi nằm bệnh viện thì các nét mặt của ma đều tỏ ra buồn rầu hết.

Đào lên, thấy có xương người không đầu. Đem chôn ở nghĩa địa công giáo. Làm nền nhà lại: hình vẫn còn tiếp tục xuất hiện ra. Các giáo sư đại học nổi tiếng đến cắt mẩu ciment có hình khuôn mặt để thử nghiệm hóa

học, làm đủ mọi test, chụp hình bằng tia hồng ngoại tuyến *infra red*, *ultra violet*, kết quả không có gì lạ hết.

Hình lạ trên sàn nhà bếp tại Bélmez, Tây Ban Nha (hình internet)

Cảnh sát cho phá bỏ nền nhà bếp, và đào sâu xuống 3 mét: tìm gặp 13 bộ xương, có cái không có đầu và có cái của trẻ em. Người ta suy luận là các nạn nhân đều bị giết và chết oan… Sau khi nền ciment được tráng lại xong xuôi thì các mặt vẫn xuất hiện trở lai như thường.

Sau hết người đặt máy ghi âm rất nhạy trong nhà để hy vọng ghi được tiếng nói của hồn ma (mà người thường không thể nghe được). May thay máy ghi được nhiều tiếng nói và âm thanh hỗn loạn của những oan hồn gồm có đàn ông, đàn bà và trẻ con… và hồn ma còn nêu cả tên ra nữa.

Được biết căn nhà nằm trên vùng nghĩa địa của thế kỷ thứ XIII.

Nhiều nhà chuyên môn về hiện tượng huyền bí siêu nhiên nghĩ rằng bà chủ nhà Maria Gomez, là một đồng bóng *psychic*, một người ***thoughtography*** có năng khiếu siêu nhiên tạo hình ảnh qua tư tưởng của bà (?)

Những khuôn mặt mới

Sau ngày bà Maria Gomez qua đời năm 2004, hiện tượng ma quái vẫn còn tiếp tục xuất hiện với những hình gương mặt mới lạ hơn.

Cuối năm 2004, báo El Mundo có đăng bài phóng sự phơi bày ra sự thật:

- Thủ phạm là Diego Pereira con trai của bà Maria Gomez tạo ra của các hình ảnh ma xuất hiện trên nền nhà sau ngày bà mẹ qua đời. Tháng 11. 2004 tờ báo El Mundo cho đăng bài "Những gương mặt mới tại Belmez là đồ dỏm và do nhóm săn ma và chánh quyền địa phương cấu kết tạo dựng ra".

Khuôn mặt người trên sàn nhà, làng Belmez, Espagne 1971 (hình internet)

Vẫn còn mù mờ về vấn đề ma quỷ

Thường thì ma quỷ gắn liền với chết chóc, chết trẻ, chết oan, hồn không siêu thoát được v.v… Trong những nhà có xảy ra án mạng, treo cổ, tự tử, chết oan… thường hay thấy xuất hiện ra những hiện tượng khó giải thích được như bóng ma lúc về đêm, tiếng động bất thường, tiếng bước chân như có ai đi trong nhà giữa đêm, đồ đạc rơi rớt vô cớ, luồng gió lạnh trong phòng kín, cảm giác như có sự hiện diện của ai đó bên cạnh ta…

Những chuyện ma được nghe kể lại

Có nhiều người kể là mỗi khi trong nhà có tang thì trong những ngày đầu tiên lúc chưa chôn, hồn ma của người chết có thể hiện ra lẩn quẩn trong nhà và nó cho một người nào đó thấy khiến cho họ sợ hết hồn. Đó là cách liên lạc của hồn ma với người thân còn sống.

Hồn người chết hiện về do một người thân trong gia đình kể lại

Đây là chuyện hồi năm 1996, tức là 16 năm về trước khi người em gái út (ngoài 30 tuổi) của bà xã qua đời tại Sài Gòn.

Cô ta chết vì bịnh ngặt nghèo. Theo phong tục Việt Nam, người xấu số được đưa từ bệnh viện về chết tại nhà. Đêm đầu tiên, cậu em có nhiệm vụ canh xác cô em để nằm dưới nhà. Anh nầy là dân góc nhà binh trước 75. Giữa khuya, anh ta cần lên lầu để làm cái gì đó, nhưng khi "*vừa bước lên cầu thang thì thấy rõ ràng **nó** lù lù đang đi xuống"*. Teo.

Không biết đây có phải là ảo giác *hallucination* hay không?

Theo Phật giáo thì trong mấy ngày đầu khi vừa mới chết, hồn ma còn quyến luyến nơi quen thuộc nên chưa biết đi đâu?

Chuyện bị ma đè, ma kéo ra khỏi giường

Hồi người gõ mới bắt đầu đi dạy tại trường Cao Đẳng Nông Nghiệp (Đại Học Cần Thơ) năm 1967 thì được rất nhiều anh em Giáo sư dạy bên Trường Trung học Nông Lâm Súc Cần Thơ (nằm gần bến xe mới) ven lộ 20 trên đường đi Bình Thủy, Long Xuyên kể lại những hiện tượng khó hiểu thường xảy ra tại một căn nhà bên cạnh trường. Đó là nơi dành cho các các giáo sư trú ngụ. Chính trong căn nhà nầy thường hay xảy ra những chuyện ma đè và ma kéo ra khỏi giường trong lúc họ còn đang **tỉnh táo chưa ngủ**… Các nạn nhân thề quyết rằng họ đều nói thiệt. Chuyện xảy ra cho rất nhiều người. Được biết căn nhà nầy ngày xưa được Tây dùng làm nơi tra tấn cộng sản.

Mong các thầy cũ hay cựu sinh viên THNLSCT của thập niên 60 có biết chuyện nầy phản hồi trên net.

Giải thích hiện tượng bị ma đè theo khoa học

Bác sĩ giải mã những giấc ngủ bị 'bóng đè'

http://vnexpress.net/gl/doi-song/2011/08/bac-si-giai-ma-nhung-giac-ngu-bi-bong-de/

Giáo sư Tiến sĩ Võ Văn Tới, Trưởng khoa Kỹ thuật Y sinh, Trường Đại học Quốc Tế TP.HCM thì cho rằng, hiện tượng bị "cứng người", bị "đè" hoặc bị "ma đè" ngoài nguyên nhân hệ tim mạch, hệ hô hấp, thần kinh không tốt, bệnh nhân còn có thể hoạt động gắng sức trong ngày, bị stress, hay tư thế nằm không phù hợp.

Riêng trường hợp bị khó ngủ, bị "bóng đè" khi dọn đến nơi ở mới, theo Tiến sĩ Tới có thể cơ thể bị dị ứng hoặc

bị ngạt bởi mùi sơn, mùi đồ đạc, hoặc mùi nấm mốc. (ngưng trích).

Trường Trung Học Nông Lâm Súc Cần Thơ

Chó thấy ma: **Chuyện do đồng nghiệp người Canada kể lại**

Mấy năm trước lúc còn đi làm, người gõ được một nhân viên *inspector* kể lại rất nghiêm trang một hiện tượng khó hiểu. Anh ta là người da trắng, lớn tuổi và sống tại thành phố nhỏ Rawdon, vùng Lanaudière nằm về phía Bắc Montreal lối 50km. Anh kể lại rằng một hôm sau buổi cơm chiều, anh có lệ dắt chó đi dạo quanh bờ hồ trước nhà. Khu anh ta ở thuộc vùng nông thôn hẻo lánh. Một hôm đang đi, con chó của anh thình lình rên tru, rụt rè có vẻ khiếp sợ vô cùng và cụp đuôi lại nép mình sau anh. Nhìn về phía trước anh ta thấy có một người đàn ông lạ cũng đang dẫn chó đi ngược chiều lại. Khi họ vừa qua khỏi, anh *inspector* liền ngoái mặt ra sau xem coi là ai… thì hoàn toàn không thấy một ai hết. Tứ bề vắng lặng. Không thể hiểu nổi. Anh ta không có lý do gì để phịa ra câu chuyện nầy cả.

Chuyện thú vật như chó mèo nghe, thấy hay cảm nhận được ma quỷ hay một thực thể vô hình nào đó là có thật. Chó có khả năng và có những giác quan đặc biệt có thể cảm nhận được các làn sóng rung động rất nhỏ hay sự hiện diện của ma quỷ. Nên biết là ma quỷ cũng là những làn sóng rung động. Người không có khả năng cảm nhận được những tần số rung động cực thấp.

Thú vật có giác quan thứ 6 không?

Thú vật có những khả năng và những giác quan rất đặc biệt mà con người không có.

Và cũng chính nhờ vào những giác quan đặc biệt nầy mà các thú như voi, hươu cao cổ, cá voi, trâu nước, tê giác, cá sấu, vân vân... có thể cảm nhận được hạ âm *infrasounds* tức là những âm thanh thật **thấp dưới** 20 Hz (mức âm thanh thấp nhứt mà con người chỉ có thể nghe được là 20Hz).

Đó là chưa nói đến việc thú vật có thể cảm nhận được sự thay đổi điện từ trong lòng đất. Bồ câu bay được nhờ biết định hướng vào từ trường.

Chắc chắn trong trường hợp động đất, thú vật như voi chẳng hạn cảm nhận được sóng *P waves* (đi rất nhanh trong lòng đất) vài giây trước sóng *S waves* tiếp nối theo sau làm xụp đổ nhà cửa).

Sóng hạ âm *infrasounds* di chuyển trong đất, trong nước và trong không gian.

Voi có thể giậm chân để liên lạc với đồng loại ở cách xa hằng chục km. Tiếng rống của voi cao vút trên 117 *Decibels* và được các voi khác nghe dù chúng ở rất xa nhau cả nhiều cây số. Đây là cách voi liên lạc với nhau để tập hợp đàn trong lúc di chuyển cũng như để tìm "voi cái" để *vui vẻ.*

Các đàn chim trời cũng thế. Tại Canada, vào đầu mùa Xuân hay cuối Thu, vịt trời thường bay thành đội hình tháp chữ ^ hay đội hình thẳng rất có kỷ luật và rất đẹp mắt. Lúc bay chúng thường phát ra những hạ âm *infrasounds* để thay đổi đội hình mỗi khi gặp chướng ngại, như núi non hay luồng gió bất ngờ phía trước.

Dơi bay bằng *sonar* nghĩa là phát ra những vi âm đặc biệt để xác định chướng ngại vật hoặc con mồi.

Còn loài bướm *Monarch* (*Danus plexippus*) (Vương Điệp?) để tránh lạnh, mỗi năm chúng tìm cách bay di cư đến vùng nắng ấm Mexico cách Canada 4-5 ngàn km về phía nam thì làm sao giải thích được đây?

Chuyện do Anh H bên Cali kể

"*Thời Trung học có chơi với các bạn cầu cơ, nên biết là có cõi của người chết (hoặc mới chết). Trong gia đình có người thân sau nầy cũng kể kinh nghiệm riêng: thí dụ, bà dì (em kế của mẹ, hiện đang sống ở Quận Cam, Cali kể rằng, dì tin rằng một đứa em gái của H là tái sinh của một bà dì khác mất thời trẻ vì mỗi lần nhìn đứa em này là bà dì lại cảm giác như thế (dì kế, bà dì kia chết khi chưa tới 20 tuổi, lúc hấp hối có nói là sau này sẽ về trả ơn mẹ của H, có lẽ đây là nhân duyên để về lại):*

Thí dụ khác, bà xã của H kể chuyện rằng một bà cô họ của bà xã chết ở Pleiku, nhưng khi hấp hối nổi tâm sân với một người khác trong dòng họ (vì từng bị người này ngược đãi), nên hễ cứ người này nhìn lên ảnh trên bàn thờ bà cô là thấy khuôn mặt bà cô giận dữ như quỷ hiện, trong khi ai khác nhìn chỉ thấy khuôn mặt bình thường và cứ mỗi lần tới ngày giỗ bà cô vợ là người này ra đường là bị chó cắn" (Trích lại lời Anh H).

Nhờ ma quỷ mà hái ra tiền

Nhưng nói gì thì nói, ma quỷ là một đề tài hái ra tiền của kỹ nghệ điện ảnh, TV, thầy bùa, thầy pháp ếm trừ ma quỷ cũng như nhà ngoại cảm nói chuyện với cõi âm, giúp tìm xác chết… hỏi thăm coi họ đang ở đâu có được sung sướng không? MC Nguyễn Ngọc Ngạn cũng từng nổi tiếng về việc kể truyện ma.

Các bạn có xem các phim *Exorciste* (Quỷ ám) chưa? Biết rằng là đồ xạo nhưng cam đoan cũng hồi hộp lắm. Tối hổng dám ngủ một mình đó.

Lễ Halloween là gì?

Mùa lễ Halloween, kỹ nghệ đồ chơi, đồ hóa trang và bánh kẹo tha hồ mà hốt bạc.

Halloween là lễ ma quỷ đêm 31 tháng 10 hằng năm tại các quốc gia Bắc Mỹ. Theo truyền thống, trẻ em được hóa trang thành ma quỷ và đến gõ cửa từng nhà xin kẹo bánh để dành ăn cả năm.

Lễ Halloween có nguồn gốc xa xưa từ dân tộc Celte Ái Nhĩ Lan và Anh Quốc. Tục lệ Halloween theo di dân du nhập Bắc Mỹ vào thế kỷ thứ 19. Màu đen và vàng tượng trưng cho sự chết chóc và thu hoạch mùa màng. Người

ta nói rằng đêm đó cô hồn từ mồ mả chui ra và các mụ phù thủy cỡi chổi bay đi khắp nơi. Trẻ em hóa trang thành ma quỷ để cô hồn tưởng nhầm là phe ta cho dễ làm ăn.

Biểu tượng lễ Halloween là một loại bí rợ *pumpkin*, được cắt khoét rỗng, có mắt, mũi, để một cây đèn cầy bên trong và đem đặt trước cửa nhà.

Cơ học lượng tử (*quantum mechanics*) có thể giải thích chuyện ma quỷ không?

"…Cơ học lượng tử là một lý thuyết cơ học, nghiên cứu về chuyển động và các đại lượng vật lý liên quan đến chuyển động như năng lượng và xung lượng, của các vật thể nhỏ bé, ở đó lưỡng tính sóng hạt được thể hiện rõ. Lưỡng tính sóng hạt được giả định là tính chất cơ bản của vật chất, chính vì thế cơ học lượng tử được coi là cơ bản hơn cơ học Newton vì nó cho phép mô tả chính xác và đúng đắn rất nhiều các hiện tượng vật lý mà cơ học Newton không thể giải thích được. Các hiện tượng này bao gồm các hiện tượng ở quy mô nguyên tử hay nhỏ hơn (hạ nguyên tử). Cơ học Newton không thể lý giải tại sao các nguyên tử lại có thể bền vững đến thế, hoặc không thể giải thích được một số hiện tượng vĩ mô như siêu dẫn, siêu chảy. Các tiên đoán của cơ học lượng tử chưa bao giờ bị thực nghiệm chứng minh là sai sau một thế kỷ.

Cơ học lượng tử là sự kết hợp chặt chẽ của ít nhất ba loại hiện tượng mà cơ học cổ điển không tính đến, đó là: (i) việc lượng tử hóa (rời rạc hóa) một số đại lượng vật lý, (ii) lưỡng tính sóng hạt, và (iii) vướng lượng tử…" (Ngưng trích, nguồn Wikipedia).

"…Thế giới vi mô (microscopic) của cơ học lượng tử đã mang lại nhiều thách thức đối với sự hiểu biết thông thường của chúng ta, và đây chính là một trong những điều phi thường và thú vị của vật lý học hiện đại. Vì ánh sáng có thể được thấy dưới hai dạng, hoặc là hạt (particle), hoặc là sóng (wave), và vì nguyên lý bất định (principle of uncertainty), ta không thể nào biết được một điện tử có chức năng gì và nó đang ở đâu, và khái niệm vật lý lượng tử về sự chồng chập mang lại một cách hiểu hoàn toàn mới lạ so với vật lý học cổ điển, vốn cho rằng mọi vật đều có tính cách chỉ định và có thể tiên đoán được.." (Ngưng trích Vũ trụ trong một nguyên tử - Trần Uyên Thi dịch).

Người gõ tin chắc rằng Giáo Sư Trịnh Xuân Thuận đã có cách giải thích trong tác phẩm **Hỗn độn và hài hòa** (Le Chaos et l'Harmonie).

Kết luận

Cá nhân người gõ chưa từng thấy ma bao giờ nhưng tin rằng phải có một "*cái gì đó*", một thực thể (*entity*) không thể giải thích được, một *dimension* ngoài cái thế giới hữu hình mà chúng ta hiện đang sống.

Phải chăng ma quỷ là những oan hồn còn phiêu bạc trong cõi trung ấm (*bardo*) và họ cố tìm cách liên lạc với người trên dương thế?

PHÂN ƯU

Hay tin Bác

PHẠM VĂN ÚT
Pháp danh: Thiện Đạo
Sanh ngày 26.7.1928 tại Việt Nam
Đã an lạc ra đi ngày 16.11.2012 nhằm ngày 3 tháng 10 năm Nhâm Thìn, tại Ý.
Thượng thọ 84 tuổi.

Đại Đức Thích Hạnh Bảo, Trụ trì chùa Viên Ý cùng toàn thể Phật Tử xin thành kính chia buồn cùng Bác Gái và tang quyến. Nguyện hương linh người quá vãng sớm siêu thăng Phật quốc.
- **Chùa Viên Ý**

"Nói chung, giai đoạn thân trung ấm kéo dài khoảng bảy tuần (bốn mươi chín ngày), nhưng cũng có thể ngắn hơn nhiều, hoặc trong một số trường hợp hiếm có, có thể kéo dài hơn. Trong phân nửa thời gian đầu của giai đoạn chuyển tiếp này, chúng ta có thể cảm thấy mình có thể xác và tình cảm của kiếp trước mà mình vừa mới trải qua. Trong phân nửa thời gian còn lại, chúng ta có thể cảm thấy mình có thân xác và kinh nghiệm của kiếp tái sanh sắp tới… (Chết an lạc - Tái sinh hoan hỷ. Thích Nguyên Tạng - Thích Như Điển).
http://www.quangduc.com/file_chinh/view-detail-2767-199-6-tai_sinh.html

Nhưng nói cho cùng, loại ma đáng sợ nhất vẫn là **ma đang nằm trong ta**: "*…Ma là cái ngã đang thống trị ta, làm cho ta tham lam, ích kỷ, xúi giục ta, nịnh hót ta, biến ta thành đốn mạt, nói dối và quỷ quyệt…. Chính Ma đã tung hoành trong tâm thức ta, tạo ra u mê, lầm lẫn và khổ đau. Chính Ma kích động để ta tạo nghiệp…" (theo Cư sĩ Hoàng Phong)./.*

Đọc thêm

-Nguyễn Thanh Giản- *Chuyện ma có thật hay không*?
http://www.vietbang.com/index.php?c=article&p=633
-TS Huê Dân –*Ma và ngạ quỷ*
http://www.phattuvietnam.net/nghiencuu/15605-ma-v%C3%A0-ng%E1%BA%A1-qu%E1%BB%B7.html
- *Near death experience (Wikipedia)*
http://en.wikipedia.org/wiki/Near-death_experience
-Ánh sáng trong kinh nghiệm cận tử
http://phapamgiaithoat.com/ebook/Anh-Sang-Trong-Kinh-Nghiem-Can-Tu-Ngan-Ha.pdf
-Trần Uyên Thi Dịch-*Tánh không, thuyết tương đối và vật lý lượng tử*
http://www.trangnhahoaihuong.com/files/03_TanhKhong_final.pdf
- *Cơ học lượng tử (wikipedia)*
http://vi.wikipedia.org/wiki/C%C6%A1_h%E1%BB%8Dc_l%C6%B0%E1%BB%A3ng_t%E1%BB%AD
-Quantum mechanics(Wikipedia)
http://en.wikipedia.org/wiki/Quantum_mechanics
-Les visages de Bélmez
http://www.2hcreations.net/enquetes-impossible/belmez.php

(Montreal, Oct 2012)

Long Vỹ Xà đầu

• **Nhựt Trọng**

Tôi viết bài nầy vào những ngày cuối năm con Rồng, sắp bước qua đầu năm con Rắn và xin được mượn ý hai câu thơ trong Sấm Trạng Trình để đề tựa

Long Vỹ Xà đầu khởi chiến tranh
Can qua xứ xứ khổ đao binh...

Mấy năm qua, tuy chưa đến thời gian như hai câu Sấm trên đây, nhưng chiến tranh đã liên tiếp xảy ra nhiều nơi trên thế giới: Cuộc chiến khốc liệt tại Irak chưa yên thì đến Afganistan, Pakistan, Ai Cập, Libya, Syria... Hàng ngàn, hàng chục ngàn sinh mạng đã tử vong, cùng với biết bao tang thương đổ nát. Rồi hiện nay, tranh chấp về các biển đảo giữa Trung Quốc với Nhựt Bản, với Phi Luật Tân, với Việt Nam… ngày càng leo thang, ngày càng căng thẳng. Thù hận thâm sâu giữa Israel và Iran; hai bên sẵn sàng tàn sát nhau. Mầm mống một cuộc chiến tranh kinh hãi (kể cả chiến tranh nguyên tử) có thể xảy ra bất cứ lúc nào! Thiên tai, bão lụt, nạn tai, sóng thần, khủng bố cũng liên tiếp gây ra vô vàn khổ hãi cho con người. Nhân tình thế thái đảo điên.

Giờ đây, chu kỳ cuối năm Thìn bước sang đầu năm Tỵ một lần nữa lại đến bên thềm. Không biết lời tiên tri trong Sấm Trạng Trình qua chu kỳ nầy sẽ ứng hiện ra sao. Có điều, gần tròn một năm qua, vào ngày 21.12.2011, trong một Pháp Hội tại Đài Loan, Hòa Thượng (HT) Tịnh Không đã cảnh báo: Từ 21.12.12 sẽ có 3 ngày không có mặt trời, thế giới bao trùm trong đen tối! HT khẳng định, đây không phải là ngày tận thế. Tuy nhiên, trái đất sẽ đi vào vòng đại quang tử, gây ra thật nhiều biến cố cho nhân loại. Hiện nay, chúng ta đang sống trong không gian 3 chiều; chừng đó sẽ đổi sang không gian Zero chiều rồi đi đến không gian 4 chiều. Biến cố nầy sẽ hủy diệt khoa học, kỹ thuật hiện đại và nhân loại sẽ bị chết rất nhiều. Cơ quan không gian NASA Hoa Kỳ và nhiều nhân vật tiếng tăm trên thế giới, cụ thể như Công chúa Nhựt Bản Kaoru Nakamaru, cũng có thông điệp liên quan đến những biến cố như vậy. (Google - Công chúa Nhựt Bản phát biểu trong Hội Nghị Pythagoras Toàn cầu vào ngày 02.01.12).

Tính từ 21.12.11 đến 21.12.12, còn đúng 365 ngày HT sách tấn mọi người nên buông bỏ tất cả. Mỗi ngày chúng ta phải đếm ngược thời gian và chí tâm làm lành lánh dữ, trì niệm hồng danh A Di Đà Phật, quay về tự tánh của mình. Niệm Phật là nhân; thành Phật là quả. Cái lý nhân quả của Đạo Phật không bao giờ sai trái.

Không biết được HT Tịnh Không đã cảm ứng hay là muốn dùng phương tiện thiện xảo như trong Kinh Pháp Hoa để cứu độ chúng sanh? Nhưng chúng tôi thiển nghĩ, chúng ta không nên để mất thời gian tranh cãi, lý luận có, không mà nên nhìn thẳng vào thực tế. Những điều bất an, hiểm nạn khắp nơi ngày càng mãnh liệt hơn. Không thể vô tư ngồi chờ xem ngày đó có xảy ra hay không; mà chúng ta nên tự hỏi trong năm qua, chúng ta đã tu tập thế nào, có chí tâm niệm Phật, có làm được những điều thiện hoặc tránh được những điều ác? Chúng ta có nhớ nghĩ và nguyện cầu cho những đau thương, chết chóc, những điều bất an, thảm nạn đang từng giờ từng phút xảy ra trên trái đất nầy không!

Sau mấy dòng tâm tư thô thiển tất niên, như thường lệ, chúng tôi muốn kể hầu quý vị về hình dạng, đời sống, tập quán... của rất nhiều loài Rắn khác nhau, để xin góp tiếng chào mừng năm mới Quý Tỵ. Tuy nhiên, ngày nay, vào Internet, chỉ cần ghi vài chữ lên Google, bấm một cái là chúng ta có được những tài liệu cần biết. Vì vậy chúng tôi xin dành sự tra cứu cho quý Vị. Phần tiếp theo đây, chúng tôi xin ghi lại vài mẩu chuyện Phật pháp có liên quan đến loài Rắn, liên quan đến cái tánh sân, cái tánh nghi cố hữu của con người, liên quan đến tình nghĩa Thầy Trò, bạn hữu, kẻ trên người dưới và chúng tôi thiển nghĩ, chính vì những điều trên đây, lại thiếu Từ tâm mà chiến tranh dưới nhiều hình dạng vẫn thường xuyên hiện hữu.

Nếu không có chánh kiến, chánh niệm như lời Phật dạy trong Bát Chánh Đạo; hoặc vì bị vô minh, chướng ngại che khuất, chúng ta sẽ nghĩ, sẽ thấy rất sai lầm. Cụ thể như vì thiếu ánh sáng, vì vội vàng, vì sợ hãi hoặc vì mất bình tỉnh, chúng ta sẽ nhìn một sợi dây thừng mà tưởng là một con Rắn.

Nói về Tánh nghi và cần phải Giải nghi, chúng tôi xin được kể lại cùng quý Vị một bài học vô cùng thâm thúy:

Đức Khổng Tử hay Khổng Phu Tử, sanh năm 551 trước Công nguyên (cùng thời với Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, nhưng kém Phật 73 tuổi: Phật Đản sanh năm 624 TCN), là một nhà Hiền Triết, một Nhà Tư Tưởng, Xã Hội lừng danh trên thế giới. Thời Đông Chu, chiến tranh loạn lạc triền miên, Khổng Tử cùng với một số đệ tử đã từ nước Sở sang nước Tề lánh nạn. Thầy trò gặp rất nhiều khó khăn, thiếu ăn, thiếu mặc và gánh chịu nhiều nỗi gian nguy.

Một hôm, Tử Lộ đang cùng với vài huynh đệ đi vào rừng sâu để tìm rau quả.; Nhan Hồi đang có nhiệm vụ nấu cơm (Tử Lộ và Nhan Hồi đều là những đệ tử lớn của Khổng Tử). Trong khi Đức Khổng Tử đang nằm đọc sách trên gác, có khung cửa sổ nhìn sang nhà bếp. Chợt nghe một tiếng động. Đức Khổng Tử nhìn sang thì thấy Nhan Hồi đang xới cơm, rồi gom những hạt cơm phía trên lại và sau một vài phút suy tư... Nhan Hồi đã ăn phần cơm nầy. Đức Khổng Tử thoáng buồn, vì nghĩ rằng, trong lúc Thầy trò, huynh đệ đang đói khổ mà một đệ tử tâm phúc của mình có thể ăn vụng như vậy.

Nhưng với trí tuệ, đạo đức của một bậc Minh Sư, Khổng Tử đã quyết tìm ra sự thật để dạy dỗ đệ tử của mình (Không thể nghi ngờ, chấp ngã, để bụng và ghét bỏ, khi mình chưa tận tường thực hư!).

Đến giờ ăn, Đức Khổng Tử bèn nói với đại chúng: Hôm nay, Thầy muốn xin một chén cơm để cúng Mẹ. Mọi người đều rất hoan hỷ. Chỉ riêng Nhan Hồi đã khẩn khoản trình thưa:

- Bạch Sư Phụ, cơm hôm nay không được thanh tịnh!
- Vì sao? Đức Không Tử hỏi.
- Bạch Sư Phụ, vì vừa rồi khi cơn gió lớn thổi qua làm rơi cái nắp nồi cơm xuống đất, bồ hóng, bụi dơ đã rơi vào nồi cơm. Con phải gom những hạt cơm dơ lại. Nhưng con nghĩ, nếu bỏ đi thì sẽ thiếu cơm cho đại chúng. Vì vậy, con đã ăn phần cơm nầy và trong bữa ăn hôm nay, con chỉ xin ăn rau!

Sư Phụ và đại chúng đều cảm kính trước tâm tình của một người đồng tu; mà nếu như Sư Phụ không khéo thì đã nghi oan cho đệ tử của mình; đồng thời, cũng ôm phiền não cho chính bản thân.

Trong bối cảnh nhiễu nhương, phân hóa hiện nay, trong thời điểm "Long Vỹ Xà Đầu khởi chiến tranh" một lần nữa lại quay về, tiếp theo đây, chúng tôi xin mạo muội kể lại câu chuyện Thành Cát Tư Hãn và con chim Ưng. Thiển nghĩ, có nhiều Vị đã từng nghe qua, nhưng trong giờ phút tiễn cựu nghinh tân nầy, hy vọng, khi đọc lại, chúng ta sẽ có dịp quán chiếu tư duy thêm được ít nhiều lợi lạc. Đức Bổn Sư Thich Ca Mâu Ni Phật khi vừa hạ sanh đã chỉ dạy: Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn. Cái ngã là trên hết và đã gây ra thật nhiều tội ác, trái oan trong cuộc sống:

Thành Cát Tư Hãn sinh năm 1162, thuộc dòng dõi Nhà Nguyên. Là một Hoàng Đế, một Đại Hãn của Đế quốc Mông Cổ, cũng là một vị Tướng bách chiến bách thắng, đã từng đem đại quân xâm lược khắp nơi. Sau những cuộc hành quân, ông có cái thú đi săn (Lại vương mang nghiệp sát!). Đặc biệt, bên ông lúc nào cũng có con chim Ưng to lớn, khôn ngoan. Nó có khả năng bay vút lên cao để chỉ điểm cho Thành Cát Tư Hãn những nơi có nhiều thú rừng.

Một hôm Thành Cát Tư Hãn và đoàn tùy tùng đang đi săn giữa một vùng đồi núi hoang vu và không còn nước uống. Cái khát vô cùng bức bách. Mọi người vội vã đi tìm nước. Chợt Thành Cát Tư Hãn thấy có một khe nước nhỏ rỉ ra từ vách núi. Ông lấy cái chén bằng bạc quý báu của mình mang theo để hứng nước. Khi được vài ngụm nước, Thành Cát Tư Hãn đưa chén lên miệng uống thì con chim Ưng vụt bay qua hất rơi xuống đất. Thoáng giận, nhưng ông đã kiên nhẫn hứng thêm từng giọt nước. Khi ông ta đưa lên miệng uống thì con chim Ưng cũng bay đến đánh rơi chén nước. "Ngã" bị xúc phạm rồi. Đến lần thứ 3, Thành Cát Tư Hãn đã vung gươm giết chết con chim thân tín của mình.

Bỏ xác con chim Ưng nằm lại bên đường, Thành Cát Tư Hãn và đoàn tùy tùng ra đi không chút xót thương. Mọi người đi dần lên cao hơn để tìm nước. Chợt thấy một cái hồ nước nhỏ phía trước. Thành Cát Tư Hãn vội đến đó để lấy nước. Nhưng trên mặt hồ có xác một con Rắn độc rất to với nhiều ruồi nhặng và bốc mùi hôi thúi; Chính vì con chim Ưng khi bay lên cao đã nhìn thấy khe nước mà Thành Cát Tư Hãn định uống, phát xuất từ đây.

Thành Cát Tư Hãn chợt hiểu ra tấm lòng của con chim quý. Nó trung thành, nó thương yêu, nó muốn bảo vệ cho người chủ của mình; nhưng tiếc ví nó "không nói được nên lời" và phải thiệt thân. Thành Cát Tư Hãn đã cho binh sĩ nhặt xác con chim Ưng đem về mai táng và ghi lại một mẩu chuyện để đời.

Hai câu chuyện kể trên diễn đạt một vài kinh nghiệm vô cùng quý báu trong cuộc sống. Có những việc chính mắt mình thấy, chính tai mình nghe đành rành ra đó, nhưng chúng ta vẫn chưa hiểu được bản chất, chưa biết được sự thật. Dù là một vị Hoàng Đế lừng danh, nhưng Thành Cát Tư Hãn không thấy được sự việc thật nhỏ (mà vô cùng hiểm nguy) như con chim Ưng đã thấy; Cụ thể, Thành Cát Tư Hãn đã không thấy được "hành động bất thường" từ con chim tâm phúc của mình. Thành Cát Tư Hãn cũng không có tình thương với thuộc cấp, mà chỉ bảo vệ cái ngã của minh. Phải có lòng tin cậy, sự trung thành, tình thương yêu rốt ráo, nhất là Từ tâm và sự tu học, chuyên trì lời Phật dạy mới có thể giúp cho thế giới hòa bình, nhân sinh an lạc, tránh được cảnh "Long vỹ Xà đầu khởi chiến tranh" luôn tái diễn.

Chiến tranh, nạn khổ, bịnh tật... luôn hiện hữu. Tất cả đều không ra ngoài cái lý Nhân Quả của Đạo Phật. Trong Kinh còn có rất nhiều lời dạy răn qua những mẩu chuyện vô cùng quý báu:

1.-KINH LƯƠNG HOÀNG SÁM

Người mang tâm ác, làm những việc ác sẽ thác sanh thành Rắn độc. Hoàng Hậu của vua Lương Võ Đế (LVĐ) là Bà Hy Thị, vì được Nhà Vua yêu quý nên lòng đố kỵ của Bà ngày càng cao. Hy Thị ganh tị với các cung phi, độc ác với mọi người và hủy báng Tam Bảo. Sau, Bà bị bịnh nặng mà chết. Một hôm, vào giữa đêm khuya, đang ngồi trong Hoàng cung tĩnh mịt, vua LVĐ chợt nghe có tiếng người kêu van thảm thiết: "Hoàng đế ơi! Thiếp là Hy Thị đây, vì quá độc ác nên Thiếp phải đọa làm Rắn mãn xà. Ngày đêm đau khổ, thân thể tanh hôi, vi vãy đều bị côn trùng rúc rỉa, nhứt nhối không thể chịu được!". Vua LVĐ đã triệu tập Triều thần để tìm phương cứu độ cho Hoàng Hậu.

Hòa Thượng Chí Công, một cao Tăng đắc đạo đương thời, đã theo lời thỉnh cầu của vua LVĐ mà triệu tập các danh Tăng soạn ra Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp nầy (Còn có tên là Kinh Lương Hoàng Sám).

Nhà Vua đã thân hành lễ lạy, sám hối nghiệp chướng cho Hoàng Hậu. Trì tụng Kinh nầy vài hôm người ta đã cảm thấy có mùi hương lạ trong Đạo tràng. Khi tụng đến quyển thứ năm, vua LVĐ nghe từ trên không trung có tiếng của Hy Thị cám ơn Hòa Thượng và Hoàng Đế; Bà đã thoát nạn và được sanh lên Đao Lợi Thiên Cung.

Từ đó cho đến ngày nay, Kinh Lương Hoàng Sám vẫn luôn được truyền tụng. Thầy Tổ hằng chỉ dạy: Nếu có người bị bịnh khổ lâu ngày, xác thân đau đớn, mỏi mòn, tinh thần suy kiệt, mê cuồng; đó chính là cái quả, do cái nhân xấu ác mà họ đã gây ra. Nếu thân nhân gia đình phát tâm sám hối nghiệp chướng cho họ, nương nhờ Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp như Vua LVĐ đã làm, thì người bịnh được lành; còn như tuổi đời đã mãn thì được an ổn ra đi và cũng nhờ công đức lễ bái, sám hối của người thân; nhờ lòng từ bi của Tăng chúng, của những người hộ niệm mà họ được siêu sanh Tịnh Độ.

2.-KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT

Trong Kinh Địa Tạng, Phật cũng ân ân chỉ dạy rất nhiều trường hợp về nhân quả: Kẻ nóng giận, quả báo sẽ có thân hình xấu xí, tàn tật. Kẻ bỏn xẻn, quả báo cầu mong gì cũng không được toại nguyện. Kẻ buông lung, săn bắn, quả báo kinh hãi điên cuồng, mất mạng. Kẻ trái nghịch với mẹ cha, quả báo bị trời đất tru lục. Kẻ đốt núi rừng, quả báo cuồng mê đến chết. Kẻ làm cha mẹ ghẻ ăn ở độc ác, quả báo thác sanh trở lại sẽ bị roi vọt. Kẻ hủy báng Tam Bảo, quả báo đui điếc, câm ngọng. Kẻ khinh chê Giáo pháp, quả báo ở mãi trong ác đạo. Kẻ lạm phá của thường trụ, quả báo ức kiếp luân hồi nơi địa ngục. Kẻ phá giới, phạm trai, quả báo cầm thú, đói khát. Kẻ đâm chọc gây gổ, quả báo không lưỡi hoặc nhiều lưỡi.

Chúng sanh trong cõi Ta Bà Ngũ Trược Ác Thế nầy, từ nơi thân-khẩu-ý tạo ác, kết quả phải nhận lấy trăm nghìn muôn ức sự báo ứng như vậy.

Người đời thường nói, cái tâm sân si, độc ác là tâm Rắn. Thật vậy, loài Rắn vô cùng nguy hiểm. Nó nằm yên, rình rập để bắt mồi. Nếu chúng ta vô tình đi qua hay đạp lên mình Rắn là bị nó cắn liền. Có nhiều loại Rắn có nộc rất độc, không thể chữa trị kịp, vì vào máu nộc độc làm cho nạn nhân bị đứng tim!

Rắn trả thù rất thâm! Thời gian sống ở làng quê, tôi được nghe kể lại mẩu chuyện, một người chặt đứt đầu một con Rắn độc. Một con Rắn khác đã tha cái đầu Rắn đến để trên ngạch cửa. Chiều tối người đó trở về nhà, vừa bước lên ngạch cửa thì bị cái đầu Rắn cắn chết! Do kinh nghiệm nầy, mà người dân quê khi giết Rắn thì phải đập nát cái đầu Rắn hay là đem chôn.

Tôi cũng chứng kiến, một thanh niên đi làm ruộng đập chết một con Rắn Hổ Mang. Anh ta lấy dây cột vào cổ con Rắn xách về treo trên một cành cây. Nghỉ ngơi một lát, anh làm thịt Rắn để nhậu. Tưởng là Rắn đã chết, anh sơ ý đụng vào miệng Rắn, nó quặp lại; nộc độc đã làm cho anh nầy bất tỉnh và chết ngay!

Nếu quý vị có dịp nhìn thấy hình ảnh một con Rắn Hổ cất cao đầu, phùng mang chiến đấu quyết liệt với một con mèo hoặc một con chó; có khi đối phương bỏ chạy, nó đuổi theo như vũ bão. Thật hung hăng! Trong võ thuật thì có Xà quyền, một thế võ vô cùng nhanh nhẹn, vô cùng lợi hại.

Tuy nhiên Kinh Phật đã chỉ rõ cái nghiệp xấu của loài Rắn: Nó phải mang thân nhiều kiếp không có chân, phải trườn lết, phải ăn tươi nuốt sống, đâu có biết ngon dở thế nào, chỉ cốt sao cho đỡ đói. Nhiều lần tôi đã nhìn thấy một con Rắn nuốt chửng con mồi; đến một lúc nó không nuốt vào được nữa, một phần thân xác con mồi còn ở bên ngoài. Rất kinh sợ! Đây chính là điều đáng cho chúng ta suy gẫm.

Ở trên đời việc gì cũng có sự đối đãi. Ngày nay, những nhà Y học đã nuôi Rắn để lấy nộc và chế biến thành những hiệu thuốc quý: Tục ngữ Việt Nam có câu "lấy độc trị độc".

Chúng tôi thường tư duy: Nếu có đại chiến hay đại nạn xảy ra, chắc chắn nhân loại lại thêm một phen điêu linh, chết chóc hoặc nếu còn sống sót thì phải gánh chịu muôn vạn phần kinh hãi. Và khi đó, cũng không ai có thể cứu trợ cho ai:

Nhân tình tợ điểu đồng lâm túc,
Đại nạn lai thời các tự phi!

Bởi vậy, tùy duyên, tùy thời trong kiếp nhân sinh ngắn ngủi nầy, chúng ta hãy góp lời góp ý, góp chút phần công đức nhỏ nhoi, nguyện cầu, gởi gấm cho nhau.

Có một điều chắc chắn, Anh hùng nào rồi cũng tận. Những năm qua, cụ thể trên thế giới đã có biết bao nhiêu anh hùng (Không xứng danh, mà họ chính là những kẻ độc tài, hung ác)... đã cùng tận. Còn những ai nữa? Năm con Ngựa con Dê đã cận kề *Mã đề Dương cước anh hùng tận!* Rồi năm con Khỉ, con Gà lại về. Hy vọng con gà Đinh Dậu sẽ mang tiếng gáy báo bình minh; sẽ đem đến một nền hòa bình, an lạc cho nhân loại. Chúng ta hồi tưởng, Đại Chiến thứ 2 (1939-1945) đã chấm dứt vào năm con gà Ất Dậu 1945 "*Thân Dậu niên lai kiến thái bình".*

Tuy nhiên, từ xưa đến nay, có bao giờ trên cõi đời nầy có được hòa bình dài lâu. Tất cả đều do cái Tâm điên đảo, ngã mạn, hiềm khích, đấu tranh của nhân loại.

Tết đến Chùa lễ Phật

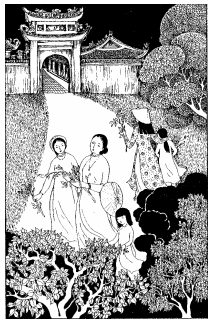

Con theo mẹ Tết đến chùa lễ Phật
Cảnh trang nghiêm và thơm ngát trầm hương
Thấy ai ai cũng lễ Phật cúng dường
Con bắt chước đốt hương lên quỳ lạy
Con còn nhỏ biết gì mà van vái
Chỉ lâm râm theo chân mẹ tới chùa
Lễ Phật rồi ai nấy xuống ăn trưa
Con cũng theo xuống bếp chùa xem thử
Ô đồ chay, các bà làm đủ thứ
Nào cơm canh bún phở với chả giò
Thấy ngon lành ai nấy cũng ăn no
Còn bỏ hộp cho đem về nhà nữa!
Con cảm ơn cửa chùa luôn rộng mở
Để mai sau con biết chỗ tới tu hành…

• Nguyên Thọ Hà Ích

Là Phật Tử, chúng ta nên ghi nhớ lời Phật dạy: Chỉ có sự tu hành công đức để vượt thoát ra khỏi sanh tử luân hồi, để được vãng sanh về cảnh giới Tây Phương Tịnh Độ của Phật A Di Đà; đây mới là cõi vĩnh hằng. (Và sau đó mới có thể thực hành phát nguyện trở lại hội nhập Ta Bà với năng lực cứu độ chúng sanh).

Tiễn đưa năm Nhâm Thìn, chào mừng năm Quý Tỵ, chúng tôi xin chí tâm nguyện cầu cho mọi người, mọi loài, mọi nơi trên thế giới vượt thoát hiểm nguy và bước sang một năm mới an lành, gặp thuận duyên để tu tập, vun bồi công đức.

Lời kết, chúng tôi xin kính gởi đến bạn bè, thân hữu, quý Đạo hữu, quý độc giả thân thương: Nếu biến cố ngày "N" 21.12.12 có xảy ra thì chỉ còn duy nhứt một con đường là, mỗi người, do cái nghiệp của mình mà thuận theo Nhân Quả. Còn như, nhờ công đức tu hành, niệm Phật, làm lành lánh dữ của nhiều người, trái đất nầy còn thêm tuổi thọ (Theo Kinh LUẬN A TỲ ĐÀM), thì chúng ta cần phải phấn đấu, tu tập nhiều hơn, để hiện đời được an vui, lợi lạc và luôn hướng Tâm về con đường giác ngộ giải thoát ./.

Ngày sinh của Rắn

• Trần Phong Lưu

...
Rắn trườn vỡ trứng chim rừng,
Tôi nghe tiếng hát hoang đường nửa đêm.
Khuya buồn tủi nhục môi em,
Mưa bay nhỏ nhẹ qua thềm bơ vơ.
Tiếng ru chín đỏ điện thờ,
Hoang vu tôi đứng đợi chờ chim kêu.
Tay còn ôm giữ tình yêu,
Tôi về phố động những chiều hư vô...
(NScR IX)
(Phạm Công Thiện)

Làn sóng học trò trường Cầu Bắc từ các ngõ đổ về cầu Quây, để qua Chợ Cũ, đều đi qua hai dãy phố, hai bên đường Desvaux. Bên dãy kia, giữa đám con trai ôm cặp đệm, bận quần cụt đen mốc thích và áo tay ngắn lên nước đủ màu, có một đứa mập mạp, da ngâm, mặc quần sọt, nhưng cũng dính bụi đất, ôm cặp da, vừa đi tới cuối khoảng sân đất trước cửa nhà ông phán Sang, hay bước lên hàng sân gạch trước tiệm may Patou, là đã cởi phăng chiếc áo nhăn nhầu, thường khi đứt nút, nhét vào cặp bỏ đại một chỗ, để xà vào đám con nít đang bắn đạn, thảy lỗ, hay tạt bao thuốc, nút ve. Sau mấy lần sai người ở, rồi em nó ra kêu, mang giùm cặp áo về, mà nó vẫn chưa chịu nghỉ chơi, má nó phải đứng ra trước phố la gọi và nhiều khi phải đến tận nơi, mới lôi kéo nó theo về, tắm rửa ăn cơm.

Tên ở nhà của nó là Mi, bạn học lớp Sơ đẳng (lớp ba) của tôi, do thầy Tân dạy. Thầy nầy đánh tàn canh gió lốc. Ba tôi gởi, nên ổng hay cú đầu tôi đã đành, nhứt là lúc viết dictée. Còn nó bị toán. Tôi ngồi bàn ba nên thấy rõ chuyện bàn nhì của tụi nó. Lớp xếp chỗ ngồi theo tác, chớ không theo tuổi. Tôi ốm cao nên ngồi bàn dưới tụi lùn hay nhỏ con hơn. Thằng Bé ở xóm Chợ cho nó "cọp dê" toán đố, bù lại nó đã vẽ cho thằng Bé nhiều hình đẹp. Nó vẽ hay lắm. Thầy bắt bên mỗi bài tập đọc, ám đọc chép xong phải chừa cả trang giấy để về nhà vẽ hình. Bên bài tập đọc "Làng tôi", nó vẽ cổng làng, trong Nam làng xóm tràn lan, làm gì có cổng. Nó còn vẽ trên đường một ông lão bận áo dài, bịt khăn đóng, cặp dù trong nách, thêm một bà người Bắc đội nón quai thao gánh hàng và cả cây đa nữa, giống y như trong sách Quốc Văn Giáo khoa thư, lại còn cho màu nước nữa.

Cuối niên học đó tôi không được phép thi bằng Sơ-đẳng Tiểu-học, không phải vì học dở, mà vì thiếu tuổi. Tụi nó 9 tuổi trở lên, hăm hở đi thi. Riêng tôi 8 tuổi phải buồn bã nằm nhà, học "đúp" lại, chờ sang năm đủ tuổi đi thi.

Nhưng suốt đời tôi sẽ không còn được cái vinh dự như chị tôi, anh chị con bác Hai tôi, lãnh bằng cấp đầu đời nầy: "Certificat d'Études Primaires Élémentaires" đem về đóng khung, lộng kiếng, treo trên tường nhà trước của ông Nội tôi. Vì lễ đầu năm sau, Bộ Giáo Dục của chánh phủ Trần Văn Hữu đã bỏ luôn cái bằng sơ đẳng của bậc tiểu học nầy.

Nó lên lớp nhì học buổi sáng, còn tôi xuống buổi chiều học lại lớp ba với thầy Vân, nhưng lại được dịp lên mặt với bọn nhóc mới lên lớp vì các bài học đã biết trước, đến mức Thầy phải mắng vốn với Ba tôi, là trong lớp tôi làm tàng lắm. Chúng tôi cũng ít qua lại, chỉ còn nhìn thấy nhau lúc đứa nầy đi học hay đứa kia trở về nhà. Ngày càng ít thấy nó chạy giỡn với đám bạn cùng phố.

Rồi một chiều thứ bảy, lúc bãi trường 2 tháng, chắc nó đã đứng đợi trên hàng sân bên kia đường lâu lắm. Vừa thấy tôi bước ra khỏi thềm nhà, nó đã ngoắc tay kêu tôi băng qua lộ. Nói với tôi bâng quơ vài câu, nó đã vào đề ngay là muốn lập hội và rủ tôi vào. Nó nói mấy đứa trong xóm chỉ lo chạy giỡn, chơi phá rồi đánh lộn, chỉ biết lập đảng CBĐ, cánh buồm đen hay cái búa đỏ gì đó. Mỗi đứa choàng thêm cái áo cũ chỉ gài một nút trên, lúc chạy gió phất lên như khăn choàng của hiệp sĩ, rồi đánh kiếm cây hay bắn súng miệng bằng bằng. Bây giờ tụi mình lập hội "Thiếu nhi ", kêu tụi nó vô cho đông, để làm mấy chuyện có ý nghĩa. Chỉ mới nghe tôi ừ hử, nó đã lôi đi rủ thêm thằng Thành Patou, mới lên lớp ba, thằng Tân tiệm may Hồng Xuân, còn ở lại lớp Tư và Bé Bảy tiệm Tân Lập, đã gỡ bản đóng cửa. Nhưng tới ngày chủ nhựt họp trên sân thượng căn phố Ngọc Hoa, lớp dạy nữ công của má Nó, chỉ có 4 đứa tham dự. Sau màn chào cờ hát Quốc ca: "Nầy thanh niên ơi!...", cả bọn ngồi bẹp xuống sàn gạch tàu đầy bụi và rác lá cây, dưới trời xanh bao la, mà trên các nóc nhà ngói, nhà tôn hỗn độn, nhìn ra phía chợ, để nghe nó nói những lời cao xa. Rồi bắt đầu vô cuộc bầu cử: Nó nói nó là Hội trưởng sáng lập, chỉ cần bầu thêm Đoàn trưởng. Còn lại 3 đứa cứ bầu lẫn nhau. Vậy mà cũng bầu kín. Lúc khui thăm, mở mấy tấm giấy xếp tư, đựng trong hợp giấy phụ tùng xe đạp của ba nó, nhờ thêm phiếu của nó, tôi được đa số. Nó liền chạy vào gác trong, lấy cái khăn quàng nghĩa sinh trường Thầy Dòng của anh nó, rồi bắt mấy đứa đứng dậy, để nó buộc khăn vào cổ tôi và long trọng tuyên bố, từ nay tôi là Đoàn trưởng đoàn Thiếu nhi cả hai dãy phố.

Chỉ mới được năm bảy ngày, mà hai đứa kia đã thấy chán, thêm thằng Bé Báy rủ rê trở lại trò chơi cao bồi đánh ăn cướp, nên không theo qua họp nữa. Hội còn lại vỏn vẹn chỉ hai đứa nhưng vẫn tính chuyện làm báo. Đặt luôn tên báo là „Thiếu Nhi". Nó ra công lục lọi các chuyện trẻ em, mấy tập sách hình Tây vẽ chuyện Tarzan, Zoro, để lựa mấy trang trong in những trò chơi, chuyện đố, hình thú, hí họa...

Đợi sáng chủ nhựt sau, chúng tôi lại leo lên gác tiệm Ngọc Hoa, để in báo! Trong lúc tôi đang xắt vỏ bưởi để trộn chút vôi ăn trầu, nhồi với nước làm sương-sa (thạch), lập thành bản in, thì thằng Tây em nó, không được chơi chung đã nhào vào chớp luôn miếng vỏ bưởi lớn, Nó nổi giận, đánh thằng nhỏ và lôi ra ngoài. Nhưng ngay sau đó thằng nhỏ phang liền cái khóa xe đạp trúng

bốp ngay đầu tôi, rớt xuống thau sương-sa đổ lênh láng. Nhưng thau sương-sa thứ hai vẫn không đặt nổi, phải làm lại thau thứ ba. Tôi phải phóng về nhà ăn cơm trưa, trở qua mới nhìn thấy thau sương-sa đông lại. Trong khi tôi xếp sấp giấy trắng cho ngay ngắn, nó cẩn thận trải trang báo vừa mới viết ráo mực lên mặt sương-sa trong thau, vuốt giấy nhẹ cho mực thấm qua, rồi từ từ gỡ tháo ra. Xong lấy tờ giấy trắng phủ lên in. Hai đứa hồi hộp trông chờ không dám gỡ mạnh tay trang báo in đầu tiên: Những chỗ mực khô nét chữ sắc mà lợt, những chữ mực vừa ráo, hiện rõ đậm nét. Hai hàng chót mực còn ướt nên chữ hơi nhòe. Trang in thứ hai, vài nhóm chữ hơi mờ. Trang thứ ba đã có vết rạn. Qua trang thứ tư, thứ năm vết rạn tăng thêm nhiều, nứt lớn dần ra và chữ cũng mờ nhòe đi nhiều. Tới trang thứ sáu, thứ bảy thau sương-sa nứt bể quá nhiều, in không còn ra hồn gì nữa. Vì chỉ nghe qua chuyện in bằng sương-sa, chưa bao giờ được nhìn thấy và thực hành, nên lần in báo đầu tiên trong đời chúng tôi coi như hoàn toàn thất bại. Thành ra tờ Thiếu Nhi chưa kịp ghi số 1, chỉ ra được một bản chép tay duy nhứt, vào lần đó rồi thôi, do chính chủ nhiệm và chủ bút vừa viết vừa vẽ và cũng do hai đứa chuyền nhau đọc. Có thể nó đã đưa cho tụi nhỏ lối xóm xem, nhưng mấy đứa nầy chỉ coi sơ qua, mà không thèm đọc, vì không có nhiều hình vẽ như các sách truyện bằng tranh, chuyện kể cũng không vui bằng cuộc chơi đang bày ra trước mắt. Có thể anh nó, cậu Út và các Dì nó cũng được nó đem tập báo quý ra khoe, nhưng không ai quan tâm chuyện con nít. Còn Ba má nó thấy nó không đánh lộn với anh em, không gây sự trong xóm, thì cứ để yên cho tụi tôi làm. Bên nhà tôi thì không ai biết chuyện tôi theo thằng Mi lập hội, làm báo. Mỗi lần thấy tôi chạy qua lộ chơi với nó, ở nhà cũng yên bụng, vì nó không mang tiếng rắn mắt, du côn.

Tôi không nhớ, nó ở lại lớp năm nào, nhưng cùng thi Tiểu học một lượt với tôi. Nhờ liếc xéo câu cuối bài toán thứ 2 của thằng Danh, ngồi bàn trên: nhơn 106 chia cho 100 mà tôi đã tìm ra đáp số bài toán cho vay khó nhứt, sau khi đã tính được tiền cả vốn lẫn lời và phân lời 6%. Tôi lại làm tác văn rất khá, trúng hoàn toàn các câu hỏi phân tích tự loại của bài ám tả, còn vẽ đẹp và hát bài Nhà Việt Nam được 8 điểm trên 10 thay vì trả bài ám đọc như phần đông các thí sinh. Kết quả tôi đậu điểm cao nhứt trường Mỹ Tho, đến mức Ba tôi không tin được vì Ông chỉ mong tôi làm hết bài toán hình học thứ nhứt cho đủ điểm trung bình. Còn nó chỉ đậu thường, dù hôm vấn đáp nó đã khoe vừa hát bài nhạc Buồn của Chopin. Nhưng đường dài mới biết ngựa… „dở". Kỳ thi tuyển vào trường trung học "Le Myre de Viller", tụi tôi rớt như sung rụng. Cả hai dãy phố đều không có ai đậu vì 2 bài toán tốc độ và các vòi nước chảy quá khó, thêm bài traduction "Les remèdes et maladies" mà các bịnh Choléra, Variole… chúng tôi không biết dịch là gì. Mấy ngàn học trò của 6 tỉnh Tiền Giang đều chen nhau thi vào trường trung học cổ xưa lập từ đời Pháp mới chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Nhưng trường chỉ tuyển có 300 trò thêm 50 dự khuyết.

Hè năm đó nó lại rủ tôi qua làm báo nữa. Lần nầy lấy tên „Thiếu Niên". Hội cũng đổi tên theo vì tôi đã 11 tuổi, nó lên 12. Bấy giờ Nó đã tự dịch được sách báo Tây, còn bắt đầu sáng tác nữa và lãnh luôn phần họa hình. Ngòi bút vẽ được Nó phác, gảy, quẹt nhiều nét, chồng chéo nhau nhiều lớp từ sáng qua mờ, tối, lên thể khối mà lúc làm bản kẽm để in dễ hơn lối vẽ cọ chấm nước mực pha nhiều sắc giai đậm lợt. Đáng nể hơn khi tôi nhìn hai bức vẽ nhỏ hình bán thân của hai đại văn hào nổi tiếng, Victor Hugo và Shakespear trên bài văn học Tây phương, mà tôi chỉ mới được nghe tên, chớ chưa được dịp rờ tới sách. Công việc của tôi chỉ còn chép lại một số bài nho nhỏ trong báo Phổ Thông và từ mấy cuốn sách trẻ con. Nghĩa là Nó đã bao giàn gần trọn tờ tạp chí Thiếu Niên, lần nầy đã được đóng thành tập, cập bìa sơ mi xanh, trang trí nhiều màu rồi cũng chỉ 2 đứa chuyền tay nhau đọc và vác đi khoe người lớn, vì ai cũng biết còn lâu mới in nổi, nói chi đến phổ biến sâu rộng, dù chỉ bằng cách quay ronéo.

Có lẽ nghiệp làm báo tuổi nhỏ của chúng tôi đến đó là dứt. Nên chỉ phải vất vả hai thời ra được hai kỳ báo. Mỗi kỳ được một tờ duy nhứt mà thôi. Chắc sau khi vui thích nhìn thấy tác phẩm thành hình, rồi chán dần theo sự thờ ơ của mọi người, Nó đã nhét đại đâu đó trong kẹt tủ, như đã từng nhét chiếc áo cũ làm khăn choàng. Rồi nếu người lớn không đem dẹp, em nó không lôi ra xé giấy xếp diều thả, thì mối mọt cũng đục khoét theo thời gian, hay thất lạc vào quên lãng.

Tựu trường tôi trở lại Tiểu học theo lớp Tiếp liên thầy Đồ dạy, chờ sang năm thi vô trung học nữa. Còn Thằng Mi được ba má cho vào trường Ta-be Mỹ Tho. Ở tỉnh tôi đã có lệ, đứa con nào rắn mắt khó dạy, hoặc cha mẹ bận mua bán làm ăn không có thì giờ trông coi, thường gởi vào trường Thầy Dòng cho mấy ông Frères trị, nhờ kỷ luật nghiêm minh.

Chúng tôi chỉ thỉnh thoảng còn gặp nhau lúc đi lội ngoài Cầu Tàu. Trong khi tôi chỉ lội lanh quanh gần bờ, nước lớn chỉ ra tới đầu cầu, nước ròng lội thêm tới chiếc tàu chìm lật úp. Còn Nó theo đám bạn lội giỏi có lúc bơi qua bên cồn hái bần. Nhưng nó đã bắt đầu học Ăng Lê nên có hôm nó đón tôi khoe, mi là mầy, mi (me, tiếng Anh) cũng là tao, đúng như Mi, tên ở nhà của tao.

Tới đầu năm học đệ lục, tôi nghe nói Nó cãi với mấy ông Thầy Dòng, tranh luận những gì cao siêu lắm, rồi bỏ trường Ta-be về nhà tự học. Trong tỉnh lúc nầy xuất hiện một khuôn mặt lạ, không giống đám Tây say trước đây thường đến nhậu ở quán rượu Mộng Hoa, đã về nước. Cứ vài ngày lại gặp ổng đạp xe qua nhà, phía yên sau ràng đầy sách vở. Có hôm thấy ông vừa đạp xe vừa nhai củ khoai lang bí, hoặc cầm theo mấy miếng chuối chiên gói trong lá chuối. Hỏi nhiều người mới được biết ổng tên là Thomas về đây dạy „Ăng-lê". Dường như cả tỉnh chỉ có 2 người dám mời ông ta về nhà dạy riêng Anh văn: Đó là bà quan năm Văn L. ở trong dinh quan nhà binh Tây để lại và Nó. Chờ gặp dịp hỏi thăm, Nó đã cho biết, ông thầy đó gốc người Lithuanie, chạy giặc cộng sản qua đây. Nước ổng cùng hai nước kế bên đã bị Nga xô chiếm. Chẳng những ổng rành và nói lưu loát tiếng Anh, giải thích rõ tiếng Pháp, dạy được tiếng Đức thông dụng, mà còn nói hiểu được chút đỉnh tiếng Việt.

Một hôm ông Thầy ngoại ngữ trong lớp tôi cho bài dịch ra Anh ngữ về nhà làm, mà tôi thấy „lội". Chờ buổi chiều, nhìn qua bên kia đường, thấy nó đang đứng chơi trước sân tiệm chụp hình Mỹ Ký, tôi mang bài dịch băng qua lộ, đến nhờ nó sửa thử. Nó đòi cho được viết nguyên tử đỏ, để sửa chồng lên mấy câu viết sai. Không đầy 10 phút sau, Nó vừa sửa bài vừa giải thích tại chỗ. Có mấy câu tôi chưa hiểu, hỏi lại, Nó đều giải thích cặn kẽ.

Tuần sau giờ ông Quế đem bài đã chấm trả lại. Thông thường chỉ phát bài vào cuối giờ, sau khi giảng xong bài mới. Hôm đó ông đã phá lệ, dành ra 5 phút đầu giờ, để nói về bài làm ở nhà của chúng tôi và những lỗi chung của cả lớp, rồi ông để ra tới 20 phút, rút riêng bài tôi ra để khen ngợi. Chẳng những bài không trật một lỗi nào, mà còn đặt câu thật hay trúng văn phạm, dùng đúng chữ và biết áp dụng bài học. Ông còn trịnh trọng chép lên bảng mấy câu dịch hay, khoanh tròn mấy chữ khéo áp dụng bài học văn phạm. Tôi đã ngơ ngác, ngộp hơi trong niềm vinh dự bất ngờ, khi được 19 điểm cao nhứt, trong khi người hạng kế chỉ được 12!

May mà nó chỉ sửa bài ngang với sức học của tôi, chớ không theo sự hiểu biết của nó. Từ đó các bài tập, bài dịch anh văn đem về, tôi đều nhờ nó sửa chữa và nghiễm nhiên trở thành đứa giỏi anh văn nhứt lớp, bỏ xa mấy người hạng kế mấy từng điểm. Cho đến hôm thi bán niên, mặc dầu tôi đã cố gắng học gạo, nhưng vì quá lo, hồi hộp vì thời giờ hạn hẹp gấp rút. Bài nhiều chữ khó mà không được lật tự điển. Nên ngày trả lại bài thi, thầy đã buồn bã than phiền rằng, đã có một sự đảo lộn trật tự trong lớp: Người giỏi nhứt lớp lại phạm mấy lỗi không đáng, lại dịch sai mấy chữ, nên chỉ được 11 điểm, trong khi chị Anh mập chỉ học kha khá mà đạt được 12 điểm, thêm vài trò 10 hay 10 điểm rưỡi, còn lại đều dưới trung bình. Thầy định sẽ vớt thêm vài điểm, hoặc cho thi lại. Nhưng khi đó thầy lại nghĩ, thời gian đó chắc tôi có điều gì lo buồn, hay lúc thi không được khỏe, chớ tuyệt nhiên, thầy không biết về nhà, tôi mới có người tài giỏi chống lưng. Tuy nhiên nhờ các môn chính, nhứt là chứng minh hình học, cuối năm đệ lục tôi lãnh được phần thưởng danh dự toàn trường.

Một thời gian lâu không thấy ông Thomas ghé qua nhà nó nữa. Bỗng một hôm đưa mắt ra cửa, nhìn qua dãy phố bên kia, tôi chợt thấy Nó mặc bộ veston, complet xanh đen chững chạc, đầy đủ cà-vạt, lại đeo kính cận nữa, trông ra dáng một nhà trí thức lớn. Buổi chiều thấy Nó cầm cặp giấy oai phong ra đi. Buổi tối tay không hiên ngang trở về. Liên tiếp mấy ngày như vậy. Thật là một hiện tượng lạ trong xóm, khi mà đám thiếu niên mới lớn chúng tôi, cả mấy khu phố quanh đây, chưa có đứa nào được cha mẹ sắm cho một bộ đồ lớn, khi mà những thanh niên đi học trên Sàigòn và cả các Thầy dạy, giáo sư, công chức đứng tuổi như Ba tôi cũng chỉ mặc bộ complet nầy lúc đi ăn đám cưới hay dự những lễ lạc quan trọng. Không dằn nổi thắc mắc, tôi chờ dịp phóng qua lộ, chận hỏi… với giọng e dè nói trỏng, vì không thể mầy tao hay xưng tôi gọi Mi như hồi nhỏ hay mấy lúc gần đây, trước dáng người quan trọng như vậy. Nhứt là lúc nghe câu trả lời: Anh ta được hội Hướng đạo Châu Tiền Giang mời dạy môn Anh văn cho các tráng và thiếu sinh tại Trường Trung học Nguyễn đình Chiểu_tên mới của trường trung học Mỹ Tho_mỗi tuần 3 buổi từ 7 đến 9 giờ tối. Tự nhiên tôi ngỏ ý muốn theo dự lớp. Anh ta hứa giới thiệu tôi vào Hướng Đạo, như điều kiện để được học lớp tiếng Anh.

Má tôi rất vui lòng, đích thân đi chợ mua loại vải nâu dầy tốt nhứt và 8 tấc kaki xanh loại nhập cảng và dẫn tôi tới tiệm may Bảo Toàn, đặt may bộ đồ Hướng Đạo, mà tiền công cứ trừ vào số nợ, họ thiếu nhà tôi. Từ lâu Má tôi đã nghe tiếng tốt của hội chuyên tập luyện trẻ con, thiếu niên tự tháo vác trong mọi hoàn cảnh và nhắc nhở làm việc thiện.

Vào một buổi sáng chủ nhựt, mặc dầu áo quần may chưa xong, tôi cứ mặc thường phục, theo chân anh ta, vẫn diện bộ đồ lớn, đeo kính cận như một giáo sư, đi vào khoảng sân trong rộng lớn của trường Trung học. Anh Đạo Trưởng Đạo Định Tường, có lẽ đã biết trước, tiến ra đón chúng tôi, đưa vào nối vòng tay với thiếu đoàn I, đang đứng thành vòng tròn lớn có ý chờ, bên sân trái, gần nhóm Sói con. Trong khi bên sân mặt, anh Thọ đang mở trò chơi chung cho cả thiếu đoàn II. Xa xa các chị nữ Hướng Đạo đang tập đánh Morse:

Anh Thiếu trưởng Nghĩa, đàn anh lớp đệ tứ của tôi và cũng là học trò Anh văn của anh Mi, bước ra dõng dạc giới thiệu tôi với các anh em cũ. Theo thông lệ người mới gia nhập phải được hai đoàn sinh giới thiệu. Nhưng coi bộ ông thầy trẻ dạy Anh văn, tuy chưa bao giò tuyên hứa vào Hướng Đạo, cũng nặng ký, nhứt là được chính anh Đạo Trưởng dẫn vào nên các tiếng vỗ tay vang dội đã thông qua mọi thủ tục dễ dàng. Theo chân anh Kỳ Hải, anh ta bước ra khỏi vòng sinh hoạt, nói thêm mấy lời, rồi từ giã ra về như một phụ huynh, để lại tôi một mình vào cuộc chơi mới. Nhưng mục đích trước mắt của tôi là dự lớp tiếng Anh, nên không cần chờ đến ngày chánh thức được gia nhập, ngay chiều thứ hai đó, tôi cứ theo anh ta đi vào lớp học. Không ngờ mọi người đứng lên chào Anh lễ phép quá, lại thưa gọi bằng Thầy, khiến tôi phát hoảng, rón rén đi vòng ra phía sau. Biết mình nhỏ nhứt, phận mình học lớp thấp nhứt, tôi chọn bàn chót ngồi một mình, ngước mắt nhìn lên các đàn anh học lớp đệ tứ, đệ tam và các đàn chị học lớp đệ nhị, đang nghiêm chỉnh ngồi nghe nơi các bàn trên. Những tràng tiếng Anh sang sảng, nối nhau lưu loát như nước chảy, nhấn mạnh, lên giọng như một tài tử Anh quốc phát âm trên màn ảnh và những chữ vòng, móc ngoéo, viết ngược của các vần phiên âm quốc tế từ đầu viên phấn trắng thảo nhanh trên bảng đen, càng tăng thêm sự hiểu biết sâu rộng của ông thầy quá trẻ, trẻ hơn hầu hết các học trò. Sau khi gọi các anh chị lớp đệ nhị trả bài thuộc lòng luân phiên mỗi người một câu đoạn văn "The wind in the willow" đã học trong lớp buổi sáng, anh khuyến khích tìm các chữ đúng, những vế thích hợp để Anh tóm gọn thành câu, chép lên bảng, đặt lại thành thơ, khởi sự dịch đoạn đầu "Chinh Phụ ngâm": " *Thuở trời đất nổi cơn gió bụi…*".

Tuy nhiên anh vẫn còn chỗ yếu, chắc chưa cởi hết lốt trẻ con: Sợ ma! Lúc đó anh Minh, anh của Mi đã đi du học bên Tây. Bên ngoại và má anh đứng thầu phân phối vé số kiến thiết cho cả tỉnh nên ngày càng giàu. Cả hai dãy phố chúng tôi đều đã xây cầu tiêu „máy" trong nhà. Nên má anh đã lấy lại dãy cầu tiêu thùng công cộng, cho đập phá hết, để xây lại căn phố mới ngang bằng các căn phố nhỏ ở ngõ hẻm sau. Cũng có đủ phòng trước, buồng ngủ, sàn nước với bếp nhỏ và phòng vệ sinh, đủ chỗ cho cả gia đình thu nhập ít trú ngụ. Vậy mà nhà anh đã cho riêng anh làm thư phòng. Nhưng dãy nhà cầu nầy đã có thím xẩm thắt cổ tự tử, thỉnh thoảng những đêm tối trời hay mấy lúc hà tiện dầu đèn, có người quả quyết nhìn thấy thím đó hiện ra đi lại trong ngõ hẻm. Không biết anh có bị ma nhác lần nào hay chỉ gặp trong giấc chiêm bao, mà anh ta có vẻ sợ. Nên thường rủ tôi qua ngủ lại đêm cho có bạn, mặc dầu má anh đã lập tới hai trang thờ, hai bên cửa ra vào gian phòng trước: Một bên thờ Phật Bà Quan Âm, đốt nhang, cúng dĩa trái cây; bên kia treo hình Đức Mẹ, gắn đèn điện, chưng bông huệ trắng.

Nhà anh theo Phật, nhưng mấy anh em đều học trường Thầy Dòng, nên thờ phượng cả liên tôn. Bước vào thư phòng nầy, ai cũng thấy ngay một tủ kiếng lớn bày đầy các loại sách Anh, Pháp, dầy mỏng lớn nhỏ khác nhau, chắc là xếp theo thứ loại, mà tôi chưa thấy bán trong các nhà sách Mỹ Tho. Một số sách văn triết học Việt để cạnh vài quyển sách Đức. Trên một bàn viết rộng kê sát khung cửa sổ lớn, buông màn voan trắng tinh, sách vở các loại bày đầy, chỉ còn chừa lại một khoảng nhỏ, đủ chỗ để tập bản thảo cho anh viết. Đến nỗi anh phải sắm thêm hai giá sách lớn để hai bên ghế bành, giống loại giá nhôm để bản nhạc, thường thấy trong các ban nhạc, nhưng lớn hơn, đứng vững và kiên cố hơn, để có thể đặt lên quyển sách to, bề ngang khoảng 3 tấc, dài hơn 5 tấc, dầy cả gang tay, lúc nào cũng mở ra. Đến gần mới biết đó là hai quyển Đại tự điển Anh, Oxford và Cambridge! Suốt buổi tối đó, tôi chỉ thấy anh hết xoay bên nầy, lại quay bên kia giữa đống sách vở chất ngất đó. Lúc thì hí hoáy viết, lúc thì tham khảo các sách vở chung quanh, rồi quay bên nầy hay bên kia để lật một trong hai quyển đại tự điển đó. Tôi cũng không biết anh đang nghiên cứu vấn đề gì, hoặc viết tác phẩm nào. Chúng tôi chỉ trao đổi vài câu lúc mới bước vào. Xong anh tiếp tục việc nghiên cứu, tôi đảo mắt qua lại mấy quyển sách trong tủ rồi tiện tay rút một quyển tiếng Việt ra xem. Không ai nói với ai thêm lời nào, cho đến lúc tôi ngáp vắn ngáp dài. Anh kêu tôi vào buồng ngủ trước. Cho đến sáng mở mắt dậy, tôi vẫn thấy ánh đèn còn sáng tỏ, anh vẫn ngồi yên viết như chưa bao giờ rời khỏi ghế ngồi. Không biết anh có vào ngủ lúc nào không, vì tôi lo phóng về nhà sửa soạn đi học. Những lần sau tôi đem bài anh văn trong lớp qua cho anh sửa, rồi lấy bài tập các môn khác ra làm, xong cũng vào ngủ trước, mà cũng không lần nào tôi gặp anh vào ngủ. Nhưng tôi biết anh sẽ yên tâm làm việc không e sợ gì, khi biết có tôi nằm ngủ trong buồng.

Năm tôi lên đệ ngũ, trong lớp học tối anh đã cho chúng tôi đọc quyển truyện nhỏ,"Lorna Doon" kể chuyện một cô gái quý tộc thời trung cổ bên Anh. Thỉnh thoảng anh phát cho chúng tôi những tờ in ronéo các đoạn văn ngắn do chính anh dịch hay trích trong các tác phẩm nổi tiếng như bài "The Ephemera", con Thiêu thân dịch của nhà văn Trung Quốc, Ba Kim. Lạ quá xưa nay ai cũng chê con thiêu thân ngu quá, sao lại bay vào chết trong ánh đèn. Nên nhiều tác giả đã ví những công tử ăn chơi đàng điếm, phung phí tuổi xuân và của cải trong những đêm vui xa hoa trác táng, hay các cô gái quê say mê ánh sáng đô thành, với cuộc sống phù du của loài côn trùng nầy. Vậy mà nhà văn nổi tiếng nầy lại hết lòng ca ngợi nó. Ông viết, nếu ông có thể hóa kiếp thành con thiêu thân, ông sẽ bay lên vùng lửa mặt trời, rồi cũng sẵn sàng chịu chết như vậy, để được nhìn thấy **ánh sáng Tự Do**! (Rồi không ngờ 20 năm sau, cả triệu người tỵ nạn Việt Nam cũng chấp nhận lựa chọn tương tự như vậy trên đường Vượt Biên).

Cuối hè năm đó, anh gọi tôi qua thư phòng để chính tay ký tặng tác phẩm đầu tiên do nhà xuất bản Hoàng Long của hai người Dì in ấn và phát hành: "ANH NGỮ TINH ÂM TỰ ĐIỂN", dưới hàng chữ "*mến tặng người bạn thân từ thuở thiếu nhi, đã chia xẻ những bước đầu khó khăn*...". Tôi lật sơ mấy trang và đã hiểu tại sao mỗi lần lên bảng giảng cho chúng tôi những chữ mới, anh đều viết rõ hết các vần phiên âm quốc tế của từng từ với cả dấu nhấn và còn khuyên chúng tôi về nhà cứ theo cách đó mà tự đọc cho đúng tiếng Anh. Anh cũng nói thêm, đang viết các sách tiếng Anh, dịch cả sách tiếng Đức nữa và bắt đầu nghiên cứu triết học!

Về nhà tôi lật qua bìa lưng và bìa trong để xem hình và tiểu sử của người tác giả thân thuộc, chỉ mới 16 tuổi nầy.

Lúc học thi cuối năm đệ tứ, tôi vẫn chưa bỏ tật học gạo, càng học bài càng thấy nhiều chỗ chưa thông. Càng dò toán càng thấy nhiều bài giải thiếu sót. Quên ăn thiếu ngủ, người gầy xọp, tóc lại dài ra, má tôi nhắc nhở nhiều lần, tới chiều ngày cuối, bắt buộc tôi phải bước ra cửa, tay vẫn chưa buông cuốn tập, chỉ muốn dòm chừng bên tiệm Phước Thọ, xem chú thợ đã vắng khách chưa, để phóng qua hớt tóc. Không ngờ anh Mi đã đứng sẵn trước sân tiệm Mỹ Ký vừa ngoắc tôi vừa la gọi: "Qua đây chơi! Mai thi rồi còn gạo nỗi gì nữa". Nói qua lại vài câu, tôi đã biết ngay anh đang lóng ngóng đứng chờ người đẹp, nên cần mình đứng đây nói chuyện cho được tự nhiên. Quả vậy, chừng một lát đã thấy cô *Quế Hương* theo chân người dì, tức bà má nhỏ, đi đâu mới về, đang thong thả bước vào tiệm. Lúc đi qua chỗ anh, mặt cô hơi cúi xuống, có vẻ mắc cỡ nhưng tươi hơn. Không biết Cô có hiểu rằng, Anh đang đứng chờ Cô và Cô có mỉm chút nụ cười nào dành cho Anh không, mà coi bộ Anh luống cuống. Rồi tự nhiên rủ tôi vào chụp hình! Tôi giẫy nẩy từ chối vì tóc dài lởm chởm chưa kịp hớt, mặt mũi hốc hác, người ngợm bê bối như vậy, chỉ khoác chiếc áo tay dài tạm coi là sạch sẽ thẳng thớm, bỏ ngoài chiếc quần dài cũ mặc ở nhà, còn nhăn nhiều chỗ. Làm sao dám vào tiệm nhiếp ảnh nghệ thuật. Anh kéo tay tôi vào vừa năn nỉ là, anh chỉ muốn chụp chung với tôi một bức ảnh lấy hên trước khi tôi đi thi. Tôi dằn tay ra, lấy cớ về nhà thay đồ mới cái đã. Anh đành thú thật, Anh chỉ muốn có cớ vào trong để còn được ngắm nhìn, dõi theo bóng dáng người mình phải lòng. Anh chủ tiệm Mỹ Ký, mướn căn tiệm từng dưới, gia đình ông phó ba họ Hồ gồm hai vợ sáu, bảy người con mướn căn gác bên trên. Anh hứa sẽ chụp cho chúng tôi bức ảnh "đờ mi" thật đẹp, không sợ thấy quần cũ, quần nhăn gì hết. Đã vào trong phòng chụp ảnh, mà anh Mi vẫn hướng mắt ra nhà sau, rồi nhìn lên gác, mãi tới khi tôi chải đầu xong, ngồi yên xuống băng, giữa phòng đèn rọi sáng choang, mới kéo được anh vào chỗ. Thế là chúng tôi đã chụp chung một bức ảnh „nghệ thuật", cả hai đều tươi cười trong hoàn cảnh bối rối như vậy. Có điều sau nầy nhìn lại hình, thấy hơi giống "Thằng Mập, thằng Ốm" trong phim câm!

Sự kiện nầy đủ để giải thích vì sao trong tập thơ "Ngày sinh của Rắn" được người yêu thích và phổ nhạc thường gặp các chữ *hương*:

"... Mười năm qua gió thổi đồi Tây,
Tôi long đong theo bóng chim gầy.
Một sớm em về ru giấc ngủ,
Bông trời bay trắng cả rừng cây.
Gió thổi đồi tây hay đồi đông,
*Hiu hắt quê **hương** bến cỏ hồng.*
Trong mơ em vẫn còn bên cửa,
Tôi đứng trên đồi mây trổ bông.
Gió thổi đồi thu qua đồi thông,
*Mưa hạ ly **hương** nước ngược dòng,*
Tôi đau trong tiếng gà xơ xác,
Một sớm bông hồng nở cửa đông..."
(VIII)
"...Tôi nằm cho rã chiếu cạp điều,

Nước chảy lên vùng phố tịch liêu. (Desvaux ?)
*Tôi nhớ một lần cây **Quế** mọc,*
*Tôi đứng gọi **Hương** trọn buổi chiều…"*
(NScR II_ Phạm C Thiện)

Một buổi trưa nắng dịu, tôi đến Đại học Vạn Hạnh mang theo hồ sơ luận và đồ án tốt nghiệp "Trụ sở Hội đồng Khảo cứu Khoa học", khoảng vài năm sau khởi công xây ở góc 2 xa lộ Đại Hàn và Biên Hòa, bao gồm nhiều phòng thí nghiệm của 6 ngành Khoa học Tự nhiên, Lý, Hóa, Y, Nhân văn và Pháp chế, xin diện kiến Đại Đức Khoa Trưởng Khoa học Xã hội và nhân văn. Quý thầy chỉ lên lầu. May nhờ thằng "Tây", cái thằng phang chiếc khóa xe đạp vào đầu tôi lúc nhỏ, làm ở thư viện, dẫn tới hành lang chỉ đúng phòng. Nhưng gõ cửa nhiều lần, vẫn im hơi lặng tiếng, đành lui ra đứng tựa lan can cầu thang chờ. Rất lâu mới nghe tiếng chân hơi nặng, bước lên lầu. Một dáng người mập mạp, đầu cạo vừa ra một lớp tóc ngắn, trong bộ đồ nâu sòng ủi thẳng, đi ngang qua tôi, không nhìn lại, mà cũng không mở lời nào. Có lẽ tại tôi cứng họng không kịp chào hỏi trước, dù bụng tôi đang reo lên: "Đúng là anh Mi!" Bèn lẻo đẻo theo, miệng lí nhí nói: "Có…phải…là…A...". Rồi sửa lời: "Thưa… Đại Đức… có phải là…". Không nghe tiếng trả lời, mà Đại Đức cũng không quay lại, chỉ lẵng lặng đến bên cửa, từ tốn vén áo móc chìa khóa ra mở cửa. Một cảm giác bẻ bàng bắt tôi chôn chân lại, dù đã nhận ra vài nét quen thuộc, mà cứ ngỡ nhìn lầm! Trong khi đó anh đã bước vào phòng, đứng lại, nhưng chưa đóng cửa, như có ý chờ. Không biết động lực nào nhấc chân tôi lên, lặng lẽ bước theo, dù không nghe một tiếng mời, không thấy một cái khoác tay gọi vào. Đến khi cánh cửa đóng lại, anh kéo thêm một chiếc ghế đến cạnh chiếc ghế xoay lớn bọc nệm anh vừa ngồi xuống, giống như lúc xưa trong thư phòng của anh tại hẻm sau dãy phố ở Mỹ Tho. Một giọng nói trầm, khác hẳn giọng nói cách đó mười năm, không nghiêm mà vẫn chưa thân:

- Lưu kiếm tôi có việc gì?

Tôi tuôn hết các giấy tờ mang theo ra bàn, kể cả mấy tấm vẽ phác các sơ đồ, rồi thao thao trình bày như lúc được ngồi cạnh giáo sư chủ tịch Lê Văn Thới, hay trong văn phòng hoặc bên bàn viết của các vị Khoa Trưởng Đại học Sài gòn và Học Viện Quốc Gia Hành Chánh. Nhưng một giọng nói thân tình, vui vẻ hơn chận lại:

- Vậy là Lưu kiếm lộn chỗ rồi! Tôi đâu biết gì về kiến trúc, cũng không rành việc khảo cứu khoa học.

Tôi hăm hở giải thích rõ: "Trung tâm khảo cứu, ngoài 5 ngành khoa học kia còn có khu điều nghiên và thử nghiệm Khoa học Nhân văn và Xã hội…"

Nhưng một câu nói êm nhẹ tự nhiên, bất ngờ cắt đứt lời trình bày của tôi:

- Cô Quế Hương giờ ra sao?

Buông mấy tờ giấy xuống bàn, tôi ngỡ ngàng đến ngạc nhiên, buông xả hết các e dè, buông luôn mục đích chánh tìm tới viện Đại Học nầy. Để mở máy trả lời câu hỏi, mà người bạn cũ chôn giấu bao nhiêu năm rồi, như để kể tiếp câu chuyện thân mật, thú vị giữa hai thiếu niên, vẫn còn bỏ dở, trên hàng sân của hai dãy phố lúc xưa, cách đây tới 72 cây số!...

Sau bữa cơm chiên chay rất ngon, tuy với tôi hơi cay, ngay tại bàn viết Khoa Trưởng, câu chuyện lại tiếp tục nổ ra với những tràng cười thoải mái, lúc vô cùng lý thú, lúc lại phảng phất niềm xúc cảm, kéo dài đến tối mịt. Tôi phải thu xếp đồ đạc, đứng dậy tạm biệt ra về với ý sẽ trở lại để vào việc chính vì lúc tiễn ra cửa anh còn nói, tôi vừa mang lại cho anh luồng gió mát thuở nhỏ, mà dã đánh mất từ lâu rồi. Nhưng không có lần sau, vì chỉ cách khoảng 10 ngày trở lại, tôi đã chạm mặt tấm giấy dán trên cửa phòng anh, ghi vội mấy chữ to: "Bận việc tu học, từ nay không tiện tiếp khách". Mãi mấy năm sau mới được tin anh ở lại Paris, sau chuyến phó hội tại Pháp. Tước vị Khoa Trưởng vẫn còn để trống một thời gian.

Vượt biển tới Singapore, ở lại đảo Galang, tôi mới được đọc lại các bài anh viết trên báo Quê Mẹ, mới biết anh đang dạy tại một Đại Học miền Nam Pháp, đã lập gia đình với ái nữ vị bác sĩ tranh đấu Miền Trung. Qua được bên Tây lại nghe anh đã sang trú ngụ bên Mỹ. Du lịch trở lại Huê Kỳ, lại được tin anh về Úc cưới vợ mới. Viết thiệp mời đám cưới, chỉ được thư chúc mừng của chị viết, anh vẫn thường nhắc đến tôi khi nói về những kỷ niệm thời niên thiếu và mong có dịp gặp lại.

Cho đến hôm lễ Hoàn nguyện Kiến tạo chùa Viên Giác, Anh đã nhờ nhị vị Thượng Tọa, bên Mỹ và bên Úc đến dự, trao thư cho tôi, anh viết, *anh đã đọc liên tiếp một buổi hết 38 trang sách, bài "Nhà văn nhỏ" đăng trong cuốn Văn bút Âu châu 2*: *Bây giờ gọi Lưu là nhà văn hay kiến trúc sư*. Rồi những thắc mắc của tôi về. *những bước cao, tiến thật nhanh trên một ngõ riêng đến vùng hiểu biết. Không vừa ý trong quyền hạn Khoa Trưởng, không bằng lòng với tước vị Giáo sư, không an nhiên trên cương vị nhà văn. Dường như khung trời Đại học không bao trùm hết chí hướng anh, môn quy cửa Phật không ràng buộc được lối sống của anh, khuôn sáo thông thường của nhà văn không ngăn chận được sự trào dâng của tư tưởng anh và cả gia đình lớn nhỏ đều không giữ được chân anh?...* chưa kể *những lúc ngông, bê tha rượu chè, những khi tranh luận, bút chiến…* anh giải thích: *Có lẽ tâm thức một Lạt Ma Tây Tạng tái sanh, từ đầu nguồn sông Cửu Long trôi giạt xuống tận bờ Tiền Giang, nhập vào anh từ thời niên thiếu, lúc đang bơi lội như một con rồng nhỏ nơi cuối dòng sông Chín con Rồng* (Hố thẳm của Tư tưởng). Anh hỏi thăm về gia đình tôi và khoe anh có hai vợ 8 đứa con! Cuối thư anh nhờ tôi mua giùm 8 quyển sách triết học của các triết gia nổi tiếng Đức từ đầu thế kỷ 20. Mà tôi kiếm khắp Hannover và các tiệm sách chuyên môn ở các thành phố lớn vẫn không tìm ra. Sau cùng phải gửi đặt mua tận nhà xuất bản, mới nhận được 7 quyển. Gửi qua bên Úc, chờ cả tháng, rồi mấy năm sau vẫn không thấy hồi âm.

Không phải chỉ anh Thiện tuổi Tân Tỵ, sanh năm 1941, mới viết tập thơ **"Ngày sinh của Rắn"**, mà các nhà văn cũng ví mình là rắn. Từ nhà đại văn hào Pháp Victor Hugo đã để lại mấy câu thơ:

"*Nếu là cây, tôi sẽ là cây độc,*
Nếu là **rắn**, *tôi sẽ là* ***rắn độc***,
Nếu là đá, tôi sẽ là kim cương,
Nếu là người tôi, sẽ là tình thương".

Cho đến nhà văn trẻ trong nước, Trần Chấn Uy, đã ví người Yêu là rắn:

" *…Ta vẫn còn trái tim thú dữ để yêu em,*
Trong lưới tình, ta quẫy đạp và cắn nát vầng đêm.
Vẫn không thoát được màu đen, đam mê, ma quái,
Em - Con ***mãng xà*** *từng làm ta hóa dại…*"

Trần Phong Lưu
(Một nén tâm hương tưởng niệm người bạn thời tuổi nhỏ)

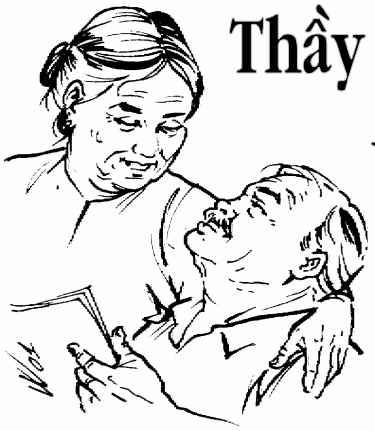

Thầy Năm Rắn và vụ rắn báo oán

• **Song Thư TTH**

Không biết tự khi nào cái xóm bên ven rừng đó được đặt tên: Xóm thầy Năm Rắn. Thầy không phải trưởng xóm, cũng không phải là dân định cư lâu năm mấy đời tiên tổ; chỉ vì những ai bị rắn độc cắn, cứ gọi đến thầy là được chữa khỏi ngay. Tiếng đồn vang xa, nên khi có chuyện, người ta chỉ trỏ cứ đến xóm thầy Năm Rắn. Lâu ngày chày tháng tự nhiên xóm bị "chết" tên.

Chung quanh cuộc đời thầy là cả một huyền thoại. Nghe đâu từ khi 10 tuổi thầy đã theo một vị Sư phụ đi ngao du sơn cùng thủy tận học nghề rắn. Thuở nhỏ thầy mồ côi cha mẹ, ở với người cô ruột. Năm 10 tuổi, một hôm thầy bị con rắn hổ mang cắn. Nọc độc đã chạy khắp châu thân, hồn muốn lìa khỏi xác. May thay kịp lúc, một người thầy rắn tình cờ đi ngang, trổ tài cứu thầy thoát chết qua đường tơ kẽ tóc. Từ đó thầy bái người ấy làm Sư phụ và xin theo học nghệ, cùng là hầu hạ Sư phụ trên bước đường sương gió.

Trải qua gần 30 năm theo bước phiêu linh. Bao mùa thu lá vàng riu rắt rơi. Tóc thầy cũng vừa chớm bạc. Cũng là khi Sư phụ thầy không bệnh mà đột ngột qua đời. Những chiếc lá vàng cuối cùng mùa thu năm ấy lặng lẽ lìa cành tiễn đưa một người cả đời chỉ biết cứu nhân độ thế, nằm xuống! Thời gian qua, bao nhiêu tài nghệ của Sư phụ đã truyền đạt cho thầy. Bấy giờ thầy đã có thể vững chãi trong nghề nhưng chỉ còn mỗi mình trên bước đường vô định. Rồi một đêm Giao thừa cách đây 10 năm, thầy dừng bước giang hồ nơi xóm ấy. Chỉ vì một người đàn bà!

Chị Thục! Một góa phụ! Chồng chị mất khi đứa con trai duy nhất mới vừa thôi nôi; khi người đàn bà ở lứa tuổi của quả cây vừa chín tới, của gái một con trông mòn con mắt. Ba năm trôi qua chị vẫn tảo tần nuôi con, thờ chồng một dạ trung trinh, bỏ qua tất cả lời ve vãn của những người đàn ông theo đuổi chị.

Vào đêm Giao thừa, khi đứa con trai của chị vừa lên 5; trong lúc đang khấn vái trời đất trước sân nhà chị bỗng thấy một người đàn ông nằm ngất xỉu dưới đất, bên khóm trúc. Đó chính là thầy Năm Rắn. Một đoạn ân tình ngắn ngủi nhưng sâu đậm đã làm chồn bước giang hồ của người lữ khách cô đơn. Từ đó, thầy Năm Rắn dựng mái nhà tranh ở đầu xóm trong khi nhà chị Thục cuối xóm. Mối tình đơn phương của thầy ấp ủ từ đó như một dòng sông chia cách kẻ giang đầu nhớ người cuối sông „sông kia nước chảy lửng lờ, thương ai để dạ trăng mờ lặng câm!". Đó cũng là nỗi lòng của thầy muốn tránh lời dị nghị tai tiếng cho chị Thục của lối xóm gần xa...

*

Thằng Bình, con trai chị Thục đi lửng thửng ra vườn sau định coi có dăm ba trái cây nào cắt được đem bày cúng chuẩn bị đón Giao thừa giúp má nó. Vì hôm nay là 30 tháng chạp mà khung cảnh nhà nó vẫn còn đìu hiu tẻ lạnh, không có lấy một cái gì nói lên không khí Tết!

Ở góc vườn, chiếc thùng phi mọi năm má nó hay dùng nấu bánh chưng, bánh tét đem bán vào dịp Tết nằm trơ đó, bên cạnh đống củi được thằng Bình lo đốn trong rừng từ trước để sẵn. Nó buồn! Không những năm nay nó không có Tết mà chính là vì má nó bệnh hơn cả tuần nay. Nhiều năm khổ cực lặn lội gió mưa chị mang chứng thấp khớp. Cứ lâu lâu lại trở nặng và lần này lại nhằm vào dịp Tết.

Thằng Bình lại tiếp tục rảo bước, vô tình bước chân dẫn nó từ từ đến gần đống củi. Mặt đất hơi ẩm ướt xông lên mũi nó mùi inh ỉnh. Chợt nó dừng lại...! Bên cạnh đống củi có cái gì khoanh tròn đen lưỡng nằm chình ình ở dưới đất. Nó há hốc miệng thì ra... là một con rắn hổ đất. Nén cơn sợ hãi lấy hết bình tĩnh, nó rón rén từ từ rút thanh củi và bất ngờ phang thật mạnh xuống cổ rắn. Con rắn chỉ kịp giãy giụa quằn quại một lúc rồi chết tươi nằm im. Cầm thanh củi trong tay thằng Bình vích con rắn chết định quăng tuốt khỏi vườn nhưng chợt khựng lại. Nó vừa chợt nhớ lời thầy Năm Rắn: mật rắn uống cùng máu rắn tươi hòa trong rượu trắng trị được đau nhức. Nó còn nhớ một lần thấy ông hàng xóm lấy mật rắn, lấy máu thế nào: Trước hết ông treo đầu con rắn để đuôi thòng xuống, cắt đứt một chút ở đuôi, máu sẽ từ đó chảy xuống ly rượu. Tiếp theo cứa nhẹ quanh cổ rắn, rồi dùng hai tay nắm khúc da từ đó kéo tuột xuống. Da rắn đã được lột, lấy dao rạch một đoạn ngắn ở phần cuối bụng rắn cắt lấy mật. Thế là xong. Nghĩ đến đây, thằng Bình bèn treo con rắn hổ ở vách bếp. Đoạn cầm ly đi mua rượu trắng.

Trong khi đó chị Thục đang nằm nghỉ nơi cái phản gỗ cũ kỹ bạc màu, sờn cạnh đặt sát vách ở gian ngoài kế bên cửa chính. Chị vừa thức giấc, đưa mắt lờ đờ nhìn trời bên ngoài dần dần ngả bóng hoàng hôn. Khóm trúc xanh ngoài sân im lìm đợi gió như chị trong này đang âm thầm ngóng con. Nó đi đâu? Chị nhớ mọi năm vào giờ này thằng Bình giúp đỡ mẹ bày dĩa trái cây ngũ quả lên bàn thờ, còn chị lo sắp mâm cơm cúng gia tiên rước ông bà về chung vui Tết; sửa soạn xôi chè chờ cúng Giao thừa. Chị thở dài! Nhiều năm qua sống đời quả phụ vò võ nuôi con côi cút, đầu tắt mặt tối mới đủ sống qua ngày nhưng chị cũng cố gồng mình nuôi con ăn học đến nơi đến chốn; đến nỗi tuổi xuân đi qua lúc nào không hay! Tết này thằng Bình được 15 tuổi rồi. Nhìn con mỗi ngày một lớn khôn là niềm hạnh phúc lớn lao, là lẽ sống duy nhất của chị. Nhiều khi suy nghĩ vẩn vơ nếu thằng Bình có mệnh hệ gì chị sẽ ra sao?

Chị Thục chống tay xuống phản gượng ngồi lên, nhưng cảm thấy ê ẩm khắp cả người không thể nào trỗi dậy. Chị lại nằm vật xuống. Có tiếng thằng Bình gọi chị: "Má ơi! con về rồi." Chị nhìn ra. Thằng Bình đang cầm cái ly gì đó đang từ từ đi vào... Nó vừa đứng ngay nghạch cửa. Chị ngước lên nhìn con và... tay chân chị bỗng lạnh ngắt. Chị vừa chợt thấy trên xà ngang bằng

tre ở cửa chính một con rắn hổ đất đen loang loáng mình to như cổ tay con nít đang quấn quanh thanh tre, cổ vươn cao phình rộng, lưỡi thè dài quơ qua quơ lại lia lịa, chực phóng xuống mổ vào mặt con trai chị. Phản ứng của chị như cái lò xo bật tung lên, chị đứng phóc dậy nhào đến dùng cả thân người ôm choàng để bảo vệ che chở cho con không khác gì gà mẹ đang giương cánh ấp ủ gà con trước móng vuốt của con diều hâu hiểm ác từ trên cao bổ xuống. Cũng vừa lúc đó con rắn mổ xuống cắn trúng bả vai phải của chị rồi trườn mình mất biến...

Ly rượu trong tay thằng Bình rớt xuống đất tan tành. Cũng không nghĩ đến việc tìm kiếm con rắn mà chỉ vội vàng dìu má nó đến nằm trên phản. Nó vạch áo nhìn vào vết thương có nốt lỗ rắn cắn và chung quanh bắt đầu ửng đỏ hơi sưng tấy.

Thằng Bình hốt hoảng ba chân bốn cẳng chạy đến nhà thầy Năm Rắn báo tin. Thầy đang xắt dở nồi thuốc nghe nói cũng rụng rời vội đi lấy thuốc chạy đi ngay.

Trời tối đen như mực. Đêm 30 không trăng, không sao. Con đường mọi hôm không xa mà giờ bỗng diệu vợi! Thầy Năm Rắn thấy lòng như lửa đốt. Một cảm giác khác lạ mà từ lâu nay khi đi cứu chữa ai thầy chưa bao giờ có. Vừa đến nơi chưa kịp thở thầy đã vội vàng xem xét vết thương. Giờ đây chỗ rắn cắn đã sưng to hơn và chuyển sắc đen bầm, còn chị Thục nằm rũ rượi nửa tỉnh nửa mê. Chị mơ màng nghe ai gọi chị: "Chị Thục! Chị Thục!". Rồi một tiếng "oái" hét lên, tiếng thầy Năm Rắn. Thầy cúi xuống. Dưới gầm phản một con rắn hổ đất phục sẵn cắn vào mu bàn chân của thầy Năm và trườn lẹ. Nhưng nhanh như cắt thầy chụp đuôi con rắn quay vù vù mấy vòng trong không khí rồi đập mạnh đầu rắn xuống đất. Con rắn chết tươi, thầy bèn quẳng tuốt ra sân. Lấy vội dải dây gút ở nải xách tay, thầy buột chặt cổ chân mình cách chỗ vết rắn cắn khoảng 20 cm. Xong đâu đấy thầy trở lại coi vết thương cho chị Thục. Nọc độc bấy giờ đã thấm sâu, mặt chị tái ngắt, chỗ sưng bầm đen ở bả vai đã lan dần đến cổ.

Giữa không khí nghẹt thở ấy, chợt nổi lên những tiếng lao xao văng vẳng bên ngoài; ban đầu xa xa rồi tiếng lao nhao lan tỏa khắp xóm như muốn xé màn đêm. Nhiều tiếng la lớn: "Cháy nhà! cháy nhà! bà con ơi!". Một chốc tiếng ồn ào lại trỗi lên:" Cháy nhà thầy Năm Rắn! Nhà thầy Năm Rắn bị cháy!".

Trong này thầy Năm Rắn nghe rõ mồm một. Hốt hoảng thầy gọi thằng Bình: "Con mau chạy qua nhà thầy, ở cái kệ tre gom hết thuốc về đây cho thầy". Thằng Bình lại hấp tấp chạy bay đi. Khoảng thời gian uống cạn chung trà, thằng Bình trở về mặt mày, áo quần ám khói đen lem luốc. Nó mếu máo: "Thầy Năm ơi! Nhà thầy bị cháy rụi hết rồi!". Thầy Năm sững người bất động. Ánh mắt vời vợi xa xăm như nghĩ về quãng thời quá khứ. Thầy lẩm nhẩm: "Định mệnh! Định mệnh đã an bài!".

Thầy thở dài mở nải xách tay lấy một hoàn thuốc màu đen từ trong cái lọ nhỏ bỏ vào miệng chị Thục, cho uống nước và ngồi nhìn chờ đợi diễn biến của thuốc. Gian nhà chìm vào sự im lặng. Bên ngoài tiếng lao xao cũng giảm dần rồi tắt hẳn nhường bước cho giờ phút giao thừa sắp điểm. Thầy Năm ngồi tư lự. Hồi tưởng lại khi vừa nghe tin chị Thục bị rắn độc cắn, thầy đã hốt hoảng đến độ quên tắt lò than đang nấu dở thuốc đến nỗi xảy ra vụ cháy. Mười năm nay lòng thầy vẫn ấp ủ hình bóng người sương phụ mà thầy vừa yêu, vừa kính. Thỉnh thoảng gặp nhau, tuy ngoài mặt thầy làm vẻ thản nhiên nhưng trong lòng là cả sự xao động, xao xuyến lạ thường...

Có tiếng cựa quậy, chị Thục mở mắt nhìn quanh. Vết thương của chị đã giảm sưng và vết đen bầm cũng nhạt dần. Thầy Năm vui mừng nắm lấy tay chị. Ánh mắt họ chạm nhau thật lâu. Trong cái nhìn đó họ đã tự hiểu ngầm. Có lẽ nó còn rõ ràng hơn là một lời nói lúc này. Bàn tay thầy Năm bỗng run run, gương mặt thầy tái nhợt. Chị Thục hốt hoảng ngồi bật dậy: "Thầy Năm! Thầy sao rồi?". Thầy Năm thểu não: "Tôi cũng bị con rắn hổ đó cắn. Nó với con rắn mà thằng Bình giết chết đi cặp với nhau, nên giờ đây quyết báo oán tới cùng. Không hiểu sao vì lo lắng cho chị tôi đã mất cảnh giác. Bình thường trong phạm vi ở gần tôi có thể phát hiện ra rắn tùy theo đặc tính của mỗi loài. Ngày trước Sư phụ có dạy cho tôi: chẳng hạn như loại rắn mái gầm rung chuông, nó thường ở gần suối để đánh lừa con mồi mỗi khi cái đuôi của nó rung lên sẽ tưởng lầm với tiếng suối reo. Nhưng bây giờ!". Thầy lại thở dài. "Thầy đã chữa cho tôi khỏi thì tự chữa cho thầy có vấn đề gì đâu?". Chị Thục tiếp lời.

Gương mặt của thầy Năm càng ảo não:

- Muộn rồi! Tất cả thuốc men đã bị cháy rụi trong cơn hỏa hoạn. Hoàn thuốc tôi cho chị uống là hoàn thuốc duy nhất hộ mạng của tôi. Ngày trước, khi lâm chung Sư phụ tôi có nói: "Nghiệp căn của con nặng lắm. Sau này sẽ "Sinh nghề, tử nghiệp". Vậy Sư phụ tặng con một hoàn thuốc bí truyền mà Sư phụ đã dụng công nghiên cứu bao năm trời, hái những lá cây quí hiếm trong thâm sơn cùng cốc để bào luyện. Nó có thể cải tử hồi sinh dù bất cứ nọc độc rắn nào cũng vậy... ngay cả mãng xà tinh. Con có thoát được số phận này còn phải chờ phúc phận".

Thầy thở dài tiếp lời:

- Hiện giờ là tháng chạp, loại rắn hổ thường xuống lung, bàu trầm nọc nên độc tố trong nọc tăng cao vào thời gian này. Tôi bị nhiễm độc nặng. Phương pháp cột dây chỉ là tạm thời giữ độc tố chậm phát tác chứ không đủ sức đợi đến sáng mai vào rừng hái lá; sợ rằng không qua khỏi đêm nay!

Chị Thục ai oán:

- Sao thầy không dùng, lại nhường cho tôi?

Thầy Năm cười buồn. Ánh mắt u ẩn hướng về chị Thục, giọng thều thào:

- Tôi đã nợ của chị một ân tình sâu nặng. Đáng lý ra tôi đã chết từ cái đêm giao thừa 10 năm về trước. Mạng của tôi do chị cứu sống. Từ đó tôi hằng mong có ngày đền đáp và bây giờ là lúc tôi xin được đáp lại ân tình của chị ngày xưa. Tôi đã chọn cho mình một cái chết vô lý nhưng trên tình lý nó là một cái chết có ý nghĩa thâm tình đạt lý. Ngoài ra... ngoài ra... Chị cũng hiểu là tôi muốn nói gì mà!

Chị Thục nấc lên! Lặng gật đầu...

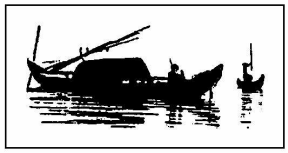

(Xem tiếp trang 45)

Thằng ăn trộm

• **Tiểu Tử**

Nguyễn là con một của ông bà Hai. Hồi trước anh học đại học văn khoa và dạy aikido ở Dakao mỗi tối. Sau "giải phóng", anh xoay ra "chạy áp phe", tối ngày xách Honda đi móc nối đầu này đầu nọ. Vậy mà kiếm ăn được! Cuộc sống tuy không sung túc như hồi xưa, nhưng cũng tạm đủ. Nghĩa là không phải bán đồ đạc trong nhà như phần đông thiên hạ. Ở cái thời mà sự bán đồ đạc để ăn đã trở thành một... "thời trang", còn được như gia đình ông Hai người ta cho là... khá! Bởi vì phần lớn những người khá giả hồi trước đã thành nghèo bây giờ, và những người nghèo hồi trước bây giờ lại thấy... nghèo hơn, thì thành phần "đi cày vừa đủ ăn" bây giờ được nâng lên cấp "khá" cũng là điều "lô-gích" trong cái xã hội tuột dốc này.

Đêm nào Nguyễn cũng đem ghế bố ra ngủ ở hàng ba. Vừa mát, lại vừa tiện cho anh với cái nghề chạy áp phe không giờ không giấc. Những hôm đi về khuya, sợ làm rộn giấc ngủ của cha mẹ, anh tắt máy xe khi gần đến nhà, vậy mà đêm nào đẩy xe vào đến sân cũng nghe tiếng bà Hai hỏi vọng ra: "Nguyễn hả con?"! Chỉ có mấy tiếng thôi, nhưng Nguyễn cảm nhận tình mẹ thật tràn đầy. Thằng con, dù tuổi đời có lớn mấy, đối với bà vẫn là thằng con nhỏ. Bà vẫn lo khi nó đi muộn về khuya... Nguyễn nghe lòng thật ấm cúng.

Có hôm, Nguyễn nghĩ: "Còn cha còn mẹ – còn gia đình – là cuộc sống còn ý nghĩa. Bởi vì gia đình là cái gốc, từ đó con người lớn lên. Cái gốc nuôi dưỡng những chồi những lộc bên trên bằng tình thương rút ra từ lòng đất mẹ. Chất màu mỡ đó là truyền thống tốt đẹp luân lưu từ mấy ngàn đời... Vậy mà sao bây giờ không còn nghe ai nói tới hai tiếng gia đình nữa?".

Thật vậy. Sau khi chiếm miền Nam, Nhà Nước đã thay thế ngay "tờ khai gia đình" bằng "sổ hộ khẩu"! Từ một "gia đình" – ông bà cha mẹ con cái, những người dính liền với nhau bằng sợi dây liên hệ di truyền, giống như rễ liền với gốc, gốc liền với cành, cành liền với lá với hoa... như Nguyễn đã nghĩ ở đoạn trên – bỗng nhiên những người sống dưới mái nhà đó bị xem như là cùng chung một "hộ"- một từ thật cộc lốc khô khan giống như... cái bàn, cái ghế, chẳng gợi lên một mảy may tình cảm. Và cái "hộ" đó được coi là "hộ khẩu" nghĩa là không phải hộ của "những con người", mà là hộ của... "những cái miệng". Thật là chua chát! Rồi mỗi người trong hộ bị gọi là một "nhân khẩu", không còn là "người" nữa, mà là cái "miệng người"! Con người gồm có đầu, mình và tay chân với trái tim, với khối óc... bây giờ được coi như chỉ còn lại vỏn vẹn có... cái miệng! Chưa bao giờ người dân bị chánh quyền miệt thị như vậy, kể cả dưới thời Pháp thuộc, kể cả dưới thời mà họ gọi là "Mỹ ngụy ác ôn"!

Hai tiếng "gia đình" hầu như biến mất từ đó, trong giấy tờ cũng như trong từ ngữ. Người ta không nói "Tôi ở gia đình ông Mít", mà nói "Tôi thuộc hộ ông Mít". Ngày xưa, khi gọi "người chủ gia đình" là thấy ngay vai trò, vị trí, trách nhiệm của người đó. Bây giờ, gọi là "người chủ hộ", người ta chỉ còn thấy một người... chăn mấy cái miệng. Xóa bỏ gia đình tức là bứng cái gốc của con người, thì con người sẽ biến thành con... cờ của chế độ. Hay quá!

... Đêm nay, khu của Nguyễn ở bị cúp điện. Anh ở nhà và ngủ sớm. Vẫn ngủ ở hàng ba.

Đang ngủ, anh giựt mình tỉnh giấc vì tiếng chó sủa rân ở nhà bên cạnh. Vén mùng thò đầu nhìn ra ngoài: trăng hạ tuần mà sáng như trăng rằm. Anh nghĩ: "Chắc nó thấy ai đi ngoài đường nên nó sủa. Con chó này bị nhốt luôn trong chuồng từ hôm nó vồ tên công an phường. Chắc nó cũng bực. Động một chút là sủa cho đã tức!". Yên tâm, Nguyễn nằm trở lại, lim dim.

Chó sủa một lúc rồi im. Bỗng anh nghe cửa sắt nhà anh khua mấy tiếng cạch cạch. Lại chui đầu ra khỏi mùng nhìn. Lần này anh thấy rõ một người đang lấp ló bên ngoài. Anh khoát mùng ngồi hẳn lên, đợi. Người bên ngoài, hai tay nắm song sắt cổng, nhìn vào trong, lâu lâu ho vài tiếng. Một lúc, hắn buông chấn song, bỏ đi. Nguyễn nghĩ: "Chắc không phải ăn trộm. Đâu có ai đi ăn trộm mà lựa đêm trăng sáng, lại còn ho nữa!". Anh sửa soạn chui vào mùng thì thoáng thấy gã hồi nãy trở lại nhìn vào trong, hai tay lại nắm chấn song, bất động giống như tư thế của một người tù. Lâu lâu lại ho vài tiếng. Nguyễn tự hỏi: "Không biết thằng cha này nó muốn cái gì?".

Bỗng, hắn chậm chạp trèo lên làm cổng sắt khua lạch cạch. "À... thì ra là ăn trộm thiệt! Chết cha mầy rồi! Quân khốn nạn như mầy, tao phải cho một bài học để nhớ đời!". Nguyễn nghĩ như vậy, nhưng vẫn ngồi im theo dõi. Tên trộm vẫn chậm chạp trèo qua cổng, hai chân quơ quào tìm từng điểm tựa để tuột lần xuống, thay vì phóng xuống, vì thật ra, cổng đâu có cao bao nhiêu. Xuống đất, hắn đứng lom khom làm như đang núp đang rình... mặc dù sân nhà Nguyễn trống trơn không có một lùm một bụi gì hết! Hắn đứng như vậy, nhìn qua nhìn lại một lúc, ho vài tiếng rồi mới hướng vào chỗ để xe bước vài bước ngập ngừng. Bỗng hắn dừng lại, xoay người nhìn về phía cổng như tìm ai ngoài đó. Nguyễn nghĩ: «Chắc còn đồng bọn của nó ở bên ngoài. Mình phải chụp thằng nầy ngay bây giờ trong lúc nó chỉ có một mình ở bên trong». Nguyễn bèn la lớn: "Ăn trộm!". Rồi phóng ra thật nhanh, nắm lấy tên trộm quật nằm sấp xuống, khóa tay về phía sau lưng. Anh tiếp tục la: "Ăn trộm ! Ăn trộm!". Ông Hai cầm đèn bấm mở cửa chạy ra, trong lúc bà Hai run lập cập mò mãi không đụng cái hộp quẹt để đốt đèn. Con chó nhà bên cạnh lại sủa om lên. Nguyễn nói lớn với cha:

- Con bắt được nó rồi! Ba lấy cho con sợi dây điện con treo trên cây đinh sau cánh cửa đó. Lẹ lên ba!

Có tiếng từ sân nhà bên cạnh vọng sang:

- Gì vậy, Nguyễn?

- Có ăn trộm, bác Ba à.

- Bắt được không ?

- Dạ được! Con đang khóa tay nó đây.

- Thằng khốn nạn! Hồi nãy nó vô sân nhà bác làm chó sủa rân. Bác hé cửa sổ rình thấy nó đứng lớ ngớ một hồi rồi trèo ra. Có lẽ nó sợ chó.

Ngừng một chút, lại tiếp:

- Rồi cháu tính sao, giờ này?

- Dạ... Trói nó để đây đợi sáng giải giao công an.

- Ờ... Thôi, bác vô ngủ tiếp, nghen.

- Dạ...

Trói thúc ké tên trộm xong, Nguyễn đẩy nó bước vào hàng ba, ấn nó quỳ xuống rồi cột luôn hai tay vào hai chân. Vừa làm vừa nói:

- Tao cột như vầy cho mầy quỳ luôn tới sáng. Cho đáng kiếp!

Sau khi trao sợi dây điện cho Nguyễn để trói tên trộm, ông Hai xách đèn bấm trở vào trong nhà. Lục đục một chút, nghe ông Hai cằn nhằn:

- Bà làm cái gì mà tự nãy giờ chưa thắp được cây đèn?

- Trời ơi! Tôi sợ run muốn chết, hồn vía tôi lên mây mà ông biểu tôi còn nhớ cái gì nằm ở đâu.

- Thôi! Xong rồi. Bà vô buồng nghỉ đi. Để đó tôi.

Ông Hai chẹt hộp quẹt đốt cây đèn dầu rồi mang ra đặt ở bàn xa-lông. Biết mẹ bị yếu tim, Nguyễn hướng vào trong hỏi lớn:

- Má có sao không ba ?

- Không có sao. Hơi run một chút. Cũng tội nghiệp bả.

Nguyễn nổi nóng, đạp cho tên trộm một cái té lật xuống đất. Hắn ho vài tiếng rồi làm thinh. Không nghe rên rỉ, không một lời năn nỉ van xin. Vì tay và chân bị trói dính vào nhau ở phía sau lưng nên hắn không làm sao gượng quỳ lên được. Hắn nằm im như một con vật.

Vẫn còn nóng lòng vì mẹ, Nguyễn nắm tóc hắn kéo dựng quỳ trở lại, rồi tiện tay tát thật mạnh vào mặt hắn làm hắn đảo người qua một bên. Nghe tiếng tát tay, ông Hai cầm đèn bấm từ trong nhà bước ra can:

- Đừng, con! Đừng đánh người ta như vậy. Để sáng mai đem giao cho công an. Mình đừng làm gì quá tay hết. Coi không được. Còn có luật pháp nữa, con!

- Thời buổi bây giờ mà luật pháp gì ba. Toàn là luật rừng thì có! Đâu, ba rọi đèn bấm cho con coi thằng khốn nạn nó giống cái thứ gì.

Tên trộm ốm nhom, râu tóc muối tiêu rối bời. Hắn mặc bộ đồ vải đen rách vá. Hắn quỳ, lưng cong, đầu gục, hai vai nhô cao. Lâu lâu ho vài tiếng. Ngoài ra, hắn vẫn làm thinh.

Nguyễn nắm tóc tên trộm lật ngửa mặt lên. Hắn nhắm nghiền mắt, chờ. Mặt hắn hốc hác nhăn nheo đen đúa. Bỗng Nguyễn nhìn thấy trên trán về phía trái một bớt đỏ hình chữ S. Anh đưa ngón tay chà chà lên đó. Đúng là một cái bớt. Anh thả tay ra, cái đầu lại gục xuống. Phân vân một chút, rồi hỏi, giọng lạc đi:

- Mầy... Ông... Ông tên gì?

Tên trộm thều thào:

- Tôi họ Lê...

Nguyễn nói hớt:

- Lê Văn Lưu?

Tên trộm ngẩng vội đầu lên nhìn Nguyễn, ngạc nhiên:

- Dạ...

Nguyễn hét lên: "Trời ơi!...". Chỉ trong có một giây mà hình ảnh của thầy Lê Văn Lưu có miếng bớt đỏ hình chữ S trên trán, ngày xưa dạy ở Văn Khoa... hiện lên rất rõ trong đầu Nguyễn. Người thầy mà anh đã mến nhứt, phục nhứt trong mấy người thầy! Anh nghẹn ngào chồm tới ôm lấy tên trộm, chỉ nói được có một tiếng "Thầy!" rồi khóc ngất...

Tên trộm nhắm mắt, nói như nói trong mơ:

- Cám ơn... Cám ơn... Lâu lắm... Thiệt là lâu lắm... Tôi không được ai gọi tôi bằng thầy như hồi đó... Cám ơn...

Mặt hắn bỗng nhăn nhúm lại, hắn ho vài tiếng rồi để rơi hai giọt nước mắt.

Ông Hai ngạc nhiên trước cảnh đó, đứng lặng một hồi rồi mới hỏi nhỏ:

- Sao vậy Nguyễn? Chuyện gì vậy, con?

Nguyễn xoay người lại, mếu máo:

- Người này là thầy của con. Thầy Lê Văn Lưu dạy con ở Văn Khoa.

Rồi vừa mò mẫm run rẩy cởi trói cho thầy, vừa nức nở:

- Trời ơi! Con đã đánh thầy con... Con đã đánh thầy con...

Ông Hai an ủi:

- Thôi! Lỡ rồi. Có khóc mấy cũng không lấy lại được. Con mau đưa thầy vào trong, đi!

Vào bên trong, thầy Lưu đứng khoanh tay cúi mặt lắc đầu:

- Tôi xấu hổ quá! Thiệt xấu hổ quá!

Nguyễn dìu thầy lại xa-lông. Vừa ngồi xuống, thầy bỗng đứng bật lên:

- Không được! Tôi dơ lắm!

Nguyễn ấn nhẹ thầy ngồi xuống, giọng ôn tồn:

- Không sao. Thầy cứ tự nhiên. Thầy ngồi đi rồi kể cho con nghe coi tại sao thầy ra nông nỗi này vậy?

Ông Hai rót nước trà vào tách:

- Mời thầy. Uống một chút cho ấm.

Thầy Lưu cám ơn, ho mấy tiếng rồi cầm tách trà uống một hơi. Nguyễn ngồi chồm hổm cạnh đó, nhìn nét phong trần cày sâu lên mặt thầy, nhìn đôi mắt có quầng thâm như thất thần, nhìn râu tóc muối tiêu vừa dài vừa rối... mà nghe bồi hồi xúc động. Nhớ khi xưa, thầy giảng bài rất linh động, đi tới đi lui giọng sang sảng, thầy sống theo từng đoạn văn, lời giảng nằm cả trên đôi bàn tay, trong ánh mắt. Vậy mà bây giờ...

Thầy Lưu đặt tách xuống bàn xa-lông, đưa bàn tay quẹt miệng:

- Cám ơn ông. Ngon quá! Gần bảy năm rồi tôi chưa được uống trà ngon như vầy.

Ông Hai lại rót trà vào tách, mắt chớp chớp vì cảm động:

- Mời thầy uống thêm. Để tôi vào gọi nhà tôi dậy.

- Đừng! Ông ! Để bà nghỉ !

- Được. Không có sao. Bả cũng mới vô nằm đó thôi.

Ông Hai vừa xoay người lại đã thấy bà Hai bước ra gật đầu chào. Thầy Lưu đứng lên, chắp tay:

- Dạ chào bà. Tôi xin lỗi đã làm cho bà sợ. Tôi ân hận quá, thưa bà. Mà tôi cũng xấu hổ quá, thưa bà.

Ông Hai giới thiệu:

- Đây là giáo sư Lê Văn Lưu, thầy của thằng Nguyễn ở Đại học Văn Khoa, hồi đó.

Bà Hai lại gật đầu, mỉm cười hiền hòa:

- Thôi... Chuyện gì rồi, mình cho nó qua đi thầy. Mời thầy ngồi chơi với ông nhà tôi. Để tôi ra sau bếp một chút.

Bà Hai đi rồi, Nguyễn giục:

- Thầy kể con nghe, đi!

Thầy Lưu chậm rãi kể, giọng trầm trầm, trống rỗng, lâu lâu ngừng lại ho vài tiếng hoặc hớp một hớp trà:

- Hồi 75, tụi nó bắt tôi đi học tập. Tưởng đâu đi dạy học, không dính gì tới chuyện nhà binh, là được yên. Té ra cũng bị bắt đi tuốt. Rồi nói đi một tháng, té ra đi luôn hết bảy năm! Họ thả tôi ra mà tôi còn sống là may đó. Tôi về nhà thì nhà đã bị tịch thu. Nghe nói vợ con tôi đã đi chui... không biết sống chết. Bạn bè thì không gặp lại đứa nào hết, mà trong xóm tôi ở hồi đó, bây giờ thấy toàn người lạ không. Hổm nay tôi sống đầu đường xó chợ, xin ăn từng bữa. Tôi muốn về quê ở Cần Thơ mà không có tiền. Tôi định đi ăn trộm là vì vậy. Nhưng thấy thật là khó. Còn khó hơn đi ăn xin. Mấy lúc đầu tôi ngửa tay xin, sao thấy như bị cực hình. Nó là một sự xâu xé giằng co ở bên trong con người, giữa cái phải và cái quấy, giữa cái xấu và cái tốt. Một đằng là cái đói, còn một đằng là thể diện. Mình phải biết quên mình là ai. Mình phải biết nhìn người bố thí cho mình như là người bề trên của mình, cho dù họ là hạng mà hồi trước mình chỉ nhìn có nửa con mắt. Rồi mình phải biết nhắm mắt đưa tay lấy chút cơm thừa canh cặn để giải quyết vấn đề bao tử! Chua cay lắm! Rồi đến đi ăn trộm. Không biết phải đi ăn trộm món gì, ở đâu? Làm sao trèo vào mà đừng bị động. Rủi bị bể thì làm sao chạy ra. Còn bị bắt... bị bắt... thì...

Nguyễn đặt tay lên tay thầy Lưu bóp nhẹ:

- Thôi, thầy à. Con rất ân hận đã lỡ tay, xin thầy tha thứ.

- Không! Em không có làm điều gì đáng trách hết. Chính tôi mới là người đáng trách.

Bà Hai bưng lên tô cháo:

- Tôi làm đại tô cháo hột gà. Mời thầy ăn tạm.

Thầy Lưu vừa chớp chớp mắt vừa lắc đầu nhè nhẹ mấy cái:

- Bà... Bà tốt bụng quá.

- Thầy cứ ăn đi. Ăn tự nhiên, đừng ngại.

Thầy Lưu tiếp lấy tô cháo. Mùi nước mắm, mùi tiêu mùi hành bốc lên. Thầy nhắm mắt hít một hơi dài, rồi nói:

- Dạ....

Thầy múc từng muỗng thổi sơ sơ rồi đưa vào miệng, mắt nhìn tô cháo như nhìn một món đồ trân quí! Ông bà Hai và Nguyễn nhìn thầy ăn mà thương hại.

Một lúc sau, thầy ho vài tiếng quay sang Nguyễn hỏi:

- Em tên gì tôi quên rồi. Xin lỗi. Bây giờ trí nhớ của tôi kém lắm.

- Em tên Trần Văn Nguyễn.

Thầy nhắm mắt, châu mày như đang moi trí nhớ, đầu gục gặc:

- Nguyễn... Ờ... Nguyễn... Nguyễn...

Bỗng thầy mở mắt ra nhìn Nguyễn, nụ nhìn sáng rực:

- Phải rồi! Nhớ ra rồi! Hồi đó, sau mỗi "cua", em thường xách cặp giùm tôi khi đưa tôi ra bãi đậu xe của trường. Đúng không?

- Dạ đúng! Thầy còn nhớ đó. Đâu có quên.

- Vậy mà đã quên nhiều lắm, em à. Bảy năm trong trại cải tạo là bảy năm cực hình. Nó tiêu mòn con người ghê lắm.

... Ăn hết tô cháo, thầy Lưu đứng lên:

- Xin cám ơn ông bà và em Nguyễn. Bây giờ, tôi xin đi, để ông bà và em vào nghỉ tiếp.

Ông Hai đưa tay cản:

- Thầy định đi đâu? Nghỉ tạm ở đây rồi sáng mai thằng Nguyễn lấy Honda đưa thầy ra bến xe miền Tây cho thầy về Cần Thơ. Thầy cứ yên tâm, để cháu nó lo hết cho.

Rồi ông quay sang Nguyễn:

- Con đem cái ghế xếp trong phòng ba ra đây cho thầy nằm đỡ.

Một lúc sau, thầy Lưu ngã lưng trên ghế xếp đặt gần bàn xa-lông. Nguyễn ra hàng ba nằm trằn trọc với vô vàn kỷ niệm của thời đại học. Ông Hai đóng cửa cài then, rồi ông bà xin phép vào trong. Bà Hai nói với ông:

- Ông thổi đèn đi cho thầy nghỉ.

Thầy Lưu khoát tay:

- Đừng ! Đừng! Xin ông bà cho phép tôi để đèn như vậy. Tôi không cần ngủ mà tôi cần nhìn đèn. Ông bà biết không. Bảy năm trong trại cải tạo, ngoài cái đói ra tôi còn thèm có một ngọn đèn như vầy lắm!

Ông bà Hai lẵng lặng đi vào. Cả hai cùng nghĩ như nhau: "Tội nghiệp thầy Lưu!" ./.

Thầy Năm Rắn và vụ rắn báo oán

(Tiếp theo trang 42)

Giờ phút Giao thừa đã điểm từ lâu không ai hay. Không gian bao trùm vẻ thiêng liêng huyền hoặc của một ngày mới bắt đầu niên khởi khi mà lúc đất trời giao hòa bàng bạc khắp nhân gian.

Thời gian vẫn tiếp tục trôi trong cái yên lặng tưởng chừng như vô tận. Sự yên lặng chỉ có hai người cùng thấu hiểu và có lẽ mãi mãi sẽ vẫn là yên lặng...

Lúc này, nọc độc đã thấm sâu. Tay chân thầy Năm dần tê cứng. Hô hấp khó khăn. Thầy cố gượng nhìn chị Thục một cách âu yếm lần đầu mà cũng là lần cuối, mỉm cười, nói trong đứt quảng:

- Tôi... tôi mãn nguyện lắm. Cũng nhờ vụ rắn báo... oán mà tôi mới có cơ... hội để trút... nỗi... lòng của tôi... hằng... ấp ủ cả... cả...cả... Nói chưa dứt lời, thầy đã xuôi tay nhắm mắt!

Chị Thục ôm chầm lấy xác thầy Năm gào lên thất thanh:

- Thầy Năm!... Anh Năm! Anh Năm ơi!!!

Đêm Giao thừa cách đây 10 năm, tại chốn này, nơi đây thầy Năm đã được cứu sống từ tay người sương phụ. Để rồi 10 năm sau, cũng vào đêm Giao thừa ở chốn này thầy trút hơi thở cuối cùng trong vòng tay người sương phụ ấy, khi cánh cửa trái tim của người góa phụ vừa hé mở.

Vụ rắn báo oán và cái chết bất ngờ của thầy Năm Rắn "Sinh nghề, tử nghiệp" một lần nữa lại đi vào huyền thoại...

Xóm thầy Năm Rắn vẫn mãi mãi "chết" tên theo thời gian dù người đã khuất! ●

•Võ Đức Trung

Năm Thìn sắp qua. Ba trăm sáu mươi lăm ngày bay vèo trong khoảnh khắc. Con Rồng sắp tung bay biến dạng mù tăm để mười hai năm sau sẽ tái xuất hiện, chứng kiến những đổi thay ngoạn mục của một thế giới không ngừng chuyển biến với một vận tốc kinh hoàng.

Con Rồng tạm thời giã từ chúng ta nhường chỗ cho con Rắn lù đù trườn mình đến chánh thức mở đầu năm **Quý Tỵ 2013.** Đối với chúng ta, những người tỵ nạn cộng sản, từ ba mươi tám năm ly hương, trôi giạt khắp nơi trên thế giới, hình ảnh và ý nghĩa năm mới đã gợi trong lòng mỗi người nhiều nỗi xót xa ê chề nhưng cũng hé cho thấy một số dữ kiện cho phép lạc quan trong niềm tin và hy vọng ở những ngày sắp tới.

Với niềm tin có những căn cơ vững chắc cùng với tinh thần truyền thống dấn thân và trách nhiệm cao độ, chúng ta tiếp đón năm con Rắn với nhiều hứa hẹn thuận lợi, một khi tập đoàn cộng sản Việt Nam từ khi cầm quyền chuyên chính trên đất nước thống nhứt từ Nam chí Bắc đã thất bại chua cay trong ảo vọng thành rồng và một khi con rắn độc cộng sản Việt Nam đã có những triệu chứng lộ liễu già nua và kiệt quệ.

Giờ đây, trong hương khói mùa Xuân ly hương, hồi hướng về quê nhà, hòa nhập hồn thiêng sông núi, tưởng nhớ những anh hùng liệt nữ đã đem xương máu tô thắm màu cờ tổ quốc, vẽ nên những trang sử oai hùng lẫm liệt từ thuở bình minh dựng nước đến nay, chúng tôi xin được trước hết nhắc nhớ vài mẩu chuyện vui buồn về con Rắn bàng bạc qua những lãnh vực lịch sử, xã hội, văn chương thi phú cùng thời sự hiện tại. Hy vọng rằng qua những giờ phút thiêng liêng xuân về trong ray rứt khắc khoải, độc giả sẽ tìm được một chút vỗ về không đến đỗi vô duyên nhàm chán.

Nói đến con Rắn, người ta nghĩ ngay đến vùng rừng núi, những nơi hoang vu đầm vũng chằng chịt, cây cối um tùm hỗn mang, thưa thớt dấu chân người. Giang san riêng bất khả xâm phạm của Rắn mà cũng là của bao nhiêu loại thú dữ khác với luật rừng xanh mạnh thắng yếu thua, tranh giành cấu xé nhau để sinh tồn.

Bỗng nhiên trong bối cảnh hỗn mang hoang sơ rùng rợn đó, chúng tôi liên tưởng ngay đến cuộc Nam Tiến lịch sử trường kỳ của dân tộc ta mà thêm thương mến, cảm phục những lớp người tiên phong khai sơn phá thạch, mở mang bờ cõi nước nhà. Như chúng ta đều biết, cuộc Nam Tiến của tổ tiên ta đã tiến hành tiệm tiến qua rất nhiều thế hệ tiếp nối không ngừng, dần dà lấn chiếm mãi đất đai hoang vu với rừng bụi bát ngát bất tận, với sông rạch chập chùng đan quyện nhau như mắc cửi. Những nơi hoang sơ ủng nước quanh năm này hắt lên mùi ám khí độc hại, không kể những hiểm nguy giăng mắc đó đây theo từng bước chân phiêu lưu, dò dẫm khám tìm đất mới để xây dựng cuộc sống an bình thạnh mậu về sau. Những nơi này đầy ắp thú rừng, sấu, rắn, nhun nhúc đỉa vắt muỗi mòng.

Riêng ở Miền Nam, từ Đồng Tháp Mười đến những địa danh khoác những âm thanh rờn rợn nơi cuối mũi quê hương, những câu ca dao, câu hát, câu hò, những chuyện kể dân gian... đã ghi lại đậm nét và trung thực những bối cảnh xa xưa hun hút cùng cuộc sống khó khăn khai hoang lập ấp với chân đất đầu trần, với dụng cụ thô sơ tự chế tùy theo nhu cầu thúc bách hằng ngày, ngoài quyết tâm dấn thân và ý chí sắt đá của con người thách thức chông gai chướng ngại mà họ phải đối đầu hằng giờ hằng phút. Những câu hát câu hò, những câu ca dao... được sưu tầm gìn giữ đến nay trong ký ức tập thể đã gieo trong lòng người hậu thế bao nhiêu cảm thông thương tưởng, ngưỡng mộ khâm phục lớp người trước, nay đã nằm yên đâu đó, rải rác trên những chéo vườn vạt đất phì nhiêu màu mỡ hôm nay.

Đôi ba câu ca dao mộc mạc giản đơn được ghi dưới đây đã nói lên trọn vẹn cái thuở hãi hùng đó và sức chịu đựng chế ngự của con người quả đáng khâm phục:

- Chiều chiều én liệng trên trời
Rùa bò dưới đất, khỉ ngồi trên cây.
- Chèo ghe sợ sấu cắn chưn
Xuống xuồng sợ đỉa, lên rừng cọp tha
- Xứ nào bằng xứ Cạnh Đền
Muỗi kêu như sáo thổi,
đỉa lội lềnh như bánh canh.
- Cà Mau khỉ khọt trên bưng
Dưới sông sấu lội, trong rừng cọp um.
- Rừng sâu nước mặn phèn chua
Trăm ngàn cá sấu thi đua vẫy vùng...

Vùng đất trũng này thuộc khí hậu gió mùa, hầu như quanh năm ẩm thấp, phù hợp với Rắn vốn là loài có máu lạnh cho nên người đi khai hoang còn phải đối đầu hằng ngày với tai họa Rắn độc. Sơ ý có thể trong phút chốc ngắn ngủi mất mạng vì không cách nào cứu chữa được ở thời buổi y học còn trong giai đoạn mò mẫm, nghiên cứu tìm tòi các loại huyết thanh kháng độc thể. Những ông **Thầy Rắn**, cha truyền con nối, dù nổi tiếng qua kinh nghiệm tích lũy đến đâu đôi lúc cũng phải bó tay. Rắn khắp nơi. Trên bờ. Dưới nước. Hiền, dữ. Rắn lớn nhỏ đủ loại.

Tại Đồng Tháp Mười và những vùng phụ cận còn truyền tụng một câu ca dao gói ghém đầy đủ những khổ nạn mà người dân phải gánh chịu suốt cuộc đời lam lũ, đầu tắt mặt tối, dầm sương giải nắng tất bật của họ:

Muỗi như sáo thổi
Đỉa lềnh bánh canh
Cỏ mục thành tinh
***Rắn đồng** biết gáy.*

Vùng Cà Mau, Minh Hải cũng có câu ca dao sau đây:

Đất Bạc Liêu muỗi tên Ba Thắc
Nhẫn cơm dẫy dễ lột thơm ngon

Dưa hấu cát nhiều mỏng vỏ
Mía Trà Nho ngọt gắt cổ đâu bằng
*Miền Giá Rai **Rắn Hổ** lội đầy*
Cua kềnh, chim, chuột, tôm tươi lụi đều...

Miền Nam có rất nhiều loại Rắn, đến nay chưa thấy có những công trình khoa học phân loại và nghiên cứu tận tường. Tuy nhiên, do kinh nghiệm và sự tiếp cận trong đời sống hằng ngày, người ta có thể kể những loại Rắn độc như **Rắn hổ đất** ở miền Tây Nam Kỳ Lục Tỉnh, có con sống lâu năm, dài cả hai thước tây, bành khá to có thể bằng bàn tay người lớn, trên đầu có đốm tròn màu nâu; **Rắn cạp nia** khúc đen khúc trắng, **Hổ mây, Mái gầm, Hổ mang**… **Rắn choàn quạp** thường gặp ở vùng trồng cao su Miền Đông đã từng gây bao nhiêu thiệt hại về sinh mạng cho những phu cạo mũ bất hạnh; **Rắn lục xanh** thân màu xanh rất tiệp với màu cỏ và màu lá cây; **Rắn trun** với hai đầu xanh đỏ mà người bình dân thường gọi đầu sanh đầu tử**, Rắn lục lửa** rất độc. Ngoài ra còn **Rắn nước** rất hiền, **Rắn ráo, Rắn bông sún** v.v... Dưới nước có con **Đẽn** tức loại rắn chuyên sống vùng nước mặn, thứ độc nhứt gọi là **Đẽn cườm.** Trên bờ còn có **Trăn.**

Nhà biên khảo Huỳnh Minh trong tác phẩm *"Bạc Liêu Xưa và Nay"* (1) có kể một giai thoại như sau để ghi lại sự hoang vu nơi cảnh thổ này. Chúng tôi xin trích nguyên văn như sau:

"Vào khoản mùa Thu năm 1927, đau nỗi đất nước chìm đắm, Phan Khôi ôm lòng u uất vào chơi tận... trong rừng Cà Mau với một bạn thân. Khu rừng này thuộc xóm Tân Bình, mặt trước rừng là con sông Tân Bình, không có đường sá gì cả. Bên cạnh khu đồn điền của người bạn Phan Khôi có một cái rạch gọi là "Rạch Tân Trào" nơi thuở trước Chúa Nguyễn Ánh lẫn tránh Tây Sơn.

"Sau một buổi bơi thuyền trên sông Tân Bình, xúc cảnh sanh tình, lâng lâng cảm khái động hồn thơ khéo diễn tả những cảnh ghê rợn quanh vùng để bọc lộ nỗi buồn man mác của mình, hồn thơ của Phan Khôi cực kỳ linh động:

...
Lố túp lá chùm cây đen sạm
Vào càng sâu càng lắm vẻ u
Cành dừa lá thổi hu hu
Chim về ổ hót, vượn ru con chuyền
Bổng cái sạt bên triền, hùm vọt
Bực sáng lòa ngọn đuốc ma trơi
Ó vùng dậy, khỉ reo cười
Trăm yêu ngàn quái đè người mà trêu
Thoáng trước mũi giá chèo toan đánh
Lái bát ngay phòng tránh cơn nàn
*Thấy kìa con **Rắn hổ mang***
Vượt sông nổi sóng, băng ngàn như tên
Thoạt dưới nước trồng lên cây trụ
Hẳn đây rồi cá sấu nguýt đuôi
Trăm cái sờ cướng cái vui
Tới đà chẳng tiện, muốn lùi chỉn e...".

Ở Việt Nam, một dạo có phong trào bắt Rắn, nuôi Rắn cung cấp những hàng quán bán thịt rắn nhan nhản hầu hết ở khắp nơi trên đất nước từ Bắc chí Nam. Ngành nuôi Rắn phát triển thành từng làng gọi là **Làng Rắn** mà dân trong làng có khi quá nửa hành nghề này, xem như một nghề chính thức sinh sống của họ do bế tắc không còn phương thức nào khác hơn.

Quán Rắn cũng phát triển và trở thành một phong trào thời thượng của giới phong lưu trưởng giả và bọn nhà giàu mới tư bản đỏ. Những quán rắn có nhu cầu quá mức không thể thỏa mãn những đòi hỏi ngày càng gia tăng của khách hàng nên những nơi nuôi rắn quanh vùng không cung cấp đủ. Họ phải lùng sục đổ xô đi thu mua từ những phương xa.

Những con **Rắn hổ mang, Hổ đất** cùng những loại rắn độc khác được cung cấp từ Nam ra chí Bắc. Những nhà kinh doanh quán rắn có tổ chức đàng hoàng. Trước cửa mỗi quán rắn hầu như đều có một lồng sắt chứa rắn để tạo ấn tượng cho khách tìm thưởng thức món ăn lạ. Họ nghiên cứu chế tạo bao nhiêu món ăn khác nhau từ con rắn. Người ta khai thác trọn vẹn con rắn từ huyết rắn, da rắn, xương rắn... dĩ nhiên là thịt rắn được tận dụng một cách công phu mà người thưởng thức sành điệu còn cho là có tính nghệ thuật nữa. Rượu rắn cầu kỳ "tam xà, thập xà đại hội" được cho là cường dương bổ thận là một sản phẩm được ưa chuộng, dùng từng ly nhỏ trong khi thưởng thức các món ăn từ rắn.

Dường như nhà cầm quyền cộng sản rất hãnh diện về ngành ăn uống này đang phát triển mạnh cho nên có lần thấy họ không ngần ngại giới thiệu với những phóng viên ngoại quốc để họ thu hình và trình chiếu trên các màn ánh nhỏ Âu Mỹ. Thật tình khi xem những cảnh người mình xúm xít uống huyết rắn, ăn ngồm ngoàm thịt rắn với cung cách "bợm nhậu" và hãnh diện cười toe toét ganh đua nhau từng chập thách thức «dô… dô» với bia chai bia hộp, rượu đế quốc doanh để người ngoại quốc thu hình mà người còn chút sỉ diện và lương tâm không khỏi nghe lòng mình dấy lên nỗi niềm vừa ngại ngùng khó chịu, vừa xót xa phẫn uất...

Ngày xưa, thịt rắn là một món ăn ở nông thôn lúc nông dân phác cỏ đắp bờ ngoài đồng không mông quạnh, tình cờ đập được một con rắn mang về nhà cùng với bạn bè chòm xóm nhâm nhi vài xị đế lúc chiều về để sau đó ru giấc ngủ mình thêm nồng nàn quên lãng mệt nhọc. Nó có tính cách bất chợt tình cờ những khi tát đìa tát ao, làm ruộng làm rẫy, thỉnh thoảng góp vui hợp mặt bạn bè. Ngày nay nó trở thành một món ăn săn lùng, một món ăn đắt tiền của giới thừa tiền dư của ở các thành phố lớn.

Giờ đây, chúng tôi xin lùi về dĩ vãng để mời độc giả hồi nhớ vài mẫu chuyện về rắn đã được ghi chép, truyền tụng rất nhiều trong lịch sử, trong văn chương bác học cũng như trong văn chương dân gian Việt Nam.

Trước hết là chuyện **"Rắn Báo Oán".** Câu chuyện này xảy ra vào triều đại nhà Lê. Lúc ấy, anh hùng Lê Lợi đang chiêu mộ nghĩa binh phất cờ khởi nghĩa chống quân nhà Minh xâm lược. Ông đóng quân ở khu rừng Lam Sơn. Để có nơi huấn luyện nghĩa binh thành thục về kỹ thuật tác chiến, quân sư Nguyễn Trãi (1380-1442) ra lịnh cho quân sĩ khai phá một chéo rừng để dựng lều trại quân trường. Những cây cổ thụ đều lần lượt bị đốn ngã. Lùm buội hoang vu rậm rạp nhất loạt được đốt sạch.

Ngay đêm đó, sau khi đọc vài chương Binh Thư Yếu Lược của Đức Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi nằm trên ván ngựa, lim dim thiếp đi rồi nằm mơ. Ngài thấy một người đàn bà đi vào nhà, tay bồng một đứa con 4-5 tháng, theo sau là hai đứa con trai nhỏ. Họ ăn mặc rách rưới, ra dáng con người nghèo khổ khốn đốn. Người đàn bà không phải là phường ăn xin, trái lại cung kính thưa cùng Ngài:

- Thưa đại nhân, tôi là một người đàn bà yếu đuối, các con tôi còn quá nhỏ và chồng tôi đang vắng nhà, bận đi xa chưa về. Chúng tôi hiện ở nơi chéo rừng mà đại nhân vừa cho lịnh quân sĩ phát hoang. Chúng tôi buộc lòng phải dời đi nơi khác. Thế cô kiệt tận tôi không biết sẽ nương náu nơi đâu trong lúc bất cập. Dám xin đại nhân thương tình cho chúng tôi được gia hạn đôi ba ngày để tìm nơi sinh sống mới. Chúng tôi rất đội ơn đại nhân.

Khi thức giấc, Nguyễn Trãi đặt ra cho mình nhiều câu hỏi không có giải đáp vì Ngài hồi nhớ đã đích thân quan sát tận tường cuộc đất trước đó và không hề thấy có một gia đình nào sinh sống ở đây. Nhưng tại sao lại có sự xuất hiện của người đàn bà trong mộng? Rốt cuộc, Ngài quyết định sẽ đến quan sát tại chỗ sáng hôm sau là hơn.

Đến nơi, Nguyễn Trãi hỏi quân sĩ có thấy gia đình nào sinh sống nơi đây không? Tất cả nhất loạt trả lời: không. Duy chỉ có một tên quân báo cho Ngài biết nơi một buội rậm, toán quân trong đội của y đã giết chết một con rắn to tướng cùng với ba con rắn con. Nguyễn Trãi liền liên tưởng ngay đến người đàn bà và ba đứa con trong mộng khi van xin Ngài một đặc ân.

Một hôm, Nguyễn Trãi ngồi đọc sách đến khuya không hay. Khi Ngài lật sang trang, một giọt máu đỏ từ trên trính nhà rớt xuống đúng vào trang giấy. Người hướng nhìn lên thấy một con rắn to nhìn Ngài tròng trọc rồi trườn mình trên rui nhà biến mất. Giọt máu rơi ngay vào chữ "Đại" có nghĩa là một thế hệ, một đời và thắm ướt ba trang giấy.

Quân trường được hoàn tất. Quân sĩ được huấn luyện thành thục, tinh nhuệ. Công cuộc kháng chiến chống quân Minh thành công trong gian khổ. Người anh hùng Lê Lợi lên ngôi lấy niên hiệu là Lê Thái Tổ (1428-1433) dựng lên nước Việt Nam độc lập tự chủ. Đến đời Lê Thái Tôn (1434-1442), Nguyễn Trãi chán ngán cuộc đời quan lộ và những âm mưu bè phái ở triều đình nên xin được về hưu trí, vui hưởng thú điền viên giữa thiên nhiên đất trời hài hòa, xa lánh cảnh phồn hoa đô thị.

Một hôm, nhà vua ngự giá ghé ngang thăm danh thần trí sĩ Nguyễn Trãi trong khi người vắng mặt. Trong nhà chỉ có Thị Lộ là người thiếp sũng ái của Ngài ra tiếp nhà vua. Vua Lê Thái Tôn tỏ ra rất mực bằng lòng khi được Thị Lộ hầu chuyện vì bà vốn là một người đàn bà vừa trẻ đẹp, vừa thông minh lịch lãm. Sau đó, vua ra lịnh Thị Lộ theo hầu vua nhưng trên đường về, lúc đến Lệ Chi viên, thình lình Thái Tôn băng hà.

Thị Lộ bị bắt vì các quan thái y kết luận nhà vua bị đầu độc. Bị hạch hỏi, tra khảo, Thị Lộ nhìn nhận tội lỗi và khai Nguyễn Trãi đồng lõa chủ mưu. Nguyễn Trãi bị vạ lây và bị triều đình kết tội tru di tam tộc. Đến ngày xử trảm, khi lưỡi gươm của đao phủ thủ vừa chạm vào cổ, Thị Lộ vụt biến thành một con rắn trườn nhanh xuống vũng nước kế cận rồi mất dạng...

Câu chuyện **"Rắn Báo Oán"** trên đây tùy theo mỗi địa phương, được nhắc nhớ với nhiều tình tiết khác biệt nhưng nội dung vẫn như nhau. Thị Lộ, con người tài sắc vẹn toàn với tiền thân là con rắn mẹ hiện lên để báo oán vì lúc cụ Ức Trai Nguyễn Trãi ra lệnh phát hoang lập trại quân ngày xưa khiến cả gia đình nhà rắn bị mất mạng.

Tuy nhiên, vụ án Lệ Chi viên mãi về sau đã được các sử gia và các học giả nghiên cứu phân tích như một âm mưu thâm độc nhằm trả thù thanh toán nhau trong triều nhà Lê. Đại khái có thể tóm lược như sau:

Vua Lê Thái Tôn có tất cả năm, sáu bà vợ chính thức. Trong số đó có hai bà được sử sách nhắc nhớ là bà Nguyễn Thị Anh, vợ thứ tư, mẹ của Băng Cơ được phong làm thái tử sau khi nhà vua phế bỏ Nghi Dân (con người vợ thứ ba tên Dương Thị Bí) và bà Ngô Thị Ngọc Dao, mẹ của Tư Thành tức vua Lê Thánh Tôn sau này. Thái Tôn có tiếng biếng nhát, chơi bời hoang phí nhưng rất mến trọng Thị Lộ khi bà được tiến cử vào chầu và được phong Lễ Nghi Học Sĩ, đêm ngày được vua cho kề cận và tin dùng.

Khi bà Ngọc Dao mang thai, Thị Anh sợ bà sinh quý tử có thể sẽ chiếm ngôi thái tử của con mình là Băng Cơ nên tìm cách hãm hại. Nguyễn Trãi qua vị trí và ảnh hưởng của Thị Lộ trong triều, tìm cách khuyên can vua Thái Tôn và cứu được bà Ngọc Dao khỏi tội chết. Sau, Ngài âm thầm đưa cả hai mẹ con bà Ngọc Dao lánh nạn ở Anh Bang tức Quảng Ninh bây giờ.

Từ đó, bà Thị Anh để tâm thâm thù cả Nguyễn Trãi và Thị Lộ, âm mưu hãm hại cho bằng được. Nay, vua Thái Tôn bỗng nhiên băng hà ở Lệ Chi viên, một dịp quý hiếm để bà ra tay. Lúc này Băng Cơ lên ngôi vừa mới hai tuổi tức vua Lê Nhân Tôn (1443-1459). Thị Anh dĩ nhiên "ngồi sau rèm nhiếp chính" hùa với bọn gian thần bắt và ép Thị Lộ nhìn nhận tội lỗi đã cùng với Nguyễn Trãi âm mưu đầu độc giết vua. Thị Lộ bị hành quyết. Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc mãi cho đến năm 1464, đời Lê Thánh Tôn (1460-1497), vua mới xuống chiếu xóa hàm oan cho đại thần Nguyễn Trãi và truy phong Ngài chức Vĩnh Lộc Đại Phu, tước Tán Trù Bá cùng cấp đất đai cho người con duy nhứt thoát nạn là Nguyễn Anh Vũ để chăm lo việc thờ cúng.

Như vậy, chính bà phi Nguyễn Thị Anh vì cố tình bảo vệ ngôi thứ của con mình là Băng Cơ (Lê Nhân Tôn) là đầu mối và nguyên nhân sâu xa của vụ án Lệ Chi viên vậy.

Một danh sĩ đời nhà Mạc, Hà Nhậm Đại, tự Hoàng Phủ, người quê làng Bình Sơn, huyện Lập Thạnh, tỉnh Vĩnh Yên (Bắc Việt) có bài thơ "Vịnh Nguyễn Trãi" như sau:

Giấc mộng hai nơi khéo tỏ tường
Tới non Lam gặp đức Cao hoàng
Hịch thư nhiều thuở tài mau mắn
Pháp độ trăm đường sức sửa sang
Công giúp hồng đồ cao tựa núi
Danh ghi thanh sử sáng bằng gương
Họa kia gây bởi Văn hoàng lỗi
***Xà** nọ lời đâu chỉn lạ thường!*

Thời cận đại, khi đoàn quân viễn chinh Pháp sang xâm lăng nước ta, nghĩa binh khắp nơi thôi thúc bởi lòng yêu nước cao độ đã giã từ gia đình và ruộng vườn thân yêu, quyết tâm dấn thân đền nợ nước bảo vệ Tổ Quốc và giống nòi. Trong cuộc chiến chống ngoại bang không đồng cân sức này, nhiều vị anh hùng từ Nam chí Bắc đã oanh liệt ghi tên mình trong những trang sử vẻ vang của tộc Việt. Biết bao nhiêu giai thoại, biết bao nhiêu huyền thoại đã được dân gian ca tụng qua những chiến công hiển hách vang lừng cùng những gương hy sinh anh dũng cao vời vợi của những tên tuổi sáng chói bất tử, mãi mãi lưu dấu ngàn thu sau.

Một trong những tên tuổi rực sáng hào quang đó có anh hùng kháng chiến Thiên Hộ Dương tức Võ Duy Dương (? - 1865) khởi binh chống Pháp ở Đồng Tháp Mười đã làm cho đoàn quân xâm lăng Pháp cùng bè lũ tay sai bán nước lắm phen điêu đứng, hoảng vía kinh tâm. Địa danh Tháp Mười là một vùng nước đọng quanh năm, cây cỏ lau sậy hoang vu, mênh mông bát ngát, nhun nhúc rắn rít, muỗi mòng, đỉa vắt... Người anh hùng bất khuất chống Pháp này có tổ tiên xa xôi gốc người miền Trung, giỏi võ và giàu có. Ông dùng tiền của giúp bà con nghèo khó, có lòng chăm lo cải thiện cuộc sống chung nên được triều đình phong cho chức Thiên Hộ. Vốn là một tay cự phách trong hàng ngũ nghĩa binh do ông Trương Công Định chỉ huy. Sau khi chủ soái hy sinh, ông rút về Đồng Tháp Mười tiếp tục chiêu mộ nghĩa sĩ, nhân tài quyết chống lại lực lượng xâm lăng. Ông đã thắng nhiều trận lừng lẫy tại các địa phương Mỹ Trà, Cao Lãnh, Cai Lậy... Về sau, tướng Pháp De Lagrandière đưa đại quân vào bao vây đánh phá căn cứ Đồng Tháp Mười. Ông định rút quân về An Giang với ý đồ phối hợp cùng lực lượng kháng chiến của cụ Thủ Khoa yêu nước Nguyễn Hữu Huân. Nhưng khi hay tin ông Thủ Khoa bị bắt, ông phẫn uất thổ huyết chết năm 1865 tại chiến khu Đồng Tháp Mười.

Nhà biên khảo Huỳnh Minh, tác giả *"Định Tường Xưa và Nay"* có trích dẫn bài "Tháp Mười Điều Ký" của Nguyễn Tích Dần viết năm 1955. Chúng tôi xin được lược thuật một đoạn trong bài: "**Rắn Thần** tiếp chiến Ngài Thiên Hộ" như sau:

«Tháp Mười lúc bấy giờ là rừng tràm, sậy, năn, lác... không nhà cửa của dân chúng ngoài những trạm canh dùng làm nơi nghỉ chân của nghĩa binh. Tất cả đều tập trung ở Giồng Tháp, chung quanh hành dinh của ông Thiên Hộ. Sau, có hai gia đình thường dân từ vùng ngoài vào cất nhà cạnh bên trạm gác sinh sống sung túc lắm. Sự thật, chúng là những tên tay sai khuyển mã điềm chỉ của Pháp vào để dọ dẫm tình hình. Một đêm nọ, thình lình cả hai gia đình này cùng quân canh ở trạm và những người dừng chân qua đêm đều chết cả.

«Được cấp báo, ông Thiên Hộ đến tận nơi quan sát và được một ông thầy rắn có tiếng báo cho biết tất cả đều bị rắn độc cắn chết. Ông Thiên Hộ để yên không động đến hang rắn, nghĩ rằng con rắn này chắc đã tu luyện nhiều năm và nộc nó rất độc, khi cắn ai thì không có thuốc gì trị được.

«Một hôm, quân Pháp kéo đến tấn công rất mãnh liệt vào lực lượng nghĩa quân ở đồn ngoài. Trước khí thế của địch, nghĩa quân đành rút quân về hành dinh tận trong sâu Đồng Tháp để bảo toàn lực lượng. Pháp đuổi theo và đêm đến hạ trại ở Động Cát. Đêm ấy, Pháp chết hơn chục mạng nên rút lui không dám tiến thêm để truy lùng nghĩa quân. Dân chúng trong vùng đồn rằng nghĩa quân của ông Thiên Hộ nhờ rắn thần đẩy lui được giặc khỏi Động Cát và quân Pháp hoang mang rút về Cao Lãnh.

«Không lâu sau, nghĩa quân lại bắt buộc phải rút quân một lần nữa để tránh đòn tiến công vũ bão của địch tập trung nhiều đơn vị thiện chiến. Quân Pháp cũng đuổi theo đến Động Cát như lần trước rồi cũng đóng binh nghỉ đêm. Đêm ấy, nhiều tên đang ngủ bỗng la lên rồi lăn ra chết. Đến sáng, chúng phát giác một hang rắn và viên chỉ huy ra lệnh đổ dầu đốt hang. Trong lúc khói lửa mịt mù, bỗng tiếng ào ào như giông gió nổi lên. Từ phía rừng, một con rắn hổ mây bề tròn bằng miệng thúng không biết từ đâu tiến đến như vũ bão, lăn xả vào lửa, hả họng đập đuôi, nhăn răng làm dữ. Quân sĩ hoảng hồn không ai bảo ai bỏ chạy tán loạn. Viên chỉ huy cũng không can đảm gì hơn, vắt giò lên cổ chạy, càn bừa trong rừng đế lau sậy".

Thừa thế hỗn loạn ấy, nghĩa quân trở lại tấn công và đánh thắng vẻ vang quân xâm lăng. Thực hư của câu chuyện ra sao? Chỉ biết tác giả câu chuyện đã cẩn thận, dè dặt kết thúc qua những dòng chữ này: "Thế là đạo binh **Rắn Thần** đã giúp Ngài Thiên Hộ ba lần đánh lui quân Pháp. Nhưng biết đâu, đó chẳng là mưu sách của vị tướng lãnh đại tài để tăng uy tín của nghĩa binh chiến đấu vì chính nghĩa!".

Rời những chuyện kể về rắn, chúng tôi xin trở lại thuở còn mài đủng quần ở ghế nhà trường Tiểu học ở Việt Nam thời Pháp thuộc. Những ai thuộc lớp tuổi ở thời kỳ này đều có đọc qua ít lắm cũng một lần bài **"Rắn Đầu Biếng Học"** của cụ Lê Quí Đôn trong sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư, lớp Sơ đẳng do Nha Học Chánh Đông Pháp xuất bản với các tác giả Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc và Đỗ Thuận soạn. Từ đó "tình nghĩa giáo khoa thư" này đã khắc cốt ghi tâm nhiều thế hệ dù đã trôi nổi khổ ly hương trong hoàn cảnh khó khăn vì cuộc sống nơi xứ người, vẫn không nhạt nhòa trong tâm khảm chúng ta, trái lại còn sáng trưng như để nhắc nhớ cội nguồn dân tộc, văn hóa nước nhà.

Tục truyền bài thơ Đường thất ngôn bát cú này được sáng tác trong hoàn cảnh khá đặc biệt. Tác giả, cụ Lê Quí Đôn, một khuôn mặt lớn đánh dấu thời đại của ông. Ông nổi tiếng là một nhà bác học, một nhà văn hóa lừng lẫy thời Hậu Lê. Sinh năm 1726 tại làng Duyên Hà, huyện Duyên Hà, phủ Tuyên Hưng thuộc trấn Sơn Nam sau thuộc tỉnh Thái Bình (Bắc Việt), tự là Doãn Hậu, hiệu Quế Đường, ông vốn là con trưởng một nhà khoa bảng có truyền thống lâu đời. Cha là cụ Lê Phú Thứ, làm quan đến chức Hình bộ Thượng thư đời vua Lê Dụ Tôn.

Vốn thông minh thiên phú, năm 18 tuổi, ông đỗ Giải nguyên kỳ thi Hương rồi sau đó đến đời vua Lê Hiển Tôn, nhằm niên hiệu Cảnh Hưng thứ 13 (1752) ông lại đỗ Bảng nhãn và được triều đình bổ làm quan Hàn Lâm Thị Thư một năm sau đó (Cảnh Hưng thứ 14 - 1753). Qua năm Cảnh Hưng thứ 21 (1760), ông được cử làm Phó Sứ đi sứ Trung Hoa và khi về được phong tước Dĩnh Thành Bá. Đến năm Cảnh Hưng thứ 36, ông được cử làm Tổng Tài Quốc Sử Quán để cùng với cụ Nguyễn Hoàn khảo duyệt phần Tục Biên Quốc Sử. Về sau, ông được bổ Tham Thị ở Thuận Hóa. Năm Cảnh Hưng thứ 45 (1784), ông mất lúc tại chức, hưởng thọ 58 tuổi và được truy tặng Công bộ Thượng thư, tước Dĩnh Thành Hầu.

Là một người nổi tiếng thông minh từ nhỏ và đặc biệt có trí nhớ lạ thường cho nên người đương thời cho ông là một thần đồng. Tương truyền thuở ấy có người ra cho ông một đầu đề có chữ "Rắn". Ông ứng khẩu làm ngay bài thi dưới đây trong đó câu nào cũng có ghép tên một thứ rắn như liu điu, hổ lửa, mai gầm, rắn ráo, thằn lằn, hổ mang... Nguyên văn bài thơ như sau:

Rắn Đầu Biếng Học

Chẳng phải liu điu vẫn giống nhà
Rắn đầu biếng học lẽ không tha
Thẹn đèn hổ lửa đau lòng mẹ

Nay thét mai gầm rát cổ cha
Ráo mép chỉ quen lời lếu láo
Lẳn lưng chẳng khỏi vệt năm ba
Từ nay Châu, Lỗ xin siêng học
Kẻo hổ mang danh tiếng thế gia.
(Lê Quí Đôn)

"Bình sinh ông (Lê Quí Đôn) làm sách rất nhiều, khi bàn về kinh sử thì sâu sắc, rộng rãi, mà nói đến điển cố thì đầy đủ rõ ràng. Cái sở trường của ông vượt hơn cả, nổi tiếng ở trên đời" (Phan Huy Chú - Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí). Con người bác học, con người văn hóa danh rạng trời Nam này vẫn sáng trưng từ bao nhiêu thế kỷ nay và mãi mãi về sau nữa. Chúng ta ngưỡng mộ và khâm phục ông, hãnh diện và tự hào về công trình trước tác ông đã lưu hậu thế với cái nhìn và nhận thức đáng kính:

Trâm ngọc non kia cài tận đỉnh
Đai vàng sông nọ thắt ngang lưng
Nước Việt ngàn năm sông núi vững
Công đầu rạng rỡ lửa hương chung.
(Quế Đường)

Trong văn chương Việt Nam có một khuôn mặt nữ nổi tiếng thông minh xuất chúng không kém. Đó là nữ sĩ Đoàn Thị Điểm (1705-1746) tác giả diễn nôm "Chinh Phụ Ngâm Khúc" của Đặng Trần Côn. Bà tức Hồng Hà nữ sĩ, biệt hiệu là Ban Tang, sinh năm Ất Dậu (1705), quê quán xã Giai Phạm (sau đổi là Hiến Phạm), huyện Văn Giang, xứ Kinh Bắc tức tỉnh Bắc Ninh (Bắc Việt).

Theo gia phả họ Đoàn, thân sinh của bà là Lê Doãn Nghi. Cụ Doãn Nghi đổi họ Lê ra họ Đoàn do ông nằm mộng thấy một vị thần linh tặng cho ông họ Đoàn nầy. Cụ sinh được hai người con. Một trai tên là Đoàn Doãn Luân và một gái tên là Đoàn Thị Điểm. Cả hai đều thông minh xuất chúng và rất nổi tiếng trong chốn văn chương thi phú.

Bà Đoàn Thị Điểm là một trang tài hoa lỗi lạc. Nhưng cuộc đời của bà cũng gặp nhiều nỗi truân chiên lận đận. Vì bà không thoát khỏi định luật khắt khe từ ngàn xưa: "Hồng nhan đa truân", nên lắm phen thăng trầm. Dù vậy, bà đã để lại hậu thế nhiều giai thoại văn chương rất lý thú. Cả hai anh em bà được nhắc nhớ mãi qua những câu đối thể hiện văn tài ứng đáp quý hiếm ở anh em bà. Nay nhân dịp xuân về, xin được ghi sau đây một giai thoại gọi là một chút hương lòng hồi hướng người xưa.

Một hôm, ông Đoàn Doãn Luân muốn thử tài cô em gái mình nên ra câu đối:

"**Bạch xà** đương đạo, Quí bạt kiếm nhi trảm chi"

(Nghĩa là: Con **rắn trắng** ra đón đường, ông Quí bèn rút gươm ra chém).

Bà bèn họa ngay:

"Hoàng long phụ châu, Vũ ngưỡng thiên nhiên thán viết"

(Nghĩa là: Con rồng vàng đội chiếc thuyền, ông Vũ nhìn trời mà than).

Thật quả tài tình và tương ứng. Hình ảnh con rắn cũng thường được các văn nhân thi sĩ sử dụng trong các tác phẩm của mình. Đặc biệt trong danh phẩm *"Đoạn Trường Tân Thanh",* thi hào Nguyễn Du, người đã vận dụng tuyệt vời nhiều thành ngữ, điển cố để lồng vào tình tiết trạng huống của từng nhân vật nhằm làm nổi bật hơn cảnh éo le bi lụy của họ, nhứt là đối với trường hợp của Vương Thúy Kiều.

Chúng ta biết sau khi Ưng Khuyển bắt Kiều về Vô Tích đưa đến cuộc tái ngộ đầm đìa nước mắt giữa hai trai tài gái sắc là Thúc Sinh và Vương Thúy Kiều lúc Hoạn Thư bắt Kiều hầu rượu. Nàng rụng rời tứ chi, tâm thần rối loạn khi giáp mặt người tình:

...
Rõ ràng thật lứa đôi ta
Làm ra con ở, chúa nhà đôi nơi...

Cảnh đoàn tụ do một người đàn bà không bao giờ chấp nhận sự chia xẻ vụng trộm mối tình chồng vợ của mình đã được dàn dựng, sắp đặt kỹ lưỡng nhằm đày đọa tình địch cho thỏa lòng ghen tuông phảng phất một chút tự ái:

Vợ *chồng chén tạc chén thù*
Bắt nàng đứng chực trì hồ đôi nơi
Bắt khoan bắt nhặt đến lời
Bắt quỳ tận mặt, bắt mời tận tay.

Rồi còn những trận đòn roi tới tấp khi họ Hoạn kết tội Kiều làm cho chồng nàng "như dại như ngây... giọt dài giọt ngắn, chén đầy chén vơi". Rượu chưa tàn lại bày trò chơi, bắt nàng khảy đàn giúp vui. Nhưng vui làm sao được với khúc đoạn trường?!

Bốn dây như khóc như than
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng
Cũng trong một tiếng tơ đồng
Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm.

Về sau, Hoạn Thư xét suy chấp thuận thỉnh nguyện của Kiều. Nơi gác thờ Đức Phật Quan Âm của nhà họ Hoạn trâm anh thế phiệt có cây bồ đề cổ thụ, có hoa sen bốn mùa, cỏ cây mơn mởn lại thêm những cảnh núi non hồ ao nhân tạo làm tăng thêm vẻ đẹp u linh huyền bí, phong cảnh lắng trầm, điều kiện thuận lợi để "lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên".

Nhưng khổ nỗi, kiếp đời của Kiều còn lắm gian truân lận đận trước mặt, nợ trần nợ duyên chưa dứt. Nàng chưa thể thanh thản theo nghiệp chuông mõ, kinh kệ. Nhân một hôm Hoạn Thư vắng mặt về thăm cha mẹ ruột mình, Thúc Sinh lại lén ra Quan Âm Các phân trần hoàn cảnh "bạc tình" của mình mà để tội cho nàng riêng mang. Tâm tình trao đổi giữa nhau chưa cạn lời, tâm tư vẫn còn ngổn ngang rối như tơ vò, thình lình Hoạn Thư xuất hiện. Trong khi Thúc Sinh quanh quẩn chối tội, dối rằng: "Tìm hoa quá bước xem người viết kinh".

Cái ghen của người đàn bà có nhiều cách. Khi thì lồng lộng, đay nghiến đày đọa tình địch để bù đắp những nỗi "đau ngầm bấy nay", nhưng có khi rất nhẹ nhàng, rất lịch sự, rất ngọt bùi với đối thủ, đôi khi còn tìm trong phần tài phần sắc tàn ẩn nơi tình địch để khen tặng không hết lời trước mặt chồng. Chính đó mới là cái đáng sợ. Và Kiều sợ cũng phải lắm. Mặt nước phẳng lặng không chút gợn đó nhưng cũng có thể nổi sóng ba đào lúc nào không hay nhứt là khi Kiều đã biết họ Hoạn đã rình nghe từ lâu và đầy đủ tất cả. Rồi khi nhớ lại thái độ của Hoạn Thư, một thái độ trầm tĩnh, vui vẻ lắng trầm như mặt nước hồ gương, nàng càng thêm hoảng sợ tự nhủ:

...
Máu ghen ai cũng chau mày nghiến răng
Thế mà im chẳng đãi đằng
Chào mời vui vẻ, nói năng dịu dàng
Giận đâu ra dạ thế thường
Cười đâu mới thực khôn lường hiểm sâu.

Đến đây, Nguyễn Du đã hạ bút viết thay Kiều để tỏ bày sự băn khoăn sợ hãi của mình làm sao tránh được những đòn trừng trị không thể tránh khỏi. Và Nguyễn Du cũng giúp cho Kiều tìm ra một giải pháp phải cấp tốc cao bay xa chạy thoát thân đúng như lời khuyên của người tình xưa bất lực, mặc dù con đường trước mắt của nàng rất mực mù mờ, gập ghềnh chông gai. Và Nguyễn Du đã than thở thế cho Kiều:

Thân ta, ta phải lo âu
*Miệng hùm **nọc rắn** ở đâu chốn này*
Ví chăng chấp cánh cao bay
Rào cây lâu cũng có ngày bẻ hoa
Phận bèo bao quản nước sa
Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh...

Kiều lo sợ sự thâm độc nham hiểm dám làm, bất chấp hậu quả của người ghen tuông vì nàng có thể nghĩ rằng người đàn bà trong đời có thể tha thứ tất cả, yêu thương tất cả trừ một người duy nhứt là tình địch của mình mà thôi. Nguyễn Du dùng nhóm từ **"miệng hùm nọc rắn"** để chỉ hạng đàn bà ghen đó. Con hổ mạnh có gươm trong miệng trong khi con rắn độc có kim trên đuôi. Nhưng cả hai hổ và rắn dù có độc đến thế nào cũng chưa thể độc bằng cái tâm của người đàn bà ghen?!

Bây giờ chúng ta hãy cùng lắng tai nghe con người bình thường ví von ra sao qua hình ảnh con rắn. Chúng ta đều biết ca dao, phong dao, câu hò câu hát... là tiếng nói chân tình của con người đại chúng. Nó thể hiện bản chất cao quý, diễn tả tinh thần truyền thống tốt đẹp của tâm hồn Việt Nam muôn năm muôn thuở. Bàng bạc qua ca dao lưu truyền từ tâm thức của gia đình hay dòng tộc, của tập thể xóm làng hay nghề nghiệp, theo từng môi trường sinh sống, theo từng vùng đất định cư lập nghiệp, người ta bắt gặp những câu ngắn gọn dễ nhớ nhưng thâm trầm ý nghĩa với vần điệu âm thanh mang chở cái phần linh thiêng sâu hút của hồn nước hồn quê, cái phần bao la huyền diệu của cuộc sống làm thăng hoa đến độ tuyệt vời tình yêu quê hương xứ sở, tình nghĩa gia đình chòm xóm, cha mẹ chồng vợ nhứt là tình yêu đôi lứa.

Nay nhân mùa Xuân Con Rắn đến với chúng ta trong hoàn cảnh ly hương, xa quê cha đất tổ, xa bạn bè bà con ruột thịt thân thương, xa cảnh thổ mến yêu tĩnh lặng ngày nào lắng chìm sau lũy tre xanh cao vút, giữa những rặng dừa nước dầy mịt xanh tươi ven theo hai bên mé kinh, mé rạch, mé sông, có con xuồng thon nhỏ và dáng chèo mảnh khảnh dịu hiền, có những mái tranh nghèo lụp xụp nơi đây lúc hoàng hôn hấp hối dấy lên những cột khói lam uể oải thơ mộng níu kéo nhớ nhung. Chúng tôi mượn hình ảnh con rắn trong ca dao để cùng với các bạn độc giả trở về thăm viếng và sống lại bối cảnh xưa đó trong tâm tưởng.

Chúng ta thử nhắm mắt tưởng tượng cảnh sông nước hữu tình, cây cối ven bờ chẳng chịt xanh mướt, nước lững lờ trong vắt với những giề lục bình đang mùa trổ hoa màu tím u buồn, vài con chim nhỏ líu lo vô tư giữa sự tĩnh lặng lạnh lùng, rồi vài ba chiếc xuồng ba lá hoặc tam bản lỡ xuôi ngược theo nhịp mái giầm, mái chèo trầm đều gợi hứng. Chiếc ghe sau cố chèo mau để bắt kịp chiếc ghe trước, hy vọng cùng nhau sóng sánh có bầu có bạn trên tuyến sông hun hút sầm uất, vắng vẻ uốn éo dễ thương.

Phong cảnh gợi hứng gợi tình khiến con người thêm lâng lâng rạo rực nỗi niềm thầm kín, tàn ẩn trong sâu thẳm lòng mình. Bất giác, họ không sao dồn nén lâu được vì là một cơ hội hiếm hoi được thiên nhiên cấu tạo cống hiến không khí thân tình và tự tin, ngoài sự dòm ngó của khách bàng quan. Chàng trai thêm mạnh dạng cất tiếng hò:

*Đôi ta như **rắn liu điu***
Nước chảy mặc nước, ta dìu lấy nhau.

Chiếc ghe trước vẫn rẽ nước xuôi dòng với dáng người thiếu nữ lặng thinh dưới chiếc nón lá buông thơ mộng. Chiếc ghe sau thấp thoáng phía sau trong khí thế cật lực, thúc đẩy nhanh mái chèo làm nổi bọt nước trắng xóa màu bông bưởi xa xa. Chàng cố moi móc trong trí nhớ, tìm kiếm bao nhiêu ngôn từ đãi lọc, học hỏi tích lũy bấy nay để thuyết phục, lấy lòng đối tượng trước mắt mà chàng nghĩ còn đắn đo dè dặt, không một lời đáp lại:

Khó khăn ở quán ở lều
Bà cô ông cậu chẳng điều hỏi sao?
Giàu sang ở tận nơi nào?
***Hùm tha rắn cắn** tìm vào cho mau…*

Anh ta vội mừng rỡ trong niềm sung sướng khi nghe phía trước có giọng trong trẻo, ngọt ngào truyền cảm vang vang vọng ngược lại:

***Rắn hổ đất** bò ngang thục địa*
Ngựa nhà trời cắn cỏ chỉ thiên
Trai nam nhơn đối được
Gái nữ hiền theo không.

Thì ra đây là một cô gái có học thức lại có nơi có chốn, yên phận yên bề. Cô đặt một điều kiện quá quắc, thầm nghĩ chàng trai si tình khó có thể đối đáp cho chỉnh ý vì **"rắn hổ đất"** và "thục địa" mà địa cũng là đất trong khi "ngựa nhà trời" và "cỏ chỉ thiên" mà thiên cũng là trời. Anh chàng nghe qua quá lúng túng với sự thách thức khó khăn của một người anh tưởng tượng chơn chất diệu hiền qua dáng điệu ngắm nhìn từ xa.

Chàng lúng túng chưa biết phải đối xử, giải quyết ra sao thì cũng may chiếc ghe cũng vừa sóng sánh ngang tầm nhau, mặt nhìn mặt. Và anh chàng cũng nhận rõ cái thực tế "ván kia giờ đã đóng thuyền" để than thở:

Con công ăn lẫn con gà
***Rồng kia rắn nọ** coi đà sao nên.*

Giờ đây, mộng đã không thành. Giấc mơ đã bay vèo theo những cánh cò lẫn khuất xa xa cùng với mây trắng lướt thướt qua nhanh trên đỉnh đầu. Còn chi mong, còn chi chờ, còn gì đợi cho hoài công! Chàng trai vẫn giữ nhịp độ mái chèo mà nghe lòng buồn buồn tiếc nuối:

***Rắn** không chun chạy năm rừng bảy núi*
Con gà không vú nuôi chín mười con
Phải chi nhan sắc em còn
Anh vô chốn đó, chiều lòn mẹ cha…

Nhan sắc nàng quả thực đâu còn ở lớp tuổi thanh xuân mộng mơ, lớp tuổi cặp kê như bông hoa đang độ. Trong nuối tiếc đó hình như chàng chưa vừa ý với những gì mình vừa diễn tả. Đối với chàng "vô chốn đó" nó nhẹ nhàng quá, thiếu hẳn quyết tâm vì người yêu và "chiều lòn mẹ cha" cũng chưa nói hết sự chấp nhận vô điều kiện của mình dù cho hoàn cảnh và tình huống thế nào

đi nữa. Ghe anh đã qua khúc quẹo xanh um cây rừng mà ghe sau còn lửng thửng khuất ở dãy dừa nước lá xanh xanh rậm rì để trong phút giây cách biệt này tiếng hò của anh như để giữ một kỷ niệm gặp gỡ tình tứ thoáng qua:

Phải chi nhan sắc em còn
Anh lăn vô đó chiều lòn cũng ưng.

Như chúng ta đã biết, ca dao còn là một kho tàng ẩn chứa những tấm gương điển hình về đạo đức để đề cao và thăng hoa những mẫu mực làm cho cuộc sống thêm có ý nghĩa và hạnh phúc. Tình yêu thương, sự chung thủy, lòng hy sinh, nương tựa giúp đỡ nhau trong hoạn nạn khó khăn, nghĩa vợ tình chồng khắn khít gắn bó trước sau như một. Một số tình cảm của người xưa đã vượt qua xa rồi trong dĩ vãng nhưng cũng khiến cho chúng ta ngày nay suy gẫm khi đối diện trước một xã hội mất quân bình mà những giá trị tinh thần được lùa vào phần thứ yếu trước cuộc sống vật chất nặng về tiền tài và thụ hưởng:

Có chồng thì phải thương chồng
*Chồng đi **hang rắn hang rồng** cũng theo.*
...
Chồng tôi quyết đổ khoa này
***Chữ tốt như rắn**, văn hay như rồng*
Bỏ khi xắn váy quai còng
Cơm niêu nước lọ nuôi chồng đi thi.

Con rắn với nọc độc giết người trong chốc lát xem như tượng trưng sự tàn ác chết chốc, sự bạo tàn hung hãn, sự tận diệt hủy hoại. Khi Pháp xua đoàn quân viễn chinh sang xâm chiếm nước ta vào hậu bán thế kỷ XIX, nhân dân đồng bào ta cả nước từ Nam Trung Bắc đều nhứt loạt đứng lên chiêu mộ nghĩa sĩ chống ngoại bang, bảo vệ nền độc lập tự chủ của tổ quốc và sự tự do hạnh phúc của dân tộc. Trong những bài văn, bài hịch, trong những thơ ca thi phú cổ động vực dậy lòng người, đề cao chánh nghĩa, vạch trần mưu đồ đen tối của quân xâm lược, các sĩ phu ta thường dùng hình ảnh con rắn độc để chỉ quân cướp nước với những hành động tàn ác dã man nhằm khủng bố trấn áp người dân lương thiện.

Người sĩ phu tiêu biểu nhứt trong thời buổi nhiễu nhương quốc phá gia vong này có lẽ là cụ Đồ yêu nước đất Ba Tri, cụ Nguyễn Đình Chiểu, tác giả các danh phẩm Lục Vân Tiên, Dương Từ Hà Mậu, Ngư Tiều Y Thuật Vấn Đáp... Những bài hịch bài văn chống Pháp của Cụ có thể xem như những tấm bích chương tuyên truyền chống ngoại xâm đầu tiên ở Việt Nam vậy.

Cụ sanh năm 1822 và mất năm 1888, hiệu Trạch Phủ, con cụ Nguyễn Đình Huy, quê làng Tân Khánh, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định. Chánh quán huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên. Năm 1843, Cụ đổ Tú Tài ở trường thi Hương Gia Định lúc 21 tuổi. Năm 1847, Cụ ra Huế học thêm, dự định thi Hội khoa năm 1849. Một biến cố bất lợi đến với Cụ là mẹ Cụ mất. Cụ phải trở về Nam chịu tang. Dọc đường, Cụ bị bịnh rồi mù cả đôi mắt. Công danh sự nghiệp dang dở, Cụ an phận ở Gia Định với nghề dạy học trò nên người đương thời gọi Cụ là Đồ Chiểu.

Khi Pháp xâm chiếm thành Gia Định, Cụ quyết một mực không chấp nhận hợp tác với chúng nên tản cư về Ba Tri, tỉnh Bến Tre, vẫn tiếp tục nghề dạy học trò và bốc thuốc cứu nhân độ thế. Năm 1861, đồn Kỳ Hòa bị Pháp hạ. Gia Định thành, một căn cứ quân sự trọng yếu, tiêu biểu Miền Nam hoàn toàn bị ngoại bang chiếm giữ để làm bàn đạp lấn bung ra các vùng ngoại ô, tiến chiếm Cần Giuộc, Tân An, Gò Công, Mỹ Tho. Những nhà yêu nước Việt Nam với khí giới thô sơ, tầm vong vạt nhọn và giáo mác, quân trang quân dụng thiếu thốn, hy sinh rất nhiều. Lòng nhiệt huyết, tình yêu nước không chưa đủ. Kỹ thuật, trang bị tối tân, quân ta thiếu hẳn, hậu quả của những tháng năm dài triều đình "bế quan tỏa cảng", tầm mắt không nhìn khỏi dãy Trường Sơn và bờ biển Nam Hải. Cảm khái trước sự hy sinh chất ngất đó, Cụ xúc động viết nên bài "*Văn tế Nghĩa Quân Cần Giuộc*" ca tụng lòng quả cảm can trường của những con dân ý thức trách nhiệm mình trước nạn mất nước và sự tồn vong của dân tộc.

Ta hãy theo dõi ngọn bút của Cụ Đồ để sống lại thời buổi đen tối nhưng hiên ngang kiêu hùng của tổ tiên ngày trước đã nêu một tấm gương sáng, rực rỡ hào quang, soi đường hậu thế. Bài hịch kêu gọi này có thể xem như bài văn chống Pháp đầu tiên của dân tộc ta?

...
Chưa quen cung ngựa đưa tới trường nhung
Chỉn biết ruộng trâu ở theo làng hộ
Việc cuốc việc cày, việc bừa việc cấy, tay vốn làm quen
Tập khiên tập mác, tập giáo tập cờ, mắt chưa từng ngó
Tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan như hạn trông mưa
Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ
Đêm thấy bòng bong che trắng lớp, những muốn ăn gan
Ngày xem ống khói chạy đen xì, toan ra cắn cổ
*Một mối xa thơ đồ xộ, há để ai **chém rắn đuổi hươu***
Hai vầng nhật nguyệt chói lòa, đâu dung lũ treo dê bán chó...

Lũ "treo dê bán chó" có ý ám chỉ bọn quân ngoại bang cướp nước. Cụ Đồ dùng nhóm từ **"chém rắn đuổi hươu"** với nghĩa bóng là dấy binh đứng lên đánh đuổi kẻ bạo tàn. Trước thế cờ nghiêng ngữa của vận nước, lòng yêu nước sáng vời vợi nơi Cụ Đồ tàn tật là nỗi ám ảnh giày vò Cụ không ít. Cụ chỉ còn ngòi bút lông thay thế khí giới tuy thô sơ nhưng đây đó cũng đã để lại chiến trường những thành tích hiển hách khiến cho kẻ thù xâm lược nhiều lúc phải khiếp sợ nể nang.

Bài văn tế này được xem như một bài hịch có tác động vực dậy lòng yêu nước của người dân, tinh thần trách nhiệm cao cả và sự hy sinh chót vót của mọi người phải dấn thân cứu lấy quê hương. Một bài hịch được truyền đi khắp nước, vang dội khắp thôn làng từ Nam chí Bắc, một tiếng loa vang động đánh thức lòng người. Cụ Đồ đã vẽ lên hai bức tranh, màu sắc tương phản với tất cả nét linh động của một tâm hồn trong sáng, một lập trường dứt khoát.

Lịch sử oái oăm lại đặt chúng ta vào trạng huống điêu linh thống khổ của bạo tàn xâm lược. Miền Nam bị bức tử từ tháng tư đen 1975 và đến nay đã ba mươi tám năm trôi qua trong đau khổ chán chường tột cùng với một đất nước xác xơ, xô bồ nghèo đói, một đất nước được xếp vào hàng nghèo thế giới. Cộng sản độc tài đảng trị, tham nhũng thối nát là nguyên do duy nhứt của sự phá sản đất nước, tha hóa con người, ung thối xã

hội... vẫn còn đó. Nay đọc lại bài "Văn Tế" sâu sắc chan chứa chiến đấu tính của cụ Đồ, chúng ta càng suy nghĩ nhiều. Nó nhắc nhở, thôi thúc chúng ta hãy mạnh dạng nhìn thẳng vào những bọn "rắn rít" độc hại, những kẻ hại dân hại nước, và để nhận rõ giá trị của hai chữ sống và chết đầy đủ ý nghĩa cao đẹp của người xưa.

Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông rồi không lâu sau chiếm nốt ba tỉnh miền Tây. Chúng ta không đi sâu vào những dữ kiện nhập nhằy đau đớn của thời kỳ đen tối này mà chỉ nhắc đến vài âm mưu quỷ chước của thực dân Pháp lúc bấy giờ. Khi ấy, đúng là năm 1867, De Lagrandière, Phó Đô đốc đang giữ chức Tổng tư lệnh đoàn quân viễn chinh, sắp đặt mở một cuộc thương đàm với cụ Phan Thanh Giản đang giữ chức Kinh Lược sứ trấn nhậm tỉnh Vĩnh Long trong khi quân đội Pháp đã bí mật chuẩn bị sẵn sàng và chu đáo ở tư thế gây hấn và xâm chiếm.

Rồi những gì phải xảy ra đã xảy ra đúng với ý đồ xâm lược của kẻ mạnh. 20/6/1867 nhằm Tự Đức thứ 20, Vĩnh Long thất thủ. Tiếp theo là Châu Đốc, Hà Tiên. Ba tỉnh miền Tây mất trong vòng 5 ngày. Nam Kỳ hoàn toàn thuộc Pháp.

Nhắc đến giai đoạn thê thảm nhứt này của lịch sử Miền Nam, lòng chúng ta không thể không se thắc trước cảnh nước mất nhà tan, trước cảnh cha ông chúng ta đã tủi nhục đắng cay trên chính quê hương mình xuyên suốt 80 năm đô hộ. Sử gia nổi tiếng của Miền Nam, giáo sư Lê Thọ Xuân đã đem tâm tình mình để nghẹn ngào diễn tả và phân tách những tình tiết và trạng huống khi thành Hà Tiên lọt vào tay ngoại bang. Ngòi bút tài tình và sắc bén của ông đã dẫn dắt chúng ta chìm lắng trong một bối cảnh tuyệt vọng chất ngất nước mắt chán chường:

"24

"24 tháng 6

"24 tháng 6 năm 1867!

"Ngày hôm ấy!...

"Tang tảng sáng hôm ấy, lớp sương mù còn nặng nề bao trùm vũ trụ, trên mặt hồ Đông hiện ra một con ***mãnh xà đen*** *vừa dài vừa lớn. Hầm hầm hừ hừ đương phóng mình về tỉnh Hà Tiên.* ***Mãnh xà*** *bỗng hét lên một tiếng long trời lở đất, đồng thời, hơi độc tua tủa bay lên che kín nước hồ lẫn dãy Tô Châu...*

"Dưới tầng khói mây, ***rắn*** *to đã tới. Tán đởm kinh tâm, nhân dân nhìn nhau hồi hộp.*

"Cửa nẻo đóng kín mít. Không dám thở mạnh.

"Một tiếng hét thứ hai... Đại, Tiểu lưỡng Tô Châu đưa tiếng gọi ghê xương, mọi người càng rùng mình nhớm gáy!...

"Dẫu run rẩy, sợ sệt, nhưng theo kẹt vách, lỗ hở, con mắt tò mò dòm ra.

"Thì chẳng phải con ***mãng xà vương*** *nào mà là một đoàn chiến thuyền, đi trước có chiếc Flamberge và một pháo hạm, theo sau 20 chiếc ghe to chở đầy quân lính.*

"Sau mấy tiếng súng thị oai, quan ba Galey nện gót sắt trên đất Phương Thành (Hà Tiên cũng gọi là Phương Thành hay Trúc Thành).

"Toán hùng binh rần rộ theo sau chủ soái.

"Người ta chẳng còn nghe một tiếng súng nữa.

"Thỉnh thoảng người ta chỉ nghe những tiếng reo mừng đắc thắng không nhọc sức của đoàn chiến sĩ da trắng da đen.

"Và nếu lắng tai cho kỹ, người ta còn nghe rõ những tiếng thở dài của dân chúng da vàng!".

(Nam Xuân Thọ - *Phan Thanh Giản*)

Thật linh động. Thật tài tình. Và "những tiếng thở dài của dân chúng da vàng" mà học giả Lê Thọ Xuân nhắc nhớ chúng ta, đồng bào ta đã đau đớn vừa âm thầm vừa tủi nhục chịu đựng suốt 80 năm đăng đẳng. Và tiếng thở dài não nề đó chỉ được lùa xa trong dĩ vãng khi toàn dân Việt Nam từ Nam chí Bắc giương cao ngọn cờ chính nghĩa quốc gia, đồng thanh đứng lên làm cuộc cách mạng mùa thu 1945, vĩnh viễn xóa tan nền đô hộ, đánh đuổi con **mãnh xà đen** năm xưa vượt đại dương hồi cố quốc.

Từ trong uất hờn, người dân lại nổi lên chống đối. Rồi khi một nhà cách mạng khóc một nhà cách mạng đồng hành đồng chí, dù đôi khi chánh kiến có khác biệt nhưng cơ bản vẫn là một, thống nhứt trong tình yêu nước nồng nàn, bức xích xiềng ngoại bang để nước nhà được thực sự độc lập tự do hạnh phúc, chỉ khiến cho chúng ta thêm đau đớn bùi ngùi. Khi chí sĩ Phan Châu Trinh (1872-1926) hiệu Tây Hồ mất năm 1926 sau một thời gian dài đấu tranh không ngừng nghỉ từ trong nước ra đến hải ngoại, nhiều lần vào tù ra khám, cụ Sào Nam Phan Bội Châu (1867-1940) lúc ấy đang bị thực dân đưa an trí tại Bến Ngự (Huế) có thay mặt đồng bào đất Thần Kinh biểu lộ tình cảm của họ và riêng cho chính mình về sự ra đi trong tiếc nuối của một nhà đại cách mạng mà cũng là một ngày đại tang của dân tộc. Dĩ nhiên, cụ Sào Nam không thể không nhắc nhớ đến giai đoạn nhục nhằn đen tối dưới ách thống trị ngoại bang:

...

Trời đã éo le

Người càng quỉ quái

Chứa chan máu quốc, nước vẫn vơ hồn

Xao xác tiếng gà, trời mù mịt tối

Tràng nô lệ chung quanh là ***rắn rít,*** *văn cứu thời khen khéo gây oan*

Dã man ngan ngát những hùm beo, miền ái quốc hóa ra buộc tội…

(Văn tế cụ Phan Châu Trinh)

Gần đây hơn, trong cao trào Quốc Dân Đảng do chí sĩ Nguyễn Thái Học (1901-1930) lãnh đạo, chúng ta không thể quên một bóng dáng phụ nữ lẫm liệt can trường, chu toàn nhiều công tác bí mật được tổ chức giao phó. Đó là liệt sĩ Nguyễn Thị Giang. Bà người tỉnh Bắc Giang (Bắc Việt), xuất thân từ một gia đình Nho giáo. Năm 1929, bà được tổ chức giao phụ trách bộ phận giao liên của Tổng Bộ rồi thanh khí tương hằng, bà cùng đảng trưởng Nguyễn Thái Học phải lòng nhau dẫn đến thề nguyền sẽ thành vợ chồng. Khi cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại, chí sĩ Nguyễn Thái Học bị kết án tử hình và bị xử bắn ở Yên Bái. Bà thất bại trong âm mưu phá pháp trường rồi quay trở về quê nhà tự sát, giữ tròn lời hứa ngày trước với người yêu khi đôi ngã chia lìa.

Cảm xúc về nhân vật lịch sử quý hiếm của thời cận đại này, một nhà cách mạng lúc bấy giờ có viết một bài văn tế lưu hậu thế nhắc nhớ gương đấu tranh của bà trong công cuộc giải phóng quê hương. Chúng tôi xin được trích dẫn một đoạn trong bài văn tế ấy như sau:

"Xá chi gay mắt cường quyền

Nên phải thi gan quả quyết

Khi nhập đảng tuổi vừa hai tám, cờ nữ binh đóng đội tiên phong

Lúc tuyên truyền xách động ba quân, lưỡi biện sĩ nhường tài du thuyết

Thổi gió phun mây từng mấy trận, nào Lâm Thao, nào Yên Bái, nữ tham mưu đưa đẩy đội hùng binh

Ra sức vào tử biết bao phen, kìa Thanh Huyện, kìa đồn binh, quân nương tử xông tan vùng ***rắn rít****...".*

Tiếc thay, phường rắn rít này đang thời cực thịnh để một đời son trẻ lẫm liệt vùi sâu dưới ba tấc đất nhưng oai danh và gương sáng vẫn rạng ngời thiên thu. Trong niềm đau chung đó, chúng ta càng thêm đau hơn khi nhìn lại lịch sử Việt Nam đã trải qua quá nhiều giai đoạn giặc giã nhứt là những trận giặc nội thù, Nam Bắc phân tranh. Thập Nhị Sứ Quân lịch sử còn ghi đành rành. Con Sông Gianh còn đó để nhắc nhớ mãi mãi người Việt nỗi nhục cốt nhục tương tàn, anh em máu mũ chém giết tranh giành ngôi báu quyền lực. Cây cầu Hiền Lương còn đó, ngày nào lạnh lùng âm thầm chứng kiến sự chia ly đoạn lìa bao nhiêu gia đình ngăn cách, chỉ vì một ý thức hệ cuồng ngông của một chủ thuyết lấy hận thù chiếm đoạt bá quyền, đấu tranh giai cấp để thôn tính nhân loại. Bao nhiêu năm con sông Bến Hải hoang vắng biểu tượng một vùng đất chết phân chia hai miền cùng chung một nòi giống, có chung một tổ tiên, một lịch sử oai hùng dựng nước và giữ nước kéo dài bốn ngàn năm đăng đẳng để con cháu một thời bôi mặt đá nhau, gây tang tóc đau thương triền miên, diễn trò hề máu xương cho thế giới vỗ tay nhìn xem khai thác.

Cộng sản vô thần Miền Bắc giương "cựa cứng" lấp thêm dao "lam" bén ngót do tập đoàn quốc tế đệ tam tích cực cung cấp qua hình ảnh Liên Xô "thành đồng của cách mạng" và "Trung Hoa vĩ đại" để thôn tính bằng mọi giá Miền Nam. Cảnh "gà nhà bôi mặt đá nhau" đã là một nhức nhối, một vết thương sâu hút mãi mãi ám ảnh lương tâm con người Việt Nam.

Sự cưỡng chiếm Miền Nam, cái "chiến thắng vĩ đại", "Đại thắng mùa Xuân" mà cộng sản huênh hoang thần thánh hóa bằng những "cụm từ" nắn nót quá đà, sau mấy mươi năm qua quả là một sự thất bại chua xót bẽ bàng không thể giấu giếm được nữa. Một Điện Biên Phủ kết thúc trong điêu tàn cuộc chiến thời kỳ Pháp can thiệp vào Việt Nam. Một 30 tháng 4 năm 1975 đưa đến thống nhứt đất nước trong cưỡng ép bức tử. Nhứt nhứt đều có bàn tay của ngoại bang tích cực nhúng vào theo sự kêu gọi cầu cứu của cộng sản miền Bắc.

Thời đại vệ tinh phi thuyền có khác thời đại lúc vua Lê Chiêu Thống rước quân Thanh sang giày xéo Việt Nam để mưu đồ tái chiếm ngai vàng đổ nát đã là một cái nhục quốc thể và rước lấy những lời mai mỉa của hậu thế **"cõng rắn cắn gà nhà".** Thời đại đó được con người vô sản bây giờ văn vẻ hoa hòe núp dưới những mỹ từ cao đẹp "nghĩa vụ quốc tế", giúp đỡ "huynh đệ anh em", "môi hở răng lạnh", "16 chữ vàng" v.v... Thực chất là mượn tay người xa lạ, mượn tay ngoại bang để diệt trừ những phần tử cùng chung mẹ cha, cùng chung tổ tiên dòng giống, đọa đày triền miên toàn dân trong ngục tù để sau này gánh lấy sự hiện diện tai hại của chúng trên đất nước, không khác chi thời hống hách nghênh ngang của bè lũ Tôn Sĩ Nghị ngày xưa. Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đã từng lên án:

"**Con rắn đỏ** vô cùng hung hiểm
Nó sinh ra lớn lên nhờ súc siểm
Nhả nọc hận thù, phờ phỉnh công phu
Khéo léo đầu cơ lòng ái quốc đui mù
Lạy lục Tàu Nga không hề điếm nhục
Đủ hơi sức nó hiện hình phản phúc
Ngóc đầu, phì rít bất nhân
Cắn cổ lê dân, quăng quật mộ phần
Phá đạo, phá đời, uống khô sông núi...

Ngày thứ bảy 29 tháng 4 năm 2000, Phạm Văn Đồng từ trần tại Hà Nội, hưởng thọ 94 tuổi. Ông là một trong những đại biểu cao cấp của đảng cộng sản Việt Nam. Thành viên Bộ Chính trị, liên tục giữ chức vụ Thủ tướng chánh phủ hoặc tương đương là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xuyên suốt 32 năm, người đã tham gia trực tiếp đề suất chánh sách, quyết định đường hướng lãnh đạo quốc gia, bán đất bán biển. Người ta để ý ông không ngừng leo lên các bực thang quyền lực của bộ máy đảng và nhà nước cộng sản từ sau năm 1949 tức từ khi cộng sản Trung Hoa hoàn toàn chiếm trọn lục địa này. Nhà thơ Nguyễn Duy Ân, một ngòi bút lính chiến ngày nay dùng bút thép của mình thay thế súng gươm, tiếp tục con đường đấu tranh giải thể chế độ cộng sản, đã sáng tác bài thơ "Ý Dân" gọi là để điếu Phạm Văn Đồng như sau:

Ý Dân

Công ông ***cõng rắn*** *cộng Tàu qua*
Nước cũng đem dâng sá kể nhà
Lòng hối mong về nương cõi Phật?
Tội gây phải đọa chốn yêu ma!
Trời hành cho sống không cho thấy
Cạn kiệt sức hơi đến chết già
Mấy bản văn thư chưa ráo mực
Hỏi dân, dân bảo khó dung tha!

Hành động bán đứt quốc gia, **"cõng rắn cắn gà nhà"** của tập đoàn cộng sản Việt Nam mà Phạm Văn Đồng là đại biểu sáng giá đã đi theo vết nhơ của những Lê Tắc, Lê Chiêu Thống thuở nào. Con rắn độc Trung Hoa hiện nay là mối đại họa cho dân tộc Việt Nam, tự do thao túng thương trường, chiếm đất lấn biển, lũng đoạn chính trị tuy núp lén, ẩn mình trong hang sâu nhưng những nọc độc thỉnh thoảng được nó tung ra là những nọc độc giết người, di hại đến cả một dân tộc và nhiều thế hệ tiếp nối. Cộng sản giả dối, gian manh. Người Việt tỵ nạn chúng ta đã có quá nhiều kinh nghiệm cay đắng. Chẳng những lớp cán bộ già nua dốt nát ngày nào mà ngay đám con cháu của chúng ngày nay cũng vẫn là mối họa lớn của đất nước và dân tộc đúng như tinh thần câu ca dao:

Trứng rồng lại nở ra rồng
Liu điu lại nở ra dòng liu điu.

Trong hương khói mùa xuân con Rắn này, chúng tôi muốn ghi lại hai sự kiện đã được cộng sản giàn dựng đánh bóng mãi hằng năm để tiếp tục cầm nhầm gạt gẫm. Chúng ta, ai ai cũng có mang trong mình dòng máu Việt Nam, dòng máu con Rồng cháu Tiên, dòng máu Lạc Hồng luân lưu từ thuở 18 đời vua Hùng dựng nước. Đền Hùng là một biểu tượng nguồn gốc cội nguồn của dân tộc, là một nơi thiêng liêng dấy lên hồn sông núi, hồn đất nước, giúp dân tộc ta có sức mạnh đoàn kết, thống nhứt ý chí bảo vệ vẹn toàn lãnh thổ trước tai họa ngoại xâm bất cứ từ đâu tới, nhứt là từ phương Bắc. Đền Hùng ở tỉnh Phú Thọ (Bắc Việt) với tinh thần hai câu đối nhắc nhở chúng ta:

"Mở lối đắp nền, bốn mặt non sông qui một mối
"Lên cao nhìn rộng, ngàn trùng đồi núi tựa bầy con" (dịch nghĩa).

Ca dao cũng có câu:

"Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba".

Tinh thần giỗ Tổ đền Hùng là một tinh thần dân tộc trong sáng tinh tuyền. Bất cứ người Việt nào khi nghe nhắc nhớ đền Hùng đều nghe lòng mình chìm lắng trong sự hãnh diện và biết ơn. Năm 1954, sau khi thành công ký kết Hiệp định đình chiến Genève chia đôi đất nước, trước khi về tiếp thu Hà Nội, Hồ Chí Minh và đảng cộng sản giàn dựng một hoạt cảnh "Bác Hồ" nói chuyện với "cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn Quân tiên phong trước khi về tiếp quản thủ đô" vào tháng 9 trước thềm Đền Hùng và chụp ảnh lưu niệm với câu nói "lịch sử" như sau: "Các vua Hùng có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước".

Cộng sản lúc nào cũng khai thác tinh thần yêu nước nồng nàn tiềm ẩn trong mỗi con người dân Việt Nam vốn tôn trọng và tôn thờ nguồn gốc của mình. Cộng sản tôn vinh chủ nghĩa Đệ tam Quốc tế, xóa bỏ ranh giới quốc gia để tiến tới thế giới đại đồng không tưởng, việc khai thác hình ảnh thiêng liêng của Đền Hùng chẳng qua là một âm mưu lớn lừa gạt nhằm thúc đẩy toàn dân miền Bắc hy sinh đến tận cùng kể cả tính mệnh để xây dựng một chủ nghĩa ngoại lai không thể chấp nhập được vì trái ngược với thiên nhiên và lịch sử.

Cũng trong thời gian này, Hồ Chí Minh lại vênh váo tự cho công trạng của mình còn lớn lao hơn cả của Đức Trần Hưng Đạo khi đảng cộng sản vừa nuốt trọn Miền Bắc. Hồ Chí Minh chỉ thị cho bọn bồi bút gia nô nắn nót viết hộ y một bài Đường thi thất ngôn bát cú với lời lẽ giọng điệu hống hách kiêu căng, huênh hoang hổn láo. Sau ngày Miền Nam bị bức tử, tôi có tò mò đọc "Thơ Hồ Chí Minh" và có một nhận xét chung chung đúng như lời của đa số đồng bào thời bấy giờ rất ngạc nhiên về loại thơ "con cóc" này. Hồ Chí Minh không đủ khả năng viết bài "Vịnh Trần Hưng Đạo" nguyên văn như sau:

Vịnh Trần Hưng Đạo
Bác anh hùng, tôi cũng anh hùng
Tôi, bác cùng chung nghiệp kiếm cung
Bác thắng quân Nguyên thanh kiếm bạc
Tôi trừ giặc Pháp ngọn cờ hồng
Bác đưa một nước qua nô lệ
Tôi dắt năm châu tới đại đồng
Bác có linh thiêng cười một tiếng
Rằng tôi cách mạng đã thành công.

Bài thơ trên đây nằm trong ý đồ của cộng sản lúc nào cũng khai thác những gì dính liền với tinh thần dân tộc, dính liền với tâm hồn Việt Nam muôn thuở để thực hiện chính sách và chủ trương đen tối của chúng nhằm mập mờ lôi cuốn người dân yêu nước lọt vào vòng quỷ đạo vô sản, đại đồng của chúng. Nhiều nhà thơ ở hải ngoại đã phẫn nộ họa lại trong tinh thần đối kháng, vạch trần sự gian dối quỷ quyệt của cộng sản, cải sửa lịch sử, xử dụng những thần tượng, những bậc anh hùng tuyệt thế của dân tộc làm bàn đạp thao túng chính trường.

Rõ Tên Phản Quốc
Gian manh mà dám sánh anh hùng
Hồ: kẻ được mồi đã bẻ cung
Lập đẳng (C.S) hại dân hờn núi Thái
Cậy quyền phá nước hận non Hồng
Tôn thờ Lê Mác thân nô lệ
Tôi tớ Nga Hoa mộng đại đồng
Bịp bợm suốt đời vờ đạo đức
Rõ tên phản quốc đã thành công!
(P.C.T.)

Chớ Có Huênh Hoang
Sao đem bôi nhọ đấng anh hùng!
Dám sánh hồ đồ hỡi Nguyễn Cung?
Gia phả không tìm nơi tộc Lạc
Cội nguồn chẳng thấy ở tông Hồng!
Trên đầu giáo chủ Mao Lê Mác
Dưới trướng lâu la Duẩn Giáp Đồng
***Cõng rắn** Nga Tàu không biết nhục*
Lại còn khoác lác để thành công!
(N.D.A.)

Lời Thánh Thán
Chính mi là đứa đại gian hùng (*)
Xỏ lá biết gì kiếm với cung!?
Mặt chuột tai dơi nhờ trát phấn
*Tâm chồn **trí rắn** được tô hồng*
Từng gây máu thắm mờ sông núi!
Đã tạo xương khô trắng ruộng đồng
Thiên hạ không đui đừng phét lác
Gian tà, lấy tội kể là công!
(*) Chính mi = Chí Minh.
(N.D.A.)

Gần đây, thời điểm chuyển mình của dân tộc đã có những dấu hiệu thuận lợi từ trong nước ra hải ngoại. Biết bao con dân yêu nước trong nước đã kiên cường đứng lên thách thức chế độ không còn biết sợ hãi. Nhà tù không làm nao núng ý chí dứt khoát của họ, nhứt là đối với Hoa nạn đang giày xéo quê hương. Bây giờ chỉ cần một cố gắng lớn và sau cùng nơi mỗi người Việt Nam chúng ta để cứu nước. Trong tinh thần lạc quan đó, tôi xin ghi lại một sáng tác xem như lời kêu gọi thiết tha trong những ngày Tết Nguyên Đán hồi hướng người xưa và nhung nhớ tổ quốc:

Vận Thời Đã Chuyển
Nhân dân cực khổ trói tay đành
Nội, Ngoại vùng lên nhất trí tranh
Áo ấm cơm no dân Lạc Việt
Tự do hạnh phúc nước Nam thanh
Noi gương Trưng Triệu muôn năm vững
Nối chí Lê Trần vạn thế anh
Cộng sản toàn cầu nay đã sụm
Cơ may một thuở đứng lên giành.
(T.T.H.)

Và đây cũng là ước nguyện đầu Xuân của chúng tôi. Xin trân trọng kính chúc quý vị độc giả Viên Giác một mùa Xuân an khang hạnh phúc.

Võ Đức Trung
05.11.2012

(1) Nhà xuất bản Bách Việt tái bản năm 1994).

Rắn trong đời sống và khoa học

• **Nguyễn Quý Đại**

Rắn và con người

Từ thời tiền sử loài rắn sinh ra gắn liền với đời sống con người. Theo sách Khải Huyền trong Kinh Thánh thì Adam và Eve là người Nam, Nữ đầu tiên thủy tổ loài người do Chúa trời tạo ra ở Vườn Địa Đàng và dạy rằng: *"Hết mọi cây trong vườn chúng con có quyền ăn, trừ cây biết lành biết dữ ở giữa vườn, nếu ăn vào chúng con sẽ chết"* là cây Đời Sống (Tree of Life). Con rắn "*quỷ quyệt hơn mọi con thú trên cánh đồng*" gian ngoan cám dỗ Eva rằng: *"Ăn trái đó không chết đâu, trái lại mắt bà sẽ mở ra và trở nên giống như Chúa".* Eva không cưỡng lại được sự cám dỗ hái rồi đưa cho Adam cùng ăn. Lập tức mắt họ mở ra và thấy mình trần truồng, và họ bị trục xuất khỏi Vườn Địa Đàng xuống thế gian. Thiên Chúa xót xa khi nhìn con cái mình đi vào con đường tội lỗi và đau khổ, *"Thiên Chúa làm cho Adam và Eve những chiếc áo bằng da và mặc cho họ"* (St 3,21), và tìm mọi cách ngăn chặn tội ác để giúp con người khỏi khổ đau, câu chuyện Adam và Eve là nền tảng của học thuyết Thiên chúa giáo: *"Tội lỗi đến với thế giới qua con người và chết qua tội lỗi, và vì thế cái chết xảy đến với tất cả loài người bởi con người là tội lỗi"*. Chúa cũng trừng phạt con rắn *"phải đi bằng bụng, và phải ăn bụi trong suốt những ngày của cuộc đời rắn".* Bởi vậy rắn được coi là tượng trưng cho tội ác và hiểm độc, thù dai, rắn cũng là biểu hiệu cho Satan. Hình tượng con rắn trong dân gian thường tượng trưng cho hạng người xấu, tiểu nhân, giả dối cần phải tránh xa như: *„hang hùm nọc rắn"*, hay hạng người như *„Sư hổ mang"*, *„khẩu Phật tâm xà"* là lời như của Phật nhưng tâm là của quỷ, hay *„đánh rắn phải đập đầu"* vì để sống nó sẽ trả thù.

Theo truyền thuyết rắn là sinh vật được nhiều quốc gia trên thế giới sùng kính coi rắn như là thần linh dưới nhiều hình thức khác nhau, là một hình tượng tín ngưỡng vô cùng phức tạp. Nhiều huyền thoại hấp dẫn như rắn sống lâu năm sẽ biến thành nàng tiên đẹp kiều diễm… rắn cho ngọc quý. Một số bộ tộc Phi châu, Úc châu, Á châu… còn tục thờ cúng rắn họ cho rằng rắn có khả năng thay da, sống trường sinh bất lão. Cổ tích Việt Nam cũng nhắc đến sự trường sinh của rắn qua câu chuyện *"rắn già rắn lột da sống đời"* (các nhà Sinh vật học nghiên cứu rắn có thể sống tới 50 năm). Người Ai Cập thời xa xưa cho rằng rắn là thần hộ mạng tượng trưng cho sự khôn ngoan, thiêng liêng cho nguồn năng lượng và sự sáng tạo, sự tái sinh, bất tử, vĩnh cửu cho các vì vua chúa. Còn lại dấu tích hàng nghìn năm về trước, trên các vương miện của các vua Ai Cập đều có chạm hình rắn bằng vàng hay bằng ngọc… Chùa ở Campuchia có hình là một con rắn chín đầu gọi là thần rắn Naga. Nhìn chung theo các tài liệu thì rắn làm ảnh hưởng đời sống văn hóa của nhân loại bằng nhiều hình thức và sự biểu hiện khác nhau. Nó mang những ý nghĩa biểu tượng nhất định cho văn hóa, tín ngưỡng, tập tục, lối sống theo bản sắc của một dân tộc.

Đời sống rắn trong thiên nhiên

Theo tác phẩm Tiere und Lebensräume hiện nay trên thế giới có hơn 2600 loại rắn. Trải qua quá trình thay đổi của thiên nhiên, một số loài rắn có những đặc tính riêng biệt của mình, rắn có chiều dài ngắn, lớn nhỏ khác nhau nhưng có đặc điểm chung là có thể cuộn tròn. Số đốt xương sống và xương sườn của loài rắn có khoảng 160 tới hơn 400 đốt. Rắn là một loài động vật máu lạnh, bò sát, cùng lớp với thằn lằn, tắc kè nhưng rắn không có chân mà di chuyển bằng cách trườn bò. Loài rắn thuộc chi Caenophidia, số vảy bụng và hàng vảy lưng của nó tương ứng với số đốt xương sống. Một số rắn đặc biệt có khả năng lướt nhanh, hầu hết là thuộc chi Chrysopelea nhờ cấu trúc khớp xương lưng của rắn mềm mại và dẻo dai, di chuyển trên cây rắn có thể "bay" hơn 15 mét để sang cây khác, nhờ cách uốn mình trong không khí, rắn có những loại có nọc độc, và không có nọc độc.

Những con rắn độc sử dụng nước bọt, nọc độc tiết qua những chiếc răng, nọc độc từ miệng rắn có thể làm tê liệt và giết chết con mồi. Nọc độc là độc tố tác hại qua đường máu đến thần kinh. Có đến 450 loài rắn độc trên thế giới, trong đó có 250 loài có nọc độc giết người. Toàn thân rắn được bao bọc lớp da có vảy cứng không tăng trưởng tương ứng theo sự trưởng thành của thân thể rắn, bởi vậy mỗi năm rắn phải lột da để lớn theo chu kỳ và loại bỏ ký sinh trùng. Phần nhỏ ở cuối đuôi rắn không thể thay đổi nên khi rắn lớn lên làm thắt chặt, thì rắn tự cắt đứt đường máu đưa tới khúc đuôi và từ từ nó sẽ rụng đi. Da rắn có vảy như cái chân để trườn bò khi di chuyển, thân dài và nhỏ của nó uốn thành hình chữ S. Khi bò các vảy trườn theo lồi ra và rắn dùng đầu nhọn của các chiếc vảy để trèo lên những đám cỏ hoặc mô đất gồ ghề.

Thông thường rắn ăn thịt những loài chuột, ếch, nhái, chim… nhưng rắn lục chỉ ăn sâu bọ, loài rắn hổ Cobra thường ăn đồng loại. Xương hàm dưới của rắn rất linh động, hai hàm của nó không gắn liền cố định mà được nối thẳng vào sọ, cho phép chúng mở rộng miệng để nuốt trọn con mồi dù cho con mồi có lớn hơn nhiều so với đường kính thân rắn, nhờ có hệ xương hàm nhiều khớp và dây chằng đàn hồi nên rắn có thể há miệng rất to. Rắn nuốt sống con mồi nén xương sống lại giống như chiếc đàn xếp để con mồi trôi xuống. Mi mắt rắn trong suốt và thường xuyên đóng kín, được gọi là vảy mắt.

Loài rắn không có vành ngoài tai, cho nên thính giác của chúng tương đối kém. Vì mắt của chúng sinh ra ở hai bên đầu, nên nhìn cũng bị hạn chế, thính giác và thị giác có khuyết điểm thì khứu giác của chúng trở thành cơ quan cảm giác quan trọng nhất. Khứu giác của loài rắn do khu cảm giác ở phần dưới miệng và khoang mũi họp thành. Khi bò rắn dùng cái lưỡi có chẻ nhánh của mình thò ra thụt vào để kiếm mồi. Ngoài ra có một số loài rắn còn phát triển một số cơ quan cảm giác đặc biệt, chẳng hạn như có nhiều loài rắn có những lỗ nhỏ nằm giữa mắt và lỗ mũi, những lỗ nhỏ ấy rất nhạy cảm. Đó là cơ quan cảm nhiệt của rắn. Trong những lỗ nhỏ ấy có một lớp màng mỏng nối liền với thần kinh ở bộ óc rất nhạy với nhiệt độ phát ra từ các loài động vật có máu

nóng. Dù rắn mù mắt hay chúng đang ở trong bóng tối nó cũng có thể phát hiện ra những con mồi ở cách xa khoảng nửa mét. Những cơ quan cảm giác nhạy cảm này đối với loài rắn là điều kiện quan trọng để sinh tồn. Ngoài tác dụng dùng để săn mồi và tránh kẻ thù, là phương tiện con đực tìm con cái giao phối. Rắn không thể điều chỉnh sinh lý như các loài động vật máu nóng như loài có vú và chim, dù nhiệt độ bên ngoài thay đổi rắn vẫn giữ nhiệt độ trong cơ thể. Những vùng khí hậu lạnh như Châu Âu loài rắn phải ngủ trong hang suốt mùa đông như con gấu, khí hậu miền nhiệt đới thích hợp cho các loài rắn sinh sống. Ở Việt Nam có đầy đủ các loại: rắn lục đầu đen, rắn lục đầu đỏ, rắn lục, rắn cạp nia, rắn cạp nong, rắn đòn cân, rắn độc, rắn gió, rắn giun, rắn khô mộc, rắn lai, rắn lục, hoa cải, rắn lục núi, rắn lục sừng, rắn lửa, rắn mai gầm, rắn nước, rắn sọc đốm đỏ, rắn sọc khoanh, rắn vú nàng, rắn xe điếu, rắn đẹn bụng vàng, rắn đẹn cơm, rắn đẹn đuôi gai, rắn đẹn khoanh, rắn đẹn mỏ, rắn đẹn mõm, rắn đẹn vết, rắn đẹn sọc dưa, rắn hổ lửa, rắn hổ mang, rắn hổ mang chúa, rắn hổ trâu… Ngoài ra người ta còn thấy rắn ở trong rừng rậm vùng cao nguyên trên đầu có mào, có sừng.

Rắn có đủ các màu sắc, sinh sống ở hầu hết các môi trường trong thiên nhiên. Từ trên núi cao đến sông sâu biển rộng, từ sa mạc nóng cháy đến rừng rậm, trên cây hay dưới đất, dù không có chân nhưng bò rất nhanh mà không gây ra tiếng động. Rắn có thể di chuyển nhiều tư thế bò ngang, thẳng, nửa dưới đất nửa thẳng đứng...

Phần lớn rắn đẻ trứng và rời bỏ trứng của chúng sau khi đẻ; tuy nhiên một số loài giữ trứng trong cơ thể đến khi trứng nở. Gần đây khoa học xác định được một số loài rắn đẻ con là một điều khác thường trong giới bò sát. Mỗi năm rắn hổ mang chỉ giao hợp một lần với thời gian từ 20-24 giờ, từ tháng 4 hay tháng 5 và đẻ trứng tháng 6 và tháng 7 mỗi con đẻ 6-7 trứng, riêng rắn chúa đẻ 20-30 trứng, thời gian nở con từ 50-57 ngày; rắn mới nở cũng có thể cắn chết người.

Các loài rắn lớn trong họ Boidae là trăn gồm có: trăn cộc, trăn đất, trăn gấm, trăn gió v.v… loài trăn săn các động vật máu nóng bằng cách cắn, ngậm con mồi và dùng thân mình quấn con mồi cho đến chết rồi nuốt vào từ từ. Răng trăn cong vào trong nhưng nhờ cấu tạo của xương hàm mở rộng nên có thể nuốt được những con mồi lớn. Trăn có hai phân họ lớn: Boinae và Erycinae. Các loài trăn lớn (mãng xà) thuộc họ Pythonidae. Ban ngày ngủ ban đêm đi kiếm ăn, thích nơi ấm áp để ngủ qua mùa đông. Các mùa khác trăn kiếm ăn và sinh sản. Trăn là loài ưa môi trường nước, do đó di chuyển dưới nước rất nhanh, chậm chạp trên cạn. Là loài bò sát khổng lồ, nên thức ăn là những con thú to lớn như heo rừng, nai, hươu, báo, bò, trâu rừng loại nhỏ chúng cũng quấn chết và nuốt chửng, loài trăn mắt lưới Đông Nam Á, được coi là họ trăn lớn nhất thế giới bò sát, chiều dài 15m, thân to (đường kính) tới 85cm và nặng 447kg. Hiện nay ở Việt Nam trên Thất Sơn, rừng U Minh người ta còn phát hiện nhiều loài trăn lớn, thường bị thợ rừng săn bắt. Theo luật của tạo hóa có sinh có diệt, nên rắn cũng bị loại chồn cũng như những con rết lớn ăn thịt, rắn con mới sinh thì bị con chim bìm bịp ăn.

Truyền thuyết rắn báo oán

Một hôm cha Nguyễn Trãi là Nguyễn Phi Khanh cho học trò phát cỏ trong vườn để làm chỗ dạy học. Đến đêm, ông nằm mơ thấy một người đàn bà dẫn bầy con dại tới xin thư thả ít hôm, vì bận con mọn nên chưa kịp dọn nhà. Đến khi học trò của ông phát cỏ, đập chết một bầy rắn con, lúc đó ông mới hiểu ra ý nghĩa giấc mơ... Đêm đó lúc ông đọc sách thì có con rắn bò trên xà nhà nhỏ một giọt máu thấm vào chữ "tộc-họ" qua ba lớp giấy, ứng với việc gia tộc ông sẽ bị hại đến ba họ. Ngày sau con rắn mẹ hóa ra bà Nguyễn Thị Lộ để làm hại ba đời nhà ông. Đến đời Nguyễn, trong Lịch triều hiến chương loại chí lại có thêm chi tiết: Con rắn thành tinh ngầm mang thù oán, mới đầu thai thành Thị Lộ.

Rắn với ngành Y khoa

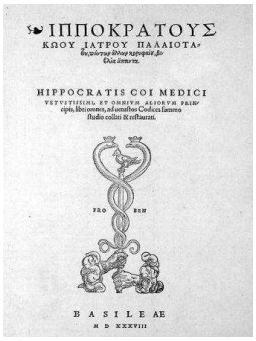

Hippocrate (470-366 B.C) là người sáng lập ra nền Y khoa hiện đại được xem là thầy thuốc vĩ đại nhất. Ông cũng soạn thảo "*Lời thề Đạo đức Y khoa"* hay gọi là *"Lời thề Hippocrates".* Lời thề thiêng liêng này được các bác sĩ trang trọng đọc trước khi bắt đầu hành nghề Y. Hippocrates được xem là vị tổ của ngành Y học Tây phương. Ngoài ra còn có biểu tượng của ngành Y khi thì thấy hai con rắn hay một con rắn quấn quanh cây gậy, hay cái chén có con rắn. Theo thần thoại Hy lạp về Hermes và Asklepios có nhiều giải thích khác nhau về rắn, tôi sưu tầm và tóm lược những điểm chính.

a/ *Chiếc gậy của Hermes:*

Theo truyền thuyết Apollo trao đổi với Hermes, người anh em khác cha, một chiếc đũa bằng vàng. Hermes sử dụng nó để tách riêng hai con rắn, nhưng những con rắn cuộn lại theo chiều ngược… biểu tượng của thần Hermes tượng trưng bởi cây gậy có nhánh nguyệt quế hoặc cành ô liu. Sau đó, các nhánh được quấn quanh cây gậy để tạo ra hình hai con rắn quấn lại với nhau, nó có hai cánh, tượng trưng cho vận tốc của Hermes sứ giả của các vị thiên thần (những con rắn đại diện cho lửa và nước, đất và cảnh trời), đó là biểu tượng của hòa bình do các thiên sứ mang lại.

Một giải thích khác nhấn mạnh đến sự cặp đôi của các con rắn và biểu tượng của khả năng sinh sản. Con rắn quấn quanh cây gậy, tượng trưng cho cây sự sống, có ý nghĩa là sự kiêu ngạo bị chinh phục và khuất phục, nọc độc của nó biến thành thuốc điều trị.

Theo một số tài liệu khác thì phù hiệu *„cây gậy và con rắn"* được xuất hiện lần đầu tiên trên thế giới vào khoảng thế kỷ thứ 7 trước Công nguyên, là hình cây gậy có hai con rắn bện quanh, trên đầu gậy có một đôi cánh. Theo thuyết này thì kể rằng Hermes là con trai của thần Jupiter và nữ thần Maia, dùng cây gậy thần của mình để ném vào giữa hai con rắn đang cắn nhau "một mất một còn" sau đó chúng thôi cắn và cùng quấn quanh cây gậy thần đó.

b/ *Thần thoại về Asklepios:* ông ta nhìn thấy một con rắn tiến về phía mình, ông hướng cây gậy của mình

về phía nó. Con rắn tự cuộn lại, Asklepios đập cây gậy xuống đất giết chết nó. Con rắn thứ hai đột nhiên xuất hiện ngậm loại dược thảo bỏ vào miệng con rắn đã chết và con rắn này được cứu sống, nhờ vậy ông phát hiện đặc tính của các loại thảo dược đó. Con rắn còn là một biểu tượng của cuộc sống và sinh lực bởi vì nó có đặc tính thay đổi da, có thể lấy lại thời thanh xuân. Con rắn bò sát đất, có nghĩa là nó biết tất cả những bí mật và các đặc tính y dược của các loại thảo mộc, hoặc những bí ẩn sự chết. Asklepios chỉ dẫu cho bệnh nhân những liệu pháp sử dụng các loại thảo mộc để trị lành bịnh, giúp vô số người thoát những cơn bịnh hiểm nghèo. Để tỏ lòng biết ơn người đã cứu nhân độ thế thời đế chế La Mã các đền thờ được lập nên để vinh danh Asklepios và từ đó cây gậy Asklepios được gắn liền với ngành Y.

Việc tôn thờ Asklepios sau đó lan rộng ra khắp nước Hy lạp, đến Châu Á, và Ai Cập, đến cả thần dân trung thành với Alexandre Đại đế. Asklepios là người ngoại quốc đầu tiên được thừa nhận ở La Mã. Di tích Asklepios được tìm thấy liên quan đến ngành Y trong cuốn giáo khoa Y khoa của thầy thuốc nổi tiếng người Ả Rập Avicenna vào năm 1544, có in hình Asklepios ở trang bìa. Rồi từ đó phù hiệu của Asklepios được sử dụng là biểu tượng của ngành Y ở nhiều nơi, từ Châu Âu (Hiệp hội Y khoa Hoàng gia Anh) sau đó phổ biến đến các quốc gia trên thế giới. Ở Ai cập cổ đại các mẫu rắn được dùng trong các kiểu viết chữ tượng hình. Trung Quốc và cả Việt Nam xem rắn là một loại thuốc trị được nhiều chứng bệnh. Nhật cũng tìm thấy vết tích rắn vẽ trong các ngôi mộ cổ v..v.. Cây gậy là biểu tượng của bác sĩ khắp nơi trên thế giới cứu nhân độ thế. Nói chung sự liên quan giữa rắn với ngành Y là gần gũi hơn cả, tinh thần Asklepios trong thực hành Y khoa có thể đáp lại lòng mong mỏi của bệnh nhân, cây gậy tượng trưng cho cây sự sống, tính thận trọng trong ngành Y Dược là sự cống hiến cho nhân loại.

Cái chén của Hygeia

Hygeia nữ thần Sức khoẻ (God of Health) cầm cái chén với con rắn cuốn quanh tay, trong vị thế giống như rắn sắp sửa thả lưỡi vào chén. Chữ "hygiene" bắt nguồn từ chữ Hygeia, dần dần biểu tượng chỉ có cái chén và con rắn trở nên quen thuộc và được mang tên là "Chén Hygeia". Nhiều người coi cái chén của Hygeia và con rắn như biểu tượng sự sống tiêu biểu là chén thuốc nước và con rắn tượng trưng khả năng làm lành bệnh. Chén Hygeia làm biểu tượng cho những nhà chế thuốc ở Italy từ năm 1222. Năm 1922 người Ý dùng nó trong dịp lễ mừng kỷ niệm 700 năm thành lập Đại học Padua, là trường đại học hàng đầu của Ý nổi bật lâu đời ở Châu Âu.

Năm 1796 chén Hygeia chính thức sử dụng làm biểu tượng cho ngành Dược. Tại Đức từ năm 1951 Fritz Ruppercht Mathieu phát họa phù hiệu cho nhà thuốc Tây chữ A nghiã là „Apotheke là nhà thuốc" màu đỏ có hình cái chén và con rắn.

Rắn trong ngành Y học Tây phương

Nọc rắn khác biệt rõ rệt từ loài này sang loài kia, nhưng chúng đều có một điểm chung là mỗi loại đều là những hợp chất phức tạp, được tạo thành từ hàng nghìn protein và enzyme khác nhau. Phần lớn các loài rắn độc được chia làm 3 họ: Colubridae, Elapidae hoặc Viperidae, nọc độc phóng ra từ tuyến nước bọt chia làm 3 nhóm chính: cytotoxins, neurotoxins và hemotoxins. Rắn cắn chết người mỗi năm, nhưng nọc độc chết người của nó tiềm tàng khả năng cứu chữa cho các bệnh của con người (dược liệu trị huyết áp phổ biến, dùng để chữa các khối máu nghẽn, nghiên cứu đến những chứng bệnh như động kinh có nhiều hoạt động điện não, chữa trị các cơn đau hoặc giúp người bị nghiện cai thuốc, bệnh Alzheimer, chữa thấp khớp, đau nhức, làm giảm đau cho bệnh ung thư…) nọc độc của loài rắn chứa một loại protein làm giảm đau mạnh tương đương như morphine. Rắn Mamba đen là một trong những loài rắn nguy hiểm nhất trên thế giới, sống ở Phi Châu thuộc phía Nam sa mạc Sahara dài 2,5 m đến 4,5 m, bò nhanh 24 km/h. Mỗi lần cắn phun ra 400 mg nọc độc. Chỉ cần 15-20 mg đủ làm con người chết trong một thời gian rất ngắn.

Các nhà nghiên cứu Pháp trình bày trên tạp chí Anh, "Natur/Thiên nhiên" thí nghiệm thành công nọc độc rắn Mamba đen (Schwazen Manba/Dendroaspis polylepis polylepis) làm giảm đau như Morphine không bị phản ứng, *"Khi tiến hành thí nghiệm trên loài chuột, nọc độc cho thấy khả năng giảm đau mạnh tương đương với morphine nhưng lại không gây ra nhiều tác dụng phụ"*. Cách lấy nọc rắn dùng ngón tay cái và ngón trỏ bóp nhẹ vào mang tai rắn kích thích tuyến nọc độc nằm dưới da của mỗi bên mang tai, nọc rắn theo rãnh của răng chảy ra dụng cụ lấy nọc, nọc là chất lỏng không màu trong suốt, qua tiến trình làm khô giữ được tác dụng như nọc rắn tươi là nguồn cung cấp thuốc quan trọng để bào chế thuốc... Lấy nọc rắn vào mùa hè, mỗi tháng một lần một con lấy được trung bình 0,25 ml, nhưng còn tùy thuộc vào những loại rắn lớn thì nhiều hơn.

Rắn trong ngành Đông Y

Việt Nam có các trại nuôi rắn được phát triển, nổi tiếng như trại rắn Vĩnh Sơn (Phú Thọ), trại rắn Đồng Tâm (Tiền Giang). Một số loài rắn thường dùng làm thuốc: Rắn hổ mang là chúa tể của loài rắn. Rắn hổ mang còn có tên gọi là hổ lửa, hổ phì, tên khoa học là Naja Naja, thuộc họ rắn hổ (Elapidae). Rắn cạp nong (rắn mai gầm) (Bungarus fasciatus Schneider) Rắn cạp nia (rắn mai gầm bạc) (Bungarus candidus L.), Rắn ráo (Ptyas mucosus), họ Rắn nước (Colubridae). Các loài rắn biển (đẻn đai xanh, đẻn đốm, đẻn khoang,…) thuộc chi Hydrophis, họ Rắn biển (Hydrophiae).

Bộ phận dùng, công dụng, cách dùng, liều lượng: tài liệu theo „tập đoàn Tuệ Linh" quảng cáo

- Thịt rắn (bỏ nội tạng): chứa protein, acid amin. Thường dùng dưới dạng rượu thuốc gồm 1 bộ 3 con gọi là tam xà (1 hổ mang, 1 cạp nong, 1 rắn ráo), hoặc bộ 5 con gọi là ngũ xà (1 hổ mang, 1 cạp nong, 1 cạp nia, 2 rắn ráo), hay làm thành thuốc viên chữa đau nhức khớp xương, tê bại, nhọt độc.

- Nọc rắn: rất độc do có các enzym và protein độc. Thường dùng dưới dạng thuốc tiêm, thuốc mỡ chữa tê thấp, giảm đau cho bệnh nhân ung thư, hạn chế phát triển khối u.

- Mật rắn: chứa các loại acid mật, chữa thấp khớp, đau lưng, sốt kinh giảm ở trẻ em, ho, hen suyễn, sát khuẩn vết thương. Dùng dưới dạng rượu thuốc hay sirô.

- Xác rắn: chữa động kinh, co giật ở trẻ em, đau cổ họng, ghẻ lở. Dùng 6-12g một ngày, dạng thuốc sắc hay sao vàng tán bột uống, ngâm cồn bôi ngoài.

- Rượu rắn: có công dụng trị các chứng tê liệt, đau nhức, phong thấp, bồi bổ sức khỏe, ăn uống chậm tiêu. Rượu rắn Phụng Hiệp là thổ sản địa phương, họ làm theo ba cách như ngâm rắn tươi, rắn khô và bột rắn, phải là rắn sống mổ bụng từ ức tới hậu môn, bỏ hết chỉ giữ lại mỡ và mật vì đây là hai vị thuốc. Nhiều nơi không ngâm rượu nguyên con rắn thì nấu cao rắn…

Tại Việt Nam người ta đồn và quảng cáo: sừng tê giác, ngà voi, tay và mật gấu, rượu rắn, hổ cốt… đều là *"thần dược"* chữa được bá bệnh, cường dương bổ thận". Phải cẩn thận đừng vội tin, quảng cáo làm tiền không trách nhiệm. *"Khỏe đâu không thấy, chỉ thấy rước họa mà thôi"* tốn kém tiền bạc. Bởi vì các nhà khoa học Tây phương chưa chứng minh được kết quả các loại *„thần dược„* của người Việt Nam. Theo Tây y bệnh nhân chữa trị theo phương pháp khoa học, Bác sĩ định bệnh cho uống thuốc chữa hết bệnh, còn theo ngành Đông y dùng thuốc Bắc chỉ có tác dụng điều trị hỗ trợ. Có trường hợp từng xảy ra, người ở Đức về Việt Nam mua rượu rắn uống phải *„giã từ cuộc chơi"*. Bác sĩ khám nghiệm tử thi cho biết là ngộ độc. Người Tây phương họ không ăn uống như ở Việt Nam, nhưng người nào cũng khỏe mạnh tuổi thọ thường trên 80. Nếu bị đau nhức cơ thể, tứ chi nên tập thể dục, đi Fitness sẽ khỏe, không có rượu nào chữa trị hết bệnh.

Sau năm 1975, thực phẩm tại quê nhà có thể bị ảnh hưởng Tàu, nên về vấn đề ăn uống *„hỗn tạp"* hơn. Ở Sài Gòn có nhiều quán nhậu, đặc sản thịt rắn, uống máu, nuốt mật sống của rắn. Các loài rắn bị săn bắt để ăn thịt hay ngâm rượu, có nhiều loại sắp bị tuyệt chủng, không còn rắn để bắt chuột, gây thêm nạn chuột sinh sản nhiều phá hoại ngũ cốc, mùa màng… Ấn Độ từ năm 1972 có luật cấm bắt rắn, dù những người bắt rắn huấn luyện múa theo điệu sáo để mua vui, nếu người nào vi phạm bị phạt tù.

Năm 2013 là năm Quý Tỵ ngày 10.2.2013 cầm tinh con rắn hy vọng đời sống của rắn phải được bảo vệ vì loài rắn phục vụ cho khoa học, điều chế thuốc từ nọc rắn để chữa bệnh, giúp con người có thể kéo dài tuổi thọ.

Nguyễn Quý Đại
www.hoamunich.wordpress.com

Tài liệu tham khảo

- Tiere und Lebensräume (Bertelsmann Lexikon Institut)
- National Geographic Deutschland
- Trang Wikipedia, hình nguồn trên Internet
- Tuần báo Stern số 42/2012 ●

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu
Tổng Vụ Từ Thiện GHPGVNTN & Xã Hội Âu Châu

THÔNG BÁO

Chương trình từ thiện giúp người già bệnh tật, đui mù, nghèo khổ, trẻ em mồ côi và những gia đình bị thiên tai bão lụt năm 2012.

Để tạo điều kiện giúp đỡ người già bệnh tật, đui mù, nghèo khổ, trẻ em mồ côi, và những gia đình bị thiên tai bão lụt năm 2012.

Chúng tôi ĐĐ Thích Tịnh Phước, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện & Xã Hội GHPGVNTN Âu Châu, cùng ĐĐ Thích Viên Tịnh, Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Từ Thiện GHPGVNTN Âu Châu, sẽ tổ chức một chuyến từ thiện giúp đỡ tại Việt Nam: Từ ngày 07.03.2013 đến 25.03.2013 trên vùng Cao Nguyên Ban Mê Thuột, Gia Lai, Kon Tum, Pleiku.

Đại Đức Thích Tịnh Phước, Trưởng Đoàn hướng dẫn.

***** Chương Trình Từ Thiện Cứu Trợ các địa điểm tại Việt Nam, được tìm hiểu lên danh sách do Thượng Tọa Thích Giác Sơn, Trụ Trì Tịnh Xá Ngọc Thiện, Ma Lâm, tỉnh Bình Thuận. Có sự trợ giúp của Hòa Thượng Thích Giác Dũng, Trụ Trì Tịnh Xá Ngọc Nguyên xã Krong A Na, và Đại Đức Thích Minh Trí, Trụ Trì Tịnh Xá Đức Niệm xã Đak Ropon tỉnh Đaklak.

***** Chương trình Mổ Mắt và Nạng Gỗ, Hòa Thượng Thích Quảng Thiện, Trụ Trì Tổ Đình Chùa Cát, Nha Trang. Có sự giúp đỡ của Bác sĩ Kiều Xuân Cư và Bác sĩ Trần Lâm Cao, TT Tình Thương Trầm Hương tại Nha Trang đảm nhận.

***** Chương trình Từ Thiện xin gởi đến Quý Vị Ân Nhân Phật Tử các nơi, để phát tâm ủng hộ.

***** Khởi hành tại Nha Trang lúc 6 giờ sáng ngày 07.03.2013.

Xin liên lạc với Đạo Hữu Nguyên Trí (Nguyễn Văn Tâm) Ban Từ Thiện Chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc. ĐT 004915738417141 từ ngày 20.01.2013 đến ngày 25.02.2013. Tại Việt Nam ĐT 0084583813076 hoặc 008415788919231 từ ngày 01.03.2013, hoặc Email: vantamtp@yahoo.de

* Mọi chi phí trên lộ trình tự túc xin vui lòng hỗ trợ tiền, khách sạn, ăn uống, xe cho chuyến đi.

Phát tâm ủng hộ:

- Tại Đan Mạch, Thụy Điển, Na Uy liên lạc: Chùa Phật Quang, Thụy Điển, Ven: Thích Tịnh Phước, Nedre Hjällbogärdet 12, 42434 Angered Gothenburg – Sweden. Tel: 0046 31435408 – Email: thichtinhphuoc@gmail.com

- Tại Pháp, Đức, Hòa Lan v.v... Đạo Hữu Nguyên Trí (văn Tâm) Chùa Viên Giác Đức Quốc Tel: 0049 15738417141 – Email: vantamtp@yahoo.de

Tịnh tài ủng hộ từ thiện: Sparda Bank. Tên: Sadra Nguyen, KT: 1632957, BLZ: 40060560 Münster. Ghi rõ từ thiện: Giúp trẻ mồ côi, tật nguyền, nghèo khổ, mổ mắt miễn phí, hay xe lăn, người khuyết tật.

Chùa Phật Quang Thụy Điển, ngày 20. 10. 2012
TM. Tổng Vụ Từ Thiện & Xã Hội GHPGVNTN Âu Châu
Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện

ĐĐ Thích Tịnh Phước

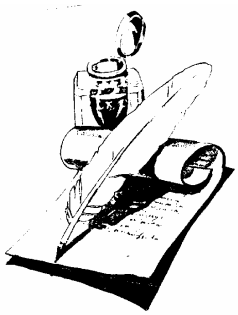

Khái lược về sự phát triển của tiếng Việt

• **Phan Hưng Nhơn**

Những kết quả mới nhất của ngành khảo cổ cũng như kết quả về những nghiên cứu của mọi ngành khoa học mới đã cho thấy Việt Nam có thể là một trong những khu vực của địa cầu mà loài người xuất hiện sớm nhất. Do đó tiếng nói của người Việt Nam cũng lâu đời như dòng giống Việt Nam và đã hiện hữu ngay cùng thời với thủy tổ người Việt Nam thanh bình.

Tài liệu khảo cổ xác nhận rằng từ thời đại đá mới đã cộng cư trên lãnh thổ Bắc phần Việt Nam nhiều loại hình nhân chủng mà chủ yếu là hai loại Indonesien-cổ và Australomelanesien: hai thành tố nhân chủng cơ bản hình thành dân Keo và dân Doan: hợp chủng nguyên thủy hình thành thủy tổ dân tộc Việt Nam. Khi người Việt Nam đã có một nguồn gốc dân tộc lâu đời như thế, tất nhiên tiếng nói của họ cũng có nguồn gốc xa xưa không kém. Hiện nay các nhà ngôn ngữ học danh tiếng thế giới như các ông A.G. Haudricourt, Przyluski, Andrewnoi đều công nhận tiếng Việt Nam thuộc ngữ tộc Nam Á.

Từ đó tiếng Việt Nam đã được hình thành theo nhịp phát triển của dân tộc và sự tiến hóa của tiếng nói này cũng đã tùy thuộc theo số phận nổi chìm của dân tộc.

Trong suốt gần ngàn năm bị Tàu đô hộ chữ viết cũng như tiếng nói bị cấm đoán. Trong tạp chí Hàn Lâm Hoàng gia Anh năm 1887, nhà nghiên cứu Terrien de la Copene có viết: „*Thái Thú Sĩ Nhiếp bắt buộc người Việt Nam chỉ được dùng tiếng Hán. Người Việt Nam bị cấm không được dùng tiếng nói cùng chữ tượng thanh của họ*". Sự kiện này cũng từng được nhà nghiên cứu Cesmir Loukotca xác nhận trong sách „Lịch sử chữ viết thế giới". Như thế các triều đại Hán, Tần, Tống đã ồ ạt du nhập ngôn ngữ và văn tự Hán vào Việt Nam với mục đích nô dịch và đồng hóa nước này. Chính sách tàn bạo này tuy vậy cũng không thể hủy diệt được một ngôn ngữ gắn bó với một dân tộc có sức sống mãnh liệt như dân tộc Việt Nam từng có truyền thống văn hóa lâu đời. Tổ tiên người Việt Nam đã cư trú lâu đời trên lãnh thổ Bắc phần Việt Nam nên có được thời gian dài đủ để hình thành ngữ hệ đặc thù một cách ổn định để sau đó dầu bị ngoại bang phương Bắc thống trị vẫn bảo toàn được bản sắc tiếng nói của dân tộc.

Suốt thời gian bị đô hộ, chữ viết cũng như tiếng nói của dân tộc bị cấm đoán. Chữ Hán, tiếng Hán được các Thái Thú Tàu áp đặt. Học hành, thi cử, luật lệ, dụ sắc, thư văn chốn công đường v.v... đều dùng chữ Hán. Đó là nguyên do của sự ra đời của văn chương truyền khẩu của dân tộc Việt Nam. Văn chương truyền khẩu bao gồm những tục ngữ, thành ngữ, ca dao đã có công nhiều trong sự bảo tồn tiếng nói của dân tộc Việt Nam suốt thời kỳ này.

Từ thế kỷ thứ 13 trong khi ngay tại Âu Châu văn chương chưa được triển khai bao nhiêu, thì tại Việt Nam đã có những bài thơ chãi chuốc niêm luật chỉnh tề. Tiêu biểu là chuyện thơ „*Vương Tường*" bao gồm 39 bài tứ tuyệt và 10 bài bát cú. Sự kiện đó chứng tỏ rằng tiếng mẹ đẻ của dân tộc vẫn phát triển thành đạt.

Tuy nhiên suốt thời kỳ Bắc thuộc, Hán Nho đã được phổ biến ở Việt Nam để khống chế nhân dân địa phương đã tạo ra ở nước này một số khoa bảng „Nam nhân Bắc hướng". Cho nên đến thời kỳ nước nhà được tự chủ một số lớn khoa bảng đã trở thành quan lại của triều đình đương thời. Tuy có thể họ đã có ý thức rõ rệt về độc lập và chủ quyền lãnh thổ nhưng còn rất mơ hồ về ý thức độc lập văn hóa. Do đó Hán văn vẫn được họ áp đặt làm văn tự quốc gia trong khi chữ Nôm vẫn bị họ xem là „nôm na mách quế".

Suốt thế kỷ 14 và 15, mặc dầu mọi khó khăn tiếng Việt vẫn phát triển không ngừng. Người Việt Nam đã khéo lợi dụng các thể thơ lục bát, song thất lục bát để diễn tả hay phát triển cảm xúc hay tư tưởng của mình.

Đi đôi với tinh thần độc lập của dân tộc, từ thế kỷ 15, tiếng Việt Nam đã là một lợi khí văn hóa hoàn bị, nên mặc dầu có sự bành trướng mạnh mẽ của văn chương Trung Hoa, tiếng Việt Nam vẫn dũng mãnh sát cánh với dân tộc. Tiếng mẹ đẻ đủ khả năng để diễn tả mọi tâm tư của con người. Có lẽ người Việt Nam thuộc một dân tộc có máu thi sĩ trong huyết quản nên lối diễn tả vào thời kỳ này thường dùng lối văn vần. Với các thể thức gắt gao chặt chẽ của thi thơ nôm do Hàn Thuyên mở lối, nhiều tác phẩm văn vần bằng tiếng mẹ đẻ ra đời. Tiêu biểu là tác phẩm „Chinh Phụ Ngâm" của bà Đoàn Thị Điểm. Như thế loại văn vần, lục bát dầu có niêm luật khác hẳn lối thơ Trung Hoa, vẫn đầy đủ khả năng để phô diễn tất cả mọi tâm trạng đầy tế nhị hay khúc chiết của người Việt Nam.

Như từ thế kỷ 13 đến thế kỷ 18 tiếng Việt Nam càng ngày càng phát triển mạnh mẽ trong quảng đại quần chúng Việt Nam trong lúc giới quan lại của triều đình cùng giới khoa bảng vẫn xem tiếng Hán, chữ Hán như là ngôn ngữ và văn tự quốc gia. Tuy vậy suốt gần 500 năm, văn thể thơ Đường chỉ có một vài tác phẩm trong lúc thơ Nôm tràn ngập trong quần chúng Việt Nam. Ai ai cũng biết hay cũng thuộc *Chinh Phụ Ngâm, Cung Oán ngâm khúc, Kim Vân Kiều, Nhị Thập Tứ Hiếu, Mai Đình Mộng Ký, Lục Vân Tiên, Dương Từ Hà Mậu, Ngư Tiều vấn đáp, Bần Nữ thán, Hạnh Thục ca, Quan Âm Thị Kính, Phan Trần, Trê Cóc, Nhị Độ Mai, Lục Súc Tranh Công....*

Truyện Kim Vân Kiều là một mẫu mực tuyệt vời về sử dụng ngôn ngữ dân tộc. Nguyễn Du đã khai thác đến độ cao khả năng phong phú của tiếng Việt Nam, mở ra một giai đoạn phát triển mới của ngôn ngữ dân tộc về căn bản gần với tiếng Việt Nam hiện đại sau này: từ tiếng nói bình dị của dân gian, nhà thơ đã tạo ra tiếng nói văn học vô cùng trong sáng, điêu luyện nhưng rất uyển chuyển, tế nhị, thanh tao.

(Xem tiếp trang 62)

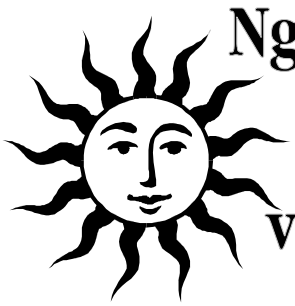

Người Việt Nam ngày xưa và "Ông Trời"

• **Phan Hưng Nhơn**

Ngay vào những ngày xa xưa của lịch sử dân tộc Việt Nam, nền văn hiến tuy chỉ mới phác họa, nhưng cũng đã hình thành một số phong tục tập quán có nề nếp lễ nghi. Vũ trụ quan tuy còn thô sơ nhưng cũng đã được phổ biến trong quần chúng. Sự sùng bái tự nhiên chiếm vị trí trọng yếu trong tín ngưỡng của Người Việt Nam ngày xưa. Là thành viên của một vũ trụ điều hòa nhưng luôn mới lạ với họ, người Việt ngày xưa nghĩ rằng mọi sự vật trên đời này không thể tự nhiên mà có và tất nhiên phải có một đấng Tạo Hóa để gây dựng ra tất cả vũ trụ. Lần lần theo thời gian và không gian cùng tùy theo hoàn cảnh họ thường gọi đấng *Tạo Hóa*, đó là *Thượng Đế*, là *Con Tạo, Hóa Cơ, Đấng Chí Công* hay *Lão Thiên* hoặc đơn giản nhất là *Ông Xanh* hoặc *Ông Trời*. Do đó từ nghìn xưa cũng trải qua biết bao thời đại, người Việt Nam xem *Trời* như là một thẩm cấp tối cao ngự trị trên khắp vũ trụ để từ đó có ý niệm *thờ Trời*.

Vì có quan niệm Trời là đấng Tạo Hóa đã gây dựng và hóa sinh muôn vật nên người Việt Nam nghĩ rằng mọi sinh hoạt ở trần thế này đều phải dùng theo Đạo Trời, mọi hành động, xử thế đều phải *Hợp Ý Trời*. Được gọi là kẻ *Bạo Thiên Nghịch Địa* những ai có những hành động *Nghịch Lại Mệnh Trời* và những kẻ đó chẳng kíp thì chầy rồi cũng bị *Trời Phạt* vì *Lưới Trời Lồng Lộng* chạy đâu cho thoát.

Trong một nước với xã hội ổn định từ vua quan, triều thần cho đến quân dân, mỗi cá nhân đều phải có đời sống đạo đức gương mẫu. Người được làm vua cũng chỉ là người nhận được *Mệnh Trời* để có thể *Thay Trời Trị Dân*. Đã là thành phần lãnh đạo thì không được độc tài, phải thông cảm mọi nguyện vọng của dân chúng vì *Ý Dân Là Ý Trời*. Nhà cầm quyền phải luôn luôn nghĩ đến hạnh phúc của nhân dân vì *Trời Thương Dân Như Con Đẻ*. Làm ngược *Ý Trời*, đất sẽ gặp lắm *Thiên Tai*.

Trong đời sống hằng ngày người Việt Nam nghĩ rằng mọi người đều có một nếp sống đạo đức thì sẽ được *Trời Thương* và do đó trong mọi công việc hằng ngày nếu gặp khó khăn hay nguy hiểm cũng đều được *Trời Phù Hộ* để được tai qua nạn khỏi, vì *Trời Không Phụ Người Hiền* bao giờ. Trong mọi xử sự hằng ngày con người phải có lối sống chính trực quang minh và tin tưởng rằng mọi việc mình làm, dầu phải hay trái, đúng hay sai, đều được Trời chứng giám vì *Trời Có Mắt*. Một hành động xấu có thể không được người khác biết nhưng đâu có thể giấu Trời vì *Bịt Mắt Trời Sao Được*. Dầu có lúc gặp đầy gian lao đi nữa người Việt Nam luôn luôn hy vọng rằng hết hồi bĩ cực sẽ đến thời thái lai, họ vẫn không chán nản vì nghĩ rằng *Trời Nào Đóng Cửa Ai* ? Người Việt Nam ngày xưa hằng tin tưởng rằng Trời là *Thượng Đế Hiếu Sinh* cho nên hễ *Trời Sinh* thì *Trời Dưỡng*, không để con người phải lâm vào cảnh cùng cực cơ hàn vì tục ngữ đã có câu *Trời Sinh Voi Thì Trời Sinh Cỏ* kia mà. Vì luôn nhớ rằng ông Trời là đấng tối thượng chi phối mọi sinh hoạt của mình nên người Việt Nam tin rằng tất cả sự giàu sang, hạnh phúc đến với họ đều *Nhờ Trời* mà có, hoặc do *Trời Thương Mà Ban Cho*. Người Việt Nam luôn luôn nuôi nhiều hy vọng, nhiều mong ước mà họ dư hiểu rất khó thành tựu vì họ dư biết rằng *Người Muốn Nhưng Trời Định*. Ngoại trừ một số lẻ tẻ những kẻ *Trời Đánh Thánh Vật*, thiếu niềm tin nơi Thượng Đế nên thường có lắm hành động xấu xa chớ phần đông người Việt Nam thường tin vào đức độ vô biên của ông Trời nên trong mọi mong ước, họ luôn luôn *Cầu Trời Cho* hay *Lạy Trời Cho*.

Lạy Trời mưa xuống,
Lấy nước tôi uống
Lấy ruộng tôi cày . . . .

Hay là:
Nhờ Trời hạ kế sang đông,
Làm nghề cày cấy vun trồng tốt tươi.

hoặc:
Tháng năm gặt hái đã xong,
Nhờ Trời một mẫu năm nong thóc đầy.

Cho rằng tất cả phong phú trên địa cầu đều là *Của Trời* cả cho nên dầu do chính mình chịu khó, chịu nhọc cần cù làm việc để đạt một sự phong phú nào đó thì người Việt Nam cũng nghĩ rằng đó là *Của Trời Cho*, vì vậy tiền nhân người Việt Nam thường khuyên đám hậu duệ rằng không nên gian manh vơ vét của người hoặc làm ăn bất chính vì *Tham Của Trời Sao Được*.

Vì có niềm tin rằng *Trời Thấy Hết, Biết Hết* nên trong mọi sinh hoạt vật chất hay tâm linh, người người thường khuyên nhau tu nhân tích đức để:

Địa sinh tài, thế nghiệp quang huy,
Thiên trí phúc, gia thanh hiên thái.
(Đất sinh tài, nghiệp đời xán lạn.
Trời ban phúc, nhà tiếng tốt tươi) .

Tin tưởng mạnh mẽ nơi ông Trời như thế, nên trong mọi hứa hẹn, thề thốt, con người thường đem Trời ra làm chứng. Hứa hẹn với người yêu, chàng trai cũng Nhờ Trời Chứng Giám:

Trên Trời có đám mây xanh,
Ở giữa mây trắng xung quanh mây vàng.
Ước gì anh lấy được nàng,
Thì anh mua gạch Bát Tràng về xây....

Khi đã yêu, giai nhân cũng mạnh dạn thề thốt:
Trời cao đất rộng,
Em vọng lời nguyền,
Đất Trời còn đó, em giữ tuyền thủy chung.

Hoặc là:
Dầu mà cỏ mọc lên Trời
Sao sa xuống đất cũng không rời nợ duyên.

Kim Trọng và Thúy Kiều yêu nhau cũng đem ông Trời ra làm đối tượng để thề thốt:
Khuông thiêng dù phụ tấc thành,

Cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời.

Điều đáng lưu ý là có lẽ nước Việt Nam qua các đời thường bị đắm chìm trong chinh chiến binh đao, dân Việt Nam thường gặp cảnh cơ hàn, va chạm nhiều khó khăn hay phải chịu đựng lắm cảnh phũ phàng nên trong thi ca không thiếu gì những lời oán trách ông Trời. Nhìn lại sự tang thương của thành cổ Thăng Long, Bà Huyện Thanh Quan cũng trách:

Tạo Hóa gây chi cuộc hý trường .....

Vương Ông, cha của Thúy Kiều, lúc bị cáo oan, cũng chỉ biết hướng về ông Trời:

Nỗi oan những muốn vạch Trời kêu lên.

Hoặc than rằng:

Trời làm chi cực mấy Trời !
Bởi ai vui thú cho người hợp tan !

Thúy Kiều cũng hướng về ông Trời mà than thở:

Phụ phàng chi mấy Hóa Công,
Ngày xanh mòn mỏi, má hồng phôi pha.

Người thiếu nữ lấy phải người chồng bất xứng cũng đành than:

Trời kia có thấu chăng Trời
Lụa đào mà vá áo tơi sao đành.

Thi sĩ Trần Tế Xương thi Hương hoài mà không đậu cũng bực mình muốn:

Bắc thang lên hỏi ông Trời
Trêu ghẹo người ta thế nữa thôi ?

Đường công danh chưa toại, nhà thì quá nghèo, vợ phải cực khổ tần tảo nuôi chồng nên ông đã có lúc có ý nghĩ táo bạo:

Lúc túng toan lên bán cả Trời.

Sống trong một xã hội hỗn độn, thối nát, đầy bất công, thay vì tỏ sự bất mãn với chế độ, thi sĩ cũng chỉ biết trách Trời:

Trời sao Trời ở bất công,
Kẻ ăn không hết người mần không ra.

Có lắm lúc thi sĩ ví trời như đứa trẻ tinh nghịch lấy nghịch cảnh của người đời làm thú vui cho mình:

Trẻ tạo hóa đành hanh quá ngán,
Chết đuối người trên cạn mà chơi.
(Ôn Như Hầu)

Hóa nhi sao khéo nỡ lòng
(Nguyễn Du)

Trách Trời chưa đủ đã có kẻ còn dựa danh Trời để nói khoát:

Xưa kia ta ở trên Trời,
Đứt dây rớt xuống làm người trần gian.

Như thế có thể kết luận rằng dầu thời xưa hay thời nay, ông Trời giữ một vai vế quan trọng đời sống của người Việt Nam. Ông Trời đối với họ là tối thượng, là toàn năng, có thể hướng dẫn họ, giúp đỡ họ, phù hộ cho họ trong cuộc sống nhưng đôi khi trớ trêu thay họ cũng cần có sự hữu hiện của Ông Trời để ông nhận lãnh những lời trách móc của họ khi chính họ gặp phải những bất lợi, những tình cảnh phũ phàng, thậm chí đến một anh chàng dại gái cũng muốn:

Bắc thang lên hỏi Ông Trời
Tiền đưa cho gái có đòi được không ? •

Khái lược về sự phát triển của tiếng Việt Nam

(Tiếp theo trang 60)

Mãi đến đời Tây Sơn, tiếng Việt Nam mới được xem là ngôn ngữ chính thức và chữ Nôm được xem là văn tự quốc gia. Khi viết chiếu cầu hiền La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiệp, Nguyễn Huệ không dùng chữ Hán mà lại viết bằng chữ Nôm. Dưới triều đại Nguyễn Huệ, mọi chiếu chỉ văn thư của triều đình đều dùng chữ Nôm. Nhà cầm quyền thời đó còn lợi dụng thi ca bằng chữ Nôm làm lợi khí giáo dục. Tiêu biểu là tác phẩm *Đại Nam Quốc Sử diễn ca*.

Tiếc thay về sau triều đình nhà Nguyễn lại quay trở lại sử dụng chữ Hán như là văn tự quốc gia. Nhưng chữ Nôm và tiếng mẹ đẻ vẫn được dân chúng bảo vệ.

Từ cuối thế kỷ 17, sự hình thành của chữ quốc ngữ đã giúp nhiều vào công việc cải thiện tiếng nói mẹ đẻ rất nhiều.

Từ tháng 6 năm 1945, tiếng mẹ đẻ được xem như là ngôn ngữ chính thức của dân tộc Việt Nam và chữ quốc ngữ được nâng lên hàng văn tự quốc gia.

Tiếng Việt Nam hiện đại nhờ lối viết La-tinh, nhờ cấu trúc đơn âm, nói sao viết vậy, ngữ pháp lại giản dị với cú pháp tự nhiên thêm cách phát âm Việt Nam chủ yếu lại như cách đọc La-ngữ.

Đến ngày nay tiếng Việt Nam có đủ từ để chỉ từng vật, từng việc, có thể được dùng để diễn tả bất kỳ tư tưởng cao siêu nào, bất cứ tình cảm tế nhị nào hoặc trình bày bất cứ kiến thức khoa học phức tạp và hiện đại nào. Nhiều từ tiếng Việt Nam rất khái quát, có thể có nhiều ý nghĩa. Ngoài hàng chục vạn từ sẵn có, tiếng Việt Nam còn có hàng ngàn thành ngữ, tục ngữ do đó làm sao có thể không công nhận sự phong phú của tiếng nói này được ?

Nhiều nhà ngôn ngữ học danh tiếng thế giới có dịp nghiên cứu tiếng nói của người Việt Nam hiện nay đều đồng thanh công nhận đây là một trong những ngôn ngữ tiến bộ nhất thế giới. Nhà ngôn ngữ học Frey le Col còn cho ấn hành một sách nhan đề là „*L'Annamite, mère des langues*" để tán tụng khả năng của ngôn ngữ này.

Người Việt Nam ở hải ngoại nên hiểu như là một di sản quí báu mà Tổ Tiên lưu lại nên mọi người đều có trách nhiệm bảo tồn tiếng nói này của dân tộc. Con cháu chúng ta phải nói thông thạo tiếng mẹ đẻ vì thiếu hẳn tiếng mẹ đẻ, bà con hay đồng hương trở thành như người xa lạ khác quốc tịch. Từ đó phong tục, tập quán, văn hóa dân tộc lần lượt đi vào quên lãng, con cháu chúng ta trở thành mất gốc ./.

Đôi nét về HÀN MẠC TỬ

(1912 – 1940)

Lời Tòa Soạn: Để kỷ niệm 100 năm sinh của Hàn Mặc Tử, chúng tôi xin giới thiệu với độc giả bài „Đôi nét về Hàn Mặc Tử" của Tường Lam - cây bút quen thuộc của báo Viên Giác, viết về Hàn Mặc Tử- một hiện tượng thi ca lỗi lạc, một nhà thơ tài hoa mệnh bạc, một nỗi đau bất tận vì cơn bịnh ngặt nghèo, một cái chết cô đơn và cũng là một đóng góp sáng ngời trong việc hiện đại hóa nền thi ca lãng mạn Việt Nam.

(Viên Giác)

„ Tôi đã sống mãnh liệt và đầy đủ. Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn. Tôi đã phát triển hết cả cảm giác của Tình yêu. Tôi đã vui, buồn, giận, hờn, đến gần đứt sự sống".

(di bút) **Hàn Mặc Tử**

Hàn Mặc Tử tên thật là Nguyễn Trọng Trí, sanh ngày 22.9.1912 tại làng Lệ Mỹ, gần cửa biển Nhật Lệ, thị xã Đồng Hới tỉnh Quảng Bình, là người con thứ tư trong một gia đình gồm có tám anh chị em. Gia đình theo Thiên Chúa giáo thuần thành. Sau khi chịu phép Thánh tẩy ông được đặt tên Phanxicô Assisi.

Thân phụ là Nguyễn văn Toản, thân mẫu là Nguyễn Thị Duy gốc Thanh Hóa, ông cụ là một nhà Nho nên đã chọn Ngũ thường: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín của Khổng giáo để đặt tên cho con với ước mong chúng sẽ bước theo vết chân của các bậc thánh hiền; ba người con trai sau: Hiếu, Hiền, Thảo, trọng đạo làm con. Ông làm công chức ngành thương chánh (quan thuế), phải thuyên chuyển nhiều nơi có cửa khẩu, nên việc học của các con ông không được ổn định vì phải thay đổi nhiều trường. Năm 1929 thân phụ Nguyễn Trọng Trí qua đời, gia đình từ Quảng Ngãi dời về Quy Nhơn ở cùng người anh cả là Nguyễn Bá Nhân bút danh Mộng Châu, làm thầu khoán. Nguyễn Trọng Trí bút hiệu Minh Duệ Thị, cả hai anh em cùng yêu văn thơ nên thường xướng họa với nhau trong các dịp nghỉ hè. Thời ấy Hàn Mặc Tử còn chuyên làm thơ Đường luật.

Đàn Nguyệt

Hỏi chơ mấy tuổi? Đáp mười lăm.
Non nước từng phen nổi tiếng tăm.
Bạc mạng đàn chơi đau nửa kiếp,
Đồng tâm tơ buộc chặt quanh năm.
Chường mình trước án trông đầy đặn,
Nép mặt trong hoa nói thĩ thầm.
Mười khúc đoạn trường say chưa tỉnh,
Thuyền ai thấp thỏm muốn ôm cầm.

Năm 1928-1930 Nguyễn Trọng Trí theo học trường Pellerin (Bình Linh) ở Huế, thường có dịp giao tiếp và xướng họa với cụ Phan Bội Châu, được cụ đề cao thi tài, cũng vì thế mà Pháp không cấp học bổng cho Nguyễn Trọng Trí.

Đến đây xin nói qua về bút danh của cố thi sĩ: Nguyễn Trọng Trí làm thơ từ năm mười sáu tuổi, lấy bút hiệu là Minh Duệ Thị, sau lấy bút hiệu là Phong Trần trong Lệ Thanh thi tập thời gian còn làm thơ Đường luật. Đến năm 1936, khi báo Công Luận thêm phụ trương phụ nữ, Sàigòn báo ra phụ trương văn hóa, Nguyễn Trọng Trí mới đổi bút hiệu là Hàn Mạc Tử, có nghĩa là chàng trai đứng sau bức rèm trống trải và lạnh lẽo. Sau đó bạn bè gợi ý ông nên vẽ thêm mặt trăng khuyết vào bức rèm lạnh lẽo đó, để lột tả cái cô đơn của con người trước thiên nhiên vũ trụ. Mặt trăng khuyết được đặt vào chữ Mạc thành chữ Mặc. Hàn Mặc Tử có nghĩa là chàng trai trầm mặc, nặng nợ với bút nghiên (theo Bách Khoa Toàn Thư).

Năm 1930-1931. Sau khi người anh cả là Nguyễn Bá Nhân qua đời vì tai nạn, Nguyễn Trọng Trí phải bỏ học, trở về Quy Nhơn giúp đỡ mẹ và các em. Trong thời gian chưa kiếm được việc làm, ông tạm ở nhà đọc sách, làm thơ, và Trời không phụ lòng người con có hiếu, năm ấy ông được trao giải thưởng đầu tiên về thơ với bút hiệu Phong Trần.

Mối tình đầu của Hàn Mặc Tử chớm nở vào năm 1932 khi ông đúng hai mươi tuổi, với cô láng giềng đài các, kiêu sa. Nàng tên Hoàng Thị Kim Cúc (Hoàng Cúc) theo cha mẹ vào Quy Nhơn từ nhỏ, nàng vẫn giữ được nét dịu dàng kín đáo của một cô gái Huế, nên tuy hai nhà chỉ cách nhau bờ giậu nhưng vẫn „ngàn trùng" xa cách! Giai nhân đầu tiên này chỉ thoáng qua trong cuộc đời thi nhân, cũng đủ làm cho chàng ngẩn ngơ mơ tưởng, tiếc thay đó chỉ là mối tình đơn phương. Hàn Mặc Tử chỉ bày tỏ mối tình này cùng một người bạn thơ là Hoàng Tùng Ngâm. Ít lâu sau Hoàng Cúc theo gia đình trở về Vĩ Dạ / Huế. Thi sĩ đau khổ với mối tình câm nhưng vẫn mong có ngày gặp lại giai nhân đâu đó, và hy vọng biết đâu số Trời sẽ xe duyên tình đầu.

Sau khi viết xong tập thơ Gái Quê, chàng vội vàng mang ra Huế để mong có dịp trao tặng Hoàng Cúc, nhưng đến nơi chàng chỉ e thẹn lấp ló trước cổng nhà hồi lâu rồi lặng lẽ ra đi. Về lại Quy Nhơn nhà thơ cho xuất bản tập Gái Quê vào năm 1936, cuối năm ấy Hàn Mặc Tử lại mang tập Gái Quê ra Huế dịp Hội Chợ Tết, tặng cho bạn thơ là Hoàng Tùng Ngâm, em họ của Hoàng Cúc, nhưng không tặng cô.

Năm 1939 khi bệnh của nhà thơ đã trở nặng, Hoàng Tùng Ngâm mới cho Hoàng Cúc biết mối tình câm của Hàn Mặc Tử làm cho nàng phải chạnh lòng, liền gửi một tấm bưu ảnh cố đô Huế, gồm có: con đò, dòng sông, khóm trúc… Phía sau có dòng chữ thăm hỏi và chúc sức khỏe, nhưng không ký tên, không đề ngày, tháng, năm do cậu em chuyển đi. Sau đó vào tháng 11.1939 Hoàng Cúc nhận được, vẫn do cậu em chuyển lại, bài thơ chép tay dưới tựa đề chính xác: „**Ở Đây Thôn Vĩ Dạ**"* *(Đặng Tiến, 02.8.2012).* Bài thơ tuyệt bút do thi sĩ đa tình đã cảm tác.

Đây Thôn Vĩ Dạ *

Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.
Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Gió theo lối gió, mây đường mây,
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay…
Thuyền ai đậu bến sông Trăng đó,
Có chở trăng về kịp tối nay?

Mơ khách đường xa, khách đường xa,
Áo em trắng quá nhìn không ra…
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh,
Ai biết tình ai có đậm đà?

(* Trong 2 sách tham chiếu bên dưới đều ghi là Vỹ Giạ)

Bà Hoàng Thị Kim Cúc (1913-1989) là một cư sĩ Phật giáo, sống tại Huế, hy sinh trọn đời độc thân cho Phật sự và sự nghiệp giáo dục, qua đời tại Huế sau một tai nạn lưu thông *(Đặng Tiến 02.8.2012).*

Hàn Mặc Tử là một trong những nhà thơ tiên phong cách tân thơ Việt ngữ. Nhiều người đề cập đến cuộc đời bất hạnh của ông đã khiến ông cất lên những bản thi ca tuyệt vời, nhưng ít ai bàn đến những đóng góp lớn lao của ông về việc hiện đại hóa nền thi ca Việt Nam. *GÁI QUÊ* xuất bản vào năm 1936 là tập thơ đầu tiên của ông đánh dấu việc chuyển hướng từ phong trào thơ cũ sang thơ mới, trong đó có nhiều bài diễn tả những mối tình kín đáo, dịu dàng, mơ mộng, gởi gắm tình yêu trong gió, trăng, xuân, hạ, liễu, dương… của người con trai đa tình mà không dám nói ra.

Trong bài Đề tựa tập *GÁI QUÊ*, Phạm Văn Ký, thi sĩ mà cũng là nhà phê bình văn học thời bấy giờ đã viết:

… Trong tập thơ Gái Quê nhiều bài có âm điệu rất trẻ trung và mới mẻ, hợp với lối thơ tôi thường ưa. Như bài Tình Quê, tôi có thể nói là tuyệt tác, tuyệt tác về âm điệu. Trong những bài khác tôi có gặp nhiều hình ảnh đầy thi vị.

… Thơ ông Hàn Mặc Tử mới vì thế: Mới vì hình ảnh và mới về âm điệu. Tập Gái Quê còn là những lời mơ mộng của một thi sĩ trẻ tuổi, hăng hái và vội vàng yêu đời, yêu sắc đẹp… Thi sĩ cảm một cô gái quê, đẹp theo lối nhà quê, sống theo lối nhà quê mà thi sĩ chỉ thương theo lối nhà quê. Về sau vì một lẽ riêng… thi sĩ không cảm hóa được lòng cô nên cô… đi lấy chồng, thi sĩ đến phải than trong bài:

Em Lấy Chồng

…
Ngày mai tôi bỏ làm thi sĩ
Em lấy chồng rồi hết ước mơ…
Tôi sẽ đi tìm mỏm đá trắng
Ngồi lên để thả cái hồn thơ…

Với tập GÁI QUÊ, ông Hàn Mặc Tử sẽ chiếm một chỗ ngồi rất vững vàng trong làng thơ, và tôi chắc, tương lai còn hứa cho ông nhiều cái rực rỡ nữa.

Phạm Văn Ký
(Cap Saint Jacques/Vũng tàu, Septembre, 1936)

Đặc biệt, Hàn Mặc Tử còn là một nhà thơ theo Thiên Chúa giáo, ông đã diễn tả niềm tin qua sự cảm tạ phò nguy dâng lên **Thánh Nữ Đồng Trinh Maria,** trong lúc tuyệt vọng trước căn bệnh nan y và trong nỗi cô đơn nơi trần thế… Nhà thơ không than khóc buồn phiền cho số phận mà còn dâng lời cảm tạ lên Thánh Nữ Maria:

Maria! Linh hồn tôi ớn lạnh!
Run như run thần tử thấy long nhan,
Run như run hơi thở chạm tơ vàng…
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn trìu mến.

Lạy bà là Đấng tinh tuyền thánh vẹn
Giàu nhân đức, giàu muôn hộc từ bi,
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơn lậm lụy vừa trải qua dưới thế.

Tôi cảm động rưng rưng hai hàng lệ:
Dòng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ.
Bút tôi reo như châu ngọc đền vua;
Trí tôi hớp bao nhiêu là khí vị…

Và trong miệng ngậm câu ca huyền bí,
Và trong tay nắm một nạm hào quang…

Trong văn xuôi Hàn Mặc Tử đã ca tụng Thiên Chúa:

Lạy Chúa Trời tôi! Hãy ban cho tôi hằng hà sa số là ơn lành ơn cả… Thơ tôi sẽ rất no, rất ớn, rất nư, trọng vọng như tài hoa, cao sang như nhân đức, chói chan vô vàn phước lộc…

Loài người hãy tận hưởng một hơi cho đã ngán và cao rao danh Chúa cả sáng. Và loài người hãy cám ơn Thi nhân đã đổ hết bao nhiêu nguồn máu lệ, đã từng uống mật đắng cay trong khi miệng vẫn tươi cười sốt sắng…

Hãy cầu nguyện bằng trăm kinh mây gió …

Hãy dâng cho một tràng chuỗi trăng sao …

Thi nhân sẽ vừa say sưa, vừa điên cuồng, ọc ra từng búng thơ sáng láng, phương phi như một mùa XUÂN NHƯ Ý.

Viết tại Quy Nhơn trong một ngày rất say, rất i, rất nhớ, rất thương.

(Hàn Mặc Tử)

Năm 1932-1933 Hàn Mặc Tử làm thư ký sở Địa Chánh tại Quy Nhơn, thời gian này đã đưa đến mối tình thứ hai mà cũng là mối tình gây đau khổ nhất trong cuộc đời tình ái của Hàn Mặc Tử là Mộng Cầm. Tên thật là Huỳnh Thị Nghệ, cháu gọi nhà thơ Bích Khê là cậu. Trong bài phỏng vấn của Châu Hải Kỳ, Mộng Cầm thú nhận:

Năm 17 tuổi bà đã làm thơ, một số bài được đăng trên báo Công Luận vào năm 1933, từ đó có liên lạc thư từ với Hàn Mặc Tử. Trên đường vào Sàigòn làm việc, nhà thơ có ghé lại Phan Thiết thăm bà, khoảng tháng 4/1934, và sau đó thường có dịp ghé thăm.

Hai bên đi đến giao du thân mật, mỗi lần nhà thơ có dịp về Quy Nhơn thăm gia đình đều ghé lại Phan Thiết thăm bà. Mối tình thơ mộng kia kéo dài được gần hai năm, để lại nhiều kỷ niệm đẹp ghi dấu trên nhiều bài thơ trong những đêm trăng huyền ảo ở Mũi Né, nơi Mộng Cầm đang học nghề y tá.

Sáng Láng

Ngân đã im lìm không tiếng sóng.

Mà lòng anh rào rạt mãi không thôi!
Ở tầng cao khúc Nghê Thường đồng vọng!
Nghe gì đâu em hỡi! ráng mây trôi.

Anh đã thoát hồn anh ngoài xác thịt,
Để chập chờn trong ánh sáng mông lung,
Để tìm em đưa hai tay ràng rịt
Mảnh tình thiêng ngả ngớn giữa không trung.

Anh đã gặp hồn em đang chới với,
Bến Mê hà trên dãy nước mênh mang.
Anh đã đón tình em bay phất phới,
Như hương trăng đằm thắm cõi không gian.
Chúng ta biến, em ơi, làm thanh khí.
Cho tan ra hòa hợp với tinh anh
Của trời đất, của muôn vàn ý nhị,
Và tình ta sáng láng như trăng thanh.

Chính Mộng Cầm đã hiến cho thi nhân những ngày dài hạnh phúc, nhưng cũng chính Mộng Cầm đã gây cho thi nhân một nỗi buồn tuyệt vọng, nàng đã quên lời thề dưới ánh trăng xưa, để vội vàng cất bước sang ngang khi chàng lâm bệnh chưa đầy một năm. Cái tin Mộng Cầm đột ngột vu quy đã làm cho Hàn Mặc Tử đau đớn, tê tái, điên i mà phải thốt lên:

Họ đã xa rồi khôn níu lại
Lòng thương chưa đã, mến chưa bưa.
Người đi một nửa hồn tôi mất,
Một nửa hồn tôi bỗng i khờ.
(Những Giọt Lệ)

Muôn Năm Sầu Thảm
Nàng hỡi nàng! Muôn năm sầu thảm
Nhớ thương còn một nắm xương thôi!
Thân tàn ma i đi rồi,
Rầu rầu nước mắt, bời bời ruột gan.

Nghe hơi gió ôm ngang lấy gió,
Tưởng chừng như trong đó có hương
Của người mình nhớ mình thương…
Nào hay gió tạt chẳng vương vấn gì.

Nhớ lắm lúc như si như i,
Nhớ làm sao bải hoải tay chân!
Nhớ hàm răng, nhớ hàm răng,
Mà ngày nào đó vẫn khăn khít nhiều.

Dẫu đau đớn vì điều phụ rẫy,
Nhưng mà ta không lấy làm điều.
Trăm năm vẫn một lòng yêu,
Và còn yêu mãi rất nhiều, em ơi…

Người thứ ba trên bước đường tình ái gian truân của nhà thơ đa tình là Mai Đình tên thật là Lê Thị Mai. Người con gái ấy vóc nhỏ mình gầy nhưng có một tâm hồn thanh cao tuyệt vời. Mai Đình gốc Thanh Hóa định cư tại Phan Thiết, vì yêu thơ Hàn Mặc Tử, Mai Đình đã trốn nhà tìm gặp cho bằng được người trong mộng. Từ Phan Thiết ra Quy Nhơn, Mai Đình đã nhờ Trần Kiên Mỹ bạn văn của Hàn Mặc Tử đưa đến giới thiệu. Mai Đình yêu thơ Hàn Mặc Tử một cách kỳ lạ, mặc dầu Mai Đình cũng đã khá rõ mối tình đau khổ của Hàn Mặc Tử với Mộng Cầm. Trong hoàn cảnh cô đơn, Hàn Mặc Tử rất cảm kích trước mối tình của Mai Đình, nhưng lúc đầu Hàn Mặc Tử nghĩ rằng đó cũng chỉ là một mối tình vô vọng. Về sau, trước tấm lòng vị tha của Mai Đình, Hàn Mặc Tử đã đáp lại mối tình ấy bằng cách để cho Mai Đình săn sóc cơm nước mỗi lần đến thăm, lúc đó bệnh phong hủi đã và đang từng ngày hành hạ. Những mảng ửng đỏ trên gò má, lông mi rụng hết trên đôi mắt đã không làm cho Mai Đình xa lánh, vẫn một lòng an ủi săn sóc. Thời gian gần gũi chưa được bao lâu thì phải giã từ người mình ngưỡng mộ thi tài, vì lý do cấm đoán của cha mẹ.

Mai Đình làm thơ hay, có gia đình hạnh phúc, trong nhà bà tại Sàigòn vẫn có bàn thờ Hàn Mặc Tử *(Đặng Tiến, 02.8.2012).*

Những tháng ngày đau khổ cuối đời của thi nhân còn có hai mối tình hư ảo:

Ngọc Sương là chị của nhà thơ Bích Khê, là dì của Mộng Cầm. Ngọc Sương xuất hiện với tâm tình người chị muốn an ủi người bạn chân tình trong những giờ phút tuyệt vọng. Liệu người chị gái có bù đắp nổi từng mảnh đau đang ngày đêm rơi rụng từ tâm hồn đến thể xác Hàn Mặc Tử? Hay nàng lại khiến Hàn Mặc Tử nhớ tới người tình phụ bạc đã từng làm cho thi nhân ngày đêm đau khổ?

Một ngày kia nằm trong túp lều bên bờ biển Quy Hòa, Hàn Mặc Tử nhận được một phong thư, tên người gửi là Thương Thương, nội dung bày tỏ tấm lòng của một nữ sinh Huế qua những bài thơ, cảm tác tài mệnh tương đố của nhà thơ trẻ. Đây là mối tình tưởng tượng do bạn là nhà thơ Trần Thanh Địch dựng nên, lấy tên Thương Thương của cô cháu gái mười lăm tuổi, ông làm thơ như người tình an ủi Hàn Mặc Tử khi Hàn Mặc Tử đã bệnh nặng vào năm 1939. Mối tình tưởng tượng này đã làm Hàn Mặc Tử say đắm hình ảnh Thương Thương trong mộng, và gây cảm hứng cho Hàn Mặc Tử viết tập thơ, lúc đầu có tựa đề Thương Thương, sau đổi thành Cẩm Châu Duyên, gồm một số bài thơ và hai vở kịch thơ: Duyên Kỳ Ngộ và Quần Tiên Hội. Duyên Kỳ Ngộ diễn tả mối tình tha thiết giữa thi nhân và giai nhân trong mộng, rồi đến lúc cũng phải chia ly. Hàn Mặc Tử lại thêm một lần đau khổ! Vở kịch Quần Tiên Hội là tác phẩm dài cuối cùng này nửa chừng đã ngưng lại, do lời yêu cầu của gia đình cô gái: ngưng sử dụng tên cô *(Đặng Tiến, 10.7.2012).*

Năm 1940 bệnh tình nguy kịch, gia đình đưa nhà thơ vào bệnh viện Quy Nhơn ngày 8 tháng 9, rồi từ đó mới chuyển vào trại phong cùi Quy Hòa. Đây là năm cuối đời của Hàn Mặc Tử, định mệnh tàn bạo đã giẫm nát hình hài của nhà thơ vẫn số. Theo lời kể của ông Nguyễn Văn Xê, một nhân viên y tá làm việc ở trại phong Quy Hòa:

Nguyễn Trọng Trí nhập viện vào ngày 20.9.1940 khi bệnh đã quá nặng. Bệnh nhân Nguyễn Trọng Trí lưu lại điều trị tại bệnh viện Quy Hòa vỏn vẹn có 51 ngày. Khi nhập viện bác sĩ chẩn đoán: "bệnh phung hủi nhiều vi trùng". Sau khi chết bệnh án ghi thêm: „nhưng chết không phải vì phung hủi mà vì bệnh kiết lỵ trực tràng". Bác sĩ chích thuốc điều trị, bệnh tình không thuyên giảm, trái lại cơ thể suy sụp nhanh hơn". Nguyễn Trọng Trí chuẩn bị cho mình một cái chết thanh thản. Sau khi được Linh mục Tuyên úy xức dầu thánh và cho rước lễ vào ngày 10.11.1940, Trí tỉnh táo đọc cho tôi 2 địa chỉ cần báo tin sau khi Trí chết:

- Trần Thanh Mại - Huế

- Quách Tấn - Nha Trang

Riêng về gia đình thì Nguyễn Trọng Trí nói: „em Hành sẽ vào (người mang cơm và thức ăn cho Trí) dĩ nhiên là mẹ và gia đình tôi tất biết".

Sáng ngày 11.11.1940 Nguyễn Trọng Trí vĩnh viễn từ giã cõi đời ở tuổi 28. Thi hài của nhà thơ được mai táng ngay buổi chiều ngày hôm đó, tại nghĩa trang của bệnh viện; gia đình không được thông báo. Sau ba ngày anh Hành mang thịt kho tiêu vào mới biết Nguyễn Trọng Trí không còn nữa. Ngày hôm sau mẹ và chị Như Lễ vội vã vào Quy Hòa trong một buổi chiều mùa đông giá lạnh, bên nấm mồ còn tươi mới người mẹ lả đi vì khóc con, người chị xót thương đứa em trai tài ba xấu số.

Mộ phần Hàn Mặc Tử được cải táng, dời về Gành Ráng Quy Nhơn năm 1959. Trùng tu năm 2008. *(Đặng Tiến 10.7.2012)*

Hàn Mặc Tử yên nghỉ trên đỉnh Gành Ráng gần thành phố Quy Nhơn, bên những dãy núi trùng trùng điệp điệp trên bờ biển đông xanh ngắt. Mộ phần nhà thơ nay đã trở thành địa chỉ du lịch, là điểm hẹn của khách hành hương yêu thơ và ngưỡng mộ chàng thi sĩ thiên tài nhưng vắn số.

Tường Lam

(dip kỷ niệm 100 năm sinh của cố thi nhân)

Tài liệu tham khảo:

- Thơ Hàn Mặc Tử in lần thứ hai. Hương Đất Nước - TÂN VIỆT 1959
- Thơ Hàn Mặc Tử GÁI QUÊ nhà in Phương Nam 2012
- Tản mạn trên mạng một số bài về Hàn Mặc Tử

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin đến quý thân bằng quyến thuộc và bạn hữu xa gần: Mẹ, Bà ngoại, Bà nội, Bà cố của chúng tôi là :

Cụ Quả Phụ PHẠM TÙNG
Nhũ danh NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH
Sinh ngày 12.01.1923 tại Huế
Đã từ trần ngày 03.11.2012 lúc 4 giờ sáng, nhằm giờ Sửu ngày 20 tháng 9 năm Nhâm Thìn tại Braunschweig.
Thượng thọ 90 tuổi.

Tang lễ đã được cử hành ngày 11.11.2012 tại Braunschweig dưới sự chủ trì của Đại Đức Thích Hạnh Lý.

Mẹ, Bà của chúng con cả một đời hiền lương thục đức, tận tụy hy sinh: tấm gương sáng đó chúng con nguyện suốt đời ghi tạc. Hình bóng dịu hiền của Mẹ, của Bà sẽ sống mãi trong lòng yêu thương và kính ngưỡng của chúng con.

Gia đình chúng tôi/chúng con chân thành cảm tạ và tri ân:

-Hòa Thượng Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác.

-Đại Đức Thích Hạnh Giới, Trụ Trì chùa Viên Giác.

-Đại Đức Thích Hạnh Lý, cùng chư tôn đức Tăng Ni chùa Viên Giác.

-Cộng đồng người Việt tại Braunschweig. Đặc biệt cảm ơn các em: Lâm Cẩm Long, Lý Bính Hiền, Cúc Phương, Trúc Phương, Hải Hồng.

-Quý thân bằng quyến thuộc và toàn thể quan khách đã hiện diện trong tang lễ; đã tụng niệm, phân ưu và tận tình giúp đỡ gia đình chúng tôi/chúng con trong lúc tang gia quá đau buồn.

Kính xin quý vị niệm tình tha thứ mọi sơ sót không tránh khỏi.

Tang gia đồng kính bái

Đại diện Tang gia

Trưởng Nữ: Phạm Thị Phương Nguyên

CON XIN VĨNH BIỆT MẸ HIỀN

Môi trường và phát triển bền vững

•Thái Công Tụng

1. Nhập đề

Môi trường là gì? Nó bao gồm các yếu tố tự nhiên (như đất, nước, không khí…) và yếu tố vật chất nhân tạo (như nhà máy, đập nước, cơ xưởng…) ở xung quanh sinh vật, có tác động trực tiếp, gián tiếp hoặc tác động qua lại tới sự tồn tại, sinh trưởng, phát triển của sinh vật. Những vấn đề cấp bách về môi trường cần phải đối phó hàng ngày như ô nhiễm nước, ô nhiễm tiếng động, ô nhiễm không khí, trong một khung cảnh đất hẹp, người đông đã tạo nên sức ép trên tài nguyên thiên nhiên. Khung cảnh sống thay đổi. Những danh từ mới về khoa học môi trường đua nhau xuất hiện như **sinh khối** (biomass), **kiểu sinh học** (biotype), **sinh cảnh** (biotope), **quần xã sinh vật** (biome), **hệ sinh thái** (ecosystem), **ổ sinh thái** (ecological niche), **dấu chân sinh thái** (ecological footprint), **đa dạng sinh học** (biodiversity), **bền vững** (sustainability), **lỗ hổng ozon** (ozone hole), **sự sưởi ấm toàn cầu** (global warming), **tái chế biến** (recycling) v.v…

Các vấn nạn môi trường có tính cách chung cho toàn thế giới: các nước giàu có thì tiếng động, mưa acit, khí nhà kiếng; các nước nghèo, chậm phát triển thì phá rừng, nhân mãn; tóm lại với hành tinh càng ngày càng nhỏ bé và không còn hành tinh nào khác ngoài Trái Đất có điều kiện sinh sống nữa, con người nhận ra là bảo vệ môi trường là việc chung của nhân loại. Vào năm 1992, tại Rio, nhiều xứ họp lại để ký bản thỏa ước về bảo vệ tài nguyên trên trái đất, sau đó tại Kyoto lại họp bàn về giới hạn các sự phát thải các khí độc trên bầu trời.

Các tổ chức bảo vệ môi trường ra đời, đặc biệt nhất là tổ chức phi chính phủ Green Peace. Rồi ngày Earth Day xuất hiện, trong đó nhiều công dân đứng ra tổ chức vận động các chính phủ khuyến cáo các nhà lãnh đạo về năng lượng sạch (mặt trời, gió...), tiết kiệm năng lượng, phát triển bền vững.

2. Môi trường như một hệ thống mở

Khác với các hệ kín trong cơ học và vật lý, hệ thống môi trường nói riêng và các hệ thống nhân văn nói chung đều là những hệ thống mở (open system) nghĩa là có các tương tác với bên ngoài, qua những trao đổi các dòng chảy (flux) vật chất, năng lượng và thông tin. Hệ thống có đầu vào (input), đầu ra (output) và các vòng phản hồi (feedback). Đầu vào, còn gọi là các dữ kiện, là do hậu quả các tác động của môi trường trên hệ thống, còn đầu ra tức các kết quả là do tác động của hệ thống trên môi trường. Môi trường gồm những hệ thống nhỏ cấu tạo nên (thủy văn, khí hậu, thổ nhưỡng, thực vật..) và lại là thành phần cấu tạo của những hệ thống lớn hơn trong đó ta phải kể đến xã hội, kinh tế, chính trị, giáo dục v.v… và trong mỗi hệ thống này lại có những hệ thống phụ đan xen và tác động lên nhau. Vì có những tương tác như vậy nên cái toàn thể không giống tính chất của từng yếu tố hợp thành và cũng không phải là con số cộng của các yếu tố đó. (*The whole is more than the sum of its parts*). Sau đây ta thử điểm qua vài hệ thống có tác động trên môi trường.

2.1- môi trường và dân số

Dân số Việt Nam vào năm 2000 là 80 triệu. Theo thống kê, vào thời điểm 1999, dân số mỗi năm tăng 1,65%. Dù đã giảm nhiều từ 3% vào đầu thập niên 90, nhưng với nhịp tăng gia như vậy có nghĩa là cứ mỗi 42 năm, dân số sẽ tăng xấp đôi.

Vì diện tích đất đai không thay đổi nên mật độ dân số tăng lên rất nhanh. Năm 1921, chỉ 47 người/km2 thì nay đã 235 người/km2, đứng thứ 15 trên thế giới về mật độ dân số. Đến nay, tuy tỷ lệ sinh đã giảm từ 3,8 con xuống còn 2,3 con nhưng trong 10 năm tới, dân số Việt Nam vẫn tăng thêm trung bình 1 triệu người mỗi năm (*Nguồn: Ủy Ban Dân số).*

Riêng về đồng bằng sông Hồng với 11 tỉnh và diện tích tự nhiên là 1.478.256 ha, chiếm 4,46% diện tích đất cả nước nhưng dân số lại chiếm khoảng 22% dân số cả nước thì mật độ dân số lại càng rất cao với 1.124 người/km2.

Dân số cao với tài nguyên đất đai bị hạn chế đưa đến sử dụng nhiều phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật, gia tăng phá rừng ngập mặn, gia tăng dùng nước sinh hoạt vào mùa khô khiến nước mặn đi sâu vào đất liền vào mùa khô tại khắp các vùng duyên hải từ Bắc chí Nam.

Dân số tăng gây sức ép trên môi trường thiên nhiên như sơ đồ tóm lược dưới đây:

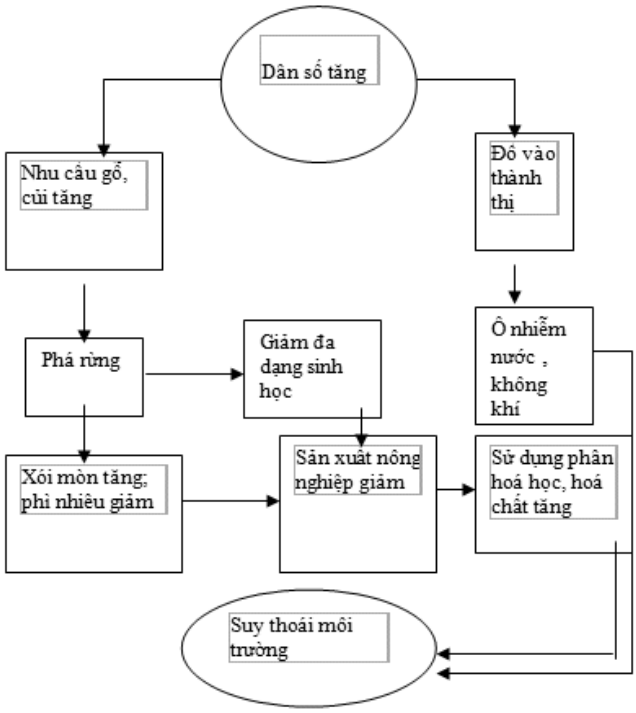

Như vậy, dân số tăng cao có nhiều hiệu ứng ngoại biên.

Nhà thơ Tú Xương trước đây cũng từng viết:

Phố phường chật hẹp người đông đúc
Bồng bế nhau lên nó ở non

- Dân số đông đòi hỏi năng lượng để nấu ăn, để đun nước, để tắm giặt.

- Dân số đông đòi hỏi nhiều nhà máy sản xuất vật liệu để tiêu dùng dùng.

- Dân số đông đòi hỏi xe cộ di chuyển đi làm

- Dân số đông đòi hỏi lương thực mà muốn có lương thực trên đất càng ngày càng ít dần thì phải dùng phân bón và muốn có phân bón lại phải có năng lượng và nguyên liệu từ sản phẩm dầu hỏa và hơi đốt.

Như vậy, có mối tương quan mật thiết giữa dân số và môi trường. Dân số cao quá sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường như sơ đồ ghi trên. Do đó, bảo vệ môi trường là phải kiểm soát sinh đẻ, sinh đẻ có kế hoạch, cần có chất lượng thay vì số lượng. Nhưng **dân số** cũng lại liên hệ đến **dân trí** (trình độ hiểu biết, công dân) và **dân sinh** (nếp sinh hoạt, tăng gia chất lượng cuộc sống). Như vậy bài toán có tính cách đa chiều và giữa dân số, dân trí và dân sinh lại có thêm các quan hệ hữu cơ và tương thuộc lẫn nhau: dân trí cao, nếp sống cao sẽ làm dân số giảm xuống. Nhưng muốn nếp sống cao, thì phải có chương trình thực tế giúp người dân có thể giải quyết các nhu cầu cơ sở như nước uống, thực phẩm, chất đốt. Giáo dục phụ nữ, nâng cao trình độ giáo dục của phụ nữ rất quan trọng cũng cần thiết để giảm dân số.

2.2- môi trường và sức khỏe

Nếu môi trường với đất, nước, không khí bị ô nhiễm thì dĩ nhiên sức khỏe con người cũng bị ảnh hưởng theo. Không khí ô nhiễm thì ta bị dị ứng. Nước ô nhiễm thì ta bị đau bụng.

*** ô nhiễm không khí**

- do ùn tắc giao thông của hàng vạn xe lưu thông trên đường phố. Dân đông nên xa lộ trước kia nay thành như đường phố.

- do khói bụi các nhà máy công nghiệp sắt thép, than đá, xi-măng v.v… Nhiều cơ xưởng xây trước kia ở ngoại ô thì nay do đô thị bành trướng lại nằm ngay trong thành phố tạo nên thêm ô nhiễm không khí. Các nhà máy không có thiết bị lọc bụi. Kèm theo bụi là khí SO2 gây tác động xấu đến sức khỏe con người, gây các bệnh viêm kết mạc, co thắt phế quản, viêm mũi, viêm họng.

*** ô nhiễm nước** do nước thải sinh hoạt con người tại các khu dân cư và nước thải từ các cơ sở công nghiệp chưa được xử lý thường được đổ thẳng vào kinh rạch, sông ngòi. Nhìn chung, có thể nói là các nguồn ô nhiễm bao gồm các nguồn điểm (point source) và diện (non-point source). Các nguồn điểm như hệ thống thoát nước, các kỹ nghệ như chế biến thực phẩm, dệt nhuộm, giấy, làng nghề với đúc đồng, tái chế biến kẽm v.v… còn các nguồn diện bao gồm các hoạt động nông nghiệp, các khu dân cư không tập trung, giao thông trên sông ngòi, các công trường xây dựng. Nước ngầm cũng bị ô nhiễm do sự rửa trôi phân hóa học, thuốc trừ sâu, nước thải sinh hoạt hoặc từ nước rò rỉ từ các bãi rác. Ô nhiễm nước trong sông rạch làm nhiều loại cá chết. Và như vậy số lượng nước có thể sử dụng cho sinh hoạt bị mất đi.

*** ô nhiễm đất.** Vì diện tích đất nông nghiệp càng ngày càng giảm với dân số tăng gia nên nhiều nông dân không có việc làm ở nông thôn, đành phải di dân về các thành phố lớn, chui rúc trong các xóm nghèo, không đủ hạ tầng cơ sở vệ sinh, gây thêm ô nhiễm môi trường với cống rãnh bị ngập, bãi rác không chỗ chứa. Với sự đô thị hóa, rác thải càng ngày càng trở nên trầm trọng vì bãi rác còn gây ô nhiễm không khí và nguồn nước vì nước mưa ngấm vào bãi rác tạo thành nước rò rỉ chứa các yếu tố độc hại gây ô nhiễm môi trường nước ngầm và đất, chưa kể đó là nơi sinh đẻ ruồi muỗi, tăng thêm nguy cơ dịch bệnh thương hàn, dịch tả, lị v.v… Trong nông nghiệp, có thể kể sản phẩm thải bỏ các nhà máy thực phẩm đóng hộp, lò sát sanh, sản phẩm bài tiết của các trại chăn nuôi lớn. Trong công nghiệp, ngoài những rác thải thông thường như bao ny-lông, cao su, thủy tinh, ve chai, đồ kim loại, còn phải kể các rác thải nguy hiểm (hazardous wastes) như các chất dễ cháy, phóng xạ, chất nổ, các rác thải y tế như dây truyền máu, kim chích v.v…

Phân hóa học càng ngày càng được sử dụng nhiều để đảm bảo an toàn lương thực. Nhưng muốn giảm thiểu tác động lên môi trường, phải sử dụng cân đối, đúng lượng, đúng kỳ, hạn chế các tổn thất do bay hơi, rửa trôi.

Thuốc bảo vệ thực vật cũng giúp tăng sản lượng nông nghiệp nhưng nếu sử dụng quá liều lượng sẽ gây nên nhiều hậu quả: cá, tôm, tép trong ruộng bị giảm hẳn, cua, ốc, ếch, nhái, rắn cũng càng ngày càng hiếm. Ô nhiễm các loại thuốc bảo vệ thực vật sinh ra ngộ độc rau cải.

Sau đây là vài hóa chất bảo vệ thực vật:

Chủng loại hoá học, ví dụ:

● Thuốc diệt trùng:

Các hydrocacbon có chất Chlore Aldrin, Chlordane, heptachlor, DBCP, Lân hữu cơ Diazinon, parathion, malathion ethylparathion Cacbamat Carbaryl, carbofuran, dithiocarb, aldicarb

● Thuốc diệt khuẩn: Benzimidazol Benomyl, thiabenzazol Thiocacbamat Ferbam, maneb Triazol, Triadimefon, Bitertanol

Những cái khác: Sulfat đồng

● Thuốc diệt cỏ:

Acid phenoxyalkyl 2,4-D; 2,4 DB; 2,4,5-T; MCPA; MCPB, Triazin Atrazin, Simazin, Propazin, Phenylurea Diuron, Linuron, Bromacil, Cacbamat, Butylat, vernolat, Thiobencarb, Nitrophenol, Dinoseb, Acid aliphatic, Dalapon, Dipyridyl, Paraquat, diquat…

Khi xịt các hóa chất trên cây thì chỉ một phần do cây hấp thụ còn lại bị rửa trôi trong đất, bị các giao chất sét hoặc các giao chất hữu cơ ngoại hấp và đó chính là lý do môi trường đất và nước cũng bị ô nhiễm. Hóa chất bảo vệ thực vật tại các nông dân được bảo quản rất tùy tiện, vứt bao ngoài kinh rạch. Số lượng, chủng loại thuốc bảo vệ thực vật đem ra bán có khi ngoài danh mục, hoặc bán thuốc cấm sử dụng, bán thuốc không đúng quy định. Nông dân thường sử dụng thuốc không đúng quy trình kỹ thuật về liều lượng, về thời gian cách ly gây thêm ô nhiễm môi trường cho đất và nước. Nhiều khi, tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong nông sản hay rau cải đưa đến tình trạng ngộ độc đe dọa đến sức khỏe của người dân.

2.3- Môi trường và du lịch

Việt Nam có nhiều hệ sinh thái rất đa dạng vì có vùng núi, vùng đồi, vùng đồng bằng và vùng biển. Mỗi vùng có những đặc điểm riêng khiến phong cảnh rất đa dạng. Với trên 50 sắc tộc rải rác ở miền núi có những nét đặc thù khác nhau, ta có thể kết hợp du lịch sinh thái lẫn

du lịch văn hóa. Miền biển đa dạng từ vịnh, vũng, rừng ngập mặn, bãi cát dài, san hô v.v… có nhiều điều kiện thuận lợi cho du lịch nghỉ ngơi.

Du lịch giúp tạo công ăn việc làm với hàng loạt dịch vụ kèm theo như ca kịch, chuyên chở, nhà hàng, thủ công nghệ, khách sạn v.v… và như vậy giúp bớt được áp lực dân số trên tài nguyên thiên nhiên, giúp nông dân chuyển nghề nhanh chóng.

Nhưng để có một nền du lịch bền vững thì môi trường cần được bảo vệ nghĩa là kinh rạch, sông ngòi không là nơi vứt bừa bãi mọi thải vật; bãi biển không phải nơi hứng chịu bụi bặm từ các cơ xưởng đóng tàu hay nhận nước thải các ống cống từ thành phố đổ ra; rừng không là nơi với xói lở bào mòn v.v…

2.4- Môi trường và tâm linh

Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện nay như mạng lưới thông tin, như đô thị hóa, như vệ tinh nhân tạo, khiến cho cuộc sống vật chất đầy đủ hơn xưa: điện khí hóa, cơ giới hóa, thông tin liên lạc dễ hơn bội phần nhưng với đô thị hóa như hiện nay, các mối liên lạc giữa người và người vốn bền chặt trong đại gia đình xưa kia càng ngày càng lỏng lẻo. Nhà văn Andrei Makine, có nói văn minh Tây phương hiện nay là một nền văn minh của bản hữu (civilisation de l'avoir) còn văn minh Đông Phương là một nền văn minh của bản thể (civilisation de l'être). Nói khác đi, dù cuộc sống vật chất có đầy đủ trong nền văn minh Tây phương hiện nay nhưng vẫn thiếu một khoảng trống của linh hồn. Nhà thờ, giáo đường hiện nay tràn ngập bởi những vấn nạn như trên. Thất nghiệp, nghiện ngập, xì ke, ma túy ở học đường, tội phạm thiếu nhi, không biết bao nhiêu là vấn nạn xã hội .

Con người trong môi trường đô thị sống trong những cao ốc bê-tông vô danh, đi làm trong tiếng động của hàng ngàn xe cộ trên đường phố, không tiếp xúc với ai, thường dễ bị rối loạn do sự thiếu hụt thiên nhiên.

Ngày nay khung cảnh thiên nhiên càng ngày càng nhỏ dần với sự phá rừng. Sự suy giảm diện tích rừng do dân số tăng, do di dân tự do bùng phát, đã làm suy giảm tài nguyên rừng, tác động xấu đến đa dạng sinh học gây nên hoang mạc, khiến đất đai bị mất phì nhiêu, lụt lội xảy ra liên tiếp hoặc hạn hán. Và khi không còn thảm thực vật rừng thì khả năng tích nước cũng bị giảm và làm quá trình bốc hơi nước từ mặt đất mạnh mẽ hơn, khiến cây cối không đủ nước để sinh trưởng. Phá hủy thiên nhiên là phá hủy luôn con người vì con người sau những giờ làm việc suốt tuần cũng cần có không khí trong lành, nghe lại tiếng chim muông, tiếng suối reo, mặt trăng lên, nhìn mặt trời lặn, để tìm chất lượng của đời sống để có chỗ giảm bớt căng thẳng vốn là một nhân tố giết người nhiều nhất (*stress killer*). Stress có thể làm tăng huyết áp, rối loạn tiêu hóa, làm khả năng chống bệnh giảm đi, cũng như kéo theo một lô bệnh của thời đại: lo âu, buồn rầu vô cớ, rồi từ đó là trầm cảm.

Chính vì con người càng xa rời Thiên Nhiên nên hiện nay có trào lưu trở về với Thiên Nhiên để tìm được sự quân bình giữa tạo hóa và con người: du lịch sinh thái, làng Thiền, tu luyện Yoga v.v…, chính là để phản ứng lại với nếp sống xa rời các chuẩn mực của thiên nhiên. Những kỹ thuật thiền định dựa trên chánh niệm, "ở đây và bây giờ", mục đích là giảm stress dựa trên Niệm (*Mindfulness Based Stress Reduction*) dù là ngồi thiền, đi thiền, chính là làm dịu tâm thần để buông lỏng cơ thể càng ngày được nhiều người hưởng ứng.

Thực vậy, vào rừng, thở không khí trong lành, nhìn sao ban đêm, nhìn suối, nghe nước róc rách, bướm lượn nhởn nhơ, chuồn chuồn, nghe côn trùng rỉ rả, mặt trăng lên, sao đêm nở đầy trời, giúp ta tránh được các căng thẳng của cuộc sống máy móc đô thị, giúp ta quên đi những nỗi nhọc nhằn của thể chất và của tâm linh, *ngỡ lòng mình là rừng, ngỡ hồn mình là mây (thơ Hồ Dzếnh).* Ta cũng thấy trước cảnh vật bao la của vũ trụ rằng con người chỉ là một thành phần nhỏ bé và từ đó cảm thấy **khiêm tốn** hơn.

Mà khiêm tốn giúp cho con người đến đức tin chân thật và đức tin chân thật mới hướng dẫn con người đến được nơi có Thượng Đế ngự trị dễ đi vào nội tâm hơn, cõi lòng lắng xuống. Khi tâm yên lặng, ta mới biết cõi sâu thẳm của ta, mới biết những điều sâu kín ẩn náu trong **nội tâm**, biết mình hơn chứ không phải điều mà ta có thể tìm thấy trong sách vở. Tôn giáo phát sinh do lòng sùng kính, do cảm thông không thể nghĩ bàn, bất khả tư nghị chứ không phải do sự bàn cãi lý luận. Con người, ngoài cái hướng ngoại như đọc sách, nghiên cứu khoa học, du lịch, thám hiểm cũng phải có chiều kích hướng nội nghĩa là quay vào cuộc sống nội tâm, suy nghĩ và trầm tư. Họ muốn hướng về sự an định nội tâm, an lạc, tìm lại sự thanh thản qua sự tu dưỡng tinh thần.

Từ ngàn xưa, con người cổ đại đã nhờ rừng mà tồn tại. Con người cổ sơ phải săn bắn trong rừng hoang, phải tìm cây rừng để chữa bệnh, phải hái lượm các tài nguyên trong rừng để tồn tại. Người Việt thuở xưa vì không chế ngự được thiên nhiên: gió, mưa, lụt lội, sấm sét, thú dữ nên tôn thờ mọi thần linh: thần lửa, thần mưa, thần gió... Thần linh có mặt trong rừng, trên cây, khúc sông, thác nước, cho nên thường có những lễ hội cầu trời, cầu thần linh phù trợ cho con người. Do đó con người tôn thờ cây như một cái gì linh thiêng, chứa đựng những linh hồn. Rừng không phải chỉ là tài nguyên hay môi trường vật lý mà rừng là tâm linh, là cõi vĩnh hằng, là cõi sâu thẳm của nội tâm, là "một cõi đi về".

Vào rừng, nghe gió thổi như là hồn người:

Một vùng cỏ áy bóng tà
Gió hiu hiu thổi một vài bông lau

Vào rừng, nhờ thư giãn, nhờ không khí trong sạch (không ô nhiễm không khí), nhờ im lặng hùng tráng của thiền định (không ô nhiễm tiếng động) nên thân, khẩu, ý dễ lắng dịu. Tâm có định thì thân mới an vì thân tâm là một.

Vào rừng thì con người thư giãn, thoải mái hơn, cởi mở hơn, từ đó tư tưởng có những 'chỗ trống' và chính các 'chỗ trống' giúp ta thâu nhận các ý kiến mới lạ. Nó giúp ta nghiệm thấy một cái gì mới mẻ khác, vượt ra ngoài các quan niệm thông thường. Nó nâng tâm thức ta lên một bình diện mới, một **phạm thức mới** (new paradigm).

Slow is beautiful để nhái lại tựa đề một cuốn sách nổi tiếng 'Small is beautiful'. Con người ở thời đại công nghiệp này có tâm trí luôn luôn bị động như robot suốt ngày, làm việc lắp ráp các bộ phận trong dây chuyền sản xuất từ máy điện toán đến ráp xe hơi, máy bay, mọi công đoạn đều lớp lang, có thời lượng quy định. Con người không ai biết nhau, xong việc là về nhà. Tâm lý bị

dồn ép. Sự tiến bộ kỹ thuật từ nhiều thập niên gần đây với sự tăng tốc, cái gì cũng Express, nào là Express Post, Fast food, Café Express... làm phá vỡ cấu trúc các xã hội cổ truyền, lối sống.

Thế giới thay đổi quá nhanh, con người không kịp thích nghi với các chuyển biến của thời đại sinh ra mất thăng bằng về tâm lý. Do đó, trước đây người ta nói không bệnh tật là sức khỏe. Ngày nay, quan điểm về sức khỏe đã mở rộng hơn vì sức khỏe phải gồm 3 phần: **sức khỏe cơ thể**: khỏe mạnh; **sức khỏe tâm thần**: vui đời, lạc quan; **sức khỏe xã hội**: hòa hợp với xã hội, cộng đồng.

Ta không thể mua cảnh mặt trời lặn. Ta mua gạo, bánh mì để sống, còn cuộc đời, sự tự do, cảnh đẹp của tạo hóa..., là free. Con người cũng cần không khí trong lành, sự im lặng, một thành phố không bạo lực, nhiều thì giờ nghỉ ngơi.

Tóm lại phải tiến đến một sự tương quan sâu xa giữa người và vũ trụ, một mối liên hệ chân chính với thiên nhiên, tìm lại niềm yêu thương lặng lẽ của đất, những giọt sương mai lấp lánh, bớt dục vọng để tinh thần thảnh thơi như Nguyễn Công Trứ đã viết:

Người ta ở trong phù thế
Chữ vô cầu là chữ thiên nhiên.

Các học thuyết Đông Phương luôn đề cao thiên nhiên: Khổng giáo với quan niệm gắn bó Thiên-Địa-Nhân; Lão giáo với quan niệm Vô Vi có nghĩa không làm gì trái với thiên nhiên; Phật giáo với tâm từ bi với mọi sinh vật v.v...

3. Các vấn nạn môi trường

Các vấn nạn môi trường có thể kể: phá rừng; thoái hóa đất; thiếu nước ngọt vào mùa nắng; lạm thác các tài nguyên sinh học; mặn hóa; sa mạc hóa v.v... Với sự sưởi ấm toàn cầu, nước biển sẽ dâng lên cao làm ngập lụt các vùng thấp duyên hải tại châu thổ sông Hồng cũng như châu thổ Cửu Long. Ngoài ra, nước biển dâng cũng tác động tiêu cực đến các thành phố có cao độ thấp. Biến đổi khí hậu còn tạo thêm nhiều bão lụt, triều cường, đe dọa đến an ninh lương thực.

3.1- phá rừng: Rừng Việt Nam bị đốn phá quá mức do nhiều yếu tố như dân đông, du canh, lạm thác rừng. Rừng là nơi cản bớt sự xói mòn đất, giúp làm chậm dòng chảy nước tràn, giúp điều hòa nguồn nước, bảo toàn đa dạng sinh học, cải tạo môi trường đất, có tác dụng nâng cao độ phì nhiêu của đất. Với sự phá rừng, các nơi trú ẩn của các loài động vật hoang dã càng ngày càng nhỏ dần nên chim muông, thú hoang càng ngày càng hiếm. Đồi trọc càng ngày càng nhiều:

Khổ chi phận em cha chả là cam phận khổ
Lên non đốn củi, đụng chỗ đốn rồi!
Xuống sông gánh nước
Đụng chỗ cát bồi, khe khô!

Phá rừng nên chim không còn nơi trú ẩn, vắng hẳn tiếng hát líu lo của chim; nhiều loài thực vật biến hẳn do phá rừng và nhiều loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng như cọp, **nai, voi**,...

Hiện nay, nhiều vùng như vùng Tây Bắc (Sơn La, Lai Châu) rừng chỉ còn khoảng 10% tổng diện tích đất đai tự nhiên, trong khi tỷ lệ che phủ các vùng núi cao đầu nguồn phải cao (50-70%) mới bớt được lụt lội. Tại miền Trung, các dòng sông thường ngắn và có một lưu vực hẹp. Với sự phá rừng đầu nguồn, nước lụt lên rất nhanh. Lũ lụt thường đến bất thình lình và thay đổi tùy năm. Có lúc mưa bão gây ra một lượng mưa rất lớn, có thể vài trăm mm trong 24 giờ. Ảnh hưởng của dãy núi cũng gây ảnh hưởng. Một phần thì rặng núi gần đồng bằng, mặt khác, núi có triền dốc rất lớn, nên vận tốc của dòng chảy cũng rất mạnh. Do đó cần tăng khả năng chứa nước của các hồ chứa ở miền núi (không phá rừng thượng nguồn!) để làm chậm thời gian lụt về miền hạ lưu.

3.2- thoái hóa đất

Dưới danh từ thoái hóa đất, có thể gom lại các vấn nạn như sa mạc hóa, bờ biển bị xâm thực, đất dốc bị xói mòn, sụp lở bờ sông...

. sa mạc hóa: Tại nhiều vùng duyên hải miền Trung, cát bay đã khiến nhiều ruộng vườn bị cát che lấp. Chính vì cát bay, nên diện tích đất nông nghiệp bị giảm đi mỗi ngày và chi phối đến cảnh nghèo đói các làng duyên hải.

. đất dốc bị xói mòn: Vì nước ta nhiều đồi núi hơn đồng bằng và hơn nữa, phần lớn núi đồi lại là đồi trọc ít cây cối, do du canh nương rẫy, thêm vào đó là vũ lượng rất lớn nên đất bị xói mòn nặng nề. Xói mòn phụ thuộc vào nhiều thông số như chiều dài của độ dốc, độ dốc nhẹ hay nặng, độ che phủ thực vật. Xói mòn trên các lưu vực sẽ làm các hồ chứa nước bị lắng tụ rất nhanh và làm lòng sông cạn dần, khiến lưu lượng nước chảy ít đi. Xói mòn còn làm đất nghèo thêm vì làm mất đi các cation kiềm và kiềm thổ; giảm các chất dinh dưỡng như đạm, lân, kali; giảm chất hữu cơ khiến dung lượng hấp thụ và độ no bazơ giảm. Đất đồng bằng ngày nay đã gần tới bảo hòa vì bị nhiều sức ép do đô thị hóa, kỹ nghệ hóa nên trong tương lai, chính các loại đất dốc, đất đồi sẽ là trọng tâm của sản xuất nông nghiệp.

. sụp lở bờ sông: Nạo vét sạn cát quá sức lòng sông với những phương pháp máy nổ sẽ làm cho lòng sông sâu xuống, tạo thành nhiều vực nguy hiểm và gây cảnh sụp lở nghiêm trọng làm cho nhiều vườn tược ven sông sẽ đổ xuống dòng sông. Chân bến bị khoét nên nhiều bến nước bên bờ sông là chỗ người dân sinh hoạt sẽ không sử dụng được. Như vậy nhiều đập chắn cũng có thể bị vỡ, nguy hiểm tính mạng dân chúng.

. thiếu nước ngọt vào mùa nắng: Mùa nắng, lưu lượng các dòng sông thường không nhiều và thêm tưới nước ruộng đồng cho hoa màu nên nước biển xâm nhập sâu lên thượng nguồn, làm nước sông bị nhiễm mặn, gây trở ngại cho sinh hoạt vì dân không có nước ngọt. Thêm vào đó, đất phù sa ven sông cũng bị nhiễm mặn không trồng trọt được.

. lạm thác các tài nguyên sinh học: Vì sự phá rừng nên đa dạng sinh học cũng bị mất theo. Ngoài ra, vì tập trung quá nhiều vào đánh cá ven bờ, không có ngư thuyền đánh cá xa bờ nên tài nguyên cá dễ bị cạn kiệt. Do đó, phải xác định mức độ khai thác, chọn vùng khai thác để bảo tồn các sinh vật biển có giá trị đang là đối tượng khai thác như rùa biển.

4. Bảo vệ môi trường

Như vậy, ta đã thấy các ảnh hưởng tiêu cực của sự ô nhiễm môi trường sống. Vậy làm thế nào để giảm thiểu các tác hại?

-Bảo vệ tài nguyên rừng: Có thể kết hợp trồng rừng và cây ăn quả ở nơi đất tốt để vừa có hiệu quả kinh tế nhanh, cao và không làm hại môi trường, kết hợp giữa việc xây dựng các công trình chống lũ với việc trồng rừng để làm chậm nước lụt.

Bảo vệ rừng cũng có nghĩa tăng cường giáo dục về môi sinh, chống nạn cháy rừng, trồng thâm canh hoa màu lương thực tại các thung lũng để giảm bớt sức ép trên các đất dốc; đó là chưa kể giáo dục nâng cao dân trí để chương trình kế hoạch hóa sinh đẻ thực hiện hiệu quả hơn hoặc tái chế biến giấy báo, sách cũ, giấy bìa thay vì đốn thêm rừng làm bột giấy.

-Bảo vệ tài nguyên nước: vào mùa mưa, Việt Nam bị nhiều thiên tai, gió bão phá hại mùa màng, nhà cửa và sinh mạng. Vậy để giảm thiểu, cần kết hợp giữa việc xây dựng các công trình chống lũ như đê điều, đào kinh... với việc trồng rừng để làm chậm nước lụt. Vào mùa nắng, rất nhiều nơi lại thiếu nước vì tưới hoa màu và do đó, nước mặn có cơ xâm nhập sâu hơn vào đất liền. Bảo vệ tài nguyên nước không phải chỉ là nước mặt mà còn khai thác hợp lý các nguồn nước ngầm, đảm bảo chất lượng nước ngầm.

-Bảo vệ tài nguyên đất: Trong hơn 33 triệu hecta toàn nước Việt thì 70% là đất đồi núi trong đó nhóm đất đỏ vàng (thuộc nhóm Acrisols) chiếm nhiều nhất. Phần lớn đồi núi lại là đồi trọc vì rừng bị đốn phá trồng cây lương thực. Vì vậy cần bảo vệ tài nguyên đất đồi bằng nông lâm kết hợp nghĩa là trồng cây lương thực với cây rừng hoặc với cây công nghệp lâu năm như chè, cà phê, cao su v.v... mục đích tạo thảm cây xanh che phủ đất để chống khô hạn. Nếu cộng thêm các biện pháp công trình (bực thềm, hố...), xây dựng các hồ chứa nước để điều tiết lượng nước tưới thì đất đai sẽ bớt bị thoái hóa. Tại các vị trí thuận lợi thì xây dựng các hồ chứa nước để dự trữ nước tưới, nuôi cá để tận dụng tài nguyên. Ven hồ trồng cỏ để chăn nuôi. Vì tài nguyên đất nông nghiệp càng ngày càng ít do dân số tăng do đó không nên dùng đất phì nhiêu ở đồng bằng vào việc xây cất khu kỹ nghệ, nhà cửa mà chỉ nên sử dụng các loại đất xấu. Đất hẹp, người đông mà nếu đất không được sử dụng hợp lý thì con người tự làm hại đến mình: đất thoái hóa thêm, gây ảnh hưởng dây chuyền đến an toàn lương thực, nông dân nghèo thêm.

-Bảo vệ môi trường không khí: Muốn bảo vệ môi trường không khí thì phải trồng nhiều cây xanh ven đường, sân chơi, phải có nhiều công viên trong thành phố, quanh các khu kỹ nghệ, giảm bớt hút thuốc lá trong nhà hay tại các khu công cộng; sử dụng phương tiện công cộng chuyên chở. Các biện pháp vật lý như sử dụng các thiết bị lọc và làm sạch khí thải từ các nhà máy (thiết bị lọc bụi, thu khí xoáy, lắng tĩnh điện...).

Các năng lượng mới như năng lượng sức nước, sức gió, mặt trời cũng là các năng lượng ít ô nhiễm. Những nhà máy khí sinh (biogas) nhỏ, rẻ tiền, dùng chất thải của người và động vật để nấu nướng, thắp sáng. Gió, dòng suối con có thể sản xuất điện ở các vùng xa, vùng sâu. Năng lượng mặt trời để sưởi nước nóng về mùa đông, để chạy máy bơm nước, sưởi ấm nhà cửa.

-Bảo vệ môi trường biển: Bảo vệ môi trường biển có nghĩa là chỉ khai thác phần lời, cụ thể là phải đảm bảo cho các loài sinh vật có thể tiếp tục sinh sản và phát triển; bảo vệ các nơi các sinh vật sống, đẻ; khai thác đúng kỹ thuật, không dùng mắt lưới quá nhỏ. Hiện nay nước ta tập trung quá nhiều vào đánh cá ven bờ, không có ngư thuyền đánh cá xa bờ nên tài nguyên cá dễ bị cạn kiệt. Ngoài ra, phải xác định mức độ khai thác, chọn vùng khai thác để bảo tồn các sinh vật biển có giá trị đang là đối tượng khai thác như rùa biển. Những dải rừng ngập mặn là nơi nhiều loài tôm cá có giá trị sinh sôi nảy nở vì ở đấy khi lá cây rụng xuống bị vi sinh vật phân hủy tạo thức ăn cho sinh vật; ngoài ra dải rừng này có khả năng chống gió bão. Khi các dải rừng này mất đi, đất bị khô thiếu nước ngọt thì đất sẽ bị xì phèn, tạo nên thêm đất phèn. Do đó nhiều quai đê lấn biển được tạo ra để có thêm đất khai khẩn nhưng chỉ vài năm sau, đất lại bị bỏ hoang vì đất bị phèn. Có những nơi phá rừng ngập mặn để nuôi tôm nhưng nhiều nơi đắp bờ bao nên đất không được ngập nước: độ pH của đất do đó giảm thấp làm nhiều sinh vật chết làm đất bị bỏ hoang, không nuôi tôm được nữa. Đó là chưa kể đến nguồn nước bị ô nhiễm khiến tôm bị dịch bệnh chết hàng loạt.

5. Phát triển bền vững

Phát triển bền vững (sustainable development) là sự phát triển không những để thỏa mãn các thế hệ hôm nay mà còn cho những thế hệ mai sau cũng còn thừa hưởng được tài nguyên của tạo hóa. Phát triển bền vững là một vấn đề liên ngành vì nó liên quan đến nhiều thông số của trái đất: giáo dục, kinh tế, dân số, an toàn lương thực, bảo vệ môi sinh; do đó tiếp cận nhiều chiều kích nhằm tìm toàn bộ các khía cạnh văn hóa, môi sinh, kiến thức bản địa, kinh tế... để cứu xét vấn đề, ngày nay đã trở nên thông thường.

Cần để ý có bốn loại hình trong sự bền vững: bền vững về con người (*human sustainability*), bền vững về xã hội (*social sustainability*), bền vững mặt kinh tế (*economic sustainabillity*) và bền vững môi sinh (*environment sustainability*). Bốn loại hình này tác động hỗ tương với nhau, nghĩa là cần có những khoa học liên ngành để tạo sự hỗ trợ cho nhau trong một viễn kiến toàn bộ (integrated).

. bền vững về con người là đầu tư vào giáo dục, chăm lo sức khỏe, sinh đẻ an toàn. Yếu tố con người, từ công nhân lành nghề đến người quản lý, nhà khoa học... trở nên vô cùng quan trọng vì một kế hoạch, một dự án dù hay nhưng có thể trở thành ít kết quả, ít hiện thực nếu con người thực hiện kém khả năng chuyên môn, thiếu lãnh đạo tính (leadership), giáo điều, không linh hoạt với điều kiện địa phương, với trình độ của mỗi tộc người.

. bền vững về kinh tế là chú trọng đến phát triển kinh tế trên sự tôn trọng các tài nguyên, khai thác các tài nguyên tái tạo như gió, mặt trời, nước, thủy triều, thay vì than đá, dầu hỏa vì các loại này sẽ cạn kiệt trong tương lai. Năng lượng gió của Việt Nam có nhiều tiềm năng vì mùa hè, dọc theo miền Trung có gió Lào, mùa thu và đông thì có gió từ biển thổi vào. Các phó sản nông nghiệp như vỏ trấu, bả mía, vỏ cà phê cũng là nguồn năng lượng sinh khối tái tạo.

Bền vững về kinh tế có nghĩa là tăng trưởng trên căn bản không lạm thác tài nguyên, chỉ khai thác phần gỗ tăng trưởng hằng năm mà thôi (*total allowable cuts*), chứ không được đụng chạm vào phần vốn rừng và suy rộng ra, vốn đất, vốn nước. Nói khác đi, trong bền vững kinh tế, ta phải chú ý đến vấn đề liên thế hệ (intergenerational), vì phần vốn phải để dành cho các thế hệ mai sau. Một nền nông nghiệp bền vững phải hướng tới sự đa dạng (nhiều giống cây trồng), sự hài hòa (tôn trọng môi sinh) và phong phú (quỹ gen dần dà eo hẹp lại với sự chuyên canh cao độ).

. bền vững về xã hội là chú trọng đến người nghèo, người thất nghiệp sao cho xã hội có 'bộ mặt con người', nhân bản, không quá chênh lệch. Bền vững xã hội có nghĩa phải có tương thân tương ái, không tham nhũng, thượng tôn luật pháp, tôn trọng các giá trị nhân bản.

. bền vững về môi trường là bớt ô nhiễm, duy trì đa dạng sinh học, không khai thác cạn kiệt nguồn nước mặt, hay hạ mực nước ngầm hoặc làm nhiễm bẩn nguồn nước sinh hoạt, không làm đất bị xói mòn thêm. Làm giàu thêm môi trường như thiết lập các khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh học, công viên quốc gia, khu bảo tồn đất ngập nước, trồng cây gây rừng, nông lâm kết hợp v.v...

Cả bốn loại hình bền vững trên đều liên quan chặt chẽ với nhau; không thể chỉ phát triển kinh tế mà lơ là bảo vệ môi trường; không thể chỉ phát triển kinh tế mà loại trừ xã hội các nhóm người nghèo khó. Phát triển kinh tế mà môi trường ô nhiễm, thân tâm biến loạn, phân hóa giàu nghèo quá đáng, bệnh siêu vi HIV tràn lan, nói cách khác không đoái hoài đến các nan đề xã hội thì chưa có thể gọi là phát triển bền vững. Thực vậy, sự phát triển kinh tế với vô số xe cộ gây ùn tắc giao thông, tạo ô nhiễm không khí, lại làm tăng chi phí cứu chữa những người mắc bệnh vì nạn ô nhiễm không khí.

6. Kết luận

Ngày nay, môi trường sống của nước ta bị nhiều chấn thương quan trọng với đủ loại ô nhiễm (đất, nước, không khí), đủ loại suy thoái (phá rừng, sa mạc hóa, mặn hóa...).

Cái rối loạn sinh thái này, các nhà khoa học gọi là một **en-tro-pi sinh thái** (ecological entropy). Nó do nhiều nguyên nhân: cơ chế pháp lý còn lỏng lẻo nên mới có lâm tặc, sa tặc, thạch tặc; dân đông nên diện tích đất nông nghiệp càng ngày càng giảm.

Cũng y hệt như tiền trong trương mục ngân hàng, con người của thế hệ hôm nay chỉ có quyền sử dụng phần lời, đừng đụng chạm đến phần vốn, vì vốn (vốn đất, vốn rừng, vốn nước…) phải dành lại cho các thế hệ mai hậu.

Trái đất này là của chung, mọi việc đều liên quan đến nhau: khí dioxyt cacbon trên khí quyển là một khí không biên giới; bầu không khí O3 (ozone) là không biên cương. Nó không tuân thủ các ranh giới hành chánh của các chính phủ. Môi sinh có thể nhìn dưới dạng vĩ mô hay vi mô. Trên cương vị vĩ mô, đó là trái đất, là một xứ, trên phạm vi vi mô đó là một quả đồi, một thung lũng, một dòng sông, một cái hồ.

Trái đất này là Một,-một không có nghĩa là 1, 2 - mà là toàn thể (**holism**, do chữ whole).

Đó cũng là luận thuyết GAIA. Gaia là một từ ngữ Hy Lạp cổ về nữ thần của Trái Đất ngày nay, người ta sử dụng danh từ này để mô tả một hệ thống trong đó đại dương, khí quyển, khí hậu và vỏ trái đất được điều chỉnh lẫn nhau để có sự sống: vũ trụ này là một thực thể sống động tương tác với những dòng chảy năng lượng luân lưu.

Quan niệm Gaia với Trái Đất-Quê Hương buộc ta có một cái nhìn tổng thể, cái nhìn Huyền đồng. Trên hành tinh này, vạn vật nương nhau mà sống: cái này có vì cái kia có, vì mọi hệ sinh thái đều là những hệ thống mở, nghĩa là có trao đổi vật chất và năng lượng giữa chúng: rừng cây sống là nhờ **đất**, đất phóng ra các dưỡng liệu nuôi cây là nhờ **nước**; nhưng nếu không có **lửa** của mặt trời thì không có quang hợp và cây sẽ chết.

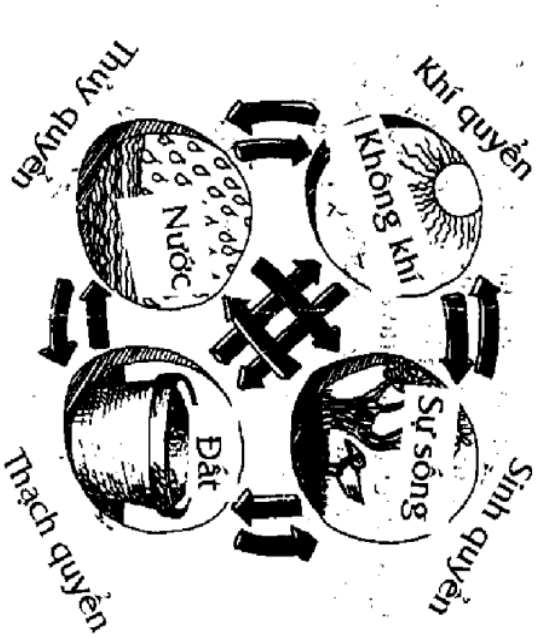

Như vậy rõ ràng là mọi thực tại đều phụ thuộc lẫn nhau, ảnh hưởng lẫn nhau. Trong vũ trụ, không có chủ thể, không có khách thể tồn tại một cách độc lập và cũng không có sự tách biệt giữa thế giới người và thế giới sự vật. Vạn vật tạo thành một nhất thể như sơ đồ trên.

Như vậy, Trái Đất này không chỉ là một hành tinh vật lý cộng với một bầu sinh quyển cộng với một nhân loại mà là một tổng thể phức tạp có tính vật lý/sinh lý/nhân loại. Giáo dục cho mọi người về sự cần thiết của niềm đồng cảm giữa người và vũ trụ, tình gắn bó giữa con người với thiên nhiên để con người yêu thêm thiên nhiên, tạo vật, tìm lại mây trời hiền hòa, màu xanh của nước và của núi rừng, nói theo danh từ thời đại là *green awareness*. Giáo dục cho mọi người các vấn đề nóng bỏng của thời đại, các vấn nạn môi sinh, sự bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ quỹ gen (*gene pool*), phát triển bền vững, các ảnh hưởng qua lại của các yếu tố môi sinh và từ đó thấy sự cần thiết có một sự hài hòa giữa dân số và thiên nhiên, hài hòa giữa thiên nhiên và phát triển kinh tế, một sự hài hòa mà chính hệ thống triết học Á Đông luôn luôn đề cao.

• Thái Công Tụng

Chiếc lá lìa cành

• **Thích Như Điển**

Ở Âu Châu nầy mỗi năm có 4 mùa rõ rệt. Mùa Đông đến khí trời lạnh giá, mây mù che kín cả bầu trời, rồi sương, rồi tuyết đổ xuống khắp nơi, khắp chốn. Từ thị thành cho đến thôn quê hoặc nơi đồng không mông quạnh. Tuyết và mưa không phân biệt nơi nào và lúc nào; khi đủ độ dưới không độ thì tuyết rơi. Đó là một định luật của thiên nhiên, lâu nay vốn dĩ đã như vậy.

Khi những tảng băng đá chưa tan vào mùa Đông, cũng đã có những loài hoa đang chờ sẵn dưới lớp tuyết mịn để đâm chồi và vươn lên những bông hoa thật là tuyệt diệu. Chúng nở đủ màu; từ xanh, vàng đến đỏ tím. Cây cỏ tuy vô tình nhưng đã dệt nên những gấm hoa thật là tuyệt mỹ cho đời. Ai đó dầu vô tình hay cố ý; có quan tâm đến chúng hay không, cũng mặc kệ. Chúng chỉ làm nhiệm vụ sanh trưởng của đất trời đã giao phó mà thôi. Rồi những cây lớn, cây nhỏ khác nhau lần lượt đâm chồi nảy lộc khắp muôn nơi. Chim đua nhau ca hót trên cành, hoa lá hưởng hơi ấm của mặt trời nên đã khoe sắc thắm. Mưa phùn rơi làm ướt áo khách lữ hành; nhưng muôn loài vạn vật vào mùa Xuân chắc hẳn chúng hân hoan lắm. Vì đây là mùa của sức sống, mùa của sự trỗi dậy sau một mùa Đông dài lạnh buốt giá băng. Dầu cho ai đó có khó tính đến mấy đi chăng nữa cũng chẳng nở trách hoa. Vì hoa chỉ có nhiệm vụ làm đẹp cho đời, tô thắm cho thiên nhiên thêm nhiều màu sắc; ngoài ra không có ý gì khác.

Khi Hè đến, chim chóc đã sinh sôi nảy nở rất nhiều. Côn trùng lại đua nhau tiếng thở than đâu đó trên cành cây hay nơi bụi cỏ ở vỉa hè. Tiếng chúng như giục thúc loài người đã đến lúc cao điểm của thời tiết và hãy dành nhiều thời gian hơn nữa để lãm du, ngơi nghỉ và trở lại với con người của chính mình. Những tia nắng mùa hè sưởi ấm muôn loài, muôn vật. Thỉnh thoảng lại có những cơn mưa, làm mát dịu ngoại cảnh chung quanh và cây cỏ cũng hân hoan không ít. Những loài hoa dại bắt đầu tàn úa, rồi tạo nên những hoa trái về sau cho loài chim khi Đông về giá lạnh. Cây cối đã thi thố hết khả năng của mình để mang lại những hạt giống ngọt ngào cho cuộc đời và sự sống. Như táo, lê, mận, đào hay bắp, bí, bầu, đậu v.v... là những vật thể vô tình; nhưng cũng đã cung cấp cho con người và cuộc đời không biết bao nhiêu là sinh tố, để tạo nên sự sống và lẽ sống cho tha nhân.

Mùa Thu có thể nói là mùa đẹp nhất của thi nhân. Vì trăng tỏ nhất vào những ngày 14, 15 và 16; cảnh rất đẹp bởi những chiếc lá xanh, vàng, đỏ chen chúc với nhau, tạo thành tấm thảm nhiều màu; khiến cho ai đó có khó tính cách mấy đi chăng nữa thì cũng sẽ chùng lòng mình xuống, khi thấy một vết nhạn bay qua trên bầu trời trong vắt kia. Đâu đó một vài cánh diều đang lộng gió. Rồi những chiếc lá có sức sống vào mùa xuân kia, trở thành cứng cáp trong mùa hạ và giờ đây thu đến, khí trời bắt đầu se lạnh, lá cũng đã sắp lìa cành. Những chiếc lá thật đẹp, thật vô tình; nhưng cũng khiến cho lòng người nuối tiếc. Vì đã qua đi một thời đẹp đẽ của mùa xuân, một thời cứng cáp của mùa hạ; nhưng người ta cũng tự an ủi rằng: „Lá rụng về cội".

Thật thế, chẳng có chiếc lá nào bay khỏi cành cây, lại tìm nơi chốn khác để nương thân, mà lúc nào, dầu cho thân cây ấy thế nào đi chăng nữa, lá ấy vẫn rụng gần gốc mẹ.

Từ cành cây, lá vô tình rơi rụng khi thu sang. Dĩ nhiên là lá cũng chẳng muốn lìa cành và thân cây lại càng muốn ôm ấp lá suốt đời như thế để sưởi ấm, gìn giữ cho thân thể của cây. Đó là ý tưởng của thân mẹ luôn muốn được thân cận để bảo vệ cho cành và lá; nhưng thời gian trôi qua có xuân, hạ, thu, đông thì lá kia cũng phải trải qua các giai đoạn của thành, trụ, hoại, diệt hay sanh, trụ, dị, diệt. Ngay cả thân cây cổ thụ ấy mặc dầu có khả năng chịu đựng với đất trời, mưa gió và kham nhẫn chịu đựng với gió, sương, tuyết, bão trải qua với phong sương cùng tuế nguyệt; nhưng rồi một ngày nào đó, chính thân cây cổ thụ kia cũng phải bị định luật vô thường chi phối. Vì không có bất cứ một vật gì tồn tại mãi với thời gian năm tháng trong thế giới Ta Bà nầy cả. Cái nầy chết để cái kia sống; cái nầy thay đổi để cái kia tồn tại; cái nầy hủy diệt để cái kia vươn lên. Đây là định luật tự nhiên, không có văn tự tạo nên văn bản hay lời nói, mà con người cũng như vạn vật đều phải chấp nhận như vậy.

Phật dạy rằng: „Bất cứ cái gì có sinh ra, đều phải có sự hủy diệt thay đổi, ngay cả tấm thân nầy". Từ đây mà nhìn, chúng ta sẽ cảm nhận được lời dạy của Ngài có giá trị với thời gian năm tháng trong cõi thế gian nầy. Ví như đứa con nhỏ khi được sinh ra, cha mẹ ấp yêu nuôi nấng, dỗ dành, cho ăn, cho uống, mong cho con mình mau lớn khôn. Rồi tập đi, tập nói, tập ăn, tập học, tập viết v.v... Tất cả đều là những động tác vô thức mà đứa trẻ kia đã do cha mẹ huân tập nên. Rồi một ngày kia chúng cắp sách đến trường từ Tiểu Học rồi Trung Học, cha mẹ phải lo đủ điều cho con từ tinh thần cho đến vật chất; chỉ mong sao cho con cái nên người, không kém thua chúng bạn là cha mẹ vui rồi.

Ông Freud là nhà phân tâm học người Đức, chia đời người ra làm 3 giai đoạn quan trọng như sau:

Thời gian từ một tuổi đến 8 tuổi. Ông ta gọi thời gian nầy là thời gian „vô thức" của đứa bé. Từ 8 đến 18 tuổi, ông ta gọi thời gian của „tự ngã". Hai thời gian đầu nầy cha mẹ còn có nhiều cơ hội để ảnh hưởng với con cái của mình; nhưng đến giai đoạn thứ ba, từ 18 tuổi đến cuối cuộc đời, ông ta gọi là giai đoạn „siêu ngã"; người con trai hay người con gái ấy sẽ củng cố tự ngã của mình xong rồi; bây giờ đến giai đoạn thăng hoa cái ngã ấy cao hơn nữa. Đây chính là thời gian vào đời, thời gian trưởng thành hay còn gọi là thời gian lìa xa mái ấm của gia đình, để đi tìm những đối tượng khác. Cha mẹ vẫn luôn dõi theo dấu vết của con cái; nhưng ngược lại con cái muốn thoát ly khỏi vòng tay che chắn của cha mẹ. Chúng nghĩ rằng: đây là sự ràng buộc; đây là sự mất tự do; nên mới tìm cách thoát ly gia đình.

Khi đứa bé rời khỏi gia đình, cha mẹ trở nên trống vắng lạ thường, dẫu biết rằng: đứa con ấy vẫn là đứa con của mình, nó có ở xa nhà đi chăng nữa, sẽ có một ngày trở lại. Khi một đứa con đã rời khỏi tổ ấm yêu thương của gia đình rồi, điều ấy cũng có nghĩa là chúng sẽ ít có cơ hội để trở lại với cha mẹ, sống những ngày

gần gũi như xưa kia. Họa hoằn lắm khi có sinh nhật hay ngày giỗ kỵ chúng mới tựu về nhà cha mẹ một vài hôm, rồi cũng sẽ ra đi để lo cho tương lai của chúng.

Ngày xưa nhà cửa có nhiều phòng ốc để cho con cái ở; bây giờ chỉ còn hai ông bà già; nên cảm thấy trống vắng lạ thường. Nếu hai ông bà có lòng tin nơi một Tôn Giáo, giờ trống vắng ấy có thể làm những công việc từ thiện giúp đời, giúp người v.v... Nếu không có gì làm hết, quả thật là điều đáng nói. Vì thời gian của tuổi già quá nhiều, chẳng biết tiêu dùng vào đâu cho hết.

Từ khi cha mẹ sinh con ra cho đến khi đứa con trưởng thành cũng giống như những chiếc lá trên cành cây vậy. Từ những nụ non bụ bẩm cho đến khi chiếc lá lìa cành, thân mẹ cũng đã chứng kiến biết bao nỗi vui buồn khi lá xanh đến; hoặc lúc lá vàng rơi. Bất kể ai trong chúng ta cũng chẳng mong muốn ngày ấy tới; nhưng sẽ có một ngày, chính mình phải chấp nhận thôi. Dầu cho sự chấp nhận ấy là một sự tự nhiên hay việc có sắp đặt trước.

Tôi như kẻ làm vườn, chăm sóc vườn hoa, cây kiểng của mình, đôi khi cũng giống như người lo cho tâm linh cho những đệ tử xuất gia và tại gia trải qua mấy mươi năm nay tại xứ Đức nầy nhiều lúc cảm thấy vui, mà nhiều khi cũng cảm thấy trống vắng. Vui khi cây đã đâm chồi nảy lộc; nhưng cũng cảm thấy nao nao khi chiếc lá đã lìa cành. Rất hân hoan khi học trò, tử đệ đã thành công; nhưng cũng cảm thấy trống vắng khi không còn nằm trong vòng tay che chở của mình nữa.

Năm nay Đại Chúng chùa Viên Giác Hannover và bản thân tôi, lạy kinh Đại Bát Niết Bàn quyển thứ hai đến trang 300; nghĩa là đã đến giữa quyển. Ngay nơi phẩm Sư Tử Hống nầy, Đức Phật đã kể lại nhiều câu chuyện rất hay; trong đó có 2 mẩu chuyện liên hệ đến cuộc đời của Đức Phật và Đề Bà Đạt Đa như sau:

Câu chuyện thứ nhất, Đức Phật kể lại rằng: Trong một kiếp quá khứ nọ, Ngài và Đề Bà Đạt Đa là hai người bạn lái buôn. Một hôm cả hai người đều dong thuyền ra biển lớn, mang theo nhiều của cải vàng bạc châu báu; nhưng chẳng may sóng to, gió lớn thuyền bị chìm. Thế là của cải bị trôi mất. Người bạn kia mến tiếc của cải nên vẫn tới lui nơi thuyền bị chìm. Còn Ngài thì lui về nơi bến đậu. Thấy người bạn như vậy nên Ngài hay khuyên can là dẫu sao đi nữa của cải đã mất rồi, không nên luyến tiếc nữa; nhưng người bạn vẫn không nghe. Một hôm Ngài bảo với bạn rằng: „Ta còn đây 2 viên ngọc quý, ta chia bớt cho ngươi một viên", đoạn đến dưới gốc cây để ngủ. Người bạn lúc bấy giờ tâm tham đã khởi lên, liền đem dao đến đâm vào mắt Ngài và lấy luôn viên ngọc còn lại kia. Tuy Ngài bị đâm thủng mắt; nhưng tâm Ngài rất hoan hỷ; chỉ mong sao cho bạn của mình được lợi lạc là được rồi. Chư Thiên ở cõi trời, cảm cho tấm lòng nhân ái của Ngài; nên đã giúp cho mắt Ngài sáng lại.

Câu chuyện thứ hai được kể tiếp như sau: Lúc Đức Phật chưa thành đạo, ở vào một kiếp xa xưa nọ, khi Ngài hiện thân là một vị Tỳ Kheo, đang ngồi thiền định trong một cánh rừng. Bỗng dưng có một đám cung nữ đi lạc vào đây và họ đã nghe Ngài giảng đạo thuyết pháp. Cung nữ mải mê nghe pháp không hồi cung, khiến cho Đức Vua lo lắng và sinh tâm nghi ngờ. Cuối cùng tìm được những nàng cung nữ ấy nơi rừng sâu; nơi có vị Tỳ Kheo đang thuyết pháp. Nhà Vua nổi trận lôi đình, ghen tương vô cớ và đem binh hùng tướng dũng đến để hỏi tội Ngài. Đức Vua hỏi rằng:

- Ngươi là Tỳ Kheo chứng quả A La Hán chưa?
- Thưa Ngài: Chưa
- Vậy ngươi chứng quả A Na Hàm chưa?
- Thưa Ngài: Chưa
- Vậy sao ngươi dám gần nữ sắc và dụ dỗ những cung nữ của ta?
- Muôn tâu Thánh Thượng! Bần Tăng không cố ý, vì các cung nữ đi lạc vào rừng; nên đã đến đây nghe pháp và quên hồi cung, khiến cho Thánh Thượng phải lo âu và cho người tìm kiếm. Thứ nữa, bần Tăng tuy chưa chứng quả vô sanh hay còn một lần sanh tử nữa là chấm dứt; nhưng bần Tăng đang đi đến chỗ giải thoát. Quả vị kia trước sau cũng sẽ viên mãn. Nếu không vào quả Dự Lưu thì làm sao đạt đến quả Thất Lai và cuối cùng là Nhất Lai và A La Hán. Bần Tăng là kẻ đang đi tìm quả Giác Ngộ; chứ không phải là kẻ đã giác ngộ trọn vẹn.

Hai câu chuyện oan trái bao đời, chính Đức Phật đâu có muốn; nhưng Ngài và Đề Bà Đạt Đa đã gặp. Những điều Ngài không muốn, không trông đợi; nhưng hậu quả vẫn đến với Ngài. Vả chăng đây là những dự báo của đời trước giữa Ngài và Đề Bà Đạt Đa đã tạo nên và nay phải gặp gỡ, rồi kết thành anh em chú bác, rồi hại Phật, trở thành kẻ thù với Tăng Đoàn. Dưới mắt Đức Phật, Đề Bà Đạt Đa là một thiện hữu trí thức. Vì lẽ, nếu những sự thành tựu của Đức Phật mà không có sự hiện hữu của Đề Bà Đạt Đa, quả là một sự thiếu sót vô cùng. Có sự độc ác của Đề Bà, chúng ta mới thấy được cái siêu việt của Đức Phật một cách cao cả lạ thường.

Giữa Đức Phật và Đề Bà Đạt Đa không hẹn trước cũng không chối từ. Vì cái gì đến nó đã đến. Cái gì xảy ra, nó sẽ xảy ra. Đây là nhân duyên, đây là sự hình thành của cộng nghiệp và sự trả nghiệp. Với tôi cũng vậy, giữa Thầy trò Đệ Tử cũng giống như chiếc lá giữa dòng. Có hợp có tan, có còn có mất; nhưng tất cả là những nhân duyên trong dòng đời sanh diệt có có không không nầy. Tôi vốn biết rằng: chẳng ai làm cho mình tốt hơn và cũng chẳng có ai làm cho mình xấu hơn, ngoại trừ mình. Do vậy vẫn cố gắng ngày đêm để sám hối cho thân tâm được thanh tịnh và để rồi một ngày nào đó, tôi cũng sẽ ra đi, về chỗ vô tung, thì mọi việc trên đời nầy cứ thế vẫn tiếp tục trôi.

Tôi như người làm vườn, quan sát cây cối từ khi mới ươm hạt giống cho đến ngày đâm chồi nảy lộc, kết trái và lìa cành để trở về với trạng thái uyên nguyên của nó. Tôi đã chứng kiến không biết bao nhiêu sự đổi thay, thay đổi của thế nhân, để thấy được lòng mình phải an định trước mọi hoàn cảnh thử thách oái oăm, gay cấn nhất.

Bên Phi Châu có một loại cây cho rất nhiều trái ngọt. Mọi sinh vật đều nhờ vào đó mà sống còn. Ví dụ con ong, con kiến đến hút mật của hoa và trái để sinh sống; con khỉ, con vượn đu từ cành nầy sang cành khác để lựa trái ngon quả ngọt cho mình; con voi, con hươu cao cổ trườn lên cao để tìm những hoa trái còn tươi đưa vào miệng. Con chim vào bộng cây để làm ổ, rồi đẻ trứng nở con tại đó. Con nở ra, lớn lên; trong khi cha mẹ chim đi tìm mồi, ở nhà con ong đến chích vào mắt vào tai, vào miệng của chim con, khiến cho chim con chết. Khi chim mẹ tìm về tổ nơi gốc cây thì đau đớn vô cùng, vì thấy con của mình đã mất vì lũ ong kia.

Những trái cây vô tình rớt xuống dưới dòng nước hay trên nền đất đã tạo thành thức ăn cho bò, trâu, dê, nai, rùa, thỏ v.v... Rồi cũng từ đó chúng đã mọc lại thành cây con, tiếp tục đâm chồi nảy lộc để tạo nên sự sống cho muôn loài. Cây cho hoa và quả. Chắc rằng cây ấy chẳng tính toán thiệt hơn. Vì đó là bổn phận, là nhiệm vụ tự nhiên của đất trời và vạn vật. Trong khi đó loài người lại có chủ tâm hơn để nuôi sống thân thể của mình bằng cách lấy khói châm vào tổ ong; thế là ong vỡ tổ, bỏ lại những túi mật ngọt lịm cho loài người thủ lợi. Chắc rằng loài ong sẽ căm ghét loài người lắm. Vì lẽ đã cướp đi sự sống và sự sinh tồn của chúng. Tuy con người là chúa tể của muôn loài; nhưng xét cho cùng con người chỉ biết bảo vệ cái tự ngã của mình chứ ít lo phụng sự cho tha nhân. Cây cỏ tuy vô tình; nhưng nó đã mang đến không biết bao nhiêu sự lợi lạc cho muôn loài, muôn vật như cây ngọt ở Phi Châu kia. Trong khi đó loài người lại tính toán quá nhiều, khiến cho ảnh hưởng có hại đến môi trường chung quanh không ít.

Mới đây nhân mùa Vu Lan báo hiếu năm 2012 nầy tôi đã chứng kiến hai oan hồn chết đã lâu năm, về cõi dương gian nầy, dựa vào thân thể của người khác để cầu được chư Tăng cứu độ. Đây là 2 câu chuyện thật xảy ra vào ngày 9 tháng 9 năm 2012 tại Reutlingen và Friedberg, Đức quốc.

Một bà cụ chết đã 50 năm trải qua hai lần đầu thai làm heo và làm chó; nhưng vẫn chưa dứt hết tình mẫu tử; nên đã nhập vào đứa con gái 53 tuổi của mình để nhờ chư Tăng cứu khổ, quy y và giúp đỡ cho con mình.

Câu chuyện thứ hai là một ông người Đức, làm ăn thua lỗ nên đã tự tử cách đây 30 năm; nhưng vẫn chưa siêu thoát. Hồn oan vẫn còn hiện hữu nơi cõi trần; nên khi chư Tăng triệu thỉnh các oan hồn thì ông ta nhập vào người chủ nhà và hiện thân thành tướng Dược Xoa, sau nhờ chư Tăng chú nguyện mà xuất hồn đi nơi khác. (Muốn rõ câu chuyện nầy xin vào trang Website kyvientrungnghia.com phần Blog của Thầy Huệ Pháp, những câu chuyện trong tháng 9 năm 2012 xem thì rõ hơn). Ở đây có những vấn đề cần nêu ra.

Thứ nhất, là những oan hồn lâu nay không ai cúng giỗ, không nơi nương tựa; nay nhân mùa Vu Lan báo hiếu có chư Tăng đông đủ, dùng nội lực của mình để cứu khổ chúng sanh; nên các oan hồn nương vào đó để được siêu sanh giải thoát.

Thứ hai, là dầu cho chết 30 năm, 50 năm hay nhiều năm hơn thế nữa, nếu thân nhân không cúng quảy, chăm sóc đời sống tâm linh cho người mất thì người mất vẫn không siêu thoát được và chờ cơ hội để hiện về tìm cách bảo hộ cho người thân quen và dưới nhiều hình thức khác nhau những oan hồn nầy muốn giải thoát; nên đã nhờ qua lời kinh Phật triệu thỉnh rồi giải oan nghiệp chướng và từ đó họ sẽ sống ở một thế giới khác an lành hơn. Cho hay cái tình mẹ con, chồng vợ nó là sợi dây vô hình mà đã cột trói con người qua nhiều thời gian và năm tháng như vậy.

Thứ đến dầu cho người Việt hay người Đức vẫn có những tình cảm thiêng liêng nầy. Cho nên ở bất cứ hoàn cảnh nào có thể hiện ra được thì oan hồn vẫn có thể dựa vào đó để tìm cách thoát hóa qua lời kinh tiếng kệ siêu độ của chư Tăng.

Chỉ trong một tuần lễ, tôi chứng kiến nhiều sự kiện khác nhau trong cuộc sống giống như những chiếc lá lìa cành; nên đã viết lên bài nầy để kỷ niệm những ngày đáng ghi nhớ tại xứ Đức nầy mà suốt 35 năm làm việc Đạo tại đây tôi đã trải qua. Dĩ nhiên là sẽ còn nhiều thử thách và thuận nghịch khác nhau xảy ra trên đời nầy nữa; nhưng với tôi hai chữ „nhân duyên" cũng như quán „như thị" là những đề tài để cho tôi chiêm nghiệm. Tôi tập cho mình không vui, không buồn, không thương, không ghét, không giận, không hờn với bất cứ riêng ai để cho tâm mình được thanh thản, khi cõi lòng mình đã trở nên trống vắng.

Bây giờ tôi luôn làm bài toán trừ, chứ không làm bài toán cộng nữa. Ví như tôi sống được 70 tuổi thì tôi chỉ còn có 6 năm ở lại với đời nầy. Nghĩa là năm nay tôi đã 64 tuổi. Nếu tôi sống được 75 tuổi, thì điều ấy có nghĩa là tôi sẽ còn 11 năm nữa để đi lại với quý vị. Nếu tôi sống được 80 tuổi thì tôi cũng chỉ còn 16 năm nữa thôi. Trong 16 năm còn lại ấy tôi sẽ làm gì đây để lợi lạc cho Đạo và cho Đời? hay tôi chỉ ở đó than vãn nầy nọ, liệu có ích lợi gì? Đó là chưa kể đến sự vô thường. Vì sự chết có thể đến với ta ở bất cứ lúc nào và ở vào thời điểm nào, dầu ta không muốn nữa, thì nấp quan tài vẫn đang sẵn sàng chờ đợi ta đó ở một ngày mai.

Sáu năm, 11 năm hay 16 năm đi nữa, chỉ là khoảng thời gian rất ngắn ngủi và rất cận kề. Ngay bây giờ nếu không liệu tính cho con đường sinh tử, thì còn chờ đến lúc nào nữa. Mới đó mà đã có mặt ở cuộc đời nầy 64 năm. Mới đó mà đi xuất gia đã gần 50 năm. Mới đó mà đã ở ngoại quốc 41 năm. Mới đó mà đã ở nước Đức 35 năm. Mới đó mà mình chỉ còn lại một thời gian ngắn nữa thôi.

Tôi có rất đông Đệ Tử xuất gia và tại gia; nhưng tôi biết rằng chẳng ai có thể đi chung với tôi trong chuyến xe tang vào cuối đời nầy cả; chỉ có một mình tôi sẽ đối diện với chốn tử sinh nầy mà thôi. Cho nên từ đây về sau tôi sẽ bớt giận, bớt buồn, bớt lo, bớt tính toán. Vì dẫu cho tôi có giận, có buồn, có lo, có tính toán thì cuộc đời vẫn như thế yên lặng trôi đi, không nhân nhượng ai, không thiên vị ai cả. Dầu tôi là ông gì đi nữa, thì tôi cũng phải chấp nhận định luật thành, trụ, hoại, không nầy và nếu một mai nầy tôi có ra đi như chiếc lá lìa cành đi nữa, thì nơi chốn đi về tôi đã có sẵn chỗ để nương thân nơi Đức Phật A Di Đà ở cảnh giới Tây Phương Cực Lạc rồi và cũng như những chiếc lá kia, đã có cội nguồn để về, nhằm bón phân cho cành lá của tương lai cho tốt tươi hơn nữa.

Hãy đừng như những hồn oan kia, vì không có nơi nương tựa và không ai cúng quảy, để bao đời phải lang thang trong kiếp luân hồi nầy, mà khi sống nên biết quy y Tam Bảo để được lợi mình và lợi người, để khi chết, có nơi chốn mà quay về.

Tôi xin niệm ân tất cả người thân cũng như kẻ sơ; người gần cũng như kẻ xa. Đệ Tử xuất gia cũng như tại gia hãy hoan hỷ cho tôi về những nhân duyên đã có với quý vị trong chặng đường đã trải qua mấy mươi năm trong quá khứ hay nhiều hơn nữa và cũng xin là bạn đồng hành ở cõi giới Cực Lạc giải thoát kia trong mai hậu, khi hơi thở nầy không còn tiếp tục được nữa.

Viết tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover Đức quốc ngày 12.9.2012 sau những ngày đã trải qua nhiều sự kiện đáng ghi nhớ.

Câu chuyện dòng sông

Nguyên tác: **Hermann Hesse**
Bản dịch: **Phùng Khánh, Phùng Thăng**
Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản năm 1982

(tiếp theo VG 191)

Chương 2

Chiều hôm đó gặp các vị Sa Môn và xin gia nhập đoàn thể. Các vị Sa Môn chấp nhận. Tất Đạt cho một người Bà La Môn nghèo khổ gặp trên đường quần áo của mình và chỉ giữ lại chiếc áo cừu và chiếc áo khoác rách vai màu đất. Chàng chỉ ăn mỗi ngày một bữa và không bao giờ nấu đồ ăn. Chàng nhịn mười bốn ngày - Rồi hai mươi tám ngày. Trên bắp chân và trên má, thịt biến đi đâu mất. Những giấc mơ lạ phản chiếu trên đôi mắt lớn của chàng. Móng tay chàng mọc dài trên đầu những ngón gầy, và một chòm râu khô cứng xuất hiện dưới cằm. Cái nhìn của chàng trở nên lạnh giá khi tiếp xúc với đàn bà, đôi môi mím lại một vẻ khinh thường khi chàng đi qua phố thị có đông người ăn mặc xa hoa. Chàng nhìn những thương gia buôn bán, các ông Hoàng đi săn, những người tang chế khóc người chết, những người kỹ nữ bán thân, các bác sĩ săn sóc bệnh, những tình nhân đang tình tự, những người mẹ đang vỗ về con. Và tất cả không đáng một cái nhìn thoáng qua, tất cả đều lừa dối: hạnh phúc và sắc đẹp đều là ảo ảnh của giác quan - tất cả đều đưa về hủy diệt. Thế gian đượm vị đắng cay. Cuộc đời là nỗi đau khổ.

Tất Đạt chỉ có một mục đích duy nhất là trở thành trầm tĩnh. Không khao khát, không ham muốn, không mộng mị, không vui và không buồn. Để cho cái ngã tiêu diệt – không còn ngã nữa, chứng nghiệm được sự bình an của một tâm hồn tịch mịch, chứng nghiệm tâm linh thuần túy. Đó là mục đích của chàng. Khi cái ngã bị nhiếp phục và hủy diệt, khi mọi đam mê và dục vọng bị lắng xuống, thì thực thể thâm cùng phải biểu lộ - không còn ngã nữa, nhưng là một cái gì huyền nhiệm cao vời. Tất Đạt đứng lặng im trong ánh nắng dữ dội, vừa đau rát vừa khát cháy, và đứng cho đến khi không còn cảm thấy đau, khát nữa. Chàng đứng lặng im trong mưa, nước từ mái tuôn xuống đôi vai cóng lạnh, xuống bắp vế và hai ống chân. Và người khổ hạnh đứng cho đến khi đôi vai và hai chân hết giá buốt, cho đến khi chúng hết cảm giác, bất động. Chàng lặng lẽ ngồi trên gai nhọn. Máu nhỏ giọt từ làn da quằn quại của chàng, ung nhọt thành hình, và Tất Đạt vẫn bất động, kiên cố, cho đến khi máu ngừng chảy, cho đến khi hết nghe châm chích, hết nghe đau đớn.

Tất Đạt ngồi thẳng và tập tiết kiệm hơi thở, cố thở ít lại, nhịn thở. Chàng tập lắng nhịp của tim khi thở vào, tập làm tim đập ít lại – cho đến khi rất ít, rồi không còn nữa. Nhờ vị Sa Môn trọng tuổi nhất dạy bảo, Tất Đạt tập sự quên mình và trầm tư theo những quy luật của Sa Môn. Một con hạc bay qua rừng trúc và Tất Đạt thu nhiếp nó vào tâm, bay qua rừng núi, trở thành con hạc, ăn cá, đói cái đói của hạc, dùng ngôn ngữ hạc và chết cái chết của một con hạc. Một con chồn chết nằm trên bờ cát và hồn của Tất Đạt nhập vào xác nó; chàng trở thành một con chồn chết, nằm trên bãi, bị sình trương, hôi thối, bị báo ăn hết bốn chân, diều hâu rỉa thịt, trở thành một bộ xương, trở thành cát bụi hòa với không khí. Và hồn Tất Đạt trở lại chết, hủy hoại, thành cát bụi, thực nghiệm vòng khổ đau của một chu kỳ sống. Chàng đợi chờ với một niềm khát khao mới như một người đi săn đứng trên vực thẳm, nơi mà chu trình sống kết liễu, ở đó không cần nguyên nhân và ở đó sự thường tại không đau khổ bắt đầu. Chàng tiêu diệt mọi cảm giác, tiêu diệt ký ức, đi ra khỏi cái ngã của mình dưới trăm nghìn hình hài khác nhau. Chàng quán mình là đá, gỗ, nước. Và sau mỗi lần chàng lại tỉnh dậy, mặt trời hay mặt trăng vẫn chiếu, chàng lại là chính chàng, đi vào chu kỳ sống, khát khao, chiến thắng khát khao, rồi lại có những khát khao mới.

Tất Đạt học hỏi rất nhiều từ các vị Sa Môn, chàng học được nhiều cách thức để diệt ngã. Chàng phiêu du qua các đoạn đường diệt ngã bằng khổ đau, qua đói khát và mệt nhọc. Chàng phiêu lưu qua những con đường diệt ngã bằng trầm tư, bằng gạn lọc khỏi tư tưởng hết mọi hình ảnh. Chàng đã học trải qua những con đường này và những con đường khác. Chàng diệt ngã được một nghìn lần và có những ngày chàng đã sống trong phi ngã. Nhưng mặc dầu những con đường đưa chàng ra khỏi ngã, cuối cùng chúng luôn luôn đưa chàng trở lại ngã. Mặc dầu Tất Đạt rời bỏ ngã một ngàn lần, sống bằng phi ngã trong con vật hay đá, đất, sự trở lại vẫn không thể tránh. Không thể tránh lúc chàng trở lại chính chàng, trong ánh mặt trời hay trong ánh trăng, trong nắng hay dưới mưa, và trở lại Ngã hay Tất Đạt, trở về niềm khắc khoải, về kiếp luân hồi nặng nề.

Cạnh chàng Thiện Hữu sống như cái bóng của chàng; Thiện Hữu cùng phiêu lưu qua con đường của chàng, và cùng làm những cố gắng của chàng. Họ ít trò chuyện riêng với nhau trừ những điều cần thiết về công việc hay thực tập. Một đôi khi họ cùng đi qua các làng khất thực.

Một lần Tất Đạt hỏi Thiện Hữu:

- Này Thiện Hữu, anh nghĩ sao? Anh có nghĩ rằng chúng ta đã tiến thêm bước nào chưa? Đã đạt được mục đích của chúng ta chưa?

- Chúng ta đã và đang học tập. Rồi anh sẽ trở thành một Sa Môn cao cả, Tất Đạt. Anh đã học thật là nhanh các bài tập, vị Sa Môn trưởng thường khen anh. Một ngày kia anh sẽ là một bậc thánh, Tất Đạt.

- Không có việc ấy đâu bạn ơi, những điều tôi đã học với các vị Sa Môn cho đến nay, đáng lẽ tôi cũng có thể học mau hơn và dễ dàng hơn trong bất cứ tửu quán nào, trong xóm điếm, với những phu khuân vác và những người cờ bạc.

- Nói đùa chứ. Làm sao anh có thể tập thiền quán, nín thở và thản nhiên trước đói khát, đớn đau với những người vô phúc đó?

Tất Đạt trả lời nhỏ, như nói với chính mình:

- Thiền quán là gì? Bỏ quên tự thân là gì? Nhịn đói là gì? Điều hòa hơi thở là gì? Đó là sự vượt ra ngoài Tự ngã, đó là sự vượt ra ngoài giày vò của Tự ngã trong nhất thời, những viên thuốc tạm bợ chống lại đau khổ và điên đảo cuộc đời: người đánh xe bò cũng dùng lối thoát đó, phương thuốc nhất thời đó khi ông ta uống chén rượu nếp trong quán; ông ta không còn cảm thấy có

mình nữa, không còn cảm thấy khổ đau của cuộc đời, và như thế, ông chứng nghiệm sự thoát ly trong chốc lát. Gục trên chén rượu nếp, ông ta biết được cái mà Tất Đạt và Thiện Hữu tìm thấy khi chúng ta thoát khỏi tự thân bằng những tập luyện và sống trong vô ngã.

- Anh nói vậy nhưng anh cũng biết là Tất Đạt không phải là người đánh xe bò và một Sa Môn thì không uống rượu – người uống rượu tất nhiên cũng tìm được thoát ly và an nghỉ, nhưng nó sẽ thức tỉnh trước ảo tưởng và tìm thấy mọi vật như cũ. Nó không thể khôn ngoan, nó không tăng thêm trí thức, nó không trèo cao hơn chút nào.

Tất Đạt trả lời với nụ cười trên nét mặt:

- Tôi không biết – Tôi chưa bao giờ uống rượu.

Nhưng tôi chỉ tìm thấy một an ủi ngắn ngủi trong những thực tập về thiền quán của tôi, và tôi thật còn xa vời trí tuệ, giải thoát, như một đứa trẻ còn trong lòng mẹ, và điều này thì Thiện Hữu ơi, tôi biết rõ lắm.

Một dịp khác khi Tất Đạt rời khỏi cánh rừng cùng Thiện Hữu đi khất thực, Tất Đạt bắt đầu trò chuyện và hỏi:

- Này Thiện Hữu. Chúng ta đã đi đúng đường chưa?

Chúng ta có tăng thêm tri thức không? Chúng ta đã gần đạt đến giải thoát? Hay chúng ta chỉ đang đi trong những vòng luân hồi – trong lúc chúng ta đang nghĩ cách thoát khỏi?

Thiện Hữu nói:

- Chúng ta đã học nhiều Tất Đạt ạ. Chúng ta không ở mãi trong vòng luân hồi đó, chúng ta đang đi ra ngoài. Con đường là một đường xoáy ốc. Chúng ta vừa trèo xong nhiều bậc rồi.

- Bạn nghĩ vị thầy khả kính của chúng ta chừng bao nhiêu tuổi.

- Tôi nghĩ nhiều nhất là vào khoảng sáu mươi.

- Người đã sáu mươi tuổi và chưa đạt đến Niết Bàn.

Người sẽ già bảy mươi, tám mươi và anh với tôi sẽ lớn lên và già như người, tập được nhịn đói và thiền quán, nhưng chúng ta sẽ không đạt đến Niết Bàn, người cũng như chúng ta. Thiện Hữu ơi, tôi tin rằng giữa các Sa Môn, có thể không được ai vào Niết Bàn cả. Chúng ta tìm thấy an ủi, chúng ta học những mánh lới tự lừa dối chúng ta, nhưng điều cốt yếu - Chính Đạo – ta không tìm thấy.

- Đừng nói gở như thế Tất Đạt ơi! Làm sao có thể tin rằng giữa bao nhiêu người học thức, giữa bao nhiêu người Bà La Môn, bao nhiêu Sa Môn xứng đáng và khắc khổ, giữa bao nhiêu người đi tìm, bao nhiêu người hy sinh cho đời sống nội tâm, bao nhiêu người thánh thiện ấy, lại chẳng có ai sẽ tìm ra Chính Đạo?

Tất Đạt vẫn nói bằng một giọng chua chát pha lẫn chút phiền muộn. Có một vẻ gì buồn bã, một vẻ gì dí dỏm trong giọng nói của chàng:

- Thiện Hữu, rồi bạn anh sẽ rời con đường của các Sa Môn mà trên đó nó đã du ngoạn với anh rất lâu. Tôi đau niềm khao khát và trên bước đường Sa Môn dài, niềm khao khát của tôi không hề thuyên giảm. Tôi luôn khao khát hiểu biết và luôn luôn tràn đầy những nghi vấn. Năm này qua năm khác tôi đã đi hỏi các vị Bà La Môn, hỏi những pho kinh thánh. Thiện Hữu ạ, có lẽ đi hỏi một chú lợn rừng hay một chị vượn cũng đáng và cũng thiêng liêng bằng. Tôi đã phí rất nhiều năm tháng nhưng vẫn chưa xong, để học được một điều này là: người ta không học được gì cả. Tôi tin rằng trong bản chất mỗi sự vật, có một cái gì mà chúng ta không thể học được. Thiện Hữu ơi, chỉ có một tri thức ở khắp nơi, là Đại ngã, trong tôi, trong anh và trong mọi sinh vật, và tôi bắt đầu tin rằng tri thức ấy không có một kẻ thù nào nghịch hơn là con người tri thức, hơn sự học.

Đến đây Thiện Hữu dừng lại trên đường, đưa hai tay lên và nói:

- Tất Đạt, đừng làm bạn anh phiền muộn với những câu chuyện như vậy. Thật thế, những lời của anh làm tôi xao động. Hãy suy nghĩ lại, những bài cầu nguyện của chúng ta, sự khả kính của các vị Bà La Môn, sự thiêng liêng của các Sa Môn sẽ có nghĩa gì nếu không có học thức như lời anh nói? Tất Đạt, mọi sự sẽ trở thành gì trên trái đất này, còn cái gì thánh thiện nữa, còn cái gì thiêng liêng và quý giá nữa?

Thiện Hữu lẩm nhẩm một câu thơ, một câu kinh từ Áo Nghĩa Thư, "Kẻ mà linh hồn trong sạch thấm nhuần Đại ngã sẽ hiểu thánh ân không thể diễn tả bằng ngôn từ". Tất Đạt im lặng. Chàng đắm chìm trong lời thơ mà Thiện Hữu vừa thốt ra.

Phải – chàng đứng cúi đầu suy nghĩ – cái gì còn lại từ tất cả những gì mà chúng ta cho là thiêng liêng? Cái gì còn lại? Cái gì được bảo tồn? Và chàng lắc đầu. Lúc hai người sống chung với các vị Sa Môn được chừng ba năm và cùng nhau tham dự những buổi thực tập, một hôm, họ bỗng nghe một tiếng đồn từ nhiều nguồn. Có một người đã xuất hiện, tên là Cồ Đàm, đức Như Lai, đức Phật. Người đã nhiếp phục được nỗi khổ của đời và làm ngưng được con đường sinh tử. Người lang thang khắp xứ để giảng đạo, các đồ đệ vây quanh. Không của cải, nhà cửa, vợ con. Người mặc một cái áo khoác màu vàng của nhà khổ hạnh, vừng trán cao và thánh thiện. Những người Bà La Môn và các Hoàng tử nghiêng mình trước Người và trở thành học trò của Người. Tin ấy được đồn đãi ra xa và lan khắp.

Những người Bà La Môn bàn về tin ấy trong thành thị, những Sa Môn bàn trong núi rừng, dần dần đến tai đôi bạn trẻ, có khi nghe hoan nghênh, có khi nghe phỉ báng. Cũng như khi một miền bị bệnh dịch hoành hành, và có một tin đồn rằng có một hiền nhân, một nhà thức giả, có thể dùng lời nói và hơi thở để chữa lành bệnh, khi tin ấy được bàn tán khắp nơi, sẽ có nhiều người ngờ vực, nhiều người đến tìm vị thánh nhân ấy tức khắc, cũng như thế, lời đồn đãi về đấng Cồ Đàm, đức Phật, dòng họ Thích Ca lan khắp xứ. Người có trí tuệ cao vời – người ta bảo: Người nhớ được tiền kiếp, đã đạt đến Niết Bàn và không còn luân hồi sinh tử, không chìm đắm trong dòng hình hài vẩn đục. Nhiều điều kỳ diệu và khó tin được đồn về Người rằng, Người đã làm phép thần thông, đã nhiếp phục được ma quỷ, đã chuyện trò với thần linh. Những đối thủ và những người hoài nghi thì bảo rằng Cồ Đàm ấy chỉ là một người lừa bịp biếng nhác, ông sống xa hoa, khinh thường tế tự, không có học thức và cũng không biết gì về sự tu hành ép xác khổ hạnh. Tin đồn về đức Phật có mãnh lực gây chú ý, hình như có phép lạ gì trong những lời đồn ấy. Thế giới đang bệnh hoạn, sự sống đầy khổ đau nên đâu đâu dường như cũng lóe sáng một niềm hy vọng mới, một sứ giả đem lại vỗ về an lạc, đầy hứa hẹn. Khắp nơi đều có tin đồn về đức Phật. Các thanh niên khắp xứ Ấn Độ lắng nghe, cảm thấy một niềm khát khao hy vọng và trong làng mạc thành thị những người con của các vị Bà La Môn đón tiếp nồng hậu mỗi khi có người lạ mặt mang đến hoặc kẻ

hành hương mang tin về đấng Giác Ngộ, đức Thích Ca Mâu Ni.

Tiếng đồn đến tai các vị Sa Môn trong rừng và Tất Đạt, Thiện Hữu nghe mỗi mẩu tin với niềm hy vọng, với nỗi hoài nghi. Họ ít bàn đến tin đồn ấy, vì vị Sa Môn trưởng không tán thành tin kia. Ông đã nghe rằng đức Phật người ta nói đến, ngày xưa đã từng khổ hạnh và sống trong rừng sâu nhưng sau đó trở lại sống xa hoa với lạc thú thế tục và vì thế ông không tin Cồ Đàm.

- Tất Đạt ơi, Thiện Hữu một hôm bảo bạn, sáng nay khi tôi vào làng, một người Bà La Môn đã mời tôi vào nhà, và trong nhà có một người con trai Bà La Môn đã đến từ thành Thất La. Anh ta đã thấy tận mắt đức Phật và nghe Ngài thuyết pháp. Thật tôi đã tràn đầy khát vọng và tôi nghĩ: "Tôi mong sao cả Tất Đạt và tôi được sống đến ngày chúng ta có thể nghe lời dạy từ kim khẩu của đấng Vô Thượng Giác". Bạn ơi, chúng ta lại không đến đấy hay sao, để nghe chính Ngài chỉ giáo?

Tất Đạt bảo:

- Tôi vẫn tưởng rằng Thiện Hữu sẽ ở lại với những vị Sa Môn. Tôi luôn luôn tin rằng bạn tôi sẽ sống sáu mươi, bảy mươi tuổi mà vẫn còn thực hành những bí quyết của các Sa Môn dạy. Nhưng tôi đã hiểu bạn ít làm sao! Tôi đã chẳng hiểu gì trong thâm tâm bạn cả! Bây giờ, bạn ơi, bạn đã mong mỏi vạch một con đường mới và đi nghe lời Người dạy.

Thiện Hữu nói:

- Anh vẫn thích thú để chế nhạo tôi. Không sao đâu, Tất Đạt. Nhưng chính anh, anh không cảm thấy mong muốn khát khao được nghe lời dạy ấy hay sao? Và chính anh đã không có lần nói với tôi rằng anh không đi theo con đường của những Sa Môn nữa đó sao?

Tất Đạt cười lớn và trong giọng chàng có lẫn vị nửa buồn rầu nửa châm biếm. Chàng bảo:

- Đúng đấy, Thiện Hữu, bạn đã nhớ rất giỏi. Nhưng bạn cũng nên nhớ những điều khác tôi đã nói cùng bạn - rằng tôi trở nên nghi ngờ sự dạy dỗ cũng như học hành và tôi không tin mấy về những lời mà những vị thầy nói ra. Nhưng tốt lắm bạn ơi: tôi cũng sẵn sàng để nghe những lời chỉ giáo mới mẻ mặc dù trong thâm tâm tôi vẫn tin rằng chúng ta đã nếm những quả tốt đẹp nhất của những lời giảng dạy ấy.

Thiện Hữu trả lời:

- Tôi rất sung sướng vì Tất Đạt đã bằng lòng. Nhưng hãy nói cho tôi nghe, làm sao những lời chỉ giáo của Cồ Đàm đã cho ta thấy những quả quí báu nhất khi mà ta chưa nghe lời Người nói.

Tất Đạt bảo Thiện Hữu:

- Hãy thưởng thức trái ngon này và chờ đợi những trái sau. Trái ngon mà ta đã thừa hưởng của Cồ Đàm là sự kiện Ngài đã lôi kéo chúng ta ra khỏi những thầy Sa Môn. Còn có quả nào khác hơn và tốt lành hơn nữa, chúng ta hãy kiên tâm chờ xem.

Cùng hôm đó, Tất Đạt báo tin cho vị Sa Môn trưởng rằng chàng quyết định rời bỏ Người. Chàng nói với vẻ khiêm tốn của một môn đệ trẻ tuổi. Nhưng vị Sa Môn già tức giận khi thấy rằng cả hai người học trò trẻ tuổi muốn bỏ mình, và ông cao giọng rầy mắng họ kịch liệt. Thiện Hữu ngạc nhiên cực độ nhưng Tất Đạt rỉ tai bạn: "Bây giờ tôi sẽ làm cho ông già thấy rõ rằng tôi đã học được ít nhiều với ông ta".

Chàng đứng gần vị Sa Môn, tập trung thần trí; chàng nhìn vào đôi mắt của ông lão và dùng nhãn lực xâm chiếm ông ta, thôi miên ông, làm ông câm nín, thu phục ý chí ông và lặng lẽ sai bảo ông ta làm theo ý chàng. Ông già trở nên im lặng, đôi mắt long lên, ý chí kiệt quệ hẳn, cánh tay buông thõng. Ông ta bất lực dưới bùa chú của Tất Đạt. Ý tưởng Tất Đạt nhiếp phục hết ý tưởng của thầy Sa Môn già, ông ta phải làm những gì chàng sai khiến và cứ thế ông cúi đầu nhiều bận, ban phép lành và lẩm bẩm những lời chúc tụng chàng một cuộc hành trình tốt đẹp. Đôi bạn trẻ cám ơn ông ta, đáp lễ và ra đi. Trên đường Thiện Hữu bảo:

- Tất Đạt, anh đã học của những thầy Sa Môn nhiều hơn là tôi tưởng. Thôi miên được một vị Sa Môn già rất khó khăn. Quả thật nếu anh ở lại, nhất định anh sẽ học được cách đi trên nước.

- Tôi không muốn được đi trên nước, Tất Đạt bảo – hãy để cho những Sa Môn tự mãn với những bí thuật như vậy.

Chương 3

Trong thành Thất La, mọi trẻ con đều biết đến đức Phật Đại Giác và mọi nhà sẵn sàng đồ cúng dường sử dụng, để đổ vào bình bát của những đồ đệ Ngài lặng lẽ đi khất thực. Gần thành phố có chỗ ưa thích của đức Cồ Đàm, rừng Lộc Uyển mà thương gia giàu có tên Cấp Cô Độc, một cư sĩ đã tận tụy cúng dường Ngài. Hai bạn trẻ khổ hạnh, khi đi tìm chỗ ở của đức Cồ Đàm đã được chỉ đến vùng này; và khi họ đến Thất La lặng lẽ khất thực trước cửa nhà đầu tiên, thức ăn liền được dâng cúng. Họ chia nhau thực phẩm, Tất Đạt hỏi người đàn bà cúng dường:

- Thưa bà, chúng tôi rất muốn biết đức Phật, đấng Giác Ngộ hiện đang ở đâu? Chúng tôi là Sa Môn từ rừng núi xuống và muốn đi gặp đấng Giác Ngộ để nghe những lời dạy từ miệng Ngài thốt ra.

Người đàn bà nói: "Các ngài đã đến đúng chỗ, thưa các vị Sa Môn hạ sơn. Đấng Giác Ngộ hiện đang ở rừng Lộc Uyển. Các ngài có thể ngủ lại ở đấy, hỡi quí vị khất sĩ, vì có đủ chỗ cho rất đông người đến tụ tập để nghe Ngài chỉ giáo".

Thiện Hữu sung sướng nói: Thế thì chúng ta đã đến đích và hành trình đã xong. Nhưng hỡi bà mẹ quí, bà có biết đức Phật không? Bà có thấy Ngài tận mắt không?

Người đàn bà đáp:

- Tôi đã thấy đức Giác Ngộ nhiều lần rồi chứ. Nhiều hôm tôi thấy Ngài đi qua những đường phố, lặng lẽ khoác áo vàng, và im lặng chìa bát khất thực trước cửa các nhà rồi trở về với bát đầy.

Thiện Hữu lắng nghe thích thú và muốn hỏi nhiều, nghe nhiều nữa, nhưng Tất Đạt nhắc chàng phải đi. Họ cảm tạ rồi ra đi. Bấy giờ thì không phải hỏi đường nữa, vì có một số đồ đệ của đức Cồ Đàm đang trên đường đi đến vườn Lộc Uyển. Khi họ đến đấy vào đêm, còn có nhiều người tiếp tục đến. Nhiều lời nói nổi lên nhao nhao từ những kẻ đến xin chỗ trọ. Hai thầy Sa Môn nhờ quen đời sống núi rừng nên dễ dàng tìm chỗ nghỉ và ở lại cho đến sáng.

Khi mặt trời lên cao họ ngạc nhiên thấy số lượng khổng lồ những tín đồ và kẻ hiếu kỳ đã ngủ qua đêm tại đây. Những thầy tu vận áo vàng đi bách bộ dọc khắp các con đường nhỏ trong khu rừng thâm u. Lác đác đây đó vài vị ngồi dưới bóng cây, mài miệt trầm tư hoặc luận

đàm đạo lý. Khu vườn rợp bóng trông như một thành phố đầy ong chen chúc. Phần đông những tu sĩ ra đi với những bát khất thực để xin thức ăn cho buổi trưa, buổi ăn độc nhất trong ngày. Cả đến đức Phật cũng đi khất thực về ban sáng.

Tất Đạt trông thấy Ngài và nhận ra ngay, như thể một vị thần linh nào đã chỉ cho chàng. Chàng thấy Ngài mang bình bát lặng lẽ rời chỗ ở.

- Kìa! Đấy là đức Phật, Tất Đạt khẽ bảo Thiện Hữu. Thiện Hữu chú mục nhìn vị tu sĩ đắp y vàng, một vị tu sĩ khó mà phân biệt được giữa hàng trăm tu sĩ khác, nhưng Thiện Hữu cũng nhận ra. Phải, đấy chính là đức Phật, và họ đi theo chiêm ngưỡng Ngài.

Đức Phật lặng lẽ đi, dáng đăm chiêu suy nghĩ. Nét mặt bình an của Ngài không sung sướng cũng không buồn khổ. Ngài dường như hiền dịu mỉm cười trong tâm với một nụ cười kín đáo không khác nụ cười của một trẻ thơ khỏe mạnh. Người bước đi bình an, lặng lẽ. Ngài đắp y và đi bộ giống hệt các vị tỳ kheo khác nhưng nét mặt Ngài cùng bước chân Ngài, cái nhìn xuống trầm lặng và đôi tay buông thả, và mỗi ngón tay Ngài đều nói lên một niềm bình thản đầy đặn, không tìm kiếm gì, không học đòi một cái gì, mỗi ngón tay phản chiếu một sự bình lặng liên tục, một ánh sáng không phai mờ, một niềm bình an bất khả tổn thương.

Cứ thế đức Cồ Đàm đi vào thành thị để khất thực, và hai người Sa Môn nhận ra Ngài chỉ nhờ tư thái tuyệt diệu của Ngài, sắc tướng vắng lặng của Ngài trong đó không có sự kiếm tìm, không có hiện diện của ý chí hay sự gắng công - chỉ thuần ánh sáng và niềm bình thản.

- Hôm nay chúng ta sẽ nghe lời dạy từ chính kim khẩu của Ngài, Thiện Hữu bảo.

Tất Đạt không trả lời. Chàng không thiết tha mấy tới những lời chỉ giáo. Chàng không nghĩ chúng sẽ dạy chàng điều gì mới lạ. Chàng cũng như Thiện Hữu, đã nghe những tinh hoa của Phật pháp dù chỉ nghe những lời tường thuật qua hai ba lần kể. Nhưng chàng nhìn chăm chú vào đầu đức Phật, vào vai Ngài, vào chân, vào bàn tay buông thong thả và chàng tưởng như mỗi đốt tay của Ngài đều chứa đựng tri thức, chúng nói lên, thở ra, tuôn phát ra chân lý. Người này, đức Phật này, quả là một người thánh thiện đến từng đầu ngón tay. Chưa bao giờ Tất Đạt thấy kính trọng một người đến thế, chưa bao giờ chàng thương quí một người đến thế.

Buổi chiều, không khí nóng nực đã giảm và mọi người trong trại đã thức dậy tụ họp, họ nghe Phật thuyết pháp. Họ nghe thấy tiếng Ngài, và tiếng ấy cũng thật tuyệt diệu, lặng lẽ và đầy thanh bình. Ngài nói về Khổ, nguồn gốc của Khổ, cách diệt Khổ. Sự sống là khổ đau, thế giới đầy đau thương, song con đường thoát khổ đã tìm ra. Những người theo đường của đức Phật sẽ được sự cứu rỗi. Đấng Giác Ngộ với một giọng dịu dàng nhưng đoan quyết, Ngài dạy về Tứ diệu đế, Bát chánh đạo; và cùng với phương pháp dạy thông thường Ngài kiên nhẫn thêm vào những ví dụ và nhắc lại nhiều lần. Lặng lẽ và rõ ràng, giọng Ngài bay đến những thính giả như một ánh sáng, như một vì sao từ thiên giới.

Khi đức Phật đã chấm dứt - trời đã về đêm – nhiều khách hành hương tiến lên xin được gia nhập vào giáo hội, đức Phật nhận lời và bảo:

- Các ngươi đã nghe những lời của Như Lai. Hãy đi theo ta và đi với niềm an lạc, chấm dứt mọi khổ đau.

Thiện Hữu, con người rụt rè, cũng bước lên nói:

- Tôi cũng muốn xin theo đấng Giác Ngộ và lời chỉ giáo của Ngài.

Chàng xin được nhập vào tăng chúng và liền được chấp thuận.

Khi đức Phật đã lui về nghỉ ban đêm, Thiện Hữu quay lại Tất Đạt và nói với vẻ nồng nhiệt:

- Tất Đạt, tôi không quen chỉ trích anh. Chúng ta đều đã nghe đấng Giác Ngộ. Tôi đã lắng nghe lời dạy và đã chấp thuận những lời ấy, nhưng còn bạn, bạn ơi, bạn lại không đặt chân lên con đường giải thoát hay sao? Bạn còn trì hoãn gì nữa! Còn đợi gì nữa sao?

Khi nghe lời Thiện Hữu, Tất Đạt bừng tỉnh như vừa ngủ dậy. Chàng nhìn vào mặt Thiện Hữu một lúc lâu. Rồi chàng nhẹ nhàng bảo - giọng không còn chế giễu:

- Thiện Hữu, bạn ơi, bạn đã bước chân đi và chọn đường, bạn đã luôn luôn là bạn quí của tôi. Thiện Hữu, bạn đã luôn đi sau tôi một bước. Tôi vẫn thường nghĩ: "Thiện Hữu có bao giờ bước một bước mà không cần đến tôi chăng? Một bước đi từ sự tin tưởng vững vàng của chàng?". Giờ đây, bạn đã là một người đàn ông và đã chọn con đường riêng của bạn. Ước mong sao bạn sẽ đi đến cùng. Thiện Hữu, ước mong bạn sẽ tìm được giải thoát.

Thiện Hữu vẫn chưa hiểu rõ, lặp lại câu hỏi một cách nóng nảy:

- Nói đi, bạn! Hãy nói rằng bạn cũng sẽ không làm gì khác hơn là nguyện theo gót đức Phật?

Tất Đạt đặt tay lên vai bạn:

- Bạn đã nghe tôi chúc lành cho bạn, hỡi Thiện Hữu. Tôi lặp lại: mong sao cho bạn đi cuộc hành trình cho đến cùng; cho bạn tìm ra giải thoát!

Lúc ấy, Thiện Hữu mới nhận ra rằng bạn chàng đang bỏ chàng. Chàng bắt đầu khóc.

- Ồ Tất Đạt! Thiện Hữu nấc lên.

Tất Đạt dịu dàng bảo:

- Thiện Hữu ơi, đừng quên rằng bây giờ bạn ở vào hàng đệ tử của Phật. Bạn đã khước từ dòng dõi và tài sản, khước từ ý chí riêng, khước từ tình bạn hữu. Đấy là những gì giáo điều giảng dạy, đấy là ý muốn của đấng Giác Ngộ. Đấy cũng là những gì chính lòng bạn muốn.

Ngày mai, Thiện Hữu ơi, tôi sẽ rời bạn.

Một lúc lâu, đôi bạn lang thang qua các khu rừng. Họ nằm xuống đất rất lâu nhưng không sao ngủ được. Thiện Hữu gạn hỏi bạn nhiều lần tại sao Tất Đạt không muốn theo lời dạy của đức Phật, chàng đã thấy khuyết điểm gì trong lời dạy ấy, nhưng mỗi lần Tất Đạt đều khoát tay:

- Bạn hãy bình tĩnh, Thiện Hữu. Lời dạy của đấng Giác Ngộ thật chí lý. Làm sao tôi có thể tìm ra khuyết điểm trong ấy?

Sáng sớm, một đồ đệ của đức Phật, một trong những vị tỳ kheo già nhất, đi khắp khu rừng và triệu tập tất cả những đồ đệ mới phát nguyện để khoác cho họ chiếc áo vàng và dặn dò những lời chỉ giáo đầu tiên về phận sự của họ. Khi ấy Thiện Hữu chỉ chạy đến hôn người bạn từ thời thơ ấu và khoác chiếc áo tăng lữ đầu tiên. Tất Đạt đi lang thang trong khu rừng, để tâm trí trong suy tư. Ở đấy chàng gặp Cồ Đàm, đấng Giác Ngộ, và khi chàng kính cẩn chào Ngài và thấy nét mặt Phật đầy thiện đức và bình an, chàng thu hết can đảm xin phép được nói chuyện cùng Ngài, đấng Giác Ngộ lặng lẽ gật đầu.

Tất Đạt nói:

- Bạch đấng Đại Giác, hôm qua tôi đã hân hạnh được nghe những lời chỉ giáo tuyệt vời của Ngài. Tôi từ xa đến với bạn tôi để nghe Ngài và bây giờ bạn tôi sẽ ở lại với Ngài, bạn đã nguyện theo Ngài. Còn tôi, tôi vẫn lại tiếp tục hành trình.

- Người cứ tự tiện, đấng Giác Ngộ ôn tồn đáp.

Tất Đạt tiếp lời:

- Có lẽ những lời của tôi quá táo bạo nhưng tôi không muốn từ giã đấng Giác Ngộ mà không thành tâm trình bày cùng Ngài những thiển ý của tôi. Ngài có thể nghe tôi hầu chuyện một lúc nữa chăng?

Đức Phật lại lặng lẽ gật đầu.

- Hỡi đấng Giác Ngộ, trước hết tôi rất thán phục những điều Ngài dạy bảo. Mọi sự đều được chứng minh đầy đủ rõ ràng. Ngài trình bày thế giới như một sợi dây xích liên tục không đứt đoạn, một sợi dây bất tuyệt nối liền với nhau bởi nhân và quả. Chưa bao giờ vũ trụ được trình bày rõ ràng như thế, và chứng minh một cách khúc chiết như thế. Chắc hẳn một người Bà La Môn phải giật mình kinh hãi, khi qua những lời giảng dạy của Ngài, họ nhìn thấy một vũ trụ hoàn toàn mật thiết với nhau đến không có một lỗ hổng, trong suốt như pha lê, không phụ thuộc may rủi, không phụ thuộc thần linh. Thế giới tốt hay xấu, sự sống tự nó là đau khổ hay khoái lạc, sự sống bất trắc hay không, điều này không quan trọng nhưng sự nhất thể của thế giới, lẽ tương quan tương liên của mọi sự vật, lớn nhỏ bao gồm nhau, sinh thành bao gồm trong hủy diệt: những điều Ngài dạy thật xán lạn và phân minh. Nhưng theo những lời dạy ấy, sự nhất tính và liên tục hợp lý của mọi sự có một chỗ hở. Qua khe hở nhỏ ấy, một cái gì lạ lùng bỗng tuôn trào vào trong thế giới nhất thể này, một cái gì mới mẻ, một cái gì không có ở đấy trước kia và không thể chứng minh hay chứng nghiệm được: ấy là thuyết của Ngài về sự vươn lên trên thế giới, thuyết cứu độ. Với khe hở nhỏ này, chỗ gián đoạn bé bỏng ấy, dù sao, luật vũ trụ duy nhất không tiền khoáng hậu lại bị sụp đổ. Xin Ngài tha thứ nếu tôi đưa ra sự đối chất này.

Đức Cồ Đàm đã lắng nghe, lặng lẽ bất động. Và Ngài cất một giọng nhã nhặn trong sáng:

- Người đã khá nghe những lời giảng dạy, hỡi người thanh niên Bà La Môn, và thật quý hóa người đã nghĩ sâu xa về những lời ấy. Người đã tìm thấy một khuyết điểm. Hãy nghĩ kỹ lại về điều đó. Ta chỉ khuyên người, một người khao khát hiểu biết, hãy tránh xa rừng quan niệm và sự xung đột giữa các danh từ. Quan niệm không có nghĩa gì, chúng có thể đẹp hay xấu, khôn hay dại và bất cứ ai cũng có thể chấp nhận hay bác bỏ. Giáo lý mà người đã nghe, tuy vậy, không phải là quan niệm của ta, và mục đích của nó không phải là để giải thích vũ trụ cho những người ham hiểu biết. Mục đích của nó hoàn toàn khác biệt. Mục đích ấy là giải thoát khỏi khổ đau. Đấy là những gì Cồ Đàm dạy, không gì khác hơn.

- Xin Ngài đừng giận tôi, hỡi đấng Giác Ngộ, người trẻ tuổi nói. Tôi không nói thế để tranh biện với Ngài về danh từ. Ngài rất hợp lý khi dạy rằng quan niệm không có nghĩa lý gì, nhưng xin Ngài cho tôi được nói thêm một lời. Tôi không nghi ngờ rằng Ngài là đức Phật, rằng Ngài đã đạt đến đích cao cả nhất mà người người Bà La Môn và con trai họ đang nỗ lực để đạt đến. Ngài đã đạt được nhờ sự tìm kiếm của riêng Ngài và bằng đường đi của chính Ngài, bằng suy tư, bằng thiền quán, bằng hiểu biết và trí tuệ. Ngài bảo không học được gì từ những lời giảng dạy, và bởi thế, kính bạch đấng Giác Ngộ, tôi nghĩ rằng không ai tìm được giải thoát qua những lời chỉ giáo. Ngài không thể, hỡi đấng Toàn Giác, truyền cho ai bằng danh từ và giáo lý những gì đã đến với Ngài trong giờ Ngài giác ngộ. Lời chỉ giáo của đấng Giác Ngộ bao hàm rất nhiều, dạy rất nhiều, phải sống thế nào, phải tránh điều ác như thế nào. Nhưng có một điều mà giáo lý sáng sủa và giá trị ấy không chứa đựng, ấy là những gì huyền bí mà đấng Giác Ngộ đã chứng nghiệm – Ngài độc nhất giữa hàng trăm nghìn người khác. Chính vì lẽ thế mà tôi phải đi con đường của tôi, không phải để tìm thêm một lý thuyết tốt đẹp hơn, vì tôi biết không có, nhưng để từ bỏ tất cả lý thuyết và thầy dạy, để tự mình đạt đến đích – hay chết. Nhưng tôi sẽ luôn luôn nhớ lại hôm nay, hỡi đấng Toàn Giác, và giờ này, khi mắt tôi được chiêm ngưỡng một bậc thánh nhân.

Mắt của đức Phật hạ thấp xuống, nét mặt khôn dò của Ngài diễn tả một niềm bình an thuần tịnh.

- Ta mong người không lầm trong lối lập luận ấy – Người chậm rãi nói. Mong sao cho người đến đích! Nhưng người hãy nói ta nghe; người đã thấy nhiều bậc thánh thiện tụ họp quanh ta chưa? Những người đệ tử đã quy y theo giáo lý của ta ấy? Hỡi người Sa Môn từ xa đến, người có nghĩ rằng tốt hơn họ nên hồi lại và trở về sự sống thế nhân với dục lạc?

- Tôi không bao giờ nghĩ đến điều đó? Tất Đạt kêu lên. Ước sao cho họ đi đến đích! Mong sao cho họ đều theo lời chỉ giáo! Không phải việc của tôi để đi phê phán cuộc đời khác. Tôi phải phê phán cho chính tôi. Tôi phải lựa chọn và gạt bỏ. Chúng tôi là những Sa Môn tìm kiếm sự giải thoát khỏi bản ngã. Nếu tôi là một trong những đồ đệ của Ngài, tôi sợ rằng đấy chỉ là bề mặt, rằng tôi sẽ tự lừa dối mình là tôi đang bình an và đã giải thoát trong khi thực ra cái ngã vẫn còn tiếp tục sống và tăng trưởng, vì nó sẽ được biến vào trong những lời chỉ giáo của Ngài, trong sự quy y của tôi và lòng thương mến của tôi đối với Ngài và đoàn thể tăng chúng.

Hơi mỉm cười, sắc diện vẫn sáng ngời hào quang, đức Phật thân mật nhìn người khách lạ chăm chăm và Tất Đạt đoán rằng Ngài muốn từ giã chàng.

- Hỡi Sa Môn, ông rất là khôn ngoan, Ngài nói. Ông biết ăn nói khôn khéo lắm, ông bạn. Nhưng hãy cẩn thận trước sự khôn ngoan quá mức.

Đức Phật bỏ đi và cái nhìn của Ngài, nụ cười của Ngài khắc sâu trong ký ức của Tất Đạt mãi mãi. Ta chưa hề thấy một người nhìn, mỉm cười, đi, đứng, ngồi như thế. Tất Đạt tự nhủ: Ta cũng muốn nhìn, cười, đi, đứng như thế, tự tại làm sao, vừa dè dặt, vừa trong sáng hồn nhiên, vừa huyền bí. Một người chỉ nhìn và bước đi như thế một khi họ đã nhiếp phục được Tự ngã. Ta, ta cũng sẽ nhiếp phục được Tự ngã. Ta đã thấy một người, chỉ một người thôi, mà trước người ấy ta phải cúi đầu, – Tất Đạt thầm nghĩ. Ta sẽ không bao giờ cúi đầu trước người nào nữa. Không lời chỉ giáo nào khác sẽ quyến rũ ta được.

Đức Phật đã cướp của ta, Tất Đạt suy nghĩ. Ngài đã cướp của ta tuy nhiên, Ngài đã cho ta một giá trị khác cao hơn. Ngài đã cướp khỏi tay ta người bạn đã tin tưởng nơi ta mà bây giờ tin theo Ngài, người bạn ấy đã là cái bóng của ta nhưng bây giờ là cái bóng của Cồ Đàm. Nhưng Ngài đã đem lại cho ta chính ta.

(còn tiếp)

Cảm nhận những niềm hạnh phúc của tôi

• **Thích Như Tú**

Không gian vô tận... Thời gian vô cùng...

Tôi ngồi đây giữa lòng đất mẹ, thỏ thẻ chút tình mang nặng thủy chung. Tôi sinh ra nơi miền Trung đất Quảng, vùng quê nghèo "*đất cày lên sỏi đá*", bốn mùa hối hả, vất vả suốt quanh năm, nhưng thắm đượm tình nồng, dạt dào qua mấy bận dân ca của quê hương:

"*Đất Quảng Nam chưa mưa đà thấm.*
Rượu Hồng Đào chưa nhấm đã say".

Nghẹn lời thiết tha! Tình quê gần gũi, đậm đà. Đường xưa về ấp ủ lối mòn tuổi thơ, tôi nhớ lại những tháng ngày xưa ấy, của một thời kỷ niệm mang chiếc áo học trò. Cứ mỗi buổi chiều tan học, cả bọn con trai chúng tôi cùng nhau chơi bóng đá, rồi ngâm mình dưới dòng sông trong veo, êm ả; vẫy vùng bơi lội. Buổi tối, nhằm lúc trời sáng trăng, lũ trẻ con kéo nhau ra đầu làng, nơi có cây bàng cao to chia phe chơi trò "tìm người bí ẩn". Thỉnh thoảng gào lên tiếng reo vui khi phe kia chiến thắng, xen lẫn âm thanh rì rào theo ngọn gió đong đưa. Xuyên qua hàng cây lá đổ, bóng trăng gầy như hấp dẫn trẻ thơ.

Nghe các cụ kể lại, cây bàng ở đầu làng đã có từ mấy đời tiền hiền xa xưa và cũng chính là linh hồn của thôn xóm Đông Khương. Mỗi khi cúng xóm đầu năm, các cụ tỏ rõ sự cung kính nơi ấy làm nơi quay về nương tựa vái van, khẩn cầu thôn trên xóm dưới được bình an. Trong buổi lễ như thế, không bao giờ thiếu vắng giai điệu du dương của cây đàn cò, tiếng chiêng đồng buông thả theo nhịp "hai – một" và đáp lại là tiếng trống "bầm bầm – bầm" tạo nên một thể điệu nhạc cụ, mang đậm nét văn hóa làng xã Việt Nam. Khăn đen áo dài của các cụ cũng thướt tha hai hàng thẳng tắp. Đội hia cong vút trong dáng dấp nhẹ nhàng, cụ Chánh lễ cử bộ dâng hương cúng bái. Khi lễ hoàn tất, những cúng phẩm được phân chia cho bọn trẻ trong làng, rồi ngồi quây quần bên nhau nghe các cụ kể về những sự tích của tiền nhân lập nên thôn xóm.

Những bức tranh thời ấy đã đi vào dĩ vãng. Hồn quê xưa, nay bỗng hiện về bên ký ức. Nghe tiếng ve râm ran như báo hiệu hè về. Hàng phượng vĩ chớm đầy màu đỏ thắm. Từng vạt nắng chói chang xơ xác bụi đường dài. Ai có về quê mới tìm lại thời thơ ấu,[1] một quãng đời vui thật hồn nhiên.

Tôi vẫn kể với người qua nỗi nhớ, trên quê mình tạo dáng bởi một dòng sông. Nước Thu Bồn im lìm một vẻ, soi bóng hoàng hôn buông xuống lũy tre già. Xa xa bãi cát, từng đàn cò trắng dập dìu bay về tổ ấm họa nên một bức thiên nhiên tuyệt đẹp. Nơi tôi ở là nơi đất "Bà Hạ Xứ", gần dãy "Cồn Thu" trồng "*ngàn dâu xanh ngát*"[2]; nuôi tằm nhả kén, dệt lụa ươm tơ. Từ làng Phước Kiều đúc đồng nổi tiếng đến làng nghề cổ truyền điêu khắc, chạm trổ ở thôn Đông Khương... là những nơi tạo phẩm của nghệ thuật. Những bảng đối liễn hay những bức hoành phi gỗ gụ được sơn son thếp vàng để trang trí Đình, Chùa, Miếu Mạo tạo nên một vẻ đẹp lộng lẫy trang nghiêm như cổ xá ngàn năm còn nguyên vẹn. Thỉnh thoảng đâu đây tiếng chuông chùa vọng lại, đưa hồn về với phố cổ Hội An.

Năm 19 tuổi, tôi rời xa gia đình và thôn xóm thân thương, để lại sau lưng những lũy tre xanh rì ngả nghiêng trong gió. "*Con đường mòn mỗi ngày tôi qua lại lắm lần nhưng lần này*"[3] cũng lặng lẽ. Dòng sông xanh vẫn êm đềm trôi chảy, in bóng ngôi Niệm Phật Đường Phước Khánh thôn quê. Tất cả lặng yên dõi theo từng nhịp bước như thầm tiễn tôi đi.

Tôi an lạc bước lên một phương trời cao rộng. Nơi ấy, tôi hân hạnh đón chào những ưu ái hỏi thăm, những lời động viên giã từ cuộc sống đời thường của các Anh chị Huynh trưởng và Đoàn sinh Gia Đình Phật Tử Phước Khánh. Gia đình áo lam một thời thắm thiết luôn gắn bó với tôi trong tình dây thân ái.

Tôi hạnh phúc hòa mình vào "*thế giới hành điệu*" tại Chùa Viên Giác – Hội An. Những hình ảnh ban đầu ngay nơi cổ tự đã tiếp sức, rèn luyện tôi thêm vững niềm tin làm sứ giả của Đức Như Lai. Trong buổi lễ thế phát xuất gia hôm ấy, vì tôi là Đoàn sinh Gia Đình Phật Tử nên được Sư phụ mời Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng[4] thuộc khu 2 Quảng Nam và Gia đình Phật tử Phước Khánh thuộc đơn vị huyện Điện Bàn cùng tham dự. Ngày 02 tháng 9 năm 1990, trên Phật điện Viên Giác, tôi vô cùng hoan hỉ và cảm động dâng lên lời phát nguyện xuất gia, dưới sự chứng minh của Sư phụ và tất cả mọi người, trong đó có thân phụ tôi-Huynh trưởng Cấp tín, Pháp danh Như Công. Người đã đưa tôi đến với Sư phụ chùa Viên Giác.

Chùa tôi ở làng Cẩm Phô Thị xã Hội An được Thân hào kiến tạo từ rất sớm. Trải qua nhiều năm chiến loạn, ngôi chùa chịu chung số phận của thời cuộc, lưu lại những dấu tích xa xưa; có chùa mà thiếu vắng sư tăng. Tháng sáu năm 1949, Sư phụ tôi được Giáo Hội Tăng Già Quảng Nam thỉnh cử trụ trì và trùng tu lấy tên là Viên Giác. Sư phụ nối dòng thiền Lâm Tế đời thứ 40 thuộc thế hệ thứ 7 pháp phái CHÚC THÁNH pháp danh CHƠN NGỌC, pháp tự ĐẠO BẢO, pháp hiệu LONG TRÍ nên tôi được Bổn sư truyền pháp với pháp danh hàng chữ NHƯ đời thứ 41 thuộc thế hệ thứ 8 pháp phái CHÚC THÁNH. Dòng thiền này do Tổ Sư MINH HẢI– hiệu PHÁP BẢO (1670 – 1746) sáng lập từ những năm 1696. Tổ biệt xuất một bài kệ truyền pháp ngay những ngày trác tích khai sơn tại vùng đất Quảng.[5]

Bài kệ truyền pháp danh như sau:

---

[1] *Ý trong bài thơ "Một Mai Khi Trở Về" của Trần Trung Đạo.*

[2] *"Tình Quê Hương" của Việt Lang.*

[3] *"Tôi Đi Học" của Thanh Tịnh.*

[4] *Năm 1990, Quảng Nam – Đà Nẵng chưa tách tỉnh.*

[5] *Xem thêm "Lịch Sử Truyền Thừa Thiền Phái Lâm Tế Chúc Thánh", Thích Như Tịnh biên soạn, NXB Phương Đông, 2009.*

"*Minh Thiệt Pháp Toàn Chương.*
*Ấn Chơn **Như** Thị Đồng.*
Chúc Thánh Thọ Thiên Cửu.
Kỳ Quốc Tộ Địa Trường".

(Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh *dịch*: *Khơi sáng pháp chân thật. Tánh chân như là đồng. Cầu Thánh quân muôn tuổi. Chúc đất nước vững bền*).

Lúc bấy giờ, chùa tôi chỉ có mỗi Sư phụ, chú Tâm (Đại Đức Thích Như Tịnh) và vài người làm công quả lưa thưa đến từ làng Cẩm Nam. Các Bác chủ yếu làm đậu hủ, tương chao và dưa muối để mang ra chợ bán tạo kinh tế cho chùa. Mỗi buổi sáng đi học, tôi thường chở đậu hủ và tương chao xuống chợ Hội An gởi cho Cô Hiền (phật tử của chùa) bán giùm. Vì chùa tôi không có nhiều ruộng như các chùa khác ở vùng ven như Long Tuyền, Vạn Đức, Phước Lâm và Chùa Sư Nữ Bảo Thắng. Sư phụ tôi còn trồng thêm những chậu quất và nhiều luống hoa Lay Ơn, Cúc Cổ Đồng để bán vào dịp Tết Nguyên Đán. Với sơ phát tâm vào chùa, tôi dường như thật an lạc với chiếc cối đá xay đậu nành năm ấy. Một hôm, chị gái tôi (sau này là Sư Cô Thích Nữ Trung Tánh) tình cờ xuống thăm, thấy tôi lao động tưởng rằng vất vả lắm. Chị ngậm ngùi và không cầm được những giọt nước mắt thương em. Lúc đó, vô tình tôi nhìn thấy, khuyên chị, "*Chị hãy về đi. Em sống ở đây rất an lạc và hạnh phúc từng ngày*".

Cuộc sống mới của tôi bắt đầu quen dần trong cánh cửa thiền môn. Từ đó, tôi làm bạn với những chiếc lá đa khô vô thường rời cuống và tiếng chuông u minh mỗi ngày hai buổi sớm chiều. Tôi cảm được sự an lạc mỗi khi gióng lên những tiếng chuông ngân nga, đọc từng câu kệ nguyện cầu cho thế giới âm dương được hòa bình và siêu thoát. Tất cả được thông và được giải thoát khi nghe âm thanh của tiếng chuông u minh, "*Nguyện thử chung thanh siêu pháp giới. Thiết vi u ám tất giai văn. Văn trần thanh tịnh chứng viên thông. Nhứt thiết chúng sanh thành chánh giác*" (Hòa Thượng Thích Trí Quang dịch: *Nguyện tiếng chuông này khắp pháp giới. Thiết vi u ám cũng nghe được. Căn cảnh thanh tịnh chứng viên thông. Hết thảy chúng sanh thành chánh giác*).

Năm 1991, Sư phụ tôi công du Tây Đức hơn một tháng. Công việc ở chùa vẫn như thường lệ, nhưng có điều hơi lạ, năm ấy cỏ gấu mọc đầy sân chùa. Có lẽ do những năm trước, Sư phụ trùng tu ngôi chánh điện, lấy đất từ bên ngoài nên chúng bám theo vào sân, chờ cơ hội khí hậu thích hợp chúng ùa nhau vương vải khắp nơi. Tôi cùng các bác làm công quả, cứ mỗi sáng ra vườn đào cỏ gấu xuống tận gốc rễ để sau này không còn vướng lối vào chùa. Tôi nhổ cỏ gấu trước cổng tam quan như nhổ sạch những trần lao khổ lụy của đời tôi, đưa tôi về với an lạc và giải thoát. Ngày Sư phụ trở về ai nấy cũng được tặng một chiếc đồng hồ đeo tay. Tôi nâng niu và cung kính như lúc nào Thầy cũng ở bên cạnh nhắc nhở tôi đúng giờ trong mọi sinh hoạt tu học hằng ngày: Chấp tác, tụng kinh, thỉnh chuông u minh hai thời. Thỉnh thoảng buổi chiều hay sau thời chuông u minh buổi tối, tôi đạp xe xuống chùa Pháp Bảo để học giới luật do Thượng Tọa Thích Hạnh Niệm truyền dạy cho quý chú.

Ba năm hành điệu trôi qua, tôi được Sư phụ cho thọ giới Sa Di tại Đại Giới Đàn Thiện Hòa, tổ chức vào năm 1993, thuộc tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Lúc bấy giờ, Giáo Hội truyền thống gặp cơn nguy khốn, giấy tờ từ Chùa Viên Giác gởi đi bị xem không hợp lệ. Nghĩ phương tiện để tôi được thọ giới nên Sư phụ đã có thư cho cố Hòa Thượng Thích Hạnh Tâm ở Sài Gòn, trụ trì chùa Giác Quang – Bến Vân Đồn, Quận 4, làm Y Chỉ sư của tôi để dễ dàng qua các thủ tục hành chánh. Tôi như được thăng hoa trên đường tu. Sau khi thọ giới Sa Di về, Thầy gọi lên chánh điện làm lễ bạch Phật truyền cho tôi pháp tự Giải Lệ theo bài kệ truyền thừa pháp tự của Tổ sư Minh Hải:

"*Đắc Chánh Luật Vi Tông.*
*Tổ Đạo **Giải** Hành Thông.*
Giác Hoa Bồ Đề Thọ.
Sung Mãn Nhân Thiên Trung".

(Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh *dịch*: *Giới luật nêu trước tiên. Giải và hành nối liền. Hoa nở cây giác ngộ. Hương thơm lừng nhân thiên*).

Từ đó, tôi đón nhận một tên mới là Giải Lệ và thường dùng suốt trong thời gian 3 năm trước khi thọ Cụ Túc giới (Tỳ Khưu).

*

Đà Nẵng những ngày tháng vui buồn lẫn lộn

Sư phụ gọi xuống phòng hỏi tôi hành lý đã xong chưa và trao cho tôi hai phong bì. Một cho Thầy trụ trì chùa Long Thơ, một cho tôi. Phong bì của tôi nặng hơn vì đó là số tiền mà Sư phụ cho để chi tiêu ban đầu ở Đà Nẵng. Tôi đảnh lễ Sư phụ và nghẹn ngào thưa lời từ biệt để ra đi.

Một buổi chiều năm 1994, tôi đón xe tại bến Hội An cách chùa Viên Giác chừng vài mươi mét. Hành lý đơn sơ, tôi mang theo một vài bộ vạt hò, chiếc áo nhựt bình, dăm ba cuốn tập và một chiếc xe đạp làm phương tiện nơi đất Đà Thành. Tôi lên xe đò chen chúc với mấy chục lữ hành để được ổn định ghế ngồi. Đúng 3 giờ chiều, nhà xe được lệnh xuất bến, băng qua những cánh đồng thơm mùi lúa mới. Nơi đây gợi cho tôi một kỷ niệm khó phai với những ngày rộn ràng đồng áng ruộng nương. Chùa tôi có vài thửa ruộng, tuy không nhiều nhưng cũng tất bật của công việc gặt hái tưới tiêu. Đến mùa thu hoạch, có nhiều Phật tử từ các huyện: Duy Xuyên, Điện Bàn, Quế Sơn, Thăng Bình và Đại Lộc về đây làm công quả vài ngày. Nam đạp máy - bó đòn sóc, nữ cắt lúa - sàng hạt. Một bức tranh đầy màu sắc nhịp nhàng thư thả, bên thanh âm "ron ro" đều đều của máy tuốt lúa. Tất cả như đang còn vang lại đâu đây. Ngồi trên xe, tôi chợt thoáng qua những thửa ruộng lần cuối như "*một mình làm cả cuộc phân ly*".[6]

Trước mặt tôi là bến xe khách Liên Tỉnh Đà Nẵng, rộn ràng và tấp nập người qua kẻ lại. Tôi ngơ ngác trước thành phố nhộn nhịp như thế. Khi xe đỗ bến, mỗi người đi mỗi ngả với công việc của mình. Còn tôi. Tôi bắt đầu trên chiếc xe đạp màu xanh thẳng đường Hùng Vương, qua Bạch Đằng để trở vào Trần Phú một chiều. Theo hướng dẫn của Sư phụ, tôi đi đến nơi không bị lạc đường ở chốn phồn hoa phố thị.

Cổng chùa Long Thơ hiện ra dưới màu hoàng hôn buông lặng lẽ trước gió. Tôi xuống xe ngước nhìn lên bảng hiệu của Chùa để xác định lại. Lúc đó, tôi gặp chú Tuyến (Đại Đức Thích Hạnh Nghĩa) cũng vừa tan học ở

[6] *Thơ Nguyễn Bính, "Những Bóng Người Trên Sân Ga", Hà Nội. 1937.*

trường Cơ Bản Phật Học Phổ Đà về. Tôi chưa kịp chào, chú nhanh miệng hỏi ngay:

- Có phải Giải Lệ không?

Tôi ngạc nhiên cúi đầu, hỏi lại:

- Mô Phật. Sao chú lại biết pháp tự của tôi?

Chú cười niềm nở và tự giới thiệu:

- Tôi là Hạnh Nghĩa, đệ tử của Thầy trụ trì. Được Thầy thông báo Giải Lệ sẽ tá túc ở đây để theo học dự thính (vì trường đã khai giảng hơn một năm rồi) Trường Cơ Bản Phật Học.

Ngừng một lát, chú nói tiếp:

- Hạnh Nghĩa cũng vừa mới đi học về. Thôi, Giải Lệ vào trong đảnh lễ Thầy trụ trì đi.

Tôi theo sau bước chân của chú vào cổng tam quan bên trái, bỏ qua mấy chậu cây cảnh trước sân là đến ngay bên trong tầng trệt. Nơi này có hai dãy bàn nối dài vừa làm phòng khách vừa làm phòng quá đường, chánh điện ở tầng trên. Thầy trụ trì đang ngồi bên chiếc bàn làm việc đặt gần khung cửa bông, cặm cụi viết sớ cúng linh. Thầy là người Quảng Nam nên giọng nói cũng nặng mùi đất Quảng; khi nói miệng Thầy run run meo méo, dáng dấp già nua như một lão nho cằn cỗi không cao to đường bệ như Sư phụ tôi. Thầy rất thông thạo các thể điệu nghi lễ, thường làm sám chủ gia trì ở những đàn tràng chẩn tế cô hồn. Tôi đảnh lễ và trao bức thư của Sư phụ tôi. Thầy đọc xong hoan hỉ gật đầu.

Sau đó, chú Hạnh Nghĩa dẫn tôi lên một cái gác lửng, thế giới của quý chú sinh hoạt. Chú chia cho tôi một khoảnh ván nhỏ vừa làm nơi ngả lưng vừa học hành. Trên căn gác ấy, tôi đã trọn vẹn vui buồn ngót hơn hai năm.

Năm 1996, Sư phụ tôi ra Chùa Long Thơ cảm ơn Thầy trụ trì đã cho tôi tá túc trong ngần ấy năm qua, rồi đưa tôi sang chùa Bát Nhã. Ôn Bát Nhã thật hiền từ và dễ mến, nên thập phương bổn đạo rất đông, tăng chúng có hơn 10 vị hầu hết là học tăng. Đến mùa an cư, chùa tổ chức kiết giới trường tại trụ xứ, tụng kinh bái sám. Không khí sinh hoạt nơi đây như khơi màu giải thoát.

Ở đất Đà Thành, Sư phụ còn lo lắng gởi tôi cho anh Thắng quê Hội An đang học Đại Học ngành Kỹ Thuật Điện. Tôi may mắn được anh chu đáo lo hồ sơ và tận tình hướng dẫn thi vào Đại Học Đà Nẵng ngành Ngoại Ngữ. Từ đó, Sư phụ tôi rất vui, an tâm và hỗ trợ tôi trong suốt khóa học 1996-2000. Trong cùng năm ấy, Sư phụ cho tôi thọ giới cụ túc tại Đại Giới Đàn Phước Huệ do Thành Hội Phật Giáo thành phố Đà Nẵng tổ chức ở Trường Cơ Bản Phật Học Phổ Đà.

Cứ mỗi tuần, tôi về thăm Sư phụ. Lòng tôi luôn dâng lên niềm kính yêu lẫn bùi ngùi khi nhận ra làn da ngăm đen của Sư phụ đã ẩn hiện những nếp nhăn trên trán, báo hiệu sức khỏe đang hao mòn theo tháng năm. Tôi không biết gì hơn ngoài lời nguyện cầu Sư phụ được sức khỏe dồi dào như hôm nào thầy trò tôi vác cuốc ra ruộng.

Niềm hạnh phúc luôn theo tôi sau lần gật đầu của Sư phụ cho tôi làm đệ tử xuất gia. Nương theo tiếng Đại Hồng Chung khuya sớm, bên cạnh sự dìu dắt của Sư phụ, tôi được học chữ ở trường, học kinh giáo lý nơi chùa. Dòng an lạc cứ thế đưa tôi vượt qua những chặng đường đầy cam go và trắc trở. Nhưng ngờ đâu trong hư ảo biến chuyển bên cuộc đời ngắn ngủi, sự vô thường luôn rình rập không gì ngăn cản được. Ai bảo tiếng tích tắc của thời gian đi quá nhanh đến nỗi không ngờ, hay do người có tâm trạng cảm nhận như vậy. Một cơn bạo bịnh vô tình đã cướp đi mạng sống của Sư phụ tôi trong đêm ngày 13 tháng 9 năm Mậu Dần (1998). Tôi như bơ vơ giữa dòng đời bão tố, cuối lối về cũng bị bủa mây đen.

"*Chùa Viên Giác, bóng thầy đã khuất*
Nhiều năm qua, u uất chưa nguôi
Dòng đời trôi ngược trôi xuôi
Chênh vênh một cõi ngậm ngùi nhớ thương".

Sư phụ đã ra đi, đất Quảng Nam im ỉm nỗi buồn man mác. Mưa chưa ngớt, một dòng thác lũ cuồn cuộn xuyên làng cuốn phăng đi bao ước vọng ươm mầm. Huynh đệ Viên Giác lại một trận ghìm sâu trong mưa dập gió dồn. Pháp huynh Thích Như Điển không về được, nên đành chia sẻ với huynh đệ chúng tôi qua hai câu thơ dâng lên Giác linh Sư phụ:

"*Phố Hội An giăng tang màu ảm đạm.*
Viên Giác buồn tiễn biệt bóng Thầy đi".

Sau khi tốt nghiệp Đại Học Ngoại Ngữ, tôi về lại chùa Viên Giác cùng sư đệ Đại Đức Thích Như Tịnh lo hương khói cho Sư phụ. Đến đầu năm 2001, nghe tin Học Viện Phật Giáo Việt Nam (Thiền Viện Vạn Hạnh) thông báo tuyển sinh khóa 5, huynh đệ chúng tôi bàn bạc nộp đơn tham gia thi tuyển. Trong thời gian ôn bài, chúng tôi mượn ngôi Tịnh Thất Viên Giác của sư tỷ Thích Nữ Như Bảo làm nơi tá túc lúc mới vào Sài Gòn chân ướt "chưa" khô. Khi nghe Chú Phạm Ngọc Thứ báo tin, có thấy tên trên danh sách trúng tuyển, chúng tôi một lần nữa rời xa phố Hội, Nam tiến dùi mài kinh sử.

Bên niềm vui ấy, tôi lại hụt hẫng giữa thành phố lạ. Lý do không tiện nói vì lời hứa của một sư huynh. Trong cái rủi có cái may, quả thật vậy, tôi may mắn, liền được Ôn Viện Chủ Quảng Hương Già Lam (Hòa Thượng thượng Đức hạ Chơn) cứu vớt cho tôi được nhập chúng tu học. Ở Già Lam, tôi vô cùng hạnh phúc trên có quí ngài đức độ chuyên tu, dưới có tăng chúng kinh kệ lục thời. Mỗi buổi sáng trước thời khóa công phu, tôi thường theo quí Ôn lạy Phật sám hối, sau đến thời kinh tụng Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm của chúng trực ban.

Tin trúng tuyển vào học viện của tôi đã đến Đức quốc, Hòa Thượng Thích Như Điển rất hoan hỉ và thưởng công tôi chiếc Computer, từ đó tôi có cơ hội hòa vào thế giới văn minh của nhân loại. Tôi sống tại Chùa Già Lam và theo học Học Viện Khóa 5 được một năm, vào mùa hạ an cư năm 2002, tôi tác bạch trước đại chúng xin quý Ngài cho xuất dương du học tại Ấn Độ.

Trên tất cả ân tình giáo dưỡng, nay con "xin đê đầu đảnh lễ quý Ôn đã thương tưởng cho con được tá túc tu học trong thời gian qua và nơi đây xin khắc ghi vào lòng một niệm tri ân!"

*

Nhân duyên du học Ấn Độ

Tháng 3 năm 2002, nhân lễ khánh thành Trung Tâm Tu Học Viên Giác tại Bồ Đề Đạo Tràng, Ấn Độ, tôi có cơ duyên được diện kiến và đảnh lễ Hòa Thượng Phương Trượng thượng Như hạ Điển. Lần đầu tiên, tôi được gặp ngài, như bị nhiếp bởi pháp thân tùy hình dáng dấp thanh cao, bàn tay dài và trắng ửng lên màu đỏ sen hồng. Hòa Thượng bảo tôi ấn tay vào da của ngài thì lập

tức tướm lên màu đỏ. Tôi đã làm theo và được biết như vậy. Trong môn phong Viên Giác, Hòa Thượng thuộc lớp trưởng huynh, ngài xuất gia vào những năm tôi chưa chào đời. Nhưng nhân duyên trong nhiều kiếp, tôi may mắn được quy ngưỡng cùng Sư phụ, và cũng nhặt lá đa vô thường rơi dưới mái chùa Viên Giác cổ xưa. Sau khi bổn sư viên tịch, Hòa Thượng thay thế Sư phụ dìu dắt tôi cho đến ngày hôm nay. Đây là một hạnh phúc và tôi có nhân duyên được làm sư đệ của ngài.

Sau lần gặp đó, tôi được ngài cho phép hầu chuyện thật nhiều. Được nghe ngài kể về những "điệu khúc" hành điệu hồi năm 63, rồi những tháng năm lưu học nơi xứ Phù Tang đến miền Tây nước Đức. Trong câu chuyện năm xưa, tôi nhận ra lời ngài như thằng mặc (dây mực) của thợ mộc ở Quảng Nam. Ngày hôm sau, Hòa Thượng gọi tôi lên thư phòng dạy tôi về Việt Nam làm hồ sơ du học tại Ấn Độ và ngài sẽ cấp học bổng Viên Giác đến lúc hoàn thành Ph.D. Đôi chân tôi như gặp được nấc thang an lạc để bước lên một phương trời mới lạ, ở đó hứa hẹn và thăng hoa một cuộc sống tươi vui với bao niềm mơ ước của đời sinh viên.

Tháng 8 năm 2002, tôi bắt đầu vào lớp Thạc Sĩ Ngôn Ngữ Học (M.A in Linguistics) tại Trường Đại Học Delhi, bằng những bước chân thật thà ngơ ngác, xung quanh tôi lạ lẫm chẳng ai quen. Giờ vào lớp, tôi thấy mình lộn giữa mười sinh viên ngoại quốc đến từ các nước Á Châu, như Hàn Quốc, Thái Lan, Việt Nam, Lào và Campuchia; còn lại hầu hết là sinh viên nước sở tại và các tiểu bang khác ở vùng Bắc Ấn, như Manipur, Assam, Mizoram, Nagarland và Mongolia. Tuy chúng tôi xa lạ, nhưng qua mấy lần cùng đi uống "jay" (trà sữa), chúng tôi trở nên quen nhau và rất thân.

Năm ấy, ngoài sân trường, vương đầy màu nắng chói chang nhưng nhánh Hoa Vô Ưu bên hông Thư viện vẫn mặc nhiên khoe sắc. Đặc biệt hơn, sân trường Đại Học Delhi không có màu hoa phượng đỏ buông rơi, không nghe tiếng ve sầu râm ran sau tán lá gọi hè, không luồng gió mát ru đời sinh viên mỗi khi dừng chân nắng hạn. Sự khát khao tình quê trên xứ lạ cũng dần vùi theo tháng năm, tôi rộn ràng với những đèn sách vô cùng khó trong ngành Ngôn Ngữ. Nhưng bù lại cho tôi cái tình quê ấy là được du học ở nơi Đức Thế Tôn thành đạo. Thỉnh thoảng trong những dịp mùa nghỉ Thu hay nghỉ Đông, tôi về Bồ Đề Đạo Tràng kinh hành lạy Phật. Nơi đây, Ngài Mã Minh đã từng khẳng định, "trung tâm của vũ trụ"; khi sao mai lấp lánh trong màn đêm là lúc trí tuệ siêu việt của thế gian bừng sáng. Ngày mùng 8 tháng 12, là ngày hứa hẹn của Đức Từ Phụ Thích Ca chứng thành đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, giải cứu nhân loại bị ngập chìm trong thế giới vô minh, khổ đau.

Thời gian thấm thoát qua mau, ngót mười năm tôi miệt mài nơi xứ lạ, tốn biết bao tài lực của Hòa Thượng Phương Trượng Chùa Viên Giác và Đàn na Tín thí, những người đã ủng hộ tôi trong suốt ngần ấy năm qua. Cuối cùng rồi kết quả cũng hiển bày trong một ngày mỹ mãn. Đó là ngày tôi chính thức nhận văn bằng Tiến Sĩ từ tay Ngài Hiệu Trưởng Trường Đại Học Delhi, Giáo sư Toán Học Dinesh Singh trao thưởng vào ngày 24 tháng 3 năm 2012. Bên niềm vui ấy, tôi còn được sự ưu ái của Hòa Thượng Phương Trượng dành thời gian quý báu của Ngài, khắc phục mọi khó khăn khi xin "thị thực" để quang lâm Đại Học Delhi trong suốt 5 ngày, chia sẻ niềm vui chung của chúng tôi (Thượng Tọa Thích Thiện Mỹ, Đại Đức Thích Nguyên Tân, Đại Đức Thích Trung Bửu, Sư Cô Thích Nữ Liên Quý và chúng tôi).

Tôi đã hoàn thành một chặng đường dài của đời sinh viên, nếu như không có sự bảo trợ, động viên, khích lệ tinh thần của mọi người và đặc biệt tình huynh đệ của Ngài dành cho tôi, tôi sẽ không có được ngày hôm nay. Một vạn lần cung kính đảnh lễ Ngài cũng không nói lên được công lao giáo dưỡng của Ngài đối với đàn hậu học như chúng tôi. Một đặc biệt hạnh phúc khác cũng trong ngày ấy, là đón nhận được sự quý mến của Phật tử xa gần đã gọi điện, gởi thiệp thư chúc mừng đến chia sẻ với tôi; sự hiện diện của một Phật tử cộng tác viên Báo Viên Giác, cô Trần Thị Nhật Hưng cùng tham dự và tường thuật sinh hoạt cộng đồng Tăng Ni Sinh Viên Việt Nam, cũng như buổi lễ trao văn bằng đăng trên báo Viên Giác số 189, nhằm cống hiến cho độc giả "*một thế giới lạ*" tại trường Đại Học Delhi.

Hoàn thành chặng đường dài của đời sinh viên, đối với tôi là một điều lớn lắm. Tôi thầm mang ơn,

- Cha mẹ, người đã đưa tôi vào thế giới của tình thương bao la thật tràn đầy hạnh phúc.

- Sư phụ tôi đã dìu tôi vượt qua những "thác ghềnh" để mong tôi đến với bờ giải thoát, tạo điều kiện cho tôi theo học chữ ở trường học kinh giáo lý nơi chùa. Tình thương ấy tôi không sao quên được "*Ơn giáo dưỡng một đời nên huệ mạng. Nghĩa ân sư muôn kiếp khó đáp đền*", trong tim tôi luôn khắc ghi những huấn từ của Sư phụ, hầu mong được đáp đền trong muôn một.

- Không có ngôn từ nào có thể diễn tả được sự bao dung của Hòa Thượng Phương Trượng Chùa Viên Giác – Hannover, Đức Quốc, Người đã trọn vẹn dành tấm thạnh tình của mình cho chúng tôi và hơn 168 Tăng Ni Sinh Viên đến từ Việt Nam, từ những năm 1994 đến 2012. Hòa Thượng luôn đồng điệu với sự tu học của Tăng Ni nơi đất khách nên ngài thường xuyên thăm hỏi, vỗ về, cấp phát học bổng mà không phân biệt người ở phương trời Nam-Trung-Bắc,

"Hướng tâm đảnh lễ công ơn Người.
Một chút tình riêng đến với chúng con.
Để vá cõi lòng nơi đất khách.
Ân tình cao vợi tựa ngàn non".

- Tôi không dám quên sự ủng hộ của Đàn na Tín thí đã tận tình nuôi lớn tôi từng ngày dưới hình thức người xuất gia. Xin đảnh lễ tạ ơn, hồi hướng cho tất cả chóng thành đạo quả.

Hôm nay, chúng con/chúng tôi xin bộc bạch lời chân tình để hằng mang ơn tất cả, những người Thầy, Cô, bạn bè, Pháp lữ đồng tu, thân bằng quyến thuộc, những người quen và những người sẽ được gặp… trong hiện đời hoặc những kiếp lai sinh.

Nhưng những niềm hạnh phúc kể trên vẫn chưa đủ, vẫn chưa phải là cứu cánh đối với một hành giả nếu tôi không sử dụng khả năng của mình vào những điều hữu ích, đem an lạc, hạnh phúc đến cho người, cho mình cũng như đáp đền xứng đáng công lao của mọi người đã dành cho tôi.

Cầu nguyện thế giới hòa bình, chúng sanh muôn phương an lạc.

Khể thủ,

Thích Như Tú *(2012)*

Một cảnh chùa vạn tấm lòng

Tường thuật Lễ Lạc Thành và An Vị Phật
tại Chùa Linh Thứu Berlin
từ ngày 19 đến 21.10.2012

• **Phù Vân**

Cung nghinh chư tôn đức và quan khách

Berlin – Vào sáng Chủ Nhật, 21.10.2012, khoảng 2000 Phật tử người Việt từ các quốc gia Châu Âu, cùng với một số thân hữu người Đức đã vân tập đến Chùa Linh Thứu tại Berlin để tham dự buổi „Lễ Lạc Thành Chánh Điện Chùa Linh Thứu và Lễ An Vị Phật".

Phật tử đã nghiêm chỉnh xếp thành hai hàng dài ra tận ngoài lộ để chào đón các quan khách người Đức đại diện các cấp chính quyền tại Bá Linh; và cung nghinh chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng, Ni thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu và từ Việt Nam đến. Trong đó có các chư tôn đức chứng minh buổi lễ như:

- HT. Thích Minh Tâm, Viện Chủ Chùa Khánh Anh, Paris, Pháp Quốc.
- HT. Thích Tánh Thiệt, Viện Chủ Chùa Thiện Minh, Lyon, Pháp Quốc.
- HT. Thích Như Điển, Phương Trượng Chùa Viên Giác, Hannover, Đức Quốc.
- Sư Bà Thích Nữ Như Tuấn, Viện Chủ Chùa Phổ Hiền, Strassbourg, Pháp Quốc.
- Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm, Viện Chủ Chùa Bảo Quang, Hamburg, Đức Quốc.

Thành phần quan khách người Đức, trong đó một số vị đáng chú ý là:

- Ông Hartmut Rhein, Quốc Vụ Khanh đặc trách Tôn Giáo và Tín Ngưỡng, đại diện cho Thống Đốc Tiểu Bang Berlin.
- Bà Giáo Sư Barbara John, Cựu Quốc Vụ Khanh đặc trách về người ngoại quốc, Chủ tịch Hiệp Hội Phúc Lợi, Giáo Sư Cố Vấn của Bộ Giáo Dục Berlin.
- Bà Eva Wischnewski, Trưởng Phòng Hội Nhập của Hội Hồng Thập Tự Berlin.

Dù hội trường rất rộng lớn, nhưng vẫn không đủ chỗ cho Phật tử tham dự. Hầu hết phải đứng bên ngoài dọc theo hai bên hông để theo dõi diễn tiến buổi lễ.

Múa Lân chào mừng buổi lễ

Mở đầu là đoàn Lân 8 con hùng hậu của các Gia Đình Phật Tử Bảo Quang (Hamburg), Chánh Niệm (Berlin), Tâm Minh (Hannover) và Chánh Giác (Bremen), chào mừng và cầu chúc chư tôn đức, quan khách và Phật tử được phước báu, an lạc, may mắn và hạnh phúc. Rất tiếc là hội trường chật cứng quan khách và Phật tử nên Lân của các đội không thể biểu diễn những „chiêu" độc đáo sở trường.

Đoàn sinh GĐPT trong một vũ điệu dâng hoa đảnh lễ chư tôn đức

Điểm chính quan trọng của buổi lễ là bài tường trình diễn tiến xây dựng chùa Linh Thứu tại Berlin của Ni Sư Thích Nữ Diệu Phước, Trụ trì Chùa Linh Thứu.

Từ năm 1995 Ni Sư phải tuân hành lệnh của Hòa Thượng Thích Như Điển, Phương Trượng Chùa Viên Giác, hồi đó còn là Chi Bộ Trưởng Giáo Hội PGVNTN tại Cộng Hòa Liên Bang Đức và lệnh của Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm, Trụ trì Chùa Bảo Quang Hamburg; nên Ni Sư đã từ Hamburg đến Bá Linh nhận nhiệm vụ mới.

Ni Sư Diệu Phước hướng dẫn phái đoàn chư tôn đức

Dù gặp rất nhiều khó khăn ban đầu, nhưng với tâm Bồ Đề kiên cố và nhất là được đại đa số Phật tử thuần thành đã hết lòng hỗ trợ về mọi phương diện, nên Ni Sư đã kiến tạo được một đạo tràng trang nghiêm cho Phật tử có nơi lễ Phật và tu học. Nhưng qua thời gian, số Phật tử càng ngày càng đông - bên Tây cũng như bên Đông Bá Linh, nên theo quyết định chung là phải tìm một địa điểm mới rộng rãi để xây dựng một ngôi chùa lớn hơn nhằm đáp ứng nhu cầu lễ bái và tu học. Cuối cùng vào năm 2005 Ni Sư mới mua được một hãng xưởng cũ để tân trang tạm thời thành một ngôi chùa. Đến tháng 8 năm 2011, lễ đặt viên đá đầu tiên khởi đầu chương trình xây dựng Chánh Điện.

Khởi công xây dựng chánh điện chùa Linh Thứu 2005

Kinh phí dự trù là 1,8 triệu, nhưng khi hoàn tất số tiền lên đến 2,3 triệu EURO. Phật tử xa gần đã đóng góp 1,6 triệu, số tiền còn thiếu nợ của Phật tử là 700.000 EUR. Ban Cố Vấn của Chi Bộ Đức Quốc đã ủng hộ 10.000 EURO trong số thiếu hụt này. Mong rằng những nhà hảo tâm, những Phật tử hằng tâm hằng sản đã từng đóng góp cho nhiều công tác Phật sự, xin ủng hộ thêm cho Ni Sư trụ trì Chùa Linh Thứu đỡ bớt một mối lo canh cánh bên lòng.

Sau một năm, điều kỳ diệu chẳng ai ngờ tới là ngôi chùa Linh Thứu kiên cố, nguy nga, tráng lệ đã thành hình một cách nhanh chóng và đã được khánh thành vào ngày hôm nay 21.10.2012. Ngay chính Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Viện chủ Chùa Khánh Anh tại Paris, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo VNTN Âu Châu, cũng không giấu được sự ngạc nhiên, theo như Hòa Thượng cho biết trong buổi thuyết pháp vào hôm Thứ Bảy 20.10, là Hòa Thượng cũng chẳng biết hư thực ra sao khi cầm tấm Thiệp Mời. Nhưng bây giờ là sự thực, một sự thực hiển nhiên, nên hôm nay mới có Lễ Lạc Thành. Qua đó Hòa Thượng diễn giảng ý nghĩa hai chữ Lạc Thành: là niềm vui, niềm hoan hỷ khi một công trình được thành tựu viên mãn. Ngôi tự viện Linh Thứu đã hoàn tất trong niềm vui lớn lao của người con Phật ở Bá Linh sau bao năm chờ đợi.

Ni Sư Diệu Phước cũng đã đê đầu đảnh lễ tạ ơn chư tôn đức; nhờ nương tựa vào uy đức và công hạnh của các Ngài mà Ni Sư đã thêm nghị lực phấn đấu vượt qua bao gian khổ.

Ni Sư cũng thành kính cảm tạ chính quyền và nhân dân Bá Linh đã luôn sẵn sàng giúp đỡ trong mọi công tác và dành nhiều thiện cảm cho Chùa, cho tổ chức Phật giáo.

Đặc biệt Ni Sư thành kính cảm niệm công ơn giáo dưỡng của Ân Sư Chùa Tổ Bảo Quang tại Đà Nẵng, và nhất là Sư tỷ Thích Nữ Diệu Chỉ, Trụ trì Chùa Bảo Vân Sàigòn, đã giúp đỡ về mọi phương diện trong tiến trình xây dựng chùa Linh Thứu; Ni Sư cũng không quên cảm tạ ân tình của các tỷ muội khác.

Ngoài ra Ni Sư cũng cảm niệm công ơn của bà con Phật tử và đồng hương khắp nơi đã nhiệt tình đóng góp công sức, ủng hộ tịnh tài nên công trình mới sớm được thành toàn. Xin hồi hướng công đức lên chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ cho mọi người thân tâm an lạc.

Ông Hartmut Rhein phát biểu cảm tưởng

Ông Harmut Rhein, Quốc Vụ Khanh đặc trách Tôn Giáo và Tín Ngưỡng tại Berlin, cho biết hiện có 250 tông phái của các tôn giáo, trong đó có 40 trung tâm Phật Giáo. Các tông phái này tuy sinh hoạt riêng rẽ, nhưng đều có chủ trương sống một đời hòa bình, an lạc. Ông hy vọng trong một ngày gần đây, Chùa Linh Thứu sẽ mở cửa cho dân chúng đến thăm quan, chiêm bái và tìm hiểu về Phật Giáo - một tôn giáo luôn luôn mang hòa bình đến cho tất cả chúng sanh.

Bà Barbara John phát biểu cảm tưởng

Bà Giáo sư Barbara John, cựu Quốc Vụ Khanh đặc trách người ngoại quốc, Cố Vấn Bộ Giáo Dục Berlin; đã xác định rằng, cuốn lịch sử tôn giáo tại Berlin từ nay lật sang trang mới - trong đó có ghi thêm chùa Linh Thứu và họ vui mừng được tham gia và đóng góp vào những phúc lợi cho dân chúng Đức.

HT. Thích Như Điển, Phương Trượng Chùa Viên Giác, đại diện cho Hòa Thượng Chủ tịch Ủy Ban Điều Hành GHPG/VNTN Âu Châu; cho biết rằng, đạo Phật đã hiện hữu từ hơn 2556 năm và giáo lý của Đức Phật vốn mang sẵn tính khoa học đã được các nhà triết học và các nhà khoa học công nhận. HT. cũng góp thêm ý kiến với Bà Barbara John về sự biết ơn cụ thể và trực tiếp của người Đức qua câu tục ngữ "Uống nước nhớ người đào giếng", trong khi đó người Việt Nam cũng có nhiều câu tực ngữ tương tự như "Ăn trái nhớ kẻ trồng cây" hay thâm thúy và sâu xa hơn về sự nhớ ơn như "Uống nước nhớ nguồn".

HT. còn nhận định, tại Đức có nhiều tôn giáo lớn, nếu Thiên Chúa Giáo mang biểu tượng là Hoa Hồng rực rỡ, Tin Lành là Hoa Cẩm Chướng, thì Phật Giáo là Hoa Sen ngào ngạt hương thơm từ Á Châu đến đóng góp thêm hương sắc trong Vườn Hoa Tâm Linh của xứ Đức ngày càng thêm muôn màu muôn vẻ.

Chùa Linh Thứu, nhìn từ bên hông

Tiếp theo Phật tử Diệu Minh, thay mặt cho toàn thể Phật tử Chùa Linh Thứu, đã đọc bài diễn văn bằng tất cả chân tâm thành ý cảm niệm công đức của Ni Sư đã cùng với Phật tử chung vai gắng sức, vượt qua bao nhiêu gian nan khổ ải trong nhiều năm mới xây dựng nên đạo tràng uy nghiêm hùng vĩ như ngày hôm nay; và nguyện gắng công tu tập để vẫn mãi xứng đáng là người con Phật…

Sau đó là phần phát biểu cảm tưởng và tặng quà lưu niệm của các tỷ muội, bào muội và của các Chùa tại Âu Châu cho Ni Sư Trụ trì.

Quan khách và Phật tử tuần tự vào chiêm bái Phật Điện

Sau khi kết thúc Lễ Lạc Thành, chư tôn đức và quan khách được mời lên trước thềm chánh điện. Chư vị Hòa Thượng và các vị quan khách đã cắt băng khánh thành trong tiếng niệm Phật trang nghiêm; đồng thời hàng trăm bong bóng đủ màu và hàng chục chim bồ câu được thả tung bay trên bầu trời cao rộng, bình yên giữa buổi trưa mùa thu nắng ấm, dù những ngày trước đó thời tiết âm u và giá lạnh. Có phải đây là một điều kỳ diệu mang tính nhiệm mầu mà vẫn có sự trùng hợp ngẫu nhiên với kỳ Lễ Hội Quán Thế Âm Bồ Tát vào cuối tháng 8 vừa qua tại Chùa Viên Giác. Lễ Hoa Đăng dự trù vào lúc 21 giờ, nhưng chiều hôm đó mưa tầm tã như trút nước; đại chúng chỉ biết cầu nguyện chư Bồ Tát gia hộ. Rồi bỗng nhiên đến 20 giờ 30 cơn mưa đột ngột chấm dứt, trời quang mây rạng trở lại và Lễ Hoa Đăng được cử hành một cách trang nghiêm rực rỡ. Có phải là sự nhiệm mầu và sự linh ứng của những lời nguyện cầu hay không?!

Lễ Phật trang nghiêm trong Đại Hùng Bửu Điện

Trong Đại Hùng Bửu Điện, chư tôn đức tề tựu đã trì tụng một thời kinh và cử hành nghi thức an vị Phật.

Trong 3 ngày lễ hội, Ban Tổ chức còn chuẩn bị rất chu đáo các bàn linh và những bài vị cho Lễ Trai Đàn Giải Oan Bạt Độ Chẩn Tế Chư Âm Linh, Hương Linh, Cô Hồn; cử hành 2 buổi lễ vào chiều Thứ Bảy 20 và chiều Chủ Nhật 21.10.2102, do Hòa Thượng Thích Tâm Thanh, Trụ trì Chùa Lôi Âm, Sàigòn, Việt Nam làm Sám Chủ. Thượng Tọa Thích An Chí, Trụ trì Chùa Khuông Việt, Oslo, Na Uy làm Pháp Sư Trai Đàn. Ngoài ra trong Ban Kinh Sư có các vị Thượng Tọa: Thích An Chí, Thích Chúc Thông, Thích Phước Sơn, Thích Nhuận Công, Thích Chúc Độ, Thích Chúc Thành.

Một cảnh trong Lễ Trai Đàn Giải Oan Bạt Độ

Mặc dù buổi Lễ Trai Đàn Bạt Độ kéo dài hơn 1 giờ 30 phút, nhưng Đêm Văn Nghệ vẫn "không có chỗ chen chân". Không phải chỉ vì mến mộ tiếng hát ngọt ngào duyên dáng dễ thương của ca sĩ Hương Thủy đến từ Hoa Kỳ; mà còn vì muốn tỏ bày lòng yêu thương, cổ vũ các đoàn sinh Gia Đình Phật Tử - những con cháu ngoan hiền: tích cực, nhẫn nại, vui vẻ trong mọi công tác Phật sự; chu đáo, gọn gàng, nhanh chóng từ khâu chuẩn bị ban đầu cũng như thu dọn vệ sinh sau buổi lễ; thanh tịnh, trang nghiêm đón rước chư tôn đức trong các buổi lễ Phật. Đoàn sinh GĐPT là thành phần rường cột của Giáo Hội, là những người gần gũi với quần chúng, có khả năng Phật học và ngoại ngữ đem giáo pháp của Đức Phật truyền bá rộng rãi cho người dân bản xứ tức là đem Đạo vào Đời. Đêm nay tại Chùa Linh Thứu, cũng như mọi đêm văn nghệ tại chùa khác, những tiết mục ca-vũ-nhạc của đoàn sinh trong các GĐPT Chánh Niệm, Bảo Quang, Chánh Giác, Tâm Minh… đã đem lại niềm hân hoan hạnh phúc làm ấm lòng mọi người.

Gia Đình Phật Tử trước thềm Chánh Điện Chùa Linh Thứu

Niềm vui vô tận vẫn còn lâng lâng trong tâm thức của đại chúng, của những người con Phật.

Vâng, chúng ta vui mừng hoan hỷ vì đã có một tự viện hùng tráng uy nghiêm, nhưng chúng ta đừng quên nhiệm vụ của người Phật tử về mục đích tu học và hoằng hóa đạo pháp để trong tương lai ngôi chùa càng ngày càng phát triển, như lời pháp nhủ của Hòa Thượng Viện Chủ Chùa Khánh Anh trong ngày hôm trước.

Niềm vui tiếp theo là trong ngày Lễ Lạc Thành đã có 116 giới tử xin thọ Bồ Tát Giới - số lượng phát nguyện lớn nhất từ trước đến nay. Qua đó, Hòa Thượng, đã nhắc nhở các giới tử- là Bồ Tát tại gia phải giữ đúng 6 giới trọng và 28 giới khinh như đã phát nguyện, chứ đừng xem "Thọ Bồ Tát Giới" là một phong trào tham gia để làm dáng; cũng không phải là "bị rủ rê" thọ giới cho vui; mà trước khi thọ giới, tự mỗi giới tử đã phải chuẩn bị tâm ý nghiêm cẩn và quyết tâm hành trì Bồ Tát Hạnh luôn sẵn sàng quên mình để giúp đỡ cho tha nhân…

Ngoài ra, cũng cần ghi nhận thêm một niềm vui nữa là Giáo Hội Phật Giáo VNTN Âu Châu có một cặp bài trùng MC rất ăn ý. Đó là Thượng Tọa Thích An Chí, Trụ trì chùa Khuông Việt ở Na Uy. Với giọng nói trầm ấm, nhẹ nhàng trong sáng Thượng Tọa đã diễn đạt nội dung các tiết mục rất linh hoạt và sống động. Trong khi đó, Đại Đức Thích Hạnh Giới, Trụ trì Chùa Viên Giác, Hannover, Đức Quốc, thông thạo nhiều ngoại ngữ, đã dịch trực tiếp một cách tự nhiên những bài thuyết trình của quan khách từ tiếng Đức sang tiếng Việt, hay từ tiếng Việt sang tiếng Đức một cách thông tuệ với một thái độ vui vẻ cởi mở. Đặc biệt Thầy còn dám dịch luôn lời phát biểu của Hòa Thượng Phương Trượng Chùa Viên Giác bằng tiếng Việt ra… tiếng Việt luôn! Khi kịp nhận ra, Thầy cũng cười xòa xin lỗi và dịch liền qua tiếng Đức.

Và niềm vui thiết thực và đáng tán thán công đức hơn cả là trong 3 ngày lễ hội, bà con đến tham dự đều được tiếp đón nồng hậu, ẩm thực miễn phí: sáng, trưa, chiều, tối… giờ giấc nào cũng được phục vụ chu đáo với bún hay cơm canh, đồ xào; trà, cà phê, nước ngọt, nước suối tha hồ ăn uống. Tất cả đều do một gia đình hảo tâm (chủ một chuỗi nhà hàng) phát tâm cúng dường và còn mang theo nhân sự đến phục vụ nữa! Nghe đâu trước đó cũng đã nhiều lần phát tâm như vậy trong những ngày đại lễ. Thật là chùa Linh Thứu có nhiều ơn phước, đúng với tên của vị Sư trụ trì.

*

Để tạm kết thúc bài tường trình những ngày lễ sinh động, chúng ta thử lắng tâm tư đứng trên thềm chánh điện quán chiếu về Vườn Cảnh Chùa; hồi tưởng từ năm 2006, có những bàn tay của nhiều Phật tử thiện nguyện đã lần lượt kiến tạo một quần thể vườn cảnh thanh tịnh giải thoát. Một Chùa Một Cột được xây cất khá lớn, một Chùa Thiên Mụ khiêm nhượng bằng đá. Chẳng hiểu đến bao giờ Chùa mới kiến trúc thêm một biểu tượng cho miền Nam Việt Nam?

Rất nhiều tượng Phật lớn nhỏ được thiết trí chung quanh những gốc cây cổ thụ; những hòn giả sơn; những hòn non bộ bằng đá mang vài biểu tượng thoát trần, đứng chung với những cây cảnh, những khóm hoa tứ thời hay từng mùa một cách hài hòa, khiến du khách một lần dừng bước ghé thăm chùa đều cảm thấy lòng nhẹ nhàng, tĩnh lặng trước khi khi vào chánh điện chiêm bái lễ Phật. Thêm nữa những lời Phật dạy được khắc ghi trên vách tường làm cho du khách thấm nhuần thêm giáo lý Phật Đà. Từ đó mới ý thức được dòng nước mát từ bình tịnh thủy của tôn tượng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, tưới tẩm xuống cuộc đời ô trược ở thế gian này để biến thành một thế giới trong lành, thanh khiết, an bình, hạnh phúc. Đối diện là tượng Đức Phật Di Lặc vẫn muôn thuở ngồi mỉm cười hoan hỷ đón mừng khách vãng lai; chúc lành cho mọi người đến viếng tự viện trút bỏ những phiền não, bồi dưỡng tâm linh để sớm đạt được một cuộc sống an lạc, giải thoát.

Phù Vân

(23.10.2012)

* Hình ảnh từ trang nhà www.linhthuu.de

Từ cảnh giới Cực Lạc đến xứ Phù Tang

• Hoa Lan

Nguồn tin Hòa Thượng Phương Trượng chùa Viên Giác sẽ tổ chức một chuyến hành hương Nhật Bản vào cuối tháng 10 năm 2012, đã làm một số các đệ tử và „fans" của Người giao động. Họ phân vân không biết có nên đập con heo đất giấu tiền tích trữ để theo Thầy một chuyến hay không? Đi Nhật là tốn tiền phải biết, ai thông thạo tiếng Nhật để hướng dẫn đây? Lại thêm nguồn tin của các nhà khoa học nghiên cứu về vũ trụ cho biết, đến cuối năm 2012 theo lịch của người Maya sẽ là ngày tận thế !!! (nhưng tin mới nhất của cơ quan NASA bên Hoa Kỳ đã phủ nhận điều này). Nhất là trong chương trình hành hương có viếng thăm *Tượng Ngài Địa Tạng không đầu* chữa bệnh rất linh thiêng. Từ những lý do đó ai mà không chụp lấy ngay nhỡ vô thường lững thững đến thăm có phải là "*Làm người một kiếp cũng như không*" như câu thơ của một vị Thiền Sư nào đó.

Chuyến hành hương Thái Lan và Nhật Bản bắt đầu từ ngày 22 tháng 10 đến 5 tháng 11 năm 2012, vào một sáng mùa thu với nắng vàng ươm và se se gió lạnh. Có ai biết con số ghi tên tham dự chuyến hành hương Nhật Bản này lên đến bao nhiêu không? Trước giờ khóa sổ vào đầu tháng 10 là hơn một trăm vị, sau rút lui từ từ để dừng lại con số 85 với 14 quốc gia trên thế giới. Một con số đáng ngại trong lịch sử đi hành hương của quý Thầy. Chỉ nghĩ đến việc tổ chức làm sao cho từng ấy người ăn no ngủ yên và khỏe mạnh để họ leo lên xe buýt chạy cho đúng giờ thôi cũng đủ là cả một vấn đề. Điều này đã được thể hiện qua sắc thái và nụ cười lúc nào cũng nở trên môi của Hòa Thượng hướng dẫn đoàn, đã đánh tan bao điều tiếng cho rằng Người thật nghiêm khắc và khó tánh. Đấy là chuyện xa xưa thuở nào, chứ bây giờ Người còn sợ các Phật tử trong tương lai sẽ la rầy Thầy tại sao không chịu uống thuốc!

Như tên tựa đề bài viết được chia làm 2 phần cho rõ ràng mạch lạc:

A- Hành hương Thái Lan tại Cực Lạc Cảnh Giới Tự ở Chiang Mai,
B- Hành hương Nhật Bản

A. Hành Hương Thái Lan: Khóa Tu tại Cực Lạc Cảnh Giới Tự ở Chiang Mai

Đến phi trường Chiang Mai bằng chiếc máy bay khổng lồ A-380 của hãng hàng không Thái Airway phái đoàn hành hương chỉ có 54 vị, ngoài Hòa Thượng trưởng đoàn ra còn có Thầy Giác Tâm và Chú Thân Phụng đến từ Hoa Kỳ, Thầy Huệ Pháp du học tại Ấn Độ, Sư Cô Huệ Ngọc ở Đức và các Phật tử ở khắp nơi, chia đều trên 6 xe buýt nhỏ đón phái đoàn về trú ngụ tại Cực Lạc Cảnh Giới Tự. Đường lên cực lạc thật không biết như thế nào, chứ đường ở đây cho dù đã được sửa sang tốt hơn 6 năm trước lắm rồi, cũng làm chúng tôi nao nao cả ruột gan. May nhờ xe của Hòa Thượng đi trước dẫn đường nên mọi người mới đi đến nơi một cái vèo, không phải lạc đường một cách thảm hại như những phái đoàn từ Việt Nam sang trong những ngày về sau.

Ngày đầu chúng tôi được nghỉ ngơi để lo nơi ăn chốn ngủ cho vào nề nếp và thăm viếng chốn cực lạc cảnh giới nhân tạo do Thầy Hạnh Nguyện, một đại đệ tử của Hòa Thượng đã dùng "Đại Nguyện" để hoàn thành. Tuy công trình chưa hoàn tất nhưng tất cả các cảnh giới của Hạ Phẩm với tôn tượng của ngài A Di Đà cao sừng sững bên cạnh ngài Thế Chí và Quán Âm soi bóng trên hồ sen thất bảo đủ màu. Nhất là ban đêm khi ánh đèn chiếu sáng, ta thấy ngay một khung cảnh lung linh huyền ảo đến lạ thường.

Một quang cảnh thiên nhiên hùng vĩ với những cây cổ thụ cao vòi vọi, những khu rừng với cây lá muôn màu sắc được che phủ bằng những lớp sương mù như khói vào buổi sớm mai khi chúng tôi vội vã đến Chánh điện để tụng thời Kinh Lăng Nghiêm. Sáng ra ta sẽ thấy những rặng đồi trồng trà xanh thật xinh đẹp, bên dưới là những dòng suối uốn lượn quanh co, thấp thoáng trên cao là khu Thất Tăng, khu Thất Ni và cư sĩ Ưu Bà Di với đầy đủ các thiết bị cho đời sống, có cả mạng lưới Internet cho ta mỗi ngày viết *Email cho Phật A Di Đà*.

Thầy Hạnh Nguyện với đại nguyện cho năm tới là phải xây xong 48 Tháp với 48 lời nguyện của Phật A Di Đà đã được các Cao Tăng của Tây Tạng chú nguyện, mỗi Tháp cao khoảng 2 mét. Tháp thứ 49 cao độ 25 mét, đến lúc ấy chúng ta cứ việc tha hồ đi nhiễu chung quanh các Tháp để lấy công đức. Dĩ nhiên phái đoàn đã nỗ lực đóng góp rất nhiều cho việc xây Tháp, ai cũng muốn là người góp viên gạch đầu tiên. Mẫu các Tháp đã được Thầy Hạnh Nguyện lựa chọn gồm 7 kiểu đặc sắc sưu tầm từ các xứ Phật như Tích Lan, Ấn Độ, Nepal…

Trở lại khóa tu 4 ngày tại Cực Lạc Cảnh Giới Tự, không khí thật trang nghiêm và thanh tịnh. Mỗi sáng chúng tôi không cần để đồng hồ báo thức, cứ việc ngủ ngon lành cho đến khi tiếng nhạc trời văng vẳng vang lên từ những ống loa được giấu kỹ ở đâu đâu đánh thức dậy. Mặc dù phải tranh nhau phòng vệ sinh với tình trạng thiếu nước trầm trọng vì ở trên núi cao và số người quá tải, chúng tôi vẫn khắc phục mọi khó khăn để đến chánh điện thật đúng giờ cho kịp thời công phu khuya. Vừa bước chân đến trước thềm tôi và Nhật Hưng đã gặp Thầy Huệ Pháp cùng anh Quang đeo máy hình thật to đứng cười chào: *Ồ! Tình cờ gặp 3 nhà báo.* Tôi liên tưởng ngay đến nhà *báo Đạo* thầy Huệ Pháp, *báo Đời* chắc chỉ Nhật Hưng và Hoa Lan, còn *báo hại* chẳng lẽ là anh phó nhòm!

Khóa tu kỳ này thật thoải mái, chỉ tụng kinh một thời sáng sớm rồi nghe Pháp triền miên một ngày 2 thời, hết Hòa Thượng Phương Trượng giảng đến Thầy Hạnh Nguyện rồi Thầy Hạnh Bảo sang đến Thầy Huệ Pháp, tối đến thắp đèn trí tuệ đi kinh hành niệm Phật 3 vòng quanh ao sen của hồ Thất Bảo với tôn tượng Phật A Di Đà. Sau 3 vòng thật mệt nhoài và lợi lạc, bảo đảm các bạn hành hương sẽ ngủ ngon như chưa từng có và hết thao thức để nằm nghe các bạn Đạo nằm bên *kéo tre đẵn gỗ trên ngàn*.

Qua đến ngày thứ ba của khóa tu, phái đoàn Úc Châu của Hòa Thượng Bảo Lạc (bào huynh của Hòa Thượng Phương Trượng) đã tới Cực Lạc Cảnh Giới Tự với 3 mục đích: dự buổi giỗ Hòa Thượng Long Trí, dự lễ khánh thành an vị tôn tượng A Di Đà và gặp gỡ anh em thân bằng quyến thuộc xứ Quảng gần 50 vị sau 40 năm xa cách. Mục này thật cảm động đã được thể hiện trong buổi văn nghệ bỏ túi trước hôm chia tay, hết bác Tư lên sân khấu lộ thiên tặng hai vị Hòa Thượng một bài thơ, đến cậu cháu trẻ cúng dường hai ông cậu Hòa Thượng một bài hát, rồi cô cháu bên nội sang đến cậu cháu bên ngoại ca hát chiếm sân khấu đến đêm. Ngoài ra hai vị Hòa Thượng đã chu đáo dành riêng cả một buổi chiều để tiếp đón phái đoàn xứ Quảng tại Chánh Điện, một cuộc gặp gỡ thật hiếm có, chắc cũng có người rơi lệ vì cảm động.

Buổi sáng hôm khánh thành tôn tượng, ngoài hai vị Hòa Thượng thân thương của chúng ta còn có Thượng Tọa Tâm Minh chùa Trúc lâm ở Sydney, vị này quan trọng cho buổi Chẩn tế cô hồn vào buổi chiều. Nghe đâu trước cổng vào Cảnh Giới Tự là một lò thiêu, dấu vết còn sót lại cũng đủ cho những ai yếu bóng vía phải rùng mình. Thầy Huệ Pháp xem ra cũng có nhiều tài, ngoài tài chụp hình viết báo Thầy còn phụ giúp nghi lễ trong những đàn Chẩn tế với Thầy Tâm Minh và trên xe buýt Thầy là ca sĩ „Gia Hu" hát cạnh tranh với ca sĩ Gia Huy những bài nhạc Đạo.

Sau buổi ăn sáng, Hòa Thượng trưởng đoàn ra chỉ thị cho các Ưu Bà Di tuổi từ 18 đến 80 phải sửa soạn áo dài truyền thống Việt Nam mặc đi dự lễ khánh thành, ai quá khổ được quyền mặc áo tràng.

Lệnh vừa tung ra cả đoàn nô nức trổ tài diện, ôi thôi người nào cũng mặt hoa da phấn, một số đã đổi cả pháp danh thành Diệu Đà tức là *già điệu*. Một vài bác trước ngày đi phải vào nhà thương cấp cứu mấy lần; bác sĩ và con cái ngăn cản không cho đi hành hương, thế mà hôm nay dám diện áo dài mang giầy cao gót đi kinh hành để mọi người được chiêm ngưỡng những bức ảnh đẹp tuyệt vời, có phải đây là hiện tượng được Phật độ không?

Tất cả các bài viết và hình ảnh đã được các Thầy Hải Châu và Huệ Pháp cập nhật ngay trên hai trang web của riêng họ, ai chịu khó vào mạng sẽ được thông tin đầy đủ chứ đâu khổ sở như tôi cả tháng sau mới ngồi gõ lọc cọc vài hàng, chẳng còn là tin sốt dẻo. Nhưng có vẫn còn hơn không các bạn nhỉ!

Có người tình cờ đọc được bài viết của Hòa Thượng trưởng đoàn về thú uống trà xanh trên Cực Lạc Cảnh Giới Tự, cứ đòi Thầy Hạnh Nguyện phải dành cho một buổi sáng Thiền trà ngay trên tận đỉnh đồi. Yêu cầu này xem ra cũng hợp lý quá đấy chứ! Thế là thầy trò cùng nhau khuân bánh kẹo, ly tách, bình nước sôi… leo bao nhiêu là bậc thang đi ngang qua chỗ sẽ xây cảnh giới Trung Phẩm thượng sanh, vẫn chưa tới, nhìn lên thật cao chắc Thượng Phẩm thượng sanh, nhưng may quá Thầy đã dừng chân bên một gốc cây cổ thụ già có treo tấm tranh viết bằng thư pháp hàng chữ „*Uống Trà đi*" do ngòi bút khéo léo của Thầy Vạn Trí, Phó Trụ Trì ngôi Giới Tự phóng tay. Dĩ nhiên chúng tôi mỗi người chỉ được nhâm nhi vài ngụm trà nóng cho biết mùi chứ uống chưa đã một tí nào. Nhưng văn nghệ cúng dường thật là dồi dào nhờ giọng hát truyền cảm của một cậu làm vườn được mệnh danh là „*Gia Huy*" của núi rừng Chiang Mai. Dĩ nhiên trong khung cảnh thơ mộng và huyền ảo do sương mù che phủ, Hòa Thượng trưởng đoàn đâu thể làm ngơ mà không mở màn bằng một giọng ngâm xứ Quảng bài thơ *Nhớ Chùa* của thi sĩ Huyền Không.

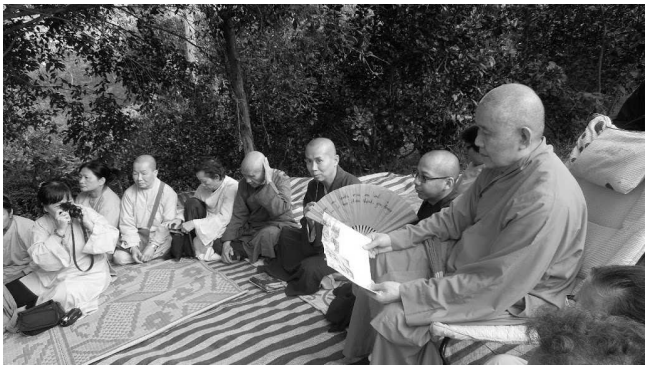

Nhắc đến tài ngâm thơ của „Hòa Thượng to", chữ dùng của anh chàng Luân người Thái gốc Việt, một đại gia sản xuất bún vừa tươi lẫn khô đến làm công quả, tôi nhớ tới tài ngâm thơ của vị „Hòa thượng to" kia, cái vị bào huynh ấy! Người rất thích ngâm thơ, cho dù thế nào đi chăng nữa người cũng đòi đóng góp vài vần thơ. Ấn tượng nhất là đoạn Hòa Thượng ngâm đến câu: „*Huynh có hay…* "rồi tắt nghẹn để khán giả trông chờ không biết người nhắn nhủ điều gì cho Huynh của người?

Nói đến vườn Trà mà không nhắc đến vườn trái cây của Thầy Hạnh Nguyện là cả một điều thiếu sót, nào là

ổi, khế…, trái nào trái nấy to khủng khiếp. Muốn đi hái khế phải mang túi Ba Gang mà đựng, Thầy còn bảo sau này không có tiền chi phí, sẽ học hạnh ngài Quảng Khâm chỉ ăn trái cây trừ cơm cũng sống được. Vừa thấy vườn khế, Nhật Hưng đã xung phong làm món gỏi rau muống để cúng dường. Một món gia truyền của ông cụ bố chồng truyền lại để Nhật Hưng đem ra chia sẻ với mọi người, hôm ấy số người khá đông khiến Nhật Hưng phải vất vả.

Lúc phái đoàn tu học của chúng tôi đến đã có một nhóm các Phật tử ở Việt Nam sang làm công quả hộ trì, họ lo việc chợ búa tích trữ lương thực cho cả hàng trăm người ăn ngày ba bữa no đủ trong gần một tuần. Trưởng đoàn là chị Chung, một người phụ nữ xinh đẹp và tháo vát làm công quả ngày đêm không biết mệt, chị phải quản lý tất cả các khâu từ chiếc nệm tấm chăn đến các vòi nước quên khóa trong từng phòng. Hỏi ra mới biết chị là một đại gia có kẻ hầu người hạ, ở nhà chưa động đến chân tay, nhưng khi đã thấm nhuần Phật pháp chị xả thân hộ trì Tam Bảo. Trong đoàn của chúng tôi cũng có người đưa thân ra gánh vác việc bếp núc, anh Dũng ở München người có biệt tài *chuyển âm phim bộ*, lúc nào có dịp đi ngang nhà bếp tôi cũng thấy anh khiêng vác không nổi thì chảo, mặt mũi khá khẩn trương. Ngoài ra trong khóa tu có phái đoàn đến từ Việt Nam cũng có nhiều vị thật „đáng ngại", họ xuất thân từ những giai cấp lãnh đạo, một thời hét ra lửa của một vùng. Hôm nay chịu quy y tam bảo, ngồi tụng kinh nghe pháp cả mấy ngày. Hy vọng Phật pháp nhiệm mầu cho tất cả chúng sinh cùng ngồi chung dưới một mái chùa núp bóng từ bi.

Để hòa đồng với đại chúng, Hòa Thượng trưởng đoàn chế luật mới, kể từ nay ban trai soạn không cần phải dọn riêng cho người, tất cả đều bình đẳng đứng xếp hàng lấy thức ăn. Chư Tăng Ni lấy trước xong đến Phật tử và đi rửa bát cũng thế phải xếp hàng. Các bác lớn tuổi quá đau lòng khi thấy Hòa Thượng của mình y áo trang nghiêm phải nhúng tay vào nước xà bông. Nhưng luật là luật phải chấp hành nghiêm chỉnh!

Một nhận xét nhỏ về các món ăn chay thật ngon được các Phật tử ở Việt Nam đem sang cúng dường. Món giò lụa trắng tinh, thật dai và thơm mùi lá chuối xanh biếc quấn quanh vòng, tôi chưa từng thưởng thức món giò lụa chay nào ngon như thế, ngon hơn cả giò lụa mặn nữa. Tuy trong bụng tôi biết chắc chắn rằng có bàn tay hóa chất của chợ Kim Biên vùng Chợ Lớn nhúng vào, không thể nào làm ngon và dai như thế được, nhưng tôi vẫn gắp đầy vào bát vì nghĩ rằng cơ hội hiếm có để thưởng thức sản phẩm Kim Biên rất ít đối với tôi.

Nhắc đến bạn Đạo tôi nhớ câu: *Ăn cơm không canh như tu hành không bạn*. Vâng, khóa tu này nếu tôi không tìm ra chị Thuyền Vị và các anh chị đi tháp tùng theo chị là xem như phí cả chuyến đi. Ấy! Nhật Hưng và Diệu Thành đừng vội lên tiếng, sẽ nhắc đến các bạn ở phần sau. Nhân duyên nào khiến tôi kết thân với chị, ấy là lòng mong cầu được gặp người Hà Nội chính tông 5 đời. Nhưng rất tiếc chị Thuyền Vị chỉ có bốn đời rưỡi vì đã sống ở Mỹ quá lâu, thôi không nên lục gia phả nhà chị, chỉ biết rằng chị là Huynh trưởng Gia Đình Phật tử. Trong 4 chữ Tập, Tín, Tấn, Dũng, chị lọt vào cấp Tấn. Thế là Nhật Hưng (Thụy Sĩ), Hoa Lan (Đức) và Diệu Thành (Hòa Lan) đã nhập cùng với chị Thuyền Vị (Mỹ) thành một đoàn vũ chúng mình 4 đứa lấy tên là „*Bà Nội của Oanh Vũ*" múa đệm cho Lão Bà Bà Thuyền Đàm hát bài *Em đến Chùa*, khai mạc cho buổi văn nghệ bỏ túi cúng dường. Anh Năm vì hay đội mũ nên được thiên hạ tặng cho mỹ danh *cái ông Bến Thượng Hải*, phải tháp tùng hai cô em vợ có thể ngã lăn bất tỉnh bất cứ lúc nào (nghe kể thế thôi, chứ trông hai nàng vẫn còn tươi rói).

Anh Đồng Pháp của công ty du lịch Nhi Phong rất dễ thương, với khuôn mặt dễ mến anh tháp tùng đoàn đi một cách trơn tru. Anh đã thiết kế một cái mũ trắng với Logo của chùa Viên Giác theo nhu cầu của Hòa Thượng trưởng đoàn để nhận diện phe ta trong đám rừng người du khách. Thế nhưng chim Ca Lăng Tần Già trên Cực Lạc Cảnh Giới của Thầy Hạnh Nguyện đã làm ngay một bãi trên đỉnh mũ của chị Thuyền Vị, khiến chị nảy sinh ý tưởng phơi khô rồi xin chữ ký của các bạn Đạo quanh thành mũ giữ làm kỷ niệm.

Người gây ấn tượng nhiều nhất vẫn là chị Thanh Nguyệt đến từ Hòa Lan, người được tôi gọi là *Trăng Sáng Vườn Chè* và phong luôn cho thương hiệu „*Mít Thái Lan*". Tại sao thế nhỉ? Chẳng là chị Quảng Minh và một người đẹp Pháp quốc nào đó mặc hai chiếc váy quá đẹp, màu sắc từ tím nhạt đến tím than như màu tím hoa lan của xứ Thái, rất xứng đáng là „Miss Thái Lan", nhưng rất tiếc lại là dân Mít. Nhân vật này đi đến đâu là nổi đình nổi đám đến đó, không có chị lo việc chợ búa phụ thêm và bồi dưỡng trái cây cho bà con ăn lấy gì thoải mái. Chị đã hy sinh việc tu học, ngày nào cũng theo xe hàng xuống chợ mua sắm hàng giờ, đến bữa dọn lên hôm thì bòn bon, măng cụt, mít, xoài ê hề. Còn một món khoái khẩu nữa, nhưng chỉ được để ngoài hàng hiên và chỉ có một lần, đấy là sầu riêng. Trái nào trái nấy to gần 5 ký, mùi thơm sực nức chỉ để dành riêng cho những tay ghiền hạng nặng. Tôi đứng ngay hàng đầu chuyền tay chia đều từng múi cho những bàn tay khắc khoải giơ lên, với lời nhắn nhủ thiết tha rằng đừng nên đến gặp Hòa Thượng trưởng đoàn thưa thốt điều gì, nếu được hãy đứng xa người ít nhất mười thước.

Nhân duyên gặp gỡ Phật pháp của chị Quảng Minh qua câu chuyện „*miếng bánh của vị Bồ Tát*" xảy ra tại trại tỵ nạn ở Hồng Kông vào năm 1985. Lúc ấy „*vị Bồ Tát*" của chị còn rất trẻ chỉ mới là Đại Đức và đẹp như ngài A Nan (theo lời kể của chị), đã đến trại ủy lạo với số tiền thật khiêm nhường 1.500 $US cho 3.000 người. Một trái chuối phải cắt làm 3 và miếng bánh đa bé nhỏ phải đổ nước vào cho nở phình ra. Buổi lễ được tổ chức tại sân banh ngày đó đã làm chị rơi lệ và sau này khi được định cư tại Hòa Lan chị luôn nhớ và âm thầm hộ trì Tam Bảo trong suốt 30 năm không thối chuyển. Ngày nay Vị Bồ Tát của chị đã trở thành Hòa Thượng và chị trở thành đại gia, cái vòng nhân quả xoay vần khiến chúng tôi được lợi lạc.

Câu chuyện anh chàng đại gia bán bún người Thái gốc Việt đến làm công quả trong thời gian chúng tôi tu học, đã đi vào huyền thoại với tài nói tiếng Việt *sành sỏi* của anh. Qua giọng kể của Thảo, hoa hậu Chim Cánh Cụt xứ Ái Nhĩ Lan, nếu ai hỏi thăm gia cảnh của anh cha mẹ còn mất ra sao? Anh rơm rớm nước mắt trả lời: „*Ông bà cụ tôi đã chết tươi rồi!*".

(Xem tiếp trang 139)

Đầu năm nói chuyện Ngũ thập nhi ...

*** Giang Phúc Đông Sơn**

Sáng ngày đầu năm ta, còn đang mơ màng giấc điệp thì điện thoại reo vang. Đang ngon giấc bị đánh thức, tôi lười biếng không muốn trả lời. Nhưng Thúy nằm bên cạnh, huých nhẹ vào người:

- Anh! Điện thoại!

Chiều ý tôi, Thúy xin nghỉ 3 ngày Tết âm lịch nên chúng tôi mới dậy trễ. Cực chẳng đã, tôi đành phải quờ quạng đưa tay tìm cái cellphone trên chiếc night-commode ở đầu giường, không nhìn xem người gọi là ai, mơ màng lên tiếng:

- Hello!

- Hapy New Year… con rắn… 9 đầu! Chưa dậy sao? Hay tin gì chưa?

Giọng nói nhanh, ồn ào quen thuộc của Toàn, người bạn học cũ khiến tôi bớt ngái ngủ, nhưng vẫn ậm ừ:

- Tin gì?

- Thằng Giao không xuống chơi với tụi mình hôm nay vì phải đi lọc máu.

Nghe đến đó tôi giật mình, tỉnh hẳn, ngồi dậy:

- Vậy hả? Mày hay tin từ bao giờ?

- Vợ nó mới gọi cho tao tối hôm qua, tao gọi cho mày ngay nhưng mày tắt phone. Nó không đi được, nhưng… tụi mình vẫn gặp nhau hôm nay chứ?

Tôi không phải là người tin dị đoan hay thích nghe những lời chúc tụng sáo, nhưng nghe tin Giao phải đi lọc máu vào ngày đầu năm, tôi cũng cảm thấy bâng khuâng, lo nghĩ.

Giao là bạn tôi ở Sacramento, thủ phủ của tiểu bang Cali, cũng là bạn Toàn. Sau tháng 4/75 chúng tôi ít liên lạc với nhau vì mỗi người một hoàn cảnh, nhưng từ ngày qua Mỹ trở nên thân do tình cảm cũ thời ở trung học, nên thường tập họp nhau ăn uống, tán phét vào những ngày nghỉ như lễ Độc lập 4/7, Thanksgiving, Tết dương lịch, Tết ta…

Thấy tôi không trả lời, Toàn hỏi lại:

- Sao? Có họp mặt chiều nay hay không?

- Xin lỗi mày! Phone tao hết battery. Tối qua tao và Thúy đón Silvester ở nhà một người bạn! OK! Giao không xuống nhưng chương trình họp mặt đầu năm không thay đổi.

Toàn im lặng một lúc rồi tiếp:

- OK! Hẹn chiều gặp.

Toàn gác máy. Biết không ngủ tiếp được, tôi đứng lên vào nhà bếp bật máy pha cà phê Thúy đã chuẩn bị từ tối hôm trước. Thúy cũng dậy theo, nàng hỏi:

- Anh Toàn hả anh? Có chuyện gì mà anh ấy gọi sớm vậy?

- Giao phải đi lọc máu hôm nay. Không xuống chơi với mình được.

- Ủa? Sao tháng trước em nghe nói bệnh đường anh ấy gần hết nhờ uống nước đậu gì đó của Ấn Độ mà?

- Đậu Methi Seeds. Toàn những toa thuốc xin xăm qua email… nhất chín, nhì bù. Thì cũng hết, khỏi phải chích nữa, chỉ đi lọc máu thôi.

Thúy cười khanh khách chạy vào phòng tắm, lát sau trở ra, tươi mát trong bộ Pyjama màu hoàng yến. Mở tủ lạnh, Thúy lấy các thứ thịt nguội sắp ra đĩa, chuẩn bị bữa ăn sáng. Cà phê xong, tôi rót cho nàng ly Capucchino đem ra bàn.

Vừa nướng lại bánh mì, Thúy vừa nói:

- Anh Giao phải lọc máu, chắc là hết đi đâu được rồi. Em nghe một chị bạn trong sở nói có người chị 55 tuổi phải lọc máu vì bệnh đường. Tuần lễ phải vào bệnh viện 3 lần, mỗi lần lọc kéo dài 6-7 tiếng đồng hồ. Anh Giao bao nhiêu tuổi rồi anh, học cùng lớp, chắc bằng anh?

Tôi gật đầu:

- Bằng anh, năm bó lẻ… vài chiếc.

Cạch! Cái toaster bật lên. Thúy cẩn thận dùng kẹp gắp bánh mì bỏ lên đĩa cho tôi, thấy tôi có vẻ suy nghĩ, nàng nói:

- Ngũ thập nhi rồi…! Anh làm gì mà đăm chiêu vậy? Khổng Tử có „phán" rằng: - Tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập nhi tòng tâm sở tại bất du củ…

Tôi bật cười, trêu nàng:

- Bữa nay em Hán… rộng dữ à.

Thúy cười theo, lườm tôi:

- Anh lúc nào cũng nói bậy được!

Ngũ thập nhi tri thiên mệnh thì độc giả, độc thiệt…(không cần thiết phải… Hán rộng) chắc cũng hiểu rõ ngọn ngành là đến tuổi năm mươi con người đã có đủ khôn ngoan, kinh nghiệm trường đời… để hiểu biết được mệnh trời. Mọi thành công, thất bại, giàu nghèo… đều do… số mệnh (Áo quần, giày dép… còn có số huống chi con người).

Tuy nhiên, ở tuổi năm mươi hay hơn, người ta không những chỉ tri thiên mệnh mà còn tri thêm nhiều cái khác, đặc biệt là… bệnh hoạn, nhất là ở những nước tiên tiến, thực phẩm dồi dào, dư thừa mà lại rẻ, đặc biệt là bơ, gà, trứng, sữa… 4 thứ căn bản cung cấp đầy đủ các chất bổ cần thiết cho cơ thể ngoài gạo, khoai tây, ngũ cốc…

Ui chao! Thôi thì đủ thứ bệnh, từ cao máu, cao đường, cholesterol, thấp khớp, gout… đến ung thư, viêm phổi, arthrose…

Chữ Thiên do đó trong bài… phiếm loạn này vừa có nghĩa là trời (kêu ai nấy dạ) vừa có nghĩa là hàng ngàn.

Cơ thể con người ở tuổi năm mươi, theo đúng chu kỳ Thành, Trụ, Hủy, Diệt thì đã nằm trong giai đoạn thứ ba là Hủy. Cơ thể bắt đầu bị lão hóa, dễ nhiễm bệnh. Một số bệnh thường mắc phải đối với những người từ 50 tuổi trở đi ở các nước văn minh Âu Mỹ, Nhật, Canada… (những nước thực phẩm dồi dào, dư thừa) mà bạn bè chúng tôi thường gọi đùa là ba cao, một thấp. Ba cao là cao máu, cao đường, cao mỡ, một thấp là… thấp khớp.

Tất nhiên khi có bệnh thì phải chữa, không những chỉ chữa mà đôi khi còn phải… vái nữa. Thành ngữ "Có bệnh thì vái tứ phương" là thế.

Xưa thì vái Trời Phật, thầy, bà…, nay thì vái… internet!

Không phải sao bạn?

Chữa bằng cách này không hết thì thay đổi cách khác. Thuốc tây không bớt thì ta chơi thuốc ta, thuốc

tàu, thuốc Bắc, thuốc Nam, thuốc dân tộc… Lên net tìm thiếu gì…

Từ châm cứu, uống rượu tỏi, nước cốt chanh, giấm táo hòa mật ong, canh dưỡng sinh, trà đinh, trà đắng, khổ qua, lá đu đủ sấy khô, nước rau cải xanh… Nói chung là muôn ngàn cách chữa, từ Xuyên Tâm Liên đến nước tiểu trẻ em, đầy dẫy trên net.

Đặc biệt là những toa thuốc "cực hay" này thường có cứ điểm xuất phát trong nước và luôn trị nhiều bệnh cùng một lúc khác với thuốc tây, mỗi loại thường chỉ trị được một hoặc nhiều lắm là 2 thứ bệnh.

Cuối cùng nếu vẫn không hết thì chỉ còn cách uống cyanure, chắc chắn sẽ hết. Hết đau đớn, khổ sở vì căn bệnh hành hạ, đồng thời cũng… hết thở.

Tuy nhiên, không phải ai cũng có đủ can đảm để… tự xử. Không tự xử được thì phải tìm mọi cách cho bệnh bớt hành hạ, giày vò.

Thấy tôi đặt một lúc hai miếng thịt nguội vào lát bánh mì, Thúy nhắc nhở:

- Anh ăn nhiều thịt coi chừng bị gout đó!

Tôi cười:

- Gout thì uống nước rau cải xanh, hai tuần là hết ngay.

Thúy lắc đầu nhẹ:

- Anh còn nhớ chuyện ông Bằng, chồng chị Hoa bạn em, bị ung thư phổi, uống canh dưỡng sinh sau ba tháng thì hết… thở chứ?

Tôi nhìn nàng:

- Nhớ chứ! Chuyện gì em kể mà anh không nhớ, nhất là chuyện… tiền bạc?

Thúy lườm tôi:

- Em nói chuyện đàng hoàng mà lúc nào anh cũng đùa giỡn được.

Ngừng lại vài giây, nàng nói tiếp:

- Em mới đọc một bài phỏng vấn ông Văn Quang, văn sĩ trước năm 75 nói về lá đu đủ.

Tôi hơi ngạc nhiên;

- Vậy à? Văn Quang là nhà văn quân đội, anh nhớ có đọc một vài tác phẩm của ông ấy như Nguyệt Áo Đỏ, Chân Trời Tím…, rồi ông Văn Quang nói sao về lá đu đủ?…

Vừa trét bơ vào bánh mì, Thúy vừa trả lời:

- Thì ông ấy nói nhà văn Uyên Thao nhờ uống lá đu đủ mà khỏi bệnh ung thư bao tử. Ngoài nhà văn Uyên Thao, ông Văn Quang còn kể thêm vài trường hợp khỏi bệnh ung thư nhờ uống lá đu đủ sấy khô.

Thấy tôi im lặng, Thúy ăn vài miếng bánh mì rồi mới tiếp:

- Em đọc hết bài phỏng vấn ông Văn Quang, rồi tò mò vào google search tìm đọc thêm nhiều bài báo khác nói về lá đu đủ.

Tôi không nói tiếng nào, chờ Thúy ăn hết miếng toast, hỏi:

- Rồi em nghĩ sao về chuyện lá đu đủ?

Thúy lắc đầu:

- Tất cả chỉ là truyền miệng. Hiện chưa có một bằng chứng khoa học hay nghiên cứu y khoa xác thực nào nói về công hiệu của lá đu đủ. Em thấy nó cũng y như chuyện canh dưỡng sinh, đậu Methi Seed của Ấn Độ…

Tôi đồng ý với Thúy:

- Em nói đúng! Tất cả chỉ mới là truyền miệng nhau rồi có người quá rảnh rỗi tìm cách phát tán trên internet. Cách đây ít ngày anh nhận được một email nói về chuyện uống nước cốt chanh hòa mật ong, chữa được bệnh ung thư hiệu quả hơn Chemotherapie, cũng như một email khác nói đã tìm ra thuốc chữa bệnh HIV có tên là Profital, rồi một bài nói về cây Nha Đam (Aloe Vera) chữa được rất nhiều bệnh, kể cả ung thư…

Hầu như tất cả các bài viết hay email thuộc loại này đều có xuất xứ từ Việt Nam. Đó cũng là chuyện dễ hiểu. Ở Việt Nam, những bệnh viện có bác sĩ giỏi, được trang bị máy móc y khoa hiện đại, thuốc men đầy đủ thì quá ít và quá đắt, người dân thường không kham nổi chi phí mỗi khi bị bệnh vì thế nên phải tìm cách khác.

Tuần trước anh cũng mới đọc trên một tờ báo một tin đã cũ. Do quá nghèo túng, có người đã dùng liềm mổ bụng vợ để cứu đứa con không sinh được. Nguồn: http://dantri.com.vn/c728/s728-592360/phat-dien-vi-lay-liem-mo-bung-vo-cuu-con.htm.

Vì vậy anh cũng không ngạc nhiên khi thấy càng ngày càng có nhiều toa thuốc email xuất hiện trên Net.

Những toa thuốc này thường ít khi đưa ra những nguồn gốc, bằng chứng thí nghiệm hay chữa trị rõ ràng, đã được nghiên cứu qua một thời gian dài, kết quả đã được chứng minh… mà chỉ đưa ra những cái tên vớ vẩn như ông X ở Tiền Giang, bà Y ở Cần Thơ, ông Z ở Sàigòn… đã dùng qua và hết bệnh ung thư, bệnh tiểu đường, bệnh Gout…

Để củng cố thêm lập luận của họ, những người sáng tạo ra các toa thuốc này thường hay trích dẫn thêm tên Tiến sĩ T ở viện nghiên cứu A nào đó, Bác sĩ B nọ ở trường đại học B, C… tiểu bang Cali, Texas…, đồng thời cũng dẫn nguồn với một, hai cái tên ngoại quốc vớ vẩn nhưng không bao giờ ghi ngày tháng, số xuất bản.

Độc giả nào tò mò đi tìm hiểu thêm nguồn thì may ra… tới Tết Ma rốc mới mò ra.

Một lần, anh nhận được email của một người bạn từ Website của Bảo Mai cho biết là khoa học đã tìm ra thuốc trị bệnh HIV. Tò mò anh click cái tên thuốc vào Google tìm thử, hóa ra đó là tên một loại phân bón.

Thúy ăn xong cặp bánh mì Toast, uống một ngụm cà phê rồi lắc đầu:

- Ở vào thời buổi mà chỉ cần vài cái nhấp chuột, người ta có thể kiểm chứng được nguồn tin. Vậy mà có những điều rất vô lý nhưng không hiểu tại sao nhiều người có học, có kiến thức vẫn tin và tiếp tục phổ biến trên net để gây hại cho người khác như chuyện dầu dừa trị bá bệnh hay chuyện chữa tai biến mạch máu não bằng mấy vị thuốc bắc với lòng trắng trứng gà đắp vào bàn chân.

Tôi ngạc nhiên:

- Ủa? Vậy hả? Kể anh nghe đi!

- Ngày hôm qua em nhận được cái email do một người bạn chuyển tiếp. Email nói về một người nào đó tên là Ái Miêu ở Sydney, Úc Đại Lợi tìm ra phương pháp trị bệnh tại biến mạch máu não với các vị thuốc bắc như: Hạnh nhân, chi tử, đào nhân… mỗi thứ 10 gr, tiêu 10 hột, nếp 10 hột và 1 lòng trắng trứng gà.

Thúy ngừng lại một chút rồi tiếp:

- Tất cả tán nhuyễn trộn với lòng trắng trứng gà đắp vào chân trước khi đi ngủ. Nam đắp chân trái, nữ chân phải. Chỉ đắp một lần trong đời. Nghe cứ như là thuốc tiên. Để tăng thêm phần tin tưởng cho độc giả, nhân vật Yêu Mèo này còn đem chuyện tài tử Đơn Dương hay chủ

bút Hồ Ông của Văn Nghệ tuần báo là những nạn nhân của căn bệnh trên ra hù thiên hạ nữa. Hơn thế nữa nhân vật bí ẩn này còn chỉ cách cấp cứu khi nạn nhân bị tai biến mạch máu não như nặn máu ở cuối vành tai, dùng kim châm mười đầu ngón tay thay vì gọi cấp cứu.

Tôi bật cười:

- Đơn Dương chết rồi nên không còn đi kiện ai được. Còn Hồ Ông thì anh không biết. Nhưng chắc chắn một điều rằng nếu tác giả Ái Miêu hay thân nhân mà bị tai biến mạch máu não thì chắc họ sẽ nhanh chóng gọi cứu cấp 911 chứ không nặn máu, vuốt tai… đâu.

Thúy trầm ngâm:

- Em cũng nghĩ như anh. Nhưng không hiểu tại sao có những người có thể bịa ra những chuyện như vậy để làm gì?

- Có gì lạ đâu em? Cũng có thể do nhiều người rảnh rỗi, không có chuyện gì làm, ngồi suy nghĩ tìm cách đùa giỡn, chọc phá thiên hạ.

- Nhưng như thế thì hại đến sinh mạng người khác.

Tôi lắc đầu, nhìn Thúy:

- Nếu nghĩ được như em thì họ đã không làm chuyện thất đức đó.

Thúy hỏi thêm:

- Nhưng tại sao có những người có thể đưa lên Net những chuyện rất ư vô lý như uống dầu dừa trị bệnh? Dầu dừa là loại dầu chứa chất béo bão hòa nhiều nhất (Gesättigte Fett, saturated Fat) khi so sánh với các loại dầu ăn thực vật.

Tôi cười nhẹ:

- Đâu phải ai biết sử dụng computer cũng đều có kiến thức về sinh vật học như biết Cholesterol là tiền sinh tố D, Carotene là tiền sinh tố A… Nhiều người có bằng kỹ sư Hardware, Software... nhưng nói chuyện về sinh học thì họ ú ớ, không hiểu saturated fat và unsaturated fat khác nhau chỗ nào.

Tôi ngừng lại, nhìn Thúy cười tủm tỉm:

- Cũng giống như người có bằng kỹ sư hóa học mà lái xe cả năm rồi vẫn không biết cái nút để mở nắp bình xăng ở trong xe nằm ở chỗ nào.

Biết bị tôi nói xỏ xiên, Thúy vừa cười vừa lườm tôi:

- Anh là chúa hay móc họng người khác. Xỏ xiên em thì không sao chứ quen miệng có ngày sẽ bị chửi đừng than à. À! Em nhớ có lần nói chuyện với cô bạn học cũ, có người nào đưa lên Net cách chữa tai biến mạch máu não tức thời. Anh biết chuyện đó không?

Tôi gật đầu:

- Chuyện tào lao! Không biết xuất phát từ đâu mà cái email đó đi vòng vòng mấy bận. Bị tai biến mạch máu não mà lại chỉ người ta hơ kim lên lửa để khử trùng rồi chích vào 10 đầu ngón tay, nặn cho máu chảy ra, sau đó chờ ít phút nạn nhân sẽ hồi tỉnh. Còn nếu nạn nhân bị méo miệng thì phải vuốt hai tai của nạn nhân đến khi đỏ lên thì sẽ hết.

Thúy lắc đầu:

- Bị stroke thì lo gọi cứu cấp càng nhanh càng tốt chứ ở đó mà còn đi tìm kim, hơ lửa khử trùng, nặn máu, vuốt tai… Thật đúng là giết người không gươm dao.

Tôi nói tiếp:

- Đúng vậy! Thật ra bị đột quỵ hay stroke có nhiều nguyên nhân chứ không hẳn là vỡ mạch máu nào đó trên não. Có thể do máu bị đóng cục ở chỗ nào đó trong cơ thể nên không lưu thông được hay bị nghẹt động mạch vành… Khi máu không lưu thông được thì 2 nơi quan trọng là tim và óc sẽ thiếu dưỡng khí, lúc đó chết như không. Gọi cứu cấp thì nhân viên cứu thương có đầy đủ dụng cụ cấp cứu, nhất là binh dưỡng khí. Hơn nữa họ được đào tạo chuyên nghiệp để cấp cứu, họ biết phải làm gì trong tình trạng nguy hiểm của bệnh nhân.

Thúy hỏi:

- Vậy theo anh khi đến tuổi 50 hay hơn, có cách nào để tránh được bệnh tật?

- Không có cách nào tránh được. Một chiếc xe, chạy đến một thời hạn nào đó máy móc sẽ bi hư hại và phế thải, nhưng nếu chịu khó bảo trì, đi làm kiểm kỳ (inspection) đúng thời hạn… sẽ chạy được lâu hơn, nhiều ngàn cây số hơn. Cơ thể con người cũng thế, nếu biết giữ gìn bằng cách ăn nhiều rau, trái cây, ít thịt, đường, muối thì thời kỳ bệnh hoạn sẽ đến trễ hơn, sống lâu hơn. Đơn giản như là đang giỡn vậy thôi.

Vừa lúc đó có tiếng còi hụ xe cứu cấp vang lên càng lúc càng gần, Thúy uống nốt ly Capuccino, đứng lên thu dọn chén, đĩa bỏ vào trong máy rửa chén rồi quay lại nói:

- Chắc gần đây có người đầu năm bị gì rồi. Lát nữa anh làm salad cho em nghe. Anh có định đi chợ mua thêm gì không?

- Không! Em có cần gì không? Nếu không cần thì mình ra khu Lion Plaza coi chợ Tết. Ngoài đó họ trưng bày nhiều cây hoa mai cũng đẹp lắm. Salad thì để chiều làm cũng được, làm sớm mất tươi đi.

Thúy trả lời:

- Có! Anh ghé mấy tiệm mỹ phẩm của Việt Nam mua giùm em ít hộp mỹ phẩm trộn vàng và kem thoa mặt làm bằng sữa ong chúa mà cô Kỳ Duyên hay quảng cáo nghe. Mấy ngày nay soi gương em thấy mặt mình bắt đầu có tàn nhang và nếp nhăn rồi.

Tôi biết Thúy nói đùa vì vàng là kim loại, là chất vô cơ, cơ thể con người không thể hấp thụ được. Cơ thể chỉ hấp thụ được kim loại dưới dạng ion một phần rất nhỏ qua đường tiêu hóa, tính bằng milligram thường có sẵn trong thực phẩm, nước suối, rau trái...

Chuyện vô lý giống như ong là loài đẻ trứng, làm gì có sữa để lấy chế biến mỹ phẩm, nếu có thì chỉ là chất sáp của các con ong thợ dùng để xây tổ thôi. Cho dù con ong chúa thật sự có sữa thì cơ thể con ong bé tí, lấy đâu ra sữa để chế biến mỹ phẩm khi mà mỗi tổ ong chỉ có một con ong chúa?

Vì vậy tôi trêu nàng:

- Vậy em nên bớt nấu nướng bằng Microwave (Mikrowelle) đi. Anh mới nhận được một email nói là những người thường xuyên hâm hay nấu thức ăn bằng Microwave sẽ bị mất hồng huyết cầu trong máu và sẽ dễ bị ung thư hay mất máu. Mặt em bắt đầu có tàn nhang có lẽ do em đi làm hay mang cơm hâm bằng Microwave trong hãng đó.

Thúy bật cười thành tiếng:

- Bao nhiêu năm nay anh ăn xôi vò em nấu bằng Microwave mà lần vừa rồi thử máu, anh khoe với em là tất cả đều tốt "trên cả tuyệt vời". Vậy là sao?

Tôi chỉ cười, im lặng vào phòng thay quần áo●

(Tháng 12.2012)

Tấm hình cũ

• Đỗ Trường

Vậy là hắn đã đi vào cõi vĩnh hằng. Hắn nằm thẳng rẵng trong quan tài kính, xung quanh chất đầy hoa, và những mảnh giấy bạc do các con hắn cắt với những dòng chữ yêu thương, và không bao giờ quên hắn (PaPa, Wir lieben Dich und werden Dich nie vergessen).

Bốn cây đèn cầy cao lêu nghêu được đặt hai bên. Hắn nằm đó mặc kệ sự đời, mặc kệ những tiếng gào khóc xót thương của vợ con, gia đình và bạn bè. Khuôn mặt hắn vẫn thản nhiên vô tư như vốn có.

Vợ hắn lúc nhoài người về phía quan tài, có lúc mềm oặt như chực đổ. Thấy vậy, hai bà bạn đến xốc nách, kẹp chặt vợ hắn vào giữa. Bà Ba mẹ vợ hắn, ôm chặt hai đứa cháu ngoại, bờ vai đang rung lên. Ông Ba (nguyên là sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa - bố vợ hắn) thỉnh thoảng lấy khăn lau kính, hai mắt đỏ hoe. Ông An (đồng chí Sáu An nguyên là sĩ quan quân đội) bố hắn, đứng cạnh ông Ba, hai má tóp lại, đôi mắt đờ đẫn khô khốc, thỉnh thoảng ông lại đưa tay lên bóp vào mặt. Tôi cầm tay ông, một bàn tay lạnh ngắt, cảm tưởng người ông đang run lên như bị sốt rét rừng.

Người ta từ từ đẩy chiếc xe chở hắn về hướng nhà hỏa táng. Những chiếc lá vàng đầu thu đã trải vàng lối đi. Hai ông già dìu nhau xuống cuối con dốc, ánh nắng nhạt cuối chiều làm bóng họ đổ xuống thành những vệt dài. Sau lưng họ có một vài cơn gió xoáy nhẹ cuốn ngược những chiếc lá vàng lên rồi rơi xuống như những quân bài được ai đó tung ra.

Vài tuần trước, tôi tạt vào quán của hắn, thấy hắn đang xóc chảo hùng hục trong bếp. Vợ hắn khoe, ông nội (tức bố hắn) mới từ Việt Nam sang chơi. Tôi không phải là bác sĩ, và là người không tin tướng số, nhưng trong lòng dường như có một linh cảm nào đó không ổn khi nhìn hắn. Tôi buột miệng hỏi:

- Vẫn khỏe đấy chứ? Nhìn ông hôm nay, tôi thấy kỳ kỳ, thế nào ấy!

Hắn cười hơ hớ, nhìn xéo sang vợ:

- Lại đến lúc bác phải đến bác sĩ đổi kính rồi, bảo đảm với bác tuần nào em cũng phải… bốn, năm lượt đấy!

Vợ hắn đỏ mặt, buông dao thái, chạy đến đấm vào lưng hắn thùm thụp.

Vậy mà tuần sau nghe tin, chỉ một cơn đau thắt ngực trong đêm đã quật ngã hắn. Hắn bỏ lại vợ con, gia đình, bỏ lại bạn bè và rất nhiều những dự định chưa làm được. Hắn ra đi còn quá trẻ vào cái độ chín nhất của một đời người.

Ở Việt Nam đang thời kỳ đói vàng mắt, quanh năm chỉ cạp khoai, củ mì khô, sang đến Đức được vào làm việc ở xí nghiệp liên hiệp thực phẩm, nghe nói ai mà chả thích, đúng là chuột sa chĩnh gạo. Nhưng liên hiệp có nhà máy giết mổ gia súc lớn nhất nước Đức (người Việt ta quen gọi: lò mổ). Tôi được xếp vào dạng to cao đen hôi, nên điều về làm ở dây chuyền giết mổ lợn, công việc vô cùng nặng nề. Cứ đến cuối tuần chỗ tôi nhộn nhịp lắm, các tay bợm nhậu khỏi nói, từ các bác Tiến sĩ, các ông du học sinh đến anh em lao động và cả các em chân ngắn, chân dài ở đội bên cạnh, nguyên là các diễn viên, ca múa nhạc của Hà Nội, Sài Gòn cũng dập dìu đến với cái khoản tiết canh cổ hũ của tôi. Mệt thì mệt nhưng vui, sinh nhật, cưới xin, hội hè nào cũng có tôi. Có lẽ lúc đó tôi còn quan trọng và nổi tiếng hơn nhà văn Đoàn Mẩm ở Đức hiện nay cũng không chừng.

Tôi quen hắn trong một lần như vậy. Hôm đó đang ngồi lai rai với mấy ông bạn đội dệt ở ngoài hành lang ký túc xá, thấy có tay chơi mặt lạ hoắc, ăn mặc luộm thuộm, tay cầm can 3 lít đến thẳng chỗ tôi:

- Em ở đội tầng trên, mới sang được mấy tháng, nhớ tiết canh quá, thứ sáu này đại ca cho em đầy can được không?

Tôi bảo:

- Tuần này nhiều người xin quá, tuần sau nhé.

Hắn nhăn nhó:

- Khó mà cưỡng được sự thèm khát, đại ca xem bớt của thằng nào đó cho em nửa can cũng được, nhớ cho thằng em mấy cái cổ hũ.

Thấy tôi gãi đầu. Hắn bỏ can lại, cười cười văng tục:

- Đại ca „cóc" cho em tuần này, buồn buồn em xuống chọc bánh xe đấy!

Hắn nguyên là sinh viên đại học bách khoa Hà Nội, vì can tội đánh người gây thương tích trong sân bóng, nên bị đuổi. Hắn bảo: Sự việc không như vậy, hai thằng đánh nhau, thằng nào cũng bị sứt mẻ, nhưng bố thằng đánh nhau với hắn là cán bộ to ở Hà Nội, trên hàng cấp tỉnh của bố hắn, nên hắn chịu thua, ôm hận trở về quê. Mẹ hắn bắt năm tới phải thi lại đại học, chiều theo ý mẹ, hắn chuẩn bị cho kỳ thi. Nhưng gần đến ngày thi, mẹ hắn lăn đùng ra chết. Buồn chán hắn đề nghị với bố hắn cho sang Đức lao động.

Mấy năm sau ngày hắn sang, bức tường Berlin sụp đổ, báo hiệu nước Đức thống nhất đã đến gần. Người Việt ở ký túc xá phân tán khắp nơi, cuối tuần lại càng trở nên vắng vẻ. Lúc này ở trong nước, phe cứng rắn của bố hắn đang trỗi dậy và ông đã đoạt chiếc ghế phó chủ tịch thường trực tỉnh trở lại. Hắn dồn dập nhận được thư của ông yêu cầu phải về nước ngay. Nhưng hắn dứt khoát không chịu, mặc dù nhà máy hắn đã đóng cửa, một số bạn bè đã nhận tiền đền bù về nước. Lò mổ vẫn còn ngắc ngư hoạt động, nên tôi còn ở trong ký túc. Hắn ôm quần áo xuống phòng tôi xin ngủ ké. Tôi hỏi:

- Bố làm phó chủ tịch, con một, sao không về?

Hắn bảo:

- Bố em rất muốn vậy, em về ông sẽ cài cắm, sau này ông có về hưu, em đã có vị trí ổn định. Nhưng em chẳng muốn như thế.

Một hôm thấy hắn tha ở đâu đó về mấy thùng thuốc lá các loại. Thấy tôi trợn mắt nhìn, hắn cười:

- Vừa mua ở chỗ mấy thằng lính Nga về, nó bán có 10 DM một cây, mai mang ra chợ, thế nào cũng được 30 DM, nằm mãi em cũng chán rồi.

Quả thật hắn là con người của công việc, sáng sáng thấy hắn khoác đầy balô thuốc lên đường, chỉ mấy tiếng sau hắn đã bán sạch trơn. Thời kỳ này hắn rủng rỉnh lắm, tối nào tôi không phải làm ca đêm, hắn cũng rủ ra quán ngồi. Hắn bảo thời kỳ này thuế vụ bắt đầu quần thảo rồi, có lẽ phải mua ô tô, để giấu hàng. Mấy hôm sau hắn mua đâu đó được cái giấy phép lái xe của Việt Nam, và mang lên sở công chánh đổi sang giấy phép lái xe của Đức. (Cái giấy phép lái xe của Việt Nam hai năm sau bị sở công chánh kiểm tra lại, phát hiện ra là giả, nên đã thu hồi lại giấy phép lái xe của Đức, buộc hắn phải học lại. Cũng may hắn không bị truy tố ra tòa).

Hôm mua xe ngoài chợ, tôi phải lái về cho hắn. Điếu đóm cho tôi một tuần, hắn cũng tự lái được xe. Chỗ đứng bán thuốc của hắn trước cửa Konsum, hay khu chợ ngoài trời. Thỉnh thoảng có đoàn kiểm tra, hắn vơ vội thuốc chạy trối chết, có nhiều lần mất hết cả thuốc. Triết lý của hắn, không bị bắt là may rồi. Một hôm thấy hắn thất thểu đi về, tôi chưa kịp hỏi, hắn đã bảo, có lẽ giải nghệ bán thuốc. Thì ra buổi sáng hắn vừa ra chợ, chưa bán đã bị kiểm tra liên ngành, thuế vụ, công an đuổi bắt. Bọn hắn chạy tứ phía. Người cảnh sát trẻ đuổi theo hắn. Chạy khá xa, nhưng người cảnh sát hình như không buông tha hắn thì phải. Đang mùa đông âm dưới chục độ, ấy vậy mồ hôi đã đổ ròng ròng, hai mắt nổ đom đóm, mệt quá không thể chạy tiếp, hắn chui vào bụi cây, co ro ngồi. Đợi cho mấy người thuế vụ chạy vụt qua, người cảnh sát từ từ tiến về chỗ hắn:

- Anh đừng sợ, hãy ra đây!

Sợ quá, hắn không dám quay lại, cứ chúi đầu rúc sâu vào bụi.

- Cứ ra đây, tôi không bắt anh đâu.

Chần chừ một lúc, hắn mới lồm cồm bò ra.

- Anh hãy thật bình tĩnh, đưa túi thuốc cho tôi.

Đưa vội túi thuốc cho người cảnh sát, hắn định chạy tiếp, người cảnh sát nắm chặt tay hắn, bảo:

- Tôi chỉ thu túi thuốc này thôi. Tôi sẽ không lập biên bản, nếu làm biên bản buộc phải truy tố ra tòa, ảnh hưởng đến việc gia hạn thẻ cư trú của anh. Đừng bán thuốc lậu thuế nữa, nguy hiểm lắm. Tôi đã từng sống ở Việt Nam quê anh. Tôi tên Bernd Wittenberg, nhà khu lắp ghép Grünau, phòng 703 nhà số 3. Nếu anh cần sự giúp đỡ có thể đến tôi bất cứ lúc nào.

Hắn cảm ơn, vội bước đi thật nhanh trong tâm trạng sợ người cảnh sát đổi ý.

Tuần sau, hắn rủ tôi đến nhà người cảnh sát nói tiếng cảm ơn, nhưng thật tình muốn thăm dò người cảnh sát có thể giúp cho hắn cái giấy phép bán hàng rong hay không, vì thẻ cư trú của hắn ghi không được phép hành nghề.

Bernd xuống tận cầu thang đón chúng tôi. Có lẽ chạc tuổi nhau, nên chúng tôi nói chuyện rất cởi mở. Trong nhà đồ dùng, trang trí hầu như xuất xứ từ Việt Nam. Thấy chúng tôi ngạc nhiên nhìn, Bernd kể, cha tôi trước làm ở hội chữ thập đỏ, nên khi còn nhỏ tôi được theo ông đi khắp nơi. Tôi đã sống ở Hà Nội và Sài Gòn khá lâu, kể cả trong thời kỳ chiến tranh. Tôi còn rất nhiều kỷ niệm về quê hương các anh. Chúng tôi ngồi chơi đến khuya, men đã ngấm, người cũng đã khật khừ. Bernd hứa dứt khoát sẽ giúp hắn có cái giấy bán hàng rong (Reisegewerbekarte) vì có người bạn cũng vừa từ Hannover sang tăng cường cho Sở ngoại kiều thành phố này. Thật tình, chúng tôi cứ tưởng lời hứa của rượu, bia nhưng không ngờ mấy ngày sau thấy Bernd đến bảo hắn, ra sở ngoại kiều (gặp người bạn Bernd) để xóa đi dòng chữ cấm hành nghề ở thẻ cư trú.

Chuyển sang bán hàng rong, hắn vất vả, thu nhập thấp hơn đi bán thuốc lá lậu rất nhiều, nhưng không phải lo nghĩ, chạy trốn khi có đoàn kiểm tra. Lò mổ của tôi cũng bắt đầu đóng cửa, sau Tết âm lịch tôi phải chuyển sang làm việc tại nhà máy thịt gần thành phố Bremen.

Chưa có Tết năm nào buồn thảm như năm đó, bạn bè tản mát mỗi người một nơi, ký túc xá vắng hoe. Ngoài sân những hàng cây trơ trụi, khẳng khiu, nhọn như những vết dao chọc thẳng lên bầu trời, tuyết không rơi nhưng trong lòng buốt lạnh.

Sáng mùng một, Bernd đến chúc Tết. Tôi với chai rượu định mở, Bernd xua tay:

- Không uống, hai ông lên xe tôi chở về chùa người Việt ở Hannover, hôm nay trên chùa tổ chức đón Tết cho bà con Phật tử. Ngày tôi còn làm việc ở Hannover, Tết nào cũng đến thăm chùa.

Chẳng biết chúng tôi có đồng ý hay không, Bernd kéo phắt tôi và hắn ra xe.

Chùa Viên Giác lúc này còn ở địa chỉ cũ, tuy chưa được khang trang nhưng bà con khắp nơi đổ về khá đông. Mùi hương thơm ngào ngạt, tiếng chuông, tiếng mõ như tiếng vọng hồn quê, làm lòng người thấy nao nao, đôi lúc như ấm lại. Có rất nhiều các bạn học sinh, sinh viên đang làm công quả ở trong và khu vực ngoài chùa. Bernd rủ tôi lên thăm thầy trụ trì, còn hắn mắt trước mắt sau biến mất tiêu. Lúc tôi quay trở ra, thấy hắn đang bưng bê, phụ dọn dẹp với một cô sinh viên. Hắn mồm miệng liên hồi, thao thao bất tuyệt, cô gái cười ngặt nghẽo.

Đã ba giờ sáng, tôi và Bernd mấy lần giục hắn ra xe, hắn và cô gái mới chịu dứt câu chuyện. Ngồi trên xe thấy hắn thỉnh thoảng tủm tỉm cười một mình. Bernd nháy mắt:

- Cô gái tên Vân, sinh viên năm cuối phải không?

- Sao ông biết! hắn hỏi lại.

- Không những tôi biết cô ấy, mà biết cả bố mẹ cổ. Dân Nam kỳ chính cống, hình như ông bố không khoái dân Bắc kỳ lắm đâu. Ông hãy cẩn thận.

Cuối tuần, thấy hắn không đi bán hàng, lau chùi xe rất sạch, một sự lạ chưa từng thấy. Gần trưa hắn biến mất. Không hỏi, nhưng tôi đoán hắn mò sang Hannover, nơi hẹn Vân. Có tuần quá nửa đêm hắn dẫn Vân về, làm tôi đang ngủ phải lồm cồm bò dậy, tìm nơi sơ tán.

Mấy tháng sau, lúc này tôi đang làm việc ở Bremen, hắn gọi điện báo, Vân muốn hắn về trình diện phụ huynh, và muốn tôi đi cùng, vì hắn hơi bị rét. Tôi không

tìm ra lý do gì để từ chối, vì "ái tình đã đánh vỡ trái tim" hắn lẩm bẩm như vậy.

Ông Ba, bố Vân, ăn nói oang oang, nhưng ông lại có cái tính bụng để ngoài da. Gặp nhau lần đầu ông mày tao tuốt tuồn tuột, làm cho chúng tôi ngỡ như được về lại nhà của mình. Trong bữa ăn, tôi và hắn cứ tì tì nhấc lên nhấc xuống cùng ông, làm cho ông vỗ đùi đen đét… được… được, hai thằng Bắc kỳ bay chơi được. Hắn đang định chơi tiếp nhưng bị Vân nháy mắt, kéo áo. Hắn đành lùa vội bát cơm, lủi ra phòng khách. Ông Ba ngớ người… Cái thằng này… mày định chạy hả. Bà Ba liếc mắt lườm, ông quay sang tôi thì thào: Có các bà vào là rách việc… nào chúng ta chiến đấu tiếp.

Ông Ba rất mê bóng đá. Tất cả các câu chuyện của ông, rốt cuộc thế nào cũng được so sánh hoặc qui về bóng đá. Với ông ở Việt Nam biết đá bóng chỉ có Tam Lang và Phạm Văn Kiểm thời Việt Nam Cộng Hòa. Ông còn trách tôi, viết lách gửi bài đăng thường xuyên trên Diễn Đàn Forum do bác Phạm Văn Kiểm phụ trách, không biết bác trước đây là cầu thủ tài danh, thật là quá xoàng. Rượu đã bốc lên đầu, tôi chống chế:

- Trước đây con không biết, nhưng bố đồng ý cho hai đứa cưới, con sẽ mời bác Kiểm làm đại diện cho họ nhà trai, vì bác Kiểm cũng gốc Bắc.

Ông cười ha hả:

- Chuyện đó mày phải hỏi bà ấy, còn tao…

Ông Ba nói chưa hết câu, Vân cầm bức ảnh đã cũ của ông chạy vào, nói như reo lên:

- Ba! Tấm ảnh này ba có chụp chung với bố anh Sơn (tức hắn) nè.

Ông Ba vội đặt bát cơm xuống, với chiếc kính đeo, hỏi giật:

- Ai là ba thằng Sơn?

Khi ông đã nhận ra Sáu An, người phụ trách đơn vị thời ông còn ở trong rừng là bố của Sơn, miếng cơm đang nhai dở chợt tuột ra khỏi miệng. Một lúc ông mới lấy được bình tĩnh, gọi Sơn vào hỏi:

- Thế bố con bây giờ làm gì và ở đâu?

- Sau năm 1975 bố con chuyển ra làm giám đốc, rồi phó chủ tịch thường trực một tỉnh miền tây Nam Bộ. Sau này hết nhập rồi lại chia tách tỉnh, nội bộ đấu đá, nên bố con được điều về Bắc làm phó chủ tịch tỉnh quê nhà. Bây giờ ông sống một mình vì mẹ con mất đã lâu. Còn bức ảnh này… Ba có phải đã từng là bạn của bố con?

Ông Ba thẫn thờ, miệng nhệu nhạo:

- Bố con là bạn của ba… nhưng…

Bỏ lửng câu, ông Ba lảo đảo vào giường nằm, trước sự ngơ ngác của mọi người.

Sáng, khi tia nắng sớm đầu hè còn chưa kịp mang đi hơi nước còn đọng trên những chồi non của hàng cây trong vườn, ông Ba đã kê ghế ngồi nhâm nhi cà phê dưới gốc táo. Có lẽ cả đêm không ngủ, nên nhìn người ông xọm hẳn đi. Tôi kéo ghế ngồi xuống cạnh, đột nhiên ông hỏi:

- Này Trường! Mày có tin vào số mạng, và qui luật nhân quả không?

Tôi chưa kịp trả lời, ông đã tiếp:

- Đến bây giờ tao đã tin, mỗi con người đều có số phận riêng. Có những sự việc, những con người, tưởng chừng như đã đi vào dĩ vãng, nhưng chẳng hiểu sao nó lại như bóng ma hiện về. Những đau thương, thù hận đã được chôn chặt bấy lâu, đang bị cày xới lên…

Sông nước Miền Tây đã nuôi dưỡng ông Ba và ông Quân trưởng thành. Họ là đôi bạn thân từ thuở thiếu thời. Tuổi thơ của họ đã trải qua những ngày bắt tôm đánh cá, và cùng nhau cắp sách tới trường. Vừa thi xong tú tài, hai ông nghe lời người anh họ của ông Quân trốn gia đình vào bưng theo bộ đội. Sống ở bưng có ít ngày, hai ông đã bị hụt hẫng, nó không giống như sự tưởng tượng trước đây. Hai ông muốn quay về thành phố, nhưng không được. Sau khi học chính trị, huấn luyện ngắn ngày, hai ông được điều về đơn vị do ông Sáu An là dân Bắc Kỳ nắm vùng phụ trách. Ngày mới về đơn vị, mấy tay lính mới người thị xã có mang theo máy ảnh (trước khi giao máy cho đơn vị quản lý) đề nghị đơn vị chụp một tấm hình làm kỷ niệm. Ông Ba khoác vai ông Quân đứng cạnh ông Sáu An, đó là bức hình cuối cùng của hai ông.

Trận đánh đầu tiên của hai ông với quân đội VNCH phải nói là trận đánh không cân sức. Pháo của của quân chủ lực VNCH nã ầm ầm, đơn vị các ông đã bị thương khá nhiều. Ông Sáu An tìm đường dẫn lính xông lên, nhưng không một ai bò lên được. Một lúc sau trực thăng của quân đội VNCH chở lính dù đến. Biết không xong, ông Quân kéo ông Ba rút lẹ. Hai ông men theo đầm, chạy sâu vào rừng đước thoát nạn. Ông Sáu An lúc này gần như bất lực, anh em tản mát chạy mỗi người một nơi. Lẩm bẩm chửi bới một hồi, ông Sáu An cũng men theo đầm lặn sâu vào vùng đước.

Hôm sau, mọi người cũng tìm được về nơi đóng quân, nhưng hầu như đều bị thương. Cơn tức giận của ông Sáu An trút cả lên đầu hai ông Ba và ông Quân vì can tội cầm đầu chạy trốn. Đơn vị mang hai ông ra kiểm điểm. Ông Ba chịu không nổi văng tục:

- Tiến cái con mẹ gì, pháo nó nã ầm ầm, trang bị đầy đủ, có máy bay và lính dù. Không chạy để chết cả lũ hả!

Sau cú phản ứng này của ông Ba, ông Sáu An hét cảnh vệ bắt nhốt ông Ba lại.

Đêm đó ông Quân lừa cảnh vệ, tháo cũi cho ông Ba:

- Tao rất ân hận rủ mày cùng vào khu cứ này. Như thế này trước sau cũng chết, tháo cũi cho mày, chúng ta chuồn về thành thôi.

Hai ông lần mò ra đến bờ kênh. Nghe tiếng chân lõm bõm, cảnh vệ đuổi theo quát đứng lại, nhưng hai ông cắm đầu chạy. Biết hai ông trốn, ông Sáu An lùa lính đi tìm bắt lại, vì nếu để hai ông thoát nguy cơ lộ đơn vị. Quá nửa đêm ông Sáu An đuổi kịp, gọi hai ông đứng lại. Nhưng hai ông vẫn tiếp tục chạy, phát đạn đầu tiên của ông Sáu An làm ông Quân gục xuống, đưa bọc quần áo cho ông Ba, ông chỉ kịp hét: chạy nhanh lên, rồi tắt thở. Ông Ba lại vùng lên chạy. Có lẽ đêm đó ông Ba chạy bằng cả nghị lực, sức mạnh của ông Quân nên gần sáng ông cũng trốn được vào nhà của một người dân. Từ đây họ đưa ông về thành. Mối hận thù với Sáu An cứ day dứt trong lòng ông.

Về nhà được một thời gian, ông Ba vào học sĩ quan Thủ Đức. Ra trường, ông được điều về chỉ huy một đơn

vị công binh đóng quân tại Bình Định. Sau đó ông lấy vợ người Hoài Nhơn, nên thỉnh thoảng ông mới về quê Bạc Liêu. Trung tuần tháng 4.1975, ông Ba cùng đơn vị chạy đến Sài Gòn, vợ con còn kẹt ngoài Trung. Bạn bè kêu ông cùng di tản, nhưng ông quyết tâm chờ vợ con. Khi Sài Gòn thất thủ, ông không ra trình diện. Ông bảo: cũng nhờ có một thời gian sống với người anh em bên kia, nên ông hiểu khá rõ họ. Ông thay tên đổi họ, ra vùng kinh tế mới ngoài Cứ Ba, gần ngã ba Dầu Dây làm nông phu. Ẩn dật một thời gian, ông tìm cách liên lạc với vợ con. Vợ ông đã móc nối đưa cả nhà xuống thuyền vượt biên. Sau đó gia đình được chính phủ Đức tiếp nhận.

Lúc đó tôi buộc miệng hỏi:

- Đã là sĩ quan VNCH, còn giữ tấm hình chụp ngày còn ở bưng, bố không sợ dị nghị sao?

Có lẽ cho là câu hỏi có vẻ ngớ ngẩn, ông Ba cười khật:

- Sao phải sợ! Trong hồ sơ quân bạ tao khai cả thời gian vào bưng đàng hoàng, bức ảnh này tao cũng chụp lại để trong hồ sơ, tất cả đều minh bạch. Mày nên nhớ, rất nhiều tướng tá VNCH trước đó là bộ đội, hoặc có dính dáng đến Việt cộng. Tao không phải là trường hợp cá biệt.

Ly cà phê nguội lạnh, giọng ông Ba đã khàn đục, lộ rõ nỗi giày vò và mâu thuẫn trong ông. Nhìn vào mắt ông, tôi thấy những vòng quầng đen của thời gian, nhưng lành và ấm vô cùng. Dù ông có quyết định như thế nào đi chăng nữa, cũng mang lại không ít khó khăn cho Vân và hắn. Nhưng tôi vẫn tin vào tình người, lòng vị tha sẽ xóa bỏ hết mọi hận thù.

* *
*

Sau cái giỗ một trăm ngày của hắn, ông Sáu An đòi về Việt Nam, vợ hắn và vợ chồng ông Ba cố giữ. Nhưng ông khóc bảo, đời ông coi như đã hết, nhưng dù sao còn mồ mả gia tiên, và của vợ ông vẫn cần sự chăm sóc của ông.

Hôm lái xe đưa ông ra sân bay, tôi có nhắc lại chuyện xưa giữa ông và ông Ba, ông không trả lời, nhưng mắt ông nặng trĩu ưu tư. Trước lúc lên máy bay, ông nắm chặt tay tôi bảo:

- Cả cuộc đời, tôi chỉ thấy đưa thằng Sơn đi lao động ở Đức là việc làm có ý nghĩa nhất.

Rồi ông vội bước… Và trong dòng người đông đúc ấy, tôi thấy dáng đi của ông, liêu xiêu trong cái nắng quái của chiều chạng vạng.

(Đức Quốc ngày 23.10.2011)

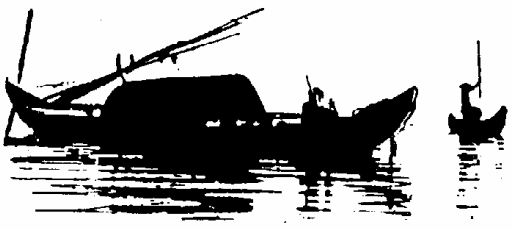

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn, Chị:

Cao Tịnh Nguyên
Pháp danh Diệu Hạnh
Nhạc sĩ

sinh năm 1926, đã vĩnh viễn từ giã anh chị em thân hữu để về nơi an nghỉ nghìn thu vào ngày 05.11.2012 tại Beaverton, Oregon, Hoa Kỳ.
Thượng thọ 86 tuổi.

vô cùng thương tiếc

Sương khói hay là hương khói bay?
Buồn lên giăng mắc một phương này
Lời thơ tôi viết cho nhân thế
Dòng nhạc chị ghi để giải bày (*)
Những tưởng chúng ta còn tái ngộ
Nào hay chị đã vội lìa tay
Thế thôi, thôi thế đành ly biệt
Đốt nén hương nồng, nước mắt cay!
(Tùy Anh, 13.11.2012)

(*) CD Cao Tịnh Nguyên: Tình Khép Giữa Hư Vô
Thơ: Tùy Anh; Nhạc: Cao Tịnh Nguyên

Chúng tôi thành thật phân ưu cùng gia đình cháu Quốc Hương và thành kính nguyện cầu cho hương linh chị Cao Tịnh Nguyên sớm về cõi Phật.

* Gia đình Phù Vân, Nguyễn Song Anh, Lê Huế, Trần Thùy Dung, Nguyễn Tích Phùng, Trần Đan Hà, Nguyên Hạnh HTD (Đức), Minh Thao Phạm Phú Minh (Na Uy), Nguyễn Hoàng Hoa (Ý)

Người bạn không quên

• **Cư sĩ Đông Phương MAI LÝ CANG**

Một nhà văn bậc thầy từng tâm sự con tim của mình qua tác phẩm nghệ thuật tình yêu chứa chan nhạy cảm bằng câu chuyện tiết tấu éo le, đẫm lệ. Và kết thúc bi kịch bằng lối thoát trong hoàn cảnh thuận nhân sinh, thể theo ảnh hưởng chi phối tinh thần của con người trong cuộc sống.

Trong cuộc sống của con người, vào ở bất cứ thời điểm không gian nào cũng có đầy đủ những chứng từ của hoàn cảnh xã hội hỗn mang. Chính sự yếu đuối hay nhạy cảm về thể lực đã làm cho người ta cho đánh mất đi rất nhiều cơ hội để đổi thay về tính tình, vận mệnh. Nhớ lại chuyện xưa có những nhân vật tài danh, vì đa cảm cho nên đã vô tình tạo nên trang lịch sử ở trường tình đẫm lệ trong xã hội đương thời. Và để lại cho người đời sau những gợi ý tuyệt vời trong các tác phẩm văn nghệ, sân khấu. Thực vậy, chẳng hạn như đứng trước hình ảnh về thân phận của một vị phu nhân thê thiếp có lòng từ bi, đoán biết cuộc đời mình sắp phải đi vào ngã rẽ. Cho nên đã buông xả, và thứ tha hết cả mọi tội lỗi cho kẻ nhẫn tâm đã gây ra tai họa cho hạnh phúc mình, thì ai mà không tỏ lòng mến thương, thán phục*. Hoặc một cặp uyên ương tuổi trẻ yếu mềm, tuyệt vọng bên bờ vực thẳm vì đã bị rẽ thúy chia uyên do nghịch cảnh của tôn giáo xã hội, thành kiến của gia đình, thì ai khi biết được sẽ tránh sao bao nỗi xót xa!

Và hôm nay tôi xin vào đề bằng những lời trăn trở, có trách nhiệm tinh thần với bao người thân yêu từ lâu có dịp liên hệ mật thiết với nhau. Có lẽ số tôi sinh ra, là để sống cho người khác hay sao mà mỗi ngày cứ hay lo cho thiên hạ, như nào là sợ chiến tranh, sợ bất công và con tim thường hay đập mạnh mỗi khi nhìn thấy kẻ nghèo hèn, thế cô, sức yếu. *«Mẹ sớm qui tiên, cha mất tích»* là một câu thơ ấn tượng có đầy đủ ý nghĩa biết bao chính là lưu bút ngày xưa của tôi còn để lại, để diễn tả về hoàn cảnh của một gia đình không vẹn toàn may mắn từ hằng bao thập niên dài... Tuy nhiên, với thời gian cuộc sống thì tôi lại càng có cơ hội để tạo duyên theo học thêm kinh nghiệm ở trường đời. Nhưng suốt trên mấy chục năm qua, không một ngày nào mà tôi không có nhìn thấy hình ảnh của chiến tranh cứ lảng vảng ở trong đầu trước khi đi làm việc. Và cũng trên mấy chục năm qua, cũng không một ngày nào mà tôi không có vài phút nguyện cầu cho có được một giấc ngủ bình yên. Cũng như càng với tuổi già, thì tất cả mọi điều suy nghĩ mà trước đây tôi từng cho là bén nhạy, thì nay bỗng dưng tự cảm thấy có triệu chứng gần như đã bị bắt đầu mờ nhạt. Tôi biết mình đang bị suy mòn về thể lực và trí óc không còn minh mẫn được như xưa, âu đó cũng quả là quy luật sống trong kiếp phù sinh của con người, quá khứ thì đã qua, tương lai thì chưa đến.

Vinh quang nào dành cho tôi trong giờ phút nầy?

Có phải chăng đó là một câu hỏi không trừu tượng chút nào, để cho tất cả mọi người đang sống còn có chút can đảm bình tâm nhìn lại khung kính chiếu hậu của cuộc đời mình mà đánh giá lại lương tâm của mỗi cá nhân. Nhớ khi xưa có những bậc anh hùng trong sử sách vô tình do thời thế tạo nên, do vậy cho nên, sau khi thời thế qua rồi thì không còn có được nội lực để phát huy, để đứng vững bằng đôi chân bé nhỏ của chính mình. Riêng về suốt trong cuộc sống đời tôi, thì đã phải bị trải qua rất nhiều sóng gió, sóng gió vì lòng tôi thường hay lo nghĩ toàn những chuyện bao đồng. Thí dụ như khi nhìn đàn chim xõa cánh tung trời biến dạng vào chòm mây bạc buổi sáng tinh sương, thì tôi lại có ý nghĩ khác hơn với cảm giác khi nhìn thấy đàn muỗi mòng dày đặc xuất hiện lúc đêm về. Tôi so sánh chuyện con tằm nhả tơ, dệt lụa với con nhện giăng tơ, làm bẫy. Tôi ngó trước, ngó sau rồi nhìn vào bàn tay năm ngón, có ngón vắn ngón dài.

Chiến tranh dai dẳng đã gieo quá nhiều đau khổ cho mọi người, và làm xáo trộn tất cả mọi trật tự trong cuộc sống. Trong chừng mực suy tư nào đó, tôi hình dung ra một xã hội hòa bình nếu không có chiến tranh thì đất nước tôi sẽ không bao giờ có những nạn nhân khổ sở vì chiến cuộc như hôm nay. Nhìn vào trong sổ đoạn trường nầy, từ lâu tôi đã cố gắng làm hết sức mình, để có thể làm sao có dịp tiếp sức cổ vũ, động viên tinh thần giúp đỡ của những tấm lòng vàng nhân ái, vị tha hào hiệp. Trong cuộc đời của tôi, đã một lần tôi có hứa là sẽ cố gắng làm một chuyện để không phụ lòng tin qua những lời ký thác theo tinh thần trong niềm tâm sự của một người bạn. Được gọi như là niềm tâm sự, vì đó là những lời trần tình trong bức thư cuối cùng của bạn tôi gởi cho tôi kể từ khi cất bước ra đi.

Bạn tôi đã ra đi lên đường, theo tiếng gọi của hồn thiêng sông núi!

Và anh đi mất, vì anh và tôi không còn liên lạc được với nhau kể từ dạo ấy. Thời gian cứ thế mà trôi, cho đến khi một hôm tôi ngủ mơ nằm mộng thấy anh về báo tin cho biết là anh đang lâm nạn mà không cho biết vì lý do gì! Anh mồ côi cha mẹ và không có nhiều thân nhân. Người chị ruột của anh thì ở tận ngoài Trung nhưng anh cũng ít liên lạc, có lẽ do chỗ của người chị ở là nơi vùng quê xa xôi cho nên thường hay thất lạc thư từ.

Trong duyên số hành trang của cuộc đời, anh đã được một người bạn của tôi *(lúc ấy là một nhà sư trẻ tuổi)* tìm cách giúp đỡ phương tiện học hành. Nhờ vậy, cho nên bản thân anh đã có được một số kiến thức hiểu biết cần thiết trên bước đường đời. Hồi mới quen nhau, anh thường tâm sự rằng cuộc đời của anh từ lâu đã bị thua thiệt quá nhiều, đến nỗi bây giờ không còn gì để có thể gọi là sẽ bị mất mát thêm. Chính vì lẽ đó, mà từ lâu anh không còn buồn muốn nhắc lại mảnh đời quá khứ. Anh cho biết, sau khi cha mẹ anh mất tích trong chiến tranh thì hai chị em của anh không còn ai nương tựa, cho nên phải đành chia lìa tha phương cầu thực mỗi người một ngả. Lưu lạc vào Nam, anh phải tự lực cánh sinh trong một hoàn cảnh thật đáng thương tâm! Một ngày kia tuyệt vọng, anh tìm đến mái chùa trên núi Châu

Thới ở Biên Hòa để cầu xin được nương mình cuộc sống muối dưa vào nơi cửa Phật. Nhưng tại đây, anh lại có dịp được nghe vị Sư trụ trì thuyết giảng am tường về ý nghĩa đường tu của một tín đồ. Lúc bấy giờ, anh mới hiểu ra rằng *đi tu là một ước nguyện phát tâm cao quý của người Phật tử có duyên lành, chớ không phải đi tu là để nhằm mục đích cố tình trốn chạy thế gian trần tục.*

Và như một người vừa mới được ý thức mở đường khai lối về ý nghĩa tương quan của cuộc sống đạo đời, anh bình tâm trở về tìm lại cuộc đời thực tế trong niềm an ủi tâm hồn, để sẵn sàng chấp nhận mọi điều thua thiệt dành cho thân phận của kẻ nghèo hèn, thế yếu trong xã hội. Rồi đất nước loạn ly, nhân tình thế thái, và anh có ước nguyện là muốn nay mai sẽ tình nguyện làm được bất cứ điều chi để khi còn sống phải làm gì có ích lợi cho tổ quốc. Còn nếu chẳng may có sớm thác đi, thì cũng phải không hèn! Và rồi theo định mệnh chẳng đặng đừng, đường binh nghiệp của anh vô tình tiếp tục vinh quang theo kiểu sống lâu lên lão làng. Cho đến khi một ngày rạng rỡ mai trắng bạc màu nảy lộc trổ thêm bông, thì anh có tổ chức một buổi lễ cầu an và nhân dịp cũng để gọi là rửa lon ở tại một ngôi chùa. Sau cổ tiệc chay đạm bạc cùng với các thân hữu cố tri, các bạn bè tham dự hỏi ra thì mới rõ ra anh là người đã ăn chay trường trước khi vào quân ngũ, nhưng theo chỗ tôi được biết chắc chắn, là anh đã ăn lạt kể từ thời gian có ý định xuất gia không thành.

Trở lại câu chuyện lên non tầm sư học đạo của anh bạn tôi. Chỉ có một tuần sống dưới mái hiên chùa, mà tâm hồn của anh đã có rất nhiều thay đổi về quan niệm cuộc đời. Thật không phải không có lý do để khi anh viết lá thư sau cùng cho tôi bằng những câu văn thẳm toàn tịnh đạo vị. Sau khi lên án thói đời đen bạc, tâm hồn anh bỗng trải rộng ra bằng cái nhìn của một kẻ mở rộng vòng tay, một con người khiêm tốn nhưng có ý thức lương tâm cao cả, nhân từ, thánh thiện. Và anh ước mơ muốn có cơ hội thật giàu sang *(nhưng không phải theo kiểu tinh thần của con đường Lương Sơn Bạc)* để hiến dâng tất cả phương tiện cho nhu cầu từ thiện xã hội, để giúp đỡ kẻ khốn cùng. Nếu không, ngày nào hòa bình trở lại, anh sẽ chọn con đường tìm về quét lá sân chùa, để dễ dàng có dịp thực tập phương thức tẩy trừ mọi vọng khởi ưu phiền. Anh nhắc lại những lời nói cho rằng sân khấu kịch nghệ, phim trường chính là những hoạt cảnh màu sắc lung linh, phức tạp phản ảnh cuộc sống thực tế ở bên ngoài, để có cớ kể lại chuyện cổ tích Thiên Trúc đã được tạo dựng thành phim đang được thịnh hành ăn khách ở ngay tại thủ đô và các tỉnh. Chuyện rằng có một cậu bé phiêu lưu, vô tình bị lạc vào huyền không động nhằm lúc cũng có đám ngạ quỷ xông vào tìm kiếm bắt người ăn thịt. Cậu bé thông minh, gan dạ chiến đấu đến cùng nhưng đành phải bỏ chạy thua trước sức mạnh của con quái vật đuổi theo. Cậu bé núp trốn nó ở chỗ nào, nó cũng tìm thấy cả. Sau cùng, cậu bé núp ở sau lưng tượng Phật thì ngạ quỷ tìm mãi không ra nên đành phải bỏ đi và cậu bé thoát nạn. Anh cho rằng thể theo tinh thần ý nghĩa nội dung của cốt truyện, thì quyền lực tinh thần tối cao của Phật và đức tin son sắt của tín đồ chính là sức mạnh thiêng liêng đã giúp cho con người không còn biết sợ hãi *(vô úy)* để chiến thắng vạn sự khổ đau ở trên đời.

Và anh cũng không cao ngạo chỗ nào khi có ý niệm tha thứ chiến tranh, lúc nào có dịp anh cũng hằng cầu an cho những tâm hồn còn mê muội, đắm chìm. Tuy nhiên, quan niệm về những cuộc đấu tranh bất bạo động thì anh có tỏ bày ý kiến, là không phải vô cớ mà bên cạnh quả chuông Tự Do ở cố đô Hoa Kỳ đã có cho treo những bức chân dung của các nhà lãnh tụ nổi danh nầy. Còn đối với những tệ nạn xã hội, thì từ lâu anh có xen vào ý kiến cho rằng những kẻ phạm tội lừa đảo, sát nhân v.v... sống ngoài vòng pháp luật của lương tâm, thì họ rất sợ đạo lý vì chính họ là những người từ lâu đã bị mồ côi về đạo lý. Họ không có những đức độ cần thiết trong tâm hồn bé nhỏ mà trong lúc bên ngoài xã hội bon chen, thì ai ai cũng chỉ biết có tận lực đào sâu phương tiện để kiếm tiền. Dẫu sao, theo tôi được biết thì tánh tình của anh cũng rất là kín đáo, tế nhị và chưa hề có phát ngôn đề cao về những đức tính đặc trưng của nhà chùa trước những con người ngoại đạo bao giờ, ngoại trừ những lần hội luận xảy ra nơi phòng họp. Rút kinh nghiệm từ cuộc sống của bản thân, anh cho rằng *sám hối* là một trong những phương châm thực nghiệm của đạo Phật đề ra rất cần thiết cho con người, để lần tìm lại thăng bằng trong đời sống tâm hồn. Về quan niệm nầy anh rất là bạo phổi khi trưng ra chứng từ thực tế, rằng cũng có nhiều trường hợp điển hình của những cá nhân quyền lực từng vang bóng một thời. Họ đã trối lại cho gia đình của họ những điều ước nguyện, mà họ đã thầm kín ăn năn trước khi nhắm mắt lìa đời.

Sám hối là một nghệ thuật công phu tôi luyện của lương tâm, để giúp cho kẻ phạm tội còn có cơ hội được ân sủng, là giảm bớt đi những niềm đau khổ sau khi nhẹ nhàng rửa được những vết thương hối hận ở trong lòng. Trái lại, về phần của những người đời mang nghiệp dữ không màng sám hối. Và xem nhẹ tầm ảnh hưởng của khắc giây *cận tử nghiệp* đã từng được nói đến rất nhiều trong đạo pháp, thì gói hành trang cuối cùng mà họ vĩnh viễn mang theo, sẽ là một mớ dây oan thắt nút làm cho khó bề thanh thản tâm hồn trước phút siêu thăng, để tiêu dao vào cõi hư không.

Tôi biết anh là người thường hay bận tâm nhiều về cuộc sống. Trong quyển lưu bút của tuổi học trò ngày xưa của anh mà tôi đã có dịp đọc qua, thì anh có viết câu danh ngôn bất hủ lưu truyền của phương Đông bằng nét đậm: *«Đức ít mà ân sủng nhiều, tài mọn mà địa vị cao, thân hèn mà bổng lộc nhiều»* là ba lời khuyên đáng giá ngàn vàng, cảnh cáo những con người bất tài, tham lam trong xã hội. Nếu biết mình không có tài thì hãy mau lo tu thân cầu đức, có đức mặc sức mà ăn. Do vậy đối với bản thân, anh phát nguyện là sẽ chọn con đường đi vào đời bằng ngả khác hơn là xả thân trồng đức, để tích lũy phòng xa, chan hòa cho họ khi cần. Và anh nhẹ giọng mượn lời Phật dạy - *lấy đức báo oán, oán ấy tiêu tan.*

Nhưng tôi thích nhất là mấy câu thơ mà anh chép lại cẩn thận bằng chữ xưa và anh có lời bình. Theo anh, cái triết lý của tam giáo đồng nguyên ngày xưa có thật nhiều ý nghĩa hòa đồng trạng thái tư tưởng của con người. Và anh đoán mò tác giả của bài thơ Đường tuyệt tác nầy, vào thời ấy, chắc là theo đạo Khổng mà cũng có thể là môn sinh của Lão giáo hay là một Phật tử cũng không sai! Con người ta ở đời thường có nhiều vọng khởi ở chân tâm nhiều quá, nhưng khi đạt tới đỉnh cao của đam mê, lạc thú rồi thì mới hiểu được rằng mọi hình tướng của vạn vật trên cõi đời nầy là vô nghĩa, khác gì ý nghĩa bằng hình ảnh của giọt sương tan.

Lô sơn yên tỏa Triết giang triều
Vị đáo sinh bình hận bất tiêu
Đáo đắc hoằng lai vô biệt sự
Lô sơn yên tỏa Triết giang triều
...
Mù tỏa Lô sơn, sóng Triết giang
Khi chưa đến đó hận muôn vàn
Đi, về lại thấy không gì lạ
Mù tỏa Lô sơn, sóng Triết giang

Chính vì sự thán phục tư tưởng cao siêu, phảng phất ảnh hưởng triết lý nhất nguyên của Phật giáo qua ý nghĩa của mấy vần thơ vô cùng thâm thúy đó, mà anh vinh danh đức tánh hiền hòa, tu tập mưu tìm giải thoát tâm hồn của người Phật tử. Và tiện dịp, anh cũng không quên đề cập đến những chứng từ ban phát ân sủng tinh thần của *Người Nô Bộc* trung thành vô vàn khiêm tốn, lúc nào cũng sẵn sàng yêu thương cứu độ cho hết thảy chúng sanh. Anh hỏi tôi nghĩ sao, về trường hợp của những pho tượng Phật đội đèn được trưng bày trong các cửa hàng bên xã hội xa xôi ở phương Tây, mà theo anh quả đúng là ý trời, pháp luân chiếu minh khai thông ách tắc! Bửu bối của phù thủy nay đã vượt khỏi tầm quỹ đạo của tà ma, và làm cho chúng mãi mãi không bao giờ có thể có được những thứ khả năng mụ mị để triển khai khiển đồng tìm vật. Những kẻ sân si, ngạo mạn vô hình trung đã bị đồng hóa, dấn thân trở thành người bạn láng giềng của gia đình nhà Phật, Và vô tình, tình nguyện *ăn cơm nhà vác ngà voi,* đi tiếp sức rải truyền đơn quảng bá cho nhu cầu đúc tượng, ấn thơ trợ đạo. Chính ánh hào quang tỏa trên đầu Phật là một ngọn tuệ đăng thường chiếu quét sạch cả đêm đen, đem lại sức sống nhiệt thành thú vị đến với con người. Trong lịch sử hài hòa giao lưu văn hóa tâm linh ở địa cầu, chưa bao giờ Phật giáo có phương tiện cơ sở được coi như là có tầm cỡ như ngày hôm nay. Và người tín đồ của chúng ta cũng hết sức tự hào, trước mỗi khi có dịp để đóng góp phần công đức của mình.

Như chưa hết lời, anh lần bàn sang chuyện tiếu lâm và mở đầu bằng sự tích *«Mèo hoàn mèo»* để nói về kiểu triết lý châm biếm xã hội dân gian của dân ta sao tầm thường mà thâm thúy quá, chưa chi đã rõ cung mạng an bài của lá số tử vi đời người. Một khi *«Trời kia đã bắt làm người có thân»* thì tránh ổng làm sao khỏi nắng! Trong lúc hăng say cợt nhả, anh lấn sân qua lãnh vực thể thao để mà thở vắn, than dài cho thể lực của các nhà thể thao dân tộc mỗi khi tranh giải, đua tài cùng năm châu bốn biển. Tuy nhiên, anh còn sợ mình lầm về cơ năng của chủng tử di truyền cho nên để chứng minh điều mà anh cho là cũng đã có sự bất công của tạo hóa nhúng tay vào, thì anh nói sang qua một thế giới của loài động vật bốn chân khác: Chó! Anh nói chó Phú Quốc đặc biệt có xoáy trên lưng ở nước ta hiện nay, là một loài thú quý rất tinh khôn nhưng có thể có nguy cơ bị tuyệt chủng. Vì người ta không hiểu được tầm mức giá trị của nó, cho nên vô hình trung khi cần, thì hình hài nhục thể của nó sẽ đương nhiên được coi như là những biểu tượng của đặc sản hạ *cờ tây* hạp khẩu vị như các đồng loại cẩu khác không hơn không kém! Rồi anh nói thêm về sức mạnh vô địch của những loài thú ăn cỏ lá như voi, tê giác v.v... và so sánh hình hài vạm vỡ hơn của chúng đối với sư tử, cọp beo, lang sói là loài thú dữ ăn thịt hung hăng, để nói lên là đã có một sự phân biệt rõ ràng về cá tính của từng loài thú vật. Cơ thể con người cũng vậy, có người cần thêm chất sắt, kẻ cần thêm chất đạm v.v..., ngoài ra khuynh hướng quan niệm về nhân sinh xã hội cũng có nhiều cái nhìn khác nhau nữa. Anh thường kể chuyện hài hước trong bộ môn tứ khoái, nó có nhiều hay ít là do tùy theo điều kiện sức khỏe chi phối cả tánh tình. Sức khỏe nó có tiềm lực vạn năng, có thể làm chuyển hóa vận mạng của cả một đời người. Do vậy, anh thích ngồi thiền quán thông từng hơi thở đúng theo lời sách dạy để mong giữ gìn cho tinh thần được tự tại an nhiên, để đừng nghĩ ngợi nhiều về chuyện quá khứ, tương lai trước cái vòng xoáy vận hành trùng trùng duyên khởi.

Sau cùng, anh lại còn tái bút ân cần dặn tôi hãy ráng chờ cho đến ngày nầy năm tới chúng tôi sẽ cùng nhau đến trước tượng đài Quách muội để cúi đầu tưởng niệm bạn bè. Nét chữ anh rung rung kéo theo dấu mực: - *thật ý nghĩa của cuộc đời là như vậy đó!.*

*

Trở lại về phần lời hứa để không phụ lòng tin, là tôi sẽ tìm dịp gặp lại nhà sư *(trẻ tuổi ngày trước)* để trao lại bức thư nầy nhờ thầy cho có những lời khuyên. Vì theo tôi, thì lời lẽ nội dung trong lá thư hãy còn chứa đựng nhiều uẩn khúc, ràng buộc những nỗi ân tình bức xúc ngoài tình cảm cá nhân, điều anh không nói rõ ràng trước đối tượng mà anh gọi là *bảo hoàng hơn Vua,* khủng khiếp! Chẳng hạn như anh còn có thêm mấy lời tâm sự chân thành, như nào là có thể anh mang nợ xã hội kiếp xưa, nay phải đành hoàn trả lại. Và anh đã cố gắng làm tất cả mọi việc hết sức mình đến giới hạn của mọi sự hợp lý, công bằng. Vậy ước ao xã hội nầy, đừng xảy ra thêm bao điều oan nghiệt nữa!

Nhưng nếu tôi không tìm gặp thầy, thì việc nầy khả năng của tôi không thể làm được và tôi nghĩ đến một giải pháp phù hợp, là lá thư ấy phải được hỏa thiêu ở ngay tại dưới mái hiên chùa để mong nhờ có sự chứng giám, tiếp dẫn mầu nhiệm của hương linh... Biết đâu hoàn cảnh trái ngang của anh có thể là hiện thân, thấp thoáng trở thành cho một loại bóng hình của Trương Chi thời đại. Ngoài ra, còn hơn thế nữa vì anh là người từng sành nhạc cổ truyền và thường thích nghe câu chuyện thần kỳ về tiếng sáo của Trương Lương! Nào ai biết được? Hay những câu nói khó hiểu đó của anh có mục đích khác thường, là ám chỉ nhằm vào những mối bận tâm của bên ngoài xã hội nhiễu nhương?

Cầu mong xin cho tôi nói sai tất cả!

Anh bặt tăm chớ không phải là biệt tích, và niềm tin xưa nay lúc nào cũng vốn là sự sống lạc quan của con người. Trong đêm đen, nhưng tôi vẫn còn có thể nghe được âm thanh của những khúc nhạc chiêu hồn tử sĩ đang được cất lên làm xúc động lòng người. Nhất là, tiếng vọng liên hồi của chuông mõ cầu siêu não nuột từ các đàn tràng giải oan, từ xa dội về giải thoát cho những vong linh hồn phiêu, phách tán. Và lẽ dĩ nhiên, không thể có bất luận loại huy chương cao quý nào, để có thể xứng đáng trao về cho tất cả những người chiến sĩ vô danh hy sinh vì tổ quốc.

Người bạn không quên, vì thân thương quý mến nhau từ quen đến biết cho nên có thể nói tôi là người hiểu rõ được tâm tư, nguyện vọng của bạn mình nhiều

hơn hơn ai hết. Ngày xưa, nếu nước nhà không lâm vào hoàn cảnh có chiến tranh, bổn phận của người công dân không bị ràng buộc vì nhiệm vụ, thì chắc chắn anh bạn của tôi đã dứt khoát chọn con đường dấn thân đi vào hàng ngũ phụng sự đạo pháp từ lâu. Vả chăng, ước nguyện nầy của bạn tôi giờ đây chẳng từng đã được có những con người nhân hậu thể hiện được tâm hồn cao cả sau khi hội đủ duyên lành.

Nhớ lại cách nay khoảng ba thập niên qua, tôi có hạnh ngộ với một ngày đại lễ quy y tại Pháp. Ngày đặc biệt đó, là ngày mà có một vị cựu tướng lãnh của miền Nam Việt Nam trước đây, đã từ lâu có thệ nguyện phát tâm quyết định trả lại cho cuộc đời cả mái tóc bon chen, để hiến mình vào bổn phận và trách nhiệm trong thiên chức của một người tăng lữ. Dịp nầy, tôi có làm một bài thơ với tựa đề là ***"Giã Chiến Bào"*** để kỷ niệm lại thân tình tri ngộ.

Khoác áo cà sa giã chiến bào
Nguyện về đất mẹ khỏi binh đao
Thuở nọ giáo gươm liều nợ nước
Thời nay thiền định luyện anh hào
Gương sáng đạo đời nghìn thu trước
Đi tìm cửa Phật chốn non cao
Dưới bóng linh sơn cầu cội phước
Cho tình dân tộc mãi yêu nhau...

«để kính tặng Tiến sĩ Tỳ Kheo Thích Trí Tạng»
Cư sĩ Đông Phương MAI LÝ CANG

** Đây cũng chính là một mẩu chuyện dân gian có thực đã xảy ra trong lịch sử lập quốc của người dân Nam Bộ, và có mối duyên tình oan nghiệt của đại gia đình danh nhân Mạc Thiên Tứ (con của quan Tổng binh Mạc Cửu) cùng phu nhân là thứ cơ Phù Cừ ngày trước. Ngày nay, thảm kịch đoạn trường nầy hãy còn sống lại và được lưu truyền trên mảnh đất ở Hà Tiên qua ngòi bút diễn tả linh động, hấp dẫn của nhà văn, nhà thơ tài hoa Mộng Tuyết kể lại dưới chuyện tích thương tâm «Nàng Ái Cơ trong chậu úp». Về sau, tiểu thuyết xã hội đẫm lệ đó đã đi vào huyền thoại và gợi ý cho các nhà soạn giả sao chép trại ra để đưa vào sân khấu kịch nghệ, vọng cổ dân gian. Đó là tuồng hát nổi tiếng dưới nhan đề «Áo cưới trước cổng chùa» mà từ lâu nghệ sĩ ưu tú lừng danh Lệ Thủy đã từng nhiều lần có dịp diễn xuất tài tình, cảm động làm rơi lệ hàng triệu con tim của khán giả ham mộ say mê nghệ thuật cải lương.*

Bài kệ

Hư không cảnh giới khởi tư lương
Đại đạo thanh u lý cánh trường
Đản đắc ngũ hồ phong nguyệt tại
Xuân lai y cựu bách hoa hương
...
Hư không rộng rãi chốn bao la
Lý đạo lại càng quá thẩm xa
Trăng gió nước hồ thường tự tại
Xuân về đua nở khắp trăm hoa

(Ngài Xuyên Thiền Sư) •

Mùa Xuân lại về

• Nguyên Hạnh HTD
(Viết tặng NT)

Cho dù hằng chục năm trời đã trôi qua nhưng mỗi lần sắp đến Tết, tôi vẫn thường có những giờ phút ngồi trầm tư nhớ về những ngày vui rộn ràng xôn xao trên khắp mọi nẻo đường xứ Huế. Cả một thành phố như bừng sống lại. Tất cả mọi lòng như nở hoa để chào đón mùa xuân về và một góc trời kỷ niệm của đời tôi đã được đánh thức nao nức rộn ràng.

Tết ở quê người buồn quá! Tuyết trắng mênh mông buốt giá chập chùng, buốt cả tâm can. Đêm giao thừa không tiếng pháo, vẫn im vắng lặng lờ với bóng tối của những con đường dài hun hút thâm sâu!

Người ta thường bảo Huế là xứ đi để mà nhớ! Không phải xứ ở để mà thương! Lúc đang ở thì muốn đi xa nhưng lúc đã đi xa thì cứ mãi thương về Huế. Nhưng lẽ nào Huế của tôi dễ ghét lắm sao mà không thương được!

Với tôi, Huế vẫn là một khung trời êm ái cho tôi muốn quay về với bao kỷ niệm êm đềm luôn nằm trong sâu thẳm của hồn tôi:

Huế gọi tôi về Huế của tôi
Trời ơi xa xứ nào ai vui!
Chuyến phà qua chợ còn không hỉ?
Huế nhớ cho tôi một chỗ ngồi!
(Trần Hoài Thư)

Tôi vẫn còn nhớ vào những ngày cuối đông; đôi gánh nặng đè trĩu trên vai, những cư dân nghèo ở vùng quê len lỏi vào những ngõ ngách của thành phố Huế. Họ đến và đi lặng lẽ như những món hàng rẻ tiền của họ.

Trong những lo toan sắm sửa Tết, người Huế vốn xem nặng tục lệ thờ cúng đã không thể quên thay những

bát nhang hay ít nhất là cát trong những bình cắm hương. Vậy là cát cũng trở thành một nhu cầu sắm sửa và họ là những dân nghèo kẻo kẹt đôi gánh trên vai từ các vùng biển kéo về thành phố với những món hàng rẻ tiền của họ là cát. Hóa ra hạt cát tưởng chừng tầm thường ở quê hương họ lại là một phẩm vật khó kiếm của những người vốn dư thừa mọi thứ nhưng đôi lúc lại thiếu mất một nhúm cát nhỏ nhoi!

Rồi mùa xuân dần dà đến gần, sắp sửa cúng đưa ông Táo về trời ở khắp mọi nhà. Vợ chồng ông Táo là những người luôn mang ngọn lửa ấm áp, yên vui cho mọi gia đình và mỗi năm họ lại phải ra đi, đem theo những điều "mắt thấy tai nghe" để trình với Ngọc Hoàng.

Người dân thành thị đã quen với ngọn lửa xanh của bếp gas, dầu hỏa từ lâu nhưng mỗi năm họ vẫn giữ tục lệ đưa ông Táo. Thành ra trong mỗi bếp vẫn giữ lại hình tượng ông Táo thu nhỏ bằng đất sét và đó cũng là một món hàng của những người dân quê nghèo nàn có dịp mang về thành phố.

Và còn có sự xuất hiện của những hoa giấy đủ màu sắc sặc sỡ, theo những chiếc xe đạp hay ngất nghểu trên một cây cột thật cao đi bộ theo người trên những nẻo đường của Huế. Hoa dùng được cắm trang trí trên các trang thờ, bàn thờ và còn dùng trong lễ cúng thổ công nữa. Những loại hoa này mỗi năm chỉ xuất hiện trong những ngày giáp Tết. Hoa và người cùng lang thang trên khắp các đường của Huế, tạo nên những mảng sắc màu vui nhộn độc đáo, làm ấm hẳn không khí giá lạnh của những ngày cuối đông, đền bù cho những ngày giá lạnh khắc nghiệt, cây trút lá theo những cơn mưa dầm, cành trơ gầy xương xẩu im lìm trong cái lạnh tái tê ngao ngán!

Mùa Xuân chỉ thật sự đến khi có sự hiện diện của hoa Mai. Những ngày cận Tết, cây Mai từ các vùng quê đã rủ nhau về phố. Trong cái nắng yếu ớt cuối đông, sắc vàng của Mai vẫn sáng lên, ánh ngời vẻ đẹp cao sang và quí phái của mình như một Hoàng hậu giữa các cung phi.

Mai vàng Huế có một vẻ đẹp riêng. Những người chơi Mai sành điệu như Ba tôi đã nói như vậy. Họ không chọn Mai hồng diệp mà chọn Hoàng Mai.

Để có những cành Mai đẹp dâng hiến cho đời, Mai đã oằn mình trong những tháng đông giá lạnh, đã phải chịu trút hết những cánh lá như bức tượng của một thiếu nữ khỏa thân để một sáng mùa xuân bất chợt rùng mình, khoác lên người chiếc áo vàng tuyệt đẹp.

Trồng Mai cũng không dễ, để có được một cành Mai đẹp nở đúng vào những ngày Tết, người chăm Mai phải mất rất nhiều công phu. Vườn Huế đã có những cội Mai già trên trăm tuổi. Mai thường tỏa hương thơm nhất vào buổi chiều, hương Mai tuy nhẹ nhàng nhưng vẫn có một sức quyến rũ sâu đậm. Đặc biệt Mai là loài hoa tỏa hương lúc trời lạnh không giống với các loài hoa khác.

Những năm mưa lạnh nhiều, nhìn những cành Mai lớn nhỏ cùng người bán co ro trong cái buốt lạnh của cơn mưa Huế cuối đông, không thể không chạnh lòng! Những cành Mai là những gia tài nhỏ nhoi và niềm hy vọng của họ; không bán được hoa làm sao có tiền để sắm sửa trong 3 ngày Tết, để cho "Mẹ vui cơm trắng, con cười áo bông!"

Ôi! Huế của tôi vô cùng lầm than cơ cực, đúng là mùa đông thiếu áo, mùa hè thiếu ăn. Những tháng ngày sau 30.4.75 lại càng lầm than hơn nữa. Phần lớn đều khó khăn túng thiếu, đồ đạc bán lần bán sạch mà cũng chỉ đủ ăn bo bo, bột mì, sắn khoai làm bạn. Nên việc mua cành Mai cũng là một việc làm xa xỉ! Khổ nỗi, dân Huế đã quen tập tục rồi, ngày Tết ít nhất trên bàn thờ phải có một nhánh Mai dù lớn hay nhỏ cũng cam lòng!

Chỉ có dân nhà giàu mới đua nhau bằng một cây Mai to lớn giữa nhà. Năm nào Mai nở rực vào sáng mồng 1 Tết, họ xem như một năm mới đang chờ đón họ và vui với niềm tin đó!

Tôi vốn không tin dị đoan nhưng sự việc xảy ra trong đêm Tết trước 30.4.75 vẫn làm tôi thắc mắc mãi! Chồng tôi đã hí hửng mang về một cành Mai khá lớn, nặng trĩu cả nụ, đặt trang trọng giữa nhà, ngắm lui ngắm tới rạng rỡ cả nụ cười; vậy mà qua sáng mồng 1 Tết, những nụ hoa đã không nở mà còn theo nhau rụng hết. Chúng tôi sững sờ, không bảo nhau nhưng nét mặt ai cũng ưu tư nghĩ rằng như vậy có thể là điềm không tốt. Và thật không ngờ! Đó là cái Tết an bình cuối cùng ở quê nhà. Là cái mốc đánh dấu chấm dứt những mùa xuân hạnh phúc kể từ ngày nền Cộng Hòa bị sụp đổ tại miền Nam.

Tôi lại nhớ chiều 30 Tết năm nao mà chợ Mai vẫn còn đầy. Trên gương mặt những người bán hoa không điểm nổi nụ cười! Một người đã năn nỉ em tôi mua giúp một cành Mai chỉ với giá... một bao thuốc lá!

Em tôi vui mừng đem cành Mai về nhà và kể chuyện lại. Ba tôi đã rầy la em một trận. Ông móc hết tiền trong ví, bắt em tôi chở đi tìm người bán Mai. Không gặp, tối giao thừa Ba tôi ngồi trầm ngâm bên cành Mai, còn em tôi thì rưng rưng nhìn Ba!

Ba tôi đã dạy cho chúng tôi một bài học về tình người. Lòng nhân ái phải luôn luôn có mặt trong từng ý nghĩ, việc làm. Ôi! Tình người vẫn còn đong đầy trong tâm tư của Ba tôi và mãi mãi!

Có lần tôi cùng người bạn đi thăm một người bệnh. Trước sân nhà một cây Mai đang nở hoa thật đẹp. Lúc đó là những ngày cận Tết. Thấy tôi cứ trầm trồ ngắm nghía khen cây Mai quá đẹp, chủ nhà cho biết anh đã bán cây Mai này cho một người khách cách đây 2 năm để chữa bệnh cho em gái. Cây Mai vẫn được gởi trong sân nhà nhưng không còn là của anh nữa!

Anh nói: "Đây là cây Mai của người khác trong sân nhà tôi, hai hôm nữa chủ của nó sẽ đến chặt về và tôi chỉ biết ngồi nhìn Mai ra đi mà ứa lệ".

Ánh mắt u hoài của chủ nhân cứ ám ảnh tôi mãi suốt chặng đường về và như vậy mùa Xuân chỉ đem lại cho anh những xót xa bùi ngùi mà thôi! Thật chua xót cho một kiếp nghèo!

Thêm một mùa Xuân nữa đang đến! Như những cành Mai phải trải qua những giá rét lạnh lùng để có những đóa Mai làm đẹp cho đời. Người dân xứ Huế cũng đang rủ bỏ những tháng ngày gian nan vất vả, dọn lòng thanh thản, mong ước một sáng mai thức dậy, chợt bắt gặp một nhành Mai thanh thoát như trong bài thơ nổi tiếng của Thiền Sư Mãn Giác:

"Đình tiền tạc dạ, nhất chi Mai."

(những ngày cuối năm 2012

Kỷ Niệm 25 năm
Gia Đình Phật Tử Tâm Minh

25 năm nhìn lại

• Thích Như Điển

Năm 1987 Gia Đình Phật Tử Tâm Minh thuộc Chùa Viên Giác tại Hannover đã được thành lập và năm 2012 nầy, đúng thời điểm của một phần tư thế kỷ mà Tâm Minh đã được sinh ra, trưởng thành sắp làm lễ kỷ niệm và vẫn đang hăng say hoạt động.

Gia Đình Phật Tử Tâm Minh chỉ được sinh ra sau Gia Đình Phật Tử Minh Hải tại Norddeich; nhưng trước cả các Gia Đình Phật Tử Chánh Niệm (Berlin), Pháp Quang (Hamburg), Chánh Giác (Bremen), Chánh Dũng (Nürnberg), Chánh Tín (München) và Chánh Định (Saarland). Trong 8 cánh sen ấy, cánh sen Chánh Định tại Saarland đã gãy cánh tan đàn từ hơn 10 năm trước. Vì lẽ thiếu Huynh Trưởng hướng dẫn và Đoàn Sinh không có nơi sinh hoạt cố định.

Năm 1978 khi tôi dời về Hannover từ Kiel để thành lập Niệm Phật Đường Viên Giác cũng không nghĩ rằng phải phát triển Phật Giáo tại Đức như thế nào vào thuở bấy giờ. Nhưng rồi người tỵ nạn Việt Nam bắt đầu được chính phủ Đức thâu nhận vào đây; đặc biệt là chuyến tàu Hải Hồng có gần 2.000 người Việt gốc Hoa được cựu Thủ Tướng Ernst Albrecht, Tiểu Bang Niedersachsen đón nhận. Thế là sinh hoạt Tôn Giáo tại đây lại bắt đầu hoạt động tích cực trong các lãnh vực quan, hôn, tang, tế v.v...

Đầu tiên tôi định thành lập Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất để tiếp nối truyền thống của Phật Giáo Việt Nam đã được thành lập tại Nhật cũng như tại Pháp từ năm 1966 đến năm 1975; nhưng nhân sự thiếu, phải chờ cho đủ túc số là 5 vị Tăng Sĩ. Cho nên tôi đã thành lập Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Đức từ năm 1978 và Chi Bộ thì được thành lập vào năm 1979; nghĩa là sau Hội Phật Tử một năm.

Khi về sinh hoạt với Niệm Phật Đường và Hội Phật Tử cũng như Chi Bộ, các anh chị cựu Huynh Trưởng như Thị Lộc Võ Văn Mai, Nhựt Định Nguyễn Kim Sơn, anh Đường, anh Hào, anh Hùng, Tâm Cừ Trương Tôn Châu v.v... muốn thành lập tổ chức của Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức để nối lại truyền thống sinh hoạt của Gia Đình Phật Tử Việt Nam đã được thành lập từ thập niên 1930, 1940 tại Huế, do Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám chủ trương.

Đây là lý do tại sao tôi đặt cho Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hannover là Tâm Minh. Thứ nhất ông là một Bác sĩ, mà là một Bác sĩ xuất thân từ Phật Giáo đã gắn bó với Giáo Hội trong những ngày Phật Giáo được chấn hưng vào cuối thời Pháp thuộc. Thứ hai ông là người được sinh ra tại Quảng Nam và được đào tạo tại Huế. Thứ ba - chỉ có Phật Giáo Việt Nam mới có tổ chức của thanh thiếu niên. Đây là 3 lý do tại sao tôi chọn tên cho Gia Đình Phật Tử thuộc chùa Viên Giác; nơi tôi trụ trì thuở ấy là Tâm Minh.

Những em Oanh Vũ hay các Đoàn Sinh ngành Thiếu và ngành Thanh hay ngay cả một số anh chị Trưởng cầm Đoàn ngày nay đôi khi cũng không hiểu rõ nữa, thì đây là cơ hội để cho các em, các con và các anh chị được „ôn cố tri tân". Vì lẽ: nếu cái cũ không có thì cái mới cũng sẽ khó tồn tại và phát triển.

Ngay cả Tâm Minh là Gia Đình Phật Tử ở gần chùa, gần Thầy, sinh hoạt đều đặn mỗi tháng 2 lần vào chủ nhật thứ nhất và chủ nhật thứ 3; nhưng Huynh Trưởng hướng dẫn các em vẫn thiếu như thường. Vì lẽ các em ngành Thanh khi được đào tạo để cầm Đoàn thì vì công ăn việc làm, hay chuyện kết hôn; nên phải thay đổi địa phương liên tục. Trong khi đó ngành Oanh Vũ càng ngày càng đông, mà ngành Thiếu thì càng ngày càng thiếu. Có lẽ vì môi trường sinh hoạt và tuổi tác cũng như cách sống v.v... đã làm cho các em thay đổi không ít.

Mỗi năm Gia Đình Phật Tử Tâm Minh được đi du ngoạn với quý Thầy, quý Cô chùa Viên Giác một lần vào ngày 1 tháng 5; nhưng sau nầy thì hình như không còn được thực hiện nữa. Đây là cơ hội để Thầy, trò, đệ tử gần gũi nhau và chia xẻ với nhau những suy nghĩ cùng công việc. Ngoài ra Tâm Minh vào mùa hè cũng hay cắm trại và thỉnh mời quý Thầy, quý Cô đến tham dự đêm đốt lửa trại thật là vui và không khí tươi trẻ của tuổi thơ lại gợi nhớ về cho không biết bao nhiêu người lớn tuổi. Bây giờ kỷ niệm vẫn là kỷ niệm; nhưng kỷ niệm đẹp thường hay làm cho người lớn tuổi khó quên và lúc nào cũng canh cánh bên lòng.

Những đêm văn nghệ Phật Đản, Vu Lan không thiếu mặt GĐPT Tâm Minh. Nhiều màn vũ, song ca, kịch v.v... Tâm Minh đã thể hiện trọn vẹn khả năng của mình để cùng góp sức với các GĐPT bạn trong nước Đức về chùa Viên Giác để đóng góp phần mình trong Đại Lễ có khi lên đến 6 hay 7.000 người như vậy. Đây là một trong những thành tích nổi bật của Tâm Minh.

Tâm Minh đặc biệt còn đảm nhận 2 đêm văn nghệ đặc biệt cho chùa Viên Giác. Đó lá Tết Nguyên Đán và Trung Thu. Đây là cái lợi thế, vì ở gần chùa nên Tâm Minh đã đóng góp một cách tích cực trong vai trò độc diễn của mình.

Bác Gia Trưởng Quảng Ngộ cho đến Thị Chơn v.v... tất cả đều chăm lo cho GĐPT Tâm Minh một cách rất chu đáo. Những Huynh Trưởng như Thị Chánh Trương Tấn Lộc, Thiện Hạnh Nguyễn Thị Hiền rồi đến các anh chị như: Quảng Niệm, Thị Chơn và bây giờ là Nguyên Hoằng, Thiện Liên, Thiện Hà, Tâm Thảo v.v... là những người đã có trách nhiệm trực tiếp cho việc tồn tại của GĐPT Tâm Minh trong suốt 25 năm qua. Đó là chưa kể đến Đức Thụ, Đức Hinh, Từ Vũ, Đức Lập thuở bấy giờ. Trong 4 người nầy sinh hoạt với GĐPT Tâm Minh; nay là Thầy Hạnh Giới đang trụ trì chùa Viên Giác và Thầy Hạnh Giả, cả hai người nầy cũng đã sinh hoạt với Tâm Minh ít nhất cũng 10 năm.

Bản thân tôi cũng xuất thân từ Gia Đình Phật Tử Hà Linh, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam kể từ năm 1958. Sinh hoạt từ Oanh Vũ cho đến hết ngành Thiếu. Năm 1964 đi xuất gia, mới ngưng hẳn việc sinh hoạt của GĐPT; nhưng lúc nào trong tâm tôi cũng hiện diện màu áo lam của Gia Đình. Đây là màu thiên thanh rất đẹp,

khiến ai đó nhìn vào cũng dễ đem lòng trìu mến. Từ chiếc áo Oanh Vũ cho đến chiếc áo dài lam của các chị Trưởng đã gợi nhớ trong tôi rất nhiều của một thời tuổi thơ như vậy. Bây giờ ở vào tuổi 64 nầy, khi nhìn lại tuổi thơ, trong đó có việc đến với GĐPT là một khung trời kỷ niệm không nhỏ. Cho nên với bài viết nầy, tôi mong rằng: các con, các em trong GĐPT Tâm Minh nói riêng và các GĐPT khác nói chung trên nước Đức hay xa hơn nữa là Âu Châu, Mỹ Châu, Úc Châu v.v... luôn là sự sống, luôn là mầm non, luôn là sự vươn lên, để cho bao thế hệ được cậy nhờ.

Năm nay GĐPT Tâm Minh kỷ niệm 25 năm, chắc là cái bánh sinh nhật phải lớn lắm, mới chia đủ cho bảy, tám chục Đoàn Sinh trong Gia Đình và 25 ngọn đèn, có lẻ phải nhờ em nào đúng 25 tuổi thổi tắt để mừng sinh nhật. Vì khi em nầy ra đời vào 25 năm về trước, thì GĐPT Tâm Minh cũng đã hiện hữu trên vùng đất Hannover nầy, mà ngôn ngữ Đức ngày nay có gần 100 triệu người nói đến, Hannover vốn là thủ phủ của Tiểu Bang Niedersachsen và vùng Hannover nói ngôn ngữ tiêu biểu của nước Đức; nên nơi đây cũng là nơi đáng ngưỡng vọng về. Vì tại đây đang hiện hữu ngôi chùa Viên Giác đã được xây dựng trên 20 năm nay, là mái nhà chung để che chở cho những người lớn tuổi và trong đó

kể các các GĐPT nữa.

Thầy mong rằng chỉ mấy trang giấy nầy cũng đủ để gợi lại cho Bác Gia Trưởng, Ban Bảo Trợ, Ban Huynh Trưởng và các Đoàn Sinh của GĐPT Tâm Minh có một cái nhìn thật sâu sắc và ý vị khi các con, các em đã góp một bàn tay và một khối óc để xây dựng cho Gia Đình để được vững mạnh như ngày hôm nay.

Mong được như vậy.

Viết tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover
ngày 2 tháng 7 năm 2012

• Phần phát biểu cảm tưởng của Bác Gia Trưởng

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính ngưỡng bạch Sư Ông Hòa Thượng Phương Trượng Chùa Viên Giác.

Kính bạch Đại Đức trú trì và Chư Tôn Đức Tăng Ni Chùa Viên Giác.

Kính thưa quý Đạo Hữu, quý Quan Khách và các Anh Chị Em thân thương.

Lời đầu tiên Thị Chơn kính chuyển lời thăm hỏi sức khỏe và chúc phúc đến tất cả mọi người tham dự buổi liên hoan kỷ niệm 25 năm thành lập Gia Đình Phật Tử Tâm Minh của Sư Ông Hòa Thượng Phương Trượng Chùa Viên Giác và Đại Đức trú trì. Vì có Phật sự ở phương xa nên Sư Ông và Thầy trú trì không thể tham dự chung vui cùng chúng ta được.

Thứ đến kính chuyển lời thăm hỏi và chúc mừng Gia Đình Phật Tử Tâm Minh tròn 25 tuổi của Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn, của Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam và của Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức.

Riêng Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn và Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức có 2 hồng bao xin được trao cho Gia Đinh Phật Tử Tâm Minh làm món quà mọn chúc mừng. Xin mời Chị Liên Đoàn Trưởng đến nhận quà.

Kính thưa Quý Vị,

Là người Phật Tử, ai trong chúng ta cũng đều biết rằng Thái Tử Tất Đạt Đa với tâm bi mẫn thương tưởng đến các loài chúng sanh đang ngụp lặn trong biển luân hồi sanh tử nên Ngaì đã lìa bỏ cung vàng điện ngọc lên đường tìm đạo giải thoát cho mình và cho người. Sáu năm khổ hạnh rừng già, tu tập nhiều pháp môn nhưng vẫn chưa tìm được câu giải đáp. Vì thế Ngài quyết tâm xả bỏ hai khuynh hướng tiêu cực ấy – một bên là cuộc sống xa hoa, đắng khác là sự tu tập khổ nhọc hình hài – để tự chính bản thân tìm ra con đường giải thoát sanh tử.

Sau 49 ngày quán niệm miên mật Ngài đã „giác ngộ" và thành Phật - bậc Giác Ngộ Giải Thoát.

Vậy Thái Tử Tất Đạt Đa đã thiền định như thế nào trong 49 ngày ấy để thành Đạo?

Thưa Quý Vị. Ngài đã quán „Duyên Khởi" và thấy rằng „cái này sanh nên cái kia sanh; cái này diệt nên cái kia diệt". Ngài nhận biết được rằng: Tất cả các pháp hữu vi là những cái nhận biết được cũng như vô vi là những cái không thể nhận biết được „không tự nhiên mà thành, mà có được!" Vì các pháp do Nhân – Duyên - Sanh nên nó Vô Thường, Vô Ngã và Khổ. Những nguyên lý này không phải do Thái Tử Tất Đạt Đa khi thành Đạo mới chứng ngộ được, mà lý Duyên Khởi là một định luật thiên nhiên, chỉ có điều ta không nhận ra được đó thôi!

Quy chiếu về ba đặc tính Vô Thường, Khổ và Vô Ngã bởi Nhân Duyên Sanh, nên Ngài chế tác pháp „Tứ Diệu Đế". Đạo lý này cũng dựa trên nền tảng Nhân – Duyên - Sanh để chỉ dẫn cho chúng sanh phương pháp tu tập mà được giác ngộ và thành Phật như Ngài – nghĩa là không còn sanh tử luân hồi nữa.

Kính thưa Quý Vị,

Gia Đình Phật Tử Tâm Minh tổ chức liên hoan kỷ niệm 25 năm thành lập cũng không ra ngoài tính chất Duyên Khởi này. Nếu không có cái ngày 16.08.1987 là ngày thành lập Gia Đình Tâm Minh, thì cũng sẽ không có cái ngày hôm nay để kỷ niệm 25 năm. Nói như vậy là chỉ quy chiếu đến cái đầu và cái cuối! Dạ thưa không phải vậy! Sự hiện hữu tồn tại của con người cũng như của các pháp là một chuỗi Nhân – Duyên – Sanh liên tục không ngừng nghỉ trong từng sát na. Cái nghiệp lực của từng sát na thôi thúc tiếp nối đẩy nhau liên tục để tạo nên dòng sống, tạo nên sự hiện hữu của mọi pháp – hữu vi cũng như vô vi. Và cũng cùng quan niệm này mà nhà bác học Albert Einstein đã phát minh ra thuyết „Tương

Đối" với công thức toán học $E = m.c^2$. Thật ra cái khám phá của ông chẳng có gì là mới mẻ, vì đó là luật thiên nhiên. Ông có khám phá hay không thì cái định luật ấy vẫn thế! Tất cả các pháp nó „tương đối", cũng chỉ mọi pháp từ vô thỉ đến vô chung đều chịu sự chi phối của lý „Nhân – Duyên – Sanh". Chỉ có điều ông ta „nhận biết" được, còn ta thì „vô minh" nên không thấy, nên mới „khổ" và mãi luân hồi!

Từ ngày thành lập đến ngày hôm nay, nếu không có sự bền vững và liên tục ở khoảng giữa thì chắc chắn Gia Đình Tâm Minh cũng chẳng còn hiện hữu sinh hoạt cho đến ngày nay vậy!

Thưa Quý Vị,

Giai đoạn thành hình của Gia Đình Phật Tử Tâm Minh đã được Em Tâm Thảo, Liên Đoàn Trưởng Gia Đình Phật Tử Tâm Minh, sơ lược qua. Thay mặt Gia Đình Phật Tử Tâm Minh, ở cương vị là Bác Gia Trưởng, Thị Chơn chân thành cảm tạ tất cả những quý Đạo Hữu hữu nêu danh hay ẩn danh, những Anh Chị Em Huynh Trưởng hay không Huynh Trưởng là Ủy viên các bộ môn Văn – Mỹ - Nghệ đã tận tụy hy sinh giúp đỡ Ban Huynh Trưởng hay Ban Liên Đoàn hướng dẫn và dìu dắt các đoàn sinh Gia Đình Phật Tử Tâm Minh trong suốt chặng đường 25 năm qua.

Hầu tỏ chút tấm lòng tri ân đối với các Vị ấy, Gia Đình Tâm Minh có món quà mọn kính trao đến Đạo Hữu Quảng Ngộ Hồ Chuyên là Bác Gia Trưởng đầu tiên và Huynh Trưởng cấp Tập Thiện Hữu, trước đây là Liên Đoàn Trưởng nhiệm kỳ thứ ba của Gia Đình Phật Tử Tâm Minh.

Kính mời Đạo Hữu Quảng Ngộ và Huynh Trưởng Thiện Hữu tiến về phía trước nhận quà lưu niệm. Gia Đình Tâm Minh cầu nguyện cho Đạo Hữu Quảng Ngộ và Huynh Trưởng Thiện Hữu cùng quý quyến nhiều sức khoẻ và luôn an lạc.

Thưa Quý Vị,

Tiêu biểu cho hai hạt giống của Gia đình Phật Tử Tâm Minh liên tục sinh sôi nảy nở từ ngày đầu đến khoảnh khắc này là Đạo Hữu Quảng Niệm Lê Gia Tuyển, Liên Đoàn Phó Nam lúc thành lập, nay là Huynh Trưởng cấp Tín và Ủy viên hướng dẫn Phật pháp cho Ngành Thanh. Em Nguyên Thanh Lê Thị Thục Nghi, là con gái út của hai Đạo Hữu Quảng Niệm và Nguyên Quế. Em Nguyên Thanh đã từng sinh hoạt với Gia Đình Phật Tử Tâm Minh từ ngày đầu lúc còn nằm trong bụng Mẹ, hiện là Huynh Trưởng Sơ Cấp và đảm nhiệm Liên Đoàn Phó Nữ của Gia Đình Phật Tử Tâm Minh.

Chúng tôi kính mời Đạo Hữu Huynh Trưởng Quảng Niệm và Huynh trưởng Nguyên Thanh tiến về phía trước để nhận quà lưu niệm của Gia đình Phật Tử Tâm Minh trao tặng.

Nguyện cầu Hồng Ân Tam Bảo gia hộ cho Đạo Hữu Huynh Trưởng Quảng Niệm và Huynh Trưởng Nguyên Thanh, Bồ Đề tâm kiên cố, có nhiều sức khỏe để đóng góp tâm và sức hoàn thành hạnh nguyện „Vì Đàn Em" mà quý Anh Chị đã từng phát nguyện khi thọ cấp.

Kính thưa quý Chư Tôn Đức Tăng Ni, kính thưa Quý Đạo Hữu và Quan Khách.

Gia đình Phật Tử Tâm Minh thường xuyên sinh hoạt vào ngày chủ nhật thứ nhất và thứ ba trong tháng tại Chùa Viên Giác. Ngoài những sinh hoạt và tu tập định kỳ theo chương trình của các Bậc và Ngành của tổ chức Gia đình Phật tử Việt Nam truyền thống - là một tổ chức giáo dục để „đào tạo Thanh Thiếu Đồng Niên trở thành những Phật Tử chân chánh góp phần phụng sự xây dựng xã hội theo tinh thần Phật Giáo", các Anh Chị Em Huynh Trưởng và đoàn sinh gia đình Tâm Minh luôn đóng góp tích cực cho các Đại Lễ và những Phật sự của Chùa Viên Giác.

Cho dù quý Vị đã từng thấy những chiếc áo Lam miệt mài trong các Phật sự, nhưng có lẽ Quý Thầy Cô, các bậc Phụ Huynh và quý Vị vẫn chưa biết rõ thành phần nhân sự tổ chức của Gia Đình Phật Tử Tâm Minh như thế nào.

Nhân dịp này, chúng con xin được giới thiệu đến Quý Thầy Cô và Quý Vị về Gia đình Phật Tử Tâm Minh. Xin thưa Ban Liên Đoàn của Gia đình Phật Tử Tâm Minh hiện nay gồm có:

Bác Gia Trưởng là con đây: Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp, Huynh trưởng cấp Tín.

Liên Đoàn Trưởng là Huynh Trưởng Tâm Thảo Trương Thị Diệu Phương

Liên Đoàn Phó Nam là Huynh trưởng Sơ Cấp Quảng Quý Lê Châu Anh

Liên Đoàn Phó Nữ là Huynh Trưởng Sơ Cấp Nguyên Thanh Lê Thị Thục Nghi

Thư Ký là Huynh Trưởng cấp Tín Nguyên Hoằng Trương Minh

Thủ Quỹ là Thiện Chi Trần Lan Mai, đoàn sinh Ngành Thanh Nữ

Ngoài ra Gia Đình Tâm Minh chúng con còn có những Anh Chị Em Ủy Viên đảm trách các bộ môn như sau: Huynh Trưởng cấp Tín Quảng Niệm Lê Gia Tuyển phụ trách giờ Phật Pháp cho Ngành Thanh;

Huynh Trưởng cấp Tín Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp phụ trách giờ Phật Pháp và tiếng Việt cho Ngành Thiếu; Huynh Trưởng cấp Tập Thiện Liên Phạm Thị Tuyết Mai phụ trách giờ Phật Pháp và tiếng Việt cho Oanh Vũ; Huynh Trưởng cấp Tập Nguyên Thảo Phạm Nguyễn Thị Lan Phương phụ trách giờ Phật Pháp và tiếng Việt cho Oanh Vũ;

Huynh Trưởng cấp Tín Nguyên Hoằng Trương Minh phụ trách giờ Phật Pháp và tiếng Việt cho Oanh Vũ; Huynh Trưởng cấp Tập Thiện Hà Phạm Văn Sơn phụ trách giờ chuyên môn cho các Ngành và tiếng Việt cho Ngành Thiếu;

Huynh Trưởng cấp Tập Thiện Nhật Phạm Thị Thùy Nga phụ trách giờ Phật Pháp và tiếng Việt cho Oanh Vũ.

Theo bản báo cáo mới nhất của Thư Ký cho biết hiện nay Gia Đình Phật Tử Tâm Minh gồm 9 Huynh Trưởng, 33 đoàn sinh các Bậc và Ngành và 3 bạn Đoàn.

Thoáng nhìn qua sự liệt kê bên trên, chúng ta nhận thấy có đến 4 Huynh Trưởng lo cho Oanh Vũ. Điều này nói rằng „mầm non" của Gia Đình Tâm Minh rất nhiều. Đây là một sự kiện có thể khẳng định rằng tương lai của Gia Đình Phật Tử Tâm Minh rất „xán lạn" - như từ thuở ban đầu lúc mới thành lập.

Thưa Quý Vị có đồng ý như vậy không ạ?

Nhân ngày lễ Chu Niên 25 năm thành lập Gia Đình Phật Tử Tâm Minh, Sư Ông Hòa Thượng Phương Trượng có sẵn những món quà dạy Thị Chơn trao tặng các Anh Chị Em có tên ở bên trên. Vậy Bác Gia Trưởng nhờ Em Liên Đoàn Trưởng đến nhận và lát nữa sẽ trao quà của Sư Ông đến cho các Anh Chị Em ấy. Xin cảm ơn trước! Còn Thầy Hạnh Giới cũng có thư chúc mừng và hồng

bao cho Gia Đình Tâm Minh sẽ được Thầy Hạnh Lý đại diện đọc và trao tặng sau đây.

Kính thưa Quý Thầy Cô, Quý Đạo Hữu và Quan Khách,

Thay mặt Gia Đình Phật Tử Tâm Minh, Thị Chơn kính đê đầu đảnh lễ tạ ơn Sư Ông Hòa Thượng Phương Trượng Chùa Viên Giác, Quý Thầy Trú Trì và Cố Vấn Giáo Hạnh, Chư Tôn Đức Tăng Ni Chùa Viên Giác, các bậc Phụ Huynh, quý Đạo Hữu trong và ngoài Chi Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Hannover và Vùng Phụ Cận, các Anh Chị Em Huynh Trưởng cũng như không Huynh Trưởng, các Ủy Viên từ trước đến nay xuyên suốt 25 năm đã thương yêu, giúp đỡ và hỗ trợ cho Gia Đình Phật Tử Tâm Minh được còn hiện hữu đến ngày nay.

Nguyện cầu Chư Phật gia hộ Chư Tôn Đức Tăng Ni pháp thể khinh an chúng sanh dị độ, Phật sự viên thành.

Cầu nguyện Hồng Ân Tam Bảo gia hộ cho quý Vị cùng thân quyến nhiều sức khỏe và luôn an lạc.

Cầu nguyện Chư Phật, Chư Bồ Tát, Chư Hiền Thánh Tăng gia hộ cho toàn thể Lam viên Gia Đình Phật Tử Tâm Minh Bồ Đề Tâm kiên cố, có nhiều sức khỏe, luôn TINH TẤN để thành tựu hạnh nguyện của người ÁO LAM.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

(Cảm tưởng phát biểu nhân ngày kỷ niệm Chu Niên 25 năm thành lập Gia Đình Phật Tử Tâm Minh, 29.09.2012 tại Chùa Viên Giác Hannover, của Bác Gia Trưởng Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp - Huynh Trưởng cấp Tín kiêm Ủy Viên Tổ Kiểm Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức quốc, Hội Trưởng Hội PTVN Tỵ Nạn và Điều Hành Trưởng Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức quốc)

• Phần phát biểu của Liên Đoàn Trưởng

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính ngưỡng bạch Sư Ông Hòa Thượng Phương Trượng Chùa Viên Giác.

Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng Ni.

Kính thưa quý vị quan khách

Kính thưa các bậc Phụ Huynh, Bác Gia Trưởng, các anh chị em Huynh Trưởng cùng tất cả các Lam viên Gia Đình Phật Tử Tâm Minh thân mến.

Cổ đức có dạy: **"Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ nguồn"**

Để thể hiện tinh thần cao quý này, ngày hôm nay chúng con đoàn sinh của Gia Đình Phật Tử Tâm Minh tại Chùa Viên Giác tổ chức buổi lễ Chu Niên kỷ niệm 25 ngày thành lập.

Nhân dịp này, chúng con xin quý Vị dành chút thì giờ quý báu để biết sơ qua, nếu chưa biết và để hồi tưởng lại, nếu còn nhớ, cũng như để cho đàn hậu bối chúng con còn biết được bối cảnh của khoảng thời gian thành lập Gia Đình Phật tử Tâm Minh nhờ vậy đàn hậu bối chúng con còn biết được để **"nhớ ơn đến kẻ trồng cây cho mình có trái ăn"** và cũng để **"nhớ đến nguồn đã cho mình nước uống"**.

Kính thưa quý Vị,

Gia Đình Phật Tử Tâm Minh được thành lập ngày 16.08.1987 qua sự khuyến khích và giúp đỡ của Đại Đức Thích Như Điển, Trú Trì Chùa Viên Giác – tức là Hòa Thượng Phương Trượng Chùa Viên Giác ngày nay, Bác Thị Tâm Ngô Văn Phát - Hội trưởng Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Đức và Bác Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp – Điều Hành Trưởng Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức.

Cho dù lúc đó chưa có một "Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức", nhưng Gia Đình Phật Tử Tâm Minh cùng Gia Đình Phật Tử Minh Hải là hai Gia Đình Phật tử Việt Nam đầu tiên tại Đức quốc đã làm lễ ra mắt ngày 06.09.1987 tại Chùa Viên Giác nhân Đại Lễ Vu Lan Phật lịch 2531 được tổ chức từ ngày 04 đến 06.09.1987 dưới sự chứng minh của chư Tôn Đức Tăng Ni thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất - Chi Bộ Đức Quốc cùng toàn thể đại chúng tham dự.

Nơi đây chúng con cũng xin thưa rằng: **"Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức" chính thức được thành lập qua Đại Hội Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam kỳ II tại Đức được tổ chức từ ngày 25 đến 26 tháng giêng năm 1992 tại Chùa Viên Giác.** (Trích Báo Viên Giác số 67 tháng 12 năm 1992, Xuân Nhâm Thân trang 157).

Như vậy tính đến nay "Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức" mới có được 20 tuổi!

Từ năm 1987 đến thời điểm trên tại Đức chỉ có một "Ban Huynh Trưởng Trung Ương Gia Đình Phật Tử Việt Nam Đức quốc" gồm có quý Anh Huynh trưởng (Htr.). Nhật Định Nguyễn Kim Sơn, Anh Htr.Tâm Cừ Trương Tôn Châu cấp Tín, Anh Htr. Thị Lộc Võ Văn Mai cấp Tín, Anh Htr. Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp cấp Tập, Anh Htr. Thiện Căn Phạm Hồng Sáu cấp Tập và Chị Htr. Tâm Bạch Trần Nguyễn Huyền Đan cấp Tập. **Vì vậy danh xưng "Ban Liên Đoàn" của các Gia Đình Phật Tử tại Đức lúc đó chỉ gọi là "Ban Huynh Trưởng".**

Nhân đây chúng con xin trân trọng được giới thiệu đến Chư Tôn Đức Tăng Ni cùng quý vị thành phần Ban Huynh Trưởng đầu tiên của Gia Đình Phật Tử Tâm Minh gồm những vị sau đây:

Bác Gia Trưởng: Bác Quảng Ngộ Hồ Chuyên Liên Đoàn Trưởng: Anh Thị Chánh Trương Tấn Lộc Liên Đoàn Phó Nam: Anh Quảng Niệm Lê Gia Tuyển Liên Đoàn Phó Nữ: Chị Thiện Hạnh Nguyễn Thị Hiền, đã qua đời

Thư Ký: Bác Như Thân Hà Phước Nhuận

Thủ Quỹ: Bác Thiện Duyên Trần Thị Mười

Ngoài ra còn có nhiều bậc Phụ huynh và Anh Chị khác tự nguyện đảm nhận cho các bộ môn Văn – Mỹ - Nghệ như học tiếng Việt, học chuyên môn, tập múa Lân v.v…

Lúc đó Gia Đình Phật Tử Tâm Minh có được 45 em, chia thành 1 Đội (13 em) và 1 Chúng (12 em). Riêng Oanh Vũ có 2 đàn, mỗi đàn 10 em. Các em trong đội chúng tuổi từ 12 đến 18 và Oanh vũ từ 6 đến 12 tuổi.

Gia Đình Phật Tử Tâm Minh có một phước duyên rất lớn là trong số đoàn sinh dạo ấy đã có hai Huynh Trưởng xuất gia đầu Phật đó là **Huynh Trưởng Đức Thụ tức là Thầy Hạnh Giới** hiện là Chi Bộ trưởng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Chi Bộ Đức quốc, kiêm trú trì

Chùa Viên Giác, Cố Vấn Giáo Hạnh Gia Đình Phật Tử Đức cũng như Gia Đình Phật Tử Tâm Minh và **Huynh Trưởng Đức Lập tức là Thầy Hạnh Giả.**

Trong khoảng thời gian này, Đại Đức Thích Như Điển, nay là Sư Ông Hòa Thương Phương Trượng Chùa Viên Giác là Cố vấn Giáo hạnh, hướng dẫn Phật pháp còn Bác Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp, Điều hành trưởng Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức, hướng dẫn kỹ thuật và chuyên môn theo chương trình Hướng và Sơ Thiện để chuẩn bị cho đoàn sinh Gia Đình Phật Tử Tâm Minh tham dự trại Đội Chúng trưởng, từng bước đào tạo Huynh Trưởng truyền thống cho gia đình và tổ chức.

Trích ghi lại từ bản tin "Thành lập các Gia đình Phật tử Việt Nam tại Tây Đức" đăng trên báo Viên Giác trang 80, 81 và 85 số 41 phát hành trong tháng 10 năm 1987. Tờ báo này trước đây còn mang tên là "Tạp Chí Của Kiều Bào Và Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức" do Đại Đức Thích Như Điển Chủ Trương, Bác Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp làm Chủ Bút kiêm phụ trách phần nội dung, kỹ thuật trang trí cũng như in ấn.

Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng Ni, kính thưa quý Vị.

Thắm thoát mà đã 25 năm rồi! Thời gian không chờ đợi một ai!

Cho nên ngày hôm nay chúng con làm lễ Chu Niên kỷ niệm 25 năm ngày Gia Đình Phật Tử Tâm Minh được thành lập để nhớ đến quá khứ, để tri ân công đức sâu dày của Chư Tôn Đức Tăng Ni, quý Ôn, quý Bác, các bậc Phụ Huynh trong và ngoài Chi Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Hannover và Vùng Phụ Cận, quý Bác trong Ban Bảo trợ đã không ngừng thương yêu khuyến khích, giúp đỡ cho Gia Đình Phật tử Tâm Minh chúng con từ vật chất đến tinh thần để chúng con mãi còn được sinh hoạt trong tình yêu thương của quý vị đến ngày hôm nay.

Chúng em chân thành cảm ơn quý Anh Chị đi trước đã vì hạnh nguyện Tình Lam yêu thương, hướng dẫn, dìu dắt chúng em "trở thành những người Phật Tử chân chánh hầu phụng sự xã hội theo tinh thần Phật giáo" đúng theo tôn chỉ và mục đích của Tổ Chức Gia Đình Phật tử Việt Nam truyền thống để mang lợi lạc đến cho mình và cho người.

Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng Ni, kính thưa quý Vị.

Thư mời tham dự Chu Niên chúng con đã tìm mọi cách gửi đến quý Ôn, quý Bác, các bậc Phụ Huynh, các Anh Chị Huynh Trưởng và đoàn sinh trước đây. Không biết thư mời có đến tận tay quý vị được hết chăng, vì chúng con có khó khăn trong việc cập nhật địa chỉ. Nhưng nếu vì lẽ nào đó mà quý Vị không nhận được thì chúng con thành thật xin lỗi và kính mong quý Vị hoan hỷ, niệm tình hỷ xả cho chúng con.

Kính thưa quý Vị.

Chúng con cố gắng thực hiện lễ Chu Niên 25 năm kỷ niệm ngày ra đời của Gia Đình Phật tử Tâm Minh không ngoài mục đích thể hiện tinh thần của câu:

"Ăn trái nhớ kẻ trồng cây. Uống nước phải nhớ nguồn" để biết được nguồn gốc của Gia Đình Phật tử Tâm Minh và cũng để **"Ôn cố, tri tân"** nghĩa là "**có biết** cái xưa **mới biết** cái nay!"

Chúng con kính đê đầu đảnh lễ Sư Ông Hòa Thượng Phương Trượng Chùa Viên Giác, Thầy Trú Trì và Chư Tôn Đức Tăng Ni. Cầu nguyện Chư Phật gia hộ cho quý Ngài thân tâm thường lạc, Phật sự viên thành.

Chúng con, chúng em chân thành cảm tạ quý Ôn, quý Bác, các bậc Phụ huynh trong và ngoài Chi Hội Phật tử Việt nam Tỵ Nạn tại Hannover và Vùng phụ cận cũng như quý Anh Chị Huynh Trưởng đã quan tâm, thương yêu và giúp đỡ chúng con, chúng em trong thời gian qua cũng như cho kỹ thuật tổ chức buổi lễ Chu niên 25 năm.

Chúng con, chúng em nguyện cầu Hồng Ân Tam Bảo gia hộ cho quý Vị, các Anh Chị cùng thân quyến nhiều sức khỏe và luôn an lạc.

Thương chúc các Lam viên Gia đình Tâm Minh có nhiều sức khỏe và luôn Tinh Tấn.

Chúng con xin tạc dạ ghi lòng công đức vô lượng của Chư Tôn Đức Tăng Ni, của quý Vị đã, đang và còn sẽ thương yêu giúp đỡ con cháu đoàn viên của Gia đình Phật tử Tâm Minh.

Chúng con nguyện luôn TINH TẤN học tập qua sự hướng dẫn và dìu dắt của Chư Tôn Đức Tăng Ni, của các Anh Chị Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam truyền thống để trở thành những người Phật tử chân chánh góp ích cho Đời và Đạo.

Chúng con kính chúc Quý Thầy Cô, quý Khách và các Anh Chị Em vui vẻ và nhiều an lạc trong buổi lễ Chu Niên 25 năm thành lập Gia Đình Phật Tử Tâm Minh ngày hôm nay.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

*Ghi chú: Bài phát biểu cảm tưởng của nữ Huynh Trưởng **Tâm Thảo Trương Thị Diệu Phương,** Liên Đoàn Trưởng Gia Đình Phật Tử Tâm Minh, trong lễ Chu Niên kỷ niệm 25 năm thành lập Gia Đình Phật Tử Tâm Minh ngày 29.09.2012 tại Chùa Viên Giác – Hannover, Đức quốc.* ●

Chúc Mừng Đám Cưới

Nhận được hồng thiệp của Bà Huỳnh Thị Thúy Lan và ông Nguyễn Hòa, Chủ Bút Báo Viên Giác, tổ chức lễ thành hôn cho Trưởng Nam là:

Nguyễn Gia Khánh

đẹp duyên cùng

Phan Tâm Nguyên

Út Nữ của Ông Phan Thanh Sang ở Việt Nam

Hôn lễ được tổ chức ngày 30.12.2102 tại Saigon Việt Nam.

Chúng tôi xin chúc mừng gia đình hai họ Nguyễn – Phan có thêm dâu hiền rể thảo và chúc cô dâu chú rể được **„TRĂM NĂM HẠNH PHÚC".**

* Gđ.: Nguyễn Quý Đại và Hoa, Tôn-Thất Hứa và Ánh Ngân, Mã Bé, Lê Hồng Đức, Lý Văn Xuân, Nguyên Hạnh HTD, Trần Thị Hương Cau, Trần Thị Nhật Hưng, Hoa Lan, Thi Thi Hồng Ngọc, Nhựt Trọng Trần Văn Minh, Trần Đan Hà, Phan Ngọc Minh, Huỳnh Thị Ngọc Nga, Lê Ngọc Châu, Song Thư TTH, Nguyễn Hoàng Hoa.

Kỷ niệm một năm ngày mất

Vaclav Havel

(1936-2011)

Sự thật và tình yêu sẽ chiến thắng giả dối và hận thù

• Lương Nguyễn

Vaclav Havel không còn nữa:

Chủ nhật 18.12.2011, ông Vaclav Havel, một nhà viết kịch, một người bất đồng chính kiến và cựu Tổng thống của Cộng hòa Czech đã từ trần lúc 75 tuổi.

Hôm thứ sáu 23.12.2011, hàng ngàn người dân Czech đã đứng xếp hàng để tiễn đưa ông Vaclav Havel, Tổng thống đầu tiên của Cộng hòa Czech, về nơi yên nghỉ cuối cùng. Nhiều người đã khóc và nói rằng "Cám ơn Vaclav Havel, nhờ ông, những người dân Czech đã tìm lại được niềm tự hào dân tộc". Vinh danh ông, 15 nguyên thủ và đại diện của 42 quốc gia đã đến tham dự buổi lễ tiễn đưa ông, trong đó có Thủ tướng Đức Angela Merkel, Tổng thống Pháp Nicolas Sarkozy, Tổng thống Israel Shimon Peres, bà Ngoại trưởng Hoa Kỳ Hillary Clinton. Nhân dịp này, bà Angela Merkel cũng bày tỏ: "Người Đức cũng phải nhớ ơn ông Havel. Ông là một trong những người có công xây dựng Âu Châu".

Thân thế và sự nghiệp :

Vaclav Havel sinh tại Praha vào năm 1936, tức là 3 năm trước khi cuộc thế chiến thứ hai bùng nổ. Năm 1948 khi cộng sản lên nắm chính quyền, đã tịch thu toàn bộ tài sản của cha mẹ ông vì gia đình ông thuộc thành phần tư bản. Từ đó cuộc sống của ông đi vào khúc quanh mới, ông phải bỏ học vì lý lịch của mình. Ông đi làm trợ tá trong một phòng thí nghiệm và buổi tối đi học thêm tại một Đại học Kỹ Thuật. Nhưng bản chất ông là một con người rất đam mê nghệ thuật, thích viết kịch, thích viết văn. Vài năm sau đó ông đã bỏ tất cả, để đi làm cho một nhà hát ở Praha và thời gian đầu tiên ông đã phải làm tất cả mọi việc kể cả những việc thấp nhất. Nhưng cũng chính nơi đây, ông đã phát huy được hết tài năng nghệ thuật của mình. Ở thời điểm này, ông đã sáng tác được những tác phẩm có giá trị như "Buổi tiệc ngoài vườn" (The Garten Party) năm 1963. Mặc dù ông cho biết là ông không muốn làm chính trị, nhưng những vở kịch của ông viết thì càng ngày càng đầy "chính trị tính", ông đã đưa ra những cái thật vô lý về chính trị ở đất nước ông. Ông không giấu giếm quan điểm của mình là Czechoslovakia (Tiệp Khắc) phải trở về với những truyền thống dân chủ và tự do mà họ đã bị mất sau đệ nhị thế chiến. Ông đã không ngần ngại lên tiếng chỉ trích chế độ độc tài vi phạm nhân quyền của chính quyền Czechoslovakia như việc kiểm soát báo chí. Điều đó đã biến ông thành một nhân vật phản kháng và được thế giới để ý đến.

Năm 1968, Tổng thư ký đảng Cộng sản Alexander Dubcek, người cầm quyền và cũng là một nhà cải cách, đang nỗ lực mang lại tự do, dân chủ cho Czechoslovakia. Sự việc chưa thành, Liên Xô và các nước Đông Âu thuộc Khối Hiệp ước Warsaw đã gởi xe tăng tới nghiền nát phong trào nhân quyền "Mùa xuân Praha" mới chớm nở và cả những ước mơ của tuổi trẻ Czechoslovakia trong đó có ông.

Từ mùa xuân năm đó, Vaclav Havel dứt khoát bước chân vào chính trị, ông mạnh bạo lên tiếng phản đối chính quyền Gustav Husak. Chính quyền này được ra đời sau khi Liên Xô mang xe tăng vào chiếm đóng đất nước ông. Ông bị cấm viết kịch và bị tù 3 lần tổng cộng là 50 tháng vì cái tội là người đề xướng "Hiến chương 77" (Charta 77). Trong thời gian bị giam, ông có cho ra một tác phẩm được nhiều người biết đến "Lá thư gởi Olga" (Letters to Olga). Đây là những bức thư viết từ ngục tù gởi ra cho vợ ông, bà Olga Splichalova. Ông và bà kết hôn năm 1964 và sống với nhau cho đến lúc bà mất năm 1996. Những bức thư này viết về những triết lý sâu xa gồm những lời khuyến cáo mà ông đã gom góp được trong những ngày dài bị giam hãm tù đầy và đã trở thành những kinh điển của nền văn học chống độc tài.

Năm 1977, ông với hơn 200 người đứng ra ký vào "Hiến chương 77" (Charta 77). Hiến chương 77 là một bản cáo trạng buộc tội chính quyền Czechoslovakia đã vi phạm và đàn áp nhân quyền. Đây là phong trào tập hợp những người có cùng chung một mục đích là tranh đấu cho dân chủ và tự do nhưng không nhất thiết là phải đồng chính kiến. Phong trào đã nhanh chóng gây được tiếng vang trong cũng như ngoài nước và trở thành một lực lượng đối kháng mạnh mẽ. Ông là một trong ba phát ngôn viên của phong trào này. Hiến chương 77 do ông khởi xướng đã là nguồn tác động sau này vào sự ra đời của các hiến chương khác và đặc biệt nhất là ở Á Châu.

Năm 1989, ông trở thành nhân vật hàng đầu của cuộc đấu tranh giành tự do, dân chủ ở Czechoslovakia. Những cuộc biểu tình bất bạo động và những cuộc đình công ôn hòa mang tên "Cuộc Cách Mạng Nhung" (velvet revolution) bùng nổ và cuối cùng thắng thế, chính quyền cộng sản phải tự giải thể. Vào ngày 29.12.1989 ông được bầu làm Tổng Thống đầu tiên của nước Czechoslovakia tự do, chấm dứt chế độ độc tài đảng trị kéo dài 40 năm. Cũng cần nên nhắc lại là năm 1989 cũng là năm có nhiều biến động chính trị ở Đông Âu, tháng 11 bức tường Bá Linh bị sụp đổ và cũng vào tháng 6 năm đó người dân Ba Lan lần đầu tiên được đi bầu Quốc Hội trong tinh thần tự do và dân chủ. Chính phủ Cộng sản Ba Lan đã phải nhượng bộ trước phong

trào đấu tranh do nghiệp đoàn Solidamosc hướng dẫn dưới sự lãnh đạo của Lech Walesa và tháng 12 năm 1990 con người phản kháng Lech Walesa được bầu làm Tổng thống Ba Lan.

Vaclav Havel đã thành công khi biến một chuyện không tưởng thành sự thật: một người tù thành Tổng Thống. Nhưng khi ở cương vị Tổng Thống, ông lại thất bại trước những chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi ích kỷ vì không ngăn cản được sự chia đôi của đất nước. Slovakia đã tách ra thành một quốc gia tự trị. Có điều ông có thể tự an ủi là cuộc chia tay của 2 quốc gia này đã không đổ máu như người ta thường thấy ở những các quốc gia khác. Ông từ chức và vào tháng giêng năm 1993 ông được bầu lại làm Tổng Thống của Cộng Hòa Czech (Tiệp). Ông đã dẫn dắt nước Cộng Hòa Czech son trẻ đi từ chủ nghĩa cộng sản qua chủ nghĩa tư bản trong nỗi đau đớn đắng cay của sự chuyển hóa.

Có lẽ ông không phải là một nhà chính trị chuyên nghiệp, đúng hơn ông là con người sống và tranh đấu cho lý tưởng dựa trên những quan điểm về công bằng xã hội và được xây dựng trên những nền tảng đạo đức. Ông hành động theo lương tri với những tập quán chân thật, ngay thẳng và đứng đắn. Ngay khi còn làm Tổng Thống, ông vẫn mạnh dạn phê phán hệ thống tư bản trong quá trình chuyển hóa của Czech mà ông gọi là "Tư bản Mafia" và chỉ trích thậm tệ nạn tham nhũng đang cản trở bước tiến của dân tộc. Đối thủ của ông cho đó là thứ đạo đức ngây thơ, nhưng thật ra những nhà chính trị hiện nay hoạt động dựa trên lương tâm đạo đức như ông hình như không còn mấy ai nữa. Chính điều đó đã làm thế giới kính trọng và ngưỡng mộ ông, ông đã trở thành biểu tượng mẫu mực mới của nền văn hóa và tư tưởng ở Âu Châu.

Nền kinh tế của Czech càng ngày càng đi xuống, người thất nghiệp càng đông và sự bất mãn của dân chúng gia tăng, bệnh tật của ông lại có phần xấu đi, kèm theo những chuyện tai tiếng từ người vợ thứ hai của ông, bà Dagmar Havlova một nữ diễn viên điện ảnh mà ông đã kết hôn năm 1997, đã làm ông chán ngán và có những lúc ông đã phải than thở: "Người ta đã xây dựng trên tôi một thần tượng, bây giờ họ lại muốn đập thần tượng ấy đi". Năm 2003 ông từ chức Tổng Thống và để hết thời gian vào sự nghiệp viết kịch của mình. Ông cho ra vở kịch "Rời bỏ" (Leaving) vào năm 2008, đây là vở kịch cuối cùng của ông và đã được quay thành phim. Qua bản kịch này, ông phê bình những ngôn ngữ mơ huyền và trống rỗng từ các nhà chính trị đương đại hay thường dùng.

Ông đã được rất nhiều giải quốc tế về sự nghiệp chính trị như giải Olof Palme năm 1989, giải Hòa bình của ngành kinh doanh sách Đức năm 1989, về văn học như Giải Franz Kafka năm 2010.

Ngày 18.12.2011, ông đã nhắm mắt ra đi vĩnh viễn để lại bao nhiêu sự thương tiếc cho mọi người đặc biệt là dân tộc ông. Người dân Czech đã nhận ra được những giá trị đạo đức mà ông để lại cho họ mặc dù khá muộn màng.

Quyền lực của không quyền lực :
(Power of Powerless):

Tiểu luận "Quyền lực của không quyền lực" (Power of Powerless) được ông viết năm 1978 vào lúc ông đang bị theo dõi và bị bắt bớ giam hãm vì tranh đấu cho nhân quyền. Tác phẩm này có thể coi là sự kết tinh tư tưởng của ông và có tầm ảnh hưởng lớn lao đến các phong trào chống độc tài ở Đông Âu, định hướng lại lý thuyết chính trị về chế độ cộng sản. Trong tiểu luận này, ông định danh thực trạng Đông Âu thời kỳ hậu Stalin bằng cái tên "hậu toàn trị" (Post-totalitarian). Thời kỳ Stalin ở Liên Xô, ông gọi là thời kỳ toàn trị. Ông cho hệ thống hậu toàn trị đã tạo nên một xã hội bị tha hóa trong đó con người bị kiểm soát và bị chỉ đạo như là một là một sinh vật nô lệ và từ trên xuống dưới không ai được thoát ra khỏi hệ thống đó: "Mỗi người vừa là nạn nhân vừa là tòng phạm hay nói đúng hơn vừa là tù nhân vừa là cai ngục của hệ thống". Để được sống yên thân, họ phải phục tùng hệ thống đó bởi vì nó là lá bùa hộ mệnh cho họ, nó cho phép họ được yên sống: "Tôi sợ, vì thế tôi phải phục tùng vô điều kiện". Bởi muốn sống trong hệ thống đó, con người phải sống đời sống dối trá (living a lie) để không bị phiền nhiễu, không bị nhòm ngó, không bị bắt bớ. Cái hay ở trong tác phẩm này, không phải chỉ là sự phân tích sâu sắc về hệ thống hậu toàn trị, mà ông còn chỉ ra được cái mâu thuẫn của hệ thống và tiên đoán được sự đổ vỡ của nó, bởi vì dối trá không thể tồn tại bên cạnh sự thật. Muốn thoát khỏi sợi dây xích của hệ thống đó, ông kêu gọi mọi người phải sống trong sự thật, tức là hãy nói những gì mình nghĩ, làm những gì mình cho là đúng, chứ không làm theo hệ thống "dối trá" đó cho phép. Nếu chúng ta, ai cũng làm và sống trong sự thật thì hệ thống đó sẽ tự nó phải bị hủy diệt.

Người lữ hành không đơn độc:

Mặc dù là một chính trị gia, nhưng người ta vẫn nhận thấy ở ông có một sự thành thật. Ông sống rất "người" với tất cả ưu điểm và cả nhược điểm của mình. Người dân Czech mến thương ông, cũng bởi cái tính đó, ông trung thành với những nguyên tắc đưa ra và sống theo nó. Trước sức mạnh của Trung Quốc, nhiều người tìm cách ve vãn để xích lại gần, nhưng với ông, nguyên tắc là nguyên tắc. Đức Đạt Lai Lạt Ma là một nguyên thủ được ông tiếp đón đầu tiên khi ông lên làm Tổng Thống và cũng là người khách đến thăm trong những ngày cuối đời của ông. Người ta nói trên giường bệnh, ông đã cố gắng đợi chờ người bạn tâm giao của ông đến và may mắn thay Đức Đạt Lai Lạt Ma đã kịp thời tới đúng lúc, mấy ngày trước khi ông nhắm mắt ra đi.

Cũng để yểm trợ cho cuộc đấu tranh bất bạo động ở Miến Điện, ông đã đề cử bà Aung San Suu Kyi được lãnh giải "Nobel hòa bình" năm 1991. Bà Suu Kyi vì đấu tranh

PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc được tin buồn

Chiến Hữu Lê Doãn Kim
đã mệnh chung ngày 02.10.2012
tại Maryland (Mỹ Quốc)
Thượng thọ 84 tuổi

Thành kính chia buồn cùng tang quyến và thành tâm cầu nguyện Hương Linh sớm vãng sanh miền Cực Lạc.
- Ban Biên tập Báo Viên Giác
- Trần Xuân Hiền & gia đình

cho tự do, dân chủ đã bị giam cầm 15 năm. Bà thường nói ông là một người bạn thật sự của Miến Điện.

Cũng như khi nghe tin ông mất, nhiều người Việt ở Czech đã bàng hoàng và đau đớn. Họ đã rủ nhau đến thắp nến tại Trung Tâm Praha để tưởng niệm ông, có người đã đứng xếp hàng chờ ở hai bên đường để được cúi đầu, nghiêng mình khi quan tài ông đi qua trong ngày tang lễ. Cộng đồng người Việt tại Praha và Brno đã lập bàn thờ để thắp hương và nến tưởng nhớ đến ông. Từ lâu ông đã thành ân nhân của người Việt tại đây, nhờ ông họ có được đời sống ấm no, ổn định, hạnh phúc và tự do dân chủ là những thứ mà trước đây họ không có. Rất cảm động, khi nghe một người Việt đã nói với con mình: "Các con hãy nhớ, ông là ân nhân của gia đình mình" [5].

Trên cương vị Tổng Thống, ông để lại được hai sự nghiệp lớn lao là hòa giải với dân tộc Đức mà nhiều người nghĩ rằng sau Đệ nhị Thế chiến không thể làm được và giải tán Hiệp ước Warsaw, đây là một liên minh quân sự do Liên Xô lãnh đạo. Nhờ đó, nước Czech đã có cơ hội để trở thành một thành viên của Cộng đồng Âu châu. Ông đã đưa Czech trở lại về cội nguồn Âu Châu của nó như ngày xưa ông đã từng đứng lên hô hào đòi hỏi dưới thời nước ông bị khống chế bởi xe tăng ngoại bang.

Những năm tháng cuối cùng của đời ông, mặc dù ông đã rút ra khỏi chính trường, nhưng ông vẫn quan tâm và ủng hộ những phong trào bất bạo động chống độc tài, toàn trị và quân phiệt trên thế giới. Tiếng nói của ông trở nên là tiếng nói của những người dân "không quyền lực" bị đàn áp và tước mất nhân quyền.

Ông không đơn thuần chỉ là một nhà bất đồng chính kiến hay một nhà chính trị gia lớn mà ông còn tượng trưng cho mẫu người trí thức ở Đông Âu: yêu tự do và công bằng xã hội. Ông là sự tổng hợp của ba dạng người: Nhà văn, Tổng Thống và trên hết là nhà đạo đức.

Ngoại Trưởng Karel Schwarzenberg của Czech, người bạn chiến đấu thuở nào, nghiêng mình trước quan tài ông và nói: "Thưa Tổng Thống Havel, chúng tôi sẽ chiến đấu tiếp tục cho sự chiến thắng của sự thật và tình yêu. Tổng Thống có thể tin tưởng vào điều đó". Đó là tôn chỉ mà ông đã đưa ra để làm hành trang mang theo suốt đời cho đến lúc nhắm mắt: "Sự thật và tình yêu sẽ chiến thắng giả dối và hận thù". Ông không còn là một lữ hành đơn độc đi trên con đường sỏi đá của mình, sau ông còn có rất nhiều người đang nối tiếp đi trên con đường lắm chông gai đó.

(Mùa xuân 2012)

Tài liệu tham khảo:

1) Tuần báo Spiegel 52/2011: "Nachruf Vaclav Havel 1936-2011", Erich Follath

2) Tuần báo Spiegel 16/1999: "Tschechien-Der Dichter und die Henker", Erich Follath

3) Sách "Quyền lực của Không Quyền lực" (Power of Powerless), Vaclav Havel, Khải Minh dịch

4) Focus Online 18.12.2011: "Dissident und Dichter-Präsident Tschechiens Ex-Präsident Vaclav Havel ist tot"

4) Wikipedia

5) Vietinfo: "Cộng đồng người Việt tại Séc tưởng nhớ cựu Tổng thống Havel", Thanh Thảo

Buổi học cuối cùng

• Trần Bình Nam

Phóng tác theo chuyện ngắn:
*"**La dernière classe**"*
trong tập truyện ngắn Contes du Lundi
của nhà văn Alphonse Daudet

Ngủ dậy trễ, tôi uể oải không muốn đến trường. Thầy Hinh nói hôm nay Thầy kiểm tra về cách giải toán chuyển động mà Thầy đã giảng hôm trước. Tôi dốt toán nên rất sợ buổi học hôm nay. Tôi quyết định bỏ học, vội xách cặp vở chạy băng ra đồng theo các bạn con nhà nghèo, đi tát cá.

Hôm nay mát. Bầu trời trong xanh. Hít gió đồng thật thú vị.

Chạy qua một cánh rừng tràm, thấp thoáng bên kia bìa rừng một đồn lính Pháp. Mấy ông Hạ sĩ quan người Pháp đang tập cho những người lính trẻ Việt Nam đi "một hai". Nghĩ sự lười biếng trốn học sẽ đưa mình vào đồn lính, tôi bỏ ý định đi tát cá, chạy vội lại trường.

Chạy qua trụ sở xã tôi thấy nhiều người dân đang chen nhau đọc một thông cáo dán trong một thùng có lưới sắt. Cái thùng dán thông cáo này là nơi mang đến cho dân trong xã mọi thông tin, thường là không vui. Tin Đức gây chiến bên trời Tây, tin phong trào Văn Thân ngoài miền Trung bị dẹp tan, tin về thuế gạo gia tăng... Tôi tự hỏi "Tin gì nữa đây?".

Ông Ân, một nông dân và cậu con 15 tuổi, đang đứng đọc thông cáo nói với tôi: "Đừng vội. Mày đến lớp chưa trễ đâu". Tưởng ông Ân nói khích tôi, tôi không trả lời, vừa chạy đến lớp vừa thở hổn hển.

Ngày thường lớp học bắt đầu ồn ào, đi ngoài cổng trường đã nghe tiếng ghế xê dịch và tiếng nói chuyện lao xao như một đàn ong vỡ tổ. Thầy Hinh thường nhịp nhịp cây thước lên bàn ra lệnh "Im! Im đi các con" . Tôi tính sẽ lợi dụng sự ồn ào đó để lén vào lớp khỏi bị Thầy mắng.

Nhưng hôm nay lớp học im lặng khác thường. Nhìn qua cửa sổ tôi thấy học trò đã ngay ngắn vào chỗ, thầy Hinh kẹp cái thước dưới nách đi qua đi lại nhìn học trò một cách trìu mến. Cứ nghĩ phải mở cửa bước vào lớp tôi run lên.

Nhưng, sau khi tôi mở cửa, Thầy Hinh nhìn tôi bằng đôi mắt hiền từ, bảo: "Về chỗ ngồi nhanh đi con. Xuýt nữa thầy bắt đầu buổi học thiếu con".

Tim bớt đập, tôi ngồi quan sát lớp học. Thầy Hinh hôm nay mặc áo dài đen, quần trắng, mang giày da, bộ áo quần thầy chỉ mặc vào dịp thanh tra, phát phần thưởng hay đi dự đám tang. Cuối lớp nơi hàng ghế thường ngày bỏ trống tôi thấy ông Viên, xã trưởng, ông Công, người chạy công văn xã và vài viên chức xã ăn vận chỉnh tề im lặng ngồi, nét mặt ai cũng trầm tư. Tôi đang thắc mắc chưa biết chuyện gì thì thầy Hinh đã kéo ghế ngồi vào bàn thầy giáo, ôn tồn nói với chúng tôi:

"Các con! Hôm nay là buổi học cuối cùng bằng Việt ngữ. Chính phủ Pháp từ Ba Lê đã ra lệnh rằng: Ngày mai tất cả trường học ở Nam Kỳ bắt đầu dùng tiếng Pháp làm chuyển ngữ. Thầy sẽ đi. Thầy mới của các con ngày mai sẽ tới. Hôm nay thay vì kiểm tra toán chuyển động thầy giảng cho các con về Truyện Kiều của văn hào Nguyễn Du. Các con ráng nghe vì các con không còn dịp nghe giảng Truyện Kiều ở lớp nữa".

Tôi choáng váng. Thì ra hôm nay dân chen chúc xem thông cáo ở xã là vậy. Hôm nay là buổi học bằng Việt ngữ cuối cùng! Tôi bỗng hối tiếc đã bỏ những buổi học chạy theo tổ chim, đầm cá. Tôi hối tiếc thời gian đã mất. Tập văn ghi chép Kiều, ghi chép các giai đoạn lịch sử Việt Nam thường ngày tôi thấy nặng trĩu trên lưng hôm nay tôi cảm thấy quý hiếm như sắp rời xa một người thân. Và thầy Hinh, nghĩ đến Thầy sẽ bỏ chúng tôi ra đi tôi quên hết những hình phạt của Thầy, những chiếc thước nặng nề vào đít mỗi lúc tôi bỏ lớp.

Tội nghiệp thầy Hinh!

Chính vì hôm nay là buổi học cuối cùng Thầy đã ăn mặc như những ngày vui buồn trong thôn xóm và bây giờ tôi hiểu tại sao các viên chức xã có mặt. Họ không có cơ hội đến lớp học này nữa. Họ đến cũng để tiễn biệt và cám ơn thầy Hinh đã ròng rã 40 năm chăn dắt con cái trong làng xã. Họ đến để một lần cuối giã từ nhiệm vụ đối với triều đình.

Đang miên man với những ý nghĩ lộn xộn trong đầu tôi nghe thầy Hinh gọi tên tôi. Thầy bảo tôi đọc một đoạn Kiều. Giờ tập văn tôi tự hỏi làm sao tôi có thể đọc trôi chảy mấy vần thơ lục bát kia. Tôi lắp bắp không thành tiếng, cố gắng đứng thẳng mặt cúi gầm, trái tim nặng trĩu .

Thầy Hinh từ tốn:

"Thầy không mắng con đâu. Sự lúng túng của con đã là một hình phạt cho con. Ngày này qua ngày khác ai cũng tự nhủ: Còn chán thì giờ, ngày mai học muộn gì! Thế rồi con thấy đó, bây giờ muốn học cũng không được quyền học nữa. Còn gì nhục nhã cho bằng người Việt Nam mà không biết Truyện Kiều! Nhưng không phải chỉ một mình con có lỗi. Mọi người đều có phần trách nhiệm của mình. Nhiều gia đình bố mẹ không cho con đi học. Bắt con đi cuốc đất làm thuê đem chút tiền về là tốt. Thầy cũng lắm tội. Khi các con đến thăm Thầy, thay vì giảng bài cho các con Thầy bảo các con đi tưới cây hay nhổ cỏ vườn hoa cho Thầy. Và mùa cá trê Thầy thường kiếm cớ cho các con nghỉ học để đi câu".

Từ chuyện này qua chuyện khác thầy Hinh nói đến tiếng Việt và Truyện Kiều mà Thầy cho là một ngôn ngữ trong sáng nhất và là những vần thơ trác tuyệt nhất thế giới. Thầy nói chúng ta có bổn phận giữ gìn ngôn ngữ. Một dân tộc bị nô lệ mà vẫn bảo tồn được ngôn ngữ của mình thì vẫn còn cầm chiếc chìa khóa nhà tù trong tay.

Rồi Thầy đọc một đoạn Kiều, giảng giải văn phạm, phân tích ngôn từ và ý nghĩa của nó. Thầy Hinh để cả tâm hồn vào đoạn văn như cố đem tàn lực trong buổi học cuối cùng nhồi nhét kiến thức vào đầu óc chúng tôi. Tôi ráng nghe và bỗng thấy thương Thầy và hiểu những điều Thầy nói.

Giảng bài xong thầy Hinh bảo chúng tôi nắn nót chép bốn câu Kiều, và ghi chú ở dưới:

"Truyện Kiều còn, tiếng Việt còn; tiếng Việt còn, nước Việt còn".

Ngoài sân mấy lá cờ tam tài nhỏ tô điểm cho buổi học cuối cùng bay phe phẩy theo gió. Trong lớp im phăng phắc tưởng như có thể nghe được tiếng bút sắt rào rào trên giấy. Trên ngọn cây bên kia sân mấy chú bồ câu đang ghé mỏ gù nhau. Một ý nghĩ khôi hài chợt đến, tôi tự hỏi không biết mấy con bồ câu có hỏi nhau: "Từ nay chúng mình có phải gù bằng tiếng Pháp không?".

Thỉnh thoảng nhìn lên tôi thấy thầy Hinh ngồi nơi bàn thầy giáo, nét mặt ưu tư lướt nhìn lớp học, sân trường và nhìn chúng tôi đang cắm cúi viết như cố thu vào trí nhớ của Thầy khung cảnh hôm nay. Bốn mươi năm Thầy ở trên gác và dạy học tại lớp học này. Học trò đến rồi đi, thỉnh thoảng có đứa trở lại thăm trường, nhưng thầy vẫn ngồi trong khung cảnh quen thuộc này. Khác chăng bàn ghế qua năm tháng nước gỗ láng hơn, mòn hơn. Các cửa sổ được nới rộng để thêm ánh sáng, ống gió được đặt để lấy thêm gió vào lớp học mùa hè, nhưng lớp học vẫn vậy. Ngoài kia là sân cỏ, trên gác là nhà ở của Thầy với người con gái trộng tuổi chưa chồng. Vợ thầy mất đã lâu. Lớp học im lặng, Thầy nghe được cả tiếng đóng vali của cô con gái đang chuẩn bị hành lý. Ngày mai Thầy đi sớm, nhường nhà cho Thầy mới.

Giảng Kiều xong, thầy Hinh bảo chúng tôi mở sách sử. Thầy giảng về các triều đại Trần, Lê, đánh Nguyên, diệt Minh, và ngừng khá lâu với người anh hùng áo vải Quang Trung với trận đánh lẫy lừng nơi gò Đống Đa. Ở cuối lớp, ông Xã trưởng và các chức sắc xã cũng mang kính đọc sử với chúng tôi. Thầy Hinh vận dụng sức mạnh tinh thần để đi đoạn cuối cuộc đời dạy học của Thầy. Giọng thầy run run vì xúc động làm tôi chỉ muốn khóc. Tôi biết rằng tôi sẽ không bao giờ quên được buổi học cuối cùng hôm nay.

Bỗng tiếng chuông chùa Sư nữ trong làng ngân vang báo hiệu giờ thọ trai của các ni sư. Ngoài đường một đoàn lính Tây đi tập trở về đồn với tiếng kèn inh ỏi.

Thầy Hinh đứng dậy, sửa lại vạt áo. Thầy bắt đầu:

"Các con… các con…", rồi giọng Thầy tắc trong cổ không phát thành lời. Để nén nước mắt Thầy cầm một viên phấn màu viết lên bảng đen hai chữ "Việt Nam".

Thầy Hinh gục đầu vào tấm bảng đen, khoát tay ra hiệu bảo chúng tôi ra về.

(Câu chuyện kể lại của một cậu bé Sóc Trăng)

12. Oct.2012

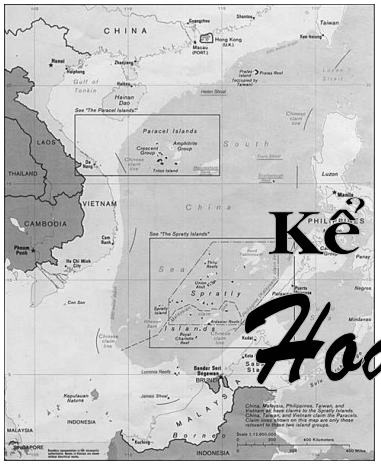

Kể chuyện Hoàng Sa

•Nguyễn Hữu Lễ

Đôi lời phi lộ

Vì đảo Hoàng Sa,

Tôi bỗng trở thành người làm thơ – không phải là thi sĩ – khi tôi hoàn tất tập thơ HOÀNG SA NGẬM KHÚC, dài đúng 132 câu song thất lục bát mà 48 câu đầu tôi viết từ cuối năm 1955 lúc đang công tác trên đảo Hoàng Sa.

Vì đảo Hoàng Sa,

Tôi bỗng trở thành người viết nhạc – không phải là nhạc sĩ - khi bức xúc trước cuộc tranh chấp vô lý ở biển Đông mà đảo Hoàng Sa đã bị chiếm đoạt bằng vũ lực từ tháng 1 năm 1974, tôi làm bản nhạc NHỚ HOÀNG SA. Sau đó thừa thế xông lên, tôi phổ nhạc một số trích đoạn thơ tiêu biểu trong tập Hoàng Sa ngậm khúc, làm thành bản nhạc HOÀNG SA CA KHÚC để đánh dấu ngày đầu của Thiên niên kỷ thứ 3.

Vì đảo Hoàng Sa,

Tôi bỗng trở thành người viết văn – không phải là văn sĩ – khi tôi kể lại theo hồi ức và theo nguyên tắc „nhớ sao viết vậy" những gì tôi đã từng thấy, từng nghe và từng tham gia cùng các sự việc xảy ra trên đảo Hoàng Sa từ giữa tháng 10 năm 1955 đến cuối tháng 2 năm 1956.

Vì đảo Hoàng Sa,

Còn làm tiếp những điều gì nữa cho vùng lãnh hải chịu nhiều đau khổ nầy của đất mẹ Việt Nam, đó là bổn phận và trách nhiệm ngàn đời của các thế hệ mai sau.

(Nguyễn Hữu Lễ)

I- Phần thứ nhất:

Theo thường lệ từ trước đến nay (thời điểm năm 1955) việc liên lạc với đảo Hoàng Sa được thực hiện đều đặn mỗi tháng một lần, và do Hải quân Pháp đảm nhiệm phần chuyên chở. Đến ngày giờ được báo trước, người và hàng hóa tập trung ở bến cảng Hải Quân trên sông Sàigòn, rồi được chuyển xuống một chiếc tàu chiến Pháp. Tàu nầy sẽ khởi hành ngay hôm đó và chỉ 2 ngày sau là đã ra tới đảo.

Riêng chuyến đi của tôi lần nầy lại có phần thay đổi. Hải quân Pháp cho hay là sẽ đón chúng tôi tại bến cảng Đà Nẵng.

Vậy là ngày... tháng 10 năm 1955 tôi và 2 bạn đồng hành là anh Năm Tùng (Nguyễn Văn Tùng) và anh Ba Phúc (Trần Kim Phúc) được đáp máy bay ra Đà Nẵng để đón tàu.

Xin cho tôi được nói sơ qua về 2 anh bạn cùng đi nầy, vì đây là những người cùng sống với tôi trên đảo, luôn luôn dạy bảo chở che, coi tôi như hàng em út. Bởi tuy là đồng nghiệp, nhưng về tuổi nghề các anh thuộc hàng sư phụ, còn về tuổi đời các anh cũng thuộc hàng cha chú, vì người nào cũng ngấp nghé tuổi bốn lăm, trong khi tôi chỉ mới vừa tròn 20 tuổi.

Chở chúng tôi ra Đà Nẵng hôm ấy là một chiếc Dakota 2 động cơ cánh quạt của hãng Hàng Không Việt Nam, loại phi cơ đa năng và khá an toàn lúc bấy giờ. Nhưng vừa bay được gần 30 phút, bỗng nhiên máy ngưng nổ, cánh quạt ngừng quay. Một sự im lặng đột ngột bao trùm khắp phi cơ. Tôi ngạc nhiên nhìn chung quanh, thấy khoảng ba mươi hành khách đều ngồi im bất động, không có phản ứng nào. Luôn cả 2 bạn của tôi cũng nhắm mắt ngủ ngon lành. Thậm chí 3 nhân viên phi hành đoàn trong buồng lái cũng ung dung với những thao tác kỹ thuật thường lệ như không chuyện gì xảy ra. Qua các đám mây bay phớt ngoài cửa sổ, tôi có cảm giác như máy bay đang mất dần cao độ. Một giây lúc nầy đối với tôi dài bằng 1 thế kỷ.

Nhưng may quá, có tiếng khởi động máy, các cánh quạt khẽ nhúc nhích, một luồng khói trắng phun mạnh ra sau đuôi động cơ, rồi tiếng máy bắt đầu nổ vang rền, 2 cánh quạt quay tít. Hú vía.

Lúc nầy anh Ba Phúc mới nghiêng đầu qua vai tôi, nói nhỏ:

- Có biết cái gì đó không, nhỏ ?
- Gì vậy ?
- Trour d'air đó (lỗ hổng không khí).

Hiện tượng nầy tôi từng có nghe qua. Nhiều nhứt là ở cuối dãy Trường Sơn, không khí nhiễu loạn vì bị mất độ cao đột ngột, nên dễ phát sinh ra, gây một trở ngại nhứt định cho phi cơ cánh quạt.

II- Phần thứ hai :

Những ngày sau đó, chúng tôi trở thành du khách bất đắc dĩ của bến Đà Nẵng. Chúng tôi thuê xe con vượt chiếc cầu sắt dài bắc ngang sông Hàn, lúc đó có tên là cầu De Lattre, qua bán đảo Sơn Trà đi thăm Ngũ Hành Sơn. Người lái xe vui vẻ trở thành hướng dẫn viên, dẫn chúng tôi leo lên vài ngọn núi, thăm Bàn cờ tiên, thăm Vọng hải đài, Vọng giang đài.

Đến ngọn Thủy Sơn, có một sự trùng hợp lý thú. Hôm đó cũng là ngày khánh thành tượng Phật Tổ trong Huyền Không Động, nên tứ phương Phật tử tề tựu rất đông. Bộ vó người Sàigòn của chúng tôi khiến Ban tổ chức quan tâm, mời lên đứng hàng trên, trao cho mỗi người một cây nhang để lên vái Phật. Thật vô cùng vinh hạnh.

Khi vào sâu trong động, ngắm nhìn những hình vật sinh động do nhũ đá tạo thành, chúng tôi được thưởng thức dòng nước mát lạnh từ một vú đá chảy ra. Người ta cho biết kế bên cũng có một vú đá từng chảy nước. Nhưng từ khi vua Thành Thái trong một lần thăm động, để chạm tay vào, vú không còn chảy nước nữa.

Các ngày kế tiếp chúng tôi thường xuyên đến bãi biển Thanh Bình. Nơi đây có chỗ đánh bóng bàn là môn thể thao ruột của chúng tôi mà anh Năm Tùng là một danh thủ của Hội Bóng Bàn Cây Quéo (Gia Định).

Chúng tôi đấu giao hữu với một số thanh niên địa phương. Nổi bật hơn cả là một thanh niên dong dỏng cao, tánh tình khiêm tốn dễ mến, nhưng có những

đường banh chính xác đầy kinh nghiệm, khiến chúng tôi nhiều phen thúc thủ. Sau hỏi ra mới biết đó là anh Vũ Đình Nhạc, đương kim Vô địch Bóng bàn miền Bắc, vừa mới vào Nam.

Từ bãi biển Thanh Bình nhìn lên đỉnh đèo Hải Vân cao vút, vài vành mây trắng vắt ngang trông rất nên thơ. Tôi bỗng cao hứng rủ các anh vượt đèo Hải Vân một chuyến vì đây là dịp may hiếm có. Nhưng anh Năm Tùng cản lại, cho biết tàu Pháp chỉ ghé bến có 4 tiếng đồng hồ thôi, không được đi chơi xa. Hơn nữa đã 6 ngày rồi, chắc tàu cũng gần đến.

Thật vậy, trưa hôm sau tàu cặp bến. Chúng tôi phải lên tàu lúc 4 giờ chiều.

Xách va-ly bước xuống tàu, nhìn lại sau lưng, cảm thấy bến cảng Đà Nẵng quá đỗi thân thương quyến luyến vì chỉ lát nữa đây, tàu nhổ neo rời bến là ngàn trùng xa cách. Lòng chợt nghe nao nao xúc động, gợi nhớ một câu trong „Quốc Văn Giáo Khoa Thư": - Ôi, cảnh biệt ly sao mà buồn vậy !

III- Phần thứ ba

Đón chúng tôi ra đảo là một tàu chiến Pháp hình thù khá lạ, mũi nhọn đuôi nhọn, sơn màu đem xám, bên hông đắp nổi hàng chữ: „Contre torpilleur XX". Thì ra đây là chiếc Diệt Ngư Lôi hạm.

Đoàn chúng tôi được tăng cường 3 người nữa là anh Năm Mến nhân viên phục vụ hậu cần và 2 chuyên viên bảo trì máy vô tuyến. Hai anh nầy ra để điều chỉnh một máy truyền tin mới lắp đặt trên đảo, rồi quay về ngay chứ không ở lại.

Sau khi hành lý cùng hàng hóa khá nhiều, trong đó có cả 2 sọt tre chứa 30 con vịt, được các thủy thủ bạn đưa lên boong tàu, phủ kín bằng 2 lớp vải bạt, ràng buộc thật cẩn thận, chúng tôi được đưa đi giới thiệu nơi ăn chốn ở trên tàu.

Trong buổi ăn chiều, chúng tôi được phát 2 viên thuốc say sóng và thuốc ngủ vì có một áp thấp nhỏ trên đường ra đảo, biển sẽ động khá mạnh.

Chúng tôi lần mò về đến chỗ ngủ lúc gần 7 giờ tối. Tàu cũng khởi hành ngay sau đó.

Khoảng một tiếng đồng hồ sau, tàu bắt đầu nhồi sóng, run lắc dữ dội, trồi lên hụp xuống, càng lúc càng mạnh, làm cho chúng tôi, những người lần đầu đi biển, biết thế nào là thảm trạng say sóng.

Có một văn sĩ đã tả cảnh nầy cách ngắn gọn bằng 4 chữ „thà chết sướng hơn". Thật đúng thay, chúng tôi đã trải qua một đêm kinh hoàng „thà chết sướng hơn". Mãi đến gần sáng mới chợp mắt được một lúc, có lẽ do tàu bớt nhồi sóng, do hiệu quả của mấy viên thuốc ngủ và cũng do cơ thể đã rã rời.

Tuy nhiên trong giấc ngủ chập chờn, tôi còn nghe anh Ba Phúc thét lên trong cơn mê sảng:

- Naufrage, naufrage! (Tàu chìm, tàu chìm!)

IV- Phần thứ tư

Tàu đến đảo lúc hơn 6 giờ sáng. Điều ngạc nhiên là đã có một tàu chiến khác đến trước và đậu cách xa khoảng vài trăm mét. Tàu nầy to lớn đồ sộ và đẹp hơn nhiều, có 2 ống khói thật to ở giữa, có vóc dáng của một tuần dương hạm, bên hông vàng rực hàng chữ „Dumont d'Urville".

Lúc nầy vị Hạ sĩ quan thường vụ mới bật mí nói chuyện:

- Đây là hải trình cuối cùng của 2 tàu nầy trong vùng biển Đông Á. Sau đó chiếc Diệt lôi hạm được điều về hoạt động ở Phi Châu. Còn chiếc Dumont d'Urvilloe phải quay về Pháp, vào nằm ụ ở quân cảng Nante, chờ ngày thái ra bán sắt vụn, vì tàu đã lỗi thời và đã hết thời hạn sử dụng.

Do đó 2 Thuyền trưởng cá độ với nhau, 1 chiếc chở lính từ vịnh Cam Ranh, 1 chiếc khởi hành từ Đà Nẵng, chiếc nào đến sau phải chịu thua một chầu nhậu ở Hồng Kông.

Chắc vì lẽ đó mà chiếc Diệt lôi hạm mới chạy hết tốc độ, bất kể sóng to gió lớn, cho chúng tôi một đêm nhớ đời „thà chết sướng hơn".

Lúc nầy, tàu đậu ở phía Đông của đảo Hoàng Sa. Thủy triều đang xuống thấp, bãi cát trắng tinh như trải rộng ra phơi mình dưới ánh nắng ban mai. Phía trên là một rừng cây thấp xanh mướt, cao khoảng 3 mét, bao trùm khắp đảo, vẫn còn vẻ nguyên thủy, hoang sơ.

Nhìn vào đảo, tôi thấy có một cầu tàu bằng xi-măng, đã bị gãy làm đôi, phần đầu còn nguyên vẹn khá tốt, phần đuôi nằm chúi xuống bãi cát sâu. Có một con đường khá rộng từ cầu tàu chạy sâu vào giữa đảo.

Nằm ở phía Nam, cách Hoàng Sa khoảng 5 Km, là một hòn đảo khác, rộng chừng 2/3 đảo Hoàng Sa, cũng một dáng vẻ như nhau: bãi cát trắng phau viền quanh, rừng cây thâm thấp bao trùm khắp. Đó là đảo Hữu Nhật (Robert).

V- Phần thứ năm

Thủy triều còn xuống thấp, chắc phải quá trưa mới lên đảo được. Sau cử cà-phê sáng, chúng tôi được mời lên thăm tàu Dumont d'Urville. Được mời như cởi mở tấm lòng, tất cả chúng tôi đều hăm hở leo xuống ca-nô.

Qua đến nơi mới thấy được tàu nầy hùng vĩ tráng lệ, rộng rãi, các phòng đều ngăn nắp sạch đẹp. Sau khi đi thăm khắp tàu, từ phòng máy, phòng ăn, phòng ngủ, đến phòng chỉ huy, chúng tôi được mời ở lại dùng cơm trưa. Trong lúc chờ đợi, chúng tôi cùng một số lính lê-dương trên tàu, vào thăm phòng lưu niệm, kế đó là nơi bán hàng miễn thuế. Mọi người Tây cũng như Ta đều chiếu cố nồng nhiệt nơi nầy.

Anh Năm Tùng mua khăn lông, xà-bông Cadum. Tôi mua một chai dầu thơm. Còn anh Phúc thì cặp nách một chai rượu cỏ-nhác (Cognac). Anh còn khoe:

- Nhỏ biết hông, cái loại Bisquit vô chai tại Pháp nầy, thơm nồng mà dịu lắm, chớ không „hổn" như Whisky Mỹ đâu.

(Mãi gần 20 năm sau, tôi mới biết Dumont d'Urville là chiếc tàu từng đưa Hồ Chí Minh dự hội nghị Fontainebleau, từ Pháp đến Hải Phòng và tổ chức ký kết vài văn bản quan trọng trong thời kỳ đầu kháng chiến chống Pháp).

VI- Phần thứ sáu

Sau bữa ăn trưa khá thịnh soạn do chiếc Dumont d'Urville khoản đãi, chúng tôi hối hả quay về tàu cũ. Thủy triều đang lên, chiếc Diệt lôi hạm đậu gần bờ hơn, hành lý và hàng hóa đã được chuyển lên bờ.

Có một sự cố nhỏ xảy ra là một sọt tre đựng 15 con vịt bị sút đáy, rơi bầy vịt xuống biển. Nhưng các thủy thủ đã khéo léo giải quyết bằng cách dùng ca-nô nhỏ chèo tay, chở sọt vịt còn lại, bơi nhè nhẹ đến gần bầy vịt rồi hướng dẫn cho tất cả lội vào bờ an toàn.

Tôi đặt chân lên đảo với tâm trạng lâng lâng khó tả. Chỉ anh Năm Mến là người Đà Nẵng, còn tất cả người cũ cũng như mới đến đều là nhân viên Khí tượng Sàigòn, quen biết từ trước, nên gặp nhau tay bắt mặt mừng rất ồn ào vui nhộn.

Thời gian không nhiều, chúng tôi nhanh chóng bàn giao các công tác chuyên môn, cũng như chỉ dẫn cách sinh hoạt đặc thù trên đảo. Mọi chuyện thắc mắc, có anh Hai Lâm là người cũ còn ở lại sẽ hướng dẫn sau. Cuộc bàn giao lẫn hàn huyên tâm sự tiếp tục kéo dài. Đến lúc 2 chuyên viên kỹ thuật hoàn tất công việc chuyên môn của mình thì trời đã ngã về chiều.

Bỗng một hồi còi từ chiếc Dumont d'Urville vang rền khắp đảo báo hiệu đến lúc chia tay. Tất cả hối hả kéo nhau ra cầu tàu. Lại một cuộc tiễn đưa. Còn đang bịn rịn bắt tay nhau, thì 2 hồi còi nữa vang lên như thúc giục. Những người ra đi vội vã leo xuống chiếc ca-nô chót. Đứng trên boong tàu, các anh còn đưa tay vẫy vẫy. Đứng chôn chân dưới cát, chúng tôi cũng vẫy vẫy theo. Tàu nhổ neo, từ 2 ống khói cuồn cuộn tuông ra 2 luồng khói trắng. Sau 3 hồi còi dài như khuấy động lần cuối không gian buồn lặng của vùng hải đảo xa xôi, tàu quay mũi trực chỉ hướng Tây, trước chậm, sau nhanh, xa dần. Tôi đứng ngơ ngẩn trông theo cho đến lúc chỉ còn thấy 2 vệt khói nhỏ mong manh tận đường chân trời. Mọi người đã quay về từ lâu, chỉ còn một mình tôi trên bãi vắng, lúc hoàng hôn đang dần tắt.

Tàu đi rồi, mặt biển trở nên trống vắng lạ thường. Lòng tôi càng cô đơn, càng trống vắng hơn cả mặt biển chiều hôm. Bước thấp bước cao trở về nhà, lòng buồn rười rượi, gợi nhớ lại câu hát ru em lúc nhỏ ở quê nhà:

„Tàu súp-lê một còn thương còn nhớ
Tàu súp-lê hai còn đợi còn chờ
Tàu súp-lê ba tàu ra biển bắc
Tay vịn song sắt nước mắt chảy ròng ròng"

Vâng, chẳng biết lúc nào 2 khóe mắt bỗng nghe ươn ướt. Dù sao, tôi mới vừa tròn 20 tuổi, mà đây là lần xa nhà đầu tiên của đời tôi.

VII- Phần thứ bảy

Tới đây, tôi xin sơ lược qua mọi khía cạnh của đảo Hoàng Sa, trước khi kể những sự việc xảy ra trên đảo.

Đảo Hoàng Sa nằm dưới vĩ tuyến 17 cách Đà Nẵng ngót 350 Km, hình thon dài như quả trám, nằm vắt ngang trên biển theo hướng Đông Đông Bắc qua Tây Tây Nam, nhưng cứ kể là hướng Đông-Tây cho dễ nhớ.

Như các đảo san hô khác trên biển Đông, vòng quanh đảo, phía dưới là bãi cát trắng phau kỳ diệu, phía trên là táng rừng thâm thấp nhưng dày đặc xanh mướt quanh năm.

Sau nhiều lần nằm lăn lộn trên bãi cát, tôi nghiệm thấy 2/3 cát ở đây là loại san hô hóa thạch nát vụn ra nên to nhỏ không đều. Do tác động của thủy triều, bãi biển hướng Nam cát mịn như bột, còn những hướng khác, hạt cát to hơn. Nhưng tất cả, vì gốc là san hô, nên có màu trắng tinh khiết mà không bãi biển nào trên đất liền có được.

Dưới mực nước sâu cỡ 1 mét trở đi, là những tảng đá san hô, lớn cỡ mặt bàn viết hoặc hơi nhỏ hơn. Dấu vết của những cành san hô vẫn còn hiện rõ trên từng tảng đá mồ côi nầy.

Nhờ sức ép của nước, một người bình thường cũng lật ngược được tảng đá lên, để tìm bắt ốc bông, một loại ốc láng đẹp giống hình nắm đấm của bàn tay, trên lưng có nhiều chấm nâu đen (ốc Porcelaine). Cả mấy trăm tảng đá mồ côi nằm rải rác quanh đảo là những cái bẫy trời cho để chúng tôi mỗi lần đi tắm biển, lật vài tảng đá là tìm được một mớ ốc đẹp, đem về dành tặng người thân.

VIII- Phần thứ tám

Đến thời điểm nầy mặt đảo vẫn còn bằng phẳng, không có dấu vết đào bới nào đáng kể. Ngoài những khoảng trống của đường đi và nhà cửa, phần còn lại vẫn xanh mướt những táng rừng cây thấp, không quá 3 mét chiều cao. Loại cây nầy, sách Pháp ghi là cây „Phoaphate", còn ta, thực tế hơn gọi là cây Phong Vũ vì đặc tính dẻo dai của nó, phát triển tươi tốt quanh năm, bất kể nóng lạnh, nắng mưa hay giông bão. Một đặc tính quí nữa, cành khô của nó là nguồn chất đốt vô tận và rất tốt, cho nhiều nhiệt lượng, than của nó đượm và lâu tàn như than đước Cà Mau.

Nằm ở phía Đông, cầu tàu xây bằng xi-măng, tuy bị gãy đôi, nhưng phần còn lại vẫn sử dụng được.

Vừa bước lên bờ, về phía tay phải, cách bìa đảo khoảng 5 mét là bia chủ quyền bằng xi-măng, hình trụ vuông vức, cao cỡ 1 mét, đáy rộng 3 gang tay, đầu trên cỡ 2 gang tay. Bia do người Pháp thiết lập, nên 4 mặt đều ghi bằng tiếng Pháp, tuần tự như sau:

- Empire d'Annam
- Archipels des Paracels
- Iles de Pattlé
- 1938

(Pattlé là tên người Pháp gọi đảo Hoàng Sa).

Một con đường chính khá rộng chạy sâu vào khoảng 2/3 chiều dài của đảo thì ngưng. Cuối đường nầy còn dấu vết của một trụ đèn biển bằng sắt khá lớn, nhưng hiện giờ chỉ là một đống sắt vụn nằm gục bên đường.

Vậy là trong thời điểm nầy, đảo không có một trụ đèn biển nào cả.

Con đường chính, chia đảo ra làm 2 phần, không đều nhau.

Phần phía Bắc, chỉ khoảng 1/3 phần phía Nam, còn rất nguyên sơ, cây rừng dày đặc. Mỗi lần cần vạch đường đi tắt ra bãi biển, tôi với anh Năm Mến thẳng tay chặt bỏ những cành cây cản đường. Thời gian sau quay lại, chúng tôi kéo về được một mớ cành khô để làm chất đốt.

Phần phía Nam, khoảng gần giữa đảo là đồn lính, gồm 2 dãy nhà, 1 dài 1 ngắn và 1 lô-cốt hình tròn, cao 2 tầng, đường kính khoảng 2 mét. Quanh đồn là một hàng rào cây xanh rậm rạp, đứng ngoài khó nhìn được những hoạt động bên trong.

Kế đó là một con đường nhỏ theo hướng Bắc-Nam, cắt ngang đường chính. Đường nầy rất tiện cho chúng tôi đi ra bãi biển Bắc cũng như Nam.

IX- Phần thứ chín

Ngay trung tâm đảo, cách đường chính một khoảng sân rộng hơn 20 mét, là tòa nhà Ty Khí Tượng. Nhà nầy rất vững chắc và khá rộng.

Mặt trước là các phòng làm việc, phòng tiếp khách, phòng lưu trữ hồ sơ và các vật dụng linh tinh. Mặt sau là

các phòng ngủ của nhân viên, nhà bếp, phòng ăn và kho chứa lương thực.

Vòng quanh nhà là một hành lang rộng 2 mét, có lan-can gạch cao 1 mét. Mỗi sáng chỉ cần chạy vòng theo hành lang nầy 2 vòng là đã rươm rướm mồ hôi.

Nóc nhà được đúc chắc chắn, có phủ một lớp gạch tàu hình vuông màu đỏ, độ hơi nghiêng vừa phải, chúng tôi có thể sử dụng như một sân thượng.

Toàn bộ nền nhà, phần nhô lên khỏi mặt đất 1 mét, phần âm sâu dưới đất cũng cỡ đó, là hồ chứa nước mưa khá lớn, đủ nước cho chúng tôi xài thoải mái quanh năm. Bên trái, cách 10 mét là dãy nhà kho 4 căn, dùng chứa 2 chai sắt đựng khí Hydro dành bơm bong bóng cho việc đo gió trên cao, chứa các thùng hóa chất tạo khí Hydro, xăng, dầu và 2 máy điện nhỏ 2 HP. Căn cuối cùng hơi rộng hơn là một lò nướng bánh mì.

Nghĩ cũng trớ trêu, mình ăm cơm thì có lò nướng bánh. Còn Tây ăn bánh mì lại không có lò nướng. Nên cứ vài ngày, Tây lại qua mượn chìa khóa lò nướng, rồi sau đó là „lại quả" cho chúng tôi, khi 5 ổ, khi 10 ổ bánh mì. Tuy chỉ là loại bánh „săn đá", nhưng cũng cho chúng tôi vài buổi điểm tâm thịnh soạn như ở Sàigòn.

Đối diện với Ty Khí Tượng, cách một khoảng sân rộng và nằm bên kia đường chính, cũng có một dãy nhà kho 4 căn, nhưng từ lâu không sử dụng nên cây cối mọc đầy, có vẻ hoang phế âm u.

Giếng nước duy nhất trên đảo, nằm bên hông nhà kho nầy. Miệng giếng tròn được xây gạch lên cao cỡ nửa mét, một tấm „đan" mỏng đậy lên trên. Tôi và các bạn có uống thử nước giếng. Tuy không thơm ngọt như nước mưa, nhưng nếu cần có thể sử dụng được.

Ở 4 hướng chính, sát bờ biển là 4 lô-cốt ngầm. Tất cả đều nằm sâu dưới đất, hình tròn, đường kính cỡ 3 mét. Một người cao trung bình đứng thẳng lưng thì tầm mắt vừa ngang lỗ châu mai hẹp nhưng dài, quan sát được 1 vùng biển rộng. Hầm xây cất không khéo, không đẹp, nhưng rất kiên cố, vách cũng như nóc, bề dày hơn nửa mét.

Trên nóc hầm có hàng chữ số 1945. Có lẽ do lính Nhật xây vội vã trong thời gian ngắn ngủi trấn giữ đảo.

Nằm sát bìa đảo, hướng Tây-Nam là một nghĩa trang nhỏ, tự nhiên là rất hoang vắng đìu hiu, có 7 ngôi một đấp bằng đất cát sơ sài. Có một bia bằng ván dầy, chắc loại danh mộc nên còn khá nguyên vẹn. Tên tuổi người quá cố được đục khắc sâu trên gỗ, còn đọc được là 2 ngôi mộ nam và 5 mộ nữ, tuổi còn quá trẻ; nam chưa quá 30, nữ trên dưới 20, đều quê quán Quảng Nam – Đà Nẵng.

X- Phần thứ mười

Nhắc đến các công trình xây dựng trên đảo mà không nói đến Miếu Bà là một thiếu sót lớn.

Miếu nằm ở cuối phía Tây của đảo, chính xác là hướng Tây Tây Nam, được xây đúc đơn sơ nhưng cao ráo vững chắc, hình vuông, mỗi cạnh gần 3 mét, cửa miếu trông thẳng ra bãi biển.

Trong miếu thờ một tượng Bà bằng đá xanh đen, cùng một loại đá với các tượng Chàm trong Bảo Tàng Đà Nẵng. Tượng cao khoảng 1,50m, chạm trổ rất tinh vi. Thật đáng khâm phục cho nhà chạm khắc tài hoa nào ở các thế kỷ trước, tạo nên pho tượng sắc sảo nầy. Khuôn mặt là một phụ nữ Châu Á, mũi thấp, môi trái tim, cằm chẻ, 2 gò má bầu bĩnh phúc hậu.

Lạc mùa

Gác tay lên bóng nắng
quờ quạng tìm trái tim
nắng chói cuộc tình muộn
sao nỗi buồn lặng im !

Dựa lưng vào bóng tối
nụ cười em nơi đâu
hoa xuân chưa kết nụ
mùa đông rụng trên đầu

Bàn chân giờ ngơ ngẩn
ngõ cũ từ phương nào
câu hỏi đắng đầu lưỡi
bờ ngày đầy chiêm bao

Ơi mùa thu khập khiểng
cõng mùa hạ về đồng
hoa cúc chạy vàng giậu
nặng đôi bàn tay không

Pha chút sầu vào nhớ
vị ngọt nụ hôn xưa
dòng thơ trôi vụng dại
chìm theo chiều thu mưa

• mạc phương đình

Về sự tích miếu Bà, tôi có nghe anh Năm Mến kể lại, bởi thời đó ở Đà Nẵng rất nhiều người biết rõ chuyện nầy.

Trong lúc xây dựng các công trình trên đảo, sau một đêm biển động, bỗng có một pho tượng đá trôi tấp vào bãi biển nầy. Thấy tượng đẹp, người Pháp muốn đem về đất liền. Khi tàu ra chở thì bị sóng to gió lớn nên chưa thực hiện được.

Bỗng có một công nhân lên đồng, xưng là Nữ Thần trấn giữ biển nầy, phải lập miếu thờ tại nơi ta đến. Sau đó trước áp lực và nguyện vọng chính đáng của công nhân, người Pháp cho xây dựng miếu thờ Bà.

Vậy là từ đó, có nơi cúng vái, chỗ dựa tinh thần của mọi người trên đảo.

Những ngày rằm, mùng một, chúng tôi đều nấu chè cúng Bà, coi như một sinh hoạt thường kỳ. Mỗi người tự bưng phần chè của mình, thường là đậu xanh nấu đường, đựng trong một cái ca to cỡ 1 lít, bằng sắt tráng men. Riêng anh Năm Mến còn xách theo một ấm nước trà. Mỗi người tự đặt chè lên bàn thờ rồi đốt nhang xì xụp khấn vái. Sau đó, cùng ra ngồi trước Miếu, trên một sân xi-măng bóng láng, rộng cỡ 4 mét mỗi cạnh, vừa thưởng thức chè với nước trà nóng, vừa nhìn về hướng đất liền, ước lượng hướng nầy là Đà Nẵng, hướng nầy là Sàigòn cho đỡ nhớ nhà, rồi cũng vừa nhắc lại vài huyền thoại linh thiêng của Bà.

(còn tiếp)

Những điều cần biết về chế độ lưỡng đảng

Bài của Gs. **Nguyễn Đình Tuyến**
Đặc biệt viết cho báo Viên Giác.
☸

Trong bài này chúng ta sẽ tìm hiểu những vấn đề liên hệ đến chế độ lưỡng đảng:

- Hệ thống lưỡng đảng là gì? Hệ thống lưỡng đảng khác với hệ thống đa đảng ở chỗ nào?
- Lý thuyết chống đối thành thật trong hệ thống lưỡng đảng và nguyên lý kiểm soát và quân bình trong hệ thống lưỡng đảng.
- Chủ trương của Đảng Dân Chủ và chủ trương của Đảng Cộng Hòa, các cuộc bầu cử sơ bộ trực tiếp trong hệ thống lưỡng đảng.
- Lãnh tụ của đảng đắc cử, nhiệm vụ và quyền hạn của Lãnh tụ Đảng trong trọng trách Tổng Thống.
- Phân tích tinh thần lưỡng đảng, những sự thực liên hệ đến lưỡng đảng ở Hoa Kỳ, cuộc chiến đấu không ngừng của lưỡng đảng, những ưu thế của chế độ lưỡng đảng và sự khác biệt giữa hai đảng.
- Ảnh hưởng của các đảng phái chính trị, sự quan trọng của các đảng nhỏ và vai trò của truyền thông đại chúng trong chế độ lưỡng đảng.

Hệ thống Lưỡng Đảng là gì ?

Sự phân chia cử tri ra làm hai chính đảng lớn đưa đến việc loại bỏ các đảng nhỏ trong việc tranh cử với hai đảng lớn hoặc trong việc chia xẻ quyền hành về chính trị. Việc đó cũng chỉ định chế độ của một quốc gia trong đó hai chính đảng lớn tranh cử trên căn bản bình đẳng. Tuy nhiên cũng có thể có đảng thứ ba và các đảng nhỏ khác tranh nhau trong tất cả các cuộc tranh cử mà phần thắng chắc chắn chỉ dành cho một trong hai đảng lớn mà thôi.

Chế đệ lưỡng đảng là chế độ có truyền thống lâu đời ở Anh Quốc, chế độ này cũng tìm thấy tại các quốc gia trong khối Thịnh Vượng Chung (của Anh Quốc) và tại Hoa Kỳ.

Truyền thống lưỡng đảng bắt đầu từ quan niệm nhìn các sự kiện hoặc là trắng hay đen, đúng hay sai, yếu hay mạnh. Chế độ lưỡng đảng trong quá khứ tại Hoa Kỳ đã từng bị thách thức bởi đảng phái thứ ba hay các ứng cử viên độc lập.

Những người ủng hộ chế độ lưỡng đảng nhấn mạnh rằng nó bảo đảm việc bầu cử một chính phủ của đa số, trong lúc đó dành cho đảng thất cử của thiểu số quyền đối lập hữu hiệu và kiểm soát đảng đắc cử. Những người chủ trương chế độ lưỡng đảng cũng cho rằng hệ thống đó làm giản dị hóa sự lựa chọn của cử tri và luôn luôn đem đến một chính phủ ổn định như lịch sử đã chứng minh tại Anh Quốc và Hoa Kỳ là những nơi không có các cuộc đảo chính bằng vũ lực. Những người chống lại chế độ lưỡng đảng cho rằng lưỡng đảng tạo ra một đa số giả tạo, làm thu hẹp sự lựa chọn của cử tri và cử tri chỉ còn có hai đường lối phải quyết định, trong lúc đó thì chế độ lưỡng đảng loại bỏ các đảng nhỏ và các nhóm đại biểu khác trên chính trường.

Hệ thống đa đảng là gì ?

Là một hệ thống bầu cử đòi hỏi sự liên kết của nhiều đảng phái để có đa số thành lập chính phủ. Hệ thống đa đảng đặc biệt tìm thấy ở các quốc gia dân chủ Tây Âu hiện nay. Hệ thống đa đảng khác với hệ thống lưỡng đảng của Hoa Kỳ thắng trong cuộc bầu cử Tổng Thống chẳng hạn, thì „đảng thắng ăn trọn" (winner takes all), có nghĩa là đảng đắc cử có toàn quyền lựa chọn các đảng viên trong đảng để trao cho những chức vụ hành chánh hay chính trị.

Hệ thống dân chủ đa đảng có khuynh hướng chấp nhận đa nguyên, trong lúc hệ thống dân chủ lưỡng đảng chỉ chấp nhận lưỡng nguyên. Cái lợi của đa nguyên là có đông đủ đại diện của các nhóm. Nhưng cái lợi đó cũng là cái yếu kém của nó. Bởi vì một chính phủ liên hiệp đa nguyên, trong căn bản là một chính phủ bất ổn, dễ dàng sụp đổ khi mà các nhóm hay đảng phái tham dự chính phủ liên hiệp có bất đồng lớn về một vấn đề hệ trọng nào đó. Nước Pháp chẳng hạn trong vòng mười hai năm, đã có hai mươi chính phủ liên hiệp trong thời kỳ Đệ Tứ Cộng Hòa. Ở Ý, sau đệ nhị thế chiến, chính phủ còn thay đổi với nhịp độ nhanh hơn là của Pháp trong thời kỳ nói trên.

Dân tộc Hoa Kỳ đã loại bỏ chế độ dân chủ đa nguyên đa đảng để chỉ chấp nhận chế độ đa nguyên với lưỡng đảng là Đảng Cộng Hòa và Đảng Dân Chủ.

Sự thất bại của tỷ phú Perot trong cuộc tranh cử Tổng Thống chứng tỏ tổ chức đảng mới giúp đắc cử, chứ không phải có tiền bạc, mua nhiều giờ ở đài truyền hình, phát thanh, mua nhiều bài báo mà có thể đắc cử Tổng Thống được.

Hệ thống dân chủ đa nguyên lưỡng đảng cũng có cái lợi là tại mỗi địa phương, tiểu bang, quận, thành phố cũng chỉ có hai lực lượng chính trị thật sự nắm quyền hành chính trị, thực sự kiểm soát lẫn nhau để tránh những lạm quyền và lạm dụng. Câu ngạn ngữ Việt Nam „nhiều thầy thối ma" có thể áp dụng vào chế độ đa nguyên và đa đảng.

Lý thuyết chống đối thành thật trong hệ thống lưỡng đảng

Đó là lý thuyết của đảng không nắm được chính quyền trong hệ thống dân chủ lưỡng đảng. Ở Anh, dân chúng chính thức thừa nhận người lãnh tụ chống đối thành thật với Nữ Hoàng (Leader Of Her Majesty's Loyal Opposition). Hiện nay là đảng Lao Động và một Nội Các Trong Bóng Tối (Shadow Cabinet) được thiết lập bởi đảng Lao Động và sẽ trở thành chính phủ nếu đảng này chiến thắng trong cuộc tranh cử với đảng đang cầm quyền là đảng Bảo Thủ. Quan niệm chống đối thành thật giúp cho đảng không nắm được chính

quyền trong hệ thống dân chủ có quyền phê bình đảng đa số đang lãnh đạo chính phủ, giúp cho đảng không nắm được chính quyền đưa ra các đề nghị thay đổi một cách khách quan mà không phải sử dụng các phương tiện bất chánh để phá hoại các chương trình của đương kim chính phủ.

Trong nền dân chủ, vai trò của chống đối thành thật rất là quan yếu cho sự thành công trong việc điều hành của chính phủ. Dân chủ trưởng thành trong phê phán và phát triển trước những đề nghị thay đổi hợp lý. Tuy thế, chống đối thành thật phải chấp nhận vai trò lãnh đạo của đảng đa số để đảng này hoạt động như là một chính phủ hợp pháp và phải chấp nhận các quyết định về chính sách quốc gia mà đảng cầm quyền đã được cử tri ủy thác. Ở Hoa Kỳ, nguyên lý phân quyền có thể đưa đến lẫn lộn trong sự quyết định xem đảng nào trong lưỡng đảng đóng vai trò chống đối thành thật khi mà Tổng Thống là của đảng Cộng Hòa và Quốc Hội có đa số là đảng viên Dân Chủ. Chống đối thành thật sẽ rõ rệt khi mà một đảng nắm cả quyền Hành Pháp và có đa số ở Quốc Hội Lập Pháp.

Bill Clinton đã đắc cử trong cuộc bầu cử Tổng Thống tháng 11.1993 và đảng Dân Chủ vẫn tiếp tục chiếm đa số ở Quốc Hội Lưỡng Viện, do đó đảng Cộng Hòa của George Bush sẽ đóng vai trò *„Chống Đối Thành Thật*" để phê phán đảng Dân Chủ là đảng nắm cả quyền Hành Pháp và Lập Pháp trong những năm 1993-1997.

Kiểm soát và quân bình trong hệ thống lưỡng đảng

Một nguyên tắc chủ yếu của hệ thống chính quyền Mỹ là mỗi Bộ trong chính phủ phải kiểm soát các hoạt động của các Bộ khác. Nguyên tắc này được áp dụng không những giữa các ngành Lập Pháp, Hành Pháp và Tư Pháp mà cũng còn giữa hai viện Lập Pháp và giữa các bang và chính quyền quốc gia. Mỗi Bộ có một số uy quyền để kềm chế các hoạt động chức năng của những Bộ này. Các thí dụ gồm có quyền phủ quyết của Tổng Thống và của Quốc Hội là quyền không chịu tuân theo sự phủ quyết, quyền của Tư Pháp duyệt lại các hoạt động của Lập Pháp và Hành Pháp, quyền Tổng Thống bổ nhiệm các Thẩm Phán có sự thỏa thuận của Thượng Viện, và quyền buộc tội Tổng Thống của Quốc Hội.

Qua các phương cách kiểm soát và quân bình khác nhau, những nhà soạn thảo Hiến Pháp đã tìm cách ngăn ngừa việc tập trung tất cả quyền lực vào một ngành, hoặc vào một hay nhiều người, bằng cách cho mỗi người quyến ngăn chận việc xâm phạm quyền kẻ khác. Hệ thống kiểm soát và quân bình nhấn mạnh đến việc phụ thuộc lẫn nhau (thay vì phân quyền tuyệt đối) của các cơ quan khác nhau của chính quyền và sự cần thiết phải thỏa hiệp; nó cũng ngăn ngừa việc lấn chiếm quyền lực. Những khuyết điểm chính của hệ thống này là khuynh hướng tạo ra những bế tắc và ngăn không cho các hành động nhanh trong thời gian có các cuộc khủng hoảng.

Chủ trương của Đảng Dân Chủ

Là một chính đảng lớn của Mỹ được triển khai từ những nhóm Cộng Hòa Dân Chủ Mỹ ủng hộ Thomas Jefferson, Andrew Jackson, người được các đảng viên Dân Chủ xem như là đồng sáng lập viên với Jefferson, đã đổi tên đảng thành Đảng Dân Chủ theo đúng với triết lý siêu dân chủ. Đảng đã phát huy thêm các nguyên lý của đảng trong khuôn khổ của sự lãnh đạo sau đó của Woodrow Wilson và Franklin D. Roosevelt. Kể từ năm 1932, Đảng Dân Chủ đã khống chế sân khấu chính trị Hoa Kỳ, nắm giữ tất cả các chức vụ Tổng Thống, ngoại trừ tám năm cầm quyền của Eisenhower (1953-1961), tám năm của Nixon – Ford (1969–1977), và những năm của Reagan (1981-1989); đảng cũng đã chiếm đa số tại Quốc Hội, ngoại trừ trong bốn năm 1947-1949 và 1953-1955, và tại Thượng Viện trong thời gian từ 1981 đếm 1987.

Nhiều cuộc nghiên cứu đã cho thấy Đảng Dân Chủ rất được ưa thích bởi các nhóm có thu nhập thấp, các nhóm lao động có tổ chức, giới trẻ, các tổ chức tôn giáo và các nhóm thiểu số sắc tộc.

Trong những năm gần đây, đảng Dân Chủ thông thường chủ trương tự do mậu dịch, nhiều cam kết quốc tế hơn nữa, giảm bớt việc chính phủ điều hành nền kinh tế, và thêm những sự bảo đảm dân quyền. Về vấn đề quyền hạn của các bang, đảng đã thay đổi hoàn toàn lập trường trước đây của mình, và trong thời cận đại đã kiên trì trong việc ủng hộ việc gia tăng các nghĩa vụ của quốc gia. Chính sách của đảng này nói chung có phóng khoáng hơn chính sách của Đảng Cộng Hòa, mặc dù cả hai đảng đều kêu gọi sự liên minh của các đảng viên tự do, ôn hòa, bảo thủ.

Các cuộc kiểm phiếu cho thấy rõ là rất nhiều Đảng Viên Dân Chủ hơn Đảng Viên Cộng Hòa đã ghi danh bỏ phiếu tại Hoa Kỳ.

Nhiều nhóm ý thức hệ hoạt động tại Hoa Kỳ trong khuôn khổ Đảng Cộng Hòa gồm có Nhóm Nghiên Cứu Dân Chủ Tự Do và Diễn Đàn Dân Chủ Bảo Thủ, thường được gọi là Những Con Mọt Giấy.

Chủ trương của Đảng Cộng Hòa

Là một chính đảng lớn của Mỹ, thường được gọi là GOP hoặc Đại Cựu Đảng, đã mọc lên trong thập niên 1850, xem như một đảng chống nô lệ. Đảng Cộng Hòa là hậu duệ của hai chính đảng lớn trước đây - Đảng Liên Bang và Đảng Whig (ủng hộ Cách Mạng Hoa Kỳ). Đảng đã được thành lập vững chắc trong nền chính trị Mỹ khi ứng cử viên của đảng, Abraham Lincoln, đã đắc cử Tổng Thống năm 1860 và đã thành công trong việc lên án cuộc Nội Chiến. Thời kỳ từ 1860 đến 1932, Đảng Dân Chủ đã luôn luôn giành được chức Tổng Thống, ngoại trừ trong các cuộc bầu cử Dwight D. Einsenhower, Richard M. Nixon, và Ronald Reagan.

Các cuộc nghiên cứu cho thấy rằng số lượng cử tri ủng hộ Đảng Cộng Hòa có chiều hướng gia tăng vì lý do con số thu nhập của họ, việc sở hữu tài sản, và trình độ giáo dục đã được nâng cao. Theo truyền thống, các quyền lợi trong các ngành công nghệ chế tạo, doanh nghiệp, tài chánh, và nông nghiệp đã có

ảnh hưởng trong đảng, ngoại trừ ở miền Cực Nam. Đảng Cộng Hòa trong quá trình lịch sử đã cổ vũ cho sáng kiến cá nhân, tự do cam kết, trách nhiệm thuế vụ, và các chính sách tiền tệ ổn định. Các chính sách của đảng này thông thường có tính bảo thủ hơn các chính sách của Đảng Dân Chủ, mặc dù cả hai đảng đều gồm có một số đảng viên bảo thủ, ôn hòa, và tự do. Các nhóm dựa vào ý thức hệ đang hoạt động tại Quốc Hội, với Đảng Cộng Hòa gồm có Nhóm Thứ Tư tương đối bảo thủ, và nhóm Gypsy Moths tương đối tự do. Trong lịch sử, Đảng Cộng Hòa đã ủng hộ một sắc thuế xuất nhập cảng có tính bảo vệ cao và chủ trương cô lập, mặc dù trong những năm gần đây đảng đã ủng hộ các sắc thuế xuất nhập cảng thấp hơn và thực hiện nhiều cam kết quốc tế của Mỹ. Đảng cũng thường chống lại các ý kiến về một bang sung túc và một chính phủ giàu có mặc dù đảng đã ủng hộ các chương trình trợ cấp xã hội trong những năm gần đây. Đảng Cộng Hòa thường ủng hộ những cuộc can thiệp quân sự để đương đầu với mối đe dọa của chủ nghĩa Cộng Sản trong Thế Giới Thứ Ba, chẳng hạn như cuộc đổ bộ lên đảo Grenada năm 1983.

Bầu cử sơ bộ trực tiếp trong hệ thống lưỡng đảng

Là một cuộc bầu cử nội bộ đảng trong đó các cử tri tuyển chọn các ứng cử viên để tranh cử theo danh sách đảng tại cuộc bầu cử đảng toàn quốc tiếp theo đó. Các cuộc bầu cử sơ bộ cũng được sử dụng để lựa chọn các đại biểu dự đại hội đảng và các lãnh tụ đảng. Trong một cuộc bầu cử sơ bộ *kín*, được tổ chức hầu hết các bang, thủ tục tuyển lựa được giới hạn cho những người chính thức gia nhập đảng; trong một cuộc bầu cử sơ bộ *công khai*, các cử tri đều tham dự, không kể là họ gia nhập đảng hoặc không gia nhập đảng nào cả. Tại các bang Alaska và Washington, một cuộc bầu cử „sơ bộ toàn diện" cho phép cử tri được dùng lá phiếu của mình để bầu cho các ứng cử viên của nhiều hơn một đảng. Ngoài các ngoại lệ trên đây, các ứng cử viên đều bị giới hạn trong cả hai cuộc bầu cử sơ bộ công khai và kín để tuyển chọn các ứng cử viên của một chính đảng duy nhất. Một số nhà cầm quyền cấp bang và cấp địa phương đã sử dụng các cuộc bầu cử sơ bộ để làm giảm bớt số lượng ứng cử viên không đảng trong cuộc bầu cử. Các ứng cử viên được tuyển chọn tại một cuộc bầu cử sơ bộ, thông qua các kiến nghị đòi hỏi phải có một số cử tri đã ghi danh ký tên vào. Các phương thức khác gồm có một buổi hội của Ban tổ chức, Đại hội đảng tiền sơ bộ, và tự tuyên bố.

Kể từ năm 1900, cuộc bầu cử sơ bộ trực tiếp đã dần dần thay thế Đại hội đảng để làm một công cụ bầu cử. Ngày nay, tất cả các bang đều dùng hệ thống bầu cử sơ bộ trực tiếp, qua một hình thức này hoặc hình thức khác, để cử người vào một số chức vụ công. Hệ thống bầu cử sơ bộ cho phép các cử tri tầm thường được có một tiếng nói lớn trong các công việc của đảng và giúp cho các cử tri có thể loại bỏ một viên chức công cũ hoặc thủ lãnh đảng không được lòng dân, nhưng có nhiều thâm niên trong đảng. Sự bất lợi có thể tính đến chi phí quá cao cho ứng cử viên và người đóng thuế, và, nói chung, một sự suy yếu về tổ chức và trách nhiệm của đảng. Việc tuyển chọn Tổng Thống có liên quan đến hai việc đề cử đại biểu tại các cuộc bầu cử sơ bộ Tổng Thống khắp trên ba mươi ba, và việc tổ chức các Đại hội đảng toàn quốc để đề cử các ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống của đảng. Hoa Kỳ là quốc gia duy nhất trên thế giới mà việc sử dụng thể thức bầu cử sơ bộ trực tiếp làm một cuộc bầu cử chính thức.

Lãnh tụ đảng cầm quyền

Là trọng trách của người trưởng ngành Hành Pháp với tư cách Lãnh tụ đảng chính trị quốc gia.

Là Lãnh tụ đảng, Tổng Thống:

1. Gây ảnh hưởng đến các cử tri nhân danh chính đảng mình.
2. Bổ nhiệm, nâng đỡ vào các chức vụ cao cấp trong Hành pháp và trong Thẩm phán đoàn liên bang.
3. Ban phát các ân huệ „sử dụng tiền thuế liên bang hoặc bang".
4. Vận động tranh cử cho các đảng viên.
5. Thủ một vai trò quan trọng - nhiều khi có tính quyết định trong việc ban hành các quyết định trong phạm vi các tổ chức đảng.
6. Tham khảo thường xuyên với các nhà lãnh đạo đảng trên khắp nước.

Trọng trách của Tổng Thống với tư cách Lãnh tụ đảng đã xác định một cách rộng rãi là làm thế nào ông có thể hành sử chức năng một cách hữu hiệu trong nhiều vai trò quan trọng khác nhau của mình.

Sự thành công của Tổng Thống như là nhà Lập pháp chính, chẳng hạn, phần lớn tùy thuộc vào tài năng của ông để tranh thủ được sự ủng hộ nồng nhiệt của các nhân vật then chốt trong đảng mình tại Quốc Hội. Trên hết, Tổng Thống phải có khả năng hành sử chức năng trong một nội dung chính trị, thực tập cái nghệ thuật của điều khả thi, trong khi nhạy cảm với các tiến trình thay đổi là đặc thù của các vấn đề chính trị. Một số các Tổng Thống, chẳng hạn như Franklin D. Roosevelt và John F. Kennedy, thích thú với các vai trò chính trị của họ, trong khi đó có những vị khác, như Dwight Eisenhower và Calvin Coolidge, cố gắng tránh xa. Trong bất cứ trường hợp nào, trong khuôn khổ hệ thống chính trị của nước Mỹ, một Tổng Thống cũng thực hiện các chức năng là Lãnh tụ đảng, mặc dù vị này có thích thú hay không vai trò đảng này. Vai trò Lãnh tụ đảng đặc thù, đã làm mất thì giờ nhiều nhất trong tất cả các trọng trách của Tổng Thống trong các thời kỳ chiến dịch vận động và bầu cử.

Tinh thần Lưỡng Đảng là gì ?

Là sự hợp tác chặt chẽ giữa hai chính đảng lớn của Mỹ trong việc giải quyết các vấn đề đối ngoại.

Tinh thần lưỡng đảng thông thường mang hình thức những sự tham khảo thường xuyên giữa các lãnh tụ của hai đảng tại Quốc Hội, và giữa các lãnh tụ này và Tổng Thống.

Tinh thần lưỡng đảng điển hình đã thành một phong trào, Tổng Thống có thể bổ nhiệm các thành viên của đảng đối lập vào các chức vụ then chốt trong nội các.

Tinh thần lưỡng đảng là một phương tiện qua đó một chính thể dân chủ có thể khắc phục được những sự chia rẽ nội bộ và đưa ra một mặt trận vững chắc cho thế giới. *„Tinh thần lưỡng đảng chấm dứt tại đường phân thủy*" là một sự mô tả thường được nhắc đi nhắc lại của chế độ lưỡng đảng. Những điểm bất lợi do một sự hợp tác như vậy gồm có việc mất chức năng của sự *„đối lập trung bình*" trong nội bộ chính phủ, và việc thiếu thảo luận sâu sắc về các vấn đề sống còn.

Sự linh hoạt thường bị giảm bớt, một bức tường tương thuận vững chắc có thể phát triển, làm đông giá các sự lựa chọn, ngoại trừ những sự lựa chọn được chính quyền đưa ra, và sự chỉ trích chính sách của chính phủ có thể được đánh giá ngang với sự bất trung. Điển hình, chế độ lưỡng đảng thường được thiết tha mong đợi - hoặc ít nhất cũng được thử nghiệm - mỗi khi Tổng Thống đã ra lệnh gửi binh sĩ Mỹ ra hoạt động ở nước ngoài, và đã cố gắng làm im lặng các sự chỉ trích của Quốc Hội.

Những sự thực liên hệ đến Lưỡng Đảng ở Hoa Kỳ

1/ Người Hoa Kỳ không bao giờ thích đứng ở một đảng này hay đảng nọ mãi mãi.

2/ Lưỡng đảng bắt đầu thành hình khi có cuộc bàn cãi về việc phê chuẩn Hiến pháp Hoa Kỳ mặc dầu điều ấy đã kéo dài nhiều năm để thành hình.

3/ Chế độ lưỡng đảng đã tồn tại với thời gian và lịch sử.

4/ Chế độ Lưỡng Đảng của Hoa Kỳ đã và sẽ như thế; khác với các quốc gia độc đảng hoặc hệ thống đa đảng.

5/ Từ năm 1830 đến nay đã có sự cạnh tranh hữu hiệu và hợp lý giữa hai đảng lớn của Hoa Kỳ.

6/ Lưỡng đảng có tính cách phân quyền và phân tán nhưng gần đây có khuynh hướng tập quyền ở các Ủy ban quốc gia.

7/ Việc thắng cử và tranh quyền có vẻ quan trọng hơn đối với các Lãnh tụ đảng phái hơn là những vấn đề của quốc gia hoặc Cương Lĩnh lưỡng đảng ở Hoa Kỳ được tổ chức nhằm mục đích chính là nắm chính quyền.

8/ Lưỡng đảng ở Hoa Kỳ có đặc tính trung dung và thực tiễn với ý thức hệ và kỷ luật lỏng lẻo so với các đảng phái ở Âu Châu.

Cuộc chiến đấu của Lưỡng Đảng

Cuộc chiến đấu chính trị của lưỡng đảng ở Hoa Kỳ thường được diễn ra trên đường phố với khẩu hiệu biểu tình nhưng đôi khi cũng diễn ra trong bóng tối với việc do thám giữa đảng này và đảng kia. Xét chung cuộc chiến đấu của các đảng chính trị ở Hoa Kỳ được tiến hành nhiều hơn bằng phương tiện hòa bình và pháp lý dưới sự lãnh đạo của các lãnh tụ cao cấp của đảng. Như chúng ta đã thấy, hệ thống lưỡng đảng thích hợp với Hoa Kỳ. Tuy nhiên, quốc gia cũng có những đảng phái nhỏ dù rằng quyền lực được kiểm soát bởi hai đảng Cộng Hoa và Dân Chủ. Từ 1974, các đảng nhỏ đã không thành công trong việc chiếm một ghế ở Quốc Hội và chức vụ Thống Đốc ở các Tiểu Bang.

Chúng ta có thể so sánh lưỡng đảng với độc đảng và đa đảng như thế nào?

- Một quốc gia độc đảng không thể xem là dân chủ vì nó không có tổ chức đối lập. Vì không có đối lập nên một quốc gia độc đảng có thể dùng Hiến Pháp đàn áp và độc tài đối với nhân dân.

- Mặt khác, một chế độ đa đảng có thể tự nhận có ưu thế hơn lưỡng đảng bởi vì nó có thể chấp nhận nhiều ý kiến và tư tưởng được Đại biểu ở Quốc Hội và trong nội các. Nó có thể cho đảng viên nhiều ý nghĩa hơn trong việc lựa chọn đảng phái thích hợp với họ.

Những ưu thế của chế độ lưỡng đảng

1/ Nó bảo đảm rằng một trong hai đảng có thể có đa số. Vì hai đảng đều tranh giành đa số để có thể nắm chính quyền. Cả hai đều phải tìm cách phục vụ cho quyền lợi của đa số.

2/ Lưỡng đảng khuyến khích sự thỏa hiệp trong nội bộ của đảng trước cuộc bầu cử và không phải thỏa hiệp với nhiều đảng phái khác sau cuộc bầu cử.

3/ Chế độ lưỡng đảng có thể tạo thành sợ ổn định trong chính phủ.

4/ Chế độ lưỡng đảng bảo đảm rằng Tổng Thống có thể đại diện cho đa số dân chúng đa số các tiểu bang. Ở nơi nào có lưỡng đảng tranh giành quyền lực của chính quyền, Tổng Thống hay Thống Đốc đắc cử là đại biểu của đa số nhân dân và cũng là đại biểu của một trong hai chính đảng lớn. Kết quả là Tổng Thống hay Thống Đốc có thể tự nhận là có sự ủng hộ của đa số. Trong những trường hợp đó, đường lối hành động của họ phải được Quốc Hội lưu ý.

Sự khác biệt giữa Đảng Dân Chủ và Đảng Cộng Hòa

Đa số công dân Mỹ nghĩ rằng không có gì khác biệt giữa hai đảng chính trị: Dân Chủ và Cộng Hòa. Mặc dù rằng hai đảng là những sự liên kết lỏng lẻo của dân chúng, do đó khó mà thấy được những điểm dị biệt của hai đảng. Trong thực tế, lưỡng đảng có khác nhau không? Câu trả lời là có. Những khác biệt giữa đảng Dân Chủ và đảng Cộng Hòa tuy có nhưng sự khác biệt không to lớn.

1/ Sự khác biệt về đảng viên: Điều dễ phân biệt nhất để nhìn vào sự khác biệt của lưỡng đảng là đảng viên. Thông thường, đảng Dân Chủ có tính cách hấp dẫn đối với người nghèo, các người lao động tay chân, các sắc dân da màu, các người theo đạo Ky-tô giáo và Do Thái giáo. Đảng Cộng Hòa mặt khác đặt sức mạnh của họ trên giới thương gia và chuyên viên, người theo đạo Tin Lành, các nhóm có lợi tức cao, và các người giàu. Tuy nhiên, trong thực tế cũng có những đảng viên Dân Chủ giàu có tư bản, cũng có những đảng viên Cộng Hòa thuộc giai cấp công nhân

nghèo khó. Thường đảng Dân Chủ tỏ sự khác biệt rõ rệt nhất trong vai trò của chính phủ ở lĩnh vực kinh tế.

2/ Sự khác biệt ở Lãnh tụ đảng: Đa số những người Lãnh tụ đảng Dân Chủ thuộc giai cấp trung lưu. Trong lúc đó, đa số các Lãnh tụ đảng Cộng Hòa thuộc giới tư bản. Rất ít có người da đen ở địa vị Lãnh tụ đảng Cộng Hòa dù là ở cấp quận, tỉnh, hay tiểu bang. Các Lãnh tụ đảng Cộng Hòa thường có tính cách bảo thủ về kinh tế và những vấn đề xã hội; trong lúc đó các Lãnh tụ của đảng Dân Chủ có tính cách phóng khoáng hơn trong những vấn đề trên. Điều này được chứng tỏ trong Cương Lĩnh của đảng ở đại hội toàn quốc Đảng cũng như ở những lời tuyên bố của các lãnh tụ. Sự khác biệt ở những người được dân chúng bầu ra trong quá trình chính trị đảng nào nắm được ghế Tổng Thống và có đa số ở Lưỡng Viện là có nhiều quyền lực. Có đôi khi một đảng có đa số ở Thượng Viện nhưng lại có thiểu số ở Hạ Viện. Trong nhiều trường hợp, nếu Tổng Thống là đảng Dân Chủ thì Quốc Hội có đa số là đảng Cộng Hòa. Ngược lại, nếu Tổng Thống là đảng Cộng Hòa thì trong Quốc Hội có đa số là đảng Dân Chủ. Đó là nguyên lý kiểm soát và quân bình. Gần đây, cử tri Mỹ có khuynh hướng thực hiện nguyên lý đó ở cấp bậc liên bang và tiểu bang.

Các đảng phái chính trị có những ảnh hưởng nào ?

Như đã nói lưỡng đảng tổ chức lỏng lẻo và thường đồng ý với nhau ở đa số vấn đề, dù khác biệt nhau ở một số vấn đề trọng đại trong một thời điểm nào đó. Nếu hủy bỏ các đảng phái ở Hoa Kỳ thì có ảnh hưởng gì? Trên thực tế, lưỡng đảng ở Hoa Kỳ đã đóng vai trò trong năm lĩnh vực:

1/ Giúp đỡ công dân, cử tri đi bỏ phiếu.
2/ Giúp cử tri vận động tranh cử.
3/ Phối hợp hành động của các đảng viên được bầu.
4/ Tạo ra sự đối lập có tổ chức.
5/ Giải quyết các cuộc tranh chấp.

1/ *Giúp công dân, cử tri đi bỏ phiếu*: Khi đi bỏ phiếu, đa số cử tri nhận mình là đảng viên Dân Chủ hay đảng viên Cộng Hòa; và đa số những người đó gắn liền với đảng của họ. Điều này cũng đúng cho các cuộc bầu cử Tổng Thống, Quốc Hội, Thống Đốc cũng như các cuộc bầu cử các cấp thấp hơn. Đa số đảng viên Dân Chủ và Cộng Hòa tìm thấy trong nhãn hiệu chính trị của họ một phương pháp tiết kiệm thì giờ, cũng như quyết định phải bỏ phiếu thế nào. Nhưng cũng có một số đảng viên bỏ phiếu căn cứ vào các ứng cử viên và thành tích của những người này. Trong hệ thống lưỡng đảng không hề có việc trừng trị những người của đảng này mà bỏ phiếu cho ứng cử viên của đảng khác.

2/ *Giúp đỡ cử tri vận động tranh cử*: Chúng ta biết rằng tranh cử là một vấn đề rất tốn kém, vì vậy các đảng phái ở cấp quận có thể giúp cho những đảng viên tranh cử các ngân khoản cần thiết.

Các tổ chức đảng có thể giúp cho ứng viên của đảng trong các cuộc vận động tranh cử để liên lạc với các cử tri, chẳng hạn như ghi danh các cử tri, tổ chức ủng hộ viên và cảm tình viên trong suốt cuộc bầu cử. Các ứng viên cũng phải bỏ tiền ra thuê các thư ký, các người làm việc cho chính họ trong các cuộc vận động tranh cử.

Tài chính là vấn đề quan trọng nhất trong vấn đề tranh cử. Tổ chức đảng ở mọi cấp phải tìm cách cung cấp tiền cho các ứng viên bằng các tổ chức như dạ tiệc, tự động đóng góp. Trong năm, đảng Cộng Hòa đã giúp đỡ cho các ứng viên của đảng ở cấp quốc gia một số tiền là 3.700.000$ (ba triệu bảy trăm ngàn đô la); trong đó đảng Dân Chủ cung cấp cho ứng viên 3.200.000$ (ba triệu hai trăm ngàn đô la). Ngoài ra, đảng cũng có thể giúp cho các ứng viên các tin tức nơi cử tri bỏ phiếu, và vận động công luận qua báo chí và các phương tiện truyền thông và điện thoại tối tân.

3/ *Phối hợp hành động của các đảng viên được dân bầu*: Hệ thống lưỡng đảng nhằm giảm thiểu sự tập trung quyền lực qua hệ thống kiểm soát và quân bình. Do đó, đảng có thể giúp các đảng viên dân bầu để phối hợp một căn bản hành động chung cho đảng. Vấn đề quan trọng nhất trong việc phối hợp và sự liên hệ giữa Quốc Hội với Tổng Thống nhất là khi một đảng kiểm soát cả Quốc Hội và đắc cử Tổng Thống. Sự phối hợp giữa Quốc Hội và Tổng Thống giúp cho đảng được thống nhất và hữu hiệu hơn. Nếu Quốc Hội và Tổng Thống là của đảng phái khác nhau thì sự phối hợp trên lại càng cần thiết hơn nữa.

4/ *Tạo ra sự đối lập có tổ chức*: Một yếu tố quan trọng của một chính phủ dân chủ là sự hiện hữu của tổ chức đối lập. Tổ chức đối lập có thể phê bình chính sách của chính phủ và đưa ra những giải pháp hữu lý có thể thay thế những giải pháp của chính phủ cầm quyền. Một Tổng Thống dù được đa số bầu cử sẽ tự kềm chế nếu ông ấy biết những lạm dụng của ông sẽ bị chỉ trích. Rõ ràng là nếu tổ chức đối lập có tính cách quá khích cực đoan và cản trở sự tiến triển tốt đẹp thì lộn xộn sẽ xảy ra. Vấn đề là tạo ra một đối lập có qui tắc và hoạt động trong một giới hạn nào đó. Lưỡng đảng là một nguồn đối lập hữu hiệu. Các đảng tổ chức đối lập có tính cách xây dựng nếu nó tạo ra được một diễn đàn cho những kẻ chống đối các chính sách của chính phủ. Ngoài ra, nó cũng tạo ra được sự tranh đua trong các cuộc bầu cử sắp đến.

Luôn luôn có những cử tri bất đồng với những hành động của chính phủ. Diễn đàn tự do là nơi họ có cơ hội để phát biểu những bất đồng đó. Ngoài ra, tổ chức đối lập có thể đưa ra những chính sách thay thế đường lối hiện tại của chính phủ mà họ xem như là tai hại. Khi tiếng nói của tổ chức đối lập được đưa ra, nó được xem là quan trọng hơn lời than phiền của các cá nhân, công dân.

Trên trường chính trị cũng như trong kinh tế, sự tranh đua rất là quan trọng. Hãy tưởng tượng trên thế giới chỉ có một hãng Coca Cola bán nước ngọt thì giá cả có thể tăng giảm tùy ý muốn của công ty đó và phẩm chất món hàng cũng tùy quyết định của công ty đó mà thôi. Trên trường chính trị cũng vậy, nếu không có tranh đua sẽ có độc tài và độc đoán. Do đó,

chúng ta thấy rất quan trọng nếu tổ chức đối lập có thể đưa ra được những sáng kiến có thể thay thế cho hành động của các nhà đương kim lãnh đạo quốc gia. Đối lập làm giảm thiểu sự sai lầm của chính phủ, và có thể đưa ra những tân lãnh đạo có thể thay thế cho những người lãnh đạo đã phạm phải sai lầm.

5/ *Giải quyết các cuộc tranh chấp*: Bởi vì đảng phái đóng vai trò quan trọng trong việc đối lập, người ta tưởng như là có vẻ mâu thuẫn khi đảng phái giải quyết các cuộc tranh chấp. Vấn đề là nếu đảng phái đả kích đương kim lãnh đạo thì làm sao giải quyết tranh chấp. Câu trả lời là đảng phái giải quyết các tranh chấp bằng các thỏa hiệp là một nguyên lý của nền dân chủ. Cuộc tranh chấp quan trọng nhất mà đảng phải giải quyết là cuộc tranh chấp giữa người giàu và người nghèo. Trong xã hội, sự tranh chấp giữa tư hữu và vô sản thường gây ra Cách Mạng. Ở Hoa Kỳ, lưỡng đảng đã giải quyết các cuộc tranh chấp đó bằng những thỏa hiệp bởi vì trong đảng Dân Chủ có nhiều người giàu và trong đảng Cộng Hòa có nhiều người nghèo.

Sự quan trọng của các đảng nhỏ

Ngoài hai chức năng lớn, còn những tổ chức chính đảng nhỏ thường dựa trên một ý kiến hay nguyên lý giản dị. Thông thường các đảng nhỏ ít có ảnh hưởng đối với các cuộc bầu cử vì lý do sự ủng hộ của họ hoặc có tính cách địa phương hoặc quá phân tán mỏng. Các giáo sư chính trị phân biệt một đảng nhỏ với đệ tam đảng là một chính đảng căn cứ vào một tổ chức chính đảng để có thể ảnh hưởng đến kết quả của cuộc bầu cử chính trị. Nhiều chính đảng nhỏ cũng thường được gọi là ***các đảng thủ thuyết*** vì lý do các đảng này cam kết vào một ý thức hệ hoặc một chính nghĩa.

Các đảng nhỏ đã đóng một vai trò quan trọng trong đời sống chính trị của nước Mỹ trong việc khởi xướng các cải tổ chính trị, kinh tế và xã hội trong một thời gian kéo dài nhiều năm. Nếu một đảng nhỏ thu hút được một số lượng đảng viên nồng cốt nào đó vì các nguyên tắc đúng đắn của đảng, một chính đảng lớn thường kết hợp các nguyên tắc này vào cương lĩnh của mình nhằm gây được sự ủng hộ của cử tri. Nhiều chính đảng nhỏ đã xuất hiện trên danh sách bầu cử tại nhiều bang ngày nay, gồm có đảng Độc Lập, đảng Tự Do, đảng Lao Động Xã Hội, và đảng Công Nhân Xã Hội.

Vai trò của truyền thông đại chúng trong chế độ lưỡng đảng

Truyền thông đại chúng là phương tiện kỹ thuật truyền đạt tư tưởng đến hàng triệu người được cụ thể hóa qua truyền thanh, truyền hình, báo chí, phim ảnh, tạp chí, và ấn phẩm định kỳ. Đặc biệt, truyền hình được sử dụng với tác động càng ngày càng lớn để xây dựng những ***chiến dịch bằng hình ảnh*** trong đó các kỹ thuật đặc biệt gồm có những phóng sự tại chỗ đã được sử dụng nhằm đạt đến một cách tốt nhất đối với cử tri của lưỡng đảng.

Truyền thông đại chúng đã trở nên vô cùng quan trọng cho đời sống chính trị của lưỡng đảng vì đó là phương tiện có ảnh hưởng đến hàng triệu cử tri. Các mục tiêu gồm có việc thắng cử, việc ủng hộ hoặc chống đối các chương trình của lưỡng đảng và việc giáo dục quần chúng về các vấn đề trọng đại mà lưỡng đảng đề ra. Các nhà khoa học chính trị hiểu biết về ý nghĩa càng ngày càng gia tăng của truyền thông đại chúng đã biểu lộ mối quan tâm về ảnh hưởng của quyền này trong tiến trình phát triển dân chủ. Để có thể áp dụng qui luật bình đẳng về thời gian, Ủy ban truyền thông liên bang đã qui định rằng các ứng cử viên của lưỡng đảng vào các chức vụ công cử phải được quyền bình đẳng qua việc sử dụng miễn phí hoặc có trả tiền các đài truyền hình và truyền thanh. Qui luật bình đẳng thời gian được cưỡng bách thi hành qua uy quyền của Ủy ban truyền thông liên bang. Một chính sách có liên quan đến qui luật này bắt buộc tất cả các đài truyền hình và truyền thông phải thông tin về mọi mặt các vấn đề quan trọng mà lưỡng đảng nêu ra.

Nguồn gốc của đạo luật về thời gian bình đẳng được căn cứ vào xác định là nền dân chủ đòi hỏi phải để cho dân chúng có cơ hội được nghe lưỡng đảng phát biểu các quan điểm đối lập về các vấn đề chính trị trước khi dân chúng có thể quyết định. Các luật lệ về thời gian công bình và có liên hệ hiện thời được áp dụng cho 10.000 đài truyền thanh, và 1.300 đài truyền hình trên nước Mỹ. Nhiệm vụ đầu tiên của truyền thông đại chúng trong vấn đề lưỡng đảng là chuyển đạt những gì lưỡng đảng sinh hoạt và cảm nghĩ. Vì thế nhân viên truyền thông đại chúng đòi hỏi thông minh, kiến thức, kinh nghiệm rộng nhất cũng như sức mạnh quan sát và lý luận những cơ hội bình luận không thể tách rời khỏi sứ mạng giảng giải và truyền đạt ngôn ngữ một cách có trách nhiệm đối với xã hội về những vấn đề trọng đại mà lưỡng đảng nêu ra.

Nguyễn Đình Tuyến
Tiến sĩ Chính trị học và Báo chí

Ghi chú thêm của báo Viên Giác

Nhà kinh tế học Adam Smith, tác giả quyển „Wealth of natime" đã viết về chiến tranh như sau:

„Trong chiến tranh của bất cứ quốc gia nào cũng mang đến hậu quả làm suy yếu kinh tế. Do đó, trong chiến tranh, lợi tức quốc gia phải gấp bốn lần chi phí của quốc gia để yểm trợ cho chiến thắng trong chiến tranh". Hoa Kỳ đã trải qua trên 3 thập niên trong cuộc chiến chống khủng bố bin Laden, cuộc chiến ở Afghanistan và cuộc chiến Iraq, làm ngân sách quốc gia thâm thủng 18.000 tỷ (8.000 tỷ dưới 8 năm cầm quyền của Bush và 10.000 tỷ dưới 4 năm của Obama). Do đó, nếu không có một lãnh tụ mới biết quân bình hóa ngân sách, Hoa Kỳ có thể sẽ mất ưu thế của mình về lãnh đạo trong thế kỷ 21 này. (Báo Viên Giác)

Việt Nam Cộng Hòa

Nạn nhân của chính sách "Ngậm máu phun người"

• **Đặng Chí Hùng**

Lời giới thiệu: *Nhận thấy bài viết rất công phu của Đặng Chí Hùng so sánh một cách trung thực giữa chế độ Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) miền Nam và chế độ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà (VNDCCH) miền Bắc trước 1975 hay Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN) sau 1975 về chính trị, kinh tế, giáo dục, xã hội v.v…*

Bài nầy có thể coi như là một tài liệu lịch sử tóm lược về cuộc chiến Quốc - Cộng gây ra cảnh Huynh Đệ Bắc Nam tương tàn mà nguyên nhân chính là do Hồ Chí Minh tay sai của cộng sản quốc tế chủ động. Chúng tôi đề nghị đăng trên Viên Giác để độc giả hiểu rõ bản chất của đảng CSVN độc tài tham nhũng, tàn ác dã man, buôn dân bán nước, xảo trá lường gạt, ngậm máu phun người, hèn với giặc, ác với dân.

(Viên Giác)

Thưa các bạn, là một người trẻ tuổi, chưa một lần được biết đến ngôi trường của Việt Nam Cộng Hòa (VNCH), cũng chưa từng được sống dưới chế độ tự do non trẻ đó, tuy nhiên qua nhiều sách báo, tài liệu và nhân chứng sống, cộng với những suy nghĩ của mình, tôi nhận thấy một điều đó là một chế độ, một nhà nước khác hẳn với những lời tuyên truyền của cộng sản.

Có một câu hỏi làm tôi day dứt gần 10 năm trời khiến tôi phải tự mình đi tìm câu trả lời cho nó đó là: "Tại sao một chế độ thối nát, được quy chụp là Ngụy quân, ngụy quyền lại được người dân thương nhớ, tiếc nuối?". Và cuối cùng tôi cũng tìm ra câu trả lời cho câu hỏi đó trong bài này đó là "Việt Nam Cộng Hòa chỉ là nạn nhân của một chính sách ngậm máu phun người của đảng cộng sản Việt Nam". Vì sao tôi nói vậy? Vì không có một chế độ xấu xa nào mà hàng triệu công dân của nó ở Hải ngoại lẫn những người vẫn còn ở lại trong nước đã từng sống trong chế độ đó và thân nhân họ, thậm chí những người miền Bắc có tư duy đều thương tiếc. Con người ta có một tâm lý chung đó là luôn muốn quên đi cái dĩ vãng xấu xa, không tốt đẹp. Vậy khi hàng triệu người dù cho phải ly tán vẫn nhớ về nó thì đó không thể là điều xấu xa. Đó chính là câu trả lời chính xác nhất.

Thật ra bất cứ một xã hội nào cũng có mặt hạn chế, ngay cả nước Mỹ nhân bản và dân chủ hiện nay cũng còn nhiều mặt cần sửa đổi. Việt Nam Cộng Hòa không phải là ngoại lệ. Tuy nhiên trong một chừng mực nhất định thì những hạn chế đó sẽ dần khắc phục theo thời gian và trong cùng một thời điểm lịch sử hay thậm chí ngay cả với Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam hiện tại thì VNCH xứng đáng dân chủ gấp vạn lần thật sự chứ không nói dối trơ trẽn của bà Doan. Đó là lý do tôi viết bài này để chứng minh cho bạn đọc những sự thật về một nhà nước dân chủ non trẻ nhưng đã phải chịu chính sách ngậm máu phun người của đảng cộng sản Việt Nam.

Tôi viết bài này xin dành tặng cho tất cả bạn đọc với mong muốn:

- Với những người yêu VNCH dù đã từng sống hay chỉ biết đến qua sách vở thì như một lời khẳng định chắc chắn rằng những gì họ đã yêu mến không hề nhầm lẫn.
- Với những người bị lừa dối hy sinh cho đảng cộng sản như thế hệ cha ông tôi thì như một lời chân tình để giúp họ thật sự nhận ra bản chất của đảng cộng sản VN và ông Hồ đã lừa dối họ bao lâu nay.
- Với những người còn vì miếng ăn mà cố gắng lừa bịp dân tộc hãy tỉnh lại đi, sự thật không thể bị bưng bít được mãi. Đừng tự lừa dối mình và lừa dối nhân dân nữa, hãy để cho lương tâm con người lên tiếng trong tâm hồn mình.

Những sự thật về Việt Nam Cộng Hòa

A. Mỹ không hề xâm lược Việt Nam:

Trong bài "Những sự thật cần phải biết - Sự thật về Đại thắng mùa xuân 1975" tôi đã chứng minh thất bại của VNCH không phải do hèn kém như cộng sản bịa đặt. Họ bị đồng minh bỏ rơi và bị ép phải chết yểu trong bàn cờ chính trị Mỹ-Trung Cộng-Liên Xô. Mỹ cũng có lỗi của mình trong việc bỏ rơi đồng minh nhưng cũng nên biết rằng nước Mỹ cần phải tự cứu mình trong lĩnh vực kinh tế và cũng do chính sách nhân bản, không muốn lún sâu chiến tranh, đồng thời phần nào đấy là việc họ để cho chính bản thân những người dân Việt Nam nhận ra sự thật về cộng sản.

Tuy nhiên có một điều rất quan trọng mà tôi phải khẳng định đó là Mỹ không hề xâm lược Việt Nam như cách đảng cộng sản Việt Nam vẫn tuyên truyền để lừa bịp lòng yêu nước của nhân dân ta. Tại sao tôi có thể khẳng định điều này? Xin được trình bày như sau.

Thứ nhất, cho đến giờ phút này dù bất cứ ai cũng có thể thấy người Mỹ đến Việt Nam không lấy của người Việt Nam dù chỉ là một tấc đất đai, hải đảo. Thậm chí họ còn giúp chúng ta xây dựng một Sài Gòn tự do và phồn vinh mà ở thời điểm trước năm 1975 là Hòn Ngọc Viễn Đông, ngay cả Singapore hay HongKong lúc ấy còn phải xếp hàng từ xa. Vậy thì người Mỹ xâm lược gì ở Việt Nam? Đất không lấy, một giọt dầu cũng không? Trung Cộng trong khi đó thì sao? Trung Cộng đã lấy Hoàng Sa - Trường Sa "nhờ" công hàm bán nước 1958 của ông Chủ tịch nước Hồ Chí Minh và ông Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Và còn hàng trăm km biên giới ở Ải Nam Quan, Thác Bản Giốc, hay Boxit Tây Nguyên. Ai xâm lược đây? Người Mỹ không hề xâm lược Việt Nam như cách đảng cộng sản vẫn rêu rao, mà kẻ xâm lược nước ta chính là "Đồng chí 16 chữ vàng, 4 tốt, tri ân sâu nặng" của đảng cộng sản Việt Nam. Đây cũng là điều cho thấy đảng cộng sản ngậm máu phun người đối với người Mỹ.

Thứ hai, nếu nói người Mỹ xâm lược Việt Nam thì có nghĩa là họ phải đổ quân đội vào Việt Nam trước khi đảng cộng sản để lại quân du kích và cán bộ tại VNCH để nằm vùng và khủng bố nhân dân miền Nam. Nhưng thực tế lại trái ngược lại. Trong bộ môn lịch sử chương trình lớp 12, đảng cộng sản Việt Nam tuyên truyền:

"Mặt trận Giải phóng Miền Nam" thành lập ngày 20.12.1960 với mục tiêu "đấu tranh chống quân xâm lược Mỹ và chính quyền tay sai, nhằm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước".

Nhưng thực chất thì sao? Năm 1961 khi ông Ngô Đình Diệm ký Hiệp ước quân sự với Mỹ, thì miền Nam lúc đó chỉ có các cố vấn Mỹ và một ít quân mang tính yểm trợ (US Support Troopes) với nhiệm vụ chính là xây dựng phi trường, cầu cống, đường sá...

Mỹ chỉ bắt đầu đưa quân vào miền Nam từ năm 1965, sau khi ông Ngô Đình Diệm qua đời do cương quyết từ chối không cho Mỹ trực tiếp can thiệp quân sự. Điều này ai cũng biết cả. Quân Mỹ thực sự đổ quân vào miền Nam sau sự kiện vịnh Bắc Bộ năm 1964 và để giúp VNCH chống lại cuộc chiến đang ngày càng leo thang của cộng sản ở miền Nam. Cho đến năm 1964 cả về quân số và trang bị quân sự của VNCH không thể bằng VNDCCH. Vậy thì vào thời điểm 20.12.1960, làm gì có bóng dáng lính Mỹ nào ở Miền Nam, làm gì đã có ai xâm lược mà chống? Đảng cộng sản phải chống ai, chống cái gì vào năm 1960? Chính sự mâu thuẫn trong lời nói của cộng sản cũng cho ta thấy bản chất nói dối, lật lọng trong việc kích động chiến tranh phi nghĩa tại Việt Nam và cho thấy việc vu khống cho người Mỹ xâm lược Việt Nam là vô lý.

Thứ ba, hãy nghe người Liên Xô nói về việc Mỹ đổ quân vào Việt Nam để thấy người anh cả của đảng cộng sản Việt Nam biết rõ người Mỹ không phải vào Việt Nam "xâm lược" như cách tuyên truyền của đảng cộng sản Việt Nam. Tài liệu của Liên Xô đăng trong cuốn sách có tên "Một bước đi lớn" – bởi nhóm tác giả đã từng hoạt động tại KGB và do NXB Quân đội Liên bang Nga xuất bản năm 1999 nói về hoạt động tình báo của Liên Xô (đã giới thiệu ở bài "Những sự thật không thể chối bỏ - phần 13 - Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn!" có đoạn ở 128:

"Người Mỹ chắc chắn không xâm lược Việt Nam như cách người Pháp thực dân làm trước năm 1945 nhưng Việt Nam phải là một trong những tiền đồn ngăn cản chủ nghĩa tư bản ở Á Châu bao gồm Bắc Triều Tiên, Trung Hoa, Afghanistan..."

Thì ra người Liên Xô với những con mắt lão luyện của tình báo KGB đâu có cho rằng người Mỹ xâm lược và đô hộ Việt Nam như cách người Pháp thực dân. Người Liên Xô chỉ lo ngại cho chủ nghĩa cộng sản của họ bị người Mỹ đánh bại chứ họ không nói là người Mỹ xâm lược và đô hộ Việt Nam như cách cộng sản tuyên truyền. Đó là do chính sách ngậm máu phun người của cộng sản nhằm lừa gạt hàng triệu thanh niên bỏ xác vì quyền lợi của chóp bu cộng sản mà thôi. Đó chính là một trong những chiêu bài núp bóng "Giải phóng dân tộc" mà ông Hồ cùng đảng cộng sản thực hiện để nhuộm đỏ Việt Nam cho âm mưu của Trung Cộng.

Thứ tư, thật ra mong muốn người Mỹ vào Việt Nam đổ quân để tạo cớ người Mỹ xâm lược Việt Nam cũng nằm trong âm mưu của Trung Cộng chỉ đạo cho ông Hồ và đảng cộng sản Việt Nam thực hiện. Trong cuốn sách "MAO: The Unknown Story" của tác giả Jung Chang và Jon Halliday được phát hành năm 2005 do hai nhà xuất bản Anchor Books và Random House xuất bản, ở trang 470 có đoạn:

"Có một nơi gần Trung Quốc, nơi đã có người Mỹ, đó là Việt Nam. Cuối năm 1963, miền Nam Việt Nam có khoảng 15.000 cố vấn quân sự Mỹ. Kế hoạch của Mao là tạo tình huống làm cho Mỹ phải gởi thêm quân đội vào miền Nam...".

Thế là đúng ra năm 1963, Trung Cộng cũng nhận thấy người Mỹ chỉ có 15.000 cố vấn mà thôi. Và chính Mao muốn ông Hồ phải "tạo tình huống" để người Mỹ phải đổ quân vào Việt Nam. Đó chính là việc cố tình tạo ra "kẻ thù" xâm lược để có cớ đánh VNCH và đổ tội cho người Mỹ xâm lược Việt Nam của Mao Trạch Đông và Hồ Chí Minh.

Thứ năm, thêm một đồng minh của VNDCCH khẳng định người Mỹ không hề xâm lược Việt Nam như cách đảng cộng sản tuyên truyền cho thấy những gì chúng ta đã và đang được nghe đảng cộng sản chỉ là lừa bịp. Trong cuốn sách có tên "Đối nghịch" của tác giả J. Leroy - một nhà hoạt động xã hội người Pháp và cũng là đảng viên đảng cộng sản Pháp. Cuốn sách của ông đi sâu phân tích về tính chất đối lập của đảng cộng sản và các đảng phái khác và dẫn chứng về cuộc chiến Việt Nam như là một sự đối nghịch đỉnh điểm về ý thức hệ. Trong trang 187 của cuốn sách in năm 2000 tại Pháp có nội dung trích như sau:

"Một cuộc chiến tại Việt Nam là điều mà Hoa Kỳ không mong muốn, họ đến với Việt Nam khác hẳn lũ người độc ác của chúng ta trước đây. Nhưng họ phải đổ quân vào vì họ không muốn Liên Xô bành trướng tư tưởng của Mác, Lê Nin...".

Tác giả cộng sản Pháp này rất trung thực trong việc đánh giá người Mỹ không xâm lược Việt Nam như chính thực dân Pháp trước năm 1945 mà họ chỉ vào Việt Nam trong tình thế bắt buộc chống lại sự bành trướng tư tưởng đỏ của Liên Xô.

Kết luận: Một kẻ đi xâm lược không thể là kẻ đổ quân vào sau khi đồng minh của họ bị khủng bố. Người Mỹ chỉ đổ quân vào để giúp đồng minh chống lại chủ nghĩa cộng sản bạo tàn và độc tài. Người Mỹ chỉ là một "kẻ thù" được dựng lên với mục đích lừa dối dân tộc trong chiêu bài "Chống Mỹ cứu nước" của đảng cộng sản. Việc tạo ra một kẻ "xâm lược" giả tưởng này không khác gì việc người ta cố tình dựng lên một hình ảnh "thế lực thù địch" để nói về đội ngũ đấu tranh dân chủ hiện nay ở Việt Nam hay bóng ma "thế lực thù địch" đang làm đảng "tự diễn biến". Một kẻ đi xâm lược không thể không áp bức, bóc lột và lấy đất đai, tài nguyên của chúng ta. Người Mỹ thì không làm điều đó, vậy họ không thể là kẻ xâm lược.

Người Mỹ đến Việt Nam với mục đích chống lại sự bành trướng chủ nghĩa cộng sản trên thế giới và giúp VNCH chống lại làn sóng khủng bố của đảng cộng sản gieo rắc tại Miền Nam. Họ không hề xâm lược Việt Nam như cách đảng cộng sản Việt Nam tuyên truyền, họ cũng là nạn nhân của một chính sách ngậm máu phun người của đảng cộng sản Việt Nam.

B. Việt Nam Cộng Hòa không phải là chế độ Ngụy Quân, Ngụy Quyền:

Nếu không có kẻ xâm lược thì làm gì có kẻ làm tay sai "ngụy quân, ngụy quyền"? Như phần A tôi đã chứng minh những tác giả trung lập và ngay cả những người cộng sản Pháp, Liên Xô trong những nghiên cứu nghiêm túc của mình đã công nhận người Mỹ không hề xâm lược Việt Nam đúng nghĩa. Vậy thì những người đồng minh của họ là VNCH có phải là tay sai bán nước như cộng sản nhồi nhét vào đầu chúng ta hay không? Không. Hoàn toàn không phải. Đó là một chế độ dân chủ non trẻ nhưng mang trong mình những tư tưởng và ý niệm tốt đẹp cho nhân dân. Tôi xin khẳng định thông qua phần B này.

Nói như bà Dương Thu Hương một nữ văn sĩ miền Bắc theo đoàn quân của CS Bắc Việt vào Sài Gòn vào tháng 4 năm 1975 thì:

"Đó mới là chế độ của nền văn minh. Và thật chua chát khi nền văn minh đã thua một chế độ man rợ. Đó là sự hàm hồ và lầm lẫn của lịch sử. Đó là bài học đắt giá và nhầm lẫn lớn nhất mà dân tộc Việt Nam phạm phải...".

Và chính ông Võ Văn Kiệt, cựu thủ tướng của CHXHCNVN cũng phải thốt lên cái ngày 30/4 là ngày mà VNCH chính thức mất đi trên danh nghĩa nhưng còn mãi tồn tại trong lòng người yêu dân chủ, tự do *"Ngày của triệu người buồn.".*

1. VNCH có nền kinh tế phát triển hơn hẳn VNDCCH:

Tại miền Nam dưới sự lãnh đạo của ông Ngô Đình Diệm, cùng sự hỗ trợ của Hoa Kỳ nhằm khôi phục kinh tế và nâng cao dân trí, trong thời điểm miền Bắc có cải cách ruộng đất gây tai họa thì miền Nam cũng có Cải cách điền địa và "Người cày có ruộng" mang lại niềm vui cho nhân dân. Chính vì có những chính sách hợp lý, chế độ dân chủ nên nửa trong của Việt Nam đã phát triển nhanh chóng. Bằng chứng là Sài Gòn được coi là "Hòn Ngọc Viễn Đông".

Ngay sau khi ông Diệm bị giết hại thì nền Đệ nhị Cộng Hòa cũng đã có những nối tiếp nền Đệ nhất Cộng Hòa để đem lại đời sống no ấm cho nhân dân miền Nam. Dù có khó khăn do chiến tranh liên miên, đảng cộng sản cho quân du kích nằm vùng đặt bom, phá đường, tàn sát dân lành thì nền kinh tế vẫn được duy trì một đời sống hơn hẳn so với VNDCCH. Bạn đọc hãy cùng tôi điểm lại những tài liệu để thấy sự thật này.

- Giai đoạn 1954-1956: Công nghiệp khá nghèo nàn với số lượng nhà máy ít ỏi có từ thời Pháp thuộc.

- Giai đoạn 1957-1967: là giai đoạn bùng nổ của công nghiệp nhờ chính sách công nghiệp tích cực của chính quyền và nhờ các biện pháp bảo hộ nền công nghiệp trong nước.

- Giai đoạn 1967-1972: có sự phân hóa rõ rệt giữa các phân ngành. Những phân ngành như sản xuất đường và dệt không được bảo vệ nữa nên bị hàng ngoại tràn ngập bóp chết. Trong khi đó, những ngành như chế biến thực phẩm phục vụ quân nhu, chế biến gỗ, vật liệu xây dựng lại phát triển mạnh. Đặc biệt, ngành luyện kim phát triển rất nhanh mặc dù miền Nam Việt Nam không có những mỏ kim loại. Chính phế thải kim loại của chiến tranh mới là nguồn nguyên liệu dồi dào và rẻ cho ngành luyện kim. Trên cơ sở sự phát triển của ngành luyện kim, ngành gia công kim loại cũng phát triển vượt bậc.

- Giai đoạn sau 1972: Các ngành luyện kim và điện vẫn phát triển với nhiều nhà máy mới được xây dựng. Còn các ngành sản xuất vật liệu xây dựng là những ngành suy giảm mạnh. Cơ cấu công nghiệp của Việt Nam Cộng Hòa tại thời điểm 1973 cho thấy công nghiệp của Việt Nam Cộng Hòa chủ yếu là công nghiệp nhẹ. Công nghiệp nặng và hóa chất mới ở trình độ sơ khai. Nguyên liệu cho ngành chế tạo chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài.

- Năm 1973, chính phủ đã tổ chức 2 vòng đấu thầu khai thác dầu lửa ngoài khơi thềm lục địa. Nhiều công ty khai thác dầu lửa nước ngoài đã tham gia, bất chấp là tình hình an ninh chưa ổn định. Chính phủ cấp giấy phép cho sáu tổ hợp công ty dầu lửa được khai thác 13 địa điểm trong một khu vực 82.000 km² mới chỉ là 16% của thềm lục địa. Tới tháng 10.1974 hãng Mobil khoan mỏ Bạch Hổ, tại lô 04-TLD, tìm được dầu dưới độ sâu trên 2,7 km. Ước tính là vào cuối 1975, sẽ có ít nhất 20 giàn khoan. Sản xuất một lượng dầu khả quan sắp được bắt đầu muộn lắm là vào cuối năm 1977. Các Công ty dầu đề nghị Chính phủ hai điểm: thứ nhất, cho công ty đào ngay mà không phải qua thủ tục đấu thầu, hành chánh; thứ hai, khi khai thác được dầu sẽ chia đôi, một nửa cho công ty, một nửa cho Chính phủ. Sau 1975, các mỏ dầu này do Liên doanh Vietsopetro của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam quản lý và khai thác.

Thứ nhất, số liệu và nhận xét trên Wiki có links sau: http://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_tế_Việt_Nam_Cộng_hòa

"Chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đã tích cực triển khai chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu. Các hàng rào thuế quan và phi thuế quan được dựng lên để bảo hộ một loạt ngành công nghiệp nhẹ. Kết quả phải kể đến nhà máy giấy đầu tiên ở Việt Nam: nhà máy giấy Cogido An Hảo (1961) ở Biên Hòa, thỏa mãn 30-40% nhu cầu tiêu thụ giấy trong nước [4]; hai xưởng dệt Vinatexco và Vimytex với năng suất 13,2 triệu mét vải mỗi năm; nhà máy thủy tinh Khánh Hội năng suất 15.000 tấn/năm; hai nhà máy xi măng, một ở Hà Tiên, một ở Thủ Đức với năng suất 540.000 tấn mỗi năm; và đập thủy điện Đa Nhim, hoàn thành năm 1961 Đồng thời, các loại máy móc, kim loại - những đầu tư vào cho các ngành được bảo hộ - được ưu tiên nhập khẩu. Trong khi hạn chế nhập khẩu, xuất khẩu được khuyến khích. Một số mặt hàng xuất khẩu còn được chính quyền trợ cấp. Ngay cả tỷ lệ giá hối đoái cũng được điều chỉnh thuận lợi cho xuất khẩu (thông qua trừ đi một mức phụ đảm).

Ở nông thôn thì Cải cách ruộng đất (lúc đó gọi là "Cải cách điền địa") được triển khai từ năm 1955 và kéo dài tới cuối năm 1960. Những ruộng đất của địa chủ bỏ hoang sẽ bị thu hồi và cấp cho tá điền. Địa chủ không được phép sở hữu quá 100 hecta đất (riêng các đồn điền dù hơn 100 ha vẫn được phép). Số dư ngoài 100 ha bị buộc phải bán cho chính quyền để bán lại cho tá điền. Tá điền được yêu cầu lập hợp đồng khai thác ruộng đất với địa chủ, gọi là khế ước tá điền trong đó có ghi mức địa tô mà tá điền phải trả cho địa chủ. Thời hạn khế ước là 5 năm, có tái ký. Tá điền có quyền trả đất và phải báo trước chủ đất 6 tháng.

Về thu nhập bình quân, theo "số liệu kinh tế - GDP" bình quân, ở miền Nam vào thời trước 1975 là 190USD. Thu nhập này tuy chưa cao mấy thời đó, nhưng cao hơn ở các nước Thái Lan, Bangladesh, Ấn Độ, và Pakistan.

Trong khi đó 36 năm sau, GDP bình quân đầu người của Việt Nam là khoảng 1100 USD, thua xa Thái Lan (khoảng 4000 USD).

Như vậy rõ ràng sau khi nắm đất nước thì nền kinh tế VNCH đã có những bước phát triển vượt bậc và bước đầu tạo ra dấu ấn cho nhân dân Việt Nam.

Thủ đô Sài Gòn của VNCH trước 1975

Thủ đô Hà Nội của VNDCCH trước 1975

Thứ hai, năm 1950 nền kinh tế của Đài Loan gần như không có gì đáng kể. Năm 1960 lợi tức đầu người USD170 thua miền Nam lúc đó (190 USD). Năm 2010 Đài Loan có GDP khoảng US$ 37.000/năm. Dự trữ ngoại tệ 400 tỉ USD. Năm 1954 kinh tế Hàn Quốc thua xa miền Nam lúc đó. Năm 2010 Hàn Quốc có GDP khoảng US$ 20.757 / năm. Dự trữ ngoại tệ 311 tỷ USD. Năm 1959 Singapore được tự trị, một quốc gia nghèo, nhỏ bé, thiếu tài nguyên, lúc đó thua miền Nam mọi lĩnh vực. Năm 2010 Singapore có GDP US$ 43.000/năm. Dự trữ ngoại tệ 300 tỷ USD. Những con số mà tôi lấy thống kê trích từ "Tạp chí kinh tế Châu Á" năm 2010 bạn đọc có thể kiểm chứng.

Qua những con số biết nói đó chúng ta thấy được gì? Đó là những nước có nền kinh tế vượt xa cả trăm lần CHXHCN Việt Nam hiện nay thì trước năm 1975 họ thua kém VNCH rất nhiều. Vậy mà sau khi "thống nhất" đất nước thì chúng ta có gì? Có chăng chỉ là sự lạc hậu và thua kém. Vậy thì VNCH đâu phải là một chế độ bù nhìn? Họ bù nhìn tại sao lại làm cho thu nhập bình quân của nhân dân cao hơn cả những nước kể trên. Và quan trọng nếu với đà phát triển như con số đã nêu thì nếu còn tồn tại VNCH sẽ là con rồng Châu Á thật sự chứ không phải kiểu rồng đất, rồng tre như CHXHCN Việt Nam ngày nay.

Thứ ba, nhìn chung đa phần dân chúng thời đó vẫn sống ở nông thôn, làm nghề nông là chính. Với chương trình "Người Cày Có Ruộng" đầu thập niên 1970, chính phủ đã chia hằng triệu mẫu ruộng cho nông phu. Đời sống dân chúng cải thiện đáng kể.

Mặc dù miền Nam hiếm có những ngành công nghiệp nặng, nhưng tiểu thủ công nghệ phát triển mạnh. Các ngành dệt vải, kim khí điện máy khá xôm tụ. Thương mại và các hoạt động tiểu thương cũng sầm uất. Cần kể thêm thái độ của người dân. Nhiều sản phẩm nội địa được ưa chuộng, chiếm nhiều cảm tình như: kem đánh răng "Hynos", xà bông "Cô Ba", bột giặt "Viso"... Điều này cho thấy người tiêu thụ miền Nam thời đó có tinh thần yểm trợ hàng nội hóa khá cao.

Một thế mạnh nữa của VNCH là thế hệ trí thức, kỹ sư, cán sự được huấn luyện kỹ lưỡng, làm việc tận tâm. Về mặt này, VNCH hoàn toàn vượt xa các lân bang cùng thời như Thailand, Malaysia, Indonesia, Singapore... Có thống kê cho thấy 3 trong số 4 kỹ sư trong toàn vùng khi đó là công dân Nam Việt Nam. Năm 1961, kỹ sư miền Nam tiếp tục đón nhận nhà máy thủy điện Đa Nhim từ Nhật. Từ thời này, các chuyên gia Nam Việt Nam cũng đã manh nha dự án khu chế biến lọc dầu Dung Quất ngày nay.

Nguồn chuyên viên lành nghề, mẫn cán còn giúp thực thi các kế hoạch, khai triển nhiều khu kỹ nghệ: Khu Kỹ Nghệ Biên Hòa, Khu Kỹ Nghệ Phong Dinh... Ngay khi tin vui về mỏ dầu hỏa ở Vũng Tàu loan ra, VNCH cũng có đủ chuyên viên để thiết lập ngay Tổng Cục Dầu Hỏa.

Trung tâm nguyên tử năng Đà Lạt, hoạt động từ thời Đệ Nhất Cộng Hòa, do kiến trúc sư tài danh Ngô Viết Thụ vẽ mẫu thiết kế.

Thứ tư, theo sách "Lịch sử Kinh tế Việt Nam" 1945-2000, viết về giai đoạn 1955-1975, xuất bản tại Hà Nội năm 2004 (tài liệu mới của nhà nước cộng sản Việt Nam) cho biết:

"Năm 1973 nông dân thu hoạch gần 5 triệu tấn gạo, gần đủ cho nhu cầu quốc nội. Ước lượng sang 1976 có thặng dư để xuất cảng. Cũng có kế hoạch xuất cảng tôm lên đến 30 triệu đô-la năm 1975. Về hạ tầng cơ sở, đến đầu 1970, Việt Nam Cộng Hòa có trên 1.200 cây số đường xe lửa, khoảng 20.000 điện thoại, 50 đài phát thanh và 4 đài truyền hình lớn (ở Sài Gòn, Huế, Quy Nhơn và Cần Thơ. Cuối thập niên 1950, VNCH xây xa lộ Biên Hòa ở phía Bắc Sài Gòn, là công trình giao thông công cộng có thể nói tân tiến nhất toàn vùng Đông Nam Á khi đó... Có thể kể thêm nhà máy giấy Cogido An Hảo (1961, Biên Hòa) có lúc sản xuất giấy đủ đến 40% nhu cầu nội địa. Hai xưởng dệt Vinatexco và Vimytex trình làng hơn 13 triệu mét vải hằng năm. Hai nhà máy xi măng, một ở Hà Tiên và một ở Thủ Đức cho ra lò hơn 540.000 tấn mỗi năm...".

Chính những con số mà chính đảng cộng sản công nhận cũng đã đủ nói lên thực tế không thể chối bỏ đó là VNCH có một nền kinh tế tự do và phát triển ổn định. Ngoài những con số trên chúng ta còn thấy được gì? Đó là: Nhiều người từng sống ở miền Nam trước đây có lẽ vẫn còn nhớ chiếc xe La Dalat, biểu tượng của công nghệ xe hơi non trẻ. Vào thời điểm này, sáng lập viên của hãng xe Hyundai mới chỉ là tiểu thương tại Hàn Quốc. Dù lắp ráp với nhiều phụ tùng ngoại quốc, La Dalat vẫn là chiếc xe hơi đầu tiên mang nhãn "Made in Vietnam", mẫu mã của riêng Việt Nam.

Trước 1975, có 11 giàn máy tính IBM 360 hiện đại đã được đưa về Bộ Tổng Tham Mưu và Bộ Giáo Dục. Lúc

đó, toàn vùng Đông Nam Á chỉ có Singapore sắm được vỏn vẹn... 1 chiếc máy tương tự.

Thứ năm, Trung Cộng trong nỗ lực phát triển kinh tế và cạnh tranh với Mỹ và âm mưu triệt tiêu nội lực của Việt Nam đã phải thừa nhận. Hãy nghe tác giả Hà Cẩn mà tôi nhiều lần giới thiệu cuốn sách "Mao chủ tịch của tôi" trong loạt bài "Những sự thật không thể chối bỏ". Tác giả thuộc Viện văn học Trung Quốc, cho in cuốn sách năm 1997 và tái bản năm 2000, tại trang 222 có đoạn: *"Miền Nam Việt Nam có nền kinh tế phát triển, đó là điều bất lợi cho chúng ta..."* . Tác giả Trung Cộng này cũng công nhận sự phát triển của miền Nam về kinh tế và khẳng định đó là bất lợi cho âm mưu Hán hóa mà ông Hồ đang thực hiện theo lệnh Mao. Đây là một điểm khẳng định cho sự thật về nền kinh tế phát triển của VNCH và cũng thêm minh chứng cho âm mưu của Trung Cộng và ông Hồ Chí Minh.

Những sự thật về chế độ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa

Trong khi các con số và tài liệu cho thấy VNCH là nước có nền kinh tế phát triển trong đa số các lĩnh vực thì VNDCCH được cai trị bởi những kẻ độc tài và bạo tàn thì sao?

Thứ nhất, đó là con số những người chết khủng khiếp trong chiến dịch CCRĐ man rợ do ông Hồ Chí Minh chỉ đạo mà tôi đã đề cập trong bài Những sự thật không thể chối bỏ - phần 5 - Nỗi đau Cải Cách. Bên cạnh đó là một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu mà nhân dân là những người hứng chịu trực tiếp.

Trên Wiki http: //vi.wikipedia.org/wiki/Cải_cách_ruộng_đất_tại_miền_Bắc_Viet_Nam) có viết:

"Tổng cộng chiến dịch Giảm tô tịch thu của địa chủ, phú nông 31.110 tấn thóc tô, 15.475 ha ruộng, 8.246 trâu bò. Tổng cộng chiến dịch Cải cách Ruộng đất tịch thu của địa chủ 810.000 ha ruộng, 106.448 trâu bò, 1.846.000 nông cụ, 148.565 ngôi nhà. Số tài sản này được phân chia cho 2.104.138 hộ bần nông, trung bình mỗi hộ được 0,38 ha, 0,87 nông cụ, 0,071 ngôi nhà".

Thu nhập bình quân đầu người ở các hộ xã viên hợp tác xã nông nghiệp có sự bất bình thường về cơ cấu. Trong tổng thu nhập của họ thì khoản thu nhập trong hợp tác xã nhỏ hơn thu nhập ngoài hợp tác xã, trong khi 95% ruộng đất và toàn bộ công cụ sản xuất (trâu, bò, cày, bừa…) đều nhập vào tập thể. Phần 5% ruộng đất chia về các hộ chỉ nhằm tạo thêm thu nhập phụ, mà thường là những thửa ruộng đầu thừa đuôi thẹo. Trong cuốn "Những điều cần nhìn lại sau CCRĐ" - NXB Văn hóa của ĐCSVN có đoạn: *"Năm 1961: Tổng thu nhập bình quân đầu người là 11,50 đồng/tháng, trong đó thu nhập trong hợp tác xã là 4,5 đồng, còn thu nhập ngoài hợp tác xã là 7,0 đồng".*

Ngoài ra, theo tác giả Bernard Fall, một gia đình nông dân bốn người cần có ít nhất 1,5 mẫu tây để bảo đảm đời sống, đó là chưa kể đến thuế nông nghiệp phải đóng hằng năm (Bernard Fall, sđd. tt. 271, 282).

Thứ hai, kể cả sau khi kết thúc CCRĐ thì nền kinh tế của VNDCCH không sáng sủa và kém xa so với VNCH. Trong cuốn sách được nhà xuất bản Lịch sử của Liên Bang Nga xuất bản năm 1995 có tên gọi tạm dịch ra tiếng Việt "Liên Xô - Trung Quốc và Việt Nam, vấn đề chưa được biết" của tác giả người Nga, Ruslan Kobachenko, một đảng viên đảng cộng sản Liên Xô và cũng là nhà giáo kiêm nhà nghiên cứu lịch sử Châu Á từng giảng dạy tại đại học Minsk-Nga, có đoạn trong trang 197 như sau:

"So với Miền Nam thì người đồng chí Miền Bắc của chúng ta chịu thua kém nhiều về kinh tế. Chúng ta đã nhận ra điều này như là một yếu điểm cần phải được sửa chữa của lãnh đạo Miền Bắc mà đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhưng thật khó làm điều này vì kinh tế Miền Bắc rất lạc hậu và theo mô hình của Trung Hoa...".

Đoạn trích cho thấy tác giả người Nga chê nền Kinh tế VNDCCH không bằng VNCH do lạc hậu và theo mô hình Trung Cộng. Vậy thì những gì tuyên truyền của đảng cộng sản về một nền kinh tế bị "kìm kẹp" chỉ là một sự bịa đặt nhằm ngậm máu phun người đối với VNCH.

Thứ ba, theo sách "Lịch sử Kinh tế Việt Nam" 1945-2000, viết về giai đoạn 1955-1975, xuất bản tại Hà Nội năm 2004 thì:

"Cho đến 1973 nông dân miền Bắc sản xuất gần 4 triệu tấn gạo, chưa đủ chi dùng cho nhân dân và vẫn phải nhận viện trợ từ Trung Quốc, Liên Xô bột mì, bobo... Về hạ tầng cơ sở, đến đầu 1972, VNDCCH chỉ có trên 500 cây số đường xe lửa, điện thoại chỉ có trong cơ quan nhà nước, 2 đài phát thanh, chưa có máy điện toán...".

Chỉ cần bạn đọc điểm lại những con số trên và xem những con số cùng loại và cũng thời điểm đó đã nêu trên thì VNCH rõ ràng có nền kinh tế, hạ tầng phát triển hơn hẳn VNDCCH.

Kết luận: Một nền kinh tế VNCH phát triển bền vững và có chiều sâu, chiều rộng cho thấy VNCH đã nỗ lực phát triển để đem lại đời sống tốt đẹp cho nhân dân. Như vậy đây là kết luận đầu tiên cho thấy chính sách ngậm máu phun người của đảng cộng sản về một miền Nam khốn khó, chịu kìm kẹp là điều không tưởng.

2. Việt Nam Cộng Hòa – Một đất nước tự do, dân chủ thật sự:

Như ở mục 1 tôi đã chứng minh so với VNDCCH thì VNCH hơn hẳn về mặt kinh tế, đời sống nhân dân. Vậy còn các mặt khác về đời sống, văn hóa, giáo dục và chính trị thì ra sao? Tôi xin trình bày ở mục 2 này.

Thứ nhất, để nói về tự do dân chủ chúng ta có thể thấy rõ nét nhất là văn hóa và biểu tình, tự do lập đoàn thể, hội họp và thậm chí cả chống chính phủ khác hẳn so với VNDCCH và CHXHCNVN hiện nay là độc tài toàn trị.

Minh chứng rõ nét cho việc này đó là xuất hiện những thành phần cộng sản nằm vùng trong lòng VNCH như ông Huỳnh Tấn Mẫm, Lê Hiếu Đằng… Chính quyền VNCH biết rõ họ là cộng sản và biết những hành động của họ làm chống chính quyền. Nhưng họ vẫn được biểu tình, kích động dân chúng theo cộng sản. Điều này trái ngược hẳn với quyền tự do bị chà đạp của nhân dân yêu nước khi tham gia biểu tình chống Trung Cộng xâm lược…

Ngoài ra, chúng ta có thể thấy tại VNCH, các bài hát phản chiến của Trịnh Công Sơn vẫn được phép tồn tại. Hay thậm chí các bài hát có nội dung lãng mạn bị đảng cộng sản triệt để cấm đoán vì lo ngại sẽ hỏng mất chính sách tuyên truyền hận thù của cộng sản thì tại VNCH vẫn

được tự do ca hát. Đó chính là do chính quyền VNCH tôn trọng quyền tự do tư tưởng và thưởng thức âm nhạc của nhân dân. Xin lấy một ví dụ. Bài hát "Những đồi hoa sim" thực chất là bắt nguồn từ một nhà thơ Miền Bắc và trước khi về quê ở ẩn do không chấp nhận sự thối nát của cộng sản cũng là người theo đảng cộng sản, ông là Hữu Loan nhưng vẫn được các nhạc sỹ của VNCH phổ biến và tự do ca hát. Ngược lại VNDCCH thì tuyên truyền "Không nghe, không dùng văn hóa của Ngụy". Mặc dù những bài hát, bài thơ đó hoàn toàn không có mưu đồ chính trị và giàu tính nhân văn.

Nạn nhân của những nghệ sỹ trong chế độ độc tài nhiều vô kể như nhạc sỹ Tô Hải hay nạn nhân của cái gọi là "Phản cách mạng" Nhân văn Giai Phẩm. Trong khi đó VNCH không có một cuộc thanh trừng nào kiểu như vậy, và quan trọng hơn cả VNCH không hề có một cuộc cách mạng thực chất là CẮT MẠNG người như "Cải cách ruộng đất - long trời lở đất".

Thứ hai, trong cuốn sách nghiên cứu khá sâu sắc về quốc tế cộng sản "Chủ thuyết của chúng ta" của học giả A.Schenalder - một đảng viên đảng cộng sản CHDC Đức - được ấn hành tại Đông Đức năm 1981 có viết tại trang 189: *"Nếu cứ tự do như VNCH thì VNDCCH sẽ bị đánh mất chủ thuyết của mình..."* . Tác giả này đã công nhận VNCH có tự do về tư tưởng và VNDCCH thì ngược lại rất độc tài và quân phiệt chỉ nhằm giữ cho được "Chủ thuyết cộng sản" sai lầm cho mình nhằm cai trị nhân dân ta, đẩy nhân dân ta đến cuộc chiến huynh đệ tương tàn.

Chỉ cần thấy câu: Tổ quốc - Danh dự - Trách nhiệm (1954-1967) (Fatherland - Honour - Duty) và Tổ quốc - Công minh - Liêm chính (1967-1975) (Fatherland - Justice - Integrity) của VNCH đặt Tổ quốc lên trên hết cũng đã thấy khác hẳn với "Trung với đảng, hiếu với dân" của CHXHCNVN vì đảng cộng sản đặt lợi ích của mình trên cả nhân dân và chẳng thấy bóng dáng Tổ Quốc đâu cả.

Thứ ba, Giáo dục Việt Nam Cộng Hòa mang triết lý giáo dục nhân bản, dân tộc, và khai phóng. Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa nhấn mạnh quyền tự do giáo dục, và cho rằng "những người có khả năng mà không có phương tiện sẽ được nâng đỡ để theo đuổi học vấn". Hệ thống giáo dục Việt Nam Cộng Hòa gồm tiểu học, trung học và đại học, cùng với một mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập, dân lập, và tư thục ở cả ba bậc học và hệ thống tổ chức quản trị từ trung ương cho tới địa phương. Điều này đã được minh chứng bằng việc học sinh đi học dưới chế độ VNCH không hề mất học phí. Năm học 1973-1974, Việt Nam Cộng Hòa có một phần năm (20%) dân số là học sinh và sinh viên đang đi học trong các cơ sở giáo dục. Con số này bao gồm 3.101.560 học sinh tiểu học, 1.091.779 học sinh trung học và 101.454 sinh viên đại học; số người biết đọc biết viết ước tính khoảng 70% dân số. Đến năm 1975, tổng số sinh viên trong các viện đại học ở miền Nam là khoảng 150.000 người (không tính các sinh viên theo học ở Học viện Quốc gia Hành chính và ở các trường đại học cộng đồng). Những con số nêu trên được lấy từ cuốn "Giáo dục Việt Nam" – NXB Giáo dục năm 2001 – cuốn sách của đảng cộng sản Việt Nam.

Năm 1958, dưới thời Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục Trần Hữu Thế, Việt Nam Cộng Hòa nhóm họp Đại hội Giáo dục Quốc gia (lần I) tại Sài Gòn. Đại hội này quy tụ nhiều phụ huynh học sinh, thân hào nhân sĩ, học giả, đại diện của quân đội, chính quyền và các tổ chức quần chúng, đại diện ngành văn hóa và giáo dục các cấp từ tiểu học đến đại học, từ phổ thông đến kỹ thuật... Ba nguyên tắc "nhân bản" (humanistic), "dân tộc" (nationalistic), và "khai phóng" được chính thức hóa ở hội nghị này. Đây là những nguyên tắc làm nền tảng cho triết lý giáo dục của Việt Nam Cộng Hòa, được ghi cụ thể trong tài liệu Những nguyên tắc căn bản do Bộ Quốc gia Giáo dục ấn hành năm 1959 và sau đó trong Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa (1967). Theo văn bản phụ lục của hiến pháp VNCH ghi rõ:

"Giáo dục Việt Nam là giáo dục nhân bản. Triết lý nhân bản chủ trương con người có địa vị quan trọng trong thế gian này, lấy con người làm gốc, lấy cuộc sống của con người trong cuộc đời này làm căn bản, xem con người như một cứu cánh chứ không phải như một phương tiện hay công cụ phục vụ cho mục tiêu của bất cứ cá nhân, đảng phái, hay tổ chức nào khác. Triết lý nhân bản chấp nhận có sự khác biệt giữa các cá nhân, nhưng không chấp nhận việc sử dụng sự khác biệt đó để đánh giá con người, và không chấp nhận sự kỳ thị hay phân biệt giàu nghèo, địa phương, tôn giáo, chủng tộc... Với triết lý nhân bản, mọi người có giá trị như nhau và đều có quyền được hưởng những cơ hội đồng đều về giáo dục.

Giáo dục Việt Nam là giáo dục dân tộc. Giáo dục tôn trọng giá trị truyền thống của dân tộc trong mọi sinh hoạt liên hệ tới gia đình, nghề nghiệp, và quốc gia. Giáo dục phải bảo tồn và phát huy được những tinh hoa hay những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc. Dân tộc tính trong văn hóa cần phải được các thế hệ biết đến, bảo tồn và phát huy, để không bị mất đi hay tan biến trong những nền văn hóa khác.

Giáo dục Việt Nam là giáo dục khai phóng. Tinh thần dân tộc không nhất thiết phải bảo thủ, không nhất thiết phải đóng cửa. Ngược lại, giáo dục phải mở rộng, tiếp nhận những kiến thức khoa học kỹ thuật tân tiến trên thế giới, tiếp nhận tinh thần dân chủ, phát triển xã hội, giá trị văn hóa nhân loại để góp phần vào việc hiện đại hóa quốc gia và xã hội, làm cho xã hội tiến bộ tiếp cận với văn minh thế giới".

Trong khi đó thì ở VNDCCH, học sinh bị nhồi nhét tư tưởng Mỹ "xâm lược" mà thực chất không phải vậy, "bác Hồ yêu nước, cả đời vì nước vì non" mà thực tế ngược lại khi bạn đọc 15 bài "Những sự thật không thể chối bỏ" và hàng trăm ngàn tư liệu, bằng chứng sống lại chứng minh được điều ngược lại. Hay là "yêu nước là phải yêu đảng cộng sản " – một định nghĩa dốt nát và ấu trĩ.

Những bài thơ như của ông Tố Hữu với những câu như "Giết, giết nữa..." lại được nhà trường VNDCCH gieo vào đầu con trẻ ý tưởng giết người ngược hẳn với xu thế nhân bản của thế giới nói chung và VNCH nói riêng.

Trên Wwebsite:
http://phuly.edu.vn/bacho/chuyen83.htm của Sở Giáo dục Đào tạo tỉnh Hà Nam có bài viết nói về việc ông Hồ gửi thư cho học sinh nhân ngày 1-6. Trên báo Sự Thật, số 134 ra ngày 1-6-1950, đăng bức thư gửi thiếu nhi toàn quốc nhân ngày 1-6. Ông Hồ có viết*: "Sống ở các nước tư bản, cha mẹ là người lao động bị bóc lột, thì trẻ con cũng bị bóc lột, phải chịu cực khổ".* Điều này cho thấy đảng cộng sản và ông Hồ chủ trương tuyên truyền bịa đặt ngậm máu phun người về cuộc sống của trẻ em ở những nước dân chủ trong đó có Mỹ và VNCH là bị

"bóc lột". Nhìn lại những người lính trẻ bị bắt buộc phải cầm súng khi chưa đủ tuổi thành niên thời trước hay nhìn cảnh tượng của trẻ em đang làm nô lệ tình dục, nô lệ lao động... ở Việt Nam hiện nay mới thấy được tuyên truyền của cộng sản chỉ là bịa đặt nhằm đưa đến một ý thức lệch lạc cho nhân dân.

Thứ tư, từ ngày 7 đến ngày 28 tháng 6 năm 1975 (tức là sáu tuần sau sự kiện ngày 30 tháng 4), Arthur W. Galston, giáo sư sinh học ở Viện Đại học Yale, viếng thăm miền Bắc Việt Nam (lúc đó vẫn là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa). Theo tường trình của Galston cho tạp chí Science số ra ngày 29 tháng 8 năm 1975 thì một trong những chủ đề khiến các nhà lãnh đạo miền Bắc bận tâm vào lúc đó là vấn đề thống nhất với miền Nam. Theo tạp chí Science thì:

"Việc thống nhất trong lĩnh vực khoa học và giáo dục có lẽ sẽ có nhiều khó khăn vì hai miền đã phát triển theo hai chiều hướng khác nhau trong nhiều thập niên. Nhưng dù cho có nhiều khó khăn, Galston nhận thấy các nhà lãnh đạo miền Bắc công khai bày tỏ sự ngưỡng mộ đối với nhiều đặc điểm của nền khoa học và giáo dục ở miền Nam; họ dự định kết hợp những đặc điểm này vào miền Bắc khi quá trình thống nhất đang được thảo luận sôi nổi vào lúc đó thực sự diễn ra".

Theo Galston, các nhà lãnh đạo miền Bắc, cụ thể được nhắc đến trong bài là Nguyễn Văn Hiệu (Viện trưởng Viện Khoa Học Việt Nam) và Phạm Văn Đồng (Thủ tướng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa), đặc biệt quan tâm đến hệ thống giáo dục nhấn mạnh đến các ngành kỹ thuật và điện tử cùng hệ thống các trường đại học cộng đồng hệ hai năm đã được thiết lập ở miền Nam (nguyên văn tiếng Anh: "the widespread educational emphasis on engineering and electronics and the system of two-year, community colleges").

Như vậy cho thấy ngay cả đảng cộng sản cũng phải thừa nhận nền giáo dục của VNCH chính là cái gương cho họ tự soi vào. Nhưng thực chất họ nói như vậy nhưng lại không làm như vậy chủ yếu chỉ để ngu dân, cai trị độc tài.

Lời chứng và đánh giá của ông Mai Thái Lĩnh, cựu sinh viên Viện Đại Học Đà Lạt, nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân Thành phố Đà Lạt dưới chính thể Cộng Hòa Xã Hội Chủ ghĩa Việt Nam:

"Tôi là con của một cán bộ Việt Minh – tham gia Cách mạng tháng Tám tại Lâm Đồng sau đó tập kết ra miền Bắc. Chế độ Việt Nam Cộng Hòa lúc đó biết lý lịch của tôi, nhưng vẫn không phân biệt đối xử, cho nên tôi vẫn có thể học hành đến nơi đến chốn. Tính chất tốt đẹp của nền giáo dục cũ của miền Nam là điều tôi công khai thừa nhận, vì vậy suốt 14 năm phục vụ trong ngành giáo dục "xã hội chủ nghĩa" (1975-1989), tôi bị người ta gán cho đủ thứ nhãn hiệu, chụp cho nhiều thứ mũ chỉ vì tôi nêu rõ những ưu điểm của nền giáo dục cũ cần phải học hỏi. Chính là do thừa hưởng nền giáo dục đó của miền Nam mà tôi có được tính độc lập trong tư duy, không bao giờ chịu nô lệ về tư tưởng...".

Đánh giá của nhà phê bình văn học Thụy Khuê:

"Có thể nói, trong suốt thời gian chia đôi đất nước, mặc dù với những tệ nạn của xã hội chiến tranh, tham nhũng; miền Nam vẫn có một hệ thống giáo dục đứng đắn. Trong chương trình giáo khoa, các giai đoạn lịch sử và văn học đều được giảng dạy đầy đủ, không thiên hướng. Ở bậc trung học học sinh gặt hái những kiến thức đại cương về sử, về văn, và tới trình độ tú tài, thu thập những khái niệm đầu tiên về triết học. Lên đại học, sinh viên văn khoa có dịp học hỏi và đào sâu thêm về những trào lưu tư tưởng Đông Tây, đồng thời đọc và hiểu được văn học nước ngoài qua một nền dịch thuật đáng tin cậy, dịch được những sách cơ bản".

Thứ năm, ngay từ thời điểm 1960-1970 thì cấu trúc của chính phủ VNCH đã đầy đủ chuẩn mực, khuôn mẫu, của một đất nước văn minh ngày hôm nay - Tổng Thống và Lưỡng viện Quốc Hội (Thượng và Hạ Viện). Tự do báo chí thật sự với hơn 50 tờ báo tư nhân các loại tại Sài Gòn so với không có tờ báo tư nhân nào dưới chế độ CSVN ngày nay, sau gần 70 năm trời chứ chưa nói đến VNDCCH cùng thời điểm với VNCH. Vậy thì tự do dân chủ ở đâu?

Dưới thời Tổng thống Ngô Đình Diệm, chính quyền đi theo chủ nghĩa Cần lao Nhân vị. Trong khoảng 5 năm, Việt Nam Cộng Hòa đã có một số thành tựu: xã hội ổn định, kinh tế phát triển, định cư gần 1 triệu dân di cư từ miền Bắc, thành lập Viện Đại Học Huế...

Hiến pháp 1967 xác lập cơ cấu tổ chức chính quyền Việt Nam Cộng Hòa rất hoàn chỉnh, theo mô hình của nhà nước Hoa Kỳ. Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa đã thể hiện khá đầy đủ tinh thần của chủ nghĩa hợp hiến. Quốc hội có những quyền hạn sau: Biểu quyết các đạo luật; Phê chuẩn các hiệp ước và hiệp định quốc tế; Quyết định việc tuyên chiến và nghị hòa, quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh; Kiểm soát chính phủ trong việc thi hành chính sách quốc gia; Hợp thức hóa sự đắc cử của dân biểu hoặc nghị sĩ quốc hội; Quyền khuyến cáo thay thế từng phần hay toàn thể. Chính phủ với đa số 2/3 tổng số dân biểu và nghị sĩ. Nếu Tổng Thống không có lý do đặc biệt để khước từ, sự khuyến cáo sẽ có hiệu lực. Trong trường hợp Tổng Thống khước từ, Quốc Hội có quyền chung quyết sự khuyến cáo với đa số 3/4 tổng số dân biểu và nghị sĩ.

Tính đến năm 1975 thì Việt Nam Cộng Hòa đã thiết lập ngoại giao với 87 quốc gia trên thế giới và 6 quốc gia ở cấp bán chính thức.

Chúng ta có thể thấy gì khi VNCH có hàng chục đảng phái, tổ chức hoạt động chính trị còn ngược lại VNDCCH và CHXHCNVN hiện nay chỉ có 1 đảng độc tài duy nhất hoạt động với tiêu chỉ "Bỏ điều 4 hiến pháp là tự sát". Ngoài ra ta phải thấy rõ ràng sự tự do trong bầu cử của VNCH khác hẳn với bầu cử theo sự sắp đặt của VNDCCH hay CHXHCNVN. Đó chính là sự tự do và dân chủ thật sự khác với tuyên truyền giả hiệu, ngậm máu phun người.

Thứ sáu, một tác giả của Trung Cộng khác là Vương Văn khi viết cuốn sách "Tư bản hay dân chủ" xuất bản tại Trung Cộng năm 2002 cũng nói về VNCH như sau tại trang 92:

"Dân chủ trong chủ nghĩa tư bản cho nhân dân hưởng nhiều cái lợi nhưng lại là sự bất lợi cho chính quyền vì chính quyền không thể kiểm soát nổi nhân dân tự do. Hãy nhìn Việt Nam Cộng Hòa ở Miền Nam Việt Nam làm tấm gương...".

Tác giả Trung Cộng này cho rằng VNCH chính là một chính quyền tự do, dân chủ nên đã bị thất bại. Điều này không sai nhưng chưa đủ. Vì sao? Vì thực chất cái đúng là tác giả công nhận sự tự do dân chủ thật sự của VNCH. Tuy nhiên tác giả nên nhớ một điều rằng chính đảng cộng sản Việt Nam đã lợi dụng sự tự do và dân chủ này để gây chia rẽ, dẫn đến sự sụp đổ của một nền dân chủ

non trẻ nhưng đã làm được những điều tốt đẹp lớn lao cho nhân dân miền Nam.

Thứ bảy, một khi để nói là VNCH là tay sai của Mỹ, là bán nước, là Ngụy quân, ngụy quyền thì phải có bằng chứng rõ ràng. Nhưng như phần A tôi đã chứng minh Mỹ không hề xâm lược Việt Nam, không lấy đất, biển đảo, tài nguyên của Việt Nam, cũng không sưu cao thuế nặng như Thực dân Pháp trước 1945 thì VNCH đâu có bán nước, đâu có là "tay sai" như đảng cộng sản tuyên truyền?.

Quan trọng hơn, tại sao một chế độ bị vu cáo là "ngụy" lại anh dũng chống trả quân thù Trung Cộng cướp nước còn CHXHCNVN lại "tri ân" giặc Tầu? Để mặc ngư dân bị đánh đập ngay trên biển đảo quê hương mình? Ai là Ngụy thì thực chất bạn đọc cũng tự tìm cho mình câu trả lời rồi.

Thứ tám, Tự do tôn giáo cũng là vấn đề được đề cập tại VNCH. Chúng ta có thể thấy các cuộc biểu tình rầm rộ của giới tăng ni, cái chết của vị sư Thích Quảng Đức... cho thấy chính quyền VNCH không hề đối xử phân biệt với các tôn giáo, không có hiện tượng đập phá nhà thờ như ở Thái Hà... hiện nay.

Để khẳng định điều này, xin trích lời của tác giả người Đông Đức đã giới thiệu ở trên "Chủ thuyết của chúng ta" của học giả A.Schenalder - một đảng viên đảng cộng sản CHDC Đức - được ấn hành tại Đông Đức năm 1981 có viết tại trang 193:

"Tự do tôn giáo ở Miền Nam là sự tổng hòa cân bằng giữa các tôn giáo nhưng lại là điểm tựa cho đảng cộng sản ở Việt Nam lợi dụng để chiến thắng chính quyền ông Diệm, ông Thiệu...".

Thứ chín, một nét tiêu biểu đó là lĩnh vực Y tế của VNCH tại thời điểm trước năm 1975 đã hơn hẳn CHXHCNVN hiện nay chứ đừng nói đến VNDCCH trước kia sau mấy chục năm "thống nhất, giải phóng" ảo tưởng. Cụ thể VNCH vào thời điểm đó xây dựng được nhiều bệnh viện hiện đại của Đông Nam Á và không có cảnh 2-3 người nằm 1 giường như thiên đường XHCN. Mời bạn đọc tham khảo links sau nói về y tế VNCH (http://vi.wikipedia.org/wiki/Y_t%E1%...%99ng_h%C3%B2a):

Dịch vụ y tế bắt đầu ở cấp xã. Mỗi xã có một ủy viên y tế và một nữ hộ sinh, thường gọi là "cô đỡ" trông coi và giúp đỡ sản phụ ở thôn quê. Ủy viên Y tế làm việc dưới sự giám sát của Hội đồng xã.

Ở cấp quận thì có Chi y tế dưới sự điều hành của cán sự y tế. Mỗi tỉnh thì có một bệnh viện thuộc Ty Y tế. Trưởng ty Y tế là một bác sĩ phụ trách chương trình Y tế trong tỉnh. Giám đốc bệnh viện cũng là một bác sĩ y khoa. Bệnh nhân nhập viện vào các bệnh viện công cộng không phải trả tiền. Những bệnh viện công cộng lớn gồm có Bệnh viện Chợ Rẫy, Vì Dân, Bệnh viện Nhi Đồng Sài Gòn, và Từ Dũ.

Tổng số bệnh viện dân sự toàn quốc vào năm 1965 là 101 cơ sở với 25.000 giường. Riêng thủ đô Sài Gòn có 11 bệnh viện công cộng cung cấp gần 5.000 giường. Tính vào năm 1970 thì trên toàn quốc có hơn 570.000 ca nhập viện.

Một số chuyên khoa có bệnh viện riêng như Bệnh viện Nhi Đồng Sài Gòn (220 giường). Khoa tâm thần có ba cơ sở chính: Bệnh viện Chợ Quán ở Sài Gòn, Bệnh viện Huế, và Bệnh viện Nguyễn Văn Hoài ở Biên Hòa.

Nằm ngoài hệ thống của chính phủ là các phòng mạch, dưỡng đường và bệnh viện tư nhân (bốn bệnh viện ở Sài Gòn với hơn 800 giường). Vào giữa thập niên 1960 Việt Nam Cộng Hòa có khoảng 800 bác sĩ y khoa. Bệnh viện tư lớn phải kể Bệnh viện Grall và Bệnh viện Saint Paul ở Sài Gòn, Bệnh viện Sùng Chính (200 giường) ở Chợ Lớn.

Còn "thiên đường" bánh vẽ của chúng ta thì sao? Hãy đọc một bài viết từ trang Baomoi.com trích bài trên báo Tuoitre Online của đảng cộng sản Việt Nam: http://www.baomoi.com/Thieubenhvie...82/7484744.epi

"Chuyện 3, 4 bệnh nhân nằm chung một giường đã có từ lâu lắm rồi, nhưng thật đáng tiếc khi gần đây Bộ trưởng Bộ Y tế mới biết và thấy nỗi khổ nhục của người bệnh. Người dân luôn đặt ra câu hỏi rằng tại sao khi xây các dự án nhà ở, các khách sạn, sân golf... mọc lên nhanh thế nhưng các bệnh viện xây mới lại không có hoặc rất ít (với tiến độ con rùa). Vậy mong các vị đứng đầu hãy quan tâm và trả lời cho cử tri biết... Rất nhiều bệnh viện quá tải, nhất là Bệnh viện Nhi Đồng, Bệnh viện Ung bướu, Bệnh viện Từ Dũ... người ta dễ "phát sợ hơn cả là bệnh" khi nhìn thấy cảnh đông đúc. Quá tải... chắc khoảng... 300% chứ không phải là vừa".

Kết luận: VNCH là một nền dân chủ non trẻ nhưng thật sự là dân chủ trong cả tư tưởng, chính trị và tôn giáo, giáo dục... Nó khác xa với tuyên truyền giả tạo của VNDCCH và CHXHCNVN. Nhưng VNCH đã bị đảng cộng sản lừa bịp nhân dân, ngậm máu phun người để tuyên truyền họ là chế độ "Ngụy quân, Ngụy quyền".

Kết luận chung:

Qua các dẫn chứng tôi đã chứng minh hai điều: Mỹ không xâm lược Việt Nam và VNCH rất tự do và dân chủ. Vậy thì luận điệu quy kết cho Mỹ xâm lược Việt Nam là bịa đặt. Và chính vì không có kẻ xâm lược thì làm gì có kẻ làm tay sai bán nước như cách VNDCCH và đảng cộng sản ngậm máu phun người cho VNCH - một chế độ dân chủ non trẻ thật sự.

Dẫu rằng quá khứ đã qua, VNCH trên thực tế đã không còn tồn tại. Nhưng trong lòng những người dân đã từng sống tại miền Nam trước năm 75 và người thân của họ dù sống ở Hải Ngoại hay Việt Nam đều thương tiếc cho VNCH vì họ hiểu rõ sự thật về một xã hội tốt đẹp đang hình thành dần theo năm tháng đã bị chính sách "ngậm máu phun người" của đảng cộng sản Việt Nam bức tử. Và trong bản thân chúng tôi, những người sinh ra và lớn lên giữa xã hội toàn trị của đảng cộng sản nhưng cũng đã kịp nhận ra sự thật không phải như đảng cộng sản vẫn tuyên truyền.

Có thể khẳng định một câu ngắn gọn: VNCH không phải là "Ngụy" mà chính VNDCCH và CHXHCNVN hiện nay chính là Ngụy khi làm tay sai cho Trung Cộng, Liên Xô và bức hại dân tộc Việt Nam gần một thế kỷ. Nhiệm vụ của chúng ta phải tìm hiểu và trả lại sự thật lịch sử để cho thế hệ sau phải biết và nhân dân hiểu được bản chất xấu xa chuyên "ngậm máu phun người" của đảng cộng sản Việt Nam.

Như một lời tri ân tự đáy lòng với những công dân yêu nước VNCH của một công dân trẻ sống trong chế độ độc tài cộng sản!

Đặng Chí Hùng
16.10.2012

Chiến tranh Việt Nam trong toàn cảnh chính trị thế giới

*** Trần Gia Phụng**

Chiến tranh Việt Nam kết thúc năm 1975. Cuộc chiến nầy là cuộc chiến phức tạp nhất trong lịch sử Việt Nam, xen lẫn nhiều yếu tố chính trị quốc tế lồng trong chiến tranh lạnh toàn cầu giữa hai khối tư bản và cộng sản. Vì vậy, để góp phần soi rõ chiến tranh Việt Nam vừa qua, thiết tưởng nên đặt chiến tranh Việt Nam trong toàn cảnh chính trị thế giới.

1.- VẬN MỆNH VIỆT NAM TRONG TAY NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Trong điều 1 hòa ước Pháp Việt ngày 6-6-1884, có đoạn nguyên văn như sau: "*…Nước Pháp đại diện cho nước Nam trong các việc giao dịch với nước ngoài…*" Như thế có nghĩa là **từ năm 1884 tất cả những vấn đề ngoại giao của Việt Nam đều do Pháp quyết định**.

Đến thế chiến thứ hai (1939-1945), đế quốc Nhật Bản thao túng Đông Dương từ năm 1940, nhưng mãi đến ngày 9-3-1945, Nhật Bản mới đảo chánh, lật đổ Pháp. Vua Bảo Đại tuyên bố độc lập ngày 11-3-1945. Tuy nhiên nền độc lập quá mong manh, vì vua Bảo Đại dựa vào Nhật, mà Nhật sắp thất trận.

Sau khi Đức đầu hàng ngày 7-5-1945, nguyên thủ các nước Hoa Kỳ, Anh và Liên Xô họp hội nghị thượng đỉnh tại thị trấn Potsdam (gần Berlin, thủ đô nước Đức), từ ngày 17-7 đến 2-8-1945, có mục đích bàn về các vấn đề hậu chiến tại Đức. Hoa Kỳ thử nghiệm thành công bom nguyên tử ngày 16-7, nên chọn ngày 17-7 để bắt đầu hội nghị Potsdam, nhằm tăng uy lực cho Hoa Kỳ trong các cuộc thương thuyết. Bên cạnh đó, cũng tại Potsdam, đại diện Hoa Kỳ, Anh và Trung Quốc (không họp hội nghị Potsdam, nhưng đồng ý qua truyền thanh) cùng gởi một tối hậu thư cho Nhật Bản ngày 26-7-1945. Lúc đó, Nhật Bản còn tiếp tục chiến đấu ở Á Châu. Liên Xô không tham dự vào tối hậu thư vì Liên Xô chưa tham chiến ở Á Châu và chưa tuyên chiến với Nhật Bản.

Tối hậu thư nầy, thường được gọi là tối hậu thư Potsdam, buộc Nhật Bản phải đầu hàng vô điều kiện, chấp nhận những điều kiện của Đồng minh, như chấm dứt quân phiệt, giải giới quân đội, từ bỏ đế quốc... Cũng theo tối hậu thư Potsdam, tại Đông Dương quân Nhật sẽ bị giải giới do quân Trung Quốc ở bắc và do quân Anh ở nam vĩ tuyến 16. Như thế, qua tối hậu thư Potsdam, **các cường quốc tự ý quyết định tương lai chính trị cho Việt Nam mà không có đại diện của Việt Nam**.

Tối hậu thư Potsdam không đề cập đến ai sẽ cai trị Đông Dương sau khi quân đội Nhật bị giải giới và rút về nước, nghĩa là không đưa ra một giải pháp chính trị cho tương lai Đông Dương. Phải chăng các cường quốc cố tình tạo ra một khoảng trống hành chánh và chính trị ở Đông Dương, nhằm sử dụng Đông Dương làm chiến lợi phẩm đổi chác với nhau, hay đổi chác với Pháp? Nhân cơ hội nầy, Pháp hết sức vận động với cả hai nước Anh và Trung Quốc để Pháp tái lập quyền bảo hộ Đông Dương.

Ngay sau khi Nhật Bản đầu hàng ngày 14-8-1945, mặt trận Việt Minh (VM) do Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Đông Dương (CSĐD) điều khiển, nhanh tay cướp chính quyền và lập chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH) ngày 2-9-1945. Trong khi đó, để giải giới quân đội Nhật, tướng Douglas Gracey chỉ huy quân Anh đến Sài Gòn ngày 13-9-1945 và tướng Lư Hán cầm đầu quân Quốc Dân Đảng Trung Quốc đến Hà Nội ngày 14-9-1945.

Pháp ký với Anh *Tạm ước về hành chính và tư pháp* tại London ngày 8-10-1945, theo đó Anh giao quyền cho Pháp cai trị phía nam vĩ tuyến 16 ở Việt Nam. (Chính Đạo, *Việt Nam niên biểu*, tập A, tr. 275). Sau đó, Pháp ký với Quốc Dân Đảng Trung Quốc hiệp ước tại Trùng Khánh (Chongqing) ngày 28-2-1946, nội dung là Trung Quốc chịu cho quân Pháp thay thế ở bắc vĩ tuyến 16, và ngược lại Pháp nhường cho Trung Quốc nhiều quyền lợi kinh tế ở Bắc Kỳ cũng như ở Trung Quốc. (Chính Đạo, *sđd.* tr. 311). Như thế các nước **Anh, Trung Quốc, Pháp xem Việt Nam như một món hàng trao đổi, buôn bán với nhau**.

2.- VIỆT NAM TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

Sau khi Nhật Bản đầu hàng (14-8-1945), thế chiến thứ hai chấm dứt. Các nước thắng trận chia thành hai khối: một bên là Hoa Kỳ cùng các nước Tây Âu theo chủ nghĩa tư bản, và một bên là Liên Xô cùng các nước Đông Âu do Liên Xô mới chiếm đóng, theo chủ nghĩa cộng sản. Hai khối tư bản và cộng sản tranh chấp quyết liệt trên tất cả các lãnh vực kinh tế, văn hóa, chính trị, quân sự; tăng cường sức mạnh cho mình và khối của mình, đồng thời tìm cách làm suy yếu khối đối phương. Tuy nhiên hai bên tránh đụng độ trực tiếp với nhau vì cả hai bên đều thủ đắc võ khí nguyên tử, sợ chiến tranh nguyên tử xảy ra thì cả hai bên đều thiệt hại thảm khốc. Tình trạng tranh chấp căng thẳng nhưng không đánh nhau nầy gọi là **chiến tranh lạnh**. (Liên Xô thử nghiệm thành công bom nguyên tử ngày 29-8-2040).

Trong khi đó, sau thế chiến thứ hai, phong trào giải thực chống đế quốc lan tràn khắp nơi. Lợi dụng hoàn cảnh nầy, Liên Xô tiếp tục chủ trương xuất cảng cách mạng, xúi giục và giúp đỡ các nước nhỏ bị các nước Tây phương đô hộ vào thế kỷ trước, đứng lên giành độc lập, rồi sau đó gia nhập khối Liên Xô. Các cuộc võ trang nổi dậy, hoặc các cuộc nội chiến tranh chấp quyền lực, tạo nên những cuộc chiến cục bộ, là những điểm nóng địa phương trong chiến tranh lạnh toàn cầu.

Ở Á Châu, sau thế chiến hai, các điểm nóng quan trọng là Trung Quốc, Triều Tiên và Việt Nam. Khi Nhật Bản đầu hàng năm 1945, chiến tranh Quốc Cộng ở Trung Quốc tái diễn ngày 20-7-1946. Đảng Cộng Sản Trung Quốc (CSTQ) thành công, lập ra Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc (CHNDTQ) ngày 1-10-1949. Sự ra đời của CHNDTQ tăng cường sức mạnh cho khối CS và gây nhiều ảnh hưởng ở Á Châu.

Trước sự thành công của đảng CSTQ, Hoa Kỳ rất lo ngại sự bành trướng của CS ở Á Châu. Từ tháng 1-1950,

thượng nghị sĩ Joseph Raymond McCarthy, thuộc đảng Cộng Hòa, tiểu bang Wisconsin, phát động chiến dịch "tố cộng", thịnh hành đến nỗi người ta còn gọi là chủ thuyết McCarthy (Carthyism).

Tại Triều Tiên, sau thế chiến thứ hai, Triều Tiên được chia ở vĩ tuyến 38: phía Bắc do Liên Xô tạm chiếm và phía Nam do Hoa Kỳ tạm chiếm. Tại miền Nam, năm 1948 quốc hội được bầu ra và soạn thảo hiến pháp, công bố thành lập Cộng Hòa Triều Tiên (Republic of Korea), thủ đô là Hán Thành (Seoul). Tại miền Bắc, Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Triều Tiên (Democratic People's Republic of Korea) được thành lập ngày 9-9-1949, thủ đô là Bình Nhưỡng (Pyong-yang). Với sự hỗ trợ của Liên Xô, Trung Quốc giúp Bắc Triều Tiên xâm lăng Nam Triều Tiên ngày 25-6-1950. Nam Triều Tiên được Hoa Kỳ giúp đỡ, vận động đưa quân Liên Hiệp Quốc (LHQ) chống Bắc Triều Tiên. Sau thời gian đánh qua, đánh lại, ngày 27-7-1953, hai bên Nam và Bắc Triều Tiên đình chiến và trở lại vị trí trước chiến tranh ở vĩ tuyến 38 Bắc.

Tại Việt Nam, nhờ sự giúp đỡ của Anh, quân Pháp chiếm Nam Kỳ, rồi tiến ra Trung và Bắc Kỳ, đe dọa chính phủ VNDCCH. Hồ Chí Minh nhượng bộ, ký thỏa ước *Sơ bộ* ngày 6-3-1946, sẵn sàng tiếp đón quân Pháp đến thay thế quân Trung Quốc để giải giáp quân Nhật (điều 2), trái với lời Hồ Chí Minh thề khi đọc bản "Tuyên ngôn độc lập" ngày 2-9-1945: "*Nếu Pháp đến xâm lăng lần nữa thì chúng tôi xin thề: không đi lính cho Pháp, không làm việc cho Pháp, không bán lương thực cho Pháp, không đưa đường cho Pháp.*" (Tô Tử Hạ, *60 năm chính phủ Việt Nam*, Hà Nội: Nxb. Thông Tấn, 2005, tr. 26). Hồ Chí Minh còn ký *Tạm ước* (Modus Vivendi) tại Paris tối 14-9-1946 với Marius Moutet, Bộ trưởng Pháp quốc Hải ngoại, gồm 14 điều khoản, một lần nữa nhượng bộ để cho Pháp tái tục các hoạt động kinh tế, tài chính, giao thông, văn hóa trên toàn quốc Việt Nam.

Sau hai hiệp ước nầy, quân Pháp đến Bắc Kỳ càng ngày càng đông. Tại Hà Nội, tự vệ VM dựng nhiều rào cản, gây trở ngại. Quân Pháp gởi tối hậu thư cho VM ngày 18-12-1946, báo rằng nếu VM không duy trì được an ninh ở Hà Nội, thì Pháp sẽ phụ trách an ninh kể từ 20-12-1946. Nếu quân Pháp giữ gìn an ninh Hà Nội, thì toàn bộ lãnh đạo VM, đảng CSĐD và cả Hồ Chí Minh ở Hà Nội, đều nằm trong tay Pháp. Không thể để bị Pháp bắt và cũng không thể tự nhiên bỏ trốn khỏi Hà Nội, Hồ Chí Minh liền hô hào toàn dân kháng chiến chống Pháp tối 19-12-1946, nhằm tạo cơ hội cho Hồ Chí Minh và lãnh đạo CS thoát thân khỏi Hà Nội mà không bị tai tiếng chạy trốn. Từ đó bùng nổ cuộc kháng chiến chống Pháp.

Vì không biết bị Hồ Chí Minh phỉnh gạt, lúc đầu toàn dân Việt Nam hưởng ứng cuộc kháng chiến chống Pháp, nhưng càng ngày Hồ Chí Minh và mặt trận VM càng để lộ chân tướng cộng sản, nên các thành phần theo chủ nghĩa dân tộc quy tụ chung quanh Cựu hoàng Bảo Đại. Bảo Đại thương thuyết với Pháp, đưa đến kết quả là Cựu hoàng Bảo Đại ký kết với Tổng thống Pháp Vincent Auriol hiệp định *Élysée* ngày 8-3-1949, thành lập chính thể Quốc Gia Việt Nam (QGVN), chống lại VNDCCH. Từ nay, cuộc kháng chiến chống Pháp biến thành của chiến tranh Quốc Cộng.

Sau sự kiện trên, chiến tranh Việt Nam bước vào một giai đoạn mới khi Trung Quốc (ngày 18-1-1950), rồi Liên Xô (ngày 30-1-1950) thừa nhận VNDCCH; trong khi Hoa Kỳ (ngày 4-2-1950), rồi Anh Quốc (ngày 7-2-1950) thừa nhận QGVN. Các cường quốc càng ngày càng góp lửa vào chiến tranh Việt Nam. Nhờ sự viện trợ về mọi mặt của Liên Xô và nhất là Trung Quốc (nước láng giềng phía bắc), Hồ Chí Minh và đảng CSVN thắng thế, cao điểm là trận Điện Biên Phủ ngày 7-5-1954.

Trước tình hình mới, các cường quốc lại họp nhau tại Genève từ ngày 8-5-1954, tìm giải pháp cho chiến tranh Việt Nam. Theo giải pháp chia hai Triều Tiên, *Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam* được ký kết ngày 20-7-1954 tại Genève, chia hai Việt Nam ở vĩ tuyến 17: Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ở phía bắc do Hồ Chí Minh làm chủ tịch, và Quốc Gia Việt Nam ở phía nam do Bảo Đại làm quốc trưởng. **Một lần nữa, số phận Việt Nam do các cường quốc sắp đặt với nhau, và buộc hai phe Việt Nam chấp hành**.

Trước khi ký kết hiệp định Genève, Chu Ân Lai, Thủ tướng Trung Quốc mời Hồ Chí Minh sang Liễu Châu (Liuzhou) thuộc tỉnh Quảng Tây, họp từ ngày 3 đến ngày 5-7-1954. Tại đây, Chu Ân Lai ép Hồ Chí Minh phải chấp nhận giải pháp chia hai nước Việt Nam do các cường quốc đưa ra, đồng thời Chu Ân Lai đưa kế hoạch cho Hồ Chí Minh rằng trước khi rút ra Bắc, Hồ Chí Minh nên gài cán bộ ở lại miền Nam, đồng thời phân tán và chôn giấu võ khí ở lại miền Nam, chuẩn bị lực lượng tiếp tục chiến tranh.

Sau hội nghị Liễu Châu, và trước khi ký hiệp định *Genève*, Hồ Chí Minh triệu tập hội nghị Ban chấp hành Trung ương đảng Lao Động ngày 15-7-1954, trình bày mục tiêu chiến đấu mới của CSVN. Hồ Chí Minh tuyên bố: "*Mỹ không những là kẻ thù của nhân dân thế giới mà Mỹ đang biến thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Việt Miên Lào... Mũi nhọn của ta cũng như mũi nhọn của thế giới đều chĩa vào Mỹ*..." (*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 7: 1953-1955, xuất bản lần thứ hai, Hà Nội: Nxb. Chính Trị Quốc Gia, 2000, tt. 314-315). Lúc đó Hoa Kỳ chưa chính thức can thiệp vào Việt Nam, mà Hồ Chí Minh đã chĩa mũi nhọn vào Hoa Kỳ, chẳng qua chỉ vì Hồ Chí Minh theo chân Liên Xô và Trung Quốc, tấn công Hoa Kỳ nhằm lập công với hai nước nầy.

Hiệp định *Genève* ngày 20-7-1954 chia hai nước Việt Nam ở vĩ tuyến 17. Phía Bắc là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH). Phía Nam là Quốc Gia Việt Nam và đổi thành Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) năm 1955. Khi Hoa Kỳ viện trợ cho Miền Nam Việt Nam tái thiết đất nước, chưa đem quân vào Việt Nam, Hồ Chí Minh tuyên bố ngày 7-1-1959, trên báo Tin Tức (Liên Xô), số đặc biệt về nước VNDCCH, rằng VNDCCH là tiền đồn của QTCS. "*Như vậy là ở Đông Nam Á, chúng tôi đã đứng ở tiền đồn của mặt trận dân chủ và hòa bình toàn thế giới chống chủ nghĩa đế quốc và chiến tranh*". (*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 9, 1958-1959, xuất bản lần thứ hai, Hà Nội, Nxb. Chính Trị Quốc Gia, 2000, tr. 309).

Phát động chiến tranh tấn công Miền Nam Việt Nam sau nghị quyết của Hội nghị Trung ương đảng Lao Động ngày 13-5-1959 và sau Đại hội III đảng Lao Động từ ngày 5 đến 10-9-1960, CSVN đưa ra chiêu bài "chống Mỹ cứu nước". Thực chất, Lê Duẩn, bí thư thứ nhất đảng LĐ

cho biết: "*Ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô, đánh cho Trung Quốc*". (Vũ Thư Hiên, *Đêm giữa ban ngày*, tr. 422).

Trong khi đó, Hoa Kỳ và khối tư bản cho rằng khi một nước bị cộng sản chiếm quyền, thì các nước lân bang dần dần sẽ bị mất vào tay cộng sản, nghĩa là một quân cờ domino sụp đổ, thì các quân cờ domino khác cũng sụp theo. Đó là nguồn gốc **thuyết domino** tại các nước Tây phương, nhất là Hoa Kỳ. Vận dụng thuyết địa lý chính trị nầy, Hoa Kỳ can thiệp vào các nước Đông Nam Á, hầu ngăn chận sự bành trướng của cộng sản.

Trước sự bành trướng của CS tại Á Châu, đại diện ba nước Australia (Úc), New Zealand (Tân Tây Lan), United States of America (USA) (Hoa Kỳ) họp tại San Francisco (Hoa Kỳ) ngày 1-9-1951, ký hiệp ước thành lập khối quân sự ANZUS, nhằm hợp tác phòng thủ nếu xảy ra các cuộc tấn công trên Thái Bình Dương được xem là ảnh hưởng đến hòa bình và an ninh của mỗi nước và các nước khác trong khu vực. Khối ANZUS không lập lực lượng riêng, chỉ họp hằng năm cấp Bộ trưởng Ngoại giao để duyệt xét tình hình và họp bất thường khi một trong ba nước thành viên yêu cầu vì an ninh bị đe dọa.

Sau hiệp định *Genève* (20-7-1954), Hoa Kỳ vận động ký kết *Hiệp ước Hổ tương Phòng thủ Đông Nam Á* (*Southeast Asia Collective Defence Treaty*) tại Manila, thủ đô Phi Luật Tân, ngày 8-9-1954. Từ đó ra đời Tổ chức Liên phòng Đông Nam Á (Southeast Asia Treaty Organization, SEATO), gồm các nước (theo thứ tự ABC) Australia, France, New Zealand, Pakistan, Philippines, Thailand, United Kingdom (Anh), và United States of America. Trong phụ bản của hiệp ước, ba nước Cambodia, Laos và Việt Nam được liệt kê trong vùng lãnh thổ được bảo vệ. Hoa Kỳ dựa vào phụ bản hiệp ước nầy để minh chứng sự ủng hộ của họ đối với các chế độ chống cộng ở Đông Nam Á.

3.- CHIẾN TRANH GIỚI HẠN TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa được khối CSQT hậu thuẫn, quyết định tấn công VNCH năm 1960. Việt Nam Cộng Hòa ở thế tự vệ, phải nhờ đến sự giúp sức của Hoa Kỳ và đồng minh chống lại cuộc tấn công của cộng sản. Khi can thiệp vào Việt Nam, Hoa Kỳ nhắm mục đích chính là ngăn chận sự bành trướng của CS, nhất là của CS Trung Quốc, nhằm phòng thủ từ xa để chủ nghĩa CS không thâm nhập vào Hoa Kỳ. Tuy nhiên, các chính phủ Hoa Kỳ bị ám ảnh bởi chiến tranh Triều Tiên, nên chủ trương "chiến tranh giới hạn". (Mark Moyar, *Triumph Forsaken, The Vietnam War, 1954-1965,* New York: Cambridge University Press, 2006, tr. 306).

Nguyên trong chiến tranh Triều Tiên, ngày 25-6-1950, Bắc Tiều Tiên (BTT) xâm lăng Nam Triều Tiên (NTT), chiếm Hán Thành. Ngày 12-9-1950, Đại tướng Douglas Mac Arthur cầm đầu quân đội Liên Hiệp Quốc (LHQ), đẩy lui Bắc quân, tái chiếm Hán Thành. Ông tiếp tục truy đuổi Bắc quân, vượt vĩ tuyến 38, chiếm Bình Nhưỡng và tiến đến sông Áp Lục (Yalu River), vùng biên giới Trung Quốc. Lấy cớ quân LHQ đe dọa biên giới, khoảng 250.000 chí nguyện quân Trung Quốc vượt biên giới, giúp BTT ngày 26-11-1950. Trung Quốc dùng chiến thuật biển người, đẩy lui quân LHQ, chiếm Hán Thành. Matthew Ridgway thay thế tướng Mac Arthur, cầm quân LHQ, đuổi cộng quân khỏi vĩ tuyến 38 tháng 1-1951, chứ không tiến xa lên phía bắc.

Lần nầy ở Đông Dương, tuy Hoa Kỳ giúp VNCH chống lại CSBV, nhưng vẫn lo lắng Trung Quốc có thể dựa vào lý do Hoa Kỳ hăm dọa vùng biên giới phía nam Trung Quốc để tung quân vào Việt Nam như đã từng làm ở Triều Tiên. Lúc đó, dân số Trung Quốc đông gấp bốn lần dân số Hoa Kỳ. Để tránh trường hợp Trung Quốc can thiệp, Hoa Kỳ chủ trương "chiến tranh giới hạn" (limited war), tức giới hạn mục tiêu tấn công, không đánh ra Bắc, như trước đây Mac Arthur đã từng đánh ra Bắc Triều Tiên, nhất là tránh khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

Trong cuộc chiến từ 1960 đến 1975 tại Miền Nam Việt Nam, CSVN vừa dùng khủng bố, vừa dùng chiến thuật du kích, rồi tiến lên chiến tranh quy ước. Du kích là rình mò tấn công lẻ tẻ, làm tiêu hao lực lượng đối phương. Khủng bố nguy hiểm hơn, chẳng những là tấn công hủy diệt, mà khủng bố còn là đòn chiến tranh tâm lý cân não, uy hiếp làm cho dân chúng kinh hoàng và khiếp sợ suốt đời. Quân đội Hoa Kỳ cũng như quân đội VNCH (khi còn được trang bị đầy đủ), đánh trả hữu hiệu những cuộc tấn công lớn của CS, nhưng không có đối sách nào có thể dẹp yên hoàn toàn được khủng bố và du kích CS.

Ai cũng biết khủng bố, du kích và cả chiến tranh quy ước luôn luôn phải có hậu phương yểm trợ. Khủng bố, du kích CS phát xuất từ Bắc Việt Nam. Bắc Việt Nam hay VNDCCH chính là kẻ chủ trương, nuôi dưỡng khủng bố và du kích ở Nam Việt Nam, là hang ổ của khủng bố, du kích và quân đội chính quy CS ở miền Nam, là nguồn tiếp liệu to lớn về tất cả các mặt cho CS miền Nam. Đánh rắn phải đánh đầu. Bứng cây phải đào tận gốc. Muốn dẹp khủng bố, du kích CS tại Miền Nam Việt Nam, thì phải tấn công sào huyệt của khủng bố và du kích ở Bắc Việt Nam, chận đứng hậu phương của CS, chận đứng nguồn tiếp liệu liên tục của CS, và buộc Bắc Việt Nam từ bỏ cuộc tấn công Nam Việt Nam. Nếu không đánh Bắc Việt Nam, CS Nam Việt Nam cứ tiếp tục khủng bố và du kích không ngừng nghỉ.

Các tướng lãnh VNCH thấy rõ điều nầy và nhiều lần đề nghị Bắc tiến, đánh ra phía bắc vĩ tuyến 17, lấy thế công làm thế thủ, buộc CSVN phải lui về phòng ngự đất Bắc, ngưng hoặc giảm tiếp liệu cho du kích miền Nam, hoặc dựa vào đó để thương thuyết với CS, buộc CS Bắc Việt chấm dứt tiếp tế du kích miền Nam, như liên quân Liên Hiệp Quốc đã làm ở Triều Tiên.

Tuy nhiên Hoa Kỳ chủ trương chiến tranh giới hạn, không chấp nhận kế hoạch Bắc tiến, không viện trợ phương tiện cho các kế hoạch Bắc tiến và chận đứng ngay các kế hoạch Bắc tiến của quân đội VNCH.

Có thể kể các ví dụ: Ngày 4-5-1964, Trung tướng Nguyễn Khánh đề nghị với Đại sứ Cabot Lodge mở rộng chiến tranh ra Bắc. (Vietnam Task Force - Office of the Secretary of Defence, *United States - Vietnam Relations 1945-1967*, Washington D.C.: 2011. Part IV. C. 1., p. a-7). Trong cuộc mít-tinh ngày 19-7-1964, Thủ tướng Nguyễn Khánh công khai hô hào Bắc tiến. (John S. Bowman, *The Vietnam War: Day by Day,* New York: Mallard Press, 1989, tt. 42). Kết quả, Nguyễn Khánh bị

các tướng trẻ đẩy ra nước ngoài làm đại sứ. Không biết Hoa Kỳ có nhúng tay vào vụ nầy hay không?

Ngày 1-12-1965, Trung tướng Nguyễn Chánh Thi, Tư lệnh Vùng I Chiến thuật kiêm tư lệnh Quân đoàn I viết thư cho chính phủ, đưa ra đề nghị Bắc tiến. Tướng Thi cũng công khai đề nghị với người Mỹ. (Nguyễn Chánh Thi, *Việt Nam, một trời tâm sự,* California: Nxb. Anh Thư, 1987, tt. 319-334). Tướng Thi sau đó bị cách chức vào tháng 3-1966, đưa đến vụ Biến động miền Trung.

Khi mở cuộc hành quân Lam Sơn 719, tấn công qua Hạ Lào tháng 1-1971, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đề nghị với Hoa Kỳ là VNCH đưa một Sư đoàn tiến qua phía bắc vĩ tuyến 17 như một chiến thuật đánh lạc hướng CSVN, nhưng Hoa Kỳ không chấp thuận. (Nguyễn Tiến Hưng và Jerrold L. Schecter , *Hồ sơ mật dinh Độc Lập*, Los Angeles: C & K Promotions, Inc., không đề năm xuất bản, tr. 75 và tr. 116).

Trong Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972, Bắc Việt tràn quân qua vĩ tuyến 17, tấn công VNCH. Viện dẫn lý do nầy, Quân đoàn I đưa ra đề nghị đánh thẳng qua sông Bến Hải, nhằm đe dọa hậu cứ địch, nhưng cố vấn Mỹ không đồng ý. Lo ngại Quân đoàn I có thể tự ý tiến quân ra Bắc, các cố vấn Mỹ giới hạn việc cấp bổng tiếp vận cho Lữ đoàn 1 Kỵ Binh 20 gallons xăng mỗi ngày cho một xe, đạn pháo binh chỉ được bắn 5 quả mỗi ngày cho một khẩu và ngưng tiếp tế lương khô cho Lữ đoàn. (Hà Mai Việt, *Thép và Máu, Thiết giáp trong chiến tranh,* Texas: 2005, tr. 103). Cuối năm 1972, Hoa Kỳ rút hết quân khỏi Việt Nam.

Về Không quân, ban đầu Hoa Kỳ chỉ cung cấp các chiến đấu cơ loại cánh quạt cho Không quân VNCH. Trong năm 1965, khi mở màn tấn công Bắc Việt, các phi công VNCH lái các loại máy bay AD5 (2 chỗ ngồi) và AD6 (một chỗ ngồi) tức khu trục cơ cánh quạt Skyraider (Thiên kích), bay xa nhất đến Hà Tĩnh lại phải quay về liền. Sau năm 1965, Không quân VNCH không còn bay ra Bắc nữa. Khi cung cấp phản lực cơ chiến đấu cho Không quân VNCH, Hoa Kỳ chỉ cung cấp loại phản lực F-5 và A-37, chứa nhiên liệu ít, nên không ở lâu trên không trung và không bay xa được để khỏi tấn công đất Bắc.

Theo hồi ký của Đại tướng Cao Văn Viên, nguyên là Tổng tham mưu trưởng Quân lực VNCH, thì vào năm 1966, ông đưa ra một chiến lược 7 điểm, trong đó điểm thứ 6 là đổ bộ lên Vinh (tỉnh Nghệ An) hay Hà Tĩnh (tỉnh Quảng Bình), tuy nhiên kế hoạch nầy không được thi hành. (Cao Văn Viên, *Những ngày cuối của Việt Nam Cộng Hòa*, tr. 288).

Cũng trong năm 1966, nhận thấy quân Bắc Việt qua vùng phi quân sự, xâm nhập tỉnh Quảng Trị, Tư lệnh quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam, Tướng William Westmoreland đề nghị với Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ dùng lực lượng quốc tế lập phòng tuyến KANZUS, chận ngang qua khu phi quân sự, chống sự xâm nhập và bảo vệ miền Nam Việt Nam. KANZUS viết tắt của các chữ Korea, Australia, New Zealand và United States. Đại sứ các nước nầy tại Sài Gòn đều chấp thuận kế hoạch KANZUS, nhưng kế hoạch KANZUS bị Washington DC bác bỏ. (William C. Westmoreland, *A Soldier Reports*, New York: Da Capo Press, 1989, tr. 197). Westmoreland không giải thích vì sao chính phủ Hoa Kỳ từ chối. Phải chăng Hoa Kỳ không muốn gây sự hiểu lầm về sự hiện diện của một lực lượng đa quốc tại vùng phi quân sự.

Rõ ràng vì chủ trương "chiến tranh giới hạn", **Hoa Kỳ không chấp nhận tất cả những kế hoạch tấn công Bắc Việt bằng bộ binh như ở Triều Tiên**. Nếu không tấn công hậu cứ CSVN ở Bắc Việt Nam để CSVN lui về thế thủ, chấm dứt tiếp liệu cho CS miền Nam, thì không có cách gì có thể chận đứng nạn khủng bố, nạn du kích ở miền Nam và cũng không thể chận đứng nguồn tiếp liệu của CSVN, để CSVN có thể mở những trận đánh lớn trên khắp miền Nam Việt Nam. Các tướng lãnh cầm quân Hoa Kỳ, dù thay đổi chiến thuật, chiến lược, dù được tăng cường tối đa và được trang bị tối tân, có thể thắng chiến tranh quy ước, nhưng cũng không thể chận đứng thủ đoạn khủng bố và chiến tranh du kích của CSVN.

Một ví dụ cụ thể là sau biến cố ngày 11-9-2001 (Tòa Tháp đôi ở New York bị đánh sập, chết 3.000 người), chính phủ Hoa Kỳ với phương tiện lớn lao, hùng hậu, với sự tiếp tay của nhiều nước trên thế giới, mở chiến dịch truy lùng khủng bố ở Hoa Kỳ và khắp toàn cầu, tấn công hậu cứ của khủng bố ở Trung đông, Pakistan, Afghanistan, mà cuối cùng cũng chẳng diệt hết được khủng bố.

Với kinh nghiệm về việc truy diệt khủng bố rất khó khăn sau biến cố 11-9-2001, ngày nay chúng ta mới dễ hiểu được trước năm 1975, Hoa Kỳ và VNCH chỉ hành quân bên trong lãnh thổ Nam Việt Nam, thì làm thế nào có thể tiêu diệt được khủng bố và du kích CS ở Miền Nam Việt Nam mà cái đầu vốn ở Miền Bắc Việt Nam? Loại khủng bố và du kích nầy còn được sự tiếp tay của toàn khối CS trên thế giới.

Vì chủ trương chiến tranh giới hạn, Hoa Kỳ không thành công về quân sự tại Việt Nam, lại bị phong trào phản chiến trong nước chống đối mạnh mẽ, nên Hoa Kỳ tìm cách ra khỏi chiến tranh Việt Nam và cứu tù binh Hoa Kỳ về nước. Đặc tính nổi bật của nền ngoại giao Hoa Kỳ là rất thực tế và linh hoạt, sẵn sàng thay đổi hay điều chỉnh chính sách để phù hợp với tình hình và quyền lợi của người Hoa Kỳ. Vì vậy, Hoa Kỳ chuyển qua thế cờ mới trong chiến tranh lạnh toàn cầu.

4.- THẾ CỜ MỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

Trong chiến tranh Triều Tiên từ năm 1951, hai bên Hoa Kỳ và Trung Quốc trực tiếp đánh nhau. Liên Xô đứng ngoài, bảo toàn lực lượng, quan sát hai địch thủ lâm chiến tiêu diệt nhau. Lần nầy, ở Việt Nam, Hoa Kỳ chủ trương "chiến tranh giới hạn", không tấn công Bắc Việt Nam bằng bộ binh, không tiến đến biên giới Việt-Trung, không thách thức và không trực tiếp đụng độ với Trung Quốc.

Về phía Trung Quốc, ngoài nguồn viện trợ cho Bắc Việt Nam, Trung Quốc chỉ gởi quân qua bảo vệ phía Bắc Việt Nam, chứ không tham gia chiến đấu ở miền Nam. Quân Trung Quốc không đụng độ trực tiếp với quân Hoa Kỳ tại Việt Nam. Vì vậy, về chính trị, lần nầy hai bên Hoa Kỳ và Trung Quốc chẳng trực tiếp thù oán nhau. Hai bên có thể nói chuyện với nhau khi có cơ hội thuận tiện, nhất là từ khi Stalin qua đời năm 1953, những tranh chấp giữa Trung Quốc và Liên Xô càng ngày càng trở nên căng thẳng.

Về địa lý chính trị đối với Trung Quốc, Liên Xô có bom nguyên tử (năm 1949) như Hoa Kỳ, nhưng nguy hiểm hơn Hoa Kỳ vì Liên Xô ở sát biên giới Trung Quốc, và bao vây Trung Quốc dọc theo biên giới dài giữa hai bên. Quân đội Liên Xô có thể tràn qua biên giới Trung Quốc bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào. Thực tế Trung Quốc và Liên Xô đã đánh nhau trên vùng sông biên giới Ussouri năm 1969. Còn Hoa Kỳ ở xa, bên kia bờ biển Thái Bình, muốn đổ bộ vào Trung Quốc cũng khó khăn.

Về phía Hoa Kỳ, từ thập niên 60, những nhà nghiên cứu chiến lược Hoa Kỳ cho rằng: "*Bắc Việt không thể tàn phá Hoa Kỳ trong vòng nửa giờ, hoặc tiêu hủy các thành phố, giết một nửa dân số, nhưng với hỏa tiễn nguyên tử, Liên Xô có thể làm được việc đó. Trung Quốc tuy chưa ngang tầm của Liên Xô vì ít vũ khí nguyên tử, nhưng lại đe dọa phần còn lại của Á châu vì ý chính trị cứng rắn và vì dân số đông đảo của họ*." (Roger Warner, *Shooting at the Moon*, Steerforth Press, South Royalton, Vermont, 1996, tr. 333-334). Vì vậy, Hoa Kỳ bắt đầu chuyển hướng, mở những cuộc vận động ngoại giao thẳng với Trung Quốc.

Sau nhiều cuộc thăm dò và đàm phán bí mật, cả Hoa Kỳ lẫn Trung Quốc đều tỏ thiện chí nhằm xích lại gần nhau. Tháng 12-1969, Trung Quốc trả tự do cho hai người Mỹ bị bắt vì vi phạm hải phận Trung Quốc trên một du thuyền. Ngày 20-1-1970, Lei Yang [Lôi Dương], một nhà thương thuyết Trung Quốc báo cho Walter Stoessel, Đại sứ Hoa Kỳ tại Varsaw (Ba Lan), biết rằng Trung Quốc sẵn sàng chấp nhận đề nghị của Hoa Kỳ gởi một nhà ngoại giao đến Bắc Kinh để bàn luận về những vấn đề liên hệ song phương. Ngày 10-7-1970, Trung Quốc thả Giám mục Ky Tô giáo La Mã, James Walsh, người Hoa Kỳ, thuộc dòng Marydnoll (Hoa Kỳ). Ông bị bắt năm 1958 và bị kêu án 20 năm cấm cố từ năm 1960. (Qiang Zhai, *China & Vietnam Wars, 1950-1975*, The University of North Carolina Press, 2000, tr. 182).

Trong cuộc phỏng vấn trên tạp chí *Time* ngày 5- 10-1970, Tổng thống Nixon tuyên bố: "*Nếu có điều gì tôi muốn thực hiện trước khi từ trần, thì đó là đi thăm Trung Quốc*". Mao Trạch Đông đáp ứng ngay. Qua cuộc phỏng vấn của Edgar Snow ngày 18-12-1970, Mao Trạch Đông hoan nghênh việc Nixon thăm Trung Quốc dù với tư cách là một tổng thống hay một du khách.

Ngày 14-4-1971, tại Đại sảnh đường Nhân dân Bắc Kinh, Thủ tướng Trung Quốc là Chu Ân Lai tiếp đãi và nói chuyện thân mật với đoàn bóng bàn Hoa Kỳ sang đấu giao hữu với đoàn bóng bàn Trung Quốc theo lời mời của Tổng cục Bóng bàn nước nầy.

Ngày 9-7-1971, trong một chuyến công du Pakistan, Cố vấn an ninh quốc gia Hoa Kỳ là Henry Kissinger bí mật đến Bắc Kinh và được Chu Ân Lai tiếp kiến. Ngoài những vấn đề song phương và thế giới, Kissinger còn thảo luận với Chu Ân Lai về vấn đề Việt Nam và cho Chu Ân Lai biết: "*Nhân danh Tổng thống Nixon, tôi xin thông báo với Thủ tướng một cách trịnh trọng nhất rằng trước hết, chúng tôi sửa soạn rút quân hoàn toàn ra khỏi Đông Dương và ấn định ngày giờ rút quân, nếu có một cuộc ngưng bắn và phóng thích tù binh của chúng tôi. Thứ đến, chúng tôi sẽ để cho giải pháp chính trị của Nam Việt Nam tự diễn biến và phó mặc cho một mình người Việt*". (Nguyễn Tiến Hưng, *Tâm tư Tổng thống Thiệu,* California: Cơ sở Hứa Chấn Minh, 2010, tr. 617). Trong cuộc họp hôm sau (10-7-1971), Kissinger nói thêm: "*Điều chúng tôi yêu cầu là một khoảng thời gian chuyển tiếp giữa sự rút quân và diễn biến chính trị. Không phải là để chúng tôi có thể trở vào lại* [Việt Nam]*, nhưng chúng tôi có thể để cho dân tộc Việt Nam và dân tộc các nơi khác ở Đông Dương tự quyết định lấy số phận của họ... Hôm qua, tôi đã thưa với Thủ tướng, và tôi muốn nhắc lại rằng, nếu sau khi quân đội Mỹ rút lui hoàn toàn, mà các dân tộc Đông Dương thay đổi chính quyền của họ, Hoa Kỳ sẽ không can thiệp*". (Nguyễn Tiến Hưng, *sđd*. tr. 624).

Lót đường cho cuộc bang giao với Trung Quốc, Hoa Kỳ bỏ rơi Đài Loan, không phủ quyết cuộc bỏ phiếu của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc ngày 25-10-1971 theo đó CHNDTQ được giữ ghế đại biểu Trung Quốc thay Đài Loan. Sau đó, Tổng thống Hoa Kỳ Richard Nixon viếng thăm CHNDTH một tuần bắt đầu từ ngày 21-2-1972 mà ông Nixon cho rằng đây là "*một tuần lễ sẽ làm thay đổi thế giới*". Trong cuộc họp đầu tiên với Chu Ân Lai ngày hôm sau 22-2-1972, Tổng thống Nixon đề cập ngay đến vấn đề Việt Nam: "*Nếu tôi ngồi vào bàn với bất cứ nhà lãnh đạo nào của Bắc Việt Nam, và cùng nhau bàn bạc về việc đình chiến và nhận lại tù binh của chúng tôi, tất cả người Hoa Kỳ sẽ được rút ra khỏi Việt Nam trong sáu tháng kể từ ngày đó... Chúng tôi đã đề nghị rút hết người Hoa Kỳ, mà không để cái "đuôi" đàng sau - như cách nói của Thủ tướng - và ngưng bắn trên toàn Đông Dương, miễn là chúng tôi lấy lại được tù binh. Sau đó, chúng tôi sẽ để cho dân chúng ở đó tự quyết định.*"
(Nguyễn Tiến Hưng, *sđd.* tr. 627).

Thế là xong, **số phận Việt Nam lại do Hoa Kỳ và Trung Quốc quyết định và trao đổi với nhau**. Dĩ nhiên hai nước nầy quyết định theo quyền lợi của nước họ và bất cần quyền lợi của các đồng minh. Những diễn tiến sau đó thì mọi người đều biết. Hoa Kỳ ngưng cung cấp đạn dược, nhiên liệu cho quân đội VNCH. Thế là VNCH hết phương tiện chiến đấu, phải buông súng.

5.- PHE NÀO THẮNG NHÂN DÂN ĐỀU THẤT BẠI

Trong cuộc chiến vừa qua ở Việt Nam, nếu nhìn cục bộ và ngắn hạn vấn đề Việt Nam, thì rõ ràng Bắc Việt Nam tức VNDCCH hay CSVN thắng lớn; Nam Việt Nam tức VNCH thất bại hoàn toàn và Hoa Kỳ kể như thua vì không thành công trong việc giúp VNCH chống CSVN ở miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, nếu nhìn toàn diện cuộc chiến từ năm 1945 cho đến năm 1975 và đặt cuộc chiến Việt Nam trong toàn cảnh chính trị thế giới cho đến ngày nay, thì lẽ thắng thua có phần khác.

Trước hết, để đi đến chiến thắng, CSVN phải cầu viện Liên Xô và Trung Quốc về mọi mặt. Vay thì phải trả. Không có gì để trả, CSVN lấy tài sản, đất đai tổ tiên để trả nợ. Đây là tội phản quốc không thể tha thứ, nặng nề hơn và tệ hại hơn bất cứ tội phản quốc nào đã qua trong lịch sử Việt Nam. Chiến thắng rồi rước tên ăn cướp vào phá nhà, để nó cướp mất đất của tổ tiên thì có phải là chiến thắng không?

Trung Quốc vốn là một nước nông nghiệp lạc hậu sau khi nội chiến Quốc Cộng chấm dứt năm 1949. Do chiến tranh Việt Nam, khi ngồi vào bàn Hội nghị Genève năm

1954, Trung Quốc nghiễm nhiên trở thành ngang hàng với các cường quốc Anh, Pháp, Hoa Kỳ, Liên Xô. Vào đầu hội nghị Genève 1954, Ngoại trưởng Hoa Kỳ John Foster Dulles không thèm bắt tay xã giao với Châu Ân Lai, Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Trung Quốc. (Henry Kissinger, *White House Years*, Toronto: Little, Brown and Company, 1979, p. 1054). Thế mà gần 20 năm sau, do chiến tranh Việt Nam, Hoa Kỳ bắt tay với Trung Quốc và mở cửa cho Trung Quốc vào Liên Hiệp Quốc giữ ghế Đại diện tại LHQ, thay thế Đài Loan năm 1971. Trong cuộc gặp gỡ năm 1972, Tổng thống Hoa Kỳ Richard Nixon đã tặng cho Trung Quốc một món quà lớn: Hai bên ký bản thông cáo chung Thượng Hải ngày 28-2-1972, theo đó, Hoa Kỳ xác nhận trong điều thứ 12 của thông cáo chung, rằng chỉ có một nước Trung Quốc, và Đài Loan là một phần lãnh thổ của Trung Quốc.

Chẳng những hưởng lợi về ngoại giao và lãnh thổ, Trung Quốc còn nghiễm nhiên trở thành chủ nợ của CSVN và xem CSVN như là chư hầu, buộc CSVN chạy theo chính sách của Trung Quốc, ép Việt Nam phải ký hiệp ước nhượng ải Nam Quan (1999) và nhượng 10.000 Km2 mặt biển vịnh Bắc Việt (2000).

Cộng sản VN khoe rằng "*đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào*". Hoa Kỳ không chiến thắng ở miền Nam Việt Nam, được kể là thua trận. Hoa Kỳ mất 58.000 quân ở Việt Nam, nhưng khi quay lưng rời khỏi Việt Nam, Hoa Kỳ chẳng mất một tấc đất nào của Hoa Kỳ, mà cũng chẳng một tấc đất nào của Hoa Kỳ bị bom đạn quấy rầy. Chính sách của Hoa Kỳ từ trước đến nay là phòng thủ từ xa.

Mục đích ban đầu của Hoa Kỳ là đến Việt Nam để ngăn chận làn sóng CS, nhất là Trung Quốc, phòng thủ từ xa chống lại sự thâm nhập của CS vào Hoa kỳ. Do chiến tranh Việt Nam, các nước Đông Nam Á có thời giờ xây dựng và củng cố vòng đai phòng tuyến chống cộng, từ Thái Lan, Mã Lai đến Phi Luật Tân, Indonesia. Cũng từ chiến tranh Việt Nam, Hoa Kỳ bắt tay với Trung Quốc, tách Trung Quốc ra khỏi liên minh với Liên Xô. Như thế Hoa Kỳ cũng đã đạt được mục tiêu ban đầu đã đề ra. Sau năm 1975, CSVN trải thảm đỏ rước Hoa Kỳ trở lại Việt Nam. Rõ ràng Hoa Kỳ không "cút", mà còn mạnh hơn trước.

Việt Nam Cộng Hòa hoàn toàn thất bại, bị CS gọi là "ngụy". Quân đội VNCH đã anh dũng chiến đấu để bảo vệ nền dân chủ tự do son trẻ của miền Nam Việt Nam. Sau thời kỳ quân chủ và thực dân đô hộ Việt Nam, sự hiện diện chuyển tiếp trong 21 năm của QGVN rồi VNCH ở miền Nam Việt Nam, tuy ngắn ngủi nhưng là bước mở đầu cho con đường dân chủ hóa Việt Nam. Chính thể VNCH đã gieo mầm tự do, dân chủ, dân quyền, nhân quyền, cho người Việt Nam. Ngược lại, trong chừng đó năm ở Bắc Việt Nam và cả cho đến bây giờ, người dân dưới chế độ CS chưa bao giờ được nghe nhắc đến "Bản tuyên ngôn Quốc tế nhân quyền" ngày 10-12-1948 của LHQ, chứ đừng nói gì chuyện thực thi dân quyền và nhân quyền. Sau năm 1975, người miền Bắc dưới chế độ CSVN bỏ nón cối, bỏ dép râu, bỏ đại cán và ăn bận theo người miền Nam. Dân chúng Việt Nam hiện nay đang ước mong bài học dân chủ VNCH trở lại. Còn nhà nước CSVN thì kêu gọi "khúc ruột ngàn dặm" quay về giúp nước. Như thế sao có thể gọi VNCH là "ngụy"? Có thể nói VNCH không "ngụy", không "nhào", mà vẫn hiện diện ở Việt Nam.

Người xưa viết: "*Nhất tướng công thành vạn cốt khô*" (Một viên tướng thành công có hàng vạn người chết). Ngày nay, nhà thơ Nguyễn Duy diễn đạt một cách khác nhưng không kém phần bi đát: "*Xin tạc vào đá nầy lời chúc hòa bình/ Nghĩ cho cùng mọi cuộc chiến tranh / Phe nào thắng nhân dân đều thất bại...*" (Nguyễn Duy, "Đá ơi", Cambodia 28-8-1989). Vâng, do CSVN gây chiến, hơn ba triệu người Việt Nam đã nằm xuống và dân tộc Việt Nam đau đớn mất đi một phần đất đai của tổ tiên vào tay Trung Quốc.

KẾT LUẬN

Từ sau thế chiến thứ hai, khi đảng CS cướp được chính quyền ở Việt Nam, Việt Nam nằm giữa hai thế lực tư bản và CS, và bị các cường quốc áp đặt những quyết định theo quyền lợi của họ.

Khi can thiệp vào Việt Nam nhằm phòng thủ và ngăn chận CS từ xa, Hoa Kỳ chủ trương chiến tranh giới hạn, không tấn công Bắc Việt để chận đứng nguồn tiếp liệu của khủng bố và du kích phát xuất từ Bắc Việt Nam. Vì vậy, CS ở miền Nam Việt Nam được Bắc Việt Nam với sự tiếp tay của CSQT, nuôi dưỡng, tiếp liệu, đã hoạt động liên tục, không nghỉ ngơi, thắng thua gì cũng cứ tiếp tục chiến đấu theo lệnh của đảng Lao Động, hết keo nầy bày keo khác trên toàn quốc. Hoa Kỳ chẳng những không thành công trong việc giúp VNCH chiến thắng CS ở miền Nam Việt Nam, mà càng ngày Hoa Kỳ càng sa lầy trong chiến tranh Việt Nam. Hoa Kỳ liền thay đổi sách lược, bắt tay với Trung Quốc, rút quân khỏi Việt Nam, bỏ rơi VNCH, theo một đường lối khác trong khi tiếp tục chống khối CS trong chiến tranh lạnh.

Sự chuyển hướng của Hoa Kỳ cho thấy rõ, trong chiến tranh lạnh giữa hai khối tư bản và cộng sản, chiến tranh Việt Nam không phải chỉ được quyết định trên chiến trường Việt Nam hay quyết định tại Sài Gòn và Hà Nội, mà chiến tranh Việt Nam còn là kết quả của những trao đổi giữa Washington DC, Moscow, Bắc Kinh, và cả Paris, London… Cần chú ý rằng không riêng gì Việt Nam, mà trên thế giới, ở Trung Đông, ở Trung và Đông Âu, ở Đông Nam Á, ở Phi Châu, ở Nam Mỹ, từ giữa thế kỷ 19, các cường quốc đều lạm quyền đối với các nước nhược tiểu, xem các nước nhược tiểu như những món hàng tồn kho, chia chác với nhau trên lưng các nước nhược tiểu.

Đặt chiến tranh Việt Nam trong toàn cảnh chính trị thế giới, trong chiến tranh lạnh toàn cầu, rõ ràng kết quả cuối cùng chỉ có lợi cho ngoại bang. Hai bên thắng thua đều bị chi phối bởi các thế lực quốc tế. Bên thắng trận chẳng có gì để hãnh diện trong vai trò con cờ của CSQT. Bên thất trận được đánh giá là chế độ tốt hơn bên thắng trận (John McCain tuyên bố tại Sài Gòn năm 2000), vì nền cai trị dựa trên nguyên tắc tự do dân chủ, là lý tưởng bất biến của dân tộc, của nhân loại. Do hoàn cảnh quốc tế, lý tưởng tự do dân chủ ở Việt Nam phải tạm thời lép vế trước bạo lực, nhưng chắn chắn tương lai đất nước sẽ tiến về phía lý tưởng tự do dân chủ, như hoa hướng dương luôn luôn quay về ánh mặt trời.

Trần Gia Phụng

(Toronto, 19.6.2012)

●Điểm sách

Dưới bóng đa chùa Viên Giác

của

HT.Thích Như Điển và Trần Trung Đạo

• Trần thị Hương Cau

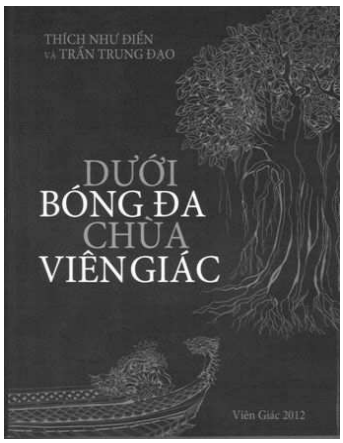

Cuốn sách được viết dưới thể loại Hồi ký với sự đóng góp của hai tác giả: Hòa Thượng Thích Như Điển, Phương Trượng Chùa Viên Giác tại Cộng Hòa Liên Bang Đức (từ trang 5 đến trang 174) và Nhà Thơ Trần Trung Đạo (từ trang 175 đến trang 336), một tên tuổi lớn trên diễn đàn văn thơ hải ngoại, không ai mà không biết đến.

Quảng Nam, xứ Địa Linh Nhân Kiệt, sản sinh ra suốt chiều dài lịch sử liên tục những danh nhân bất khuất như Hoàng Diệu, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, Thoại Ngọc Hầu… đồng thời cũng là nơi chôn nhau cắt rốn của hai tác giả, người trước kẻ sau lần lượt chào đời. Bước vào tuổi niên thiếu, do cơ duyên đưa đẩy, họ cùng đến nương náu dưới mái chùa Viên Giác Hội An một thời gian, đến khi trưởng thành, mỗi người trôi giạt về một bến bờ ước vọng mà mình ấp ủ. Nay, 40 năm sau, tuổi đời sương khói đã vùn vụt lướt qua hai vai, gặp lại tại đại học Harvard, tha hương ngộ cố tri là một trong bốn điều hỷ lạc, Hòa Thượng và Nhà Thơ vui mừng xen lẫn bùi ngùi ôn lại kỷ niệm xa xưa dưới mái chùa duyên nghiệp, cả hai cùng hứa với nhau sẽ trải lòng lên trang giấy để hoài niệm về dĩ vãng xa xưa, thời cả hai còn non trẻ, người gánh nước, xay đậu, người quét lá đa, tuy tương chao nâu sồng vất vả nhưng chao ơi là trìu trịu nhớ thương đến nỗi Hòa Thượng có lúc phải thốt lên: *"Hơn 40 năm rồi, tôi chưa về lại quê xưa, chắc cái cối xay ấy cũng nhớ tôi lắm. Hy vọng sẽ có một ngày trở về lại ngôi chùa Viên Giác thân thương quét lá đa và xay đậu nành để nhớ để thương những ngày làm điệu…"*.

Có những hoài niệm để mỗi khi nhớ lại khiến ta hạnh phúc rưng rưng nhưng cũng có những hoài niệm bóp nát tim ta đau nhói. Nhất là tình hoài hương, càng xa quê hương càng khắc khoải bồi hồi. Đối với Hòa Thượng Thích Như Điển, mái chùa Viên Giác ngày ấy, vị Thầy là Hòa Thượng Thích Long Trí, hai cây Đa hùng vĩ đã che chở cho Người suốt cả đoạn đường đời gian khổ không bao giờ quên. Nhà Thơ Trần Trung Đạo cũng một dạ khắc ghi ân đức của vị Sư phụ của mình là Hòa Thượng Thích Long Trí đã suốt đời phục vụ đạo pháp và dân tộc, ngoài ra còn không quên đa tạ mái chùa, cây Đa già đã che mát suốt cả năm năm dài mưa nắng khắc nghiệt vây kín đời ông. Một người đã vào chùa khi còn rất trẻ, ở lứa tuổi đời chỉ mới 15 nhưng vẫn thiết tha cầu xin với gia đình bắt chước bào huynh hiện nay là Hòa Thượng Thích Bảo Lạc để được xuất gia học đạo, suốt đời trinh nguyên với lý tưởng trên con đường hoằng dương Phật Pháp; người kia còn trẻ hơn, chỉ mới 13, vì hoàn cảnh tang thương, mồ côi cả cha lẫn mẹ, theo lời căn dặn của cha phải tìm đến chùa để có chốn nương thân. Mái chùa Viên Giác Hội An ngày ấy dưới ngòi bút của Hòa Thượng Thích Như Điển mô tả rất thanh tịnh: *Chùa Viên Giác nằm sâu vào bên trong các rặng cây. Đặc biệt có hai cây Đa rất lớn mà nhà thơ Trần Trung Đạo đã có bài thơ rất nổi tiếng về hai cây Đa này. Hai bên đường vào chùa là hai ao rau muống xanh um trước cổng Tam Quan. Sau cổng Tam Quan là hồ sen và hai sân tả hữu có hai dãy nhà Đông Tây. Ngay chính giữa là chánh điện, phía sau là nhà thờ Tổ và Thập Điện Minh Vương…* Chi tiết hơn, dưới ngòi bút của nhà thơ Trần Trung Đạo: *Chùa Viên Giác Hội An dựa theo ước tính đã được xây dựng từ những năm Trịnh Nguyễn phân tranh, trải qua một giai đoạn nhiều chục năm suy tàn, nhưng đến năm 1951, dưới sự trụ trì của Đại Đức Thích Long Trí, tăng sĩ đầu tiên mở ra truyền thống đầy sinh động và truyền thừa nhiều thế hệ mang hạnh nguyện giúp đời, vươn lên hòa nhịp với làn sóng chấn hưng Phật Giáo đang bừng dậy khắp nơi trong những năm giữa thế kỷ 20…*

Những năm tháng ngụ cư dưới mái chùa Viên Giác cũng như chùa Phước Lâm, Hòa Thượng Thích Như Điển lúc ấy vừa được Thầy Bổn Sư Thích Long Trí cho làm lễ xuất gia và khuyến khích không những chỉ học đạo mà phải học thêm cả văn hóa ngoài đời, như vậy sẽ hỗ trợ việc tu hành được tinh tấn hơn. Hòa Thượng đã tỉ mỉ trong các chương sau đó kể về việc đi học văn hóa xuất sắc của Người cũng như đời sống tương chao rất cơ cực trong chùa, cùng những sinh hoạt khác như học tán tụng khi cúng đám, nghi thức cầu siêu đọc sớ, chuyện sản xuất nhang, đậu hủ hay việc chằm nón lá vô cùng công phu… Bằng bẵng hơn 40 năm đã trôi qua, Hòa Thượng vẫn nhớ không sót từng chi tiết, ngày tháng cũng như tên tuổi của bạn bè, thầy cô suốt cả mấy năm ở Hội An. Trí nhớ hanh thông như vậy là nhờ Người lúc nào cũng bền chí siêng năng luyện tập (Hòa Thượng còn viết riêng một chương Cách Học Cho Giỏi rất bổ ích cho những ai muốn học thêm nhiều sinh ngữ như chính bản thân Người). Dòng đời có lúc lững lờ, êm ả nhưng cũng có khi gập ghềnh nổi sóng. Đó là những năm 66-68 binh biến khói lửa khiến bao nhiêu vận mệnh cũng bị vùi dập tang thương. Đầu tiên là nhận được tin sét đánh khi biết mẹ qua đời khiến Hòa Thượng đau đớn tột độ đến nỗi khóc khô cả dòng lệ (*Mặc dầu chúng tôi xuất gia nhiều năm rồi, nhưng tình thiêng liêng cốt nhục ấy vẫn còn đọng lại trong tứ đại và tâm thức của mình… Trích trang 31)*; sau đó đến Pháp nạn năm 1966, do chỉ thị của ông Kỳ là đàn áp Phật Giáo, bắt bớ, giả mạo ra các tang chứng vu khống lố lăng ở các chùa miền Trung, hòng ngăn cản việc các chùa đem bàn thờ Phật ra đường biểu tình, theo lời chỉ đạo của Thượng Tọa Thích Trí Quang lúc bấy giờ. Sư Phụ cùng các huynh đệ thân quen, cũng như chính bản thân Người đều bị giam cầm và tra tấn nhừ tử vì bị tình nghi là làm tay sai cho cộng sản, trong khi tất cả những người Phật tử trước sau đều khẳng định: *Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tranh đấu là tranh đấu cho một dân tộc tự quyết, chứ không phải là một dân tộc*

bị nô lệ ngoại bang. Lập trường của Phật Giáo là lập trường của dân tộc lúc bấy giờ chứ chẳng phải là được chỉ thị từ ngoài Bắc đưa vào… Với lập trường kiên định thẳng thắn như vậy, nhưng mãi đến 90 ngày ngồi trong trại giam, Hòa Thượng mới được tha về (Thậm chí bây giờ, hơn 40 năm sau, Phật Giáo trước sau vẫn như một, vẫn tiếp tục đấu tranh bất khuất dù bị cộng sản dã man đàn áp giam cầm, chính quyền độc đảng Việt Nam luôn luôn mưu đồ chia rẽ lũng đoạn hàng ngũ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất). Mùa xuân 68 kinh hoàng tuy không tàn phá Hội An nhưng khi Hòa Thượng ra Huế để cứu trợ, nhìn quang cảnh tang thương, cũng đủ làm Người đau lòng quặn thắt. Nhà cửa, công trình đều có thể dựng xây lại, nhưng hàng ngàn sinh linh vô tội bị Việt Cộng không tim dã man giết đi, thì nỗi đau này ai oán tận trời xanh.

Mùa hè 1969, Hòa Thượng Thích Như Điển rời mái chùa Viên Giác Hội An để vào Sài Gòn tiếp tục học lấy bằng tú tài, sau đó xuất dương sang Nhật và cuối cùng dừng chân tại Đức. Mái chùa thân thương gần gũi này đã chất chứa bao nhiêu là kỷ niệm vui buồn từ ngày đầu tiên tập tễnh bước vào đời tăng lữ, nên cho dù bao nhiêu năm tháng vần vũ trôi qua, đi năm châu bốn bể hoằng dương, dừng chân đến hàng trăm, ngàn ngôi chùa trên thế giới, nhưng chùa Viên Giác Hội An vẫn là một dấu ấn sâu đậm trong tâm khảm của Hòa Thượng.

Cùng trú ngụ dưới mái chùa này là Nhà Thơ Trần Trung Đạo. Như đã nói ở trên, ông vốn mồ côi nên đến chùa để xin một chỗ trú ngụ. Mồ côi mẹ khi còn rất nhỏ và mồ côi cha vào Tết Mậu Thân, lúc chỉ mới 13, anh chị em cũng không còn một người nào. Cái nhân thân như vậy cũng đủ là một dấu hiệu báo trước một cuộc đời đắng cay, bầm dập. Tưởng tượng chỉ cần mất hoặc cha hoặc mẹ không cũng đủ khuyết tật cả cuộc đời, huống hồ mất cả song thân. Tuổi 13 của Nhà Thơ không còn được vô tư, hồn nhiên như các trẻ em đồng trang lứa nữa, vì còn đâu đôi tay bao dung của cha che chở, giọng ru êm ái của mẹ vỗ về. Cái Tết Mậu Thân đã cướp đi quê hương, gia đình của Nhà Thơ, ông trở nên già giặn, đăm chiêu trước một cuộc đời đầy gian nan, trắc trở. Khi đến cư ngụ chùa Viên Giác Hội An, ông được giao việc quét lá đa. Hai cây Đa to lớn đến hàng trăm năm tuổi, gốc to đến nỗi hai chục người ôm mới được giáp vòng. Có những ngày nhìn ngắm lá rơi lả tả ngập sân chùa, ông chiêm nghiệm đời người không khác chi một chiếc lá mong manh chao đảo qua bao trận cuồng phong, bão táp. Cả thời niên thiếu của Nhà Thơ bị giằn xé vì tang tóc của chiến tranh khói lửa. Nhờ cơ duyên được phép lưu trú tại chùa suốt năm năm trường, nhờ câu kinh tiếng kệ đã dần dần xoa dịu những tang thương mất mát trong tâm hồn tuổi thơ cháy bỏng, bươm rách của ông. *(Và ở đó, dưới bóng đa chùa Viên Giác, tôi lớn lên. Lớn lên trong tiếng chuông chùa nhẹ đưa vào đúng 4 giờ sáng mỗi ngày. Lớn lên trong lời Phật dạy „Hãy bao dung và tha thứ" đi nhẹ vào tâm hồn ngây thơ trong trắng của tôi. Lớn lên trong tiếng lá đa xào xạc suốt mùa thu viết vào hồn tôi những vần thơ buồn, mãi ba mươi năm sau mới dần dần kết tụ. Trích từ trang 240*).

Đọc văn của Nhà Thơ Trần Trung Đạo mà cứ ngỡ như đọc một bài thơ… xuôi, vì thấp thoáng đó đây những ý thơ bàng bạc, dặt dìu. Ngôn từ thơ mộng, da diết buồn. Buồn như những đêm mưa rỉ rả mà chỉ mình ta cô độc trên đường. Xen lẫn trong giữa dòng hồi ký u uất của ông là những bài thơ của chính tác giả. Dễ dàng cảm nhận, với tâm trạng ray rức, nặng trĩu như vậy nên đa phần thơ của ông lúc nào cũng nhuốm màu cô quạnh, mênh mang sầu đời. Mỗi lần phải trả lời phỏng vấn là ông thích bài thơ nào của mình nhất, Nhà Thơ thường nói đó là bài Nhớ Cây Đa Chùa Viên Giác:

…
Mỗi buổi sáng tôi một mình ôm chổi
Quét lá vàng như quét nỗi cô đơn
Lá vẫn rụng khi mỗi mùa thu tới
Như đời tôi tiếp nối chuyện đau buồn

Đường tôi qua đã không còn bóng mát
Ngày nhọc nhằn mưa lũ xuống đêm khuya
Đa ở lại âm thầm ru khúc hát
Ngậm ngùi buông theo mỗi tiếng chuông chùa

Tôi viết nốt những bài thơ dang dở
Vá tình người rách nát thuở hoa niên
Đa sẽ hát bài đồng dao muôn thuở
Nhạc thu buồn nước mắt chảy trong đêm.
…

Nhắc đến Nhà Thơ Trần Trung Đạo mà không trích đến hai câu thơ bất hủ về người mẹ nuôi tại Hòa Hưng đã tần tảo đùm bọc ông suốt tám năm trời thì xem như một thiếu sót lớn. Nhà Thơ đã kính cẩn dành chương sách cuối cùng để viết về người mẹ nuôi rất đỗi bao dung, nhân hậu của mình:

Ví mà tôi đổi thời gian được
Đổi cả thiên thu tiếng mẹ cười.
(Vu Lan nghĩ về Mẹ và Quê Hương)

Lời thơ trong sáng, đơn sơ nhưng cảm động ngợp ngàn vì được người con viết lên với cả tâm huyết chân thành dâng lên cho mẹ mình.

Trong một lần hành hương đến Ấn Độ, có dịp ghé thăm Vườn Lộc Uyển, nơi Đức Phật đã từng ngồi nhập định, với những cảm xúc trào dâng, Nhà Thơ Trần Trung Đạo nhận ra rằng: *Tôi không đến thăm mà tôi vừa trở về. Chiếc lá đa chùa Viên Giác Hội An, chiếc lá đa ở Vườn Lộc Uyển Sarnath hay giọt nước sông Hằng Varanasi cũng chỉ là một, một tâm hồn, còn và mất, ra đi và lại trở về (Trích từ trang 278).*

Hòa Thượng Thích Như Điển và Nhà Thơ Trần Trung Đạo cũng như những chiếc lá đa từ cây đa chùa Viên Giác Hội An cổ kính, rời cành bay đi phiêu bạt bốn phương trời, và tuy giờ đây lá đang bay lượn ở một không gian nghìn trùng xa thẳm với cội nguồn, nhưng bản thân mỗi chiếc lá muôn đời khắc ghi trọn vẹn tinh thần Viên Giác, tinh thần Bi–Trí-Dũng trong mình đúng như lời Phật dạy. Cuộc đời biến đổi muôn hình muôn trạng, mỗi người sinh ra đều mang nặng một duyên nghiệp tích tụ từ vô vàn muôn kiếp trước đây, trong kiếp này hãy ráng giữ cho mình cái tâm, từ tâm, tu tâm may ra mới thoát được cõi ta bà ô trược .

Sách „ Dưới Bóng Đa Chùa Viên Giác" được trình bày nhã nhặn, thanh lịch. Mỗi tác giả tài tình dùng ngòi viết của mình để đưa dòng chảy của tâm tư len lỏi đến từng ngõ ngách của ký ức, qua đó phản ánh được chiều sâu

tâm hồn rất điêu luyện, lôi cuốn người đọc hòa nhập cảm xúc theo từng dòng chữ. Người thì đạo hạnh chân như, thong dong tự tại như gió nội mây ngàn; người thì trầm mặc trăn trở, day dứt vì bất hạnh trầm luân. Tuy là hồi ký nhưng qua đó, lịch sử sự kiện trong suốt hơn 40 năm qua của Dân Tộc nói chung và Phật Giáo nói riêng, đã được hai tác giả tường thuật bằng những từ ngữ, bài thơ, câu chuyện rất đỗi bi hùng, thống thiết.

Cuốn Dưới Bóng Đa Chùa Viên Giác là một cuốn sách có tầm vóc rất cao vì chuyển tải được giá trị văn chương cũng như giá trị lịch sử Phật giáo huyền diệu.

Để kết thúc bài điểm sách, xin được trích ra một đoạn rất cô đọng, sâu sắc, thâm thúy của Nhà Thơ Trần Trung Đạo (Trang 263):

Rồi mai đây, mùa đông sẽ đi qua và mùa xuân lại đến, những cành mai từ bi, trí tuệ, nhẫn nhục, vô úy khác sẽ nở rộ lên để điểm tô cho vườn hoa dân tộc và đạo Phật Việt Nam đời đời thơm ngát.

Trần Thị Hương Cau
Những ngày lập đông 2012

Từ cảnh giới Cực Lạc đến xứ Phù Tang

(Tiếp theo trang 91)

...

Hôm dẫn phái đoàn nhà bếp đi mua chuối cúng Phật, anh thương lượng với người Thái bán hàng như thế nào không biết, chỉ biết rằng họ tặng cho vài trái chuối rời thật ngon. Đang đói nên các chị tranh nhau bóc chuối ra ăn, anh vội cản bảo ra xe mới được ăn. Thì ra anh đã xin người bán hàng vài trái chuối về cho chó và mèo ăn.

Sau khóa tu chúng tôi được một ngày tự do đi thăm các Chùa nổi tiếng ở Chiang Mai, ngôi chùa vàng trên núi Doi Suthep một ngọn núi linh thiêng cao 1.676 m phải đi cáp treo lên chùa. Chùa Phrathat Doi Suthep chứa xá lợi xương Phật cách Bangkok khoảng 800 km. Người Thái hay kể cho khách du lịch câu: "*Chưa đến Chùa Phrathat Doi Suthep là chưa đến Chiang Mai*". Trong chùa có tượng Phật bằng bích ngọc xanh biếc sáng ngời, ngoài sân các em bé Thái mặc quốc phục múa những vũ điệu dân tộc thật đặc sắc. Tôi có thể ở đó cả ngày để chiêm ngưỡng và thưởng thức văn hóa xứ chùa tháp, nhưng phái đoàn còn phải đi ăn trưa tại một quán do Hòa Thượng trưởng đoàn đãi. Tuy được tự do lựa chọn món ăn cho thỏa thích, nhưng trời nóng lại mệt mỏi chúng tôi chỉ giành giật nhau mấy món chè Thái nước dừa bỏ cục đá lạnh vào giữa.

Buổi chiều đến thăm một ngôi chùa có tháp thờ xá lợi Phật bằng bạch ngọc, nghĩa là ngọc xanh, ngọc trắng gì chúng tôi cũng chiêm bái cả. Họ còn thờ cả tượng voi trắng chở xá lợi ở ngoài hiên. Đến những xứ theo truyền thống tiểu thừa, các vị nữ lưu trong đoàn cần được nhắc nhở, không phải gặp bất cứ vị Sư nào cũng sà vào xin chụp ảnh lưu niệm. Phạm giới luật đấy! Phụ nữ muốn thưa gửi gì phải quỳ xuống, không được đứng ngang hàng. Cách hay nhất là „*kính nhi viễn chi*" đứng xa mười thước là an toàn không bị khiển trách. Tôi nhớ một chuyện xảy ra trong ngày lễ Phật Đản của người Đức tại Berlin, họ mời tất cả các hội đoàn Phật Giáo của các nước đến tham dự và lên đọc diễn văn. Cô MC người Đức đã trao mi-crô cho một vị Sư người Thái, nhưng vô tình đụng vào tay vị này. Ôi thôi! Vị Sư đã lặng lẽ rời khỏi phòng trước ánh mắt bẽ bàng và sợ hãi của kẻ vô tình không hiểu luật.

Sau đó chúng tôi được đưa đến một trung tâm siêu thị to lớn để có cơ hội xài tiền, ai muốn xem quần áo, lụa là xứ Thái hãy đứng ở lầu trệt, còn tìm kiếm thức ngon vật lạ hãy nhanh chân chui xuống tầng dưới. Các chị kháo nhau tìm cho ra trái dừa nướng thơm mùi lá dứa, nhưng không biết diễn tả làm sao. Tôi hỏi có phải trái dừa màu hơi sậm, nhỏ xíu trông như cái đầu con khỉ không? Chị Thanh Thủy mừng rỡ rủ tôi đi tìm và cuối cùng mỗi người mỗi trái dừa đầu con khỉ với giá chỉ 25 batt mà thôi, rẻ chán cho một cơn khát nước. Nếu Hòa Thượng trưởng đoàn đồng ý cho ở lại thêm một tiếng nữa, bảo đảm chúng tôi sẽ nếm đủ các mùi tại khu chợ „Bến Thành" này. Cả tuần nay bị nhốt kín trên núi cao chẳng biết chi mô dưới hạ giới có gì, nhưng thôi biết đủ là đủ, chúng tôi ra về trong hân hoan, về để còn sắp xếp va-li cho chuyến đi Nhật ngày mai. Về để còn hàn huyên từ giã Thầy Hạnh Nguyện, còn tìm phương án để giải trình những bế tắt trong vấn đề xây dựng, đáp án đóng định kỳ mỗi tháng, góp gạch để xây tháp… xem ra được mọi người hưởng ứng.

Để kết thúc cho phần A tại Cực Lạc Cảnh Giới Tự, tôi xin được trích dẫn mấy vần thơ bị… rơi rụng của Hòa Thượng chùa Pháp Bảo gửi cho Huynh và Tỷ của mình. Bản văn với bút tích của Người được viết trên một tờ giấy học trò nhầu nát, đó là tờ hướng dẫn chương trình văn nghệ của MC Thuyền Vị, khi Thầy bảo tôi đưa cho tờ giấy và cây viết, sẵn gì trên tay tôi đưa hết cho Thầy:

Huynh có hay
Lớp lớp rồi thêm tuổi hạ dày.
Tóc bạc da mồi tệ hại thay.
Tỷ có hay
Mang thân vào chốn cửa Không này.
Khỏa khuây kinh kệ tu hành xả.
Mặc cuộc phù vân mãi vẫn xoay.

• **Hoa Lan**.
2012

Đọc

Cảnh Đấy Người Đây và Dòng Đời Xuôi Ngược

của hai nhà văn Thôi Hiên & Võ Phước Hiếu

• Trần Đan Hà

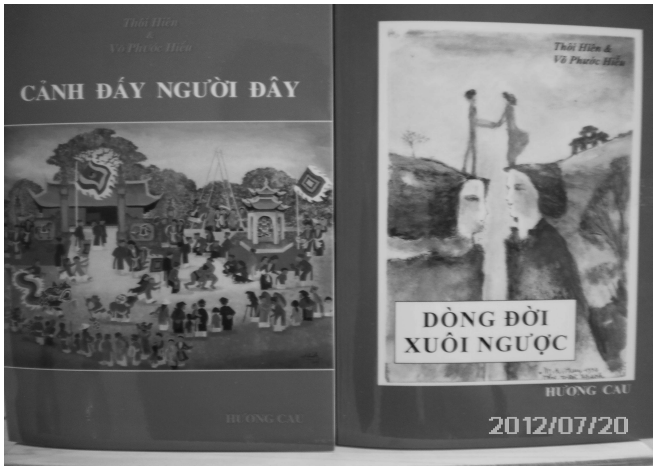

Hai tập truyện nầy có thể gọi là chứng tích cho niềm tự hào về một cơ sở Văn học lưu vong hải ngoại, do nhóm Văn hóa Pháp-Việt thực hiện, như một tổ chức đại diện cho khu vực Âu châu. Võ Đức Trung, một bút hiệu của nhà văn Võ Phước Hiếu, đã và đang chủ trương như một tay lèo lái con thuyền chuyên chở nền Văn học Việt Nam, vượt thoát những khúc quanh lịch sử, cách ly những âm mưu hủy diệt để thẳng tiến về tương lai bằng một tấm lòng tự tin và độ lượng. Ngoài công việc sáng tác văn học, in ấn cũng như phát hành, ông còn kết hợp những tài năng của các nhà văn nhà thơ hiện đại thành những tác phẩm để lưu hành và tồn tại cho thế hệ mai sau. Sự kết hợp ấy, như một bảo quản nền Văn học thuần túy nước nhà, trong đó hình như đã gói ghém đầy đủ những hoài vọng, đã thanh lọc để chỉ giữ lại những tố chất thanh khiết, nguồn năng lượng thanh lương để dưỡng nuôi cho những tâm hồn thuần Việt và nhất là luôn mang một mẫu mực nhân bản.

Vì theo nhận xét của nhiều người, kể cả những người sinh trưởng sau năm bảy mươi lăm:- "Nếu nói rằng, văn chương chuyên chở đầy đủ tính nhân bản và nghệ thuật siêu việt, thâm thúy thì chỉ tìm thấy ở miền Nam trước đây và bây giờ là Hải ngoại; cùng với buổi bình minh của Văn học Việt Nam, tuy trong giai đoạn phôi thai, nhưng được ghi nhận là một thời kỳ rực rỡ nhất, thơ mộng nhất, chân nguyên nhất mà người đời sau gọi là nền Văn học Tiền chiến".

Có lẽ những giai đoạn trên đây cuộc sống con người rất vô tư và gần gũi với thiên nhiên, đã tạo được cơ hội cho những tinh hoa phát tiết. Người Văn nghệ sĩ không bị ảnh hưởng hay chịu phụ thuộc bởi một thế lực kiểm duyệt khắt khe theo quan điểm chính trị hiện thời, hay bị chi phối bởi đạo đức xã hội cổ xưa. Nên những suy nghĩ cũng như cảm xúc còn thuần lương, thanh khiết như buổi ban đầu.

Hai tuyển tập nầy được mang một màu sắc đặc biệt, với tình tiết ly kỳ, một sử liệu của buổi giao thời, nhiều sự kiện ít ai biết đến. Nhờ sự góp mặt của hai tác giả với nguồn gốc xuất xứ từ hai đầu Tổ quốc. Theo vận nước nổi trôi lại được hội tụ tại một địa điểm có đầy đủ thiện duyên, để tạo cơ hội cho họ thành công. Có thể cũng nhờ vậy, mà nét văn hóa đặc thù của dân tộc bàng bạc trong các câu chuyện, được phơi bày thân phận của quê hương xuyên suốt những trầm luân của nhân vật. Ẩn chứa đằng sau bóng dáng hủy diệt là giải thoát, đằng sau khốn khổ là ước mơ. Khi con người đã đi đến tận cùng của sự tồn tại, thì dĩ nhiên sẽ mong muốn đến một thế giới khác. Một thế giới của ước mơ, một tia hy vọng, một bóng dáng hạnh phúc dầu chỉ ngắn ngủi và mong manh, nhưng cũng là nguồn an ủi dẫn dắt con người có thêm ý chí để đi đến tương lai…

*

Nhà văn Thôi Hiên, sinh năm 1945 tại Thái Bình miền Bắc, nhưng trưởng thành tại Sàigòn, tốt nghiệp Đại học Luật khoa năm 1969 và làm Giảng huấn trường Luật & K.H.X.H. Cần Thơ từ năm 1972-1975. Ông tên thật là Nguyễn Hữu Huỳnh. Quê nội ở Tây Mỗ, Hà Đông. Quê ngoại họ Hà, phủ Quảng, tỉnh Thanh Hóa. Tuổi thơ ấp Đông Hoa, châu Như Xuân. Học sinh Trung học Vũng Tàu, Nguyễn Huệ Tuy Hòa, Petrus Ký Sàigòn. Gia nhập Luật Sư Đoàn Sài Gòn năm 1969-1975. Cao học Tư pháp. Ban giảng huấn trường Luật khoa, Đại học Cần Thơ 1972-1975. Năm 1979 vượt biên, trại Leam-Sing, Thailand. Tỵ nạn Anh quốc. 1987 định cư ở Sydney, Úc Châu. Năm 2000 về hưu viết văn, làm thơ (báo Thời Luận, Hương Văn…). Đã xuất bản: -Thơ Thôi Hiên (1981 U.K) – Áo Cài Bóng Nguyệt (Truyện dài 1986 U.K).

Có lẽ vì thế, nhà văn hơi xa lạ đối với độc giả Âu châu, vì ông chỉ sinh hoạt ở Úc và Mỹ châu cách đây gần nửa vòng trái đất. Nhưng qua hai tuyển tập nầy, ông đã thể hiện một văn phong riêng biệt, chứng tỏ một thế đứng độc lập và vững chãi, sẽ dẫn dắt độc giả đang từ hiện tại ngược về quá khứ, theo dòng chảy tự nhiên để thăm vùng kỷ niệm của một thời xa xưa, nhưng vẫn luôn làm xôn xao niềm nhớ, còn ray rứt nỗi đau khiến cho ai đã trải qua khi nghĩ lại cũng không khỏi ngậm ngùi, không lần tiếc nuối. Vì lẫn trong nỗi đau ấy, thỉnh thoảng còn bắt gặp những giây phút hạnh phúc, cũng khiến cho cõi lòng bớt quạnh, nỗi niềm bớt vơi. Như có người đã nói rằng, chỉ cần một giây phút ấy thôi cũng đủ đem lại ý nghĩa cho cả cuộc đời. Ông kể chuyện, hay ông đang vẽ lại dung nhan của quá khứ cũng vậy, chỉ cần một vài nét chấm phá, rồi tiếp tục đi qua nhưng đã để lại nơi "Cảnh đấy người đây" những heo hút nhớ nhung, những băn khoăn nuối tiếc, những ngậm ngùi khôn khuây. Hay

nói khác, ông đang hiện diện nơi phương trời xa lạ, và đang nhớ về một khung trời dấu ái. Nhưng không chỉ có thế mà còn nhận diện cái thực tại nơi đây, đan chen những hoài niệm kết thành một tấm thảm muôn màu, chứa đựng đầy đủ những hỉ, nộ, ái, ố, dục, lạc của cuộc đời đang hòa điệu với nhịp sinh hoạt của nếp sống hàng ngày, dàn trải với không gian vô tận, và thiên nhiên muôn trùng. Ông đang đi tới tương lai, nhưng ông phải mang theo một hành trang của một dĩ vãng chất chồng, một sứ mạng bảo tồn những kho tàng văn hóa, những dấu tích lịch sử, đã khiến cho bước lữ hành phải oằn vai bổn phận…

Chỉ "Như Cánh Thiên Nga, trong Cảnh Đấy Người Đây", qua những hoạt cảnh thật sinh động của nếp sống Sàigòn sau ngày đổi đời, thật xôn xao muôn lối, với những hớt hải kiếm tìm, những kế hoạch chạy trốn, những âm mưu ngăn chặn, như một phong trào "xuống đường tranh đấu" để bảo vệ cuộc sống. Vì họ biết rằng, ẩn dấu đằng sau sự quyết tâm ổn định một xã hội mới, sẽ có mầm mống hủy diệt. Hứa hẹn một tương lai tươi sáng nhưng hiện tại đang phá hủy những tinh hoa của dân tộc, như tịch thâu tất cả những văn hóa phẩm của miền Nam kể cả sách giáo khoa, tịch thâu của cải dân chúng qua cuộc "cải cách tư bản". Nhận xét ấy càng hiện rõ trong giây phút đầu tiên của bối cảnh xã hội, của hoạt cảnh hiện thực, một an bài định mệnh cho miền Nam:

-"Người phu bến đò dáo dác nhìn hai bên đường, vội vã bước vào đồn công an, dưới chân cầu chữ Y cuối đường Nguyễn Biểu. Tên trưởng trạm ngồi thu chân theo thế ngồi xổm, trên chiếc ghế gỗ loang lổ nước sơn vàng. Cặp môi dày thâm đen màu gan gà, chụm lại hít mạnh từng hơi thuốc lá thơm. Mấy sợi ria mép thưa cong lên dựng đứng, nhăn nhúm giống mặt con chuột cống. Điếu thuốc lá cháy đỏ đầu, khói thuốc đậm đặc được nuốt sâu tan biến trong cuống phổi, còn lại sợi khói mỏng manh thở ra từ chiếc mũi cong mỏ két. Chấm phá thêm cho khuôn mặt nham hiểm lạnh lùng của một kẻ đã sớm đánh mất tình người".

Hoạt cảnh chỉ dựng lên rồi để đó, không cần bình luận không giải thích vì theo sau sẽ còn tiếp nối….

-Nga bỏ dở dĩa cơm xuống bàn, ngày ra đi từ bỏ quê hương mến yêu, thấy lòng xốn xang hồi hộp. Nhớ thương tiếc nuối như từng đợt sóng ngầm, cuồn cuộn dâng cao, tay cầm chiếc nón lá cũ rách viền, nhưng bài thơ bên trong còn rõ nét, úp mặt trong lòng nón, cả một dĩ vãng xôn xao ngày nào chập chờn ẩn hiện. Nga như thiếp dần trong cảm giác hôn mê của kỷ niệm thân thương ngày cũ. Hai em nhỏ gầy guộc, mặt mũi lem luốc, bước lại bưng ngay dĩa cơm ly nước còn ăn uống dở, chạy vội ra gốc cây ngồi xẹp xuống đất ăn ngấu nghiến...

Hoạt cảnh thứ hai cũng nằm đó im lìm như ngủ quên trong ký ức buồn phiền. Vì ngỡ tưởng ra đi là mất hết, sẽ để lại tất cả những thân thương mà cuộc đời đã dành dụm. Tuyệt vọng khổ đau đã vò nát cõi lòng người đi, khi đang nghĩ rằng sẽ không bao giờ còn cơ hội tìm lại những gì… chợt dưng người trong mộng hiện về qua tờ thư kỷ niệm:

Nga thân thương,

"Vẫn nhớ về Nga thật nhiều, thật đầy. Kỷ niệm ngày xưa vẫn chập chùng lớp lớp, bủa vây quanh Hòa, như mạng lưới tơ hồng chằng chịt, như những sợi tóc mai ngắn dài của những ngày vui đã cũ. Cho dù lưu lạc nơi đâu, lúc nào cũng mong ước Nga được vui tươi hạnh phúc, trong sáng ngọt ngào như trái mận hồng đào ngày nào, nơi vườn hoang cồn vắng, an bình miền sông Hậu… Hẹn ngày tái ngộ.

Kỷ niệm cũng chỉ hiện về một thoáng nhưng đang ấp ủ trong tâm tư một nguồn hy vọng cho người đi. Vì mãi mãi niềm nhớ còn đầy, ước mơ còn ngọt ngào như trái cây chín hườm trong khu vườn dấu ái. Ở đó vẫn còn một mong chờ đoàn viên, một ước mơ hội ngộ…

"Hòa cúi đầu thả rơi từng tiếng nhỏ: Đúng vậy, với Nga, Hòa vẫn đợi chờ và không thay đổi.

Nga mím môi nói nhanh:- Chuyến đi đêm nay do người bà con bên má tổ chức, nếu có Hòa cùng đi Nga lấy thêm một chỗ không có chi khó khăn.

Hòa lặng lẽ đứng nhìn. Nga đặt tay lên vai trấn an:- Về chuyện tiền bạc đừng ngại, coi như Hòa đi thay chỗ cậu em trai Nga, bị bắt lính về không kịp.

Hòa nắm chặt bàn tay thon nhỏ, sự đụng chạm da thịt khơi dậy một thời hoa mộng:

- Nếu gặp Nga trước một năm, Hòa xin cuốn gói theo ngay, nhưng giờ thì…

Nga hối hả cướp lời:

- Chắc đã trễ. Hòa đã có gia đình phải không? Không sao phải lo đi trước, bảo lãnh gia đình sau, bằng mọi giá phải thoát khỏi đất nước thống khổ, tội tình…

- Hòa chưa có gia đình, sau ngày mất nước không trình diện, gia nhập kháng chiến hoạt động trong vòng bí mật…

"Tình yêu" ngữ nghĩa nầy xưa nay người ta thường quan niệm hẹp hòi nên cho là "tầm thường, ích kỷ, cá nhân". Nhưng với Nga thì nó đã tỏa ra một "tấm lòng từ bi" thật mênh mông, vô lượng. Tấm lòng ấy đã thoát ra khỏi những vị kỷ đời thường, để bay lên thật cao cho năng lượng yêu thương được phủ trùm xuống những tâm hồn khốn khổ. Để xoa dịu thương đau, để an ủi nỗi lòng cô đơn của chia ly đang ẩn giấu phía sau bức màn hội ngộ. Khiến Hòa có cảm tưởng đây là giây phút thần tiên của hai kẻ yêu nhau sau một thời gian thất lạc vì chiến tranh. Nó chứa đựng cả một trời hạnh phúc của hai người. Vì vẫn còn đây tất cả nguồn hy vọng cho một cuộc tình mà ngỡ tưởng đã vuột khỏi tầm tay, đã chia lìa trọn kiếp. Bỗng dưng thắp sáng tin yêu cho chàng sau một lần tuyệt vọng vì lạc giữa thế cuộc đảo điên, giữa muôn trùng bất hạnh, vì hạnh phúc đang nằm trong tầm tay chàng…

Thế nhưng, sự trái ngang không phải vì hoàn cảnh xa cách, mà vì lý tưởng tôn thờ mạnh hơn tiếng gọi con tim, nên đành phải thuận theo vận nước…

Bên kia bờ sông tiếng quát tháo xé rách màn đêm, từ chòi gác:

- Ghe ai, dừng lại, cập bờ.

- Trái lệnh bắn bỏ.

Tên trưởng đồn đứng trước mũi tàu hướng về chiếc ghe, súng cầm tay bắn ngang dọc tứ phía thị oai, hăng máu bắn luôn vào đáy ghe…

… Nga cố vươn tay vuốt mặt em cho đôi mắt kinh hoàng khép kín, qua lỗ đạn nhỏ, trên trời cao một ngôi sao sáng bay vào thiên thu…

Nga mở to mắt nhìn nước xối xả chảy vào, chiếc ghe chìm xuống đáy sông, còn ai vuốt mắt cho Nga…

Đây là hoạt cảnh cuối cùng để khép lại "Như Cánh Thiên Nga". Khép lại một câu chuyện đã chứa đựng

nhiều tình tiết trộn lẫn giữa hạnh phúc và khổ đau, giữa chia ly và đoàn tụ, có giây phút bình an, nhưng cũng có nhiều cảnh kinh hoàng hòa quyện với nhau để làm nên một khúc phim thời sự rất sống động. Trong đó nguồn hy vọng chỉ le lói như một vệt sáng ở cuối đường hầm, mà nỗi kinh hoàng thì chập chùng ẩn hiện. Đã khép lại một thời mà cả thành phố Sàigòn như lên cơn sốt. Khép lại những hớt hãi kinh hoàng vì dự đoán điều không lành sẽ đến. Khép lại những mơ ước thoát ly. Khép lại những hy vọng đoàn tụ… và khép lại "một ngôi sao sáng đã bay vào thiên thu !"…

Những câu chuyện còn lại của tác giả Thôi Hiên trong hai tuyển tập cũng xoay quanh những hoạt cảnh của một thời kỳ trước và sau cuộc đổi đời của xã hội miền Nam. Cùng với những đoạn rời ghép từ hải ngoại, đã quấn quyện lấy nhau như muốn bắc một nhịp cầu cho lòng, từ hải ngoại về thăm quê nhà, cũng như từ hiện tại về thăm quá khứ. Một quá khứ có quá nhiều buồn đau, nhưng thỉnh thoảng cũng cho người cơ hội để tìm đến với bước chân hạnh phúc; và một hiện tại với cuộc sống có quá nhiều cảnh huy hoàng, nhưng bên trong là những giọt lệ thầm rơi đang xóa nhòa những chặng đời xa xưa, nhưng mãi mãi vẫn còn khắc ghi một hình bóng cũ…!

*

Nhà văn Võ Phước Hiếu sinh năm 1933 tại làng Thanh Hà, quận Châu Thành, tỉnh Chợ Lớn nay thuộc quận Bến Lức, tỉnh Long An. Xuất thân từ gia đình giáo chức, cha mẹ đều là giáo viên tỉnh. Ông là công chức thuộc Đệ nhất Cộng Hòa, qua thời Đệ nhị Cộng Hòa sinh sống với nghề tự do trong ngành ấn loát, xuất bản và báo chí. Vượt biên bằng đường biển năm 1979 đến đảo Kuku Nam Dương, tỵ nạn chính trị tại Pháp tháng 11 cùng năm. Tác giả song ngữ Pháp và Việt. Sinh hoạt văn chương nghệ thuật trước năm 1975. Ra hải ngoại tiếp tục sáng tác đăng rải rác trên các báo Pháp và Việt Ngữ: Art & Poésie, Horizon 21, Un Coin de Poésie, Bulle du Ternois, Messages (Pháp), Làng Văn (Canada), Quê Hương (Hoa Kỳ), Dân Chúa (Đức) cùng nhiều nội san hội đoàn. Góp mặt trong các tuyển tập: Những Cây Viết Miền Nam của nhà văn Nguyễn Văn Ba (Canada - 1990). Tiếng Thơ Hải Ngoại của nhà văn Hoàng Duy (Hoa Kỳ 1994). Được nhà văn Hồ Trường An giới thiệu trong Tập Diễm Ngưng Huy (Ô Môi – Hoa Kỳ 2003). Được nhà văn Nguyễn Thiên Thụ giới thiệu trong Văn Học Sử Việt Nam: Văn Học Hiện Đại tập IV (Gia Hội – Canada 2006). Ngoài ra ông còn xuất bản trên hai mươi đầu sách.

Chuyện "Tình Buồn" trong "Dòng Đời Xuôi Ngược" là một câu chuyện khá đặc biệt và tiêu biểu cho tuyển tập. Chuyện xảy ra trong bối cảnh đất nước trước khi bị chia đôi vào ngày 20 tháng 7 năm 1954 và kéo dài đến sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Kể lại chuyện tình của Hoàng Mai, con của một doanh gia giàu có ở Châu Đốc, gia đình theo đạo Công giáo. Khi thấy cha vì công việc phải lên Sàigòn nhiều lần, đã kích thích tính phiêu lưu của cô nữ sinh đang học năm cuối ở tỉnh nhà. Khiến nàng có những quyết định vội vã đi theo tiếng gọi của con tim, đi theo những ước mơ của tuổi trẻ. Dù chưa biết con đường tương lai như thế nào! Nên khi nghe Hoàng Mai trình bày việc xin phép mẹ lên Sàigòn học, thì mẹ đã hốt hoảng:

Bà Bút chưng hửng, nhíu đôi mày ngạc nhiên, nụ cười tắt hẳn trên môi. Bà nẩy người sửng sốt nói không kịp thở:

-"Trời đất quỷ thần ơi! Bây nói cái giống gì vậy? Tao nghe không lọt lỗ tai. Cơ khổ hôn? Bộ bây giỡn chơi hay sao chớ? Bây có quẩn trí có điên không? Bây làm như tao đang ở trên trời cao rơi xuống đất một cái ạch vậy! Mà thật vậy không? Tao đang đứng tim đây. Bộ ở tỉnh mình hết thầy giáo, hết cô giáo đủ trình độ dạy rồi sao?".

Nhưng bản tính ương ngạnh của đứa con gái được mẹ chiều chuộng từ nhỏ, nên cuối cùng bà Bút đành phải chấp thuận cho con lên Sàigòn trọ học. Song trong lòng bà thì luôn lo âu những chuyện bất trắc sẽ đến với Hoàng Mai. Lòng lo lắng của người mẹ thật ngổn ngang trăm mối, thêm cảnh sống cô độc trong một cơ ngơi thênh thang, khiến cho bà Bút như già đi trước tuổi.

Vừa bước chân đến thành phố phồn hoa đô hội, thì Hoàng Mai được một nhóm bạn đến tiếp đón và làm quen. Khi biết ra những người đến giúp đỡ ấy là một nhóm sinh viên cộng sản nằm vùng, nên nàng đành xuôi theo và tập tành hoạt động. Chuyện đến tai bà Bút nên bà gọi ông lên Sàigòn làm hồ sơ và thuyết phục Hoàng Mai qua Pháp du học. Ở đây cũng có anh ruột của nàng qua du học trước, đã đỗ đạt và xin ở lại Paris nên nàng đã có nơi nương tựa. Tưởng yên ổn để ăn học, không ngờ trên đường đi học Hoàng Mai gặp Trọng Nghĩa, một sinh viên du học gốc ở Bến Tre và là con của một cán bộ cộng sản nằm vùng. Hai người yêu nhau thật nhanh và họ quyết định đi đến hôn nhân, nên sau khi tốt nghiệp Y khoa, Trọng Nghĩa đưa Hoàng Mai về Hà Nội để phục vụ theo lệnh cấp trên. Trọng Nghĩa được đề cử làm Phó giám đốc Bệnh viện, dưới quyền của một người xuất thân từ Y tá, học bổ túc và trở thành Y sĩ (tương đương với Cán sự Y tế miền Nam, nhưng được đồng hóa Bác sĩ nhờ đã có nhiều thành tích với Đảng).

Dĩ nhiên Trọng Nghĩa phải chịu đựng rất nhiều cảnh ê chề trong việc "làm thầy đứa dại". Và khi đã hiểu ra việc sắp đặt nầy là do tổ chức, nên chàng đành âm thầm chịu đựng, với hy vọng vào tương lai…!

Đến khi "Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam" được thành hình, thì vợ chồng Trọng Nghĩa xung phong vào Nam, để cách ly với tình cảnh hiện thời không mấy tốt đẹp.

Chẳng may vừa vượt qua khỏi biên giới Lào-Việt đặt chân vào vùng rừng núi chập chùng trùng điệp cao nguyên, toàn đơn vị hậu cần của Trọng Nghĩa bị đánh bom và xóa tên vĩnh viễn trên đường xuôi Nam. Trọng Nghĩa bị trọng thương trong hoàn cảnh thiếu thốn mọi mặt, nhất là thuốc men và đã qua đời ít giờ sau ngay tại chỗ, mang theo mình một lý tưởng không bao giờ thành tựu…

Còn lại một mình Hoàng Mai vẫn theo phục vụ cho đơn vị. Bây giờ nàng đã trở lại cuộc sống độc thân nên không khỏi chịu sự sắp đặt của chi bộ đảng! Cuối cùng nàng cũng phải xuôi tay phó mặc cho định mệnh, cam đành làm vợ của một "chiến sĩ" có thành tích chiến đấu lẫy lừng do đảng "xây dựng". Người chồng sau nầy của Hoàng Mai là "Anh hùng các lực lượng võ trang" xuất thân từ bần cố nông ba đời! Nhưng nàng phải chấp nhận để cho cuộc sống được yên ổn. Vì nàng nhìn chung quanh một số thanh nữ hồn nhiên bị động viên vì "tổ

quốc xã hội chủ nghĩa" để trở thành "em nuôi, chị nuôi"… phục vụ các cấp lãnh đạo và không có ngày về…!

Sau ngày tiếp thu miền Nam, chồng nàng chỉ mang quân hàm Trung úy, lương bổng không đủ vào đâu trong khi cả hai không biết lau lách móc ngoặc làm giàu trong thời kỳ nhập nhằy quân quản, nên phải đành "thắt lưng buộc bụng"! Cuối cùng hai vợ chồng Hoàng Mai tìm lối thoát bằng cách xung phong vào kế hoạch đi sản xuất tự túc do quân ủy thành Hồ động viên và chỉ đạo. Cả hai được đưa lên vùng kinh tế mới tận biên giới Việt – Miên, nơi đây họ làm việc cật lực với khai hoang nương rẫy, nhưng hoa màu chỉ cho có sắn khoai là chủ yếu…

Đùng! một tiếng nổ chát chúa gây chấn động cả vùng núi rừng yên tĩnh. Chồng nàng đạp phải một quả mìn ngã lăn ra chết tại chỗ…Hoàng Mai cũng bị thương nặng, nàng hấp hối trên vũng máu đẫm ướt một vùng đất vừa mới cào lên… Trong nỗi tuyệt vọng, nàng đưa tay yếu ớt làm dấu thánh giá, đôi môi lẩm bẩm: - Xin Chúa thứ tha và rước linh hồn con. Con đã cãi lời khuyên răn dạy bảo của mẹ cha, tự tiện dấn thân vào con đường tội lỗi đầy hận thù, thiếu vắng tình người…

Đây là điệp khúc cuối để khép lại chuyện "Tình Buồn". Một câu chuyện rất độc đáo diễn tả một nhân vật có thật của thời đại, nhưng từ xuất thân cho đến trưởng thành gần như một nhân vật huyền thoại. Từ một nàng tiểu thơ đài các sống trong giàu sang nhung lụa, đến một mệnh phụ phu nhân và sau cùng theo sự sắp đặt của tổ chức, phải làm vợ của một "chiến sĩ vô sản" để được sống còn. Cuộc đời của Hoàng Mai được bắt đầu bằng nơi chốn, và kéo dài đến một không gian mà chiều dài gần nửa vòng trái đất, và một thời gian cũng bắt nguồn từ cột mốc lịch sử đau thương của đất nước chia đôi và xuyên qua một cột mốc lịch sử đau thương khác, đến sau ngày miền Nam bị đổi đời. Thời gian và không gian rộng xa, đã trải qua không biết bao nhiêu thăng trầm của thế cuộc, bao nhiêu sự kiện lịch sử mà cuộc đời của Hoàng Mai phải trôi lăn theo với hai cuộc hôn nhân. Một trên trời, một dưới đất, một tình nguyện, một được chỉ định đã dìu nàng đi theo từng bước từ hạnh phúc đến khổ đau, từ đường mật đến chông gai, theo sự an bài của định mệnh đã làm chai đá một tâm hồn, đã làm héo tàn một bóng hồng ngỡ tưởng như cuộc đời sinh ra để đi vào bước lầm lạc của khốn cùng, bước trầm luân của nhân thế.

Mối tình đầu nàng được gặp gỡ Trọng Nghĩa trong lúc du học ở Paris và tự một mình nàng quyết định hôn nhân mà không có sự tham dự của song thân. Mối tình thứ hai thì do tổ chức đảng chỉ định và sắp đặt. Nàng chỉ tuân thủ theo để bảo toàn thân phận trong lúc còn hoạt động trong bưng biền. Nên cả hai cuộc hôn nhân đều không hợp lẽ tự nhiên, không thuận theo đạo lý, vì không có sự liên hệ của "huyết thống tâm linh" của cảm tình lân mẫn.

Hai cuộc tình được lồng trong một chuỗi lịch sử đen tối đầy bất trắc. Từ những chuyện bộ đội Việt Minh tập kết ra Bắc, trước khi đi họ đã tổ chức những việc cài người lại miền Nam, việc tổ chức đám cưới tập thể cho bộ đội. Những phong trào như Đồng Khởi ở tỉnh Bến Tre, là những sắp đặt của chính quyền miền Bắc để đợi ngày họ trở lại…

Các chuyện còn lại cũng xoay quanh những nhân vật được sinh ra một thời mà quê hương Việt Nam đắm chìm trong lửa đạn. Cuộc sống truân chuyên đã đành, nhưng tánh mạng lại như sợi chỉ mành treo chuông, nên đôi khi cái chết cũng là sự giải thoát!

Người đọc chọn hai truyện tiêu biểu "Như Cánh Thiên Nga" và "Tình Buồn" trong hai tập truyện gồm có 24 truyện ngắn của hai tác giả in chung. Nhằm giới thiệu với độc giả tuy hai tác giả nhưng có chung một dòng chảy, mà bối cảnh và thời gian được ghi dấu qua hai giai đoạn lịch sử đặc biệt của quê hương. Giai đoạn đầu là trước và sau ngày đất nước bị chia đôi. Những chuẩn bị cho một thế chính trị của chính quyền hai miền. Miền Bắc muốn giành phần thắng, nên họ tổ chức cài người lại nằm vùng ở miền Nam. Nhưng thật ra thì họ đang chuẩn bị một cuộc chiến giải phóng, và đã xảy ra kéo dài đến hai mươi năm. Một cuộc nội chiến tại nước Việt Nam nhưng lại do hai bàn tay của hai cường quốc Trung - Mỹ chỉ đạo. Họ tha hồ tung lên rồi hạ xuống, đến lúc bầm dập thì họ lại "trao đổi cho nhau"!

Và giai đoạn sau là "thống nhất đất nước" vào ngày 30.4.1975. Thống nhất nhưng không hòa bình, không độc lập, nên vẫn bị các thế lực của ngoại bang thao túng. Nên tình trạng xã hội trong giai đoạn nầy lại còn bi thảm không kém gì thời buổi chiến tranh. Vì chiến tranh thì chỉ gây ra cảnh chém giết nên chỉ chết chóc về thân xác. Còn thống nhất mà không hòa bình, không độc lập thì dân tình cũng đi đến hủy diệt từ thể xác đến tinh thần.

Tóm lại hai tập truyện trên đây có thể nói là những tác phẩm rất có giá trị về văn học, về tài liệu của những giai đoạn lịch sử cận đại cần thiết cho một tủ sách gia đình. Chân thành cám ơn hai nhà văn Thôi Hiên và Võ Phước Hiếu đã dành nhiều thì giờ để trau chuốt chữ nghĩa, thêu dệt văn chương cho tha nhân thưởng lãm.

Muốn có sách xin liên lạc về:
1)- Nhóm Văn Hóa Pháp Việt
1 Allée des Peupliers
59320 Hallennes Lez Haubourdin
France
2)- Nhà Sách Khai Trí
93 Avenue d´Ivry
75013 Paris - France.

Giới thiệu sách mới xuất bản

***Phù Vân phụ trách**

- **The Joys and Sorrows of Vietnam của nhà văn nữ Hạnh Đức**

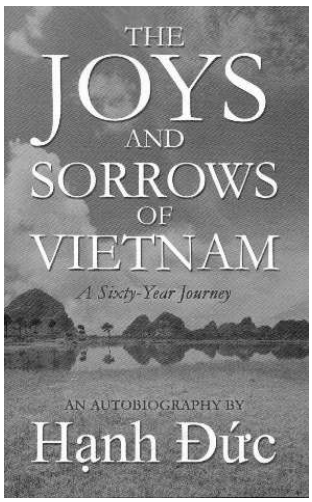

Đọc để hiểu thêm thăng trầm của lịch sử Việt Nam 60 năm qua, nhất là cho các cháu còn quá nhỏ khi đến Hoa Kỳ hay sinh đẻ tại đây. Đọc để khuyến khích sự thành công của một nữ tác giả tỵ nạn đến Hoa Kỳ với hai bàn tay trắng

Tác phẩm "Sáu Mươi Năm Vui Buồn Theo Vận Nước" của nhà văn Hạnh Đức đã dịch ra tiếng Anh dưới tựa đề "The Joys and Sorrows of Vietnam". Sách vừa được phát hành trên toàn quốc, và trên mạng lưới toàn cầu www.PublishAmerica.com. Đặc biệt, người yêu văn học nghệ thuật sẽ tìm được "The Joys and Sorrows of Vietnam" trong hội chợ sách quốc tế Frankfurt Book Fair tổ chức tại Frankfurt, Đức quốc từ 04 đến 14 tháng Mười, 2012. "Sáu Mươi Năm Vui Buồn Theo Vận Nước" do hai giáo sư Việt-Mỹ chuyển ngữ bằng văn phong chính xác với bản gốc và tự nhiên như chính người Mỹ bản xứ trước tác, kể lại lịch sử một cuộc tình thơ mộng nảy nở giữa núi rừng Bắc Kạn. Lớn lên giữa thử thách, và làm chứng nhân một cuộc chiến khốc liệt giữa 2 miền Nam Bắc Việt Nam.
(Trích "Hợp Nhất"; số tháng 2.2012)

Sách có thể mua trên mạng www.barnesnoble.com hay www.amazon.com… hoặc gọi điện thoại (301) 874-9124 (Hoa Kỳ)

- **Việt Sử Đại Cương 6 của Trần Gia Phụng**

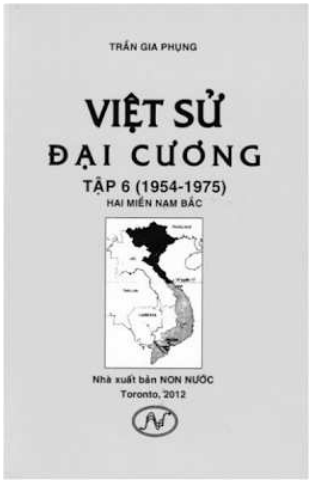

Việt Sử Đại Cương - tập 6 của sử gia Trần Gia Phụng viết về những diễn biến chính trị, văn hóa, kinh tế, xã hội của hai miền Nam và Bắc Việt Nam từ 1954 đến 1975, gồm có 17 chương (11 chương về miền Nam và 6 chương về miền Bắc).

1. Miền Nam Việt Nam sau hiệp định Genève
2. Sự thành lập nền Cộng Hòa
3. Tình hình chính trị Đệ nhất Cộng Hòa
4. Chính biến ngày 1.11.1963 – Đệ nhất Cộng Hòa sụp đổ
5. Chính phủ lâm thời
6. Chính phủ Nguyễn Khánh
7. Chính phủ dân sự
8. Nội các chiến tranh
9. Các chính phủ thời Đệ nhị Cộng Hòa
10. Tổ chức cai trị chế độ Việt Nam Cộng Hòa
11. Sinh hoạt tại miền Nam Việt Nam từ 1954 đến 1975
12. Miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Genève
13. Quản lý nông nghiệp
14. Quản lý văn hóa-tư tưởng
15. Tình hình Bắc Việt Nam trước khi khởi động chiến tranh
16. Tổ chức cai trị chế độ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa
17. Sinh hoạt tại miền Bắc Việt Nam từ 1954 đến 1975.

Ngoài ra, còn có hai bản Hiến pháp, các Hiến ước, Hiến chương của các chế độ ở miền Nam Việt Nam, và Hiến pháp của miền Bắc Việt Nam.

Đặc biệt, VSĐC tập 6 mô tả khá đầy đủ tổ chức xã hội dân sự ở cả hai miền đất nước, với nhiều chi tiết sinh hoạt xã hội, tôn giáo, hội đoàn, đảng phái chính trị, các nghiệp đoàn lao động ở trong Nam cũng như ngoài Bắc mà ít người viết đến trước đây. Bộ thông sử còn ghi nhận đầy đủ các nghệ sĩ thời đại như họa sĩ, nhạc sĩ, ca sĩ, danh tài cải lương Việt Nam. Ngoài ra, sách phụ thêm nhiều chú thích giá trị và một bảng danh mục đầy đủ giúp độc giả dễ truy tìm những nhân vật liên hệ đến các sự kiện trong giai đoạn từ 1954 đến 1975.

VSĐC tập 6 dày 544 trang, giá 25 đô. Tìm mua ở các hiệu sách.

Liên lạc: trangiaphung2011@yahoo.com
(theo Uyên Thi Trần trên mạng Viện Việt-Học ngày 28.5.2012)

- **Dòng Đời Xuôi Ngược của Thôi Hiên và Võ Phước Hiếu**

Tập truyện do Hương Cau xuất bản năm 2012, gồm 12 truyện ngắn dù „dòng đời xuôi ngược", nhưng tâm tư tình cảm của hai tác giả lại gặp nhau trong bối cảnh lịch sử trước và sau năm 1975 của quê hương Việt Nam.

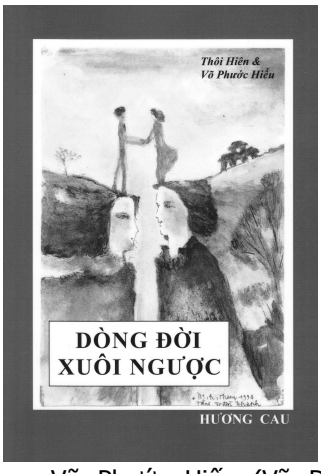

Thôi Hiên (tên thật là Nguyễn Hữu Huỳnh), Cao Học Tư Pháp, Đại Học Luật Khoa Saigon, tỵ nạn tại Anh Quốc (1979) và sau đó định cư tại Úc; với 9 truyện ngắn có nội dung nung đúc niềm tin và thuyết „nhân quả" của nhà Phật.

Võ Phước Hiếu (Võ Đức Trung), công chức thời VNCH, hoạt động văn chương nghệ thuật trước năm 1975, với 3 truyện ngắn. Định cư tại Pháp, chủ trương Nhóm Văn Hóa Việt-Pháp để tiếp tục hoạt động văn học, đã phát hành 21 đầu sách. Giá bán : 14 EURO

Liên lạc: 1) - Nhóm Văn Hóa Pháp Việt
1 Allée des Peupliers
59320 Hallennes Lez Haubourdin – France.
2)- Nhà Sách Khai Trí
93 Avenue d´Ivry. 75013 Paris – France.

- **Dưới Bóng Đa Chùa Viên Giác**
  của HT. Thích Như Điển
  và Trần Trung Đạo:

Thiết nghĩ không cần phải dài dòng để giới thiệu hai tác giả nổi tiếng này, vì HT. Phương Trượng chùa Viên Giác, với 60 tác phẩm vừa nghiên cứu, dịch thuật kinh điển Phật Giáo; vừa về văn chương, nổi bật là 2 tác phẩm Giai Nhân và Hòa Thượng và Chuyện tình của Liên Hoa Hòa Thượng,... cũng đã có chỗ đứng trên văn đàn văn học hải ngoại. Tác giả Trần Trung Đạo, là một nhà thơ, nhà văn với nhiều tác phẩm, những bài tùy bút, tâm bút, tiểu luận... được độc giả khắp nơi ngưỡng mộ. Đặc biệt, bài thơ "Nhớ cây đa chùa Viên Giác" của Trần trung Đạo đã được HT. Phương Trượng diễn ngâm nhiều lần và ở nhiều nơi.

Cả hai tác giả đều xuất thân từ Duy Xuyên, Quảng Nam, từ tuổi thơ đã cùng hít thở chung bầu không khí của chùa Viên Giác; cùng chung ít nhiều kỷ niệm. Và khi ra hải ngoại, như Trần Trung Đạo ghi, "vì đã có duyên với nhau nên trước hay sau gì cũng đến cùng điểm hẹn..." – đó là tác phẩm "Dưới Bóng Đa Chùa Viên Giác".

Sách dày 338 trang, in tại Đài Loan, phát hành năm 2012. Giá ủng hộ Cô Nhi Viện: **10 EURO** (nhận tại Văn Phòng Chùa Viên Giác); 12,50 EURO (gởi bưu điện trong nước Đức); 17 EURO (gởi ngoài nước Đức).

Sách do quý Đạo hữu Phật tử ấn tống
(in tại Đài Loan, Viên Giác phát hành năm 2012)

- **Tư Tưởng Tịnh Độ Tông**
  do Hòa Thượng Thích Như Điển biên soạn

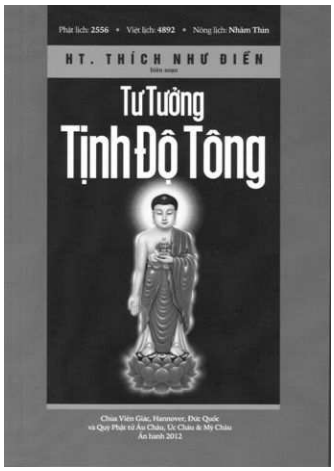

Tư Tưởng Tịnh Độ được lấy từ 3 kinh Tịnh Độ: Kinh Vô Lượng Thọ (Đại Bản A Di Đà), Kinh Quán Vô Lượng Thọ, và Kinh A Di Đà (Tiểu Bản A Di Đà).

Trong nhiều khóa tu học ở khắp nơi, Hòa Thượng Phương Trượng thường thuyết giảng về Tịnh Độ Tông cho đại chúng. Hòa Thượng đã triển khai những sáng tác, bình luận, soạn thuật của các vị Tổ Trung Hoa, Nhật Bản, Tây Tạng và Việt Nam về quan niệm vãng sanh trong thời kỳ mạt pháp này, để đưa ra một "Con Đường Tịnh Độ" cho những người tu theo Tịnh Độ Tông Việt Nam quán triệt và hành trì theo pháp môn này.

Sách Ấn Tống in tại Đài Loan, dày 526 trang.

- **Những bản văn căn bản của Tịnh Độ Tông Nhật Bản (Quellentexte des japanischen Amida – Buddhismus)**
  Nguyên tác Đức ngữ của Christian Steineck
  Việt dịch: HT.Thích Như Điển

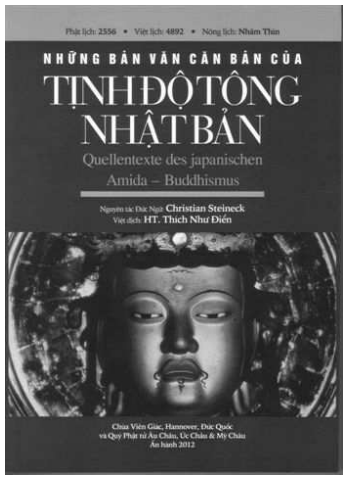

Đây là một tác phẩm giá trị gồm những bản dịch những tư tưởng quan trọng của những vị sáng Tổ của ba tông phái Tịnh Độ Nhật Bản nhằm giới thiệu về việc truyền thừa Tịnh Độ giáo từ Ấn Độ đến Trung Hoa rồi đến Nhật Bản cùng với những cải biến cho phù hợp với hoàn cảnh đặc thù của xã hội bản địa. Tuy vậy, những bài viết căn bản về Tịnh Độ Tông Nhật Bản, do Pháp Nhiên sáng lập "Tông Tịnh Độ", mà Thân Loan đã lập thành "Tịnh Độ Chân Tông" và Nhứt Biến đã lấy đó làm căn bản của "Thời Tông", nhưng đối với độc giả người Đúc cũng khó thấu triệt được...

Dĩ nhiên còn rất nhiều điều vi diệu và lợi lạc cho người học Phật tiềm tàng trong tác phẩm này.

Sách Ấn tống, in tại Đài Loan dày 332 trang.

- **Tang Lễ của Phật Giáo Việt Nam tại Đức**
  nguyên tác Luận án Tiến sĩ Đức ngữ
  và Việt ngữ của Thích Hạnh Giả

Trong luận án Tiến sĩ này tác giả đã trình bày hết sức minh bạch và chi tiết cụ thể về những nghi thức tang lễ theo Phật Giáo Đại Thừa; đồng thời phân tích và so sánh những lễ nghi truyền thống ở Việt Nam và ở Đức, liên quan đến vấn đề "Lâm sàng, Lâm chung và Lễ tang".

Sách có 4 Chương quan trọng, trong đó có mấy điều cần thiết phải biết để: - Lo hậu sự; - Việc trợ chuẩn lâm chung; - Những việc cần làm khi gia đình có thân nhân tử vong; - Chuẩn bị cho những nghi lễ tang ma... Đó chưa kể đến phần Phụ Lục về chuẩn bị hậu sự với nhà quàng; bảng giá biểu phí tổn...

Sách Ấn tống, dày 263 trang.

- **Những Câu Chuyện Linh Ứng về Địa Tạng Vương Bồ Tát**
  do HT. Thích Như Điển dịch

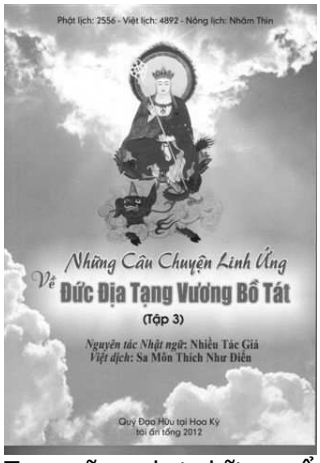

Sách được tái bản lần thứ nhất năm 2012 do một số đạo hữu Phật tử tại Hoa Kỳ ấn tống. Hai chữ Địa Tạng có nghĩa là "Đất có khả năng tàng chứa" mọi vật, mội thứ. Điều này chứng tỏ hạnh nguyện của vị Bồ Tát Địa Tạng có sức kham nhẫn, chịu đựng giống như sự nhẫn nại của đất.

"Khi nhắc đến Địa Tạng Vương Bồ Tát đa phần chúng ta nghĩ đến Kinh Địa Tạng cũng như những mẩu chuyện tiếp độ cho những người chết qua những câu chuyện được kể rải rác đó đây; nhưng trong gần 300 câu chuyện của cuốn sách này có hơn 90 phần trăm là Ngài đã cứu cho người sống nhất là những người mắc bệnh hiểm nghèo, chính Y khoa Nhật Bản bó tay, người bệnh hay thân nhân họ khi đến cầu nguyện nơi Ngài sẽ lãnh được phép nhiệm mầu". (Lời đầu sách).

Bộ sách gồm 3 cuốn, tổng cộng 962 trang.

Muốn có những sách Ấn tống nêu trên xin liên lạc với Văn Phòng Chùa Viên Giác để biết thêm chi tiết.
(Tel. 0511 – 87 96 320)

- **Văn Hóa Gì ?**
  của Trần Văn Giang

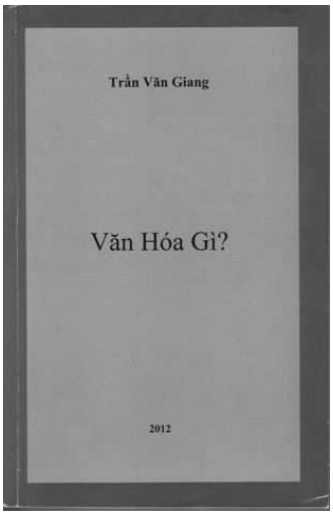

"Các bài viết trong cuốn sách nhỏ bé này sẽ tuần tự phô bày cái thực chất của **"văn hóa khỉ"** (của CSVN). Người viết xin nhắc nhở mọi người Việt chúng ta, dù sống ở đâu, trong hoàn cảnh nào, một điều, một chân lý rõ như ban ngày: "Đừng bao giờ nghe những gì Cộng sản nói, mà hãy nhìn kỹ những gì Cộng sản làm" (TT Nguyễn Văn Thiệu).

Thật may mắn, nhờ hồn thiêng sông núi, dân tộc Việt Nam vẫn còn có một nền văn hóa căn bản không thể bị hủy diệt, đó là nền Văn Hóa Dân Tộc 4 ngàn năm lẻ đầy nhân bản, hiền hòa, bao dung; khác ngược hẳn với cái **"văn hóa đỏ"** phi nhân, gian xảo, khát máu, man rợ của Cộng sản" (Lời tựa của tác giả).

Sách dày 338 trang, in tại Hoa Kỳ.
Giá: 18 Mỹ Kim
Liên lạc: E-mail: tranvangiang17@yahoo.com

Thông Báo
Lịch Quý Tỵ năm 2013

Trân trọng thông báo đến quý Phật Tử & Đạo Hữu giá phát hành Lịch Tử Vi & Lịch Treo Tường năm Quý Tỵ (2013) như sau:

• Lịch Tử Vi

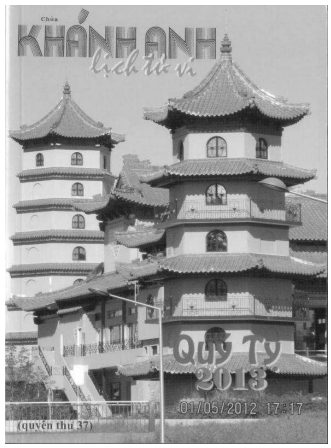

- Tại Chùa Viên Giác 17€
- Gởi trong nước Đức 19€
- Gởi ngoài nước Đức 24€

•Treo Tường

- Tại chùa Viên Giác 11€
- Gởi trong nước Đức 16€
- Gởi ngoài nước Đức 18€

Đề nghị quý vị nên gửi tiền mặt về Chùa, tiền để trong bao thư gói kỹ dán kín, tùy theo số tiền ít hay nhiều gởi thường hay bảo đảm.

Trong thư xin ghi rõ loại lịch và số lượng để khỏi bị nhầm lẫn và địa chỉ rõ ràng để gửi lịch. Khi nhận được tiền Chùa sẽ gửi lịch ngay đến quý vị.

*** Không nhận gửi Nachnahme** (Chuyển hóa giao ngân) vì tiền cước quá đắt, và

*** Không nhận Check**, vì mỗi một tờ Check chùa phải mất 13,55€ đó là tiền dịch vụ ngân hàng.

Kính mong quý Đạo Hữu & Phật Tử xa gần ủng hộ.

Câu Chuyện Y Dược

• **Quỳnh Hoa**

Phòng chống chứng đột quỵ
(tai biến mạch máu não)

Một nguồn tin tốt đầu tiên là con số tử vong do chứng đột quỵ, tai biến mạch máu não hiện nay chỉ còn là phân nửa so với số tử vong cách đây 30 năm. Nguyên nhân là nhờ phương pháp chẩn đoán, điều trị hiệu quả hơn và sự ý thức hiểu biết cũng như quan điểm về sức khỏe của con người được phổ biến hơn.

Hằng năm tại nước Đức có khoảng 250.000 người bị chứng đột quỵ, 1/3 những người này bị bệnh tiểu đường. Sau các chứng bệnh như nhồi máu cơ tim và ung thư là bệnh tai biến mạch máu não đứng hàng thứ 3 thường gặp phải trong các nguyên nhân gây tử vong và thường gây bại liệt và cần phải có sự chăm sóc.

Tương tự như ở chứng nhồi máu cơ tim, hành động xử trí nhanh chóng có thể tránh hay ngăn được hậu quả tai hại. Để giảm được nguy cơ của chứng đột quỵ, tai biến mạch máu não, chúng ta cần phải biết những dấu hiệu báo động trong trường hợp khẩn cấp và những chuyên gia điều trị giúp đỡ như thế nào trong các trường hợp này.

1) Tai biến mạch máu não do tắc nghẽn động mạch làm máu không dẫn đến được cơ cấu mô não, nơi mà động mạch dẫn máu đến nuôi dưỡng sẽ bị chết dần.

2) Xuất huyết (chảy máu) ở não: Từ mạch máu hay động mạch não máu bị chảy thoát ra do huyết quản (mạch máu bị vỡ) làm máu nén lên cơ quan não.

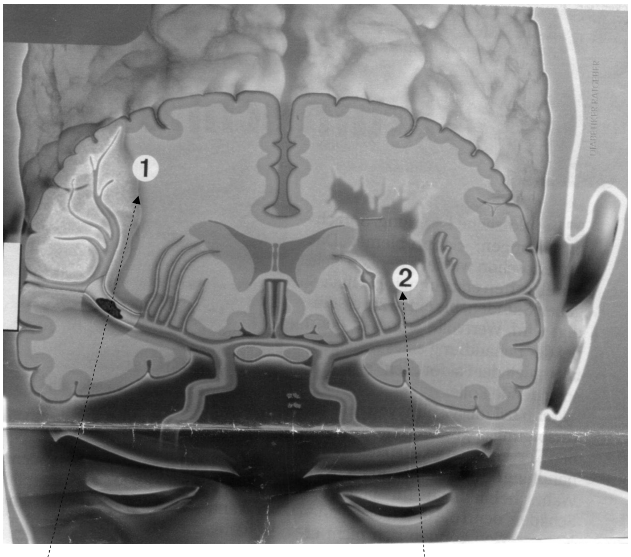

1. Tai biến mạch máu não do tắc nghẽn động mạch (mạch máu ở não).

2. Xuất huyết (chảy máu) ở não.

Điều quan trọng là phải nhanh chóng xử trí khi thấy có những dấu hiệu: Sự tê liệt đột ngột, rối loạn trong tiếng nói ngôn ngữ, rối loạn trong sự nhìn quan sát... phải thông báo bác sĩ đến cấp cứu ngay, thời gian là quí báu bởi vì sự điều trị tai biến mạch máu não thời gian là quyết định. Khi một phần của não bị cắt đứt khỏi sự cung cấp máu thì các tế bào thần kinh bị chết dần.

Mỗi một sự chậm trễ bắt đầu cuộc điều trị là càng làm tăng sác xuất của sự tổn thất tác hại lâu dài, bởi vì các tế bào thần kinh bị chết đi không thể phục hồi làm sống lại. Ở những dấu hiệu báo động bạn nên thật nhanh chóng càng sớm càng tốt gọi bác sĩ cấp cứu, điều này cũng có giá trị khi hội chứng chỉ xuất hiện sau một thời gian ngắn thôi lại biến mất, thoáng qua một cách nhất thời như rối loạn tuần hoàn máu, trong trường hợp này cũng phải nhờ đến sự giúp đỡ của bác sĩ vì có thể đó là đang tai biến mạch máu não.

- Đột nhiên suy yếu hay rối loạn cảm giác (mất cảm giác, có cảm giác ngứa ngáy khó chịu) một bên cơ thể.
- Đột ngột chóng mặt quay vòng (xoay vòng), mất cân bằng cơ thể, kiểu dáng đi không chắc chắn.
- Đột nhiên rối loạn về sự nhìn (có khi chỉ xảy ra ở một mắt), thấy hình đôi.
- Đột nhiên rối loạn về sự nói chuyện, ngôn ngữ (mất khả năng nói, nói không rõ ràng, nói khó, không hiểu được lời nói).
- Đột nhiên đau đầu (nhức đầu) dữ dội.

Trước khi bác sĩ đến, bạn có thể làm gì để giúp đỡ:

1) Gọi bác sĩ cấp cứu khi nghi ngờ sự bắt đầu của chứng đột quỵ, tai biến mạch máu não.

2) Giúp cho bệnh nhân thở được dễ dàng hơn: Tháo mở làm lỏng những nơi quần áo bó chật, mở cửa sổ.

3) Để bệnh nhân nằm với phần phía trên thân thể hơi cao. Trong trường hợp bệnh nhân bị ngất xỉu, bất tỉnh hay nôn mửa mang bệnh nhân đến vị trí ổn định nằm nghiêng một bên.

4) Trấn an bệnh nhân, ở bên cạnh bệnh nhân và hết lòng chăm sóc cố gắng trấn an.

Bác sĩ cấp cứu có thể nhanh chóng xác định phía sau các hội chứng bệnh đó là tai biến mạch máu não hoặc chỉ là bệnh cấp tính về huyết áp, về giá trị đường huyết (đường trong máu), hay rối loạn nhịp tim và chọn biện pháp thích hợp để chống bệnh.

Trong trường hợp tai biến mạch máu não thì bệnh nhân được đưa đến những trạm chuyên khoa dành cho tai biến mạch máu não gần nhất, bác sĩ và nhân viên chăm sóc ở những nơi đó đều được đào tạo đặc biệt để biết cách xử trí, đối với những bệnh nhân bị tai biến mạch máu não; khi đó là do cục máu đông thì họ có cách để tháo gỡ, bác sĩ có thể khám xác định các trường hợp để hội chứng không tồn tại quá lâu. Khi đó là trường hợp tai biến mạch máu não do sự xuất huyết gây ra bởi động mạch bị vỡ thì có thể cần có cuộc phẫu thuật.

Để giảm nguy cơ tai biến mạch máu não:

1) Giảm trọng lượng dư thừa của cơ thể: Những người có trọng lượng quá dư thừa, rõ ràng có nguy cơ tai biến mạch máu não vì vậy hãy cố gắng dứt bỏ cân lượng dư thừa, tốt hơn hết là kiêng ăn và thường xuyên vận động.

2) Ngừng hút thuốc lá (bỏ thuốc lá): Nicotin làm hẹp huyết quản khi bạn từ bỏ điếu xi-gà thì rõ ràng nguy cơ tai biến mạch máu não của bạn có thể giảm.

3) Vận động nhiều: Vận động cơ thể đều đặn giúp giảm trọng lượng cơ thể, thúc đẩy quá trình hoạt động hóa, làm mạnh tim mạch máu và giảm stress (căng thẳng thần kinh), các chuyên gia điều trị tai biến mạch máu não khuyên rằng hằng tuần ít nhất 3 lần mỗi lần nửa giờ luyện tập đặc biệt các loại thể thao kiên trì như đạp xe đạp, bơi lội, đi bộ, chạy bộ.

4) Những người bị tiểu đường có nguy cơ tai biến mạch máu não cao cần kiên trì điều trị bệnh tiểu đường.

Sau khi bị một tai biến mạch máu não, nhiều người có vấn đề khó khăn trong việc đi lại cử động nói hay nhìn, để có thể giải quyết những vấn đề hàng ngày, sau đây là những điều hướng dẫn:

- Bạn hãy luôn tập trung tư tưởng để làm bổn phận hay việc gì đó và không để bị lạc hướng nhiều, ví dụ như phân tâm lạc hướng từ radio, truyền hình.

- Cố gắng vận động phần cơ thể bị suy yếu, khi bạn có một cánh tay hay chân không cảm giác được đúng, cố gắng thử phần chi đó chủ ý để hành động.

- Bạn có vấn đề về mắt, có rối loạn trong sự nhìn quan sát, bạn hãy nhìn một cách có chủ ý thường xuyên hơn trong một hướng của mắt bị yếu.

- Gia đình và bạn bè có thể giúp đỡ bạn, họ có thể nói chuyện và trao giúp bạn một món đồ vật nào đó mà bạn cần.

- Sau khi bị tai biến mạch máu não, nhiều người bị rối loạn cảm giác ở một bên nào đó của cơ thể. Nên lưu ý săn sóc có thể đặc biệt vết thương hay vùng da bị sưng tấy ở phần cơ thể bị suy yếu. Do sự rối loạn cảm giác làm tăng nguy cơ tổn thương cao hơn.

- Thay đổi mỗi 1 hay 2 giờ vị trí ngồi hay nằm để tránh chỗ đè nén ép trên da làm thành vết thương do nằm lâu.

- Sau một tai biến mạch máu não thường hay có vấn đề về sự kiểm tra bàng quang (bọng đái), vấn đề này sẽ tiến triển tốt hơn trở lại khi bạn trở nên hoạt động hơn. Thường xuyên mang miếng lót đệm hay tã lót, đi nhà vệ sinh tiểu tiện đều đặn cách 2 giờ, vào buổi chiều không uống nhiều nước.

- Khi đi tắm tránh trượt ngã, có thể đặt ghế ngồi, dưới chân ghế có miếng cao-su hút để tránh trơn trợt.

- Mặc quần áo, mang giày đơn giản để dễ mang vào và tháo ra. -/.

"Như vầy, tôi nghe: Evam me sutam"

• **NguyễnPhúc Bửu Tập**

(Tiếp theo trang 9)

Tưởng cần nói thêm cho người đồng hương ta rõ là năm 1953 ông được cử vào Chủ tọa đoàn Viện Viễn Đông Bác Cổ, và sau đó làm Chủ Tịch Ecole Francaise d'Extrême Orient, cơ quan văn hóa của người Pháp rất gần gũi chúng ta. Filliozat cũng chịu ảnh hưởng của môn học *epigraphy* tức là khoa nghiên cứu câu thơ, các lời nguyện khắc trên đá gọi là *epigram*, câu nói „evam me sutam" đã được xem là một câu văn khắc.

Như trên đã nói, Filliozat xác quyết là A-nan-đà không nói „như vầy tôi nghe". Khi nói ra như vậy, tức là xác quyết đương sự đã *nghe* đọc bổn kinh và chắc chắn đã *không thấy* đức Phật thuyết giảng. Filliozat khẳng quyết đương sự không phải là A-nan-đà mà có thể một vị học giả tôn giáo chuyên nghiệp, hoặc tầm thường hơn là một thầy chép thuê đã được phép có mặt trong Đại Hội. Theo Filliozat, ông A-nan-đà là nhân chứng (witness/témoin), được mục kích (eye seeing/témoin oculaire) và tai nghe (ear hearing/témoin auriculaire) đức Phật thuyết giảng, kể cả những trường hợp ông vắng mặt và được đức Phật giảng lại cho ông (điều kiện số tám A-nan-đà xin đức Phật nói ở trên). Vậy không có lý do gì A-nan-đà lại từ khước ông là nhân chứng số một, tai nghe, mắt thấy, tâm tư suy gẫm giữa một cử tọa gồm 500 vị A-la-hán, chắc chắn có người không che giấu chút ganh tị ông được đức Phật quá yêu thương. Làm sao ta giải thích được lý do ông A-nan-đà trình Đại Hội là ông chỉ được biết kinh Phật qua thính giác mà thôi. Đó là lập luận của học giả Filliozat.

Người thờ Phật khâm phục khả năng nghiên cứu Phật học của học giả Filliozat, nhưng cũng ngần ngại chấp nhận cái lý luận „sợi tóc chẻ làm đôi" của ông. May mắn thay trong Phật Học Đại Từ Điển Encyclopaedia of Buddhism (Colombo, Sri Lanca, 1990) giáo sư Nanayakkara, Phó chủ tịch Hội đồng biên tập, nhẹ nhàng nhưng dứt khoát chối bỏ lập luận của học giả Filliozat. Phản luận của Nanayakkara –cũng là cách suy nghĩ chung của đa số người học Phật- có thể tóm lược như sau: Điểm một, thời gian: Vào lúc sinh thời đức Phật, văn tự chưa được dùng ở đồng bằng sông Găng-ga (Ganga), vậy người trong Kiết Tập chép kinh bằng cách nào? Điểm hai, tổ chức Đại Hội Kiết Tập chỉ lựa chọn 500 vị A-la-hán, ngay cả A-nan-đà là người cuối cùng được tấn phong A-la-hán mới được vào phòng hội, làm thế nào có người ngoài vào Kiết Tập để chép kinh? Điểm ba, chắc chắn A-nan-đà không thể hiện diện trong mỗi lần đức Phật thuyết giảng, và câu nói „evam me sutam" dẫn chứng những lần đức Phật giảng riêng cho ông, và bây giờ ông thuật lại từng chữ, từng lời (verbatim), môi trường của cuộc tiếp diễn là nghe, thính giác. Câu nói, đối với người trình bày và người ngồi nghe, đã thành một thói quen, không điều gì lạ phải thắc mắc.

Một điều cần nhắc lại để ghi nhớ là có một số bổn kinh người ta không thấy câu mở đầu này. Ngoài ra hầu hết kinh Phật Đại Thừa và kinh Phật Mật Tông (Tantric pitata) đều theo lề lối Pali, có nhóm chữ mở đầu „Evam me sutam".-/

in Phật sự

• **Nhựt Trọng phụ trách**

* **Đại lễ Vu Lan Báo Hiếu PL 2556 và ra mắt Tịnh Thất Bảo Thành tại Freiburg:**

Ngày 23.9.12, Ni Sư Thích Nữ Minh Hiếu cùng với Phật Tử tại Freiburg & VPC có tổ chức Đại lễ Vu Lan Báo Hiếu PL 2556 và lễ ra mắt Tịnh thất Bảo Thành.

Tịnh thất có trụ sở tại Merzhausen Strasse 14 - 79100 Freiburg; Điện thoại số 0176-56520016. Tuy nhiên, địa điểm nầy chưa hoàn thành. Vì vậy, buổi lễ được cử hành tại Katholischer Kindergarten, St Konrad, Emmen Dinger str. 41, 79106 Freiburg.

Hòa Thượng Phương Trượng (HTPT) chùa Viên Giác, Hannover và Sư Bà Diệu Tâm, Trụ trì chùa Bảo Quang, Hamburg đã quang lâm chứng minh, chủ trì Đại lễ. Bên cạnh, còn có sự hiện diện của Chư Ni thuộc chùa Bảo Quang.

Chiều thứ bảy 22.10.12, Ni Sư Minh Hiếu, ĐH Đồng Kệ, Thiện Cao cùng quý Phật Tử đang trang trí Chánh điện, sắp xếp bàn ghế và các ĐH trong Ban Trai Soạn đang nấu ăn. Mọi người đều hân hoan, vui vẻ.

Sau nghi thức cung thỉnh Chư Tôn Đức Tăng, Ni quang lâm chánh điện, HTPT đã chủ trì Đại Lễ, hướng dẫn Đạo tràng trì tụng Kinh Vu Lan Bồn và Bài Sám Vu Lan thật trang nghiêm. Tiếp theo là lời tác bạch của NS Minh Hiếu, niệm ân HTPT và Sư Bà Bảo Quang đã không quản ngại đường sá xa xôi, tuổi già sức yếu, từ bi quang lâm về đây để chứng minh công đức. Đặc biệt, NS đã xúc động nhắc lại những kỷ niệm, tình thương mà Sư Phụ, Sư Bà Bảo Quang, đã từ bi dìu dắt, dạy dỗ cho NS trên bước đường tu học

NS Minh Hiếu cũng trình bày trước Chư Tôn Đức và Đại chúng nhân duyên thành lập Tịnh Thất Bảo Thành; cảm niệm tất cả quý ĐH Phật Tử gần xa đã về tham dự lễ và tùy hỷ công đức; Đặc biệt, NS cảm niệm Cô Hiếu đã phát tâm chăm lo việc ăn, ở cho NS trong thời gian qua. Ni Sư cũng không quên cảm niệm ĐH Đồng Kệ, Thiện Cao và quý Phật Tử tại Freiburg đã nhiệt tình hỗ trợ.

Qua Đạo Từ, Sư Bà Bảo Quang đã không ngăn được cảm xúc khi nhắc đến tình nghĩa Thầy trò, những kỷ niệm buồn vui, nhứt là lo nghĩ đến sức khỏe yếu kém của NS Minh Hiếu, mà giờ đây sẽ đảm trách một chức vụ khá nặng nề vừa được Giáo Hội công cử làm Trụ Trì Tịnh Thất Bảo Thành.

Sau hết là Đạo Từ của HTPT, HT cảm thông niềm xúc động của SB Bảo Quang và NS Minh Hiếu, tùy hỷ và chúc mừng sự ra đời của Tịnh Thất, chúc mừng NS Minh Hiếu và sách tấn việc tu hành để Phật sự được biên thành tốt đẹp.

Từ lúc 14 giờ, HTPT đã thuyết Pháp ngắn gọn về hai hiện tượng tâm linh tại Reutlingen và Friedberg: Có những linh hồn vẫn còn vất vưởng nhiều năm bên cạnh chúng ta. Họ cần có nhân duyên, gặp được Chư Tăng, nương vào Phật lực, nương vào Kinh Chú cũng như những lời hiệp tâm cầu nguyện của đại chúng để siêu thoát.

Sau đó, HTPT đã dành thì giờ để giới thiệu NS Thích Nữ Diệu Như, thuyết giảng đề tài Kinh Vu Lan và nêu lên nhiều điều rất lợi lạc về ý nghĩa, về hiếu hạnh và sách tấn mọi người tu trì. Đặc biệt, NS đã nêu lên một ví dụ rất cụ thể: Chúng ta phải mở một Trương mục „Niệm Phật công đức". Từng giờ từng phút, chúng ta nhứt tâm trì niệm, như gởi tiền tiết kiệm vào đây. Khi Trương mục đã có nhiều tiền (công đức niệm Phật đã sâu dầy) chúng ta sẽ vững tin, chúng ta làm Phật sự gì cũng được và chúng ta sẽ yên lòng lên đường vãng sanh, cũng như một người đã có nhiều tiền, có khả năng thì yên lòng dời nhà, yên lòng đi đến một xứ sở khác, đầy hoan hỷ và không lo ngại.

(Nhựt Trọng)

XIN ĐÍNH CHÁNH

Theo Chương trình Phật Sự chùa Viên Giác năm 2013 (có đăng trên báo Viên Giác số 191): Ngày 31.08.13, Lễ Vu Lan tại NPĐ Phật Ân, Freiburg Xin được đính chánh là tại Tịnh Thất Bảo Thành, Freiburg, Lễ ra mắt và địa chỉ như Tin Phật sự trên đây.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

(NS Thích Nữ Minh Hiếu)

*** Khóa Tu Bát Quan Trai tại CHPTVNTN Wilheimshaven & VPC:**

Vào 10 giờ 30 ngày 22.9.2012 Hòa Thượng Phương Trượng chùa Viên Giác, cùng ĐĐ Thích Hạnh Giới, Trụ trì và ĐĐ Thích Hạnh Định đã bắt đầu buổi lễ Thọ Bát Quan Trai do Chi Hội PTVNTN Wilheimshaven gồm có 49 giới tử tu Bát Quan Trai, ngoài ra còn có một số Phật Tử tham dự. Nghi lễ truyền giới thật trang nghiêm thanh tịnh. Sau đó Hòa Thượng Phương Trượng ban đạo từ nói rõ ý nghĩa, lợi ích một ngày một đêm tịnh tu Bát Quan Trai.

HTPT giảng giải, Bát quan trai có nghĩa là tám cửa ngăn cản tội lỗi của người cư sĩ, tập tu trọn một ngày một đêm trong đạo tràng, hành hạnh xuất gia. Tám giới gồm có: 1.- Không sát sanh 2.- Không trộm cướp. 3.- Không tà dâm. 4.- Không nói dối. 5.- Không uống rượu. 6.- Không trang điểm, không thoa dầu thơm, không, nghe múa hát. 7.- Không nằm giường cao, rộng đẹp đẽ. 8.-Không ăn quá giờ ngọ... Trong khi Thọ Bát Quan Trai,

chúng ta chỉ chuyên tâm tu tập, không bận bịu lo nghĩ việc gia đình, công ăn việc làm, bán buôn và nhất là những chuyện thị phi vô nghĩa. Đức Phật dạy:" Người phát tâm tu hạnh xuất gia trong một ngày, một đêm có thể chuyển vô lượng tội, tăng trưởng vô lượng phước. Tu Bát Quan Trai ví như: Hạt Như ý bảo châu, tuy nhỏ, nhưng sáng hơn muôn ngàn thứ ngọc khác".

11 giờ 30 lễ Quy Y Tam Bảo cho 5 Phật tử. 14 giờ: Tụng kinh cầu an, niệm Phật do ĐĐ Thích Hạnh Giới chủ lễ. 15 giờ: Pháp đàm do ĐĐ Thích Hạnh Định chủ trì và giải đáp các câu hỏi. 16 giờ 30: HT Phương Trượng thuyết pháp với đề tài Tịnh Độ Tông. 19 giờ 30 Lễ Hoa Đăng, đốt đèn Dược Sư do ĐĐ Thích Hạnh Giới hướng dẫn cùng với ĐĐ Thích Hạnh Định, Sư Cô Hạnh Thông.

Sáng Chủ Nhật ngày 22.09.2012 sau thời khóa trì tụng Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm, vào lúc 8 giờ 30, ĐĐ Trụ Trì đã thuyết pháp về Hiểu biết trong phương pháp tu tập. Người tu tập càng chuyên chú vào đạo pháp, thì đạo hạnh mỗi ngày một sáng chói. Tâm càng hướng về tu tập, thì tánh càng ngày càng chuyển hóa. Do đó tu tập mà thiếu công phu thì khó giữ được tâm tánh. Tánh có định thì trí mới phát huệ được. Cốt tủy của sự tu dưỡng là do bản năng học hỏi đạo pháp, tu tập chuyên cần, lễ lạy, bái sám, nhất tâm niệm Phật, phát Bồ Đề tâm. Nhờ sự chuyên cần tu tập, phát Bồ Đề tâm, mà ta chuyển hóa được mọi gốc rễ khổ đau, đạt được trạng thái an lạc đích thực bây giờ và mai sau. Tu tập ta phát triển được tuệ giác và năng lượng từ bi để có thể hóa giải mọi sự khổ đau, hận thù. Lợi ích của việc tu tập phát Bồ Đề tâm đến mức độ thuần thục, rốt ráo, ta sẽ đạt đến bờ giải thoát.

Đến 11 giờ Tác bạch xả giới cúng dường tạ pháp và Khóa Tu Bát Quan Trai tại Chi Hội PTVNTN Wilhelmshaven hoàn mãn với thật nhiều an lạc.

(Nguyên Trí Nguyễn Văn Tâm)

*** Lễ Cầu An tại Chi Hội Phật Tử VNTN Stuttgart & VPC:**

Vào lúc 11 giờ Thứ bảy ngày 29.9.2012, Đại Đức Thích Hạnh Hòa chủ lễ tụng kinh cầu an, tiếp đến lễ lạy sám hối, nhân ngày 14.08 ÂL tại Halle Jungenhaus Feuerbach, Wienerstr.317, Stuttgart. Đến 12 giờ, cúng chư hương linh quá vãng. Đến chiều 14 giờ 30 Đại Đức Thích Hạnh Hòa chủ trì buổi pháp đàm với đề tài Nhân quả, nghiệp và sự giải thoát. Giải đáp các câu hỏi, ĐĐ đã nhắc đến Giáo lý căn bản của Nhà Phật là Nhân Quả và Tâm là gốc. Tâm còn gọi là nhận thức. Nhận thức dẫn đến hành động và sẽ cho kết quả tương ưng. Nghiệp: Trải qua tiến trình năm uẩn Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Về Nghiệp thì có 3 Thân nghiệp, Khẩu nghiệp và Ý nghiệp. Ý nghiệp là mấu chốt điều khiển thân, khẩu và hành động tạo nghiệp.

Đạo Phật quan niệm nhân quả do mỗi người tự tạo ra. Quá khứ làm việc thiện thì hiện tại được hưởng những điều tốt đẹp. Trong quá khứ làm điều ác thì hiện tại nhận lãnh những quả xấu.

Do đó chính mình tự chịu trách nhiệm vận mệnh của mình. Đức Phật hằng chỉ dạy: Được làm người rất quý vì con người có ý chí, biết cải sửa nhân quả, có thể chuyển nghiệp ác thành thiện, cho đến thuần thiện.

(Nguyên Trí Nguyễn Văn Tâm)

* **Tết Trung Thu và Khóa Tu Bát Quan Trai tại CH PTVNTN Karlsruhe:**

Theo chương trình sinh hoạt hằng năm, Chi Hội PTVNTN Karlsruhe vừa tổ chức Khóa tu Bát Quan Trai vào ngày 29-30/9/2012 tại Hội trường NCO-CLUB, dưới sự chứng minh và hướng dẫn của Đại Đức Thích Hạnh Giới, Trụ trì Chùa Viên Giác.

Vào đêm thứ sáu 28.9.2012, Chi Hội đã kết hợp tổ chức Tết Trung Thu cho các cháu thiếu nhi tại địa phương & VPC. Bắt đầu từ 19 giờ đã có trên 100 cháu thiếu nhi cùng hơn 200 phụ huynh, đồng hương tham dự. Năm nay đặc biệt bài nói chuyện với các cháu, Thầy Trụ trì nói tiếng Đức làm tăng thêm phần sôi động. Đội lân (Chi Hội mới thành lập) múa chào mừng khai mạc buổi lễ. Các trò vui chơi như kéo dây, đồng ca, nhảy bao bố…. Rước đèn Trung Thu quanh sân hội trường với đoàn Lân dẫn đầu thật vui nhộn. Đến 22 giờ buổi lễ hoàn mãn sau phần phát quà cho các cháu tham dự.

Sáng ngày 29-9 Đại Đức Thích Hạnh Giới đã truyền giới Bát Quan Trai cho 34 giới tử. Năm nay Thầy đặc biệt chú trọng về Huân tu Tịnh độ nên phần thuyết giảng và pháp đàm đều nói về Pháp Môn tu Tịnh độ. Buổi tối, từ 20g-22g Thầy đã hướng dẫn Đại chúng Lễ Hoa đăng Sám hối.

Ngày chủ nhật, sau lễ xả giới, Thầy đã Qui y cho 4 giới Tử. Đến 11g bắt đầu Lễ Vu Lan và Bông Hồng cài áo cho các Phật tử và đồng hương đến tham dự. Trong lễ Bông Hồng cài áo các em trong Ban Văn Nghệ của Chi Hội đã song ca bài Bông Hồng cài áo rất cảm động. Chương trình kết thúc sau buổi ăn trưa thân mật. Lễ Tết trung thu và Khóa tu Bát quan trai giới tại Chi Hội Phật tử VNTN Karlsruhe & VPC đã hoàn mãn tốt đẹp.

(Thiện Mỹ)

*** Khóa Tu Bát Quan Trai tại Chi Hội Phật Tử VNTN Koblenz & VPC:**

Chi Hội PTVNTN Koblenz đã tổ chức khóa Tu Bát Quan Trai vào ngày thứ bảy 06 và Chủ Nhựt 07.10.12. HT Phương Trượng chủ trì thật trang nghiêm những khóa lễ Huân Tu Tịnh Độ. Lễ cầu an, cầu siêu do ĐĐ Hạnh Định hướng dẫn. Về Giáo lý, HTPT đã giảng tiếp về Tư Tưởng Tịnh Độ Tông.

Tối thứ bảy và sáng Chủ Nhựt có hai buổi Pháp đàm và giải đáp thắc mắc. HTPT và ĐĐ Hạnh Định đã trả lời thỏa đáng nhiều câu hỏi. HT đã nhắc nhở mọi người nên suy nghĩ và viết câu hỏi bỏ vào trong cái chuông. Có tư duy, có thắc mắc, biết nêu câu hỏi và lắng nghe, người Phật tử mới tiếp thu được những lời giải đáp và giảng

dạy vô cùng bổ ích: -Tại sao phải niệm Phật? Tại sao phải tu Bát Quan Trai? Bồ Tát Giới, Bồ Tát Hạnh là gì? Vi Đà Thiên Tướng là Phật hay Bồ Tát? Năm anh em Kiều Trần Như? Tứ Diệu Đế? v.v… Đặc biệt, nhân câu hỏi 10 Đại Đệ Tử của Phật; ĐH NT đã đọc bài Thơ thất ngôn tứ tuyệt sau đây, rất ngắn gọn, dễ thuộc và qua đó chúng ta có thể nhớ mãi Danh hiệu cũng như hạnh nguyện và năng lực của 10 Vị Đại Đệ Tử của Phật; xin chân thành gởi đến qúy Vị:

Xá trí, Liên thông, Ca diếp đà
Tu không, Chiên luận, thuyết Phú Na
Thiên nhãn Na Luật, Ba Li giới
Đa văn A Nan, mật hạnh La

Ngài Xá Lợi Phất trí tuệ đệ nhứt, Ngài Mục Kiền Liên thần thông đệ nhứt, Ngài Ca Diếp đầu đà đệ nhứt, Ngài Tu Bồ Đề tánh không đệ nhứt, Ngài Ca Chiên Diên biện luận đệ nhứt, Ngài Phú Lâu Na thuyết Pháp đệ nhứt, Ngài A Na Luật, thiên nhãn đệ nhứt, Ngài U Ba Li giới hạnh đệ nhứt, Ngài A Nan đa văn đệ nhứt, Ngài La Hầu La, mật hạnh đệ nhứt.

(Ghi chú: Bài thơ do Sư Cô Như Quang phổ biến trong một khóa tu tại CHPTVNTN Bad Kreuznach).

Sau thời khóa trì tụng Thần chú Thủ Lăng Nghiêm vào sáng ngày Chủ Nhựt, HTPT đã làm lễ Quy Y Tam Bảo cho 13 Giới Tử: 2 Nam, 11 Nữ và 3 trẻ em. Đặc biệt HTPT cũng đã từ bi, phương tiện cho 3 Hương Linh được Quy Y và ban Pháp Danh, theo lời thỉnh cầu của người thân.

Khóa Tu Bát Quan Trai tại CH PTVNTN Koblenz năm nay đã có 84 Giới Tử chính thức ghi danh và một số quý vị phát tâm làm công quả, ủng hộ đạo tràng. ĐH Minh Dũng và Thiện Anh điều hợp chương trình thật nhịp nhàng. Đến 10 giờ 30, ĐH Thiện Kim đã thay mặt Giới Tử tác bạch xin xả giới. Tiếp theo, ĐH Nhựt Trọng và Thện Đạo tác bạch cúng dường tạ Pháp.

Sau khóa lễ Phật cầu an như thường lệ, thính Pháp rồi dùng cơm thân mật, Thầy trò huynh đệ tạm biệt nhau trong niềm hoan hỷ và an lạc.

(Nhựt Trọng)

***Khóa Tu Bát Quan Trai tại Chi Hội Phật Tử VNTN Wiesbaden:**

Với tâm niệm hoằng Pháp lợi sanh và nhân duyên hội đủ, Hòa Thượng Phương Trượng cùng ĐĐ Thích Hạnh Định đã tiếp tục chương trình, quang lâm chủ trì hướng dẫn khóa Tu Bát Quan Trai Giới tại CHPT/VNTN Wiesbaden, được tổ chức vào 2 ngày 13-14.10.12, có 87 Giới tử. Ngoài ra, còn có ĐH Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp, Hội Trưởng Hội Phật Tử VNTN tại CHLB Đức tháp tùng.

Sau nghi thức truyền giới thật trang nghiêm, HTPT đã ban Đạo từ sách tấn việc tu học và nhắc nhở về nề nếp trong đạo tràng.

12 giờ, ngọ trai với nghi thức ăn quá đường và kinh hành nhiễu Phật rất an lạc.

Thời gian của khóa tu thật ngắn, vì vậy ngay trong giờ chỉ tịnh trưa nay, ĐH Thị Chơn đã hướng dẫn cho nhiều giới tử hiện diện các phương pháp căn bản, dễ áp dụng để trị bịnh. Điều quan trọng là phải chú tâm, giữ chánh niệm, thở cho đúng cách, đừng quên hít vào thật sâu, thở ra cho hết, tập trung tư tưởng và quán như thị.

14 giờ 30: ĐĐ Hạnh Định thuyết Pháp với đề tài Tu Tâm. Trước hết, người Phật Tử phải điều phục tánh sân mà ai ai cũng mắc phải, nó đến trong ta bất chợt, mọi nơi, mọi lúc. Chúng ta phải có Từ tâm, nhưng nói thương yêu suông chưa đủ, mà phải thể hiện bằng hành động. Chúng ta phải phát Bồ Đề Tâm, nhất là phải hành Bồ Đề Tâm, phải hành Lục Độ Ba La Mật (Bố thí BLM, Trì giới BLM, nhẫn nhục BLM, Tinh tấn BLM, Thiền định BLM và Trí tuệ BLM).

16 giờ 30: Huân Tu Tịnh Độ do các Giới Tử làm chủ lễ và Duy Na, Duyệt chúng. Trong thời gian nầy, Đại diện các Chi Hội cùng với ĐH Thị Chơn đã có buổi nói chuyện thân mật để trao đổi về những Phật sự, sinh hoạt cần thiết.

20 giờ: HTPT thuyết Pháp, tiếp tục đề tài Tư Tưởng Tịnh Độ Tông.

Ngày Chủ Nhựt, sau khóa lễ trì tụng Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm, HTPT đã làm lễ Quy Y Tam Bảo cho 6 Giới Tử, gồm có 2 Ưu Bà Tắc và 4 Ưu Bà Di. (HTPT chỉ thay mặt Thầy Hạnh Giới truyền trao Tam Quy, Ngũ giới, còn Pháp Danh do ĐĐ Hạnh Giới cho. HTPT vui vẻ nói: HT không phải là Sư Phụ mà là Sư Ông)

Từ lúc 9 giờ có buổi Giải đáp thắc mắc Phật Pháp. HTPT đã giảng giải thỏa đáng nhiều câu hỏi và chỉ dạy nhiều điều rất thiết thực, rất lợi lạc.

10 giờ 30: Lễ Xả giới và cúng dường tạ Pháp

11 giờ 30: Lễ Phật cầu an, thuyết Pháp và khóa tu hoàn mãn sau bữa cơm chay thân mật.

(Nhựt Trọng)

*** Khóa Huân Tu Tịnh Độ và trì tụng trọn bộ Kinh Pháp Hoa tại Chi Hội Phật Tử VNTN Mannheim & VPC:**

Hành trì Pháp Môn Tu Tịnh Độ và để hiệp tâm nguyện cầu cho thế giới hòa bình, nhân sinh an lạc, nhất là trong bối cảnh bất an toàn cầu như hiện nay; Chi Hội PTVNTN Mannheim & VPC vừa tổ chức khóa Huân Tu Tịnh Độ vào 2 ngày 20-21.10.12, do Sư Cô Như Quang, Trụ Trì chùa Phổ Hiền, Strasbourg, Pháp Quốc hướng dẫn.

Trên 70 Phật tử tại địa phương cũng như từ các Chi Hội bạn đã tham dự cùng với 8 đạo hữu thuộc chùa Phổ Hiền đã tháp tùng Sư Cô để tu học.

Sư Cô đã dành trọn ngày Thứ bảy để hướng dẫn mọi người trì tụng trọn bộ Kinh Pháp Hoa. Quang cảnh thật trang nghiêm, thành tâm và an lạc.

Ngày tu học thứ hai bắt đầu với thời khóa trì tụng Thần chú Thủ Lăng Nghiêm từ lúc 6 giờ sáng. Sau đó,

Sư Cô đã hướng dẫn Phật Tử tụng Ngũ giới. Niềm vui là sáng nay, dù khí hậu mùa Thu khá lạnh, số người tham dự khóa lễ rất đông và Chi Hội Mannheim đã làm tròn lời hứa với HL ĐH Vương Thế PD Tịnh Nghiệp là dùng những quyển Kinh do Anh phát tâm cúng dường để trì tụng và hồi hướng công đức cầu siêu độ cho Anh.

Từ 9 giờ: Pháp đàm. Nhiều ĐH đã nêu lên những thắc mắc về Phật Pháp và Thầy trò cùng nhau thảo luận rất cởi mở, rất an lạc.

11 giờ: Huân Tu Tịnh Độ, trì tụng Kinh A Di Đà và dâng Phiếu cầu an, cầu siêu (Có những HL vừa mới mất). Đặc biệt, hôm nay đúng vào Tuần Thất thứ 4 của Ông Nguyễn Hữu Điệt, sinh năm Kỷ Tỵ, mệnh chung ngày mùng 9 tháng 8 AL năm Nhâm Thìn tại Ludwigshafen, thượng thọ 84 tuổi. Do phát nguyện của tang quyến và có thuận duyên, Sư Cô đã thành tâm cúng thất cho HL rất trang nghiêm và cho Pháp Danh là Đồng Pháp.

13 giờ: Dùng cơm trong chánh niệm và kinh hành nhiễu Phật. Tiếp theo, ĐH Nhựt Trọng đã thay mặt Chi Hội và cùng với gia đình Ông Nguyễn Hữu Điệt tác bạch cúng dường tạ Pháp, niệm ân Sư Cô, nói lời tạm biệt và hẹn tái ngộ trong các khóa tu học sắp đến.

(Nhựt Trọng)

*** 3 Ngày Tịnh Tu niệm Phật và Đại Lễ Lạc Thành chùa Linh Thứu, Berlin:**

Nhờ hồng ân Chư Phật gia hộ, công trình xây dựng chánh điện của chùa Linh Thứu Berlin mới đã hoàn tất. Để chuẩn bị cho ngày Đại Lễ Lạc Thành An Vị Phật, Ni Sư trụ trì Thích Nữ Diệu Phước, đã tổ chức Đại Lễ Trai Đàn Giải Oan Bạt Độ Chư Hương Linh, Âm Linh, Cô Hồn, từ ngày 15 đến 21.10.2012.

Chương trình được mở đầu với 3 Ngày Tịnh Tu Niệm Phật, dưới sự hướng dẫn của Đại Đức Thích Hạnh Giới, Trụ Trì chùa Viên Giác Hannover cùng Đại Đức Thích Hạnh Định, Sư Cô Tuệ Đàm Hương và Ni Chúng Chùa Linh Thứu. Trì tụng Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm, Thời khóa Tu Tịnh Độ, Kinh hành niệm Phật, liên tục đến giờ ngọ trai. Sau đó tiếp tục Kinh hành niệm Phật và lễ lạy, Tụng phần đầu bộ Kinh Thủy Sám. Hồi hướng, tiếp tục kinh hành niệm Phật. Tảo thực. Tiếp tục kinh hành niệm Phật đến 21 giờ...

Tiếp theo là chương trình Đại Lễ Lạc Thành, An Vị Phật chùa Linh Thứu được cử hành vào 2 ngày 20-21.10.2012.

(Xin xem bài tường thuật chi tiết về Lễ Lạc Thành chùa Linh Thứu của Phù Vân đăng trong số báo này)

(Nguyên Trí Nguyễn Văn Tâm)

in sinh hoạt cộng đồng

• Viên Giác

*** Văn Bút Quốc Tế Tưởng Nhớ và Thương Tiếc Cố Thi Sĩ Nguyễn Chí Thiện**

Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện qua đời tại thành phố Santa Ana, tiểu bang Californie, Hoa Kỳ, ngày 2.10.2012, thọ 73 tuổi, là một Tin Buồn lớn đối với Văn Bút Quốc Tế (VBQT) và hai mươi ngàn hội viên. Một Tin Buồn lớn cho cộng đồng những người cầm bút dấn thân bảo vệ quyền tự do phát biểu và thể hiện quan điểm, điều kiện thiết yếu để sáng tác và phát huy văn chương, để xây dựng dân chủ, bảo vệ nhân quyền, kiến tạo công lý và hòa bình chân chính.

Sáng ngày 3.10.2012, sau khi nhận được Tin Buồn đó, nhiều văn thi hữu Văn Bút Quốc Tế đã gởi điện thư bày tỏ lòng thương tiếc và nhờ thi hữu Nguyên Hoàng Bảo Việt chuyển lời chia buồn đến tang quyến. Trong số những người gởi điện thư phân ưu đầu tiên có nữ văn hữu Joanne Leedom-Arkerman, Phó Chủ tịch Văn Bút Quốc Tế, nguyên Tổng Thư Ký VBQT kiêm Chủ tịch Ủy Ban Bênh Vực Nhà Văn bị Cầm Tù (PEN WIPC) và nguyên Chủ tịch Trung tâm Văn Bút Hoa Kỳ PEN USA, văn hữu Hori Takeaki, Tổng Thư Ký VBQT, văn hữu Eugene Shoulgin, nguyên Tổng Thư Ký VBQT kiêm Chủ tịch Ủy Ban PEN WIPC, nữ văn hữu Marian Botsford Fraser, Chủ tịch Ủy Ban PEN WIPC và nguyên Chủ tịch Trung tâm Văn Bút Gia Nã Đại, nữ văn hữu Sara Whyatt, Giám đốc Chương trình Ủy Ban PEN WIPC và nữ văn hữu Chiara Macconi, đại diện Trung tâm Văn Bút Espéranto, nguyên Chủ tịch Ủy ban WIPC Trung tâm Văn Bút Thụy Sĩ Ý thoại và Trung Tâm Văn Bút Ý, người đã dịch ra tiếng Ý truyện Một Lựa Chọn trong tập Hỏa Lò (Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ 2001). Sau khi hội ý với Ủy Ban PEN WIPC, nữ văn hữu Cat Lucas, đồng Chủ tịch Ủy ban WIPC Trung tâm Văn Bút Anh, đã cho đăng tin buồn và bày tỏ lòng thương tiếc - In Memoriam - trên trang web của Trung tâm ngày 4 tháng 10, kèm theo hình, tiểu sử và bài thơ Trong Bộ Máy của nhà thơ Nguyễn Chí Thiện qua bản dịch tiếng Anh Inside The Trap Prison of Steel của học giả Huỳnh Sanh Thông (http://www.englishpen.org/in-memoriam-nguyen-chi-thien/). Chiều ngày 9 tháng 10 năm 2012, trong một Thông Cáo - In Memoriam - do Ủy Ban Văn Bút Quốc Tế Bênh Vực Nhà Văn bị Cầm Tù (PEN WIPC) phổ biến toàn cầu (http://www.pen-international.org/newsitems/pen-community-mourns-the-death-of-nguyen-chi-thien-poet-1935-2012/),

Văn Bút Quốc Tế bày tỏ lòng thương tiếc nhà thơ Nguyễn Chí Thiện vừa qua đời. Thay mặt tất cả văn thi hữu hội viên, Văn Bút Quốc Tế gởi lời chia buồn đến gia

đình và bạn hữu của cố thi sĩ Việt Nam, tác giả tập thơ nổi tiếng Hoa Địa Ngục. Hiệp Hội Nhà Văn Thế Giới long trọng xác định rằng nhà thơ Nguyễn Chí Thiện là một trong số 50 trường hợp điển hình tiêu biểu cho 50 năm hoạt động của Ủy Ban Văn Bút Quốc Tế Bênh Vực Nhà Văn bị Cầm Tù. Văn Bút Quốc Tế nhắc lại tiểu sử của nhà thơ, mấy thập niên lao tù và thời kỳ lưu vong cùng những tác phẩm Hoa Địa Ngục và Hỏa Lò. Cuối Thông Cáo, để tưởng nhớ và vinh danh nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, Văn Bút Quốc Tế mời tất cả hội viên cùng nhau đọc bài thơ Trong Bộ Máy kể ở trên. Văn Bút Quốc Tế cũng giới thiệu trang web Viet Nam Literature Project cho những người muốn đọc thêm thơ Nguyễn Chí Thiện (http://www.vietnamlit.org/nguyenchithien/poems.html). Chúng tôi cho đăng lại với Bản Tin này toàn văn Thông Cáo In Memoriam Tưởng Nhớ và Thương Tiếc cố thi sĩ Nguyễn Chí Thiện của Văn Bút Quốc Tế và điện thư báo Tin Buồn của nhà thơ Nguyên Hoàng Bảo Việt, Phó chủ tịch Trung tâm Văn Bút Thụy Sĩ Pháp thoại (đặc trách Ủy ban WIPC PEN Suisse Romand), thành viên Trung tâm Nhà Văn Việt Nam Lưu Vong và Hội Nhà Văn Liên Hiệp Quốc Genève (United Nations Society of Writers - Geneva). Chúng tôi, ban biên tập Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam, góp lời với Trung tâm Nhà Văn Việt Nam Lưu Vong và Văn Bút Thụy Sĩ Pháp thoại, nhờ nhà thơ Nguyên Hoàng Bảo Việt chuyển giùm lời Thành Kính Phân Ưu của chúng tôi đến ông Nguyễn Công Giân, bào huynh cố thi sĩ Nguyễn Chí Thiện và tang quyến. Chúng tôi còn xúc động và cầu nguyện cho hương linh của nhà thơ vừa khuất bóng. Chúng tôi không bao giờ quên tác giả Hoa Địa Ngục và Hỏa Lò, một nhà thơ chân chính, một nhà trí thức lương thiện, một con người Việt Nam có khí tiết và nhân bản. Không bao giờ quên, trong những năm những tháng cuối đời của một nhà thơ cựu tù nhân cộng sản, một chiến sĩ tranh đấu cho Tự Do, Dân Chủ và Công Bằng Xã Hội, mặc dù có vấn đề sức khỏe, thi hữu Nguyễn Chí Thiện vẫn dành thì giờ viết thư phúc nhận từng bản Bản Tin Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam và khuyến khích chúng tôi tiếp tục tận tâm với nhiệm vụ và làm tròn bổn phận lúc mà quê hương và đồng bào, gia đình và bạn hữu thương yêu còn bị đọa đày trong Địa Ngục Cộng sản.

Genève ngày 9 tháng 10 năm 2012 Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam ở Thụy Sĩ Ligue Viêtnamienne des Droits de l'Homme en Suisse Vietnamese League for Human Rights in Switzerland

*** Người Mỹ gốc Việt đầu tiên đắc cử Thị trưởng thành phố Wesminster thuộc tiểu bang California.**

Theo nhật báo LA Times cho biết, ông Tạ Đức Trí đã chính thức trở thành người Việt Nam đầu tiên đắc cử chức vụ Thị trưởng Wesminster khi đạt được hơn 42% phiếu bầu trong tổng số 5 người cùng ứng cử chức vụ này vào hôm thứ Ba vừa qua.

Ông Trí năm nay 39 tuổi trước khi thắng cử đã được thị trưởng Wesmister là bà Margie Rice nhận làm việc trong văn phòng của bà. Ông Trí cũng qua một thời gian hoạt động trong môi trường chính trị tại khu vực Little Saigon từ rất sớm.

Trước đây hai người Mỹ gốc Việt khác là Andy Quách và Nguyễn Chuyên đã ứng cử vào chức vụ này nhưng đều không thành công. Thành phố Wesminster được xem là thủ đô người Việt tại hải ngoại, nơi đây có khoảng hơn một phần ba người Việt sinh sống so với người bản xứ.

Ông Tạ Đức Trí sẽ tuyên thệ nhậm chức vào ngày 12 tháng 12 tới. *(Theo RFA, 08.11.2012)*

*** Giải Nhân Quyền Việt Nam 2012 Sẽ Được Trao Cho Ba Nữ Chiến Sĩ Nhân Quyền**

Phạm Thanh Nghiên *Tạ Phong Tần* *Huỳnh Thục Vy*

Little Saigon – Hôm 02 tháng 11 năm 2012, trong cuộc tiếp xúc với giới truyền thông Việt ngữ tại Câu Lạc Bộ Văn Hóa & Báo Chí vùng Little Saigon, Quận Cam, California, Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam (MLNQVN) đã công bố danh sách khôi nguyên Giải Nhân Quyền Việt Nam năm 2012, gồm **Cô Phạm Thanh Nghiên**, **nhà báo Tạ Phong Tần**, và **Cô Huỳnh Thục Vy**. Ba vị được bầu chọn từ 24 đơn đề cử từ Việt Nam và hải ngoại.

Giải Nhân Quyền Việt Nam (GNQVN) do MLNQVN thành lập vào năm 2002 và được tổ chức hàng năm nhằm tuyên dương thành tích tranh đấu bất bạo động của những người đã chấp nhận hy sinh, kể cả mạng sống của chính mình cho lý tưởng nhân quyền và dân quyền của nhân dân Việt Nam. Ngoài ra, GNQVN còn nhằm bày tỏ sự liên đới, hậu thuẫn và quyết tâm của người Việt khắp nơi trong nỗ lực đấu tranh giành lại quyền làm người cho mọi người dân Việt Nam.

Từ ngày thành lập đến nay, MLNQVN đã tuyên dương và trao tặng GNQVN cho những nhà đấu tranh hàng đầu cho nhân quyền tại Việt Nam, như Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Linh mục Nguyễn Văn Lý, Nhà báo Điếu Cày Nguyễn Văn Hải, Mục sư Nguyễn Công Chính, Ông Đoàn Huy Chương, Cô Đỗ Thị Minh Hạnh, và Tiến sĩ Cù Huy Hà Vũ...

Lễ trao GNQVN năm nay sẽ được long trọng tổ chức vào dịp kỷ niệm sinh nhật thứ 64 của Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền Hoàn Vũ tại thành phố Montréal, Canada với sự hợp tác của Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Vùng Montréal và sự bảo trợ của nhiều đoàn thể cộng đồng.

Sau đây là tóm tắt thành tích đấu tranh cho nhân quyền của các vị đoạt GNQVN 2012:

1 – Phạm Thanh Nghiên

Phạm Thanh Nghiên sinh năm 1977, cư trú tại thành phố Hải Phòng. Từ năm 2007, cô đã lên tận Hà Nội tham gia biểu tình cùng với hàng trăm sinh viên, học sinh để phản đối Trung Cộng chiếm Hoàng Sa – Trường Sa. Năm 2008, cô còn lặn lội vào tận Thanh Hóa để thăm hỏi các ngư dân bị cướp bóc giết hại bởi Tàu Cộng và viết bài phóng sự nổi tiếng mang tên "Uất ức – biển ta ơi" tố cáo tội ác của Trung Cộng và sự vô tâm của Việt Cộng. Cô còn tọa kháng tại nhà để phản đối "công hàm bán nước của Phạm Văn Đồng" 50 năm trước. Cô bị bắt tháng 9/2008, và vì thái độ quyết liệt không chịu nhận tội để được khoan hồng trước tòa án cũng như qua các buổi thẩm vấn điều tra của công an đã đưa đến bản án 4 năm tù giam và 3 năm quản chế. Cô mới được ra khỏi tù vào tháng 9/2012.

2 – Tạ Phong Tần

Tạ Phong Tần sinh năm 1968 tại Bạc Liêu. Cô đã từng là đảng viên cộng sản và là sĩ quan công an trong nhiều năm. Cô là tác giả nhiều bài báo phê phán những sai trái của Đảng cộng sản và tình trạng tham ô và bất công trong hệ thống pháp luật. Vì thế cô bị đuổi việc và bị khai trừ ra khỏi đảng. Năm 2006, cô di chuyển về Saigon thành lập một trang blog của riêng mình với tên 'Sự thật và công lý'. Cô là một trong vài bloggers vào thời gian đó dám đề cập và bình luận về những tin tức chính trị đã lâu được nhà nước coi là húy kỵ. Đó là điểm khởi đầu của một thế hệ các nhà báo công dân tại Việt Nam mà bây giờ đã phát triển lên đến hàng ngàn. Năm 2007, cùng với Điếu Cày Nguyễn Văn Hải và Anhba Saigon Phan Thanh Hải, cô thành lập Câu Lạc Bộ Nhà Báo Tự Do, một mục tiêu đánh phá của hệ thống công an mạng. Cô đã bị bắt vào tháng chín năm 2011, và đã bị giam giữ hơn một năm trước khi được đưa ra xét xử cùng với hai bloggers khác. Cô bị kết án 10 năm tù và 2 năm quản chế về tội "tuyên truyền chống lại nhà nước".

3 – Huỳnh Thục Vy

Huỳnh Thục Vy sinh năm 1985 tại Quảng Nam, miền Trung Việt Nam. Cha của cô là nhà văn Huỳnh Ngọc Tuấn đã từng bị bắt giam nhiều năm, lúc cô mới có 6 tuổi. Từ năm 2008, cô đã bắt đầu viết các bài nhận định/ chính luận rất sâu sắc nhằm phê phán chế độ độc tài đảng trị. Vì thế, cô và gia đình luôn luôn bị công an sách nhiễu, áp bức. Năm 2011, cô và người em là Huỳnh Trọng Hiếu cùng với cha bị xử phạt hành chính lên tới 270 triệu đồng vì "vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin" khi viết những bài viết "chống phá Đảng" và "chống phá khối đại đoàn kết dân tộc". Vào mùa hè năm 2012, cô vào SàiGòn và tham gia biểu tình chống Trung Quốc xâm chiếm Biển Đông. Cô bị công an theo dõi và tách ly ra khỏi đoàn biểu tình. Sau đó, cô đã được hộ tống bởi lực lượng an ninh quay lại tỉnh nhà của cô, nơi cô tiếp tục bị theo dõi chặt chẽ. Đến nay cô vẫn tiếp tục lên tiếng bằng ngòi bút, và hiện là một trong những cây bút trẻ được đánh giá cao.

* **Nhạc sĩ Việt Khang và Hoàng Nhật Thông bị 4 và 6 năm tù**

(NV, 29.10.2012) - Hai nhạc sĩ Việt Khang và Hoàng Nhật Thông (tên thật là Trần Vũ Anh Bình) bị tuyên án lần lượt là 4 và 6 năm tù trong phiên tòa diễn ra chỉ trong một ngày ở Saigon hôm 30.10.2012.

Ngoài ra cả hai người còn bị quản chế hai năm ngay tại nơi cư trú sau khi mãn hạn tù.

Cả hai người bị cáo buộc tội "Tuyên truyền chống nhà nước" theo điều 88 Bộ Luật Hình Sự, chỉ vì sáng tác các bài hát yêu nước.

Ban đầu, cả hai nhạc sĩ đều bị truy tố vào 'khoản 2 điều 88 Bộ Luật Hình Sự với mức án từ 10 đến 20 năm tù' tuy nhiên ngay trong phiên xử tòa đã đổi sang khoản 1 với mức án chỉ từ 3 đến 12 năm tù…

Nhạc sĩ Việt Khang tên thật là Võ Minh Trí, năm nay 34 tuổi, là cộng tác viên của "Đoàn Nghệ Thuật Tổng Hợp Tiền Giang, có vợ và một con trai 4 tuổi.

Việt Khang bị bắt lần đầu vào ngày 19 tháng 6.2011 nhưng chỉ giam giữ thẩm vấn một tuần lễ rồi thả. Đến cuối năm bị bắt lại và nay thì bị lôi ra tòa kết án.

Việt Khang nổi tiếng hồi năm ngoái, khi diễn ra các cuộc biểu tình chống Trung Quốc bá quyền ở Hà Nội và Sài Gòn, anh tung ra hai bài hát "Việt Nam Tôi Đâu?" và "Anh Là Ai".

Mới đây, ngày 4.9.2012, đại diện Tòa Tổng Lãnh Sự Hoa Kỳ ở Sài Gòn đã đến gặp thân nhân của Việt Khang bày tỏ sự quan tâm.

Hoàng Nhật Thông tên thật là Trần Vũ Anh Bình, 37 tuổi. Anh ở trong Ca đoàn xóm 7 và 8 thuộc giáo xứ Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, Sài Gòn, có vợ và một con trai.

Hoàng Nhật Thông nổi tiếng trong giới trẻ trong nước với một số ca khúc như "Rạng Ngời Nước Nam", "Người Miền Trung", "Vắng Em Vắng Mãi Câu Hò", "Người Việt Nam", v.v...

Một số những bài hát bày tỏ lòng yêu nước và tình tự dân tộc này được một số ca sĩ nổi tiếng trình bày và phổ biến rộng rãi trên mạng Youtube.

Hồi tháng 2, một cuộc vận động đòi trả tự do cho nhạc sĩ Việt Khang và những người đấu tranh cho dân chủ nhân quyền tại Việt Nam do nhạc sĩ Trúc Hồ và đài truyền hình SBTN khởi xướng đã được hơn 150.000 người ký tên hưởng ứng. Một phái đoàn đã đến Tòa Bạch Ốc và Quốc Hội Hoa Kỳ vận động đòi trả tự do cho họ.

*** Bộ Ngoại Giao Pháp lên tiếng về bản án hai nhạc sĩ Trần Vũ Anh Bình và Võ Minh Trí**

(VRNs, 09.11.2012) – Bộ ngoại giao Pháp ra thông báo, lên tiếng việc xử nặng hai nhạc sĩ Trần Vũ Anh Bình và Võ Minh Trí (Việt Khang). Bản thông báo viết: "Nước Pháp đòi hỏi quyền tự do biểu hiện tư tưởng và tự do ngôn luận, bao gồm cả Internet phải được tôn trọng ở mọi nơi trên toàn thế giới".

Nước Pháp rất quan ngại về phán quyết của tòa án nhân dân TPHCM xử 6 năm và 4 năm tù giam cho Trần Vũ Anh Bình và Võ Minh Trí, nhạc sĩ và nhà soạn nhạc vì

tội danh phổ biến nhạc mang nội dung tuyên truyền chống Nhà nước phát tán trên mạng Internet.

Bản án này tiếp nối một bản án nặng nề khác dành cho ba blogger hôm 24 tháng 9 vừa qua.

Nước Pháp đòi hỏi quyền tự do biểu hiện tư tưởng và tự do ngôn luận, bao gồm cả Internet phải được tôn trọng ở mọi nơi trên toàn thế giới.

*** Thỉnh Nguyện Thư "Triệu Con Tim, Một Tiếng Nói"**

Cuộc vận động cho Thỉnh Nguyện Thư "Triệu Con Tim, Một Tiếng Nói" đã khởi đi từ ngày 10 tháng 10 năm 2012, dự trù là tới dịp Kỷ Niệm Quốc Tế Nhân Quyền vào ngày 10 tháng 12 năm 2012 sẽ có được 100.000 chữ ký. Sau một tháng, kết quả vượt bực là chỉ với nửa thời gian, số chữ ký đã đạt được 3/4 lượng dự trù. Đây là lần thứ nhì trong năm 2012, người Việt có cơ hội biểu dương qua thỉnh nguyện thư ý chí tranh đấu cho tự do cho những đồng bào đang bị CSVN giam giữ trái phép và cả hai lần sự đáp ứng của đồng bào đều nồng nhiệt như nhau. Sự việc có cả trăm ngàn người Việt cùng ký thỉnh nguyện thư có giá trị tinh thần và tác dụng thực tế to lớn.

Trong khi CSVN vừa bưng bít thông tin, vừa giành độc quyền ngôn luận để ngăn cản tiếng nói đối kháng thì quan điểm của người Việt với cả trăm ngàn chữ ký hậu thuẫn, đã biến quyền tự do ngôn luận thành một sự kiện thực tế, không thể chối cãi. Thỉnh nguyện thư "Triệu Con Tim, Một Tiếng Nói" cũng thể hiện sự đoàn kết chính trị, một điều chưa là thói quen trong xã hội người Việt Tự Do của chúng ta. Từ một cộng đồng người Việt rải rác khắp nơi, chỉ trong một thời gian ngắn, đã có cả trăm ngàn người tự động đồng ý với nhau về lập trường trong Thỉnh Nguyện Thư, đã thể hiện một phản ứng tích cực và lành mạnh chỉ thấy trong các xã hội trưởng thành về chính trị.

Ngoài giá trị tinh thần, thỉnh nguyện thư còn có tác dụng thực tế to lớn. Tác dụng thực tế ở đây không có nghĩa là bản văn với 100.000 chữ ký này có giá trị như một pháp lệnh buộc giới cầm quyền CSVN phải tuân hành, chuyện này… trong mơ cũng không có. Nhưng thỉnh nguyện thư của một số đông người Việt sẽ là những căn bản vững chắc, không phải chỉ với lần này, mà còn thêm nhiều lần khác nữa, để vận động sự hỗ trợ của thế giới, để củng cố sự đoàn kết và hợp tác giữa người Việt, để tranh đấu chấm dứt chế độ độc tài CSVN hiện nay tại Việt Nam.

Khách quan mà xét, thì giờ hay công sức để ký vào một thỉnh nguyện thư chẳng đáng là bao, nhưng việc làm nhỏ bé này đã làm một chuyển đổi to lớn, từ vị trí một người ngoại cuộc, bàng quan, hành động ký tên đã chuyển cá nhân đó thành một người quan tâm, góp phần tạo nên sự thay đổi cần thiết cho Việt Nam. Nhờ ban tổ chức kiến nghị thư, là Nhạc Sĩ Trúc Hồ và các tổ chức hậu thuẫn chiến dịch Triệu Con Tim, Một Tiếng Nói, sự góp phần khiêm tốn của mỗi cá nhân đã trở thành tiếng nói của cả trăm ngàn người, và sự đàn áp của CSVN đối với người dân sẽ không còn thuần túy là "tự tung tự tác". Trong thế giới liên lập hiện nay, yếu tố quốc tế có tác dụng quan trọng. Tuy nhiên khó có thể vận động được một Tòa Đại Sứ, một Bộ Ngoại Giao hay một Quốc Hội nếu chỉ có tiếng nói của một cá nhân, một gia đình hay một tổ chức… Nhưng nếu có một thỉnh nguyện thư của vài ngàn, chục ngàn hay trăm ngàn cá nhân, sự việc sẽ thay đổi.

Căn cứ trên con số tạm thời những chữ ký của đồng bào trong và ngoài nước thì thỉnh nguyện thư Triệu Con Tim, Một Tiếng Nói đã đạt được 2 thành tích. Thứ Nhất là chữ ký của đồng bào trong nước đã vượt qua con số 3.000 (3.300 cho tới cuối ngày 13.11.2012), như vậy là đã có trên 3.000 người thắng được nỗi sợ chế độ và đã cụ thể gióng lên tiếng nói phản biện. Bên cạnh tiếng nói của đồng bào quốc nội, đã có gần 100.000 tiếng nói của đồng bào hải ngoại, đây là sự hợp tác trong ngoài mà chế độ CSVN tìm cách ngăn cản từ lâu và đây cũng minh chứng rằng "Nghị Quyết 36" của CSVN đã không đạt kết quả như họ mong muốn hay hù dọa.

Tóm lại với với thỉnh nguyện thư "Triệu Con Tim, Một Tiếng Nói" gửi tới Ủy Ban Nhân Quyền LHQ và nhiều Bộ Ngoại Giao các quốc gia dân chủ, người Việt trong và ngoài nước đang từng bước lấy lại thế chủ động trong cuộc tranh đấu chống độc tài và tạo sự hợp tác giữa người Việt cùng chung mục tiêu xây dựng dân chủ.

(Hoàng Cơ Định: „Một thành quả khích lệ của cộng đồng người Việt Trong và Ngoài nước" - Diễn Đàn CTM, 15.11.2012)

Nhắn tin :

Tìm: HOÀNG THU HÀ sinh năm 1971, quê ở Hải Dương. Đi sang Đức năm 2000. Nay ở đâu? Xin liên lạc về: Nguyễn Văn Khánh. Maarheckstr.18. 54668 Prümzurlay. W. Deutschland

Tel: 06523 – 1460 (sau 20 giờ)

Handy: 01633054412 / 015206517431

Để gặp thầy giáo cũ là: Nguyễn Khắc Chân •

Chúc Mừng

Nhận được hồng thiệp của gia đình Đạo hữu Nguyễn Hòa, bút hiệu Phù Vân, Chủ Bút Báo Viên Giác, báo tin Lễ Thành Hôn cho:

Trưởng Nam **NGUYỄN GIA KHÁNH**

đẹp duyên cùng:

Út Nữ **Phan Tâm Nguyên**

con của Ông Phan Trọng Sang ở Việt Nam

Hôn lễ được cử hành tại Sài Gòn, Việt Nam vào ngày 30.12.2012, nhằm ngày 18 tháng 11 năm Nhâm Thìn.

Chúng tôi xin chung vui cùng hai họ Nguyễn – Phan và đồng thời thương chúc hai cháu GIA KHÁNH & TÂM NGUYÊN

Loan Phụng Hòa Minh
Trăm Năm Hạnh Phúc

- Hòa Thượng Phương Trượng Chùa Viên Giác, Sáng lập Chủ Nhiệm Báo Viên Giác
- Đại Đức Trụ Trì và Chư Tăng Ni, Chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc
- Sư Bà Trụ Trì và Chư Ni Chùa Bảo Quang, Hamburg
- Hội Phật Tử Việt Nam TN Đức Quốc
- Hội Cứu Trợ TPB / QLVNCH tại Đức.
- Ban Biên Tập & Cộng Sự Viên & Ban Kỹ Thuật Báo Viên Giác.

Tin nước Đức

● Lê Ngọc Châu phụ trách

*** Lễ kỷ niệm Ngày Thống Nhất Đức ở Munich**

03/10/2012 AFP: Lễ kỷ niệm 22 năm ngày thống nhất nước Đức đã được tổ chức trọng thể hôm 03 tháng 10 tại Munich, thủ phủ của tiểu bang Bayern (Bavaria)/Nam Đức. Trước đó có một Thánh Lễ trong nhà thờ St. Michael.

Sau đó, đại diện hàng đầu của nhà nước và xã hội Đức tụ tập, tham dự một buổi đại lễ (Festakt) vào buổi trưa tại Nhà hát Quốc gia. Hiện diện trong các buổi lễ có sự tham dự của Tổng thống Joachim Gauck, nữ Thủ tướng Đức Angela Merkel (CDU) và Thống đốc tiểu bang Bayern là ông Horst Seehofer (CSU), đang là Chủ tịch Thượng viện còn được gọi là Hội Đồng Liên Bang Đức.

Lễ hội mừng Đức thống nhất được tổ chức hàng năm, thay đổi từ tiểu bang này sang tiểu bang khác. Năm 2011 tại Bonn, thuộc tiểu bang Nordrhein-Westfalen (NRW).

*** Chủ sở hữu máy tính phải trả tiền lệ phí cấp giấy phép**

Karlsruhe, 02.10.2012: Ai sử dụng máy tính PC có khả năng vào được Internet (Internetfähig) phải trả tiền lệ phí cấp giấy phép. PC là một bộ máy nhận được "phát sóng".

Máy tính như vậy là "loại vô tuyến điện" mới, cho nên đài truyền hình công cộng có thể tính lệ phí, dựa theo án quyết của Tòa án Hiến pháp Liên bang. Qua đó đơn khiếu nại Hiến pháp của một luật sư đã sử dụng một máy tính và Internet trong văn phòng của ông bị bác bỏ. Cơ quan bảo vệ Hiến pháp xác nhận với án quyết nói trên và có cùng quan điểm vơi Tòa án hành chính liên bang qua một bản án trước đây.

Theo tòa án tối cao Karlsruhe thì việc tính tiền lệ phí cấp giấy phép không vi phạm đến quyền cơ bản của ông luật sư sử dụng máy PC như ông ta đã kiện. Nghĩa vụ thanh toán sẽ không cân xứng bởi vì lệ phí nhằm phục vụ để tài trợ phát sóng dịch vụ công cộng và ngăn cản sự trốn tránh đóng lệ phí cấp giấy phép. Công ty có đến tám nhân viên tại hãng phải trả lệ phí cấp giấy phép mỗi tháng là 5,99 €, bắt đầu từ tháng Giêng 2013.

*** Đức: Lương phụ nữ ít hơn nam giới 20%**

04.10.2012, AFP: Rõ ràng, phụ nữ ở Đức tiếp tục vẫn kiếm được ít tiền hơn những người đàn ông. Văn phòng thống kê Liên bang báo cáo, trích dẫn các cấu trúc hiện tại của cuộc khảo sát thu nhập, nữ công nhân Đức đã nhận được trong năm 2010 trung bình ít hơn 22% tiền lương so với các đồng nghiệp phái nam của họ. Qua đó, khoảng cách lương bổng giữa hai giới chỉ giảm có 1% so với cuộc khảo sát trong năm 2006.

Đặc biệt là sự khác biệt cao về tiền lương giữa các nhà lãnh đạo và giới kỹ thuật. Theo sở thống kê Liên bang thì trong các lãnh vực này, phụ nữ kiếm được tiền lương gần như 1/3 ít hơn so với nam phái. Trong giới tốt nghiệp đại học là 28%. Sự khác biệt lương bổng nhỏ nhất giữa nam và nữ nhân viên là giới làm việc văn phòng. Ở đó, phụ nữ kiếm được bốn phần trăm ít hơn phái nam.

Dựa vào dữ liệu từ Văn phòng Thống kê Liên bang, thì sự khác biệt trong thu nhập giữa nam giới và phụ nữ cao hơn với tuổi tác ngày càng tăng. Đối với 24 tuổi và trẻ hơn, tiền lương cách biệt chỉ có hai phần trăm. Trong lứa tuổi từ 25 - 34 là 11%, trong khi đó từ 35 đến 44 tuổi đã tăng lên 24%. Cao nhất là trong lứa tuổi từ 55 - 64, sự khác biệt đến 28%.

*** Báo "Frankfurter Rundschau" khai phá sản**

13.11.2012, AFP: Nhà xuất bản đang bị đe dọa không đủ khả năng trả nợ. Tờ báo truyền thông "Frankfurter Rundschau" đã nộp đơn khai phá sản! Nhà in và xuất bản ở Frankfurt vì bị đe dọa không còn đủ khả năng thanh toán tài chánh đã nộp đơn khai phá sản, dựa theo tin một phát ngôn viên của Tòa án Frankfurt am Main.

Phát ngôn viên của tòa án Frankfurt cho biết quản trị tạm thời giải quyết vụ phá sản là công tố viên Frank Schmitt Frankfurt trực thuộc công ty luật Schultze và Brown. Cũng có một thông báo cho công chúng gồm các chi tiết liên quan đến thủ tục khai phá sản vì mất khả năng trả nợ sơ bộ.

Công đoàn Verdi phản ứng ngạc nhiên khi nghe đến đơn khai phá sản. Manfred Moss, trưởng văn phòng Nghệ thuật, Truyền thông và Công nghiệp Verdi ở Hessen cho biết „Chúng tôi hy vọng công ty hiện hữu sẽ góp phần trong việc tìm cho được một giải pháp tốt". Có thể hiểu được là tìm cho ra một nhà đầu tư, cố gắng lưu giữ lại tờ báo "và sau đó hy vọng sẽ làm việc tốt hơn". Verdi trước sau vẫn luôn tin rằng tờ báo "Frankfurter Rundschau" là "tờ báo hấp dẫn trong một khu vực hấp dẫn".

"Frankfurter Rundschau" giống như nhiều tờ báo khác đang tìm cách chống lại doanh số bán hàng càng ngày càng suy giảm. Phần lớn công ty in ấn và xuất bản thuộc sở hữu của nhóm xuất bản M. Dumont Schauberg/Köln. Ngoài ra, đảng Dân chủ xã hội và Stiftung Karl-Gerold có cổ phần với Frankfurter Rundschau trên phương tiện truyền thông. Tại nhà xuất bản ở Frankfurt, theo Verdi có khoảng 500 công nhân viên, trong đó có 1/5 làm việc trong ban biên tập.

*** 50% dân Đức cảm thấy khó chịu bởi thay đổi giờ**

27.10.2012: Theo kết quả thăm dò ý kiến thì đàn ông Đức chấp nhận sự thay đổi giờ so với phụ nữ. Gần 50%

dân Đức cho biết họ cảm thấy phiền toái vì hai lần thay đổi giờ trong năm! 48% người được hỏi trong một cuộc thăm dò ý kiến do báo "Bild am Sonntag" thực hiện nói họ phiền về việc giờ thay đổi. Một đa số mong manh là 52% tỏ ra "phải bằng lòng" những gì đã xảy ra. Trong một cuộc khảo sát ba năm trước đây, 55% đã ủng hộ việc bãi bỏ sự thay đổi giờ, chỉ có 41% cho biết là tốt. Vào đêm chủ nhật, đồng hồ từ 03 giờ 00 quay lui trở một giờ để bắt đầu thời gian mùa đông.

Kết quả của cuộc khảo sát mới nhất cho thấy rằng đàn ông và dân bên Đông Đức hài lòng hơn với sự thay đổi giờ với dân Tây Đức và phụ nữ. 50% dân phía Tây cảm thấy bị rối loạn trong khi ở Đông Đức chỉ có 38%. Riêng với lứa tuổi từ 14 đến 29 tuổi có 74% chấp nhận thay đổi giờ!

*** Lần đầu tiên có một Thị trưởng đảng Xanh**

Fritz Kuhn (Grüne), Tân Thị trưởng Stuttgart

21.10.2012, AFP: Chính trị gia Fritz Kuhn của đảng Xanh là Tân Thị trưởng thành phố Stuttgart.

Kết quả bầu cử vòng thứ hai vào ngày 21/10, Kuhn đã được 52,9% số phiếu bầu và hơn khoảng 7% so với đối thủ Sebastian Turner, người đã được sự hỗ trợ của các cử tri CDU, FDP và khối cử tri tự do.

Với Kuhn đây là lần đầu tiên một ứng cử viên đảng Xanh đắc cử vào chức Thị trưởng thủ phủ một tiểu bang của nước Đức.

„Cử tri đã tin tưởng dành phiếu cho tôi có đa số tuyệt đối. Tôi rất vui mừng và hạnh phúc", Kuhn cho biết như thế sau khi kết quả bầu cử được SWR công bố vào đêm chủ nhật 21.10. Một lời chúc mừng nhanh chóng cho ông ngay trong đêm bầu cử từ Thống Đốc của tiểu bang Baden-Württemberg là ông Winfried Kretschmann (Xanh), ông nói: "Các công dân của Stuttgart đã thực hiện một lựa chọn tốt".

Không giống như các cuộc bầu cử Thị trưởng trước lần này cho thấy có một liên kết rõ ràng giữa SPD và đảng Xanh.

Liên minh đã bày tỏ rõ ràng sự thất vọng nhiều hơn so với ứng cử viên Turner của họ. Nhà lãnh đạo của CDU Baden-Württemberg Thomas Strobl cho biết: "Kết quả bầu cử dành cho Sebastian Turner, với riêng ông và đảng viên ở Stuttgart của chúng tôi là một thất vọng cay đắng".

Trong khi đó, Kuhn, đã nhận được sự đòi hỏi đầu tiên từ của các đối thủ liên quan đến dự án gây nhiều tranh cãi "Stuttgart 21". Họ kêu gọi "người chiến thắng cuộc bầu cử Thị trưởng" phải tỏ thái độ cứng rắn với hãng hỏa xa. "Ông ấy phải tìm cách đả thông, không nhượng bộ về các chi phí bất lợi cho công dân, tạo gánh nặng cho ngân sách, hoặc ngay cả bất lợi cho sự bảo đảm an toàn".

Khác với ông Thị trưởng trước đây Wolfgang Schuster (CDU), Kuhn chính là người chỉ trích dự án "Stuttgart 21".

***Cho phép đòi giấy Bác sĩ chứng nhận bệnh từ ngày đầu tiên**

14.11.2012: Chủ hãng có thể yêu cầu một công nhân viên phải đệ trình một giấy chứng nhận của bác sĩ từ ngày đầu tiên bị bệnh. Theo án quyết của Tòa án Lao động Liên bang (BAG) tại Erfurt thì chủ hãng được quyền đòi hỏi như vậy mà không cần phải nêu lý do. Điều này hợp pháp.

Như vậy đơn tố tụng từ một biên tập viên của Đài phát thanh Tây Đức (WDR) đã bị Thẩm phán Tòa án Lao động tối cao bác bỏ. Cô nữ biên tập viên này đã làm đơn cho một chuyến đi kinh doanh vào ngày 30.11.2010 nhưng điều này đã không được chấp thuận. Cô ta khai bị bệnh trong ngày 30 tháng 11 này và xuất hiện vào ngày hôm sau, trở lại làm việc như thường. Sau đó, hãng WDR yêu cầu đương sự trong tương lai ngay ngày đầu tiên bị bệnh phải đi bác sĩ khám và nộp giấy chứng nhận bị bệnh.

Người nữ biên tập viên nghĩ rằng, chủ hãng cần biện minh cụ thể cho sự yêu cầu như vậy, và trên nguyên tắc không thể lựa chọn ra một cá nhân. Ngoài ra, thỏa thuận hợp đồng làm việc không có ghi điều lệ như vậy.

Như BAG bây giờ đã quyết định thì pháp luật ở đây cho phép đưa ra một đòi hỏi riêng biệt mà không cần phải nêu lý do. Một hợp đồng làm việc chỉ giá trị khi những điều lệ khác được thỏa thuận rõ ràng. Đây là trường hợp không phải như vậy.

*** Karl-Theodor zu Guttenberg chưa muốn trở lại chính trường**

Cựu Bộ trưởng Quốc phòng Đức, Karl-Theodor zu Guttenberg

27.10.2012: Cựu Bộ trưởng Quốc phòng Đức, Karl-Theodor zu Guttenberg vẫn khước từ trở lại chính trường. Theo tin báo "Spiegel" thì nhiều chính trị gia đảng CSU đã thất bại trong vài tháng qua khi muốn thuyết phục zu Guttenberg nên ra tranh cử quốc hội vào Quý III năm 2013. Trong số đó có cả Bộ trưởng Nội vụ Liên bang Hans-Peter Friedrich, đã gặp Guttenberg vào cuối tháng Bảy 2012 ở Oberfranken, mục đích thuyết phục Guttenberg ra tranh cử một lần nữa. Ngoài ra, bên

lễ đại hội đảng CSU cũng đã có cuộc họp giữa 1 chính trị gia CSU và Guttenberg tại Munich.

Ngoài ra, Nghị viên của CSU tại Lichtenfels, ông Christian Meissner, và Quốc vụ Khanh Bộ Quốc phòng, Christian Schmidt, cũng theo báo Spiegel, đã không thể thuyết phục Guttenberg trở lại chính trường. Schmidt đã gặp Guttenberg khoảng một tuần trước đây ở Munich, liên quan đến cuộc tranh luận chính sách đối ngoại, song song với đại hội đảng CSU.

Guttenberg từ lâu được coi là niềm hy vọng lớn nhất của Liên minh, phải từ chức vào đầu năm 2011 vì vụ bê bối đạo văn luận án tiến sĩ của mình. Sau đó ông cùng gia đình di dân sang Hoa Kỳ. Mặc dù vụ xì-căng-đan xảy ra khiến ông ta phải từ chức nhưng người ta đã suy đoán về sự trở lại chính trường sớm của Guttenberg. Đầu năm 2012, Guttenberg cho biết là ông ta không mong muốn trở lại cuộc bầu cử liên bang trong năm 2013!

*** Steinbach là chủ tịch cơ quan những người bị trục xuất đến 2014**

Thượng Nghị sĩ Erika Steinbach

Berlin, 09.11.2012: Nữ Thượng nghị sĩ quốc hội Đức, Erika Steinbach (69 tuổi, CDU) vẫn tiếp tục được Hội đồng Liên bang ở Berlin tái tín nhiệm vào chức Chủ tịch Liên đoàn bị trục xuất (BDV) trong hai năm tới với 97,5% số phiếu bầu. Steinbach, sinh ra ở Westpreußen, là người đứng đầu Hiệp hội từ năm 1998. Kể từ năm 1990, bà là Thượng nghị sĩ quốc hội Đức, khu vực bầu cử của bà Steinbach là Frankfurt am Main!.

Liên đoàn của người bị trục xuất nhìn thấy chính nó như là đại diện cho các lợi ích của 15 triệu người Đức, hoặc vì trốn chạy, bị trục xuất hay di dân được phép định cư tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, ví dụ như từ khu vực phía đông của các dòng Oder-Neisse, bây giờ thuộc về Ba Lan và Cộng Hòa Tiệp (Séc, gồm 16 tiểu bang có khoảng 1,3 triệu thành viên).

Steinbach trong những năm gần đây, ngay cả tại nội địa cũng như tại Đông Âu (Osteuropa) đã nhận khá nhiều sự chỉ trích. Tại Ba Lan bà bị đánh giá như là một "người xét lại lịch sử". Ở đó người ta nghĩ xấu về bà ta sau khi Steinbach đã bỏ phiếu chống lại việc công nhận ranh giới Oder-Neisse tại quốc hội Đức vào năm 1990.

Với sự bền bỉ, gan lỳ của mình, bà cũng đạt được rất nhiều thành quả: một sự thỏa hiệp về vấn đề bồi thường hoặc quyết định tạo ra một trung tâm tài liệu chống lại sự đào thoát hay cưỡng bức di dân. Công đáng nói của bà Steinbach là đã liên tục xác định lằn ranh với các lực lượng hữu khuynh.

Ngoài ra còn có một số Phó chủ tịch đã được bầu như các ông: Bernd Fabritius, Stephan Grigat, Christian Knauer, Helmut Sauer, Albrecht Schlaeger và Vogler Reinfried.

BDV giải thích với thành phần lãnh đạo hiệp hội mới được bầu, "một thế hệ mới" với ý tưởng hợp tác và sự cảm thông đối với các nước láng giềng của chúng ta trong một châu Âu thay đổi, "trong đó việc kiểm tra quá khứ sẽ phải được tiếp tục thực hiện một cách trung thực và cởi mở".

Như vậy sẽ đảm bảo rằng di sản của những người bị trục xuất, không phải là sự đào thải của một thế hệ để đi vào quên lãng.

*** Mobilfunknetzbetreiber nên giảm chi phí**

(AFP, 19.11.2012): Các hãng khai thác mạng di động, theo lời của bà Bộ trưởng Bảo vệ người tiêu dùng Liên Bang Ilse Aigner (CSU) cần phải cho người tiêu dùng được hưởng chi phí thấp hơn mà họ đang có. "Nếu chi phí cho các tập đoàn giảm nhiều, thì khách hàng cũng được nhiều lợi lạc hơn", Aigner cho biết qua tờ báo "Bild". Aigner cũng đã đề cập đến đề nghị của Cơ quan Mạng Liên bang cho một số thu nhập di động mới.

Theo đề nghị, bốn hãng khai thác mạng di động Telekom, Vodafone, E-Plus và O2 kể từ 1.12.2012 có thể thu khoản lệ phí thống nhất 1,85 cent/mỗi phút cho cuộc gọi trong mạng di động của họ. Trong bước thứ hai, từ 1.12.2013 trở đi thì lệ phí giảm nhẹ xuống còn 1,79 cent cho mỗi phút. Cho đến nay, các công ty điện thoại di động tính lệ phí từ 3,36 đến 3,39 cent/phút.

Sự truy cập lưu lượng điện thoại di động so với sự truy cập dữ liệu ngày càng sút giảm nhiều là do sự ra đời của điện thoại Smartphone. Jochen Homann, chủ tịch cơ quan mạng di động liên bang nói: "Chi phí gây ra ít hơn bởi lưu lượng điện thoại, vì vậy nó phải mang theo tỷ lệ tương xứng thấp hơn từ tổng chi phí của một mạng." Đây là lý do chính mà giá mỗi phút cần được tiếp tục giảm hơn nữa!.

*** Tiền hưu tăng nhẹ trong năm 2013**

Bà Chủ tịch Annelie Buntenbach

(Würzburg, 14.11.2012): Tiền hưu sẽ được tăng gần 1% cho phía Tây, phía Đông lên đến 3%. Hưu bổng Đức sẽ được tăng nhẹ trong năm tới 2013, tuy nhiên ở phía Đông cao hơn so với phía Tây Đức. Theo tin từ Quỹ bảo hiểm hưu trí Đức và dựa theo lời giải thích của bà chủ tịch của Quỹ bảo hiểm hưu trí Liên bang Đức, Annelie

Buntenbach thì hưu trí Tây Đức chỉ tăng nhẹ, khoảng 1% trong khi hưu bổng bên phía Đông (cộng sản DDR cũ) tăng nhiều hơn, lên đến 3%.

Vì lạm phát hiện tại khoảng 2% nên rốt cuộc 16 triệu người đang nghỉ hưu ở Tây Đức chẳng còn lại được bao nhiêu trong túi sau khi trừ thuế xong. Ngược lại 4 triệu người về hưu ở phía Đông vì hưu bổng được tăng gần 3% nên họ lãnh ra nhiều hơn!

Bà Buntenbach nhấn mạnh, với bà ta rất rõ ràng là qua sự chênh lệt giữa Đông-Tây nói trên chắc chắn sẽ có sự "tranh cãi", mặc dù sự khác biệt do nhiều yếu tố về kỹ thuật đưa đến. Hiệp hội Xã hội Đức (SoVD) đã lên tiếng chỉ trích việc hưu bổng tăng quá ít!

*** Lãnh đạo Đảng Xanh an ủi Claudia Roth và giữ khoảng cách với Liên Đảng CDU+CSU**

(18.11-.012 Hanover, DAPD): Mười tháng trước khi cuộc bầu cử lại Quốc Hội Đức, đảng Xanh trong ngày đại hội của họ đã ngăn chận được một cuộc khủng hoảng lãnh đạo đảng liên quan đến nữ đảng trưởng Claudia Roth và đánh dấu một khoảng cách sắc nét với CDU và CSU. Xanh mặc dù muốn "tán tỉnh các cử tri dân sự" ủng hộ bầu cho CDU+CSU, nhưng không có chuyện liên minh Đen-Xanh, bộ đôi hàng đầu của đảng Xanh Katrin Göring-Eckardt và Trittin nhấn mạnh như vậy!

Roth tái đắc cử chủ tịch đảng với 88,5%, như là dấu hiệu biểu lộ sự tín nhiệm Roth sau khi bà ta thất bại trong cuộc bầu cử chính của các ứng cử viên hàng đầu xảy ra một tuần trước đây.

Người đồng chủ tịch Cem Oezdemir cũng được tái đắc cử với hơn 80% cho nhiệm kỳ mới hai năm nữa. Giống bà Roth Roth ông không có đối thủ.

Để tăng cường ban lãnh đạo, bà Göring-Eckardt cũng mới được bầu vào Hội đồng đảng. Phó Chủ tịch Quốc Hội Đức nhấn mạnh rằng một liên minh với liên đảng CDU+CSU sau cuộc bầu cử thiếu cơ sở nội dung. Mục tiêu của Xanh là thành lập một liên minh với đảng SPD và thay thế nữ Thủ tướng Angela Merkel (CDU).

Đại hội đảng Xanh kéo dài ba ngày tại Hannover với khoảng 800 đại biểu yêu cầu cải cách cấp tiến xã hội, ủng hộ người nghèo và người về hưu. Tỷ lệ tiêu chuẩn Hartz IV dự kiến sẽ tăng từ 374 lên 420 Euro. Hơn nữa, các trung tâm giới thiệu việc làm (Jobcenter) với lệnh cấm vận (Sanktion) cắt giảm trợ cấp Hartz IV đối với người thất nghiệp bị cấm cho đến khi có thông báo.

Cũng được đòi hỏi phải có một "lương hưu đảm bảo" do tiền thuế tài trợ trong cuộc chiến chống sự đói nghèo ở tuổi già, sẽ được trả cho tất cả những người đã làm việc hơn 30 năm hoặc chăm sóc con cái. Liên quan đến vấn đề tăng dần tuổi nghỉ hưu lên 67 tuổi trên căn bản Xanh không đả động tới.

Xanh cũng có ý định nâng cao tỷ lệ cao nhất của thuế thu nhập từ 42 lên 49%. Triệu phú phải nộp một khoản thuế tài sản hạn chế, và tiền thuế bất động sản cần phải được tăng gấp đôi.

*** Học sinh tiểu học tiểu bang Bavaria chiếm vị thứ cao nhất trong môn đọc và toán**

(05.10.2012 AFP): Bộ trưởng Giáo dục đánh giá mức độ tổng thể cao về hiệu suất của học sinh tiểu học thuộc tiểu bang Bavria (Nam Đức). Các em chứng tỏ cho thấy có khả năng cao nhất trên toàn quốc trong môn đọc và toán. Dẫn đầu trong số 16 tiểu bang ngoài Bayern (Bavaria) ra còn có Sachsen und Sachsen-Anhalt, dựa theo kết quả so sánh các tiểu bang đã được đại hội các Bộ trưởng Giáo dục tại CHLB Đức (KMK) công bố ở Berlin. Cầm đèn đỏ theo đó là học sinh của thành phố thuộc những tiểu bang Hamburg, Bremen và Berlin.

Cũng theo kết quả trên, khi đọc thì các em học sinh trường tiểu học tiểu bang Bavaria, Sachsen, Sachsen-Anhalt, Sachsen-Anhalt và Thüringen đạt kết quả đáng kể ở trên mức trung bình của Đức. Kém xa sau đó là Hamburg, Berlin và Bremen. Trong môn toán học dẫn đầu là Bayern (Bavaria), Sachsen-Anhalt, Sachsen-Anhalt và Baden-Württemberg trên trung bình. Đáng kể dưới mức độ này là Brandenburg, Schleswig-Holstein và Hessen và thêm một lần nữa tại những thành phố Hamburg, Bremen và Berlin.

Trong khuôn khổ sự so sánh giữa các tiểu bang, các nhà nghiên cứu đã thử nghiệm hiệu suất của học sinh trong lĩnh vực nghe. Những học sinh này, ví dụ, phải nghe văn bản và trả lời một số câu hỏi về nó. Đạt được kết quả tốt nhất trong lãnh vực này cũng là học sinh tiểu học đến từ Bavaria. Thậm chí chỉ có Bayern (Bavaria) là đạt kết quả đáng kể cao hơn mức trung bình. Hiệu suất kém nhiều là học sinh tiểu học đến từ thành phố Hamburg, Bremen và Berlin cũng như trong khu vực của các tiểu bang Sachsen-Anhalt, Rheinland-Pfalz và Saarland.

Nói chung, theo KMK thì các học sinh tiểu học cho thấy có một mức độ cao về hiệu suất. Điển hình, trong môn đọc và toán có 88% trẻ em đạt được tiêu chuẩn tối thiểu. Kết quả của nghiên cứu so sánh nói trên đã chứng minh hiệu năng khá cao của học sinh tiểu học "đáp ứng phần lớn các mục tiêu mong đợi từ các trường tiểu học hoặc thậm chí còn vượt quá sự mong đợi này," như đương kim chủ tịch KMK, Thượng nghị sĩ Giáo dục Ties Rabe (SPD) Hamburg cho biết.

Nghiên cứu cũng cho thấy báo cáo là nguồn gốc xã hội và đặc biệt là một "nền tảng di cư" có tác động đáng kể vào sự thành công trên lãnh vực giáo dục. Kết quả này đã được ghi nhận trong các nghiên cứu giáo dục trước đây.

Để thực hiện sự so sánh khả năng giữa các tiểu bang trên toàn nước Đức, 27.000 học sinh lớp bốn đã được thử nghiệm trên tổng số 1.300 trường học ở tất cả 16 tiểu bang trong năm qua.

*** Bất ngờ xảy ra với đảng Xanh**: **Katrin Göring-Eckardt và Trittin là ứng cử viên hàng đầu cho cuộc tổng tuyển cử 2013**

(Berlin 10.11.2012): Kết quả của cuộc bầu cử chính cho thấy rõ ràng là thành viên đảng Xanh đã bầu bà Phó Chủ tịch Quốc Hội Đức Katrin Göring-Eckardt và nhà lãnh đạo khối nghị sĩ Xanh tại quốc hội Jürgen Trittin là ứng cử viên hàng đầu của Xanh trong chiến dịch bầu cử liên bang 2013.

Trittin đạt 71,9% số phiếu hợp lệ, Göring-Eckardt 47,3%. Đồng chủ tịch với Trittin tại quốc hội, Renate Künast chiếm 38,6%, và nữ đảng trưởng Claudia Roth chỉ đạt có 26,2%.

Lần đầu tiên trong lịch sử đảng, Xanh đã chọn ứng viên hàng đầu của họ bằng cuộc bầu cử. Gần 62% của khoảng 60.000 thành viên tham gia cuộc bỏ phiếu. Mỗi đảng viên có thể bỏ hai phiếu. Theo điều lệ của đảng thì một trong hai ứng cử viên phải là một người phụ nữ.

Ngoài Trittin, Künast, Roth và Göring-Eckardt còn có thêm 11 thành viên không nổi tiếng của Xanh cũng đã ra tranh cử.

Bà Giám đốc điều hành liên bang Steffi Lemke cho biết "đảng viên cơ sở" (die Basis) đã quyết định sự cân bằng giữa nhiều phe cánh trong nội đảng và sự cân bằng giữa tính liên tục và đổi mới. Cấp liên bang cho đến nay thì Göring-Eckardt ít xuất hiện hơn thuộc vào cánh "chính trị thực tiễn" của đảng Xanh, còn ông Trittin nghiêng về "bên cánh trái".

(Jürgen Trittin và Göring-Eckart)

Lemke mô tả "cuộc bầu cử chính" của đảng Xanh là một thành công lớn và cho rằng có thể đó là mô hình cho sự lựa chọn ứng cử viên của những đảng phái khác. Bà ta nói khi công bố kết quả: "Hậu trường chính trị" luôn gặp khó khăn hơn".

Giữa bốn người lãnh đạo đảng Xanh thì bà Göring-Eckardt bị đánh giá là chỉ có cơ hội nhỏ. Trong một cuộc thăm dò ý kiến bởi viện nghiên cứu TNS cho báo Spiegel Online trước khi bầu cử thì chỉ có 23% cử tri Xanh đã cho biết họ muốn Phó Chủ tịch Göring-Eckardt là ứng cử viên hàng đầu. Như vậy, sự ủng hộ Göring-Eckardt rõ ràng thua xa Trittin (60%), Künast (50%) và Roth (47%).

Cả hai Trittin và Göring-Eckardt đều từ chối một liên minh đen-xanh (CDU+Xanh). Göring-Eckardt cho biết ở Hamburg là "không có cơ hội này", ngay cả chuyện "cánh cửa hậu hé mở" cũng không có!

Trittin lãnh đạo đảng từ 1994 đến 1998, từ năm 2009 ông là chủ tịch khối nghị sĩ Xanh tại quốc hội Đức. Từ 1998 đến 2005 là Bộ trưởng Môi sinh Đức. Bà Göring-Eckardt lâu nay là phó chủ tịch quốc hội và từ đó được trọng vọng.

Nhà thần học Göring-Eckardt lần đầu tiên được bầu vào quốc hội năm 1998, trọng điểm chính trị của bà ta là chính sách xã hội và gia đình. Năm 2009, mẹ của hai đứa con đã được lựa chọn và được bầu lên làm Chủ tịch Hội Đồng Giám Mục của Giáo Hội Tin Lành tại Đức (EKD).

Sau khi trúng cử làm ứng cử viên hàng đầu của đảng Xanh Göring-Eckardt cho biết là bà ta tạm ngưng chức chủ tịch EKD cho đến khi chiến dịch tranh cử kết thúc.

Xa hơn nữa, bà Birgit Homburger, phó chủ tịch đảng FDP còn đòi hỏi Göring-Eckardt nên từ chức phó chủ tịch quốc hội. Homburger nói: "Sự ứng cử cho cuộc tổng tuyển cử không thể đi cùng với các yêu cầu đối với văn phòng của Phó Chủ tịch quốc hội Đức". Sự từ chức là "một yêu cầu cần thiết cho sự công bằng trong việc chủ trì hội nghị các đảng phái tại quốc hội".

Ta cám ơn ta đã có em

Khi nắng xuân về dệt chút tơ
Mắt em lóng lánh ánh sao mơ
Cho ta nhớ lại bao xuân trước
Ở một phương xa khói tỏa mờ!

Thôi có em rồi cũng đủ vui
Dù bao xuân cũ đã xa rồi
Khi xuân mang đến niềm vui mới
Nâng chén cho vơi những ngậm ngùi!

Vầng trán dù in vết dãi dầu
Có em lòng dịu những cơn đau
Nếu mai phải tiễn xuân lần nữa
Ta vẫn buồn vui cũng có nhau.

Ta sẽ cùng em trọn kiếp này
Dẫu là vinh nhục hay chua cay
Thôi em đừng có buồn xa vắng
Dù sẽ còn lưu lạc mãi đây!

Một bước xuân về, một bước qua
Bao giờ xuân ở lại cùng ta
Để niềm vui mãi trong tay với
Chỉ sợ đời như một cánh hoa!

Ta cám ơn ta, đã có em
Những ngày tháng cũ khó mà quên
Liệu đời có kiếp sau không nhỉ?
Khúc nhạc ân tình lại cất lên!

- **Trần Ngân Tiêu**

SPD phản ứng kết quả qua cuộc bầu cử của đảng Xanh, ông giám đốc điều hành quốc hội của nhóm thượng nghị sĩ SPD, Thomas Oppermann đánh giá: "Đây là một lựa chọn tốt". Katrin Göring-Eckardt và Trittin là những "diễn giả tuyệt vời và nhà vận động tranh cử tốt".

LNC *(Munich Tháng 10+11.2012)*
Sưu tầm và phiên dịch từ các báo der Spiegel, SZ, AZ, FAZ, die Welt, Handelsblatt, Focus, N-TV, AFP, Yahoo News.

Tin Việt Nam

*** Nguyễn Tấn Dũng đòi "xử" trang mạng 'Quan Làm Báo' & 'Dân Làm Báo'**

Vào ngày 12/09/2012, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ký công văn 7169 ra lệnh cho Bộ Công An, Bộ Thông Tin Truyền Thông và các cơ quan liên quan, điều tra và xử lý các trang mạng bị cho là "đăng tải thông tin chống Đảng và Nhà nước" và "là thủ đoạn thâm độc của các thế lực thù địch". Bản thông báo nêu đích danh ba trang mạng "Dân Làm Báo," "Quan Làm Báo," "Biển Đông"... và một số trang mạng khác.

Thêm nữa Nguyễn Tấn Dũng còn lệnh cho 700 báo đài "lề đảng" tăng cường cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và chủ động phản bác các thông tin "không đúng sự thật, xuyên tạc, chống Đảng và Nhà nước". Không những thế, bản thông báo còn yêu cầu "các bộ, ngành, các địa phương lãnh đạo cán bộ, công chức, viên chức không xem, không sử dụng, loan truyền và phổ biến các thông tin đăng tải trên các mạng "lề dân".

Hành động của TT CSVN Nguyễn Tấn Dũng được cho là bất thường vì tất cả các trang mạng này vốn không chịu sự kiểm soát của nhà cầm quyền Việt Nam, mà phía nhà cầm quyền Việt Nam dựng "tường lửa" để ngăn chặn.

Trang mạng Quan Làm Báo (http://quanlambao.blogspot.com.au/) ra đời hồi tháng 5/2012 vừa qua nhưng tới nay đã có hơn 23 triệu lượt độc giả. Quan Làm Báo đã liên tục đưa các tin tức thuộc loại thâm cung bí sử và nhạy cảm trong guồng máy lãnh đạo chóp bu tại Việt Nam. Đặc biệt trang này nhắm vào cá nhân Thủ Tướng Nguyễn Tấn Dũng và các "thuộc hạ" của ông như Thượng tướng An ninh Nguyễn Văn Hưởng và các đại gia trong ngành ngân hàng.

Còn trang Dân Làm Báo (http://danlambaovn.blogspot.com.au/) ra đời trước đó (Đã có hơn 78 triệu lượt độc giả), ngoài việc đăng tải các thông tin thuộc loại chính trị nhạy cảm, trang này đã nhiều lần đưa tin tức cập nhật về các cuộc biểu tình chống Trung Quốc, công an đàn áp cưỡng chế đất,... thu hút đông đảo độc giả cả trong lẫn ngoài nước với hơn 78 triệu lượt độc giả.

Sau thông báo trên, trang Dân Làm Báo đã nêu quan điểm của mình: "Đất nước thân yêu của mình đang đối diện với một hiểm họa vô cùng to lớn: hiểm họa mất chủ quyền, tụt hậu với tình trạng thù trong giặc ngoài", và rằng: "trong cái gọi là thù trong đó, nhân dân Việt Nam đã phải đối diện với nhiều thành phần khác nhau, trong đó có hai thành phần chính là một tập đoàn tham nhũng giàu có đến mức không thể tưởng tượng được và một tập đoàn bảo vệ quyền lực chính trị của mình bằng mọi giá". Cuối cùng trang Dân Làm Báo khẳng định: "Dân Làm Báo đứng về phía dân, đi trong lề của dân, đặt quyền lợi tối thượng của dân tộc làm kim chỉ nam cho mọi suy nghĩ và hành động. Tổ quốc trên hết".

(nguồn: nguoi-viet.com/absolutenm2)

*** Thủy điện Sông Tranh 2: Động đất mạnh 4.7 richter; Dân lo sợ lại còn bị mắng**

Chiều 15/11/2012 hàng ngàn người dân Bắc Trà My kinh hoàng chạy thoát thân vì trận động đất 4.7 độ richter xảy ra tại khu vực cách đập Sông Tranh 2 khoảng 7km về phía thượng lưu, được mô tả là mạnh nhất chưa từng có. Trận động đất làm rung chuyển nhà cửa, công trình công cộng ở Bắc Trà My với ảnh hưởng lan tỏa khu vực bán kính 100km không chỉ địa bàn Quảng Nam mà xa tới tận Thành phố Quảng Ngãi. TS Lê Huy Minh, Viện phó Viện Vật lý Địa Cầu xác nhận đây là trận động đất mạnh nhất ghi nhận được trong số vài trăm trận động đất xảy ra kể từ khi Công trình Thủy điện Sông Tranh được xây dựng. Trận động đất này chấn tâm cách thân đập khoảng 8km. Nó có cường độ lớn hơn và chấn tiêu có vẻ nông hơn cho nên tầm ảnh hưởng độ rung động lan truyền nó rộng hơn so với những trận động đất trước đây

Chiều 15/11 lòng đất phát ra tiếng nổ đùng đùng, mặt đất chao đảo. Mọi người nháo nhào bỏ chạy khỏi nhà văn hóa. Cùng lúc, tiếng khóc thét của học sinh ở các trường học, tiếng la hét thất thanh của người dân chạy ra khỏi nhà càng làm nỗi sợ hãi về động đất lên đến cực độ.

Trong khi đó báo Người Lao động Online mô tả, không chỉ người dân huyện Bắc Trà My nghe rung lắc mà người dân các huyện Tiên Phước, Phú Ninh, Núi Thành và cả TP Tam Kỳ - Quảng Nam cách thủy điện Sông Tranh 2 khoảng hơn 100 km cũng cảm nhận được động đất kèm theo tiếng nổ lớn. Ông Phạm Hồng Đức, Phó Chủ tịch Hội Nông dân huyện Phú Ninh nói với báo Người Lao Động là ở chỗ ông cách Thủy điện Sông Tranh 2 khoảng gần 90 km mà cũng thấy khiếp chứ huống hồ gì sống ở nơi tâm chấn...

(nguồn: http: phapluattp.vn)

*** Tham nhũng ở Việt Nam vừa tinh vi vừa trắng trợn**

Theo đánh giá của Tổ chức minh bạch quốc tế, Việt Nam thuộc nhóm nước tham nhũng nghiêm trọng. Năm 2011 có những tiến bộ nhất định nhưng vẫn là những nước có điểm số thấp và đứng ở phía cuối bảng xếp hạng.

Tại Hội thảo "Vai trò của Quốc hội trong phòng chống tham nhũng" do Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổ chức, Phó chánh Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng Lê Văn Lân cho biết có tham nhũng trong các lãnh vực như sau:

Trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản, tham nhũng chủ yếu diễn ra trong việc quy hoạch; chuyển đổi mục đích sử dụng đất; thu hồi đất nông nghiệp để xây dựng các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị; giao đất, cho thuê đất; định giá đất khi thu hồi, đền bù; cấp phép khai thác tài nguyên, khoáng sản…

Trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng nổi lên tình trạng tham nhũng, tiêu cực của một bộ phận cán bộ trong ngành ngân hàng, nhất là các ngân hàng thương mại hoặc cán bộ trong ngành ngân hàng tiếp tay, móc nối với người bên ngoài...

Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản phần lớn các công trình xây dựng đều xảy ra thất thoát tài sản, chủ yếu do tham ô và cố ý làm trái...

Trong việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp, thủ đoạn tham nhũng chủ yếu là giấu bớt và định giá trị tài sản, đất đai thấp hơn giá trị thực tế...

Trong lĩnh vực tư pháp, hành vi tham nhũng chủ yếu là cán bộ tư pháp lợi dụng chức vụ, quyền hạn để nhận hối lộ nhằm bỏ lọt hoặc giảm nhẹ tội phạm trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án...

Ngoài những lĩnh vực trên, tình trạng nhũng nhiễu còn khá phổ biến trong quan hệ giữa cơ quan nhà nước và công chức nhà nước với người dân và doanh nghiệp, giữa nhân viên các cơ sở dịch vụ công với khách hàng, như: cảnh sát giao thông, cán bộ thuế, các cơ quan cấp phép, cơ sở khám, chữa bệnh, các trường học… gây bức xúc trong dư luận xã hội.

(nguồn: vnexpress.net/gl/phap-luat)

*** Việt Nam mừng Quốc khánh Trung Cộng ở Hoàng Sa?**

Nhân dịp lần thứ 63 Quốc khánh Trung Cộng (1/10/1949 – 1/10/2012), lãnh đạo Đảng CSVN đã gửi điện mừng tới lãnh đạo Trung Cộng. Điện mừng đã được gửi từ hôm 30/9/2012 tới Chủ tịch Hồ Cẩm Đào và các lãnh đạo khác như ông Ngô Bang Quốc và Ôn Gia Bảo. Một ngày sau đó, báo chí Trung Cộng đưa tin lễ mừng Quốc khánh nước này được tổ chức cho quân và dân trước cơ quan hành chính mới là Tam Sa trên đảo Vĩnh Hưng (Phú Lâm) thuộc quần đảo Tây Sa mà Việt Nam gọi là Hoàng Sa.

Báo Thanh Niên, bản điện tử ở TPHCM có bài ngắn gọi buổi lễ này là hành động "vi phạm chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa" nhưng không thấy các trang web của Đảng hoặc chính phủ Việt Nam nói gì về vụ việc. Có thể các điện thư chúc Quốc khánh chỉ là thông lệ ngoại giao thường có giữa các quốc gia. Nhưng trong bối cảnh quan hệ Trung - Việt được dư luận coi là 'nhạy cảm', câu chuyện Trung Cộng làm lễ Quốc khánh ở Tam Sa đã khiến một số tờ báo trong nước và nhất là cộng đồng mang tiếng Việt tỏ thái độ bất bình với thái độ hèn mạt của lãnh đạo ĐCSVN.

(nguồn: bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/2012/10/12005

*** 80 bản đồ chứng tỏ Trường Sa - Hoàng Sa không thuộc Trung Quốc**

Một người Việt ở Mỹ sưu tập 80 bản đồ Tây phương và 3 sách toàn đồ Trung Hoa cho thấy Trường Sa - Hoàng Sa không thuộc chủ quyền Trung Quốc.

Ông Thắng Trần, Chủ tịch Viện văn hóa & giáo dục Việt Nam (IVCE) tại New York (Hoa Kỳ) nói về bộ sưu tập của ông: "80 bản đồ này có niên đại từ 1626 tới 1980 thể hiện rất rõ hai điều. Thứ nhất, miền Nam của Trung Quốc dừng lại ở đảo Hải Nam và không đi xuống xa hơn về phía Nam. Thứ hai, một số bản đồ Tây phương có chỉ đường hàng hải Bắc-Nam Châu Á, tất cả đường này đi ngang Hoàng Sa những năm 1800 và 1900 khi vùng biển và đảo ở Indochina do người Pháp quản lý. Sau hiệp định Genève năm 1954, Pháp trao trả toàn vẹn lãnh thổ cho Việt Nam thì tất nhiên Hoàng Sa-Trường Sa nằm trong khu vực trao trả lại cho Việt Nam".

Ông Thắng cho biết các bản đồ này do ông đích thân tới những nơi bán đồ cổ hoặc lên mạng mua về. Ông Thắng Trần nói ông bắt đầu có ý định sưu tầm những chứng cứ lịch sử này kể từ nghe tin Tiến sĩ Mai Hồng, nguyên Trưởng phòng tư liệu thư viện - Viện Hán Nôm, công bố tấm bản đồ Trung Quốc thực hiện dưới thời nhà Thanh xuất bản năm 1904 ghi rõ cực nam Trung Quốc là đảo Hải Nam, không bao gồm Hoàng Sa - Trường Sa.

Tấm bản đồ của Tiến sĩ Hồng đã được giao lại cho Bảo tàng Lịch sử Quốc gia bảo quản và trưng bày hồi cuối tháng 7 vừa qua. Ông Thắng Trần đã quyết định gửi tặng toàn bộ 80 bản đồ ông sưu tập được cho Viện phát triển Xã Hội Đà Nẵng. Tiến Sĩ Trần Đức Anh Sơn, Viện Phó Viện phát triển Xã Hội Đà Nẵng, người đang phụ trách công tác nghiên cứu về Hoàng Sa - Trường Sa, phát biểu: "Những phát hiện này của anh Trần Thắng rất quý bởi vì đã giúp cho những người nghiên cứu như chúng tôi có thêm cơ sở khoa học, chứng lý để có thể góp phần chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa - Trường Sa và bác bỏ những đòi hỏi vô lý của Trung Quốc về chủ quyền đối với hai quần đảo này".

Toàn bộ hình ảnh về bộ sưu tập này được chủ nhân lưu lại tại trang web của Viện Văn hóa và Giáo dục Việt Nam ở địa chỉ ivce.org

*** Kết thúc Hội nghị Trung ương 6: Đảng CSVN thiêng liêng hơn Dân tộc VN!**

Khác với những Hội nghị Trung ương những lần trước, Hội nghị Trung ương 6 Đảng CSVN lần này (Khai mạc từ 1-15/10/2012 tại Hà Nội) được sự quan tâm đặc biệt của nhiều người vì những dấu hiệu có tính chất đấu đá nội bộ hiện ra khá rõ giữa hai phe: TBT Nguyễn Phú Trọng và CTN Trương Tấn Sang liên minh lại để phê phán các hành vi của TT Nguyễn Tấn Dũng về các vụ tham nhũng hàng triệu đô la, sự đổ bể của một loạt các ngân hàng và công ty nhà nước.

Ông Nguyễn Tấn Dũng bắt đầu nhiệm kỳ Thủ tướng thứ hai từ năm ngoái. Người ta chưa thấy có một nhiệm kỳ Thủ tướng nào của Việt Nam lại gặp nhiều vấn nạn lớn như thế. Tai tiếng tham nhũng nặng như Vinashin, Vinalines. Nhiều tập đoàn, tổng công ty đối diện nguy cơ sụp đổ nếu không được nhà nước chống lưng. Nền kinh tế đình trệ và lạm phát có lúc lên hơn 23% (2011) khiến dân chúng khốn đốn.

Chỉ một ngày sau 2/10, người ta thấy Đại sứ Trung Cộng tại Việt Nam là Khổng Huyễn Hựu đã gặp Phó TT Nguyễn Xuân Phúc. Theo các nhà quan sát đây là dấu hiệu chứng tỏ mỗi khi đảng CSVN họp bàn chuyện nhân sự, Bắc Kinh thường kín đáo xía vào, biểu lộ chế độ Hà Nội không thực "độc lập, tự chủ". Thêm nữa, 10 ngày trước đó (vào 20/09) Nguyễn Tấn Dũng đã đặc biệt dẫn đầu phái đoàn Việt Nam (đáng lẽ do phó TT về thương mại) để gặp Phó Chủ Tịch Trung Cộng Tập Cận Bình (hiện nay là tân TBT Đảng CSTQ) tại Nam Ninh, Quảng Tây trong khuôn khổ tham dự Hội chợ thượng đỉnh thương mại & đầu tư ASEAN. Hành động này được đánh giá như sự tìm hậu thuẫn của "quan thầy Bắc Kinh" để chuẩn bị trước cuộc đấu đá trong HNTU6...

Sau 15 ngày họp kín tại Hà Nội, ngày 15/10/2012, HNTU6 đã bế mạc. Điều được giới quan sát trong và ngoài nước quan tâm theo dõi là liệu tại Hội nghị Trung ương này, có ai bị kỷ luật về tội tham nhũng, lợi dụng chức quyền để cho người thân lũng đoạn kinh tế, tài chính… hay không? Theo các nguồn tin khác nhau, thì nhân vật trung tâm bị kiểm điểm lần này là TT CSVN Nguyễn Tấn Dũng. Thế nhưng, Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định không kỷ luật Bộ Chính trị cũng như "một đồng chí trong Bộ Chính trị". TBT Nuyễn Phú Trọng đã nói: "… để giữ nghiêm kỷ luật trong Đảng, góp phần giữ gìn uy tín, hình ảnh thiêng liêng của Đảng và làm gương trong toàn Đảng, Bộ Chính trị đã thống nhất

100% đề nghị Ban Chấp hành Trung ương đã… đi đến quyết định không thi hành kỷ luật đối với tập thể Bộ Chính trị và một đồng chí trong Bộ Chính trị...".

(nguồn: rfa.org/vietname)

*** Thủ tướng sẽ không làm Trưởng ban phòng chống tham nhũng**

Theo báo chí trong nước, ngày 26/10/2012, dự án Luật Phòng, chống tham nhũng đã được trình lên Quốc hội Việt Nam với nhiều điểm sửa đổi, trong đó có việc bỏ quy định Thủ tướng là Trưởng ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng. Dự luật Phòng, chống tham nhũng trên nguyên tắc sẽ được biểu quyết thông qua vào cuối kỳ họp của Quốc hội.

Thật ra thì điểm sửa đổi nói trên đã được thông qua tại Hội nghị Trung ương 5 vào tháng 5 vừa qua, tức là Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng sẽ trực thuộc Bộ Chính trị, chứ không còn thuộc chính phủ nữa. Trưởng Ban chỉ đạo sẽ là Tổng bí thư Đảng. Hội nghị Trung ương 5 cũng đã quyết định sẽ lập lại Ban Nội chính Trung ương, với chức năng là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng.

Việc bỏ quy định Thủ tướng là Trưởng ban chỉ đạo tham nhũng được đưa vào dự luật sau khi Hội nghị Trung ương 6 đã không ra được biện pháp kỷ luật nào đối với ông Nguyễn Tấn Dũng, mà trong thời gian qua đã bị chỉ trích rất nhiều về tham nhũng, lạm quyền và quản lý kinh tế yếu kém. Trong bối cảnh đấu đá trong nội bộ ban lãnh đạo diễn ra gay gắt, Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng có thể trở thành một vũ khí để phe này kềm chế phe kia. Đối với người dân thì việc trên không có gì thay đổi, vì "Cả một bọn cướp lại đòi đi bắt kẻ trộm" . *(nguồn: http://www.viet.rfi.fr/node/75276i)*

*** 10 năm tù cho hai nhạc sĩ yêu nước: Việt Khang và Trần Vũ Anh Bình**

Ngày 30/10/2012, Tòa án nhân dân TP/HCM vừa tuyên án 4 năm tù giam và 2 năm quản thúc đối với nhạc sĩ Việt Khang và 6 năm tù giam và 2 năm quản thúc đối với nhạc sĩ Trần Vũ Anh Bình. Cả hai đều ra tòa với tội danh «tuyên truyền chống Nhà nước», vì là tác giả những bài hát thể hiện lòng yêu nước, phản đối những hành động xâm lấn của Trung Quốc.

Hai nhạc sĩ Việt Khang (tức Võ Minh Trí) và Trần Vũ Anh Bình (còn có tên là Hoàng Nhật Thông) đã bị bắt từ cuối năm 2011, trong bối cảnh chính quyền gia tăng đàn áp phong trào biểu tình phản đối Trung Cộng. Tội danh «tuyên truyền chống Nhà nước» vẫn thường được chính quyền Hà Nội sử dụng để bỏ tù các nhà đối lập, nhà đấu tranh dân chủ ở Việt Nam.

Nhạc sĩ Việt Khang được nhiều người biết đến qua một số nhạc phẩm thể hiện lòng yêu nước trước những hành động xâm lấn của Trung Quốc ở Hoàng Sa và Trường Sa như "Anh là ai ?" và "Việt Nam tôi đâu ?". Anh đã từng tham gia các cuộc biểu tình phản đối Trung Quốc vào mùa hè năm 2011.

Còn nhạc sĩ Trần Vũ Anh Bình là thành viên một ca đoàn thuộc Giáo xứ Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, do các cha Dòng Chúa Cứu Thế phụ trách. Theo Truyền thông Chúa Cứu Thế, những tác phẩm của Trần Vũ Anh Bình được nhiều bạn trẻ yêu thích, như "Người Việt Nam", "Rạng Ngời Nước Nam"...

Theo AFP, trước khi phiên tòa diễn ra hôm nay, nhiều tổ chức nhân quyền đã kêu gọi trả tự do cho hai nhạc sĩ Việt Khang và Trần Vũ Anh Bình. Ông Rupert Abbot, thuộc tổ chức Ân xá Quốc tế tuyên bố: "Đối xử như vậy với những người chỉ sáng tác các bài hát thì thật là lố bịch". Đối với ông Abbot, hai nhạc sĩ nói trên là những "tù nhân lương tâm". Về phần ông Phil Robertson, Phó giám đốc đặc trách châu Á của Human Rights Watch thì lên án "sự đàn áp ngày càng tăng đối với quyền tự do ngôn luận". Theo ông Robertson, "đầu tiên là những người chỉ trích chính quyền, tiếp đến là các blogger, rồi đến các nhà thơ, bây giờ là các nhạc sĩ cũng bị bỏ tù".

Vào cuối tháng 9 vừa qua, ba blogger nổi tiếng ở Việt Nam, Nguyễn Văn Hải, tức Điếu Cày, Phan Thanh Hải, tức Anhbasaigon và Tạ Phong Tần đã bị kết án tù nặng nề cũng với tội danh «tuyên truyền chống Nhà nước», những bản án đã bị quốc tế phản đối kịch liệt, đặc biệt là Hoa Kỳ và Liên hiệp châu Âu.

(nguồn: http://danlambaovn.blogspot.com.au)

*** Mất tích vì làm thơ chống Trung Cộng?**

Cơ quan.....*An ninh điều tra – Công an tỉnh Long An*.....
.....*Bắt bị can để tạm giam*.....
Họ tên: .....*NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN*.....
Tên gọi khác:.....
Sinh ngày *12* tháng *10* năm *1992* tại *Bình Thuận*.....
Nơi đăng ký HKTT: *Thôn Lâm Giang, Hàm Trí, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận*.....
Chỗ ở:....*Số 9, Dương Đức Hiền, P. Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh*.....
Nghề nghiệp:.....*Sinh viên*.....
Quốc tịch:.....*Việt Nam*.....Dân tộc:.....*Kinh*.....
đã có hành vi :.....*Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*.....
phạm vào Điều.....*88*.....Bộ luật hình sự nước CHXHCN Việt Nam
hiện đang bị (3).....*tạm giam*.....tại.....*Trại tạm giam Công an tỉnh Long An*.....
.....*(Số 159, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An)*.....
Dân Làm Báo

Ngay sau khi tin cô sinh viên Nguyễn Phương Uyên (NPL), 20 tuổi, sinh viên Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP/HCM, bị công an phường Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú bắt biệt tích từ ngày 14/10/2012, được cho là vì làm thơ bài Trung Cộng. Cộng đồng mạng và gia đình, nhất là thế giới Facebook đã bùng lên những quan tâm, lo lắng cho bạn Uyên, lẫn lòng phẫn nộ đối với hành động bắt người của công an.

Trả lời phỏng vấn BBC hôm 18/10 từ nhà riêng ở tỉnh Bình Thuận, bà Nguyễn Thị Nhung, mẹ của NPU, cho rằng "Với những hành vi ngang tàng bạo ngược của Trung Quốc, xâm chiếm lãnh hải, làm những chuyện không ai mà không biết, thì sinh viên, học sinh suy nghĩ như thế, theo tôi không có gì là nghiêm trọng". Trong khi đó, thân phụ của sinh viên NPU, ông Nguyễn Duy Linh, cho hay cho tới nay ông và gia đình vẫn chưa tìm được tung tích của con gái. Tuy vậy ông "khâm phục" lòng yêu nước của con gái và không tin vào cáo buộc của cơ quan điều tra.

Ngày 30/10/2012, một nhóm nhân sỹ trí thức hàng đầu Việt Nam đã gửi lá thư kiến nghị lên CTN Trương

Tấn Sang yêu cầu trả tự do cho sinh viên NPU. Lá thư cũng yêu cầu có giải thích công khai "về sự kiện bắt giam cháu NPU. Được biết, lá thư kiến nghị với hơn 100 người tham gia, trong đó có những tên tuổi trí thức quen thuộc như: Giáo sư Ngô Bảo Châu, Giáo sư Tương Lai, Giáo sư Nguyễn Huệ Chi, Tiến sỹ Nguyễn Quang A, nhà thơ Hoàng Hưng, nhà văn Bùi Ngọc Tấn...

Người chấp bút bản kiến nghị nói rõ lá thư được thảo ra "tiếp theo thư của các cháu sinh viên Trường ĐHCNTP TP/HCM gửi Chủ tịch Nước ngày 20/10/2012 và nhằm hậu thuẫn cho đề nghị chính đáng của sinh viên". Chừng 100 sinh viên đồng môn của Nguyễn Phương Uyên trước đó đã gửi thư cầu cứu khẩn cấp lên CTN Nguyễn Tấn Sang về việc mà họ gọi là sinh viên này 'mất tích'.

Trong khi đó, BBC được tin lá thư cầu cứu khẩn cấp từ các bạn học của Nguyễn Phương Uyên gửi lên ông Trương Tấn Sang 10 ngày trước "vẫn chưa có phản hồi".

(nguồn: www.bbc.co.uk)

*** Việt Nam xuất cảng gạo đứng đầu thế giới, nhưng thu chẳng bao nhiêu**

Đến tháng 10/2012: Nguồn tin của Hiệp Hội Lương Thực Việt Nam nói rằng Việt Nam có nhiều hy vọng sẽ trở thành nước dẫn đầu thế giới về xuất cảng gạo trong năm 2012, với 7,7 triệu tấn. Tin này không làm ai vui mừng vì càng sản xuất nhiều lúa gạo thì nông dân càng lỗ nặng, và vị trí này chắc chắn không duy trì được lâu.

Báo Tuổi Trẻ dẫn lời một số chuyên viên nông nghiệp, cho rằng Việt Nam lâu nay chỉ chạy theo năng suất và sản lượng nông nghiệp. Vì vậy mà nông dân chỉ chọn giống lúa phẩm chất thấp để gieo cấy, miễn sao cho năng suất cao. Hậu quả là giá lúa thương phẩm luôn thấp. Điều hệ lụy của khuynh hướng không lành mạnh này là nông dân không chỉ bị sụt giảm lợi nhuận, mà còn bị lỗ. Có người còn quả quyết rằng mặc dù có thể trở thành quốc gia đứng đầu thế giới về xuất cảng gạo, nông dân Việt Nam "nghèo vẫn hoàn nghèo".

Tại cuộc họp diễn ra mới đây tại Sài Gòn, ông Nguyễn Minh Nhị, cựu chủ tịch tỉnh An Giang, cảnh cáo chính quyền Việt Nam rằng "chớ ảo tưởng chạy theo thành tích vì dù sản lượng đứng đầu thế giới nhưng giá trị xuất cảng gạo của Việt Nam vẫn thua Thái Lan và Ấn Độ". Cũng theo ông, tin này không mang lại vui mừng cho nông dân vì lợi tức của họ vẫn sẽ tiếp tục bấp bênh; đời sống tiếp tục nghèo khổ, khốn cùng.

Báo Tuổi Trẻ cũng dẫn lời của ông viện trưởng Viện Lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long, Lê Văn Bảnh, cho rằng Việt Nam không thể duy trì lâu "kỳ tích" quốc gia có lượng gạo xuất cảng số một thế giới. Theo ông, vì bởi Việt Nam chỉ có trên 4 triệu ha trồng lúa và sản lượng hàng năm không thể vượt quá 7 triệu tấn. Trong khi đó, ông Bảnh cho biết, Thái Lan có tới 10,5 ha diện tích trồng lúa với năng suất có thể lên tới 22 triệu tấn gạo mỗi năm, nhiều gấp ba lần Việt Nam. Ông nói rằng, sở dĩ năm nay Việt Nam tăng được sản lượng gạo xuất cảng là nhờ Thái Lan cắt bớt định mức sản xuất và xuất cảng gạo, bỏ ngõ thị trường•

(nguồn: www.shcd.de)

*** Nhà nước dọa xiết đô la**

Ngân Hàng Nhà Nước CSVN vừa hoàn tất dự thảo mang tên "Pháp lệnh quản lý ngoại hối" áp dụng nhiều biện pháp xiết mua bán và thanh toán mậu dịch bằng US đô la. Nếu dự thảo này được thông qua, chắc chắn sẽ thêm nhiều công ty thương mại phá sản nếu không cố tình "đứng trên luật pháp".

Theo VNExpress, dự thảo chứa đựng nhiều biện pháp hạn chế giao dịch ngoại tệ khắp lãnh thổ Việt Nam. Bằng dự thảo này, nhà nước Việt Nam muốn gom tất cả ngoại tệ đang "trôi nổi" vào "cái két" của mình. VNExpress dẫn điều 22 của dự thảo này quy định rằng "mọi giao dịch, ký kết hợp đồng, niêm yết giá tiền... trên thị trường khắp lãnh thổ Việt Nam đều không được phép sử dụng ngoại tệ". Cũng điều 22 còn nói rằng "không ai được phép sử dụng ngoại tệ, kể cả các công ty xuất nhập cảng, trừ ngoại lệ một số trường hợp được ngân hàng nhà nước cho phép". Điều gọi là ngoại lệ này cho đến nay vẫn chưa được qui định rõ ràng. Nói khác đi, sẽ không có bao nhiêu công ty, cá nhân được phép sử dụng đô la trong các thương vụ giao dịch quốc tế.

Thực tế cho thấy thời gian qua, để chuẩn bị "quản lý đô la," các ngân hàng thương mại không có đô để bán cho khách hàng trong những trường hợp cần thiết. Vì vậy, người dân cũng như các tổ chức thương mại, dịch vụ buộc lòng phải tiếp tục "găm giữ" ngoại tệ trong két riêng của mình, bất chấp lệnh cấm của nhà nước.

Cuối cùng, dư luận cho rằng việc quản lý ngoại tệ và làm cho đồng tiền Việt Nam có giá trị sử dụng thật sự, vấn đề không phải là "xiết' hay mở. Điều chính là nhà nước phải đáp ứng nhu cầu cần sử dụng ngoại tệ của người dân như chính tài sản sở hữu hợp pháp của họ.

(nguồn: www.vnexpress.net)

*** Lạm phát tháng 10/2012 tại Việt Nam tăng 7% so với năm ngoái**

Mức giá tiêu dùng trong tháng 10 tại Việt Nam tăng với tỷ lệ cao nhất trong 4 tháng qua, khiến công tác hoạch định chính sách của chính phủ càng gặp nhiều khó khăn hơn trong lúc kinh tế tiếp tục tăng trưởng chậm.

Số liệu thống kê của chính phủ đưa ra hôm nay cho thấy chỉ số giá tiêu dùng tháng 10 tăng 7% so với cách đây một năm, tức cao hơn mức tăng 6,48% của tháng 9. Tính theo tháng thì chỉ số giá tiêu dùng của tháng 10 này tăng 0,85% so với tháng 9. Tờ The Wall Street Journal nói rằng chỉ số giá tiêu dùng Việt Nam có thể tăng đến 8% trong năm nay.

Một loạt đợt tăng mạnh lãi suất bắt đầu hồi năm 2011 đã chặn được lạm phát từng lên đến mức đỉnh là trên 20% vào năm 2011, nhưng đồng thời các biện pháp đó cũng kéo chậm lại tăng trưởng kinh tế.

Trong phát biểu hồi đầu tuần này, Thủ tướng CSVN Nguyễn Tấn Dũng thừa nhận quản lý kinh tế "yếu kém" của chính phủ, và cảnh báo rằng tăng trưởng kinh tế năm nay chỉ đạt mức 5,2% (so với mức 5,9% của năm ngoái). Và đó cũng sẽ là mức tăng trưởng thấp nhất của Việt Nam kể từ năm 1999.

Mức cầu trên thị trường Trung Quốc và Tây phương giảm đã ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam, trong khi đó hệ thống ngân hàng bị chìm ngập trong nợ xấu là dưới 10% còn theo các nhà phân tích độc lập thì lên đến 15%. Kinh tế gia Vincent Conti của ngân hàng ANZ nói rằng gánh nặng nợ xấu của hệ thống ngân hàng sẽ ảnh hưởng đến các chính sách tiền tệ, và khiến cho ngân hàng không muốn cho vay•

(nguồn: www.shcd.de

Tin thế giới

• Phan Ngọc

• Liên Âu trúng giải Nobel Hòa Bình

Dân Hy Lạp tiếp đón Thủ Tướng Merkel theo nghi lễ bồng súng chào và hình chữ Vạn. Báo chí Đức ít đề cập đến sự việc này và dân Âu Châu xem như không quan trọng. Họ muốn sống chung hòa bình cũng như mong muốn Hy Lạp ở lại vùng Euro. Trong khi Euro vượt qua đỉnh cao khủng hoảng, giải Nobel hòa bình đến như chào mừng một cuộc phiêu lưu bắt đầu từ đống đổ nát thế chiến II.

Liên Âu ra đời sau lời tuyên bố của Bộ trưởng Ngoại giao Pháp, Robert Schuman (9.5.1950) do cha đẻ Liên Âu, Jean Monnet soạn thảo: „chúng ta có chiến tranh vì chúng ta không xây dựng Liên Âu". Để ngăn cản cuộc xung đột Pháp-Đức tái diễn, Pháp đề nghị để chung than đá và thép. Cuộc hôn nhân của các nhà buôn làm cho mọi chiến tranh Pháp-Đức không thể tưởng tượng được, và không thể có về mặt vật liệu, khí cụ.

Giai đoạn II là cuộc hòa giải Pháp-Đức giữa Charles de Gaulle và Konrad Adenauer (1963). Nước này ngang bằng với nước kia. Do đó, người ta thiết lập các thành phần cuộc hội nhập Liên Âu: một công cụ và một quyết tâm, một ý chí chính trị thể hiện qua cuộc giao hảo Đức-Pháp.

Sở dĩ Liên Âu có thể ra đời là vì người ta rút tỉa bài học về hậu quả tai hại của thế chiến I: Pháp từ bỏ giấc mộng phục thù Đức. Cha đẻ Liên Âu áp đặt phải theo các thiết chế liên quốc gia để tránh khỏi trường hợp mỗi nước trở về với công việc riêng như Anh Pháp đã làm sau 1918.

Sau cùng, Mỹ loại bỏ chủ nghĩa biệt lập giữa 2 thế chiến, ở lại Âu Châu và tái thiết Âu Châu qua kế hoạch Marschall.

Nhưng không nên lẫn lộn nguyên nhân với hậu quả. Liên Âu không kiến tạo hòa bình mà hòa bình kiến tạo Liên Âu. Liên Âu mở mang phát triển vì „Pax America" và NATO bảo đảm hòa bình.

Tuy nhiên, Liên Âu biết kiến tạo hòa bình nội bộ. Sau khi 2 lần tự sát trong tiền bán thế kỷ XX, Liên Âu như đồng nghĩa với thịnh vượng. Liên Âu trở thành cỗ máy tuyệt vời có sức thu hút các nước vừa thoát khỏi nanh vuốt độc tài, tiếp đón Hy Lạp năm 1981, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha năm 1986.

Đường lối nới rộng tiếp theo bức tường Bá Linh sụp đổ cho thấy NATO và Liên Âu vẫn gánh vác hòa bình. Các nước vừa thoát khỏi Liên Xô gia nhập NATO trước khi trở thành hội viên Liên Âu năm 2004. Cuối cùng viễn tượng thu nhận Thổ Nhĩ Kỳ (hiện nay bế tắt) thúc đẩy Ankara hiện đại hóa đất nước trong những năm 2000, như Ủy ban Nobel ghi nhận.

Ngược lại, Liên Âu không đủ khả năng bảo đảm hòa bình bên ngoài. Liên Âu từ chối trở thành một sức mạnh tự quả lúc Quốc hội Pháp bác bỏ „Cộng đồng quốc phòng Âu Châu" năm 1954. Liên Âu bất lực chứng kiến chiến tranh Nam Tư bùng nổ và thảm sát Srebrenica (7.1995) và Liên Âu can thiệp tại Kosovo dưới ngọn cờ NATO năm 1999.

Lúc ấy, nhất là dưới sự cổ xúy của Bộ trưởng Ngoại giao Đức, Joschka Fischer, Liên Âu mang tham vọng xuất cảng giá trị của mình, dựa trên bài học diệt chủng Do Thái, nhưng không đạt thành công như mong muốn. Thế giới còn xem Liên Âu như nhóm quốc gia hậu thực dân, dù Liên Âu viện trợ không ít các cựu thuộc địa. Cho nên, một nhân vật thân Liên Âu đề nghị „Liên Âu phải đưa ra bản tuyên ngôn hòa bình với thế giới".

Sau đó, Liên Âu tự xem như một kiểu mẫu, tự hào về kiểu mẫu mở mang của mình, nhưng không gặt hái thành quả: năm 2009, cuộc họp thượng đỉnh Copenhague về thay đổi thời tiết cho Liên Âu gánh vác, là một thất bại.

Cuối cùng, người ta quốc hữu hóa lại nền ngoại giao như cuộc viễn chinh Anh Pháp tại Libye chứng nhận.

Hòa bình không thể lâu dài nếu thiếu vắng Nhà nước pháp quyền và thịnh vượng. Những năm gần đây, Liên Âu tung ra đồng Euro và kế hoạch nới rộng. Hòa bình nội bộ bị đe dọa. Các vụ tấn công nền dân chủ và Nhà nước pháp quyền tại Hung Gia Lợi và Lỗ Ma Ni gây lo âu. Người ta có thể nhận định khủng hoảng có thể dữ dội hơn nếu 2 nước này đứng ngoài Liên Âu.

Nhất là khủng hoảng đồng Euro gây cảm tưởng Liên Âu có thể tan rã và kiểu mẫu Liên Âu vô hiệu trước hiện tượng toàn cầu hóa. Việc tái xác nhận hội nhập vùng Euro là vấn đề sống còn, thiết lập cơ chế đoàn kết giữa 17 nước xài tiền tệ Euro chứng tỏ quyết tâm bảo vệ gia sản do các nhà tiền phong lưu lại.

Cho nên, nguy hiểm Liên Âu sa vào trò chơi của các cường quốc tạm thời đứng xa, như Âu Châu từng sa vào trò chơi ấy sau hội nghị Vienne 1815. Điều còn lại là hòa giải Liên Âu với dân tộc, một nhiệm vụ khó khăn khi thất nghiệp và suy thoái hoành hành. Giải Nobel là điều khích lệ đúng lúc.

• Georgia, một bài học kiểu mẫu cho địa phương

Giấc mộng của Tổng Thống Mikheil Saakachvili (MS) dang dở bởi một giấc mộng khác sau cuộc bầu cử ngày 1.10. Liên minh đối lập „Giấc mộng Georgia" thắng Phong trào Quốc gia thống nhất, chấm dứt độc quyền chính trị của Phong trào. Các nhà ngoại giao và báo chí Tây phương đã sai lầm. Trước đó, họ tự hỏi „Giấc mộng Georgia" phải làm thế nào để chấp nhận thất bại, không phải để quản lý thành công của mình. Họ đánh giá thấp mối oán hận của công chúng đối với quyền lực hiện hành.

Có thể đưa ra nhiều lý do để giải thích thất bại của MS: hao mòn tự nhiên của quyền hành sau 9 năm; tai tiếng bạo lực trong nhà tù 2 tuần trước cuộc đầu phiếu. Cảm tưởng bị bỏ rơi của một phần dân chúng xa lại với hiện đại. Nhà cầm quyền không biết lắng nghe tiếng nói của người dân. Hơn nữa, theo chính sách „Bôn-sơ-vít tự do", mọi chỉ trích kế hoạch cải cách xuất phát từ lực lượng phản động hoặc là âm mưu của Mạc Tư Khoa.

Nhưng tất cả điều nêu trên không thể mang đến sự luân phiên cầm quyền nếu không có chiến lược chớp nhoáng của nhà tỷ phú Bidzina Ivanichvili (BI). Trong thời gian một năm ngắn ngủi, ông đã thành công kết chặt đối lập với phương tiện tài chánh không giới hạn. Ông không có một kế hoạch tinh vi nào, nhưng những cố vấn ngoại quốc thiện chiến khuyên dùng chiến lược tuyệt giao.

Georgia sẽ tiếp tục cuộc phiêu lưu độc đáo của mình? Hãy trở về hàng ngũ và cựa quậy trong cuộc sống chung vô bổ? Thậm chí tê liệt trước các cuộc ân oán giang hồ chính trị, pháp lý? Biết vun trồng công việc làm ăn tại Nga, nơi BI trở thành tỷ phú, ông không bao giờ chuẩn bị sự nghiệp quốc gia.

Vấn đề sinh tồn có thể tiếp tục diễn tại Tbilissi? Dân chủ sẽ hòa tan trong khoảng trống hậu Liên Xô? Thời kỳ „cách mạng màu" hình như đã qua. Luồng thụt lùi quy mô xuất hiện tại địa phương đối với những ai từng tin tưởng vào 2 phép lạ: dân chủ sáng giá và giải phóng thoát khỏi bàn tay Mạc Tư Khoa. Lịch sử sẽ công nhận giá trị của Tổng Thống MS vì những thay đổi sâu rộng được ông thúc đẩy, dưới sự tài trợ của quốc tế, thái độ không thể chê trách trước thất bại. Nhưng ông không để lại một kiểu mẫu để bảo quản, để noi theo; hoặc để bổ sung.

Bỏ qua một bên tính chất đặc thù quốc gia, kiểu mẫu thống trị tại cựu Liên Xô đại thể là kinh tế chỉ huy, chuyên quyền chính trị, công an trị. Dân chủ ở đây là bề ngoài hình thức, nhân danh ổn định trật tự. Tài nguyên thiên nhiên là đầu và cuối của dây chuyền phát triển. Kiểu mẫu này gây thiệt hại vì cai quản không kiến hiệu, vì tham nhũng, vì hành chánh què quặt. Không ai đoán được tuổi thọ của nó.

Sau 21 năm. Sự tan rã của Liên Xô chưa dứt, không phải trên lãnh vực địa lý mà trên lãnh vực cơ cấu, thực hành và tâm trí. Tiến trình xơ cứng trong hỗn hợp hơi đốt dầu hỏa siết chặt nhà sản xuất và người tiêu dùng. Nó ngăn cản công dân mở mắt nhìn đến cơ quan truyền thanh thông tin đa dạng, đến một xã hội công bằng hơn, một quốc gia hiện đại hơn.

Tại Nga, với sự trở lại của Putin, hệ thống chính trị không mang ý tưởng nào khác hơn là sự sống còn của mình, và muốn như thế phải siết chặt bù-lon. Bạch Nga là một „nông trường tập thể" theo chế độ huynh trưởng và nghiện tiền cho mượn của Mạc Tư Khoa.

Tại Ukraine, từ 2.2010, thời kỳ quyền lực từ trên xuống dưới dưới sự chỉ huy của Viktor Ianoukovitch nối tiếp thời kỳ da cam. Cuộc trả thù đối lập tại Kiew tách xa Ukraine khỏi Bruxelles. Sau cùng, các Cộng hòa Trung Á thực lợi tài nguyên quặng mỏ, khóa cửa 2 lần xã hội công dân cùng lúc củng cố ảnh hưởng trên bàn cờ quốc tế.

Georgia sẽ đứng trước tai họa? Sự chuyển giao quyền hành xảy ra một cách văn minh. Nhưng lo sợ của các nhà quan sát về việc đuổi „săn bắt phù thủy", cuộc thanh trừng phần tử đối lập được xác nhận: vụ bắt giam cựu Bộ trưởng Quốc phòng và cựu Tổng Tham Mưu. BI đặt người của mình vào các nhiệm sở then chốt, tập trung quyền hành. Các nhà ngoại giao Tây phương bắt đầu lo ngại trước mặt trái sự việc: thô bạo vì thiếu vun bồi pháp luật và đồng thuận, lẫn lộn quyền lợi riêng tư và công cộng.

• Obama, người được phép mầu trong cơn khủng hoảng

Gia đình Obama trong lần đắc cử TT lần thứ hai, 6.11.2011

Sự đắc cử lần 2 của B. Obama ngày 6.11 phủ nhận khuynh hướng chính trị thịnh hành tại các nước Tây phương từ đầu cơn khủng hoảng kinh tế hiện nay. Người này người kia, các nhà lãnh đạo bị cử tri bất tín nhiệm vì hậu quả cơn khủng hoảng và biện pháp khắc khổ đề ra. Muốn đo lường sự phán xét nghiêm khắc của cử tri, không gì tốt bằng so sánh bức ảnh cuộc họp thượng đỉnh G20 từ 2009 đến 2012: Chỉ còn Thủ tướng Đức, Angela Merkel, bà phải trở lại trước thùng phiếu năm 2013. Sự chối bỏ của cử tri đặc biệt rõ nét tại Âu Châu, nhưng cũng không tha Nhật, Úc, Tân Tây Lan.

B. Obama là một ngoại lệ có tầm vóc đáng chú ý, đáng chú ý hơn bởi Mỹ là nguồn gốc cơn khủng hoảng, với sự khánh tận của Lehman Brother's năm 2008. Điều gì giúp ông thoát nạn ?

Trước nhất là điểm yếu của cuộc vận động bầu cử của Mitt Romney. Dù lòng nhiệt tình chiến thắng của phe Cộng Hòa và quyết tâm của nhà tranh đấu mong muốn bứng Obama khỏi tòa Nhà Trắng, M. Romney không thành công tập trung quyết tâm này trên con người ông. Con người ông quá trơn tru.

Thứ đến là tiến hóa dân số Mỹ làm cho lá phiếu la tinh ngày càng có cân lượng và lá phiếu này mang lợi đến cho Obama, dân chủ và Tổng Thống Mỹ da đen đầu tiên. Cơn bão Sandy thổi đến bờ biển phía Đông Mỹ cũng có thể thủ một vai trò, gây chú ý cho mọi người về tàn phá của sự thay đổi thời tiết mà M. Romney xem như không đáng kể, nhất là về lợi ích của cơ quan Nhà nước mà đảng Cộng Hòa xem nhẹ vì không có giá trị.

Nhưng những điều này không thể làm cho người ta quên khủng hoảng đang đánh thẳng vào các gia đình Mỹ: nhiều người mất nhà ở, mất việc làm vì kinh tế suy thoái từ đầu nhiệm kỳ I của Obama. Ông không thể lành lặn thoát nạn, điều không thể tránh khỏi cho ứng cử viên 2012 đã mất một phần ma lực của ứng cử viên 2008. Đối với Tổng Thống Mỹ, sự giải thoát đến từ tháng 10: thất nghiệp giảm chút ít (7,9%), phát triển hồi phục tuy ngập ngừng. Nhờ vào 2 yếu tố này, B. Obama có thể khoe lên kinh tế Mỹ bắt đầu phục hồi. Chính quyền Obama cũng có thể rêu rao không bao giờ tiêu cực trước cơn khủng hoảng: tổ chức cứu nền kỹ nghệ xe hơi, tung ra quyết định về năng lượng với sự khai thác hơi đốt từ đá phiến, với hậu quả tạo việc làm và mang trở về nước vài ngành kỹ nghệ. Chính quyền còn khai triển kế hoạch

bảo hiểm sức khỏe cho mọi người gọi là „Obamacare", có thể giảm nhẹ nét khắc khổ của cơn khủng hoảng trên 40 triệu người thiếu bảo hiểm.

Bốn năm nữa tại tòa Nhà Trắng. Một chiến thắng đẹp nhưng gay go. Nhưng phấn khởi đã đi xa. Khủng hoảng tài chánh, kinh tế sâu xa chưa dứt. Tổng Thống còn phải đương đầu với nhiều rắc rối khó khăn. Trước nhất là nguy hiểm bế tắt chính trị. Obama phải tìm thỏa hiệp với một Quốc Hội chia rẽ, theo kịch bản sống chung kể từ khi đảng Dân Chủ mất đa số tại Hạ Viện (11.2010).

Trong tình thế sống chung tay ba (Tòa Nhà Trắng, Hạ Viện, Thượng Viện), Tổng Thống phải làm thế nào để giúp nền kinh tế khỏi sa xuống vực ẩn sau vách đá tài khóa (Fiscal Cliff) ? Nhiệt tình chính trị, nhiệt tình mà người ta dùng để thỏa hiệp, mới có thể hoàn toàn thắng lợi. Nếu từ đây đến cuối năm, Dân Chủ và Cộng Hòa không đồng ý về các biện pháp thuế má, thì Mỹ sẽ suy thoái và một tỷ lệ thất nghiệp trở lên 9,1%. Con đường của Tổng Thống thật nhiều chông gai. Ông nói: „Chúng ta đã hồi phục, chúng ta đã tranh đấu để trèo lên dốc. Điều tốt tất sẽ đến", bởi như ông công nhận „cử tri đã bỏ phiếu cho ông để ông tìm việc cho cử tri, không phải cho ông".

• Mỹ trước „quả bom" tên Iran

Hồ sơ nằm trên chồng trường hợp khẩn cấp, là ưu tiên của Ngũ Giác Đài, của nền ngoại giao cũng như CIA. Nó cũng là điều bực bội chính trị, sự đau đầu ngoại giao và cơn ác mộng chiến lược. Nó mang nhãn „nguy hiểm", „chất nổ". Nó có thể là nguồn gốc một chiến tranh mới tại Trung Đông. Nó mang tên IRAN.

Viễn tượng nhìn thấy Iran trở nên cường quốc nguyên tử quân sự ám ảnh 2 bên bờ sông Potomac. Hồ sơ thuộc trò chơi phức tạp, một trò chơi với 3 người chơi chủ chốt: Mỹ và đồng minh thân cận Do Thái và một người chơi khác, thù địch với 2 người chơi kia, Iran.

Trong sự việc này, không có điều gì chắc chắn. Không chắc người bạn với lo nghĩ riêng tư; luôn hợp tác; không chắc kẻ thù sẵn sàng đi đến một cuộc dàn xếp có lợi cho đôi bên, miễn là kẻ thù ấy giữ được thể diện. Xung quanh bàn tròn, còn có chuyên viên những đòn bất ngờ. Và để cho câu chuyện thêm chút ít hấp dẫn, người ta ghi nhận nội bộ Iran và Do Thái chia rẽ.

Cuộc vận động bầu cử tại Mỹ làm cho quan điểm của Hoa Thịnh Đốn cứng rắn, ít nhất dành cho công luận. Barack Obama và Mitt Romney đều đồng ý về đồng thuận: Mỹ khẳng định Iran không thể có quả bom nguyên tử. Qua quả bom, Mỹ nhìn thấy sự phát triển hạt nhân tại Cận Đông và Cận Đông có thể trở thành một kho vũ khí nguyên tử. Mỹ tin chắc các nước Ả Rập cũng như Thổ không để cho Iran nắm độc quyền có vũ khí tối cao. Một Cận Đông với 3 hoặc 4 cường quốc nguyên tử.

B. Obama tuyên thệ cho nhiệm kỳ II ngày 20.1. Hai ngày sau, Do Thái đầu phiếu. Giả thuyết có thể xảy ra: Thủ Tướng Do Thái tiếp tục giữ ghế ngồi. Tại Jerusalem, chính trị là mối đam mê thường ngày. Báo chí nhổm ra tiếng đồn và phản tiếng đồn. Netanyahou sẽ chọn Lieberman, nhà cực đoan thù ghét chủng tộc làm Bộ trưởng Quốc phòng vì ông là người chủ trương, đơn phương đánh Iran. Thủ Tướng chia tay với Ehoud Barack, cựu lãnh tụ đảng Xã Hội tin rằng Do Thái không thể phát động nếu không có Mỹ trợ lực.

Hơn nữa, Thủ tướng và cựu Bộ trưởng Quốc phòng còn chạm phải sức chống đối của các nhà lãnh đạo quân sự và cơ quan tình báo. Họ nhận định Do Thái không đủ khả năng đánh những cú kiến hiệu. Đây là bài toán vật lý. Do Thái có bom xuyên lô-cốt GBU 27 và 28 do Mỹ sản xuất, nhưng không có phi cơ chở bom mạnh nhất của loại này GBU 57. Đa số máy ly tâm làm giàu Uranium của Iran nằm dưới núi đá tại cơ sở Fordow gần thành phố Qom. GBU 57 rất cần thiết trừ phi Do Thái thực hiện một cuộc hành quân phối hợp dội bom và đổ quân lực lượng đặc biệt.

Thủ tướng Do Thái tự cho mình vài tháng chờ đợi: Iran sẽ vượt làn mức đỏ trễ nhất vào mùa hè 2013. Vào thời điểm này, Iran bước vào cuộc vận động bầu cử. Trận chiến bầu cử sẽ dữ dội hơn giữa các phe. Nhóm chi phối thuộc lãnh tụ Ali-Khamenei. Nhóm này muốn nghiền nát nhóm của Tổng thống Ahmadinejad. Tổng thống không có quyền ứng cử sau 2 nhiệm kỳ, nhưng ông muốn đưa gà nhà tranh cử. Giới thân cận của lãnh tụ tối cao nghi ngờ Tổng thống muốn đối thoại với quỷ Satan Mỹ.

Có lẽ Mỹ sẽ không dùng sức mạnh nếu Iran vẫn là nước đứng trước ngưỡng cửa, Iran có khả năng nhưng chưa có quyết định ráp bom. Làn mức đỏ của Obama vạch ra là sự chế tạo bom nguyên tử. Nếu trừng phạt vô hiệu, chọn lựa quân sự trở lại trên bàn. Trong giả thuyết này, Iran không thể không trả đũa có nghĩa là chiến tranh đốt cháy toàn thể địa phương.

Obama phải ấn định cụ thể sự chế tạo vũ khí hạt nhân mang ý nghĩa gì và người ta hy vọng „Iran nhận thức tốt về làn mức đỏ của Mỹ".

Hai nước xa lạ với nhau từ 33 năm nay, từ 3.11.1979, ngày Iran giữ con tin tại Tòa Đại Sứ Mỹ ở Teheran. Hiện nay, Mỹ biết khá rõ nội tình Iran. Ngược lại, nhà chỉ đạo chỉ thăm viếng 3 nước ngoại quốc, những kiểu mẫu dân chủ: Iran, Trung Quốc năm 1989 và Bắc Hàn nước được ưa chuộng nhất.

• Ai Cập của Morsi và Tây Phương

Hàng chục ngàn người biểu tình ở quảng trường Tahrir-Platz

Cột trụ của ảnh hưởng Mỹ tại Trung Đông từ 1970, Ai Cập của Mohamed Morsi, nước đông dân nhất trên thế giới Ả Rập sẽ thình lình thay đổi liên kết? Là lãnh tụ Hồi giáo ôn hòa, ông sẽ trở thành kẻ thù Do Thái và tố cáo Hiệp ước Hòa bình „Trại David". Ai Cập sẽ mở biên giới với Gaza và liên minh với Hamas? Ai Cập sẽ hợp tác với Trung Quốc, gia nhập „trục kháng chiến" do Iran lãnh

đạo, ngã sang cánh đối lập thẳng thừng khối Tây Phương ?

Phải công nhận rằng chính quyền Hồi giáo tại Ai Cập chưa thực hiện cuộc đảo lộn ngoại giao và chiến lược. Ít lệ thuộc Tây phương hơn vì tiền nhiệm Moubarak, Morsi không vì thế mà quay lưng với Tây phương. Anh em Hồi giáo không phải là đầy tớ của Tây phương như Nasser khẳng định, cũng không phải là kẻ thù khôn nguôi như Moubarak nhận định. Trước hết, họ là dân Ai Cập làm chính trị theo „địa lý của họ".

Về vấn đề này, vụ nhóm Thánh Chiến đến từ Gaza tấn công đồn biên giới Ai Cập, mang đầy ý nghĩa lợi dụng cơn sốc trong dư luận trước 16 binh sĩ chết, Tổng thống ra lệnh thực hiện cuộc hành quân rộng lớn tại bán đảo Sinai mà Do Thái yêu cầu từ lâu. Cùng lúc ông ra lệnh đóng trạm cuối đường hầm Rafah nối liền Ai Cập với Gaza.

Bảo vệ chủ quyền quốc gia có ưu tiên hơn lời hứa mở lại biên giới với Hamas và với dư luận Ai Cập. Cùng lúc Ai Cập gây bối rối cho Do Thái trước yêu cầu xét lại Hiệp ước hòa bình, nhằm tăng cường sự có mặt về quân sự để chống lại các nhóm khủng bố: Bộ trưởng Ngoại giao Do Thái, Avigdor Lieberman không loại trừ khả năng của Ai Cập tập trung quân dọc theo biên giới Do Thái. Cũng liên quan đến Do Thái, Morsi khéo léo yêu cầu Mỹ áp dụng trọn vẹn hiệp ước Camp David, hiệp ước dự trù quyền tự quản của lãnh thổ Palestine. Sau tuần trăng mật kéo dài suốt mùa hè, quan hệ Mỹ Ai Cập gặp cơn thử thách nặng nề: hàng ngàn người biểu tình leo tường vào Tòa Đại Sứ Mỹ tại Cairo đập phá để phản ứng cuốn phim Video thù ghét Hồi giáo do tín đồ Thiên Chúa giáo Ai Cập thực hiện tại California. Hoa Thịnh Đốn bất bình vì Cảnh sát Ai Cập thụ động và vì 48 giờ yên lặng của Morsi. Obama biết rằng Ai Cập phải quản lý cuộc khủng hoảng chính trị xã hội trầm trọng, cần 2 tỷ đô la viện trợ và đầu tư. Lợi dụng khía cạnh này, Tổng thống Mỹ gây áp lực tuyên bố „Ai Cập không phải là kẻ thù cũng không phải là đồng minh".

Anh em Hồi giáo không muốn tuyệt giao với Tây Phương, nhưng muốn tái cân bằng sự quan hệ. Về việc này, chuyến thăm Bắc Kinh của Tổng thống Morsi là một tín hiệu mạnh. Cũng như chọn lựa ghé ngang Teheran sau khi tham dự cuộc họp thượng đỉnh các quốc gia không liên kết, Morsi đã gây thất vọng cho các nước này, thẳng thừng kết án chế độ Assad.

Rõ ràng là tân Ai Cập muốn tự xác định như một cường quốc địa phương và không tham gia trục chiến lược nào khác. Đây là ý nghĩa của sáng kiến thành lập nhóm tiếp xúc về Syrie với Iran, Saudi Ả Rập và Thổ. Sáng kiến khó đi đến thành công bởi các nước nêu trên luôn mang tham vọng tương tự và xem Syrie là bãi đất để cạnh tranh.

• Thảm kịch Syrie trước thờ ơ của mọi người

Cảnh tượng đời sống thường ngày tại Syrie. Ngày 18.10, phi cơ chính quyền dội bom tại một làng ở phía Bắc Syrie. Hỏa tiễn và bom rơi trên 2 nhà cao tầng và một nhà thờ Hồi giáo: 49 người chết trong số có 23 trẻ con. Phi cơ dội bom làm tại Nga RBK - 250 và AO – 1 SCH. Các bom này khi nổ tung ra nhiều mìn bỏ túi và giết người không phân biệt ai. Thỉnh thoảng, thủ đô Damas trở nên mục tiêu của khủng bố mù quáng, tác phẩm của các nhóm Thánh Chiến hoạt động giữa các đơn vị nổi loạn.

Hoang tàn đổ nát trong cuộc nội chiến chống độc tài Assad

Bắt đầu cách đây 21 tháng như một phong trào hòa bình phản kháng độc tài Assad, cuộc nổi loạn biến thành nội chiến với 21.000 – 40.000 người chết, hàng trăm ngàn người mang thương tật, 250.000 dân di tản trong nước, 250.000 dân tỵ nạn bên ngoài. Đổ nát bao la, thành phố tàn phá, làng mạc như đống gạch vụn.

Mùa đông sẽ khắc nghiệt. Dân tỵ nạn trú ngụ trong những lều vải, trong những điều kiện cực kỳ khó khăn cho đến nỗi một số muốn trở về nước. Tại Syrie, họ sẽ đóng trại trên đống gạch vụn, dưới làn đạn chéo của quân đội và quân nổi loạn. Syrie đang ở vào tình trạng bế tắt quân sự trước sự thờ ơ của mọi người. Hai phe, mỗi bên chỉ đạt những chiến công chiến thuật nho nhỏ không đáng kể. Hai bên không thể phân chia hơn thua. Nga, Iran, Irak, Hezbollah Liban viện trợ quân sự cho chế độ Assad. Saudi Ả Rập, Qartar, Mỹ (chỉ thiết bị truyền tin) ủng hộ phe kia. Nhưng không ai giao cho nhóm nổi loạn vũ khí nặng giúp họ chiến thắng, giúp họ vô hiệu hóa phi cơ và trực thăng chiến đấu của chế độ.

Mỹ, Âu Châu, Nga, Trung Quốc, những nước có thể ảnh hưởng đến chiến cuộc, lo sợ cuộc xung đột tràn qua biên giới. Điều đang xảy ra. Hậu quả của thái độ chờ thời hoặc gây bế tắt. Nội chiến Syrie được quốc tế hóa.

Beirut nối lại với ác mộng khủng bố (19.10) dùng xe bẩy chứa chất nổ tàn sát hàng loạt giữa phố đông người là tinh hoa của phong trào khủng bố và cũng là một trong những kỹ thuật giết người ưa thích của mật vụ Syrie. Chắc chắn nằm trên đường bắn, tướng Vissam Al-Hassan, Giám đốc cơ quan Tình báo Liban, một trong những người mạnh của Cộng đồng Sunnite, thiệt mạng trong vụ mưu sát. Nếu người ta muốn đẩy Liban vào nội chiến, tướng Hassan là mục tiêu ưu tiên. Assad thường hăm dọa: Ông nỗ lực đưa địa phương vào vòng máu lửa trước khi ra đi.

Thổ thường trao đổi đạn đại bác với Syrie. Jordanie yếu kém có thể rơi vào bất ổn vì làn sóng tỵ nạn. Nhóm dân Kurde Syrie đặt lại vấn đề thiểu số trên thế giới Ả Rập.

Toàn thể bao trùm cuộc chạm trán rộng lớn hơn. Một bên, nhánh đa số Hồi giáo với cột trụ Saudi Ả Rập hoặc Ai Cập, hoặc Thổ (không Ả Rập). Các nước này ủng hộ cuộc nổi loạn Syrie thuộc đa số Sunnite. Một bên, nhánh thiểu số Chiite dưới sự điều khiển của Iran, vài đồng

minh Ả Rập, Hezbollah Liban và Irak. Các nước này ủng hộ Assad thuộc giáo phái Alaouite ly khai Chiite.

Tại Âu Châu, Mỹ và Nga người ta nêu lên sự kiện phong trào nổi loạn trở nên triệt để, để đứng xa hoặc hỗ trợ Damas. Tổ chức nghiên cứu International Crisis Group (ICG) phân tách cân nặng của nhóm siêu cực đoan Salafite trong cuộc nổi loạn. Đối với CIG, không nên thổi phồng ảnh hưởng của nhóm này. Họ hoạt động giữa khối dân Sunnite Syrie quen thuộc với một xã hội thế tục và đa tôn giáo.

Nhưng nếu nội chiến kéo dài, nhóm Salafite sẽ giữ một vai trò quan trọng. Chiến tranh càng kéo dài bao nhiêu thì quản lý thời kỳ hậu Assad càng khó khăn bấy nhiêu. Định kiến của Mạc Tư Khoa cũng như tối thiểu xen vào nội bộ của Hoa Thịnh Đốn bảo đảm hỗn độn sẽ kéo dài. Điều này không phục vụ quyền lợi của Nga cũng như Mỹ.

• Do Thái – Hamas : phương trình mới

Cuộc hành quân mới của Do Thái chống Gaza gọi là „cột trụ phòng vệ" bắt đầu như phim đóng lại một cách hoàn hảo phim trước mệnh danh „viên đạn chì tàn nhẫn". Cũng như 12.2008, Do Thái tung ra thao tác đầu độc, thúc đẩy tổ chức cực đoan Hamas lộ diện để mở ra chiến sự.

Lúc ấy, Thủ tướng Ehoud Olmert tinh vi loan tin gạt Hamas. Tiết lộ tin tức cho biết quyết định tấn công sẽ dời lại vào ngày 28.12 để trả đũa tổ chức bắn hỏa tiễn rơi trên lãnh thổ Do Thái. Ban lãnh đạo Hồi giáo ra lệnh cho người của mình sinh hoạt bình thường, do đó 40 học viên cảnh sát chết trong vụ đội bom bất ngờ trên một trại lính Gaza ngày 27.12.

Ngày 14.11, Ahmed Jabari, chỉ huy quân sự của Hamas bị gạt trong một thao tác nghi binh tương tự: Thủ tướng Netanyahou và Bộ trưởng Quốc phòng Barak vô tư lự thị sát đồi Golan, rõ ràng thuyết phục rằng kẻ thù sẵn sàng tôn trọng cuộc hưu chiến do Ai Cập thương lượng 2 ngày trước. Sau cuộc giao tranh bằng bom và hỏa tiễn giữa Do Thái và Hamas. Một sai lầm tai hại. Vừa ra khỏi nơi trú ẩn, vị „tướng" như dân Gaza gọi, chết dưới hỏa tiễn Do Thái.

Lỗi của ai trong hiệp bạo lực này? Cộng đồng quốc tế, đứng đầu là Mỹ ủng hộ Do Thái, nhận định Do Thái của quyền tự vệ. Vì Hamas không kiểm soát được vài phần tử chuyên gây bất hòa và nhóm Thánh Chiến đối thủ. Nhưng lối tiếp cận này ghi nhận buổi ban đầu của „cột trụ phòng vệ" trở lại ngày 10.11 ngày mà 4 quân sĩ Do Thái bị thương vì hỏa tiễn chống chiến xa của Hamas, gần biên giới Gaza. Nhưng trong vụ trả thù không dứt giữa Hamas và Do Thái, vận dụng thứ tự thời gian là một nghệ thuật tế nhị. Hai ngày trước vụ tấn công của Hamas, ngày 1.11, lực lượng Do Thái thực hiện một cuộc đột nhập vào Gaza, gài Hamas ra tay trước. Vụ đột nhập bẻ gãy thời gian 2 tuần yên tịnh.

Đây là điều trùng hợp? Cuộc đột nhập cùng loại ngày 4.11.2008 đã chấm dứt cuộc hưu chiến kéo dài 5 tháng và gây nên chu kỳ tấn công phản công dẫn đến „viên đạn chì tàn nhẫn". Hai cuộc đột nhập diễn tiến năm 2008 cũng như năm 2012, trong bối cảnh Mỹ tổ chức cuộc bầu cử Tổng thống, cuộc bầu cử tập trung chú ý của cơ quan thông tin đại chúng.

Nét giống nhau dừng lại tại đây. „Cột trụ phòng vệ" không phải là „viên đạn chì tàn nhẫn" 2. Bởi trong thời gian 4 năm, 2 người chủ chiến đã rút tỉa bài học chiến tranh sau cùng tại Gaza có nghĩa là một thất bại cho cả 2.

Nếu đánh số dội bom của phi cơ Do Thái từ thứ tư 14.11 (500 vụ), số người chết tại Gaza còn thấp (23 người), dù ở phía này cũng như ở phía nọ, mỗi cái chết là một cái chết dư thừa. Do Thái thành công phá hủy khả năng quân sự của Hamas (xưởng lắp ráp hỏa tiễn, kho vũ khí, giàn bắn v.v..) cùng lúc giới hạn tổn hại phụ. Không có điều gì để khẳng định thái độ chừng mực này kéo dài trong những ngày sắp tới nếu Do Thái thực hiện cuộc đổ quân.

Phía Hamas, điều mới lạ nằm trong sự kiện kho vũ khí có thêm hỏa tiễn có thể rơi xuống ngoại ô Tel-Aviv hoặc Jerusalem: hỏa tiễn FAT5 do Iran sản xuất, có tầm hoạt động 74 km. Cho đến giờ, tầm hoạt động yếu kém của hỏa tiễn Kassam và Grad khu trú chiến tranh trong giới hạn Neguev, ngoại vi Do Thái. Vũ khí do Iran cung cấp đe dọa đưa chiến tranh vào trung tâm Do Thái. Hỏa tiễn đến Gaza dưới dạng bộ phận rời, qua đường hầm tại biên giới tỉnh Rafah, nhân dịp hỗn độn tại bán đảo Sinai sau khi Moubarak rơi đài.

Dĩ nhiên còn lâu vũ khí mới này mới có thể tạo ra „cân bằng khiếp sợ" giữa 2 phe. Do Thái hưởng được một hỏa lực cực mạnh và một khả năng răn đe. Do Thái có hệ thống IRON DOME hoạt động từ 4.2011, một cái khiên chống hỏa tiễn cực kỳ hiện đại. Trên 280 hỏa tiễn bắn lên từ Gaza, 131 bị chặn đánh. Nhưng hỏa tiễn FAT có tiềm lực gây bất ổn về tâm lý và chính trị. Nếu một FAT gây chết chóc tại Jerusalem hoặc Tel-Aviv, cỗ máy trả đũa của Do Thái sẽ khó ngăn chặn. Hamas không gì để thu được.

• Bóng dáng Trung Quốc trên chiến trường A Phú Hãn

Đây là một tiến trình mang theo nhiều hậu quả địa lý chính trị. Trung Quốc (TQ) không cần che đậy tham vọng tại A Phú Hãn. Từ đây, Bắc Kinh thủ một vai trò ngày càng tăng trong khi Tây phương khởi đầu cuộc rút quân, do đó mở một khoảng trống cần phải lấp.

Chuyến đi của Zhou Yon Kang (ZY) đến Kabul minh họa rõ ràng sự chuyển động chiến lược này. ZY không phải bất cứ ai, ông là Ủy viên Ủy ban Thường trực Bộ Chính Trị. Lần đầu tiên kể từ 46 năm nay, một nhà lãnh đạo cao cấp như thế đến thăm A Phú Hãn. Thông điệp thật hùng hồn.

ZY là một công an hạng nặng, cũng là cựu Giám đốc Công ty Dầu hỏa. Vóc dáng của ông tóm tắt 2 mối lo nghĩ của TQ tại A Phú Hãn: an ninh và dầu hỏa.

Trong lúc quân NATO khơi mào và chấm dứt sự giải cam kết cuối 2014, TQ lo sợ hỗn độn trở lại có lợi lịch trình Thánh Chiến gây tiếng vang với dân Ouigour Hồi giáo Tân Cương. Đây là ưu tiên an ninh quốc gia ở biên giới Trung Á.

Mối lo nghĩ này thúc đẩy TQ, sau vụ 11.9, tán thành cuộc hành quân lật đổ chế độ Taliban (1996-2001), chế độ này đã cho các nhà tranh đấu Taliban trú ngụ tại A Phú Hãn. Nhưng TQ chỉ hợp tác về mặt ngoại giao, không vượt qua giai đoạn bật đèn xanh tại Liên Hiệp Quốc. TQ sắp xếp tương lai, toan tính mang về lợi lộc. Thái độ bất can thiệp đã bảo tồn TQ khỏi mối oán hận địa phương. TQ ở vào vị trí tốt để đẩy tới những con chốt của mình.

Những năm gần đây, TQ ký kết khế ước khai thác đồng, dầu hỏa, trở thành nước đầu tư hàng đầu tại A Phú Hãn. Cuộc đột phá này gây không ít lo ngại cho Ấn và cuộc tranh luận sôi nổi tại Mỹ, nhất là tại Ngũ Giác Đài: 2 trường phái đối chọi với nhau.

Bên này những đầu óc buồn nản xem TQ quơ hết tiền đặt là điều bất công trong khi máu của Mỹ đổ quá nhiều (2.000 quân tử trận).

Bên kia, những đầu óc thực tiễn nghĩ rằng kế hoạch kinh tế TQ giúp A Phú Hãn củng cố quốc gia, do đó ngăn chặn Taliban trở lại. Và cuối cùng dù sao cũng phục vụ quyền lợi của Mỹ.

Trong dài hạn, đối với Tây phương, cái giá phải trả cho „Pax Sinica" có thể sẽ đắt. Bởi sau kinh tế, Bắc Kinh ngày càng chú ý đến chính trị. Trong khi mưu tính hòa giải với Taliban Mỹ bế tắt, TQ tích cực đi tìm hiệp ước hòa bình.

Quân bài mạnh nhất của TQ là ảnh hưởng đối với Pakistan, đồng minh lịch sử được TQ sử dụng để làm cho Ấn suy yếu kể từ chiến tranh Ấn - TQ 1962. Bộ tham mưu Taliban đặt bản doanh tại Pakistan, TQ sẽ thành công đưa lãnh tụ Taliban trở lại bàn hội nghị.

Lá bài khác của ngoại giao TQ là Tổ chức Thượng Hải (OCS), một diễn đàn địa phương ra đời theo sáng kiến của TQ giúp TQ gây ảnh hưởng trên Trung Á. Nay mai, các sáng kiến chủ yếu về A Phú Hãn sẽ có mặt trong khuôn khổ OCS mà Kabul sẽ hội nhập về mặt kinh tế.

Trong kịch bản này, công thức chính trị có thể khác biệt với công thức mà Mỹ và đồng minh mơ ước. Bởi TQ không bao giờ đánh giá chế độ Taliban theo đe dọa tiềm ẩn mà chế độ ấy đặt ra cho nền an ninh tại biên giới TQ. TQ không bao giờ đặt vấn đề ý thức hệ. Một chế độ Taliban cực kỳ chính thống nhưng không còn mắc bệnh Thánh Chiến rất thích hợp với TQ. TQ không bao giờ chú ý đến bản chất của chế độ. Cuối cùng những gì có được sau giai đoạn hậu 2011 có thể sứt mẻ tại A Phú Hãn.

Hậu quả thứ 2 liên quan đến địa lý chính trị địa phương. TQ ăn rễ sâu bao nhiêu tại A Phú Hãn thì TQ sẽ ở vào vị thế đè nặng bấy nhiêu lên bản đồ hành lang năng lượng tại vùng. TQ vừa đề nghị xây ống dẫn hơi đốt theo đường vòng Turkmenistan, A Phú Hãn, Tadkistan, TQ. Một âm mưu phá vỡ kế hoạch cạnh tranh theo đường vòng Turkmenistan, A Phú Hãn, Pakistan, Ấn theo ý kiến của Mỹ. Làm như thế, TQ đưa Iran vào vòng đua, như nước cung cấp cho Pakistan, Ấn, điều mà Mỹ không muốn. Hình bóng TQ trên A Phú Hãn không ngớt trang trí lại sân khấu.

● Ngoại giao Nhật suy yếu

Sự tranh chấp Nhật – Trung Quốc về quần đảo không người ở Senkaku (Diaoyu) là biểu tượng ngoại giao suy yếu của Đông Kinh. Nhật cô lập, đồng minh bỏ rơi trong cuộc chạm trán với Bắc Kinh. Mỹ thông báo quần đảo nằm dưới sự che chở của hiệp ước an ninh Mỹ-Nhật, nhưng từ chối can dự vào cuộc tranh chấp. Với sự đồng ý của Đông Kinh, Hoa Thịnh Đốn bãi bỏ cuộc thao diễn liên quan đến vụ đổ bộ lên một đảo bị ngoại quốc chiếm đóng tại quần đảo Okinawa. Nhật chỉ nhận lời khích lệ lễ phép nên giải quyết một cách hòa bình vụ tranh chấp khi Bộ trưởng Ngoại giao Koichiro Gemba viếng thăm Đức, Pháp, Anh,...; Mỹ e ngại không muốn gây nên một phản ứng của Trung Quốc.

Tranh chấp Tàu-Nhật về quần đảo Sankaku/Điếu Ngư

Trong những năm 1970-1980, Nhật là một nền kinh tế hiện đại, bây giờ mất vẻ lừng lẫy: Trung Quốc đạt chỗ ngồi kinh tế số 2 thế giới. Hai thập niên gọi là „đánh mất" (1990-2000) mà Nhật vừa trải qua đáng được đánh giá lại: về nghiên cứu, ổn định xã hội, dù bất bình đẳng và dân số già nua, trường hợp Nhật có thể mang nhiều ý nghĩa. Không thể nhận định như thế về mặt ngoại giao.

Nền ngoại giao Nhật vừa quanh co vừa không có định hướng rõ ràng. Vì nợ công cộng đáng kể, Nhật không còn có cân nặng về mặt ngoại giao hòa bình: viện trợ quốc tế. Kinh tế đình trệ chỉ là một yếu tố mất ảnh hưởng trên chính trường quốc tế. Thiếu vắng phương hướng chính trị cũng là một lý do khác. Quan hệ tồi tệ với TQ là một ví dụ. Dị đồng lịch sử giữa 2 nước không phải là điều mới lạ. Nhưng trong quá khứ, hai bên luôn kiểm soát các vụ lệch đường.

Bỏ qua một bên các chủ đề gây mất lòng để đặt ưu tiên cho quyền lợi chung của 2 nước, công việc này gián đoạn vì những cuộc viếng thăm không đúng lúc của Thủ tướng Koizumi (2001-2006) tại đền thờ Yasukuni. Một nơi thờ phượng những người chết vì tổ quốc từ thế kỷ XIX, trong số có 7 kẻ phạm tội lãnh án tử hình của Tòa án Quốc tế Đông Kinh. Trên thực tế, họ là những „anh hùng".

Đối với Bắc Kinh, thỉnh thoảng nhớ lại „điều ghê rợn" do quân Nhật gây nên từ 1931 đến 1945, những cuộc viếng thăm này, nhằm tập hợp cánh hữu và hồi phục lý lịch Nhật, xem như những thách thức. Đảng Dân Chủ, nắm quyền từ 2009, chưa bao giờ dập tắt quan hệ tồi tệ với TQ. Sau khi Thủ tướng Hatoyama sụp đổ vì toan tính nới lỏng ảnh hưởng chiến lược của Mỹ, người kế nghiệp Naoto Kann vụng về quản lý vụ tàu đánh cá TQ cố tình đụng tàu tuần tiễu Nhật (2010). Nhật bắt giam Thuyền trưởng TQ, cuối cùng phải thả để làm dịu cơn giận dữ của Bắc Kinh. Tháng 4.2012, Thống đốc mị dân Đông Kinh, Ishihara loan báo ý định thủ đô sẽ mua các hòn đảo thuộc sở hữu tư nhân Nhật. Thay vì nhắc nhở Thông đốc ngoại giao không thuộc quyền hạn của ông, chính quyền Nhật suy yếu và quá rụt rè, quyết định quốc hữu hóa hòn đảo, như thế với ý định giới hạn tổn hại. Nhưng Nhật xác nhận chủ quyền cố tình được đặt trong vòng „lờ mờ" từ khi Nhật-TQ bình thường hóa quan hệ (1972). Lúc ấy, TQ công nhận Nhật có quyền quản lý Senkaku, nhưng muốn sau này 2 bên sẽ giải quyết vấn đề chủ quyền. Hai bên nhắc lại nguyên trạng lúc ký kết hiệp ước hữu nghị 1978. Nhưng Đông Kinh xem đây là ý kiến của

Bắc Kinh thôi, nhưng cũng không dứt khoát bác bỏ. Nếu Thống đốc Đông Kinh muốn gây nên cơn khủng hoảng với TQ, thì ông đã thành công xô đẩy Nhật vào cái bẩy. Cựu Đại Sứ Uichiro Niwa nhận xét „chúng ta không bao giờ để cho nỗ lực của nhiều Thủ tướng tan rã, nỗ lực duy trì quan hệ tốt với TQ".

Theo nhà ngoại giao Ukeru Magosaki „những nhà chính trị và dư luận nghĩ nên đối đầu với TQ; nhưng một nền ngoại giao chỉ theo đuôi dư luận thường là đi ngược với quyền lợi quốc gia". Điều khích lệ duy nhất cho chính quyền Noda: yêu sách của Bắc Kinh đã gây nên sự bực bội địa phương. Nhưng đây không phải là thành quả của một nền ngoại giao tinh tế.

• Sự suy tàn của Bo, di sản của Mao

Trung Quốc của Đặng Tiểu Bình ra đời để chống lại sự quá độ của chủ nghĩa Mao, với sự loại trừ đấu tranh giai cấp, thiết lập một chính quyền tập thể và sự chuyển tiếp quyền hành trong vòng trật tự. Và dựa trên một thỏa hiệp kỳ quặc được công bố sau khi đảng Cộng Sản phong tỏa cải cách chính trị sau biến cố Thiên An Môn 1989: vừa là cộng sản vừa là tư bản. Duy trì vai trò lãnh đạo của đảng cùng lúc mở thông xã hội và kinh tế vào vòng tranh đua. Bo Xilai, mà đảng cộng sản vừa loại trừ chờ để mang ra tòa, là hiện thân sống động của sự sai biệt này: ông thủ vai trò đỏ tại Trùng Khánh bao nhiêu thì ông nổi tiếng bao nhiêu tại lãnh địa Dalian bấy nhiêu bởi ông tích cực ủng hộ các nhóm tư nhân hiện nay có chỗ đứng vững chắc tại TQ.

Tầm rộng lớn bản cáo trạng vì lạm quyền và tham nhũng chống Bo, nâng lên cao tiền đặt ván bài chính trị cho ê-kíp lãnh đạo mới Xi Jing va Li Ke Qiang, sau đại hội đảng 8-14.11: tân tập thể tối cao của chế độ phải tìm ra những giải đáp đáng tin cậy cho những sai lầm mà hội viên quan trọng của giai cấp quý tộc đỏ, được dò ý để bước vào Ủy ban Thường trực đảng CS cách đây gần 1 năm, là vật tế thần tìm được.

Hai biến động vừa dai dẳng vừa là một biểu tượng cao. Biến động thứ nhất là sự tương quan đến chủ nghĩa Mao. Phỏng theo thuyết ý chí xã hội của „tân tả phái" TQ và những tư tưởng của giới tân Mao-ít, „kiểu mẫu Trùng Khánh" do Bo vận dụng, mưu định sữa chữa điều lệch lạc của „kinh tế xã hội thị trường" (bất bình đẳng, tham nhũng ...). Bo ra lệnh thực hiện các cuộc thanh trừng triệt để, nhân dịp chiến dịch chống Mafia, nhân danh đạo đức nguyên thủy; thanh khiết cách mạng. Nhưng „tội lỗi trọng đại của nhà kiến trúc từ đây làm cho giải pháp cai quản này mất tin cậy.

Vợ chồng Gu Kailai và Bo Xila

Điều này dẫn đến biến động thứ hai: tham nhũng quy mô giữa những gia đình và những bè phái lãnh đạo mở rộng. Với những gia tộc và những đồng minh trong các vụ làm ăn, Bo Xilai và vợ là tiêu biểu của sự dàn xếp này „1 gia đình, 2 hệ thống" – trong gia đình, 1 người làm chính trị, những người khác kinh doanh buôn bán - Đầu 2000, nhà nghiên cứu He Qinglian đã tố cáo đồng thuận này giữa hàng ngũ quyền hành. Công cụ chống tham nhũng hiện nay nể nang những chiến lược sinh lợi này, cho phép thu hút những gia đình lãnh đạo công nhận kinh tế thị trường.

Tại Trùng Khanh, Bo ca tụng quá đáng nền „văn hóa đỏ" kết hợp với Mao và sử dụng lại những phương pháp giải quyết nhanh đối với những „kẻ thù nhân dân". Tất cả trong mục đích vừa tẩy sạch vừa chính trị: nắm lại quyền hành từ hậu cứ Trùng Khánh, nơi mà ông hoàng đỏ xem như bị lưu đài năm 2007. Cho nên sau khi Bo rơi đài, báo chí chính thức tố cáo Bo Xilai đã sử dụng „một kiểu mẫu chính trị sai lầm (cách mạng văn hóa) dẫn đến một tai họa chưa từng có".

Mặt khác, cũng trong tinh thần „quyết nghị về vài vấn đề của lịch sử đảng từ khi thành lập Cộng Hòa Nhân Dân". „Câu chuyện thương lượng" về gia sản Mao, được đảng CS thông qua năm 1981, gán cho Mao „sai lầm khuynh tả trầm trọng, nhưng bảo tồn những gì còn lại của sự đóng góp của Mao, theo công thức nổi danh „Mao là 70% tích cực 30% tiêu cực" của Đặng Tiểu Bình. Thủ tướng Ôn Gia Bảo cũng nêu lên nghị quyết này để công khai loan báo Bo Xilai thât sủng.

Nhưng nếu đảng CS nhắc lại không nên vượt qua làn mức liên quan đến lối khuynh tả, là vì công việc kiểm kê gia sản Mao năm 1981 bắt đầu đáng ghi nhớ, và dựng Mao sống lại với ý chí chính trị và quốc gia dân tộc chủ nghĩa tại TQ hậu Thiên An Môn đang đạt đến giới hạn cuối cùng.

Trong 3 thành phần của chế độ, lý thuyết đấu tranh giai cấp đã đi vào lãng quên. Còn lại „chủ nghĩa xã hội" của chế độ kết hợp với thanh khiết đạo đức và thuyết ý chí của những năm thiếu thốn. Tại TQ sung túc, „chủ nghĩa xã hội" đã mất tín nhiệm, và hành động kỳ quái của Bo đánh vào „xã hội chủ nghĩa" một cú đau đớn. Cho đến nỗi ầm ỉ làm ô nhiễm cột trụ cuối cùng của chế độ, sự thống trị của độc đảng. Và mang ra ngoài ánh sáng không biết bao nhiêu tham nhũng và lạm quyền có lẽ sẽ dẫn đến việc xem Mao là nguồn gốc của „tội lỗi nguyên thủ".

Trong một cuộc hội thảo, Torbjörn Lodén, Giáo sư Thụy Điển tại Đại học City University Hong Kong giải thích tham nhũng „xuất phát từ độc quyền chính trị của đảng và khả năng mà tập đoàn cai trị rút tỉa từ độc quyền này để ban ân huệ cho thân quyến hoặc đồng minh trong "giới làm ăn" hơn là từ sai lệch của chủ nghĩa tự do kinh tế, kẻ thù của người tân Mao-ít. Khi hạ bệ Bo Xilai phải chăng đảng cộng sản TQ nhận ủy quyền thanh toán một vạt gia sản Mao ?

• Phan Ngọc

Cung Chúc Tân Xuân

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau xót báo tin cùng tất cà thân bằng, quyến thuộc, bạn bè thân hữu:
Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại, Bà Cố của chúng tôi là:

Bà HỨA THỊ HAI

Pháp danh: *Nhuận Như*

Sanh ngày 08.05.1926 (Âm lịch)
Đã tạ thế ngày 30. 08. 2012
(nhằm ngày 14 tháng Bảy năm Nhâm Thìn)
tại tư gia Giồng Cấm, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.
Thượng thọ 87 tuổi.
Lễ an táng ngày 04. 09. 2012
(nhằm ngày 19 tháng Bảy Âm lịch tại đất nhà)

Đồng thời gia đình chúng con/chúng tôi chân thành cảm tạ và tri ân:

- Quý Sư trụ trì chùa Bửu Thọ và Ban Hộ Niệm Tân Hiệp, Kiên Giang.
- Quý Sư và Sư Cô trụ trì chùa huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang và Ban Hộ Niệm.
- Quý Ni và Sư chùa Triều Châu ở Sóc Trăng.
- Ban nhạc kèn tây ở Kiên Giang.
- Hội Kim Hoàn tỉnh Kiên Giang.
- Quý Thông Gia, thân bằng quyến thuộc và tất cả bà con láng giềng gần và xa.

Kính thưa tất cả quý vị, chúng tôi vô cùng biết ơn đến sự quan tâm, lo lắng, giúp đỡ, hộ niệm, tụng kinh chủ lễ, chia buồn và phúng điếu của quý vị đối với gia đình chúng tôi.

Trong lúc tang gia bối rối chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ sót, kính xin Quý Vị, quý Hội đoàn, quý Thông gia và bà con xa gần hoan hỷ bỏ qua những điều bất như ý nếu đã xảy ra.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát

Tang gia đồng cảm tạ

-Trưởng Nữ: Lâm Tuyết Vân, Chồng và các con (Canada)
-Trưởng Nam: Lâm Nghiệp và Vợ (Đức quốc)
-Thứ Nam: Lâm Thành Khôi, Vợ và các con (Đức quốc)
-Thứ Nam: Lâm Thành Chí, Vợ và các con (Việt Nam)
-Thứ Nữ: Lâm Tuyết Hoa, Chồng và các con (Việt Nam)
-Thứ Nam: Lâm Thành Vũ, Vợ và các con (Đức quốc)
-Thứ Nam: Lâm Thành Hỷ, Vợ và các con (Việt Nam & Đức quốc)
-Thứ Nam: Lâm Thành Liết, Vợ và các con (Đức quốc)
-Thứ Nam : Lâm Thành Nghĩa, Vợ và các con (Đức quốc)

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng con/chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu xa gần: Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại của chúng con/chúng tôi là :

Bà Quả Phụ TRẦN NGỌC KÝ
Nhũ danh LIÊU THỊ TƯ
Pháp danh Thiện Nghì
Sinh ngày 12.03.1928
Đã mệnh chung ngày 30.09.2012 nhằm ngày 15 tháng 8 âm lịch năm Nhâm Thìn tại Göttingen, Đức Quốc.
Thượng thọ 85 tuổi.

Tang lễ đã cử hành ngày 04.10.2012

Đồng thời chúng con/chúng tôi chân thành cảm tạ và tri ân:

-Hòa Thượng Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác.
-Đại Đức Thích Hạnh Giới, Trụ Trì chùa Viên Giác.
-Đại Đức Thích Hạnh Định, Trụ Trì chùa Phật Linh, Việt Nam.
-Anh Chị Em Ban Hộ Niệm tỉnh Göttingen:
-Gia đình Thông Gia ở Việt Nam và Đức Quốc.
-Cùng tất cả bạn bè thân hữu xa gần, anh chị em đồng hương đã điện thoại, Email chia buồn, phúng điếu, hộ niệm, giúp đỡ cùng đến tham dự tang lễ và tiễn đưa Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại chúng con/chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ sót, kính xin Chư Tôn Đức và Quý Vị niệm tình tha thứ.

Tang gia thành kính tri ân và kính bái :

-Trưởng Nam: Trần Ngọc Trí, Vợ và các con Diệu Hiền, Mai Thi, Ngọc Huy.
-Trưởng Nữ: Trần Thu Hà, Chồng và các con Dương Huỳnh Ngà, Phượng, Pascal.
-Thứ Nam: Trần Ngọc Huệ.

- Định kỳ hàng tháng năm 2012 -

• Qua Trương Mục số 870 1633

Đỗ Thị Hồng Hạnh (Augsburg) 10€. Nguyễn Thị Nam Dương (Neu-Ulm) 5€. Lâm Thị San (Freiburg) 5,11€. Trần Văn Dân (Konstanz) 5,11€. Trần Thiện Thảo (Paderborn) 5,11€. Đặng Quốc Minh (M'Gadbach) 5,11€. Nguyễn Thị Bích Lan 10€. Nguyễn Thị Hồng Quyên (München) 10€. Phùng Văn Châm (Regensburg) 10€. Nguyễn Ngọc Diệp (Darmstadt) 10,23€. Nguyễn Thị Tường Nhân (Nürnberg) 10,23€. Nguyễn Quốc Định (Neuss) 10,23€. Sabin & Trương Trần Vũ (Krefeld) 20€. Phạm Đăng (Kassel) 25,56€. Erren Patrick 5€. Đặng Tú Bình (Paderborn) 5€. Phùng Văn Thành (Stuttgart) 5€. Nguyễn Danh Thắng (Mannheim) 10,23€. Phạm Công Hoàng (Tostedt) 25,56€. Đỗ Văn Hoan (Cuxhaven) 2€. Trần Thị Kim Lê Đồng Lê 5€. Lê Văn Đức 5,11€. Nguyễn Thị Liên Hương (Berlin) 10€. Nguyễn Thị Ngọc Anh (Münster) 10€. Uông Minh Trung (Hannover) 10€. Lê Chính & Thị Tâm (Erlangen) 10,23€. Nguyễn Đức Lương (Stuttgart) 15€. Nguyễn Hòa (Hamburg) 15€. Hồ Vĩnh Giang (Rethen) 20€. Nguyễn Thúy Hồng (Göttingen) 30€. Hoàng Thị Giòng (Hannover) 20€. Trương Chánh (Friesoythe) 15,34€. Nguyễn Phan Hoàng Tùng 20€. Nguyễn Thị Bích Hợp Văn Hiếu (Köln) 5€. Dieter Maier Lâm (Neu-Ulm) 10€. Nguyễn Tấn Tài (Burgwedel) 5€. Hà Ngọc Kim 10€. Đặng Ngân Hà 20€. Nguyễn Ngọc Đường (Hamburg) 5,11€. Nguyễn Thị Nhung (Regensburg) 5€. Young Thị Thanh (Ansbach) 10€. Nguyễn Hữu Mừng Chi (Wuppertal) 10€. Ngô Thị Thắng (Frankfurt) 10,23€. Nguyễn Văn Chín (Spaichingen) 10,23€. Trần Văn Khánh 10,23€. Lê Huế (Regensburg) 15€. Văn Lực (Kleinrinderfeld) 15,34€. Thái Kim Sơn (Südbrookmerland) 40€. Thái Quang Minh (Erlangen) 51,13€. Nguyễn Thanh Hải (Berlin) 10€. Lý Lăng Mai & Kiến Hoàng (Saarbrücken) 15€. Văn Công Trâm (Iserlohn) 25€. Trần Hiếu Hương Trần 5€. Lê Thị Tuyết 20€. Nguyễn Ngọc Hà 5,11€. Trần Bạch Hùng 5,11€. Nguyễn Văn Phương (Delmenhorst) 10,23€. Phạm Văn Dũng 6€. Lê Minh Sang 15€. Hà Văn Tư (Wesel) 15€. Phạm Thị Mai (Hildesheim) 16€. Lâm Thành (Lingen/Ems) 50€.

• Qua Trương Mục số 870 3449

Võ Thị Mỹ (Nürnberg) 5€. Lâm Vĩnh Phong (Schweinfurt) 5,11€. Huế Wollenberg (Moers) 10€. Võ Văn Hùng (Tüttlingen) 10,23€. Liêu Thái Hòa (Weingarten) 10,23€. Huỳnh Thị Chăng (Hamburg) 15€. Thái Vân Anh (Aurich) 20€. Nguyễn Thanh Ty (Recklinghausen) 25,56€. Đỗ Ngọc Oanh (Garbsen) 6€. Vương Khắc Vũ (Borkum) 10€. Hứa Thiện Cao 10€. Tôn Thúy 10€. Wiriya Trần Văn Sang 20€. Phan Hồng Nghiệp & Quỳnh Trâm 5€. Thúy Trần (Karlsbach) 50€. Trần Tân Tiếng (München) 10,23€. Hugo Cardenas (Hannover) 16€. Vũ Quang Tú (Seelze) 25€. Nguyễn Thị Ngọc Thảo (Ebersbach) 15€. Trần Thanh Pháp (Hannover) 20€. Trịnh Trương Minh Hà (Mannheim) 20,45€. Huỳnh Thiện Khiêm 5€. Nguyễn Thị Thu 10,23€. Michael Le (M'Gladbach) 5€. Nguyễn Thị Thu Hương (Emden) 5€. Cao Minh Miễn (Berlin) 5,11€. Võ Thị My (Denkelheim) 10,23€. Lai Khánh Vân (München) 10,23€. Nguyễn Thị Diệu Hạnh 15€. Cao Thị Thu Cúc 10€. Phan Thị Dương (Mannheim) 25,56€. Vũ Thị Minh Hằng (Karlsruhe) 30,68€ •

Hộp Thư Viên Giác

Trong thời gian qua VIÊN GIÁC đã nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và các Văn Thi Hữu khắp các nơi gửi đến.

• THƯ TÍN

- Đức: HT. Thích Như Điển, Phan Hưng Nhơn, Quỳnh Hoa, Lương Nguyên Hiền, Phù Vân, Đan Hà, Giang Phúc Đông Sơn, Tường Lam, Trần Phong Lưu, Phan Ngọc, Lê Ngọc Châu, Đỗ Trường, Hoa Lan, Nhựt Trọng Trần Văn Minh, Nguyên Hạnh HTD, Trần Thị Hương Cau, Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp, Trương Thị Diệu Phương, Nguyễn Quý Đại, Ngô Văn Phát.

- Pháp: Hoang Phong, Cư sĩ An Tiêm Mai Lý Cang, Tiểu Tử, Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ, Võ Đức Trung.

- Thuy Sĩ: Song Thư TTH.

- Hoa Kỳ: Nguyễnphúc Bửu Tập, Cư sĩ Liễu Pháp, Thích Minh Chánh, Nguyễn Hữu Lễ, Trần Văn Giang, Trần Đình Nam, Dr. Nguyễn Đình Tuyến, Nguyễn Phan Ngọc An, Thylanthao, Mạc Phương Đình, Nguyên Thọ Hà Ích.

- Canada: MD Nguyễn Thượng Chánh, Thái Công Tụng, Trần Gia Phụng.

- Úc Đại Lợi: Quảng Trực Trần Viết Dũng.
-

• KINH SÁCH & BÁO CHÍ

- Đức: Für die Menschen Recht Nr.9; Buddhismus Aktuell Nr.4/2012; Development and Cooperation Nr.10, 11 & 12; Entwicklung und Zusammenarbeit Nr.10, 11 & 12; Dân Chúa Âu Châu số 361 & 362. Thông Tin số 58 & 63; Lassalle Haus-Jahresprogramm 2013; Wissen und Wandel Nr.11 & 12; Buddha-Haus Allgäu- Programm 2013 + Mitteillungbaltt 2012/2013.

- Pháp: Khánh Anh số 93; Tiếng Nói Người Việt Quốc Gia số 66.

- Thụy Sĩ: Mục Vụ số 310 & 311.

- Hòa Lan: Hội Thánh Tin Lành VN Niềm Tin số 69.

- Hoa Kỳ: Chan Magazine Autumm 2012. Bồ Đề Hải số 85.

- Đài Loan: Chien Fo Shan Magazine Nr.269.

- Việt Nam: Tu tập chỉ quán Tọa thiền pháp yếu. Tứ phần Tỳ Kheo Ni giới bản. Thích Nữ Trí Hải lược dịch do HT Thích Giác Toàn gửi tặng•

Phương Danh Cúng Dường

(Tính đến ngày 01.12.2012)

Trong thời gian gần đây, Chùa Viên Giác có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Dường, Tu Bổ Chùa, Ấn Tống Kinh, Pháp Bảo hoặc trả tiền bánh trái v.v...

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không rõ chuyển tiền dùm cho ai để Cúng Dường hoặc thanh toán vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhớ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cúng Dường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày?... tháng?.... để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chưa có tên trong danh sách. Chùa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449 thì Một Tháng ngân hàng mới báo một lần, nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Tu Viện Viên Đức cũng đã có số Konto (xin xem phía sau). Kính xin quý vị thông cảm cho.

Thành thật cám ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách PDCD của quý Đạo Hữu & Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ **ĐH** (Đạo Hữu) ở bên trên.

*** TAM BẢO**

ĐH. Huỳnh K. (Karlsruhe) 30€. (CH/Hannover): Trần Quang Minh 60€. Trần Mạnh Thắng 100€. Đỗ Thái Bằng 30€. Bành Tâm Sơn (Wiesbeden) 10€. (France): Trương Thanh Thủy 50€. Dương Thị Ngọc Thảo 20€. Dương Văn Mạnh & Monique 50€ HHHL Nguyễn Thị Diệu Pd Diệu Kế. Trần Thị Thanh & Đặng Thanh Toàn 15€. Lê Thị Kim Thúy 30€. Phan Teo 40€. Đồng Hạnh 40€. Đỗ Như Tuyên 20€. Huệ Thông Dương Hồng Yến 20€ HHHL Thân mẫu Nguyễn Thị Diệu Pd Diệu Kế. Gđ. Nguyễn Thị Hồng Mận 20€. Đồng Vân 20€. Gđ. Lương Xuân Quỳnh, Đồng Liên Hoàng Minh Đức, Đồng Thành Lương Đức Trung & Lương Đức Trọng 20€. Trần Giang Trung & Hoàng Thị Đào 20€. Nguyễn Dương Huy 10€. Trần Văn Hoàn 20€. Lê Vinh Sơn & Nguyễn Thu Giang 20€. Viên Hòa Trần Mỹ Linh 40€. Lê Thị Thanh Hiền 5€. Phạm Thị Thu Hương 10€. Mạc Đức Việt 50€. Hoàng Kim Tuấn 9€. Thiện Hiếu, Quảng Hạnh & Thiện Hảo 20€. Nguyễn Ngọc Trinh 10€. Phạm Thị Nhung 10€. Trần Minh Hai 10€. Phạm Quỳnh Nga & Nguyễn Trọng Long 20€. Nguyễn Bích Thủy 20€. Lê Nguyên Phúc 10€. Quý Đạo Hữu & Phật Tử ẩn danh 554€. Diệu Tài Trần Ngọc Anh 10€. Gđ. Đồng Tháp, Đồng Ngọc Katy, Đồng Tú Kevin, Thiện Dinh 254,75€. Nguyễn Thi Xe 25€. Nguyễn Thị Liên Anh 41,22€. Trần Thị Thanh & Đặng Thanh Toàn 15€. Lê Thị Kim Thủy 30€. Thiện Nghĩa Đỗ Ngọc Trọng 50€. Nguyễn Linh (Đồng Châu & Đồng Trí) 50€. Fam. Ta 40€. Nguyễn Viết Trí Thành 10€. Thạch & Lợi 20€. Nguyễn Đức Vương 10€. Nguyễn Văn Đô 40€. Đồng Vận Nguyễn Thị Bạch Tuyết 40€. Vũ Thị Tuyết Bình 10€. Phạm Dần Cường, Nguyễn Nguyệt Ánh & Phạm Cát Nguyệt My 10€. Nguyễn Thị Ánh Hồng 20€. Quý ĐH & PT ẩn danh 265€. Quý ĐH & PT ở Na-Uy 150€. Gđ. của HL Yin Wor Loeny 300€. Thiện Từ 30€. Âu Kim Phụng 10€. Diệp Chi Lan, Huỳnh Ái Nhân & Trương Thị Hồng Phúc 30€. Fam. Hiền, Andreas 20€. Trần Lâm Hiền & Lâm Kim Ngân 10€. Thiện Đức 50€. Thanh Ly Trần 5€. Ngô Thị Giang Tân 40€. Nguyễn Thị Minh 10€. Gđ. Thắng & Hà 20€. Gđ. Diệu Loan 20€. Quý Đạo Hữu & Phật Tử ẩn danh 90€. Gđ. Trần Thiếu Chinh 1.520€ cúng 49 ngày HHHL Trần Thiếu Chinh. Gđ. Nguyễn Đức Lương 10€. Nguyễn Thị Dâu 20€. Đồng Vũ Nguyễn Hồng Điệp 20€. Chakjtsana Kovitchayapron, Sopa Nachtigall & Uwe Nachtigall 10€. Phạm Thị Nhung 10€. Natacha Perez Jonzshek 10€. Quý Phật Tử Thọ Bát Quan Trai 255€. Quý Đạo Hữu & Phật Tử ẩn danh 150€. Hồ Xuân Anh 10€. Diệu Thiện Liên Tố Linh 10€. Nguyễn Mary Thục Mai 5€. Gđ. Sái Thị Hương Hoa & Đinh Văn Khánh 10€. Vũ Thị Hồng Vân 10€. Diệu Hiệp Nguyễn Thị Hoa 10€. Tạ Thanh Bình 20€. Lê Nguyên Phúc 50€. Đỗ Thị Mãi 2€. Kim Chi 20€. Quý Phật Tử ẩn danh 30€. Phạm Thị Bạch Lan (München) 10€. Đoàn Thị Mỹ Lộc (Bendorf) 50€. Thiện Đức Nguyễn Hữu Nghĩa (Wesseling) 200€. (Belgique): Tâm Huệ Nguyễn Thị Duyên 20€. (Buxtehude): Trần Kim Anh & Trần Văn Hiếu 30€. (USA): Trần Văn Triết 222,54€. Gđ. Dung & Minh Trần 146,14€. Gđ. Thị Phước & Thị Hạnh 146,14€. Hà Tú Nghi 99,74€ HHHL Hà Hào Đức. Các HL Trương Xương Hùng, Phan Lệ Hoa, Trần Đăng, Ngô Phúc và Ngô An (Ingelfingen) 50€. (Buchholz): Lê Thị Ngọc Hân 30€. Phan Thị Cúc & Phan Lạc Giản (Ile de Reunion) 50€. Tạ Tú Văn (Wallenhorst) 20€. Triệu Hưng, Triệu Phú, Triệu Thảo Mi & Đồng Liên Lê Thị Kiều Diễm (Trier) 30€. Nguyễn Thanh Hồng (Pfarrkirchen) 100€. Gđ. Nguyễn Quang Chánh & Nguyễn Thanh Thủy (Neumünster) 100€. Ngô Thị Gái (Cloppenburg) 30€. Nguyễn Thị Thế Phượng (Hof) 20€ HHHL Thân phụ Nguyễn Văn Thuận. (Garbsen): Đào Thị Tú Uyên 250€. (Hannover): Thu & Tứ 25€. Ma Thị Thanh 10€. Nguyễn Xuân Thu 10€. Nguyễn Thị Mỹ Dung & Nguyễn Văn Tây 20€. Đồng Thủy Vũ Thị Hồng Vân & Nguyễn Quang Thủy 20€. Hà Thị Phương Thanh & Vũ Hannah 5€. Sư Cô Hạnh Bình 100€. Gđ. Châu Thị Cúc 20€. Ngụy Nhật Thử 20€. Thiện Phú Lê Thị Bích Lan 50€. Đồng Hạnh Bùi Thị Thu Dung 10€ (Vía Địa Tạng Vương Bồ Tát). Đồng Kim Ngụy Minh Thúy 30€. Nguyễn Quang Hưng 20€. Đồng Hạnh 10€ HHHL Lê Văn Hùng. Đồng Hạnh Bùi Thị Thu Dung 10€. (Bremen): Lê Văn Anh 10€. Lương Bá Truyền 50€ cúng chư Hương Linh. Đồng Liên Nguyễn Thị Huệ 100€ cúng chư Hương Linh. Nguyễn Thế Minh 50€. (Laatzen): Viên Tuyết & Phan Thị Hoa 100€. (Hildesheim): Gđ. Thiện Hà 20€. Phạm Văn Dũng 50€. Lưu Hoài Anh & Nguyễn Thành Vinh (Spiekeroog) 20€. (Celle): Nguyễn Thị Hồng Diệp 40€. Fam. Dương 15€. Đoàn Văn Tuân (Aalen) 20€. Diệu Huyền Hoàng Thị Hải (Việt Nam/Hải Phòng) 10€. (Braunschweig): Nguyễn Thị Cẩm Anh 10€. HL Khai Tâm Liên Hoa Giáp Văn Lai 200€. Đồng Liên 10€. Lam Moon Wo (Schneverdingen) 100€. Vi Văn Tứ (Uslar) 10€. Phạm Thị Tuyết & Phan Minh Tuấn (Wittenberge) 5€. Nguyễn Hữu Mạnh

(Ibbenbüren) 5€. (Göttingen): Gđ. Trần Thu Hà 40€ HHHL Liêu Thị Tư Pđ Thiện Nghì. Thiện Vân 30€. Gđ. Trần Ngọc Trí & Diệu Hiền 400€ HHHL Liêu Thị Tư Pđ Thiện Nghì. Trần Thu Hà & Dương Huỳnh Ngà 400€. Trần Ngọc Huệ 500€ HHHL Liêu Thi Tư. Ẩn danh 150€ HH cầu an Trần Hữu Nhơn, Ngụy Xu Keo & Trần Hữu Kính. Hoàng Thị Thu Trang (CH.Séc) 20€. Nguyễn Hồng Nhung Schimming (Augsburg) 50€. Đào Thị Hồng Nguyên (Edewecht) 25€. (Stuttgart): Bùi Mạnh Hùng 16€. Bùi Hải Lâm & Nguyễn Thị Chung 100€. Susanne Weis (Bingen) 15€. Nguyễn Văn Tân (Giessen) 20€. (Bonn): Nguyễn Kim Nguyên 50€ HHHL Đồng Trí Nguyễn Đông Hải. Trương Thu Hương 50€. Nguyễn Quốc Thông 50€. Ludwig Thị Thanh (Wittlich Wengerohr) 30€. Casanova Nguyễn Thị Thái Lan (Solothurn/Schweiz) 80€. Robert Weber Thị Thúy Phương (Frechen) 20€. Trần Văn Danh & Trần Thị Phúc (Nürnberg) 30€. Lương Eddie (Minden) 70€. Trịnh Thị Tươi 20€. Trần Thị Thủy 50€. Lưu Tuyết Lan 50€. Đỗ Thị Cẩm 50€. Thiện Kim 100€. Chi Hội PTVNTN Wiesbaden 700€. Đồng Đạo 50€. Dương Thị Ngọc Liên (Überlingen) 50€. Ngu Anh Vinh & Võ Kim Hoa (Kaufbeuren) 50€. Trần Văn Tích (Ludwigshafen) 100€. Nguyễn Thị Kim Yến (Essen) 50€. Trương Ngọc Liên (Wiessbach) 50€. Quý ĐH & PT ẩn danh (CA/USA) 3.750,14€. (Bielefeld): Gđ. Đồng Phước Phạm Thị Lanh 240€. Bùi Thị Bích Ngọc & Bùi Thị Hà Châu (Berlin) 10€. (Leipzig): Dương, Han 20€. Herrfürt Thị Kim Dung 10€. Nguyễn Xuân Phong & Trần Thị Thanh Tân (Soltau) 20€. Trần Văn Thắng & Vũ Thị Bình (Lehrte) 10€. Diệu Ngọc Phạm Thị Lang (Rostock) 10€. Diệp Thị Phước (Konstanz) 30€. Nguyễn Thị Chuốt (Österreich) 50€. (Rheine): Thao Vo 20€. Hùng & Lan 50€. Thu & Linh 20€. Trần Thị Lang (Münster) 50€. Fam. Marie Nodelle Kunde (Rehburg-Loccum) 50€ HHHL mẹ Nguyễn Thị Diệu Pđ Diệu Kế. (Steinfurt): Quân & Yến 20€. Thuận Thúy 20€. (Koblenz): Hoàng Xuân Hùng 50€. Chi Hội PTVNTN Koblenz & VPC 800€. Thiện Đạo Phạm Lạc 100€. La Ngọc Hà 50€. Ẩn danh 100€. (Frankfurt): Liu Chong Sheng 10€. Thiện Thủy 100€. Diệu Giới 50€. Đồng Tụy 50€. Hà Thị Phương Thanh (Homburg/Saar) 20€. Lâm Thành Kiếm (Duisburg) 30€ cầu an Huỳnh Cao Minh. Gđ. Trương Quốc Dũng 40€. Gđ. Lý Quốc Thái (Lüdenscheid) 20€. Nguyễn Vinh Thao (Aschaffenburg) 10€. Nguyễn Đức Hiệp & Phạm Thị Vân, Nguyễn Hiệp Đức, Phạm Thị Hà Vy (Aschersleben) 50€. Trần Lanh (Wuppertal) 20€. TSANG (Holland) 30€. Nguyễn Ngọc Thanh (Schwenningen) 15€. Hồ Xuân Ngô (Düsseldorf) 50€. Gđ. Diệp Chi Lan và quý đồng hương PT Đức & Việt (Mettingen) 2.000€. Lê Hoàng Dễ (Asbach) 50€. Quý Đạo Hữu tại Na-Uy 200€. Tuấn & Xuân (Troisdorf) 300€. Ân Huệ (Aachen) 50€. Ân Đạo (Recklinghausen) 100€. Nguyễn Thị Viễn Phương (Kruft) 50€. Nghiêm Quang Nhân Gia Hồng (England) 120€. Thiện Lạc Giang Thái An (Mannheim) 100€. Trương Ngọc Liên (Weissbach) 50€. Lê Văn Dũng 50€.

* Báo VIÊN GIÁC

Quan Huệ Phương (Göttingen) 20€. Trần Thu Hà („) 50€. Trình Thế Vinh (Heusenstamm) 20€. Võ Trung Thư (Bad Pyrmont) 20€. (France): Phạm Ngọc Diệp 30€. Đặng Thanh Tâm 40€. Nguyễn Văn & Maryline Nguyễn 60€. Bùi Hữu Đạo 30€. Helene Châu Diệu Hoa 100€. Lý Nguyễn Thị Cúc 36,45€. Phan Marie France 50€. Nguyễn Kim Anh 30€. Trương Trọng Hiền 60€. Lý Thị Kim Huê 30€. Trương Ngươn Amédée 31,45€. Lưu Thanh Tâm (Besigheim) 20€. Huỳnh Minh Tân (Saarlouis) 30€. (München): Phạm Thị Bạch Lan 20€. Nguyễn Thị Gia Tuyết 20€. Lê Thọ Hạng & Tôn Nữ Thị Gái (Reutlingen) 20€. Trần Kim Quế 30€. Van Mai 20€. Trương Thị Mỹ Hà (Kupferzell) 60€. (Stuttgart): Nguyễn Công Trương 60€. Nguyễn Văn Phát 20€. Bùi Mạnh Hùng 20€. Từ Thanh Hương 100€. Trần Xuân Hiền 50€. Phạm Thị Thảo (Dormagen) 30€. Lê Mỹ Nhân (Aachen) 30€. Lâm Mark (Trần Khánh Linh) (Germering) 200€. (Braunschweig): Lý Quốc Kinh 20€. Phạm Thị Phương Nguyên 20€. Phan Công Tân 20€. Nguyễn Văn Hùng 30€. Nguyễn Bao Huy (Sigmaringendorf) 20€. Phạm Thúy Nga (Saarbrücken) 20€. Lâm Kim Ngân (Hildesheim) 50€. Phan Thị Cúc & Phan Lạc Giản (Ile de Reunion / France) 50€. Nguyễn Long Gia (Weil am Rhein) 20€. Mã Thị Kim Hồng (Nettetal Breyell) 30€. Lê Hồng Diễm & Lê Văn Lao (France/Nantes) 40€. Trần Văn Thời (Ingelfingen) 20€. Nguyễn Văn Dinh (Ronnenberg) 20€. (Hamburg): Phạm Ngọc Quang 30€. Phan Thị Lan 5€. Cao Đức Tài 100€. Nguyễn Văn Kiệm 20€. Huỳnh Thị Thu Mỹ 20€. Trần Ngọc Thạch 20€. Phương Thế Ngọc (Danmark) 25,42€. Peter Hà (Hà/Lê) (Prien am Chemsee) 20€. Trần Khương Ninh (Steinfurt) 20€. Phan Kim Liên (Bremen) 20€. Lê Hoàng Dễ (Asbach) 20€. Huỳnh Thanh Hùng (Völklingen/Saar) 20€. Nguyễn Thanh Tùng (Leutkirch) 50€. Nguyễn Thanh Hồng (Pfarrkirchen) 20€. Phan Công Độ (Laatzen) 20€. (Belgique): Huỳnh Văn Mạnh 30€. Nguyễn Thế Vy 100€. Lê Minh Cang (Bad Laer) 20€. Nguyễn Thị Hiền (Canada) 15€. (Pforzheim): Nguyễn Kim Loan 20€. Thái Thanh Thu 30€. Đào Thị Hồng Nguyên (Edewecht) 25€. Lê Thanh Long (Weil im Schönbuch) 20€. Mekong (Koblenz) 20€. Bùi Văn Mạnh (Oberhausen) 20€. Trần Anh Tuấn (Mannheim) 20€. Nguyễn Văn Tân (Giessen) 30€. (Münster): Peter H. Vinh 20€. Trần Thị Lang 50€. Ludwig Thị Thanh (Wittlich-Wengerohr) 20€. Phạm Thị Lang (Lülsdorf) 20€. Lương Eddie (Minden) 30€. Nguyễn Thị Nhi (Gifhorn) 20€. Vũ Thị Xuyến (Würzburg) 35€. Vương Ngô Oan Nga (Freiburg) 10€. Trần Thị Hồng (Stockelsdorf) 30€. Đinh Văn Vinh (Kaiserlautern) 50€. Châu Thanh Quang (Pfakofen/Rogging) 25€. Quách Xuân Hoa (Landstuhl) 30€. Trần Hồng Thúy (Kobern-Gondorf) 30€. Đỗ Ngọc Trọng (Langenhagen) 20€. Hoàng Khánh Toàn (Raunheim) 30€. Hoàng Hương (Viersen) 15€. Trần Thị Hương Giang (Steinbach) 20€. Nguyễn Tấn Lộc (Detmold) 30€. (Neuss): Lê Hoàng Anh 30€. Lê Lan Anh 30€. (Essen): Nguyễn Thị Kim Yến 50€. Trần Kim Hưng 20€. Nguyễn Thị Hồng Hoa 20€. Phạm Thị Thuận (Grenzach-Wyhlen) 25€. Nguyễn Hồng Việt (Regensburg) 40€. Trương Hồng Hiếu (Wahlstedt) 20€. (Hannover): Đồng Kim Ngụy Minh Thúy 20€. Trần Như Sơn 20€. Lê Thị Cúc (Nürnberg) 30€. Lê Minh Dũng (Schweiz/St.Gallen) 39,98€. Nguyễn Kim Nguyên (Bonn) 20€. (Düsseldorf): Vương Tấn Phong 20€. Trương B. Kiêm 20€. Nguyễn Thị Lệ Hằng 20€. (Frankfurt): Đinh Ngọc Nga 20€. Thiện Minh Hà Văn Thành 50€. (USA): Gđ. Thị Phước & Thị Hạnh 73,07€. Thomas Trần 23,10€. Đỗ Chiêu Cang (Herforf) 20€. Nguyễn Hữu Kiểm (Sindelfingen) 20€. Nguyễn Thanh Trúc (Schweiz) 16€. Lý Hương (Bad Iburg) 30€. Võ Văn Luận (Frankfurt/M) 20€. Hue Wollenberg (Moers) 30€. Nguyễn Công Khai (Cham) 50€. Hà Ngọc Minh & Hà Ngọc Kim Loan (Erftstadt-Bliesheim) 50€. Trần Thiện Lanh (Dußlingen) 20€. Ngô Thành Cát (Wiesbaden) 30€. Dương Hạnh Nhơn (Düsseldorf) 50€.

* ẤN TỐNG

Phan Teo 20€. Ẩn danh 15€. Thiện Nghĩa Đỗ Ngọc Trọng 50€. Lâm Kim Khánh & Lê Thị Phương Tâm (M'Gladbach) 80€. Gđ. Trần Thiếu Chinh 500€ HHHL Trần Thiếu Chinh. Đặng Trần Hiếu Pđ Không Thứ (München) 50€. Ông QIU (Nhà hàng Hồng Bín II) (Münster) 100€. Ngu Anh Vinh & Võ Kim Hoa (Kaufbeuren) 50€. Li, Trần Thúy Phượng (Pforzheim) 50€. Diệu Mai Đặng Thị Tuyết (Hannover) 5€ (Kinh Cứu Khổ).

- Kinh Pháp Hoa

Lâm Kim Khánh & Lê Thị Phương Tâm (M'Gladbach) 80€.

- Kinh Địa Tạng

Nguyễn Thị Kim Yến (Essen) 50€.

* Tượng Quan Âm

Lâm Kim Khánh & Lê Thị Phương Tâm (M'Gladbach) 270€.

* Thiên Thủ Thiên Nhãn

Thiện Phú Lê Thị Bích Lan (Hannover) 50€. Dieter Maier & Daniel Minh Maier (Neu-Ulm) 90€.

* Tôn tượng Quán Thế Âm

Dương Anh Tuấn & Đinh Hồng Đoàn (Norderney) 50€. Lê Thọ Hạng & Tôn Nữ Thị Gái (Reutlingen) 30€. Nguyễn Hữu Mừng Chị & Trần Thục Nhi (Wuppertal) 150€. Trần Quang Minh 200€. Dương Minh Chí 150€. Nguyễn Thị Bé & Phan Leo 100€. Lê Thị Bạch Ngọc 10€. Ha STRANG 50€. Nguyễn Thị Kim Lan 50€. Phúc Thơm Vũ Văn Mùi 20€. Diệu Hoa Nguyễn Thị Hằng 20€. Nguyên Hoa Vũ Thị Lụa 20€. Nguyên Hiền Vũ Thị Lượt 20€. Nguyên Quang Vũ Văn Sáng 20€. Nguyên Huệ Nguyễn Thị Là 20€. Nguyên Thảo Vũ Thúy Hạnh 20€. Nguyên Minh Vũ Trọng Hiếu 20€. HL Trần Thiếu Chinh 770€. Gđ. Thu & Một 50€. Gđ. Linh & Giàu 20€. Lê Thị Khương 20€. Fam. Lê & Cấn 20€. Đồng Hương 10€. Cao Thu Sương 20€. Thiện Thủy 10€. Đồng Châu 10€. Đồng Tứ 10€. Cương & Bình 20€. Bảo Thiều 10€. Ẩn danh 39€. Đồng Thái & Đồng Ngân 100€. Nguyễn Kiêm Anh & Ngô Nguyệt Thu 50€. Triệu Học Căn 1.000€. Hồng Gia Nghi (Wuppertal) 500€ HHHL thân phụ Hồng Quốc Khánh. Phan Teo & Chi Nguyen-Phan 100€. Lê Văn Pha 50€. Thiện Minh Vũ Mạnh Phú Vệ 100€. Diệu Trí Hồ Kim Sinh 30€. Thiện Trí Đỗ Thị Huệ 50€. Vạn Phương Lý Thị Hồng 50€. Đồng Thanh Nguyễn Thị Xuân 20€. Đồng Thảo Mã Anh Thi 20€. Thiện Hà Thái Mỹ Vân 30€. Thiện Hùng Vũ Cao 20€. Diệu Hoa Lý Thanh Hương 20€. Đồng Thiện Trần Văn Hòa 20€. Huệ Dung Bùi Du Hồng Hoa 20€. Thiện Mỹ & Diệu Vân 20€. Đồng Thiện Nguyễn Ban 30€. Quảng Trang Nguyễn Thị Ngọc Hoa 10€. Thiện Nguyện Thái Sến 20€. Tịnh Trí Vũ Thị Minh Hằng 20€. Chi Hội PTVNTN tại Karlsruhe 200€. Thiện Dung Lai Thị Thao 50€. Thiện Mỹ Lưu Hạnh Dung 100€. Quảng Huệ Trần Kinh Dương 500€. Gđ. Ân Hồng Lưu Tuyết Lan 20€. Gđ. Ân Châu Lưu Tuyết Ngọc 20€. Gđ. Ân Đạo & Ân Hoàng 100€. Quảng Đạo Thái Thị Thúy Lan 20€. Phúc Staus 20€. Thiện Dung 30€. Gđ. Nguyễn Ngọc Phương 50€. Châu Long Phi, Châu Loan Phi & Châu Phi 30€. Tuấn & Hậu 10€. Quý ĐH & PT ẩn danh 195€. Quảng Hữu 30€. Gđ. Trần Thiếu Chinh 460€ HHHL Trần Thiếu Chinh. Gđ. Hà Tùng Dương 40€. Nhựt Liên 100€. Thúy & Phồn 100€. Nguyễn Song Nghi 50€. Thiện Thủy 20€. Tuấn & Vân 20€. Nguyên Tịnh & Nguyên Lạc 40€. Thu & Hiến 10€. Minh Thường 10€. Thiện Phương 10€. Đặng Ba 10€. Đồng Hương 10€. Đức Hương & Diệu Tịnh 20€. Gđ. Nguyên Hưng 30€. Thiện Hạnh Võ Thị Mỹ 50€. Chi Hội PTVNTN Aschaffenburg, Koblenz, Wiesbaden, Bad Kreuznach & Mannheim 250€. (Mönchengladbach): Thiện Lai Hà Ngọc Diệp 100€. Thiện Quang Hà Ngọc Hoa 120€. (Köln): Điền Tom 300€. Gđ. Phạm Nguyễn 100€. (Westerstede): Tạ Thị Hương 10€. Lê Văn Huỳnh 10€. (Göttingen): Nguyễn Thúy Hồng 300€. Thiện Vân Võ Thị Hương 50€. Gđ. Trần Ngọc Trí 1.000€ HHHL Liêu Thị Tư Pđ Thiện Nghì. (Stuttgart): Phạm Văn Bình và Nhóm Phật Tử Stuttgart 200€. Nguyễn Văn Phát 200€. Thiện Đại (Heidenheim) 50€. (Hannover): Thiện Tuệ & Tâm Thảo 1.000€. Gđ. Quảng Ngộ & Diệu Hiền 100€. Gđ. Hà Phước Nhuận 200€ Hồi hướng công đức gia đình Võ Văn Trung. Hoàng Minh Bình & Phan Thị Vy 130€. GĐPT Tâm Minh 100€. Thiện Tường Nguyễn Quang Bi 400€. Dương Minh Ánh 1.000€. Nguyễn Văn Dinh Thiện Đạo & Thiện Hỷ 100€. Lê Thị Ty Pđ Thiện Ý 30€. Nguyễn Văn & Maryline Nguyễn (France) 300€. Tâm Huệ Nguyễn Thị Duyên (Belgique) 10€. Gđ. Đức Hinh & Thiện Khai (Hamburg) 100€. Gđ. Long Tuấn & Từ Vũ (Australia) 100€. Sư Cô Thích Nữ Hạnh Ân (Chùa VG) 300€. (Saarbrücken): Lý Kiến Hoàng & Lăng Mai 50€. Thiện Vân Nguyễn Thị Thu Thủy 30€. Giới Quý Luyện Thị Tho 20€. Tịnh Ý Hoàng Thị Tuyết 20€. Đồng Nhã Nguyễn Thị Bích Phương 10€. Như Hương Tôn Mỹ Lệ 10€. Đồng Tâm Huỳnh Thiện Khiêm 10€. Chân Quang Tôn Quốc Hồng 10€. Diệu Ánh Phạm Thị Kim Anh 10€. Nguyễn Minh Xuyên 10€. Thiện Bạch Đào Thị Chúc (Trier) 50€. Từ Hùng Trần Phong Lưu (Saarburg) 20€. Như Mỹ Tôn Thúy Bích (Sarrbrücken) 10€. Nguyễn Thanh Hồng (Pfarrkirchen) 50€. Casanova Bruno & Thai Lan (Solothurn/Schweiz) 160€ Hồi hướng công đức Thân phụ Nguyễn Văn Hồng. Thiện Giác Hồ Vĩnh Giang (Laatzen) 30€. (Langen/Hessen): Thiện Lâm Phạm Văn Mộc 100€. Ngô Thị Ngọc Oanh (Hildesheim) 10€. (Việt Nam): Lê Thị Phúc 200€. Chùa Phật Linh 200€. Nguyễn Thị Lan (Niebüll) 20€. (Lahr): Gđ. Hoàng Thị Tuất 100€. Gđ. Thanh Thúy 20€. Gđ. Nga 10€. Gđ. Ánh 10€. Gđ. Đồng Tánh & Phùng Xước (Bremen) 100€. Nguyễn Nam Dương (Ulm/Donau) 50€. Lê Hoàng Anh & Lê Lan Anh (Neuss) 40€. (Essen): Nguyễn Thị Kim Yến 150€. Nguyễn Thị Hồng Hoa 30€. Trương Đoàn Hòa 30€. Trương Philipp Vinh Quang 10€. Trương Huy Thomas 10€. (Bielefeld): Gđ. Đồng Phước Phạm Thị Lanh 1.000€ +1.500€ cúng đèn Lễ hội Quan Âm. Minh Nhân Trần Việt Nhân, Minh Cường, Huệ Thanh & Diệu Nghĩa (Boppard) 60€. (Koblenz): Phật Tử Koblenz (Đợt 2) 40€. Gđ. Long & Sâm 10€. Nguyễn Hồng Phương 20€. Phạm Thị Yến 20€. Quý ĐH & PT thọ Bát Quan Trai 465€. Giang Minh Lan 20€. Lê Bích Châu 20€. Phạm Lạc Pđ Thiện Đạo 20€. Lê Thị Quí 20€. Đặng Chương Bảo & Nguyễn Thị Phương Thảo 20€. Phạm Pesch, Thị Hồng Diệp 20€. Văn Lộc Tuấn 10€. Nguyễn Mai Khanh (Vallendar) 5€. Nhựt Trọng (Mannheim) 40€. (Wiesbaden): Bành Tâm Sơn 20€. Chi Hội PTVNTN Wiesbaden 250€. Đỗ Ngọc Tiến & Vũ Thị Hoa (Mayen) 10€. Gđ. Nguyễn Mạnh Nhật (Bad Höningen) 20€. Đồng Dược & Nguyên Giác Nguyễn Tứ Ngọc Huyền (Groß-Zimmern) 100€ + 50€ Phật Di Đà. Diệu Anh Nguyễn Hạnh Trinh (Künzelsau) 600€. Khanh Trương (Treuchtlingen) 100€. (Nürnberg): Phi Tuấn 50€. Nhựt Tịnh 100€. (Danmark): Gđ. Đồng Hội & Hạnh Thanh 1.000€. Chú Sáng & Cô Hiếu 500€. Nguyễn Thị Dung 100€. Ngọc Thơ Trần Thị Mỹ Chương & Chân Mỹ Lê Thị Hồng Đào 200€. Thiện Phước & Thiện Hòa (Holland) 50€. Gđ. Tâm Tịnh & Giác Chánh (Berlin) 500€. Ô Thị Hai Pđ Ngọc Bình (Meppen) 100€. Sư Cô Hạnh Thông (Chùa Viên Giác) 1.000€. Trương Quốc Việt & Nguyễn Thị Út (St. Georgen) 100€. Phạm Ngọc Sơn (Mönchengladbach) 30€. Werner Van Khanh (Wolfsburg) 200€. Trần Thị Mỹ Châu 50€ HHHL Trần Duyệt Hùng Pđ Đồng Thoát. Nguyễn Thúy Hà 100€.

- Nghi Thức Tụng Niệm

Nguyễn Nam Dương (Ulm/Donau) 45€. Diệu Mai Đặng Thị Tuyết (Hannover) 10€. Trí Hòa Nguyễn Thị Minh Hương (Wesseling) 25€. Gđ. Lê Văn Sáu & Nguyễn Thị Sáng (Holland) 75€.

- Tư Tưởng Tịnh Độ

Trí Hòa Nguyễn Thị Minh Hương (Wesseling) 25€. Gđ. Lê Văn Sáu & Nguyễn Thị Sáng (Holland) 75€.

- Những bản kinh căn bản của Tịnh Độ Tông Nhật Bản

Trí Hòa Nguyễn Thị Minh Hương (Wesseling) 25€. Gđ. Lê Văn Sáu & Nguyễn Thị Sáng (Holland) 75€.

- Tang lễ Phật Giáo Việt Nam tại Đức Quốc

Nguyễn Nam Dương (Ulm/Donau) 10€. Trí Hòa Nguyễn Thị Minh Hương (Wesseling) 25€. Gđ. Lê Văn Sáu & Nguyễn Thị Sáng (Holland) 75€.

* TẾT & Rằm Tháng Giêng

Chị Lý (USA) 36,53€.

* Sửa Chùa

Tống Kim Huỳnh 50€. Đỗ Thanh Lan 280€. Vương Diên Nghĩa (May Travel) 50€. Nguyễn Hữu Mừng Chi & Trần Thục Nhi (Wuppertal) 50€. Nguyễn Thị Thúy Vân & Nguyễn Thanh Phương (Hamburg) 530€. Lê Văn Hoa (Künzelsau) 65€. Đào Thị Tú Uyên (Garbsen) 40€. Mai Quan Qui (Frankfurt/M) 280€. Trần Văn Khanh (Kupferzell) 65€. Lê Thị Minh Trang (Kevelaer) 80€. Bùi Văn Ruẩn (Echenburg) 70€.

* Đèn Dược Sư

Trương Thanh Thủy (France) 100€. Li, Trần Thúy Phượng (Pforzheim) 50€.

* Trai Tăng

(Heidenheim): Thiện Đại 5€. Thiện Trí 5€. Thiện Huệ 5€. Thiện Hạnh 5€. Thiện Nguyện 5€. Thiện Giác 5€. Thiện Ngộ 5€. Thiện Ân 5€. Diệu Phẩm 5€. Diệu Liên 5€. Diệu Hoa 5€. Diệu Hạnh 5€. Diệu Duyên 5€. Diệu Giác 5€. Diệu Ngộ 5€. Diệu Âm 5€.

* TỪ THIỆN

-***Cô Nhi, Cùi, Mù, Dưỡng Lão*** : Dr. Nguyễn Thị Minh Ngọc (France) 40€. Ngô Quang Diễm Phi 20€. Nguyễn Thanh Hồng (Pfarrkirchen) 30€. Đào Thị Hồng Nguyên (Edewecht) 100€. Trần Văn Danh & Trần Thị Phúc (Nürnberg) 30€. Thiện Phú Lê Thị Bích Lan (Hannover) 50€. Phi Nam (Karlsruhe) 20€.

-***Giúp người nghèo Ấn Độ***: Lê Mỹ Nhân (Aachen) 20€. (Göttinge): Dương Huỳnh Ngà & Trần Thu Hà 50€ HHHL Thiện Nghì Liêu Thị Tư. (Hannover): Sư Cô Thích Nữ Hạnh Trì, Thiện Huy, Thiện Hậu, Thiện Đức, Thiện Xuân & Thiện Mỹ 200€. Thầy Hạnh Giả 50€. Thiện Minh Hà Văn Thành (Frankfurt) 50€. Phạm Văn Dũng (Hildesheim) 30€.

-***Giúp người nghèo***: (France): Nguyễn Văn & Maryline Nguyễn 94€. Trương Trọng Hiền 23€. (Göttingen): Gđ. Trần Ngọc Trí & Diệu Hiền 763€ HHHL Liêu Thị Tư Pd Thiện Nghì.

-***Nồi Cháo Tình Thương*** **:** Lê Mỹ Nhân (Aachen) 20€. Lemon (Karlsruhe) 10€. Tâm Huệ Nguyễn Thị Duyên (Belgique) 20€. Casanova Bruno & Thai Lan (Schweiz/Solothurn) 50€ Hồi hướng công đức Thân phụ Nguyễn Văn Hồng.

-***Mổ mắt*** : Lê Mỹ Nhân (Aachen) 30€. Phi Quang (Karlsruhe) 20€. Trần Văn Danh & Trần Thị Phúc (Nürnberg) 20€. Trương Trọng Hiền (France) 23€.

-***Phóng sanh*** : Ngô Quang Diễm Phi 20€. Thiện Phú Lê Thị Bích Lan (Hannover) 20€. Trương Văn Kỳ (VS.Villingen) 50€. (Göttingen): Dương Huỳnh Ngà & Trần Thu Hà 50€ HHHL Thiện Nghì Liêu Thị Tư. Nguyễn Thị Diệu Hiền 200€ HH công đức cho Thiện Cường Ngụy Sơn Hùng, Quảng Thành Ngụy Sơn Tâm, Ngụy Hữu Đức, Trần Ngọc Trí & Trần Mai Thi Christina, Quảng Hoàng Trần Ngọc Huy.

-***Bão Lụt*** : Lemon (Karlsruhe) 10€. Trương Văn Kỳ (VS.Villingen) 50€.

* HỌC BỔNG TĂNG NI

-*Đức* : Chung Giang 100€ Hỗ trợ Đồng Ninh.
-*Việt Nam* : Bành Tâm Sơn (Wiesbeden) 20€. Nguyễn Văn & Maryline Nguyễn (France) 80€.

* Trung Tâm Nghiên Cứu & Tu Học Viên Giác

Trần Trung Độ (Hamburg) 650€. Bành Tâm Sơn (Wiesbeden) 20€. Ẩn danh 180,42€. Nguyễn Thị Nhu (Heo cđ. 472) 42€. Ẩn danh 0,38€. Ẩn danh 37,48€. Ẩn danh 118,72€. Ẩn danh 4,18€. Ẩn danh (Heo cđ. 4387) 28,66€. Lý Thị 48,55€. Ẩn danh 31,34€. (Wiesbaden): Thiện Đắc Lê Thị Nam (Heo cđ 442) 82,07€. Thiện Chánh Võ Thị My 268,74€. Chi Hội PTVNTN Aschaffenburg 131,87€. (Koblenz): Phạm Thị Vân 38,49€. Gđ. Đỗ Văn Thông 150€. (Suhl): Phạm Thị Minh Hải (Heo cđ 3963) 8€. Phạm Văn Biên 6,40€. (Dresden): Đỗ Ngọc Long, Hoàng Thị Nhị Hà & Đỗ Hoàng Minh Anh 21,16€. Bùi Thị Hương 31,43€. Nghiêm Phú Tiến (Heo cđ. 2035) (Hannover) 33,32€ + 1 USD. Trần Thị Lan (Jena) 25,37€. (Halle): Bích Lợi Kersten 7,90€. Lý Thị Thao 22,11€. Đỗ Thị Mai Hạnh (Walsrode) 107,59€. Nguyễn Hoàng Anh, Trần Thị Hồng Phúc & Trần Trung Hữu (Stralsund) 90,42€. Nguyễn Khoa Nam & Nguyễn Mai Lan (Mönchengladbach) 29,82€. Nhâm Thị Tám (Nordhausen) (Heo cđ. 2569) 17,72€. Nguyễn Thu Trang (Trần Tuấn Tú) (Cuxhaven) 88,92€. Hội lưu học sinh Götvina (Göttingen) 6,66€. (Erfurt): Trần Thị Hằng 5,31€. Đỗ Thị Minh Hảo 30,36€. Nguyễn Thị Ngọ (Naumberg) 64,88€. Chu Thị Phượng (Zwickau) 101,02€. (Magdeburg): Đặng Thị Hoa 5,07€ + Đặng Thị Hoa 8,94€. Gđ. Thị Chánh Trương Tấn Lộc (Laatzen) 183,75€. Gđ. Đào Anh Dũng & Phạm Thị Hồng Thắm (Zeitz) 458,36€. Thái Giang (Mannheim) 200€. (Schweiz): Trần Thị Nhật Hưng 100€. (USA): Gđ. Thị Nguyện Phạm Đỗ Ngọc 292,29€. Gđ. Dung & Minh Trần 219,21€. Gđ. Diệu Âm Tony Trương 964,55€. Gđ. Quang Nguyễn 149,79€. Gđ. Linh & Tuấn 127,87€. ĐH. Nga 18,99€. Gđ. Bằng Đỗ 292,29€. ĐH. Lan & Vinh Ngô 219,21€. Gđ. Thành Phạm 29,22€. Gđ. Hiệp Lê 117,64€. Gđ. Tín Phạm 412,13€. Gđ. Chấn Lâm 91,34€. Gđ. Thị Phước & Thị Hạnh 550,96€.

* Hương Linh Ký Tự

Phạm Thị Phương Nguyên (Braunschweig) 75€ HL Nguyễn Thị Hồng Hạnh. Lai Kwok Kei (Hermannsburg) 75€ HL Lai Siu Kee. Nguyễn Kim Nguyên (Bonn) 300€ HL Nguyễn Đông Hải Pd Đồng Trí. Marie Nodelle Kunde (Rehburg-Loccum) 75€ HL Nguyễn Thị Diệu Pd Diệu Kế.

*Cúng dường vật dụng & thực phẩm

ĐH. Nguyễn Thị Thanh Thúy & Lưu Văn Liễm (Wadenburg) 10 bao gạo. Nguyễn Thị Cẩm Anh (Braunschweig) 20 gói bún.

TU VIỆN VIÊN ĐỨC

* Tam Bảo

(Österreich): Hứa Thuận Hưng 40€. Nguyễn Bích Lan 40€. Lê Dung (Wallerstein) 30€ + 10€ Đèn Dược Sư. Tâm Huệ Nguyễn Thị Duyên (Belgique) 20€. Trần Văn Danh & Trần Thị Phúc (Nürnberg) 20€.

*
* *

Phương danh cúng dường VU LAN tính đến ngày 01. 10. 2012

(Tiếp theo VG số 191 tháng 10. 2012)

* VU LAN

(France): Mme Lê Anh 20€. Trần Thị Cẩm Tú 60€. Quảng Chánh Somas Rukmany 50€. Trần Đức Long 20€. Nguyễn Sophie 30€. Mme Nguyễn Văn Tư 20€. Mme Somas Thị Hạnh 20€. Nguyễn Đình Thủy 20€. Hoàng Ngọc Minh & Nguyễn Thị Long 100€. Diệu Không Trần Kim Lý 20€. Mme Phạm Văn Thâng 30€ HHHL Anh Phạm Văn Thuật và Phu quân Phạm Văn Thâng. Nguyễn Jean 30€. Huỳnh Văn Phùng 10€. Đinh Chí Hương 50€. Võ Văn Thắng 50€ cầu an Nhựt Thanh Phạm Thị Thu & cầu siêu cửu huyền thất tổ. Trần Thị Hai & Trần Mỹ Lan 50€. Hoàng Jean Pascal 10€. Tôn Nữ Vân Hà Trần 20€. Võ An (Augsburg) 50€. Trần Duyệt Sanh (Nordhausen) 30€. (Oberhausen): Tuyết Anh Lư Vương 10€. Nông Thị Tựu 10€. Tinh Kiếm Anh 10€. Tinh Đỗ Linh 10€. Tinh Quan Hảo 10€. Lê Thị Bạch Ngọc 10€. Chu Thị Thanh 20€. Dương-Trần Cảnh Hà 5€. Nguyễn Thái Hùng 30€. (Zwickau): Lê Thị Bích Hương 50€. Trần Anh Tuấn 20€. Braun Thị Dung (Altenstadt) 10€. (Trier): Ngô Thị Vượng 20€. Vũ Văn Hải 20€. Hồ Kim Phụng (Unterhaching) 20€. Nguyễn Văn Minh (Leverkusen) 20€. (Wuppertal): Nguyễn Hữu Mừng Chi 20€. Trần Thị Ngọc Trinh 20€. Hồng Gia Nghi 200€. Thang Trạch 20€. Trương Thị Mạnh (France) 20€. (Meppen): Huỳnh Anh Dũng & Lôi Thị Thu Sương 50€. Lôi Thị Sáu 20€. Ngọc Bình Ô Thị Hai 50€. (Koblenz): Thanh Hòa 30€. Đoàn Thị Kim Nhung 30€. Trương Văn Tính 10€. Bích Trâm Voigtländer 20€. (Bielefeld): Đoàn Tường Khánh 20€. Gđ. Phạm Thị Lanh 100€. Lương Ngọc Phách 25€. Trần Văn Sang, Trần Wiriya & Jasmin Just 50€. Mai Thị Hoa 20€. Nguyễn Thị Thủy Tiên 20€. Phan Thị Như Nguyện 10€. Đoàn Tường Khánh 20€. Nguyễn Thị Kim Tuyến 20€. Kevin & Angelina 20€. Nguyễn Thị Phụng 20€. Nguyễn Thị Thu Hiền 50€. (Nordhorn): La Tỷ 20€. Lưu Giỏi 10€. Tạ Thị Kim Loan 30€. Gđ. Diệu Thới 10€. Fam. La Quốc Dũng 10€. Châu Kiều Phú 20€. Võ Ngọc Hiền 20€. Fam. Kassel & France 50€. (Hannover): Quảng Thái Tôn Nữ Thị Xuyến 20€. Phạm Công Diễm 10€. Diệu Mai Lăng Thị Tuyết 5€. Đồng Thuận Vũ Như Hằng 10€. Tom Mai 5€. Vũ Thị Hoa 20€. Vũ Thị Huyền Trang 10€. Lin 10€. Lay Ket Han 20€. Martina Lorke 20€. Nguyễn Thị Lan Hương 5€. Thiện Ý Lê Thị Ty 10€. Trần Thị Yến Hoa 5€. Đào Đình Thế 5€. Lê Thị Lan 10€. Nguyễn Tuyết Nhung 5€. Phạm Thị Bích Ngọc 10€. Nguyễn Thanh Hương 5€. Nguyễn Văn Dũng 20€. Gđ. Nam Phương 20€. Gđ. Geisler & Le Nguyen 10€. Fam. Nguyen 10€. Huy & Hương 20€. Fam. Fischer & Phạm 10€. Đào Đình Thế 5€. Nguyễn Đức Thắng 10€. Ngô Nguyên Khôi 5€. Lê Thị Thanh Thanh 30€. Nguyễn Thị Bảy 10€. (England): Dương Văn Lý 24€. Dr. Bích Nguyên 36€. Ngô Thị Liễu 20€. (Karlsruhe): Gđ. Thiện Thọ 100€. Vũ Cao & Thị Yến 30€. Huỳnh Quốc Cường 20€. Tịnh Trí Vũ Thị Minh Hằng 20€. Nguyễn Văn Tác (Reutlingen) 20€. Đồng Quang & Đồng Chiếu 30€. Thân Thị Bích Ngọc 20€. Quý ĐH & PT ẩn danh 135€. Thiện Hỷ 30€. Thanh Lu Hera 5€. Ngô Quốc Phi 5€. Nguyễn Thị Phương 20€. Ẩn danh 50€ HHHL Ngô Mỹ Châu. Đặng Thị Ngàn & Vũ Huy Toàn 20€. Trần Kim Trang 20€. Phạm Bích Liên 20€. Đồng An 20€. Nguyễn Văn Thắng & Nguyễn Thị Bình 5€. Nguyễn Thị Lan 10€. Lưu Đức Vinh 20€. Vương Thiếu Hạp 10€. Lê Thị Thu Trang 50€. Trần Văn Bình & Nguyễn Thị Sinh 20€. Trương Thị Dương 10€. Nguyễn Khắc Thủy 10€. Hứa Thanh Hương 5€. Gđ. Vũ Thanh Hằng & Trần Minh Châu, Xuân Bách, Mỹ Hiền, Kỳ Anh 20€. Nguyễn Công Phu 10€. Thân Thị Bích Ngọc 10€. Phạm Thu Hương 10€. Lê Thị Quyên 10€. Lê Văn Dũng & Tôn Nữ Kim Oanh 20€. Khương Văn Tuyên 10€. Phạm Thị Thiên Hương 5€. Phan Thị Hảo 40€. Ngô Thị Yến 20€. Đỗ Thu Hương 10€. Bùi Hải Bằng 10€. Trần Thị Thanh 50€. Fam. Đỗ Anh Tuấn 50€. Phan Thị Thoa 10€. Nguyễn Minh Hương 14€. Nguyễn Thị Hào 10€. Đinh Văn Phi 30€. Đàm Thị Dung 5€. Trần Xuân Hóa 10€. Nguyễn Thị Hoa 10€. Nguyễn Thế Hưng 5€. Gđ. Nguyễn Khắc Thủy 10€. Lan & Ly 10€. Nguyễn Thị Thanh Thủy 10€. Trần Thị Vân Anh , Sầm Hải Thiên & Sầm Hải Đường 10€. Nguyễn Mạnh Thuận 20€. Vũ Thị Hoa 10€. Trần Thị Thu Hà 10€. Cẩm Văn Thanh 10€. Triệu Khắc Lâm 10€. Nguyễn Thanh Tùng 10€. Nguyễn Thị Trang 20€. Lê Thị Lệ Thủy 5€. Nguyễn Chấn Phong 50€. Hoàng Thị Anh 50€. Nguyễn Thị Hậu 10€. Nguyễn Thị Thu Thủy 10€. Nguyễn Văn Huấn 10€. Gđ. Diệu Quý 20€. Nguyễn Thị Thu Hương 10€. Lê Đình Hiệp 10€. Nguyễn Đặng Thùy Chi 10€. Phạm Thị Thoa 50€. Đỗ Ngọc Lan 20€. Nguyễn Thị Nguyệt 20€. Phạm Thị Huệ (Huệ & Hùng) 20€. Hoàng Kim Hảo 60€. Sử Ngọc Thức 100€. Nguyễn Thị Điền 10€. Nguyễn Thị Hà 10€. Lê Đắc Nghi 50€. Nguyễn Thị Thu Hà 20€. Lưu Đức Vinh 20€ HHHL Bố Mẹ và em. Trần Văn Thanh 5€. Lưu Tuyết Liên 5€. Oanh & Sänger 10€. Nguyễn Thân Thị Huyền Vi 30€. Anglina Thai & Philip Thai 10€. Trần Đức Long 50€. Sai Thị Bích Hợp 10€. Gđ. Lâm Chánh Văn & Ngũ Ngành 10€. Nguyễn Văn Hùng & Nguyễn Thị Phương 20€. Nguyễn Bích Ngọc 20€. Nguyễn Thị Huệ 5€. Nguyễn Ái Linh 20€. Nguyễn Ngọc Lucky Thuận 10€. Lê Thị Thư Lịch 40€. Thi Misan 10€. Nguyễn Thị Hải Yến 10€. Röme Thị Thúy Bích 10€. Hoàng Thị Oanh 5€. Trịnh Thị Hảo 10€. Đông 30€. Trịnh Thị Tường Vi 10€. Trần Thị Ngọc Hạnh 50€. Nguyễn Thị Thanh Huyền 20€. Miu Luu 20€. Trần Kim Thúy 50€. Nguyễn Minh Hương 10€. Dương Thị Nguyệt 10€. Phạm Thị Hồng Thắm 20€. Nguyễn Trung Thành 10€. Nguyễn Thị Hồng Điệp 10€. Vũ Thanh Thúy 20€. Nguyễn Thị Hậu 10€. Lê Thị Mai Hoa 20€. Nao Văn Dung 20€. Nguyễn Thị Mai Hương 20€. Phạm Sỹ Đạt 10€. Nguyễn Đức Diệu Trang 10€. Dương Thị Thảo 20€. Trần Đình Hoàng 20€. Nguyễn Văn Bình 10€. Trần Văn Hoan 10€. Nguyễn Thị Thanh Tâm 5€. Đoàn Hà Báo 20€. Nguyễn Đỗ Cương 50€. Lê Thị Minh 10€. Trần Thị Bích Ngọc 20€. Lê Thị Nhiên 10€. Nguyễn Mai Lan 10€. Đỗ Thị Du 20€. Dương Thị Minh Tuyết 20€. Lenz Nguyễn Sương 20€. Phạn Thị Nhan 50€. Trần Thị Nhâm 20€. Lê Thị Minh Thu 20€. Lê Thị Canh 20€. Vũ Thị Nhinh 50€. Bùi Văn Bến 10€. Đinh Thị Thúy Trang 30€. Vũ Thị Cúc 20€. Nguyễn Thị Trà My 10€. Nguyễn Thân Khanh 10€. Gđ. Trần Văn Bình 10€. Fam. Niem Ruschenbasch 10€. Nguyễn Văn Tây 50€. Trần Việt Đức 30€. Nguyễn Thị Lan 10€ HHHL Thân phụ. Trần Kính Hưng 30€. Nguyễn Thị Hiền 10€. Nguyễn Thị Bích 10€. Cao Phan Dũng 10€. Nguyễn Ngọc Vũ 5€. Trương Thị Ngọc 10€. Fam. Mã 5€. Phạm Phương Dung 20€ HHHL cho Mẹ. Vương Thị Thu Thủy 10€. Nguyễn Thị Nguyệt 5€. Trương Văn Sơn 10€. Lê Thị Quý 20€. Nguyễn Thị Kim Thúy 5€. Đinh Thị Hường 5€. Nguyễn Mai Lan 20€. Nguyễn Cho 30€. Hoàng Cảnh Tuệ 10€. Phạm Lê Cường 20€. Lê Bá Khôi 20€. Nguyễn Thị Thanh Hiếu 10€. Đinh Thị Thu Hương 20€. Nguyễn Huỳnh Long 10€. Nguyễn Đình Tuyền 30€. Danh Thị Thảo 20€. Nguyễn Văn Nho 5€. Đào Quang Huy 5€. Trần Thùy Trang 10€. Nguyễn Thị Kim Dung 20€. Gđ. Duyên Ngọc Hạng Ngọc Hoa 30€. Nguyễn Tấn Hưng 20€. Nguyễn Văn Thuần 10€. Vũ Thị Nga 10€. Nguyễn Thị Huyền Trân 30€. Lê Phi Phương Lan 10€. Nguyễn Hồng Ký 10€. Vũ Thanh Trâm 10€. Herrfurt Thị Kim Phụng 5€. Trịnh Tú Mỹ 10€. Trương Văn Khoa 20€. Trần Thị Hương 30€. Lê Thị Thanh Hồng 10€. Trần Thị Diệu Hiếu 20€. Nguyễn Thị Mỹ Dung 50€. Đặng Văn Liễu 20€. Trần Anett 20€. Lê Quốc Thái & Phan Mộng Trinh 10€. Đỗ Thị Quyên 10€. Nguyễn Thị Kim Lan 20€. Nguyễn Thị Gái 10€. Trần Thị Nga 15€. Nguyễn Ưng Mỹ Hằng 50€. Nguyễn Thị Bích Hảo 10€. Đặng Thị Xuân 10€. TQ. 20€. Nguyễn Thị Gọn 10€. Nguyễn Thị Minh Phương 5€. Phạm Thị Thu Vân 5€. Lê Thị Thanh Hồng 10€. Nguyễn Văn Thu 10€. Tô Trang Lê Liên 30€. Hoàng Thị Ngọc 5€. Hiếu & Phương Anh 5€. Nguyễn Thị Thanh Vân 100€. Nguyễn Văn Ngân 40€. Đỗ Thị Bích Nga 20€. Fam. Trần Vi Thắm 20€. Đoàn Thị Kim 20€. Nguyễn Thị Ngọc Mai 20€. Nguyễn Thị Bích 10€. Nguyễn Thị Lan 50€. Nguyễn Thị Tuyết Mai 20€. Nguyễn Thị Thu Trang 5€. Hoàng Thị Thúy 10€. Nguyễn Bảo Châu 50€. Nguyễn Văn Tính & Đinh Thị Thu Hương 20€. Nguyễn Thúy Ngân 10€. Hiếu 10€. Lê Thị Lệ Thơ 20€. Trần Kim Thủy 20€. Trần Văn Khoa

10€. Gđ. Bích Cao 10€. Trần Ngọc Giang 20€. Dương Thị Nguyên 10€. Trần Thị Oanh 10€. Werne Scheibe 10€. Trần Minh Phú 5€. Lê Xuân Nguyên 20€. Nguyễn Đăng Phú 10€. Nguyễn Tuyết Nhung 10€. Đậu Thị Hoa Huỳnh 10€. Nguyễn Hoàng Thùy Trang 5€. Phạm Hữu Hạnh Tuyết 20€. Đinh Văn Quan 20€. Nguyễn Minh Nguyệt 10€. Đỗ Thị Du 20€. Lê Mạnh Hiền 20€. Nguyễn Thị Huệ 5€. Stefan Trieu 5€. Đỗ Anh Cương 10€. Trần Thị Thanh 10€. Hồng Nguyên Phương Lan 50€. Nguyễn Thị Thanh Nga 20€. Hoàng Thị Nga 5€. Ngô Thị Nhung 20€. Nguyễn Thúy Sơn 10€. Trịnh Thị Thu Hằng 10€. Nguyễn Hồng Phong 20€. Phan Văn Đại 25€. Ngô Quang Trung 10€. Huỳnh Hải Sơn 50€. Gđ. Trần Quang Tả 10€. Nguyễn Đức Huân 12€. Phạm Thị Phương 20€. Hà Thị Thu 20€. Lê Thúy Ngọc 10€. Nguyễn Văn Thuần 10€. Nguyễn Hoài Phương 10€. Trần Như Hưng & Vũ Thị Loan 10€. Minh Tâm Bùi Đức Trung 10€. Lê Hồng Thủy 10€. Lê Huy Hướng & Đào Thu Huyền 5€. Nguyễn Đức Hải 20€. Nguyễn Thị Quý 15€. Lê Thị Hiệp 10€. Vũ Thị Thanh Minh 10€. Trịnh Thị Hoa 20€. Phan Thị Phương 20€. Nguyễn Quốc Ninh 10€. Nguyễn Hoài 20€. Võ Quốc Khánh 10€. Sầm Tô Hà 10€. Phùng Chí An 50€. Hoàng Thị Mơ 10€. Hoàng Thị Hải Vân 20€. Bùi Thị Trang 20€. Gđ. Phan Gia Cần 40€. Ngô Phi Hùng 30€. Dương Thị Hà 10€. Nguyễn Đức Hoan & Nguyễn Hồng Phượng 20€. Phan Thanh Hưng 20€. Choong Wai Kiu 10€. Nguyễn Hồng Hạnh 20€. Đinh Hồng Lân 20€. Fam. Thị Hoa 10€. Đồng Anh, Thông Diệu & Quảng Lợi 20€. Lê Thị Mộng Ngọc 10€. Đàm Thanh Thiền 20€. Nguyễn Thị Kim Loan 10€. Nguyễn Thị Cường 20€. Thi Liêng Thắng 10€. Trần Thị Kim Anh 20€. Lê Ánh Thủy 20€. Đinh Thị Hà 10€. Nguyễn Ngọc Thông 30€. Nguyễn Xuân Quang 5€. Quan Huệ Phương 20€. Tôn Quốc Vinh 50€. Nguyễn Thị Thu Thủy 10€. Nguyễn Đăng Huy 10€. Nguyễn Ngọc Tony Thanh 10€. Lương Giang 10€. Phạm Thị Xuân 50€. Đoàn Thị Thắm 50€. Nguyễn Thị Bạch Tuyết 40€. Trần Ngọc Hùng 50€. Đỗ Thị Thúy Bính 10€. Nguyễn Bình Ngọc 10€. Đỗ Thị Thu Hương 20€. Fam. Trần Tô Hà 10€. Lê Thị Thu Tran 10€ HH mẹ Võ Thị Linh Thủy. Nguyễn Thị Mậu 5€. Võ Huy Cường 5€. Nguyễn Thị Lan 10€. Ngọc Kiều Pd Thông Liên 10€. Fam. Lương 10€. Nguyễn Thị Vân Anh 20€. Chu Thị Phượng 38,07€. Nguyễn Thị Kim Phượng 20€. Vũ Thị Minh Huyền 10€. Nguyễn Thị Huyền 10€. Lê Thị Ngọc 10€. Trần Lý Ái Phương 20€. Trần Thị Nhiên 20€. Trần Mạnh 20€. Đặng Thành Toán 5€. Đinh Thiên Nhiêu & Mai Thị Dậu 50€. Nguyễn Lan Phương 20€. Thị Thu Hà 20€. Nguyễn Võ Ngọc Thủy 50€. Nguyễn Thị Nga 5€. Nguyễn Thị Phương 10€. Hàn Ngọc Dung 20€. Nông Văn Đồng 20€. Nguyễn Minh Nguyệt 10€. Nguyễn Thị Thu Thủy 20€. Vũ Như Hằng 20€. Nguyễn Thanh Quang 5€. Văn A Múi 20€. Đỗ Thị Hồng 30€. Olszak 3€. Trương Quang Phú & Đinh Thu Hằng 10€. Lê Thị Cảnh 10€. Hoàng Thị Hòa 5€. Nguyễn Thị Loan 25€. Bùi Văn Dũng 20€. Phùng Lai Hòa 20€. Vũ Thị Bích 10€. Phùng Thị Phương 30€. Đặng Thị Kiều Oanh & Sonja Nennstiel 10€. Lê Thị Kim Maik Witte 10€. Lý Trinh Châu 10€. Lý Triệu Xương 20€. Trần Thị Thái 20€. Trần Ngọc Thủy 15€. Đặng Thị Ngọc Minh 10€. Nguyễn Đức Hải 15€. Dương Thị Quỳnh Hoa 10€. Huỳnh 20€. Dương Sang 10€. Dương Chí Hằng 20€ HHHL mẹ là Lại Thị Bé Pd Ngọc Hảo. Trần Thi (Fam. Trần) 50€. Trần Văn Chương 50€. Gđ. Chiêu Hoàng (Trần Thị Thiên Hương) 50€. Nguyễn Phương Danh 20€. Nguyễn Thị Thanh Thủy 20€. (Braunschweig): Trần Mao 20€. Cao Ngọc Lan 10€. Đồng Huê Nguyễn Thị Lài 10€. Thiện Như 10€. Trần Thị Hiền 50€. Hồng Nhung 5€. Thị Hiển Đỗ Công Minh 10€. Đào Huỳnh Hoa 20€. Nguyễn Duy Tiến 20€. Trần Thị Hương 20€. Trần Minh Phương 5€. Hải, Hồng, Phương Anh & Huy 10€. Hồ Thị Luông 10€. Nguyễn Thị Cẩm Anh 20€. Pakham Viravong & Ang Kwat Berg 7€. Lâm Ngọc Bích 20€. Nguyễn Thị Cúc 20€. (Praha/CH Séc): Gđ. Hoàng Tiến Phú 20€. Gđ. Vũ Thị Thúy Hằng 20€. (Leverkusen / Opladen): Điền Văn An 20€. Hoàng Thị Nga 20€. (Köln): Điền Văn Nghĩa 15€. Trần Thanh Tùng 20€. Đinh Thị Mai 20€. Diệu Huệ Đàm Thị Hoàng Lan 10€. Nguyễn Mạnh Tường & Hoàng Thị Hưng 50€. Trần Kim Trang 50€. Trần Thị Lan Anh 10€. Nguyễn Thị Đào Nguyên 20€. Diệu Châu Nguyễn Thị Hoàng Liên 10€. (Minden): Nguyễn Lin 20€. Lê Hoàng Oanh 20€. (Việt Nam): Võ Thị Anh 20€. Nguyễn Thị Hồng Hoa 10€. Lương Vũ Nguyên 20€. Lin Hua Kiu (China) 20€. (Lüneburg): Tang 20€. Đào Ngọc Thu & Dương Sĩ 20€. Nguyễn Thị Dậu 30€. Nguyễn Thị Hà 20€. Phùng Thị Kim Oanh 20€. (Belgique): Lê Văn Tín 20€. Nguyên Trang Phan Thị Tuyết 20€. (Düsseldorf): Luisa Hermann 120€. Hoàng Minh Tuấn 50€. Nguyễn Thị Thân & Nguyễn Thị Trường 30€. Nguyễn Thị Tâm 10€. Fam. Nguyễn & Đỗ 50€. Sầm Tú Hà Pd Đồng Ngân 30€. Helene Antony Đỗ 30€. (Langenhagen): Fam. Thang 20€. Đoàn Thị Thu Hà 20€. Nguyễn Thị Thùy Linh 20€. Đặng Xuân Công (Gadebusch) 10€. (Krefeld): Fam. Thiện & Fam. Trần Vương 50€ + 20 cái chén. Khánh Vu & Ngọc Bích Vu 10€. Nguyễn Ngọc Tâm 20€. Triệu Huy & Triệu Nhã Phương 50€ HHHL Bà ngoại Trần Thị Kha. Diệu Khai Phạm Thị Quyến 20€. Đinh Thị Xuân Thảo 20€. Lương Thị Hồng Khánh (Neustadt am Ringenberge) 10€. Hoàng Ngọc Phương (Dormagen) 20€. (Holland): Nguyễn Tất Thắng 50€. Lương Thị Hoài Tâm 20€. Trần Thị Tú Anh 10€. Diệu An Đỗ Thị Út 20€. TSANG 50€. (Leipzig): Dennis Nguyễn, Daniel 10€. Nguyễn Văn Thanh & Nguyễn Thị Thanh Châm 50€. Fam. Vũ Thị Duyên & Nguyễn Quang Trung 20€. ASIA Tùng Thúy 40€. Phạm Thúy Nga 20€. Lâm Ý Xuân (Leer) 5€. (Troisdorf): Hoàng Anh Tuấn 20€. Lydia Hoàng 10€. (Osnabrück): Fam. Huỳnh 20€. Bành Liểng 5€. Trần Thị Mến 20€. Nguyễn Thị Nhung 20€. (Bremen): An Văn Dậu 20€. Nguyễn Thị Kim Chi 10€. Huỳnh Công Tài 10€. Kha-Tiryaki, Lyly 10€. Huỳnh Công Tri & Ngô Bích Ngọc 20€. Tuấn & Bích 10€. Gđ. Thuật & Giang 20€. Thiện Lực Nguyễn Thế Hùng 5€. (Marburg): Nguyễn Thị Bích Diệp 45€. Hoàng Thị Thủy 25€. (Hamburg): Hồ Hữu Khương 50€. Thái Mỹ Thanh 10€. Nguyễn Lực 10€. Huệ Nghiêm Diệp Quý Đức 50€. Viên Bình Nguyễn Thanh Hoa 20€. Phan Ngọc Lâm & Lê Thị Dan 50€. Chu Thị Thu Trang 20€. Đỗ Tiến Anh 20€. Ngô Huy Thành 20€. Trần Thị Kim Quyên 10€. Nguyễn Thị Hương 10€. Lê Thị Ngọc Hạnh 10€. Gđ. Nguyễn Tấn Phước 200€. Gđ. Lê Tấn Lộc 40€. Tường Hiếu 20€. Dương Hà Ly 20€. Gđ. Chu Thị Lâm 50€. Minh Lộc 10€. Gđ. Hậu Hiền 20€. Tường Diệu 10€. Minh Tín 20€. Lê Thị Tư 20€. Nguyên Quí Phạm Quang Vũ 20€. Nguyễn Trúc Quỳnh 100€. Miêu Vương Pd Ngọc Hương 10€. Diệu Hiền Huỳnh Thị Khiêm 20€. Lê Văn Hớn 20€. Diệu An Nguyễn Thị Nhàn 30€. Nguyễn Minh Thiện 40€. (Cloppenburg): Kiều Văn Thinh 10€. Tô Thị Diệu 40€. Nguyễn Thị Hồng 10€. Nguyễn Trường Sinh 10€. Vivian Hoàng (Trosdorf) 10€. Nguyễn Thành Duy (Meiningen) 20€. (Gotha): Hoàng Tiến Hùng Đoàn 20€. Chu Thị Đoan Trang 30€. Phạm Thị Bích Ngọc 20€. Nguyễn Thị Lộc (tức Lộc Bondke) 50€. (Hameln): Nguyễn Tánh Lễ 20€. Thái Thị Thu 50€. Đỗ Thị Anh Huê 10€. (Berlin): Chủng Phượng 50€. Quảng Trí Nguyễn Đình Kha 25€. Diệu Từ Nguyễn Khả Thi 25€. Nguyễn Thị Tâm 10€. Tô Văn Trân 10€. Phạm Thị Tuyết 30€ HHHL song thân. Diệu Thiện Trương Thị Sang 20€. Nguyễn Thị Tân 20€. Triệu Chi Khanh 15€. Trần Thị Thu Quỳnh (Frechen) 20€. Chi Sun Shen (Dülmen) 4€. (Oldenburg): Trần Minh Tuấn 50€. Vũ Thị Hường 10€. (Lachendorf): Phan Thị Hồng Vinh 30€. Nguyễn Thị Xuân (Uelzen) 10€. (Freiburg): Phan Thị Ngọc Thanh 50€. Trương Thị Hạnh 10€. (Vechta): Nguyễn Thị An 2,40€. Phạm Thị Ngọc Châu 10€. Nguyễn Văn Hùng 20€. Lê Văn Phúc 10€. Lư Thu Hà 20€. Đặng Thị Kim Vân 20€. Nguyễn Thị Nhâm 5€. Đàm Thị Thu Hiền & Nguyễn Thị Quỳnh Anh 10€. Nguyễn Văn Hùng 15€. Thạch Loan 10€. Nguyễn Thị Minh Hiếu 10€. Phan Quang Mai & Cao Thị Sang 20€. Nguyên 10€. Dương Huyền Thi 10€. Nguyễn Thị Minh Hiếu và con Vương Khải Trường 15€. Nguyễn Thị Nguyệt 10€. Trần Thị Yến & Trần Hữu Khương 20€. Nguyễn Thị Minh Hiền 10€. (Unna): Hans Hejer 10€. Âu Thị Thanh 10€. Phùng Thị Phương (Boizenburg) 20€. Mai Mỹ Duyên (Seesen) 10€. (Stuttgart): Trần Thị Mỹ 10€. Gđ. Phạm Hữu Chương 10€. Thiện Khánh Đào Thị Ngọc 50€. Lâm Đức Toàn 5€. (Danmark): Tăng Thị Chuyên 26,69€. Huỳnh Mãi Pd Thiện Phát 16€. Lê Hữu Luyến (VN) 10€. (Kassel): Vũ Xuân Lennard Phúc Hưng 20€. Dung Sommerfeld 20€. Fam. Trần Võ (Võ Thị Kim Anh) 30€. Fam. Nguyễn Quan 10€. Nguyễn Thị Hồng Linh 40€. Dương Khanh Phát 10€. Fam. Lê & Nguyễn 5€. Trịnh Thị Thu Hằng (Husum) 10€. Nguyễn Trường Giang (Jana) 10€. (Norderstedt): Hứa Huy Hoàng 40€. (Hildesheim): Thiện Hà Phạm Văn Tuấn 20€. Long Thị Cúc 20€. Diệu Liên Lê Bích Hà 10€. Nguyễn Hương Thủy 10€. Thắm 20€. Nguyễn Thị Thanh Hoa (Niebütt) 10€. Phạm Bảo Tôn (Radbeul) 20€. (Laatzen): Trần Thị Thảo 5€. Lê Thị Anh Đào 20€. Vũ Hồng Nam (Kirchhelm) 10€. (Saarbrücken): Lý Kiến Phi 30€. Tôn Bích Lệ 10€. Chung Văn Tấn 20€. Lý Kiến Cường 20€. (Essen): Châu Ngọc Nguyễn Thúy Liễu 10€. Nguyễn Văn Bình 10€. Gđ. Nguyên 30€. Gđ. Nguyễn Văn Đức 20€. Đặng Thị Tâm 20€. Gđ. Nguyễn Thị Thúy Ngân, Hoàng Thanh Hiền, Hà Ngân, Hải Nam & Hoàng Hải 50€. Nguyễn Thị Hoa 20€. Nguyễn Thị Ngọc Lan 5€. Nguyễn Khắc Sinh 10€. Lê Thị Hiền 20€. Đồng Nguyệt Nguyễn Thị Kim Yến 100€. (Bad Homburg): Đoàn Thị Thu Hà 20€. Nguyễn Thị Ánh Hồng 20€. (Friedrichsdorf): Trần Bích Hằng 20€. Nguyễn Thị Xuân Hương 20€. Văn Võ Hồng Lam Giao (Oberursel) 10€. (Salzgitter): Thomas Walter 10€. Đào Thị Thu Huyền 40€. (Aurich): Nguyễn Thị Khánh Ngọc 10€. Lê Thị Châu 10€. Bùi Xuân Định 10€. (Emden): Nguyễn Thị Thu Hường 10€. Hồ Hưng Restaurant Sawatdy 20€. Hồ Hưng & Nguyễn Thị Thanh Hương 20€. Ngô Thị Hai 30€. (Dissen): Nguyễn Hang Nuôi 10€. DĐỗ Quang Minh & Bùi Thị Bích Phương 5€. Diệu Yên Nguyễn Drebelow Bình (Bendesdorf) 10€. Gđ. Trương Văn Sang & Trương Phạm Đẹp (Duisburg/Neudorf) 10€. (Wiesbaden): Thiện Kim Bành Thắm Cương 30€. Thiện Đạo Khưu Cẩm Vân 20€. Trịnh Thi Tuoi 30€. Mạc Đức Việt (Delbrück) 10€. (Hildburghausen): Nguyễn Công Thanh Tú 10€. Nguyễn Công Thuận 6€. Vũ Chí Trung 20€. (Wolfsburg): Thiện Giải Phan Đình Thích 40€. Thiện Đẳng Nguyễn Thị Bình 5€. Đỗ Huy Quý 20€. Ngô Thị Hường & Đặng Quang Toàn 20€. Đặng Thị Lý 20€. (Halle): Đặng Thái Sơn 10€. Đỗ Thị Nghĩa 20€. Thạch Thanh Hùng 40€. Nguyễn Nhân Dũng 10€. (Erfurt): Phạm Thị Dung 20€. Thanh Lương Fila 20€. Cao Thị Mơ 10€. Nguyễn Thị Trang & Nguyễn Như Toàn 10€. Nguyễn Thị Tố Nga 20€. Gđ. Phạm Ngọc Tâm & Nguyễn Thị Bình 10€. Nguyễn Thị Lan 10€. Đinh Kim Thành 20€. Ngô Thị Hoàng Gia 10€. Thanh Lương Fila 10€. Nguyễn Thị Hương Mai 30€. Phạm Thị Dung 10€. Đinh Thu & Stollberg 20€. Diệu Lễ Đinh Kim Thành 20€. Nguyễn Thị Nga Dư 20€. Hoàng Thị Phương & Thụy 15€. Trần Thị Ánh Tuyết 100€. Vũ Thị Nga 20€. (Pinneberg): Trần Thị Bích Nga 10€. Phạm Văn Đam & Trần Thị Bích Nga 50€. Nguyễn Thị Thu Hiền (Itzehoe) 20€. (Wilhelmshaven): Diệu Tường Trịnh Thị Mai 10€. Đồng Thành 10€. Đồng Thi 10€. Nguyễn Văn Hùng (CH. Séc) 20€. Phạm Bảo Tôn (Radebeul West) 20€. (Harburg): Nguyễn Ngọc Long 10€. Đỗ Thị Thảo 10€. (Pforzheim): Nguyễn Hữu Trí 50€ HHHL ĐH Nguyễn Văn Mưu. Trần Thị Ba 50€. Lưu Tú Phụng 20€. Lý Anh Kiệt (Künzelsau) 20€. Bạch Gina P. Quyên (Obernkirchen) 20€. (Münster): Bùi Tai Thin 25€. Trần Hữu Nghiệp 20€. Trần Tuyết Hồng 10€. Hồ Thị Thu Hà 20€. Bùi Hữu Thỏa (Stadthagen) 10€. Nguyễn Thị Hoa (Solingen) 20€. (Helmstedt): Trương Thị Lệ 20€. Diệu Lộc Huỳnh Thị Bé 20€. Nguyễn Thanh Ty (Recklinghausen) 50€. (Mönchengladbach): Thiện Kiến Hà Ngọc Quý 20€. Nguyễn Mỹ Huyền 20€. (Halle/S): Bích Lợi Kersten 20€. Trương Thị Thủy 10€. (Lehrte): Nguyễn Thị Thanh Bình 5€. Gđ. Nguyễn Văn Nhiệm & Loan 10€. Trần Thị Thanh Hương 10€. Nguyễn Đình Thăng 10€. Fam. Đoàn & Mai 5€. Thiện Thành Nguyễn Thị Tâm 20€. (Dortmund): Hồ Thị Hảo 10€. Nguyễn Thị Nhu 10€. Nguyễn Văn Đức & Nguyễn Thị Nha Trang (Bünde) 20€. Nguyễn Thị Lương (Castrop Rauxel) 10€. Đỗ Bích Trân & Hậu Hán Châu (Lübeck) 20€. (Garbsen): Nguyễn Thị Loan 5€. Hàn Hữu Trang 10€. Phạm Xuân Thế & Nguyễn Thị Thu Hiền 5€. Klie Lương Thị Hiến 10€. Lý Sang Ngan (Duisburg) 20€. (Göttingen): Đào Văn Tân 20€. Lê Việt Hai 20€. Mai Quang Tuyến 30€. Ngô Thị Minh Nguyệt 50€. Diệp Thị Muối 40€ HHHL Dương Văn Đơ & Dương Minh Thí. (Fulda): Ngọc Nga Kha 50€. Ngọc Hoa Kha & Zhou 50€. Diệp Võ 100€. Tôn Phát Kha & Quang Tâm 20€. Kha Hiền Thành 10€. (Bremervörde): Lý Ngọc Sơn 10€. Phạm Phương Xuân 20€. Cáp Trọng Dũng 20€. Trang Thị Phụng (Oberndorf) 30€. Trần Khi & Trần Ngọc Anh (Rotenburg/W) 20€. Fam. Trương Quốc Cường (Bremerhaven) 20€. Đặng Ngọc Thủy (Biurgdorf) 10€. (Freital): Nguyễn Thị Hà 20€. Bùi Minh Hoàng 15€. Fam. Nguyễn Cao Thăng 40€. (Dresden): Nguyễn Thị Thanh Thủy 10€. Lê Phạm Minh Tâm 20€. Nguyễn Kim Thoa 20€. Nguyễn Thị Lành 20€. Nguyễn Anh Thư 10€. Gđ. Nguyễn Viết Tiến 50€. Nguyễn Quang Việt & Nguyễn Thị Tuyết 10€. Nguyễn Xuân Toàn Thắng 10€. (Celle): Vũ Thị Minh Nguyên 5€. Trần Văn Hoàn 20€. Fam. Sáng Lâm 15€. Hứa Kinh Minh 10€. Huỳnh Thị Tư 10€. (Norden): Thanh Frevert 10€. Võ Ngọc Tuyết 30€. Huỳnh Tuyết Nga 10€. (Bonn): Trần Hồng Hoa 5€. Lê Văn Dũng 50€. Thiện Tấn Nguyễn Văn Thuận 10€. (Leinefeld): Lê Quang Phán 10€. Lê Văn Đông 10€. (Staßfurt): Nguyễn Thị Phương Anh & Nguyễn Quốc Huy 10€. Đỗ Thị Dung 10€. Đỗ Thị Dung 10€. Nguyễn Thị Phương Anh 20€. Nguyễn Lệ Hoa (Bad Rothenfeld) 5€. (Hohenstein/ Ernsthal): Phạm Đình Hải & Nguyễn Thị Hồng Lam 20€. Phạm Thị Hoa 20€. (Chemnitz): Vũ Minh Nghĩa 20€. Phạm Thị Hiệp 20€. Phùng Nguyên Hóa 100€ + 20 hộp nến. Tăng Vũ Hùng 10€. Nguyễn Thị Lan Phương 20€. (Schwerin): Đặng Thị Thanh Xuân 20€. Nguyễn Huyền Nhung 20€. Nông Văn Thời 20€. Trương Thịnh Bình 20€. Phạm Thị Bích Nhàn 10€. Bùi Quang Thủy 10€. Phạm Thị Ngát 10€. (Bischofswerda): Nguyễn Thị Hồng 30€. Phạm Trọng Cang (Hammelburg) 20€. Nguyễn Thị Hà (Halbstadt) 20€. (Erfurt): Hoàng Tuấn Khải 10€. Nguyễn Thị Hoài Bắc 5€. Minh Phẩm (Obertshausen) 50€. Gđ. Vũ Hữu Chinh (Hessisch-Oldendorf) 10€. Vũ Thị Minh Thúy (Hessisch Oldendorf) 5€. (Apolda): Nguyễn Thúy Dương 15€. Trần Thọ Tuấn 15€. (Bad Arolsen): Fam. Hoàng 10€. Linh & Hằng 20€. (Gütersloh): Phùng Thị Bích Thủy 5€. Lâm Thị Ngọc Thảo 20€. (Jena): Lê An Tuyên 20€. Trần Thị Lâm 40€. Trần Thị Luyến 50€. Nguyễn Thanh Hằng 10€. Nguyễn Sỹ Phương 20€. Đặng Vân Anh 20€. Đỗ Thị Thương & Nguyễn Minh Phương 10€. Liên Đức 20€. Đậu Thị Phương 20€. Lê Thị Sáu (Weimar) 30€. (Magdeburg): Nguyễn Thị Thanh Trà 20€. Nguyễn Thị Kim Thanh 10€. Hoàng Thanh Hải 20€. Ngô Xuân Duyên 50€. Chu Thanh Hương 20€. Gđ. Lê Đức Đoan 20€. Đồng Phước Mai Thị Liên Nhâm 50€. Gđ. Hứa Trường Hưng (Edewecht) 20€. Fam. Tu Le (Hofheim) 20€. (Delmenhorst): Fam. Wong 20€. Khương Văn Tuyên 20€. Trịnh Tô Điểm (Burgdorf) 5€. Hoàng Thị Xuân (Artern) 20€. (Einbeck): Vũ Thị Tuyết Vân 20€. Phạm Minh Trang 10€. Vũ Như Tâm (Sanghausen) 10€. (Buxtehude): Nguyễn Thị Viên 20€. Phạm Hùng Cường 40€. Tang Kai Ming (Wedemark) 50€. (Münchenn): La Thiện Hữu 20€. Trần Thu Hương 10€. Nguyễn Văn Phong 10€. Quách Quê Hương 20€. Nguyễn (Springe) 20€. Đào Thị Tinh (Bad Zwischenah) 10€. Mạc Hồng Giang (Verden) 20€. Lê Thị Hải Yến (Bad Salzdetfurth) 15€. Nguyễn Thị Thủy (Hötzum) 20€. Lê Thị Thủy Ngân & Hồ Ngọc Phụng (Danmark & Norge) 10€. Nguyễn Đức Dương (Barsinghausen) 20€. Giang Thị Phương Hoa (Bad Lauterberg) 20€. Nguyễn Thị Kim Lan (Hexerode) 30€. Ngoan Könze (Heßdorf) 20€. Nguyễn Thị Nga (Barntrup) 50€. (Goslar): Lê Ngọc Thắng 20€. Nguyễn Mỹ Hoa 20€. Nguyễn Tiến Đức & Nguyễn Minh Giang (Köln-Mülheim) 20€. (Seelze): Nguyễn Văn Đống 10€. Trần Văn Sáng 10€. Vũ Quang Tú 50€. Hoàng Văn Hải & Nguyễn Thị Loan (Rotenburg) 10€. Nguyễn Văn Lý (Tennenbronn) 50€. (Schöningen): Chu Thị Hiền 10€. Hiên Nather (Chu Thị Hiền) 50€. Bế Ngọc Mai & Anh Minh (Nordwalde) 5€. (Wernigerode): Nguyễn Văn Học & Phan Thị Lan 20€. Phạm Quang Đức 20€. Lê Công Viện 50€. Cao Thị Ngọc Dung (Höxter) 20€. Đinh Thị Hai (Königslutter) 10€. (Meissen): Nguyễn Châu Lan 5€. Nguyễn Chi Lan 10€. Nguyễn Thị Minh Nguyệt (Kröpelin) 20€. (Eisenach): Nguyễn Vân Anh 20€. Phạm Vũ Thị Đức 10€. Lê Đức Quang (Eglen) 5€. (Ulzen): Nguyễn Thị Mai Hoa 20€. (Wismar): Nguyễn Thị Thanh Thủy 20€. Nguyễn Như Vinh & Đỗ Phương Nga 30€. (Ludwigshafen): Cao Thanh Hoàn & Nguyễn Thị Diệp 10€. Nguyễn Minh Phúc & Nguyễn Thị Bảy 20€. Phạm Văn Long & Cao Thị Chung 10€. Phạm Minh Thu 10€. Hoàng Thị Sen 20€. Bành Vinh Hoa 40€. Đàm Thị Hương (Hermsdorf) 10€. (Papenburg): Cao Văn Nhân 20€. Gđ. Bùi Đức Dũng 10€. Tâm Hiệp (Ahlten) 10€. Nguyễn Thị Thanh Thủy (Uslar) 50€. Schaefer Vu (Edemise - Peine) 10€. Thiện Trì & Phương Hải (Paderborn) 20€. Tô Thị Bích Hà - An Hỷ (Gera) 100€. (Nürnberg): Quang Loan & Nhật Nhân 20€. Le Seidel 5€. Thiện Thọ Thái Quang Trường 20€. Huỳnh Hoàng Vân 50€. Trương Thị Bình (Stuhr) 20€. Olga & Viktor (Kaar) 5€. Nguyễn Duy Hải (Frankfurt/M) 10€. (Oschatz): Hoàng Thị Phương 30€. Huỳnh Thị Ngọc Ánh 30€. Lê Thị Nhiên (Mülheim/a.d.Ruhr) 10€. (Thale): Nguyễn Đắc Nghiệp & Nguyễn Thị Bình 10€. Gđ. Chu Thị Minh Khánh 30€. Trần Xuân Hòa (Flöha) 50€. Thân Thị Hồng Thắm (Berne) 40€. Nguyễn

Ngọc Linh (Franfurt) 30€. Hồ Thị Hải Hiền (Fürsterwalde) 10€. Phạm Bích Ngọc (Westerholt) 5€. Nguyễn Thị Kim Oanh (Burgwedel) 10€. Nguyễn Trung Đàng (Radebeul) 30€. Phạm Thị Thúy (Rostock) 50€. Nguyễn Tuấn Đức & Trần Thị Thắng (Heusenstamm) 10€. (Pirna): Nguyễn Thanh Minh 10€. Nguyễn Thị Minh Hồng 20€. Nguyễn Thị Thanh Hiếu 20€. Võ Trần Cương (Egeln) 5€. Nguyễn Thị Vân (Götha) 20€. Gđ. Đinh Uyên (Eisenberg) 50€. Nguyễn Thị Thanh Hoa (Niebüll) 20€. Trần Thị Thúy Tiếp (Sondershausen) 30€. Ngô Thị Hồng & Huỳnh Kim Trang (Döbeln) 50€. (Ronnenberg): Trần Cao Lệ Sương 40€. Tuấn & Vân (Nürmberg) 20€. Lê Thị Nguyên (Gardelegen) 5€. (Mannheim): Nguyễn Danh Thắng 15€. Dương Phan Thị Tuyết Nhung 50€. Nguyễn Tấn Lộc (Detmold) 30€. Nguyễn Thị Huê (Eschenburg) 10€. Trịnh Văn Hi (Idar Oberstein) 25€. (Schweiz): Phan Thị Thời 80€. Nguyễn Thanh Trúc 14€. Lâm Hồng Kiên & Lâm Mỹ Hà 80€. Lê Thị Son 36€. Đỗ Khắc Hùng 40€. Huệ Oanh Đỗ Thị Kim Loan 10€. Nguyễn Thị Mai Khuê (Naunburg) 30€. (Frankfurt): Dương Thị Mỹ 30€. Ngô Thị Thắng 50€. Diệu Quế Dương Xuân Lang 20€. Trần Tú Anh 50€ HH cho chúng sanh. Nguyễn Muốn 20€. Diệu Ngọc & Quảng Tâm (Karlsbach) 20€. Phạm Chí Huy (Erftsadt Liblar) 5€. Frau Lam-San Staab (Neuenkirchen) 20€. Mme Phạm Ngọc Đảnh (Bruchköbel) 30€. Đặng Ban Mai (Rastede) 10€. Phan Văn Tân (Konz) 15€. Nguyễn Thị Chiêu (Neuss) 20€. (Bad Iburg): Lý Hương 20€. Phạm Muội Pd Ngọc Vân 30€. Đặng Giang Toàn (Ostfildern) 10€. Tô Khải Đức (Schweinfurt) 20€. Vũ Hồng Minh (Norderney) 20€. Vũ Thị Hiền (Renningen) 50€ HHHL thân nhân quá vãng. Nguyễn Văn Hùng (Offenbach) 15€. Thiện Tỉnh Ngô Quế Chấn (Dachau) 20€. Nguyễn Hùng Anh (Ibbenbüren) 20€. Nguyễn Thị Bích Ngọc (Sandberg Langenleiten) 20€. Nguyễn Thị Phượng (Gutach) 15€. Fam. Trần & Bùi (Schramberg) 10€. (Bochum): Thàm Chu Hải Thanh 20€. Nguyễn Văn Ninh 5€. Nguyễn Thị Viễn Phương (Kruft) 50€. Ong Việt Hằng (Mainz) 30€. Triệu Cẩm Nguyên (Haßloch) 40€. Triệu Tố Anh (Canada) 20€. Hứa Thị Phúc (Gerolstein) 15€. Đồng Tụy Nguyễn Văn Cúc (Steinbach) 50€. Vương Khắc Vũ (Borkum) 50€. Ngọc Tâm Tạ Thị Hường (Westerstede) 10€. Đào Văn Dương (Heidenheim) 30€. (Nienburg): Vũ Trọng Thử 20€. Nguyễn Thị Kim Hồng 50€. Nguyễn Thị Lan Phương (Hof/Saale) 10€. Thiện Giáo Hồ Thị Ý (Wallerfangen) 50€. Đức Thiện Lê Văn Hải (Erding) 50€. Lannes Jacques (France) 20€. Diệu Đài Huỳnh Thị Kiều Liên (Taufkirchen /München) 20€. Đặng Thị Hải Vân (Ulm) 5€. Phạm Thị Ngừng (Bitburg) 30€. Kiều Công Thái (Gärtringen) 10€. Vũ Như Tâm (Sangerhausen) 20€. Nguyễn Thị Thế Phượng (Hof) 10€. Quang Tính Quách Kim Trinh (Konstanz) 20€. Gđ. Nguyễn Khắc Hiếu (Timmendorfer Strand) 150€. Nguyễn Gia Vinh (Frankental) 5€. Trương Triệu Bắc (Albstadt) 20€. Hứa A Tri (Schorsten) 30€. Trần Ngọc Xuân & Trần Xuân An (Minderlittgen) 30€. Trương Kim Nam (Hachenburg) 20€. Gia An Quan (Erkrath) 10€. Chiêm Liên (Alfter) 30€. Trần Thị Hồng (Seevetal) 50€. Lê Hoàng Dễ (Asbach) 30€. Huệ Thanh Hồng Chương Kim (Löningen) 20€. Thiện Huệ Nguyễn Thị Như Mai (Dorsten) 50€. Diệu An Trần Thị Nhuần (Esens) 20€. (Finland): Trần Thị Thoanh Loan & Nguyễn Thị Vân Việt 20€. Nguyễn Thị Thanh Quang 20€. Trần Kim Vui (Taufkirchen) 20€. Đặng Đình Thủy (Sonneberg) 50€. Đồng Phẩm Nguyễn Văn Chín (Vallenndar) 20€. Diệp Thị Son (Aalen) 40€. Thiện Hồng Trần Xuân Lan (Coesfeld) 30€. Lan Siegmund (Warthausen) 15€. Hoa Minh Võ Thị Kim Chi (Alsdorf) 50€. Đỗ Thị Hồng An (Stralsund) 20€. (Sweden): Vạn Đệ Nguy Huệ Lang 21,41€. Huỳnh Thiện Mỹ 21,41€. Nguyễn Thị Kim Chi (Market Schwaben) 50€. Nguyễn Ngọc Hưng (Schweiz/Lausanne) 50€. Lê Văn Hiền (Arnstadt) 50€. Lê Lệ Nhàn (Mülacker) 20€. Nguyễn Thị Diệp Thanh (Cschorndorf) 20€. Trần Thị Duyên & Trần Hữu Văn (Erftstadt-Liblar) 20€. Nguyễn Văn Hiệp & Nguyễn Thị Viễn (Eilsleben) 20€. Đồng Thành Dương Minh Chí (Adelbsen Barterode) 50€. (Remscheid): Võ Thị Ngân & Nguyễn Thanh Danh 20€. Nguyễn Việt Thịnh 10€. Nguyễn Việt Sử 5€. Nguyễn Quang Chánh & Nguyễn Thanh Thủy (Neumünster) 50€. Hoàng Ngọc Lệ (Gießen) 50€. Nguyễn Thị Thanh Hương (Emmendingen) 20€.- Ẩn danh (Ottweiler) 35€. Vũ Cao Thị Yến (Karlsruhe) 30€. Trần Hữu Lượng 50€.

Ngày..... tháng ..... năm 201 .....

Phiếu ủng hộ báo Viên Giác

Số hiệu độc giả (SH) (1) .....

Họ và tên : .....

Địa chỉ : .....

.....

.....

Điện thoại : .....

Số tiền : .....

Giấy chứng nhận khai thuế : Có ☐ Không ☐

Độc giả mới ☐ Độc giả cũ ☐

Nếu thay đổi địa chỉ nhận báo, xin ghi rõ địa chỉ cũ dưới đây :

.....

.....

.....

Chú ý : Khi chuyển tiền ủng hộ xin quý độc giả ghi rõ tên người nhận báo và Số hiệu độc giả (SH: ...) để chúng tôi dễ dàng điều chỉnh và đối chiếu với danh sách nhận báo.

Congr. d. Ver. Vietn. Buddh. Kirche e.V. (C.V.B.D.)

Konto Nr. : 870 1633 - BLZ 250 70024
Deutsche Bank Hannover

(Mỗi ngày ngân hàng báo một lần)

Định kỳ hàng tháng xây chùa Viên Giác

Khi chuyển tịnh tài cúng Chùa, xin quý vị vui lòng ghi nào nơi (Verwendungszweck = mục đích cho việc gì) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về chùa. Xin thành thật cám ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Dường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, quý vị đều có thể lấy Giấy Khai Thuế lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính Phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài về Chùa, xin chuyển vào Konto như sau:

1. Congr.d.Verein Vietn.Buddh. Kirche e.V.
Konto Nr. 870 1633
BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover
(Mỗi ngày ngân hàng báo một lần)

2. Pagode Vien Giac
Konto Nr. 870 3449
BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover
(Một tháng ngân hàng báo một lần)

Quý vị ở ngoài nước Đức xin chuyển vào Konto như sau:
3. Congr.d.Verein Vietn.Buddh.Kirche e.V
BIC: DEUTDEDBHAN
IBAN: DE 22 2507 0024 0870 1633 00
Deutsche Bank Hannover – Germany

Ngoài ra Tu Viện Viên Đức ở Ravensburg có số Konto như sau:

4. Tu Viện Viên Đức
Konto Nr. 111 30 20 68
BLZ 650 501 10
Kreissparkasse Ravensburg

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị hoan hỷ đóng góp phần mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tá

VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO
VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỴ NẠN
TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

CHỦ TRƯƠNG (HERAUSGEBER)
Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e. V.
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover - Deutschland

SÁNG LẬP CHỦ NHIỆM
Hòa Thượng Thích Như Điển

CHỦ BÚT
Phù Vân Nguyễn Hòa

QUẢN LÝ TÒA SOẠN
Thị Tâm Ngô Văn Phát

BAN BIÊN TẬP & CỘNG SỰ VIÊN

HT.Thích Như Điển - Trần Đan Hà - Quỳnh Hoa - Từ Hùng Trần Phong Lưu - Phan Ngọc - Hồng Nhiên - Thiện Căn Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm - Phù Vân - Trương Ngọc Thanh - Lê Ngọc Châu. Dr. Tôn Thất Hứa.

❁

Tùy Anh (Đức) - Người Giám Biên (Đức) - Đông Phương Mai Lý Cang (Pháp) - Trần Thị Hương Cau (Đức) - Trần Thị Nhật Hưng (Thụy Sĩ) - Lê Doãn Kim (Mỹ). Vi Vi Võ Hùng Kiệt (Mỹ) - Dr. Thái Văn Kiểm (Pháp) - Vũ Nam (Đức) - Lê Thị Bạch Nga (Canada) - Tuệ Nga (Hoa Kỳ) - Phan Hưng Nhơn (Đức) – Sư Huynh Hà Đậu Đồng (Đức) - Nhựt Trọng Trần Văn Minh (Đức) – Nguyên Hạnh HTD (Đức) – Hoa Lan (Đức) - Vân Nương LNC (Pháp) - TS. Lâm Như Tạng (Úc) - Đoàn Văn Thông (Hoa Kỳ) - Nguyễn Thùy (Pháp) - Trần Thế Thi (Đức) - Nguyễn Quý Đại (Đức) - Huỳnh Ngọc Nga (Ý) – Thi Thi Hồng Ngọc (Đức) – Cư sĩ Liễu Pháp (Hoa Kỳ)

KỸ THUẬT ẤN LOÁT (Layout)
Trung Tâm VHXHPGVNTN tại CHLB Đức

CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA (Mitwirkung von)
Hội Phật Tử VNTN tại Cộng Hòa Liên Bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TÒA SOẠN

Trung Tâm VHXHPGVNTN tại CHLB Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover
Tel. 0511 - 87 96 30 . Fax : 0511 - 87 90 963
Homepage: http://www.viengiac.de
E-mail : info@viengiac.de
E-mail : baoviengiac@viengiac.de
E-mail : phuvanpv@yahoo.de

VIEN GIAC erscheint 6 mal jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân bình thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.
- Những tư tưởng của tác giả được đăng và trích đăng trên báo Viên Giác không nhất thiết là lập trường của tờ báo và Ban Biên Tập. Tác giả chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung bài viết của mình.

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 870 16 33 - BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover

Ngoài nước Đức gửi qua trương mục
Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Bic : DEUTDEDBHAN
IBAN : DE 22 2507 0024 0870 1633 00
Deutsche Bank Hannover

Mục Lục — Trang

- Thư chúc Tết Chư Tôn Đức **1**
- Thư Tòa soạn **2**
- **Tôn giáo**
- Thế giới quan của Phật Pháp (Tỳ Kheo Thích Minh Chánh) **4**
- Phân Ưu Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Hộ Giác .. (Viên Giác) **6**
- Như vầy, tôi nghe – Avam me sutam(Nguyễnphúc Bửu-Tập) **8**
- Các khái niệm chủ yếu trong Phật Giáo (Hoang Phong dịch) **10**
- Vài ghi chú về pho tượng Phật… (Hoang Phong) **15**
- Vấn đề trợ tử và di chúc sinh thời (Cư sĩ Liễu Pháp) **18**
- Bước vào Thiền Minh Sát Niệm Xứ (Cư sĩ Liễu Pháp) **21**
- **Chủ đề về Rắn Quý Tỵ**
- Năm Rắn muốn biết tuổi thuận hạp khắc kỵ (Hàn Lâm NPT) **25**
- Lễ hội Halloween ma quỷ quanh ta (Nguyễn Thượng Chánh) **27**
- Long vỹ Xà đầu (Nhựt Trọng) **33**
- Tết đến Chùa lễ Phật (*Thơ: Nguyên Thọ Hà Ích*) **35**
- Ngày sinh của Rắn (Trần Phong Lưu) **36**
- Thầy Năm Rắn và vụ rắn báo oán (Song Thư TTH) **41**
- Thằng ăn trộm (Tiểu Tử) **43**
- Những mẩu chuyện Rắn Việt Nam (Võ Đức Trung) **46**
- Rắn trong đời sống và Khoa Học (Nguyễn Quý Đại) **56**
- **Văn Học Nghệ Thuật - Xuân**
- Khái niệm về sự phát triển của tiếng Việt (Phan Hưng Nhơn) **60**
- Người Việt Nam ngày xưa và „Ông Trời" (Phan Hưng Nhơn) **61**
- Đôi nét về Hàn Mặc Tử 1912 - 1940 (Tường Lam) **63**
- Môi trường và phát triển bền vững (Thái Công Tụng) **67**
- Chiếc lá lìa cành (HT.Thích Như Điển) **73**
- Câu chuyện dòng sông (Phùng Khánh và Phùng Thăng dịch) **76**
- Cảm nhận những niềm hạnh phúc của tôi (Thích Như Tú) **81**
- Một cảnh chùa, vạn tấm lòng (Phù Vân tường thuật) **85**
- Từ cảnh giới Cực Lạc đến xứ Phù Tang (Hoa Lan tường thuật) **89**
- Đầu năm nói chuyện Ngũ Thập Nhi (Giang Phúc Đông Sơn) **92**
- Tấm hình cũ (Đỗ Trường) **95**
- Người bạn không quên (Cư sĩ Đông Phương Mai Lý Cang) **99**
- Kỷ niệm 25 năm Gia Đình Phật Tử Tâm Minh … **104**
- **Chính trị**
- Vaclaw Havel- Sự thật tình yêu chiến thắng…(Lương Nguyễn) **109**
- Kể chuyện Hoàng Sa (Nguyễn Hữu Lễ) **113**
- Lạc Mùa (*Thơ: Mạc Phương Đình*) **116**
- Những điều cần biết về chế độ lưỡng đảng (Nguyễn đh.Tuyến) **117**
- VNCH nạn nhân của chính sách … (Đặng Chí Binh) **123**
- Chiến tranh VN trong toàn cảnh chính trị … (Trần Gia Phụng) **131**
- **Điểm Sách**
- Dưới Bóng Đa Chùa Viên Giác của HT. Thích Như Điển và Trần Trung Đạo… (Trần Thị Hương Cau) **137**
- Đọc „Cảnh đấy người đây" và „Dòng Đời Xuôi Ngược" của Thôi Hiên và Võ Phước Hiếu (Trần Đan Hà) **140**
- **Giới thiệu sách mới xuất bản** (Phù Vân phụ trách) **144**
- **Câu chuyện Y Dược**
- Phòng chống chứng đột quỵ (Quỳnh Hoa) **147**
- **Tin Phật Sự** (Nhựt Trọng phụ trách) **149**
- **Tin Sinh Hoạt Cộng Đồng** (Viên Giác) **152**
- **Tin Nước Đức** (Lê Ngọc Châu phụ trách) **156**
- Ta cảm ơn ta đã có em (*Thơ: Trần Ngân Tiêu*) **160**
- **Tin Việt Nam** (Quảng Trực phụ trách) **161**
- **Tin Thế Giới** (Phan Ngọc phụ trách) **165**
- **Chúc Mừng (tr. 108, 155) – Phân Ưu (tr. 6, 98,110, 173 – Cáo phó Cảm tạ (tr. 66, 172) - Thông báo (tr. 59, 146). Nhắn Tin (tr. 155).**
- **Định kỳ hàng tháng năm 2012** **173**
- **Hộp thư Viên giác - Phương danh cúng dường** **174**

- **Hình bìa:** Hoa đào ngày Tết của (Sơn Nguyễn)

• **Cáo lỗi** : Vì số trang báo có giới hạn nên các bài của quý văn thi hữu gửi đến và mục phương danh cúng dường không thể đăng hết trong kỳ nầy được. Chúng tôi sẽ lần lượt tiếp tục đăng trong các kỳ báo tới. Xin thành thật cáo lỗi cùng quý vị.

• Báo Viên Giác

THANH-HOA
Foodservice GmbH

Ihr Partner für asiatische Lebensmittel
成和商场　亚洲食品工艺品零售批发公司
Thành-Hòa　Công ty thực phẩm á châu bán sĩ
บริษัทธันวารับจำหน่ายสินค้าและผลิตภัณฑ์จากเอเชีย

Glückskekse

Versand:
- Kostenlos
- ab 3 Karton + 1 Karton gratis
- schnelle Lieferung via DPD

龍王
DRAGON KING

Wallersheimer Weg 42
56070 Koblenz
www.thanh.hoa.de

Tel.: +49 (0)261 9889916-0
Fax: +49 (0)261 9828895
info@thanh-hoa.de

8428-190195 OK